

TIÊU TẠNG THANH VĂN

TẶNG NHẤT A-HÀM

II



THÍCH ĐỨC THẮNG *dịch*

TUỆ SỸ *hiệu chính và chú thích*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

MỤC LỤC – TẬP II

Sáu Pháp

Phẩm 37: Lục chủng

Phẩm 38: Sức lực

Bảy Pháp

Phẩm 39: Đăng pháp

Phẩm 40: Thất nhật

Phẩm 41: Mạc úy

Tám Pháp

Phẩm 42: Bát nạn

Phẩm 43: Mã huyết Thiên tử vấn bát chính

Chín Pháp

Phẩm 44: Cửu chúng sanh cư

Phẩm 45: Mã vương

Mười Pháp

Phẩm 46: Kết cảm

Phẩm 47: Thiện ác

Phẩm 48: Thập bát thiện

Mười Một Pháp

Phẩm 49: Phóng ngư

Phẩm 50: Lễ tam bảo

Phẩm 51: Phi thường

Phẩm 52: Đại Ái Đạo Bát-niết-bàn



SÁU PHÁP

37. PHẨM SÁU TRỌNG PHÁP

KINH SỐ 1

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy suy niệm sáu trọng pháp,¹ kính trọng, tôn trọng, và ghi nhớ mãi ở trong tâm không cho quên mất.² Sao gọi là sáu? Ở đây, Tỳ-kheo thân hành niệm từ,³ như soi gương thấy hình mình, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, được các thứ lợi lộc đúng pháp thì nên chia cho các phạm hạnh cùng hưởng, không tưởng tiếc rẻ; pháp này đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Lại nữa, có các giới cấm không hủ, không bại, cực kỳ hoàn hảo, không sút, không thủng, được bậc trí quý trọng, lại muốn đem giới này được phân bố cho người khác cũng đồng một vị; pháp này đáng kính, đáng quý không để quên mất.

¹ Lục trọng pháp 六重法, thường nói là sáu pháp hòa kính, hay sáu pháp khả hỷ. Xem *Trung 52*, kinh 196 Châu-na (T1n26, tr. 755b21): sáu pháp ủy lạo 六慰勞法. Pāli, M 104 Sāmagāmasutta (R. iii. 250): *cha sārāṇīya-dhammā*.

² Pāli, *ibid.*, *chayime dhammā sārāṇīyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya saṃvattanti*, có sáu pháp khả niệm này, tác thành thân ái, tôn trọng, đưa đến nhiếp thủ, không tranh cãi, hòa hiệp, nhất trí.

³ Pāli, *ibid.*, *mettaṃ kāyakammaṃ paccupaṭṭhitam hoti sabrahmacārīsu āvi ceva raho ca*, biểu hiện thân nghiệp từ ái đối với đồng phạm hạnh, trước công chúng cũng như nơi kín đáo.

“Lại nữa, chánh kiến của Hiền Thánh dẫn đến xuất yếu; có kiến giải như vậy, và muốn các vị phạm hạnh đồng tu cùng đồng pháp này, cũng đáng kính, đáng quý, không để quên mất.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu trọng pháp này, đáng kính, đáng quý, không để quên mất. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xuyên tu tập các hành vi của thân, miệng, ý; nếu được các thứ lợi dưỡng, cũng nên nghĩ phân đều cho nhau, chớ khởi tưởng tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt⁴ cùng chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Các vị ấy đều là La-hán, tam minh⁵, lục thông, thần túc tự [709a01] tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng mà cọng sen được làm bằng bảy báu. Năm trăm Tỳ-kheo đều ngồi trên hoa sen báu. Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên.

Sau khi quan sát hết Thánh chúng rồi, Long vương bạch Thế Tôn:

“Nay con thấy trong chúng này, trống, thiếu, không đủ, vì không có tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo mời tôn giả Xá-lợi-phất đến.”

⁴ A-nậu-đạt tuyền 阿耨達泉. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 116c6). Pāli: Anotatta.

⁵ Nguyên Hán: tam đạt 三達, thường nói là tam minh. Pāli: *tevijjā*.

⁶ A-nậu-đạt Long vương 阿耨達龍王. Xem *Trường 18*, kinh Thế ký (T1n1, tr. 117a1).

Lúc ấy, Xá-lợi-phát đang ngồi vá y cũ tại tinh xá Kỳ-hoàn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo tôn giả Mục-liên:

“Thầy đến chỗ Xá-lợi-phát bảo Xá-lợi-phát rằng: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, Tôn giả Mục-liên đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phát tại tinh xá Kỳ-hoàn, và nói với Xá-lợi-phát, Như Lai dạy: ‘Long vương A-nậu-đạt muốn tương kiến.’

Xá-lợi-phát đáp:

“Thầy hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Mục-liên đáp:

“Hết thầy Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt mong đợi tôn nhan, muốn được tương kiến, xin hãy đi ngay, đừng có chậm trễ.”

Xá-lợi-phát đáp:

“Thầy hãy đến đó trước. Tôi sẽ đến sau.”

Lúc ấy, Mục-liên lại nói lại:

“Thế nào, Xá-lợi-phát, trong thần túc, có thể hơn được tôi sao, mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu Thầy không đứng dậy ngay thì tôi sẽ nắm cánh tay kéo đến suối ấy.”

Lúc ấy, Xá-lợi-phát nghĩ thầm: ‘Mục-liên đang tìm cách đùa thử ta vậy!’

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phát cởi dây đai kiết-chi⁷ đặt xuống đất, nói với Mục-liên:

“Nếu thần túc của Thầy là đệ nhất, thử cất giải y này lên khỏi mặt đất, sau đó hãy nắm cánh tay tôi dẫn đến ao A-nậu-đạt.”

⁷ Kiết-chi-đái 羯支帶; tức tăng-kiết-chi 羯支, dịch là phú kiên y; giải y phủ vai. Pāli: *saṃkacchika*.

Mục-liên nghĩ thầm:

“Xá-lợi-phất định đùa với ta nên muốn thử chẳng? Nay ông ấy đã cỡi dây đai đặt trên đất bảo ta nếu cất lên được, sau đó nắm cánh tay dẫn đi.”

Mục-liên lại nghĩ: ‘Đây ắt có nguyên nhân, nếu không, chẳng việc gì phải khổ nhọc.’ Lập tức, Tôn giả duỗi tay lấy sợi đai nâng lên, nhưng không thể khiến dây đai nhúc nhích mảy may nào. Mục-liên dùng hết sức của mình, vẫn không di chuyển đai này, không thể làm lay động được. Rồi Xá-lợi-phất lấy đai ấy buộc chặt vào cành cây [709c01] diêm-phù. Tôn giả Mục-liên lại dùng hết thần lực của mình muốn nâng dây này, nhưng không thể làm nó lay động, rốt cuộc không thể làm di chuyển được. Đang lúc nâng đai này lên, đất Diêm-phù chấn động.

Xá-lợi-phất nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể khiến Diêm-phù-đề này rung động, huống chi dây đai này. Nay ta nên đem đai này buộc chặt vào hai thiên hạ.’ Bấy giờ, Mục-liên cũng lại nâng nó. Buộc vào ba thiên hạ cho đến bốn thiên hạ cũng có thể nâng lên như nâng chiếc y mỏng.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: ‘Tỳ-kheo Mục-liên có thể nâng bốn thiên hạ, cũng không đáng để nói. Nay ta phải đem đai này buộc chặt vào lưng núi Tu-di.’ Mục-liên lại làm lay động núi Tu-di này và cung Tứ thiên vương, cung trời Tam thập tam. Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai ấy vào một ngàn thế giới. Mục-liên cũng làm cho lay động.

Xá-lợi-phất lại buộc chặt đai này vào hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, cũng lại lay động. Khi ấy, trời đất chấn động mạnh, chỉ có chỗ Như Lai ở ao A-nậu-đạt là không lay động, giống như người lực sĩ đùa với lá cây, không nghi nan.”

Bấy giờ, Long vương bạch Thế Tôn :

“Vi sao trời đất này nay chấn động dữ vậy?”

Thế Tôn nói hết duyên gốc này cho Long vương.

Long vương bạch Phật:

“Hai vị ấy, thần lực của ai là hơn hết?”

Thế Tôn bảo:

“Thần lực Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là hơn hết.”

Long vương bạch Phật:

“Trước đây Thế Tôn đã từng xác nhận, thần túc của Tỳ-kheo Mục-liên là bậc nhất, không ai vượt hơn được.”

Thế Tôn đáp:

“Long vương nên biết, có bốn thần túc. Sao gọi là bốn? Là tự tại tam-muội thần lực, tinh tấn tam-muội thần lực, tâm tam-muội thần lực, giới tam-muội thần lực.⁸ Nay Long vương, đó gọi là có bốn thần túc lực này. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào có bốn thần túc này, thường xuyên tu hành không hề buông bỏ, đó là thần lực bậc nhất.”

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

“Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn thần túc ấy sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn thần túc lực này và thường xuyên tu hành không hề buông bỏ. Tỳ-kheo Mục-liên muốn giữ thọ mạng đến một kiếp, cũng có thể làm được. Nhưng Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên của tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập.”

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ thầm: “Ba ngàn đại thiên quốc độ, Mục-liên [709c01] đều có thể di chuyển, làm cho vô số côn trùng bị chết, không tính hết. Nhưng tự thân ta nghe chỗ ngồi của Như Lai không thể lay động được. Nay ta có thể dùng đai này buộc chặt vào chỗ ngồi của Như Lai.” Mục-liên lại dùng thần túc nâng dây đai ấy nhưng không thể làm lay động. Mục-liên nghĩ thầm như vậy: “Chẳng lẽ thần túc ta bị sút giảm rồi sao? Nay nâng đai này mà không thể làm nó lay động. Ta hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này.”

⁸ Chi tiết, xem kinh số 8 phẩm 29 trên.

Mục-liên sau khi buông đai này, liền dùng thần túc đi đến chỗ Thế Tôn. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất đã ngồi ở trước Như Lai. Thấy vậy, Mục-liên lại nghĩ thầm: “Đệ tử của Thế Tôn, thần túc bậc nhất không ai vượt qua ta. Nhưng ta không bằng Xá-lợi-phất sao?”

Bấy giờ, Mục-liên bạch Phật:

“Không lẽ với thần túc, con đã có sự sút giảm chăng? Vì sao vậy? Vì con rời khỏi tinh xá Kỳ-hoàn trước Xá-lợi-phất, sau đó Xá-lợi-phất mới đi. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã ngồi trước Như Lai.”

Phật bảo:

“Thần túc của người không hề giảm sút, nhưng người không thể hiểu được thần túc tam-muội mà Xá-lợi-phất đã nhập. Vì sao vậy? Vì trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất vô lượng, tâm được tự tại. Người không được tùy tâm bằng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất đã được tự tại nơi tâm thần túc. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nghĩ đến pháp gì, tâm được tự tại đối với pháp ấy.” Đại Mục-liên ngáy lúc đó im lặng.

Long vương A-nậu-đạt vui mừng hớn hở, không tự chế được, vì nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có rất nhiều thần lực không thể nghĩ bàn. Những tam-muội mà ngài nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không thể biết tên được.

Bấy giờ, Thế Tôn vì Long vương A-nậu-đạt thuyết pháp vi diệu, khích lệ, làm Long vương hoan hỷ. Ngay tại đó Thế Tôn thuyết giới. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Từ miệng Thế Tôn đã ký thuyết, người có thần thông bậc nhất trong các Thanh văn chính là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng ngày nay không bằng Xá-lợi-phất.”

Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi tưởng khinh mạn đối Mục-liên. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ thầm: ‘Các Tỳ-kheo này khởi tưởng khinh

mạng đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể hết.’ Phật bảo Mục-liên:

“Hãy hiện thần lực của ngươi khiến cho chúng này thấy, chớ để cho đại chúng khởi tưởng biếng nhác.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lễ sát chân Thế Tôn, rồi ngay ở trước Như Lai mà biến mất, đi qua [710a01] bảy hằng hà sa cõi Phật phương Đông. Ở đó, có Phật tên Kỳ Quang Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác xuất hiện ở cõi ấy. Mục-liên đến cõi ấy với y phục phàm thường, rồi ở đó đi quanh trên miệng bát. Nhân dân ở cõi ấy có hình thể rất lớn. Khi các Tỳ-kheo ở đó thấy Mục-liên, nói với nhau:

“Các thầy hãy nhìn xem, con sâu này giống y như Sa-môn.”

Các Tỳ-kheo bắt xuống cho Phật ấy xem:

“Bạch Thế Tôn, nay có một con sâu giống y như Sa-môn.”

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

“Cách đây bảy hằng hà sa quốc độ thế giới kia về phương Tây, có Phật hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử vị ấy, thần túc bậc nhất.”

Bấy giờ, đức Phật kia bảo Mục-liên:

“Các Tỳ-kheo này nảy ý tưởng khinh mạn. Ngươi hãy hiện thần túc cho đại chúng được thấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên vâng lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo kia đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy, Mục-liên dùng chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt trời Phạm thiên, rồi nói kệ này:

*Thường hãy niệm tinh cần,
Tu hành trong pháp Phật.*

*Hàng phục Ma, oán địch,
Như dùng móc dạy voi.*⁹

*Nếu ai nơi pháp này
Thực hành không phóng dật,
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Không còn các bức nã.*¹⁰

Bấy giờ, Mục-liên làm cho âm vang này tràn đầy khắp tinh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo khi nghe âm thanh này, đến bạch Thế Tôn:

“Mục-liên đang ở nơi nào mà nói bài kệ này?”

Thế Tôn đáp:

“Tỳ-kheo Mục-liên đang ở cách đây bảy hằng hà sa côi Phật về phương Đông, đứng năm trăm Tỳ-kheo trong bình bát, chân trái dẫm lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên mà nói bài kệ này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo tán thán:

“Thật là việc chưa từng có, thật là kỳ diệu! Tỳ-kheo Mục-liên có thần túc lớn như vậy mà đối với Mục-liên chúng con khởi ý khinh mạn. Xin Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo ấy trở về chôn này.”

Thế Tôn hiện từ xa đạo lực cho Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn đem năm trăm Tỳ-kheo trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho hàng nghìn vạn chúng. **[710a28]** Đại Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử của Phật Thích-ca Văn ngược lên nhìn các Tỳ-kheo ấy. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo ấy:

⁹ Pāli, ibid. *dhunātha maccuno senaṃ, naḷāgāraṃva kuñjaro*, các người hãy quét sạch quân Ma, như voi đẹp nhà lá.

¹⁰ Bài kệ, xem Pāli, S 6. 2.4 **Aruṇavatī** (R. i. 156).

“Các vị từ đâu đến và là đệ tử của ai, đi đường mất bao lâu?”

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Vãn:

“Thế giới chúng con hiện ở phương Đông. Phật hiệu là Kỳ Quang Như Lai. Chúng con là đệ tử của Phật ấy. Nhưng hôm nay chúng con lại cũng không biết là từ đâu đến và đã trải bao nhiêu ngày!”

Thế Tôn hỏi:

“Các ông có biết thế giới Phật không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Hôm nay các vị có muốn về lại nơi ấy không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn trở về lại nơi ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

“Hôm nay, Ta sẽ vì các vị nói về pháp sáu giới, hãy suy niệm kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Vì sao pháp ấy được gọi là pháp sáu giới? Tỳ-kheo nên biết, con người là sáu giới,¹¹ thụ bẩm tinh khí của cha mẹ mà sanh ra. Sao gọi là sáu? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.¹² Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu

¹¹ Lục giới chi nhân 六界之法. Cf. Pāli, M. 140 Dhātuvibhaṅga (R.iii. 239): *chadhāturo ayam, bhikkhu, puriso chaphassāyatano aṭṭhārasamanopavicāro caturādhittāno*, “Này các Tỳ-kheo, con người này là sáu giới này; là sáu xúc xú, mười sáu ý cận hành, bốn trú xú.”

¹² Pāli, *ibid.*, *chayimā dhātuyo— pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu.*

giới này. Thân người thụ bầm tinh khí này mà sanh sáu xứ¹³. Sao gọi là sáu xứ? Đó là xứ của mắt, xứ của tai, xứ của mũi, xứ của lưỡi, xứ của thân và xứ của ý. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu xứ này, nhờ cha mẹ mà có được. Y nơi sáu xứ mà có sáu thức thân. Sao gọi là sáu? Y nơi thức của mắt mà có thức thân của mắt thân. Y nơi thức của tai, thức của mũi, thức của lưỡi, thức của thân, thức của ý mà có thức thân của ý.¹⁴ Nay Tỳ-kheo, đó gọi là sáu thức thân. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu sáu giới, sáu xứ, sáu thức này, có thể vượt qua sáu cõi trời mà thọ hình trở lại.¹⁵ Nếu ở nơi ấy mạng chung sẽ sanh vào chốn này, thông minh tài cao, ngay trên hiện thân dứt sạch kết sử, đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Nay ngươi hãy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật ấy.”

Mục-liên đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Mục-liên lại lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ấy, nhiều Phật ba vòng rồi lui đi, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay đã đến cõi Phật ấy. Mục-liên đặt các Tỳ-kheo này xuống xong, đánh lễ sát chân Phật ấy, rồi trở về thế giới Nhẫn này¹⁶. Các Tỳ-kheo cõi kia sau khi nghe sáu giới này đều dứt sạch cấu uế, được mắt pháp [710c01] trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo,

“Trong các đệ tử của ta, Thanh văn có thần thông bậc nhất khó ai bì kịp, chính là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên.”

¹³ Lục nhập 六入, sáu xứ. Pāli: *cha āyatanāni*.

¹⁴ Lục thức thân 六識身, Pāli, *cha viññāṅkāyā*.

¹⁵ Vượt qua sáu Dục giới thiên, tái sinh Sắc giới.

¹⁶ Nhẫn giới 忍界, thế giới Kham nhẫn, tức thế giới Ta (Sa)-bà. Skt. Sahalokadhātu.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Sư tử,¹⁷ nước Bạt-kỳ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đức cao có thần túc¹⁸, như hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ly-việt, A-nan, v.v..., gồm năm trăm người đều có mặt.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đại Mục-liên, Đại Ca-diếp, A-nalạt, đi đến chỗ Xá-lợi-phất. A-nan trông thấy ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất, liền bảo Ly-việt:

“Ba đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi-phất. Hai chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Để nghe Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu.”

Ly-việt đáp:

“Việc này đáng vậy.”

Lúc ấy, Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nói:

“Kính chào chư hiền! Mời ngồi xuống chỗ này.”

Xá-lợi-phất nói với A-nan:

¹⁷ Sư tử viên 師子園; đoạn dưới nói: Nguru sư tử viên 牛師子園. Trong Pāli không có vườn nào tên Sư tử. Nội dung kinh tương đương M 32 Mahā-Gosiṅgasutta (R. i. 213), tại vườn Gosiṅgasālanadāya: Nguru giác sa-la lâm. Có lẽ Hán dịch đọc là Gosimha (Nguru Sư tử) thay vì Gosiṅga (Nguru giác, sừng bò). Khu rừng này ở tại Nādika, trong lãnh thổ của Vajji (Bạt-kỳ). Xem, Hán dịch tương đương, *Trung 48*, kinh 184: Nguru giác sa-la lâm 牛角娑羅林

¹⁸ Thần túc cao đức 神足高德; Pāli, *ibid.*: *abhiññātehi abhiññātehi*, rất nổi tiếng, được mọi người biết đến.

“Nay tôi có điều muốn hỏi: vườn Nguu sư tử này thật là khả ái lạc, hương trời tự nhiên bay khắp bốn phía. Ai có thể làm cho khu vườn này trở nên khả ái¹⁹?”

A-nan đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghe nhiều, những điều đã nghe không quên, tổng trì nghĩa và vị²⁰ của các pháp, tu hành phạm hạnh đầy đủ.²¹ Các pháp như vậy thảy đều đầy đủ, không quên sót, vì chúng bốn bộ mà nói pháp không mất thứ lớp, cũng không sơ sót, không có loạn tướng. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguu sư tử này trở nên khả ái lạc.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với Ly-việt²²:

“Hôm nay, A-nan đã nói rồi. Nay tôi lại muốn hỏi ý nghĩa nơi Thầy. Vườn Nguu sư tử mà trở thành khả ái lạc, Thầy hãy nói, có nghĩa như thế nào?”²³

Ly-việt đáp:

“Tỳ-kheo vui thích sống nơi nhàn tĩnh, tọa thiền tư duy, cùng tương ưng chỉ quán. Tỳ-kheo như vậy làm cho khu vườn Nguu sư tử trở thành khả ái.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với A-na-luật²⁴:

¹⁹ Pāli, ibid., *kathaṃrūpena bhikkhunā gosiṅgasālavanaṃ sobheyyā*”ti? Tỳ-kheo như thế nào thì làm sáng chói khu rừng Gosiṅgasāla này? So sánh *Trung 48*, ibid. “Tỳ-kheo như thế nào thì làm *khởi phát* rừng Nguu giác sala này?”

²⁰ Pāli: *sāttā sabyañjanā*: (pháp ấy) có nghĩa và có văn.

²¹ Pāli: *kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ abhivadanti*, (pháp ấy) hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh và tuyệt đối hoàn hảo.

²² Ly-việt 離越, xem kinh 2 phẩm 4. Pāli: Revata (Khadiravaniyo), đệ nhất lâm trú (*ārañṇakānaṃ*).

²³ Nội dung câu hỏi Xá-lợi-phất nêu cho các Tỳ-kheo như nhau: Ai làm sáng chói khu rừng này? Văn Hán dịch biến thiên, dễ gây hiểu nhầm.

“Nay Thầy hãy nói về ý nghĩa làm cho khả ái.”

A-na-luật đáp:

“Nếu Tỳ-kheo nào dùng thiên nhãn quan sát trông suốt các chúng sanh kẻ chết người sống, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu; thầy đều biết tất cả. Hoặc có chúng sanh thân, [711a01] miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh. Giống như một người nhìn không trung, thấy không thiếu thứ gì.²⁵ Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như vậy, xem thấy thế giới không chút nghi ngờ. Tỳ-kheo làm cho khu vườn Nguru sư tử trở thành khả ái.”

Xá-lợi-phất lại nói với Ca-diếp:

“Nay tôi hỏi Thầy, các hiền giả đã nói ý nghĩa làm cho khả ái như vậy. Nay đến lượt Thầy nói việc ấy.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu có Tỳ-kheo nào sống hành a-lan-nhã, lại khuyến khích người khác hành A-lan-nhã, tán thán đức nhân tĩnh, tự thân đắp y vá nhiều mảnh,²⁶ lại khuyến khích người khác hành đầu-đà, thân tự biết đủ, sống nơi nhân tĩnh, lại khuyến khích người khác tu hạnh ấy. Tự thân đầy đủ giới đức, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến,²⁷ lại dạy người khác khiến hành pháp này, tán thán pháp này, đã có thể khuyến hóa, lại dạy người khác khiến hành pháp

²⁴ A-na-luật 阿那律; thiên nhãn đệ nhất. Pāli: Anuruddha.

²⁵ Hán dịch lược bỏ đoạn giữa về thiên nhãn.

²⁶ Bồ nạp chi y 補納之衣, đây hiểu là trì y phẩn tảo, một trong các hạnh đầu-đà. Pāli: *pamsukūliko*.

²⁷ Nguyên Hán: Giải thoát kiến tuệ 解脫見慧, biết rằng giải thoát.

này, giáo hóa không biết mệt mỏi. Tỳ-kheo như vậy làm cho vườn Nguu sư tử trở thành khả ái không gì bằng.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói Đại Mục-liên:

“Các Hiền thánh đã nói ý nghĩa làm cho khả ái. Nay đến lượt Thầy nói về ý nghĩa làm cho khả ái. Khu vườn Nguu sư tử này khoái lạc vô song, nay Thầy muốn nói thế nào điều đó?”

Mục-liên đáp:

“Ở đây, Tỳ-kheo nào có đại thần túc, được tự tại nơi thần túc, vị ấy có thể biến hóa vô số ngàn việc mà không có gì nghi ngờ. Cũng có thể phân một thân thành vô số thân, hoặc hoàn lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua vách đá. Vọt lên, chìm xuống, một cách tự tại. Cũng như thuyền lướt trên sông, giống như chim bay trên không, chẳng lưu dấu vết. Giống như lửa dữ thiêu đốt núi hoang. Cũng như mặt trời mặt trăng chiếu khắp mọi nơi. Cũng có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Cũng có thể hóa thân cao đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Nguu sư tử khả ái²⁸ .

Bấy giờ, Mục-liên nói với Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi đều đã nói rõ ý kiến của mình. Nay chúng tôi hỏi ý nghĩa nơi Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo như thế nào làm cho khu vườn Nguu sư tử này trở thành rất là khả ái?”²⁹

Xá-lợi-phất nói:

“Nếu có Tỳ-kheo nào có khả năng hàng phục tâm, chứ không phải³⁰ Tỳ-kheo không thể hàng phục tâm kia. Nếu Tỳ-kheo kia

²⁸ Nguyên Hán dịch: nghi Sư tử viên trung 宜牛師子園中. Câu văn dịch này bị gãy, dễ khiến hiểu lầm. So nội dung toàn Kinh mà chỉnh lại.

²⁹ Dịch sát nguyên Hán, phải nói: “Vườn Nguu sư tử này cực kỳ khoái lạc, Tỳ-kheo như thế nào nên ở trong đó?” Như vậy có thể hoàn toàn sai với ý nghĩa nội dung toàn Kinh. Khu vườn này không phải là đệ nhất trong các khu vườn để được đánh giá quá cao như vậy.

muốn đạt tam-muội tức thì Tỳ-kheo kia có thể được [711b01] tam-muội, tùy ý xa gần thành tựu tam-muội, tức có thể thành tựu việc ấy. Giống như nhà trưởng giả có y phục đẹp đẽ đựng đầy trong rương. Bấy giờ, trưởng giả kia tùy ý muốn lấy những áo nào thì lấy tùy ý mà không có gì nghi ngờ. Ở đây cũng vậy, có thể tùy ý nhập vào tam muội. Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm,³¹ tùy ý nhập định cũng không có gì nghi ngờ. Như vậy, Tỳ-kheo có thể vận dụng tâm, chứ không phải Tỳ-kheo không thể vận dụng tâm. Tỳ-kheo như vậy sẽ khiến vườn Ngưu sư tử khả ái.”

Rồi Xá-lợi-phất nói với các hiền giả:

“Chúng ta đã tùy theo biện tài của mình mà nói, và cũng tùy theo chỗ thích hợp mà khéo nói ý nghĩa này. Chúng ta hãy cùng đến hỏi Thế Tôn: ‘Tỳ-kheo như thế nào khiến vườn Ngưu sư tử này khả ái?’ Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì chúng ta sẽ phụng hành.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất!”

Lúc ấy, các đại Thanh văn cùng nhau đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, các ngài đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Lành thay, đúng như những gì A-nan nói. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo A-nan nghe pháp có thể ghi nhớ, tổng trì các pháp mà đầy đủ sự tu hành phạm hạnh. Với pháp như vậy, được khéo nghe,

³⁰ Trong bản Hán: nhiên dĩ tâm bất năng 然彼心不能, nghi thiếu chữ phi : nhiên phi dĩ tâm...Đôi chiếu Pāli: *no ca bhikkhu cittassa vasena vattati*.

³¹ Lưu ý văn Hán dịch đảo trang: tâm năng sử Tỳ-kheo, phi Tỳ-kheo năng sử tâm 心能使比丘非比丘能使心.

không quên sót, cũng không có tà kiến, vì chúng bốn bộ mà nói lại, lời lẽ không thác loạn, cũng không sơ suất.

“Những điều Tỳ-kheo Ly-việt nói lại cũng thích thay! Vì sao vậy? Ly-việt ưa thích nơi nhàn tĩnh, không ở giữa người đời, thường niệm tọa thiền, không có tranh cãi, cùng tương ưng chỉ quán, sống an tịch mệnh nhàn tĩnh.

“Tỳ-kheo A-na-luật nói cũng lại thích thay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhân bậc nhất. Vị ấy dùng thiên nhân quan sát ba ngàn thế giới. Giống như người sáng mắt xem hạt ngọc trong lòng bàn tay, Tỳ-kheo A-na-luật cũng lại như vậy, dùng thiên nhân quan sát khắp ba ngàn đại thiên thế giới này không chút đáng ngờ.

“Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại thích thay! Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân sống hành a-lan-nhã, lại hay tán thán đời sống ở nơi nhàn tĩnh. Tự mình khát thực, lại có thể ca ngợi đức khát thực. Tự thân mặc y rách vá, lại hay tán thán về đức mặc y rách vá. Tự thân biết đủ, lại tán thán về đức biết đủ. Tự thân ở nơi hang núi, lại hay tán thán về đức ở hang núi. Tự thân thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, [711c01] thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến*, lại hay dạy người thành tựu năm phần Pháp thân này. Tự thân có thể giáo hóa, lại hay khiến mọi người thực hành Pháp ấy.

“Lành thay! Lành thay! Như những gì Mục-liên đã nói. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Mục-liên có oai lực lớn, thần thông bậc nhất, tâm được tự tại, ý muốn kia làm gì đều có thể thành ngay. Hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một. Đi xuyên qua vách đá mà không có trở ngại. Vọt lên, chìm xuống tự tại. Cũng như thuyền lướt trên nước, không chướng ngại. Như chim giữa hư không, không để lại dấu vết. Giống như mặt trời, mặt trăng, không chỗ nào không chiếu. Có thể hóa thân cho đến trời Phạm thiên.

“Lành thay! Như những gì Xá-lợi-phất nói. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất có thể hàng phục tâm, không phải không hàng phục tâm. Xá-lợi-phất khi muốn nhập định thì có thể thành tựu không có khó ngại. Giống như trường giả có y phục đẹp, tùy ý lấy mà không có khó ngại. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như vậy, có thể hàng phục tâm, không phải không có thể hàng phục. Xá-lợi-phất tùy ý nhập tam-muội, tất cả đều hiện tiền.

“Lành thay! Lành thay! các Tỳ-kheo, các Thầy đã nói những gì theo chỗ thích hợp của mình. Nhưng bây giờ hãy nghe những gì Ta nói. Tỳ-kheo làm sao khiến vườn Nguru sư tử khả ái? Tỳ-kheo sống nương theo làng xóm, đến giờ, vị ấy đắp y mang bát, vào làng khát thực. Sau khi khát thực xong, vị ấy trở về chỗ ở, rửa mặt và tay, ngồi dưới bóng một gốc cây, chánh thân, chánh ý, ngồi kiết già, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo ấy nghĩ thầm: ‘Nay ta sẽ không dời bỏ chỗ ngồi này, cho đến khi diệt tận hữu lậu, thành vô lậu.’

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia sạch hữu lậu, tâm được giải thoát. Tỳ-kheo như vậy khiến vườn Nguru sư tử khả ái. Vậy, này các Tỳ-kheo, hãy luôn siêng năng tinh tấn, chớ có biếng nhác.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về sự chú nguyện có sáu đức, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sáu đức ấy là gì? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu ba **[0712a01]** pháp. Thế nào là đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp? Ở đây, đàn việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu pháp nghe. Đó gọi là đàn việt thí chủ thành tựu ba pháp này.

“Vật được thí cũng thành tựu ba pháp. Sao gọi là ba? Vật kia thành tựu sắc, thành tựu vị, thành tựu hương. Có ba pháp thành tựu này.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sự này được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được báo cam lồ. Cho nên, các Tỳ-kheo, nếu muốn thành tựu sáu sự này, hãy niệm bố thí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số người. Lúc ấy có một Tỳ-kheo ở trên chỗ ngồi, nghĩ thầm: “Mong Như Lai nói với ta điều gì đó.” Bấy giờ Như Lai biết những ý nghĩ trong tâm vị ấy, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ như vậy: ‘Ước mong Như Lai đích thân giáo huấn ta;’ Tỳ-kheo ấy hãy đầy đủ giới thanh tịnh, không có tỳ vết, tu hành chỉ quán, thích ở nơi nhàn tĩnh.

“Nếu Tỳ-kheo nào có ý muốn cầu y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, hãy thành tựu giới đức, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng chí quán tương ưng.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại muốn cầu sự biết đủ, hãy niệm giới đức đầy đủ, ở nơi nhàn tĩnh mà tự tu hành, cùng tương ưng với chí quán.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại mong cầu sao cho chúng bốn bộ, quốc vương, nhân dân, các loài có hình hài trong thấy nhận biết mình, vị ấy hãy niệm tướng đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào ý muốn cầu bốn thiên, trong đó không tâm hối tiếc, không dời đổi, hãy niệm thành tựu giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu bốn thần túc, hãy đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tám giải thoát môn mà không trở ngại, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu thiên nhĩ nghe hết tiếng trời người, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết những ý nghĩ trong tâm người khác, các căn thiếu sót, vị ấy cũng hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu biết tâm ý chúng sanh là tâm hữu dục hay tâm vô dục, tâm có sân hận hay tâm không sân hận, [712b01] tâm có ngu si hay tâm không ngu si, như thật biết chúng. Tâm có ái hay tâm không ái, tâm có thọ hay tâm không thọ, như thật biết chúng. Tâm có loạn hay tâm không loạn, tâm có ganh ghét hay tâm không ganh ghét, tâm có nhỏ mọn hay tâm không nhỏ mọn, tâm hạn lượng hay tâm không hạn lượng, tâm có cảm thọ hay tâm không cảm thọ, tâm có định hay tâm không định, tâm có giải thoát hay tâm không giải

thoát, người nào muốn biết như thật như vậy cũng phải đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được vô lượng thần túc, phân một thân thành vô số và hợp trở lại thành một, vọt lên và chìm xuống tự tại, có thể hóa thân cho đến Phạm thiên, vị ấy cũng phải niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu tự mình nhớ lại những việc trong vô số đời trước, hoặc một đời, hai đời cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, trong một kiếp thành, kiếp bại, kiếp thành bại không thể đếm hết. ‘Ta đã từng chết đây, sanh kia, tên ấy, họ ấy, hoặc từ nơi kia chết sanh đến chốn này.’ Tự nhớ những việc vô số kiếp như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức mà không có niệm khác.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn được thiên nhãn trông thấy hết chúng sanh, đường lành đường dữ, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tốt, hoặc xấu, như thật mà biết. Hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sinh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh lên trời nơi lành; người có ý muốn như vậy, hãy niệm đầy đủ giới đức.

“Nếu Tỳ-kheo nào lại ý muốn cầu diệt tận hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, biết như thật rằng, Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau; hãy niệm đầy đủ giới đức, trong tự tư duy không có loạn tưởng, sống ở nơi nhàn tịnh.³²

³² Từ đây trở lên, sáu đoạn, tham chiếu Pāli, A VI 2 Dutiya-āhuneyyasutta (R. iii. 280): 1. *iddhividham*, thần túc; 2. *dibbāya, sotadhātuyā visuddhāya*, thiên nhĩ thanh tịnh; 3. *parasattānaṃ parapuggalānaṃ cetasā ceto paricca pajānāti*, tha tâm thông; 3 *pubbenivāsaṃ anussarati*, túc mạng thông; 5. *dibbena cakkhunā visuddhena*, thiên nhãn thanh tịnh; 6. *āsavaṇaṃ khayā*,

“Các Tỳ-kheo, hãy niệm đầy đủ giới đức, không có niệm khác, thành tựu đầy đủ oai nghi, sợ cả những lỗi nhỏ huống gì là lỗi lớn.

“Nếu có Tỳ-kheo nào ý muốn được Như Lai nói đến, hãy niệm đầy đủ giới đức. Giới đức đã đầy đủ, hãy niệm nghe đầy đủ. Nghe đã đầy đủ thì, hãy niệm bố thí đầy đủ. Thí đã đầy đủ thì, hãy niệm đầy đủ trí huệ, và giải thoát tri kiến, thầy đều đầy đủ.

“Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ các thân giới, thân định, tuệ, thân giải thoát, thân giải thoát tri kiến, được trời rồng, quỷ thần trông thấy cúng dường, là chỗ đáng kính, đáng quý, được trời người cung phụng. Cho nên, này các Tỳ-kheo, ai niệm đầy đủ năm phần Pháp thân, người ấy là ruộng phước thế gian, không gì hơn được.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³³

KINH SỐ 6

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Lúc ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn rằng:

“Nay con đã kết hạ tại thành Xá-vệ. Ý con muốn đi du hóa trong nhân gian.”

diệt tận hữu lậu. Tỳ-kheo thành tựu 6 pháp này, trở thành người xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, là phước điền vô thượng của thế gian (*āhneyyo hoti ...pe... anuttaram puññakkhettaṃ lokassa*).

³³ Bản Hán, hết quyển 29.

Thế Tôn bảo:

“Nay là lúc thích hợp.”

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi ra đi.

Xá-lợi-phất đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo ôm ý phi báng, bạch Thế Tôn:

“Xá-lợi-phất gây gỗ với các Tỳ-kheo, rồi không sám hối. Nay bỏ đi du hành trong nhân gian.”³⁴

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy mau đem lời của Ta gọi Xá-lợi-phất.”

Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Phật bảo Mục-liên, A-nan:

“Các người hãy đến các phòng tập hợp các Tỳ-kheo về chỗ Thế Tôn. Vì sao vậy? Bằng tam-muội đã chứng nhập, Xá-lợi-phất nay sẽ rống tiếng sư tử trước Như Lai.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đều tập hợp về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất, nói với Xá-lợi-phất:

“Như Lai muốn gặp Thầy!”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Vừa rồi, thầy vừa đi chưa lâu, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: ‘Tỳ-kheo Xá-lợi-phất **[713a01]** gây gỗ với các Tỳ-kheo. Chưa sám hối mà bỏ đi du hành nhân gian.’ Điều đó có thật không?”

³⁴ Chi tiết tương tự, xem *Trung 5*, kinh 24 (Sư tử hồng).

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Như Lai đã biết điều đó.”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã biết rồi. Nhưng nay đại chúng đều có lòng hoài nghi. Nay, ở giữa đại chúng, ông hãy dùng biện tài của mình mà làm sáng tỏ việc này.”

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Từ khi ra khỏi thai mẹ đến tám mươi tuổi, con thường tự tư duy, là chưa từng sát sanh, cũng chưa nói dối. Ngay cả trong khi đùa vui cũng không nói láo. Con cũng chưa từng gây đấu loạn người này với người kia. Hoặc giả có lúc không chuyên ý, mới có thể làm việc này. Nhưng, bạch Thế Tôn, nay tâm ý con thanh tịnh, há cùng đấu tranh với các vị phạm hạnh sao?

“Cũng như đất này, nhận cả sạch lẫn dơ. Phân, nước tiểu, mọi thứ ô uế, thảy đều nhận hết. Máu mủ, đăm dãi, cũng không hề khước từ. Thế nhưng, đất này cũng không nói đó là xấu, cũng không nói đó là tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, tâm không lay động, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa? Người mà tâm không chuyên nhất, mới có thể có việc này. Nay tâm con đã chánh, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như nước, cũng có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật không tốt. Nhưng nước kia không nghĩ rằng: ‘Ta làm sạch vật này; bỏ qua vật này.’ Con cũng như vậy, không có tưởng khác, làm sao lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt núi rừng, không lựa chọn tốt xấu, không hề tưởng niệm gì. Con cũng như vậy, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như chổi quét, không có lựa tốt xấu, đều có thể quét sạch, không hề tưởng niệm gì.³⁵

“Giống như bò không có hai sừng, hết sức hiền lành, không chút hung bạo, rất dễ điều khiển, dẫn đi đâu tùy ý, không có gì nghi ngại. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, tâm con như vậy, không khởi tưởng gây tổn hại gì, há lại có tranh chấp với đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi đi xa?

“Cũng như con gái dòng chiên-đà-la mặc áo rách nát, đi xin ăn giữa người đời; không có gì phải cảm kỵ nó. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, cũng không có tưởng niệm rằng: ‘Cứ gây gổ rồi bỏ đi xa.’

“Cũng như cái nồi đựng mỡ bị rò rỉ nhiều chỗ, người có mắt thấy đều thấy chỗ rỉ ra. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn, từ trong chín lỗ rỉ ra chất bất tịnh, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau.

“Giống như thiếu nữ xinh đẹp, lại lấy xác chết quấn lên **[713b01]** cổ rồi sanh ghê tởm nó. Thế Tôn, con cũng như vậy, nhòm tởm thân này như thiếu nữ ấy không khác, há cùng đồng phạm hạnh tranh cãi nhau rồi bỏ đi xa? Việc này không hề có. Thế Tôn đã biết điều này. Tỳ-kheo kia cũng biết rõ điều đó. Nếu có việc này, xin Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên tự hối lỗi. Vì sao vậy? Vì nếu không sám hối, đầu ông sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia trong lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, vội rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

³⁵ Nội dung có thêm đoạn lặp lại như trên, nhưng Hán dịch lược bỏ.

“Nay, con tự biết xúc phạm Xá-lợi-phát. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, người hãy tự hướng về Xá-lợi-phát mà sám hối. Nếu không đầu người sẽ vỡ thành bảy mảnh.”

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia liền hướng đến Xá-lợi-phát đánh lễ sát chân, bạch Xá-lợi-phát:

“Cúi xin ngài nhận sự sám hối của con. Vì ngu muội, không phân biệt được sự thật.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phát:

“Nay ông hãy nhận sự hối lỗi của Tỳ-kheo này, lại phải dùng tay xoa đầu. Vì sao vậy? Vì nếu ông không nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này, đầu kia sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.”

Xá-lợi-phát dùng tay xoa đầu, nói Tỳ-kheo:

“Cho phép Thầy sám hối! Như ngu, như si, trong Phật pháp này rất là rộng rãi, có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay ta nhận sự sám hối của Thầy, sau này chớ tái phạm.” Xá-lợi-phát nói như vậy ba lần.

Rồi Xá-lợi-phát bảo Tỳ-kheo kia:

“Thầy chớ có tái phạm. Vì sao vậy? Vì có sáu pháp dẫn vào địa ngục, sáu pháp sanh thiên, sáu pháp dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là sáu? Muốn hại người khác. Vui mừng hơn hờ, không tự chế được, rằng: ‘Ta đã khởi hại tâm.’ Ở trong đó khởi tâm hại rằng: ‘Ta sẽ dạy bảo người khiến hại người khác.’ Khi đã hại được người, ở trong đó khởi vui mừng: ‘Ta sẽ được câu hỏi về sự không thơm³⁶ này’. Sự việc ấy chưa xảy ra, trong lòng ưu sầu. Đó gọi là có sáu pháp khiến người rơi vào đường dữ.

³⁶ Hán: bất tịnh chi vấn 不馨之問; chưa rõ ý.

“Sao gọi là sáu pháp đưa người đến cõi lành? Thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm giết hại, không tâm ganh ghét. Đó gọi là có sáu pháp này sanh vào nơi lành.

“Sao gọi là tu sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Đó là sáu pháp tu niệm. Thế nào là sáu? Thân hành từ không hoen ố, miệng hành từ không hoen ố [713c01], ý hành từ không hoen ố. Nếu được đồ lợi dưỡng thì có thể phân chia đồng đều cho người khác mà không có tướng tiếc rẻ. Giữ gìn giới cấm không có lầm lỗi; thành tựu đầy đủ giới mà người trí quý trọng. Điều gì là tà kiến, chánh kiến, xuất yếu của Hiền Thánh, dứt sạch gốc khổ; các kiến giải như vậy, thầy đều phân minh.³⁷ Đó gọi là sáu pháp được đến Niết-bàn. Nay Tỳ-kheo, thầy hãy tìm cầu phương tiện hành sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy phải học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Xá-lợi-phất: “Nay con lại tự sám hối. Vì như ngu, như si mà không phân biệt được sự thật. Cúi xin Xá-lợi-phất nhận sự hối lỗi của con. Sau này con sẽ không tái phạm.”

Xá-lợi-phất nói:

“Cho phép Thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền thánh rất rộng rãi, hãy tự sửa đổi. Từ nay về sau, chớ có tái phạm lại.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Xá-lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

³⁷ Sáu trọng pháp, hay khả hỷ, xem kinh số 1 phẩm 37 trên.

“Nay Ta sẽ nói pháp Không tối thượng đệ nhất. Các người hãy lắng nghe và suy niệm kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn!”

Như vậy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất³⁸? Nếu khi mất khởi thì nó khởi, nhưng không thấy từ đâu đến. Khi mất diệt thì nó diệt, nhưng không thấy nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu, pháp nhân duyên. Sao gọi là giả hiệu, nhân duyên? Cái này có, thì (cái kia) có; cái này sanh, thì (cái kia) sinh. Tức là, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc³⁹, xúc duyên thọ⁴⁰, thọ duyên ái, ái duyên thủ⁴¹, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não không thể đếm hết. Khổ ám như vậy được tác thành.

“Nhân duyên này không thì không (kia), đây diệt thì (kia) diệt, vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu xứ diệt; sáu xứ diệt thì xúc* diệt; xúc diệt thì thọ* diệt; thọ diệt thì ái diệt; ái diệt thì thủ* diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì chết diệt; chết diệt thì sầu ưu khổ não đều bị diệt sạch ngoại trừ pháp giả hiệu. Pháp tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy. Khi khởi thì khởi, nhưng không biết nó từ đâu đến. Khi diệt thì diệt cũng không biết nơi nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Pháp giả hiệu kia là, đây khởi thì (kia) khởi, đây diệt thì (kia) diệt. Sáu

³⁸ Đệ nhất tối không pháp 第一最空法.

³⁹ Nguyên Hán: canh lạc.

⁴⁰ Nguyên Hán: thống.

⁴¹ Nguyên Hán: thọ.

xứ này cũng không có người tạo tác, cũng vậy danh sắc.⁴² Pháp sáu xứ là do cha mẹ mà có thai, cũng không nhân duyên mà có. Đây cũng là giả hiệu. Trước phải có đối đãi, sau đó mới có. Giống như dùi cây tìm lửa. Vì trước có đối đãi, sau đó lửa sanh. Lửa không từ cây ra, cũng không ở ngoài cây. Nếu có người nào bỏ cây tìm lửa, cũng không thể được. Đều do nhân duyên hội hợp, sau đó có lửa. Sáu tình này khởi bệnh cũng lại như vậy, đều do duyên hợp ở trong đó khởi bệnh. Khi sáu xứ này khởi thì khởi, cũng không thấy nó đến. Khi diệt thì diệt, cũng không thấy nó diệt, trừ pháp giả hiệu kia. Nhân vì cha mẹ hội hợp mà có.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Trước phải thọ bào thai,
Dần dần như giọt sữa.
Rồi giống như khói thịt.
Sau mới tượng ra hình.*

*Trước tiên sanh đầu cổ;
Kế sanh tay, chân, ngón;
Và sanh các bộ phận:
Lông, tóc, móng, răng thành.*

*Nếu khi mẹ ăn uống,
Các thứ món ăn ngon,
Tinh khí dùng nuôi mạng;
Nguồn gốc của thọ thai.*

*Hình hài thành đầy đủ,
Các căn không thiếu sót;
Nhờ mẹ được sanh ra
Thọ thai khổ như vậy.*

“Các Tỳ-kheo nên biết, nhân duyên hội hợp mới có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo, trong một thân người có ba trăm sáu mươi

⁴² Bấy chữ trong đề bản được xóa bỏ trong TNM: 六入亦無人造作.

đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm dây gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết, thân sáu xứ có những tai biến như vậy. Tỳ-kheo hãy niệm tư duy về tai hoạn như vậy. Ai tạo ra bộ xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo ra tám vạn hộ trùng này?

“Khi Tỳ-kheo kia tư duy như vậy liền đắc hai quả A-na-hàm hoặc A-la-hán,”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Ba trăm sáu đốt xương,
Ở trong thân người này.
Điều mà Cổ Phật đã diễn,
Nay ta cũng nói lại.*

[714b01] *Gân gồm năm trăm dây;
Mạch cũng cùng như vậy.
Trùng có tám vạn loại.
Chín vạn chín ngàn lông.*

*Hãy quán thân như vậy;
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Chóng đắc đạo La-hán,
Đi đến cõi Niết-bàn.*

*Pháp này đều Không tịch,
Nhưng người ngu tham đắm.
Người trí tâm vui vẻ
Nghe gốc pháp Không này.*

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp Không tối thượng đệ nhất. Ta đã nói cho các người pháp được Như Lai thi hành⁴³. Nay Ta đã khởi lòng từ thương xót, điều cần làm Ta đã làm xong. Các người thường phải niệm tu hành pháp này. Ở chỗ nhàn tĩnh, tọa

⁴³ Để bản: thuyết hành 說行. TNM: thi hành.

thiền tư duy, chớ có biếng nhác. Nay không tu hành, sau hối vô ích. Đó là lời giáo huấn của Ta.⁴⁴

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi Phật rồi, ngồi qua một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu⁴⁵ bạch Thế Tôn:

“Thưa Cù-đàm, ngày nay tâm ý của người sát-lợi muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào?⁴⁶ Theo đuổi mục đích gì? Tâm ý của người bà-la-môn ý muốn cầu sự gì? Có hành nghiệp gì? Làm theo lời dạy nào? Theo đuổi gì? Quốc vương ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Kẻ trộm ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì? Người nữ ngày nay, ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Chấp theo giáo nghĩa nào? Theo đuổi mục đích gì?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo bà-la-môn:

“Sát-lợi thường thích tranh tụng, nhiều kỹ thuật, ham thích làm việc, việc làm phải đạt cứu cánh, không nghỉ giữa chừng.”

⁴⁴ Văn chuẩn về giáo giới này, xem *Trung 21*, kinh 86 (tr. 565c19), và tân mạn. Văn chuẩn Pāli, xem M 8 Sallekha (R.i. 46), và tân mạn.

⁴⁵ Xem *cht. 13*, kinh 2 phẩm 6. Cf. A VI 52 Khattiyasutta (R. iii. 362). Tham chiếu Hán, *Trung 37*, kinh 149.

⁴⁶ Pāli, *ibid.*, *kim-abhinivesā*, tham chấp cái gì?

Bà-la-môn hỏi:

“bà-la-môn, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn, ý thích chú thuật, ưa thích nơi chốn nhàn tĩnh, mục đích cư gia, ý nơi Phạm thiên.”

Lại hỏi:

“Quốc vương, ý cầu những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Bà-la-môn nên biết, ý muốn của vua là được quyền cai trị, ý đặt tại binh đao, tham đắm tài bảo.”

“Kẻ trộm, ý cầu gì?”

Thế Tôn bảo:

“Kẻ trộm, ý trộm cướp, tâm gian tà, muốn cho mọi [714c01] người không biết việc làm của mình.”

“Người nữ, ý cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Người nữ, ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm lụy nam nữ, tâm muốn tự do.”

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thật là kỳ diệu! Thật hy hữu! Ngài biết ngàn ấy sự kiện, như thật không hư. Ngày nay, ý Tỳ-kheo cầu điều gì?”

Thế Tôn bảo:

“Giới đức đầy đủ, tâm an trú đạo pháp, ý ở bốn Đế, ước muốn đến Niết-bàn. Đây là những điều cầu của Tỳ-kheo.”

Lúc ấy, bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Thật vậy, Thế Tôn, việc làm của Tỳ-kheo, ý không thể dời đổi. Ý nghĩa thật như vậy, thưa Cù-đàm, Niết-bàn thật là an lạc. Những gì Như Lai đã thuyết là quá nhiều. Giống như kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người ở trong tối thấy sáng. Những điều Như Lai nói hôm nay, cũng như vậy, không đổi khác. Nay tôi việc nước quá nhiều, muốn trở về nơi ở.”

Thế Tôn bảo:

“Nên biết đúng lúc.”

bà-la-môn Sanh Lậu rời từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

bà-la-môn Sanh Lậu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Ở trong đây có Tỳ-kheo nào tu hành thế nào mà phạm hạnh không sút, không rò rỉ; thanh tịnh tu phạm hạnh?”

Thế Tôn bảo:

“Nếu có người nào giới luật đầy đủ, không có điều vi phạm, người đó được nói là thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

“Lại nữa, bà-la-môn, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không khởi niệm tưởng phân biệt,⁴⁷ trừ tưởng ác, bỏ pháp bất

⁴⁷ Thức niệm 識念. Về thủ hộ căn môn, văn chuẩn, theo Pāli (Cf. D 2 Sāmaññaphala, và tán mạn): *cakkhunṇ rupaṃ disvā na nimittaggāhī hoti*

thiện, được nhãn căn trọn vẹn; người này được nói là tu phạm hạnh thanh tịnh. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp, đều không có tướng của thức,⁴⁸ không khởi niệm của tướng⁴⁹, tu phạm hạnh thanh tịnh, thành tựu ý căn.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là không tu phạm hạnh, không đầy đủ thanh tịnh hạnh⁵⁰?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có giao hội⁵¹ với người, đó gọi phi phạm hạnh.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Những người như thế nào là rò rỉ,⁵² không đầy đủ?”

Thế Tôn đáp:

“Nếu có người giao tiếp với người nữ, hoặc sờ nắm tay chân nhau,⁵³ [715a01] áp ủ trong lòng, nhớ mãi không quên; người đó, này bà-la-môn, được nói là hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, các sự dâm dật⁵⁴ cùng tương ưng với dâm, nô, si.

nānubyañjanaggāhī, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng (chỉ tiết).

⁴⁸ Thức tướng 識想, thức nắm bắt tổng tướng. Xem cht. 47 trên.

⁴⁹ Tưởng niệm 想念, như thức niệm, xem cht. 47 trên.

⁵⁰ Thanh tịnh hạnh 清淨行: phạm hạnh; Pāli: *brahmacariya*.

⁵¹ Nguyên Hán: câu hội (Pāli: *dvayayaṃsamāpatti* = *methunā*); định nghĩa từ phi phạm hạnh (Pāli: *abrahmacariya*): hành pháp dâm dục.

⁵² Phạm hạnh bị sút mẻ, rò rỉ.

⁵³ Pāli: không hành dâm nhưng sờ nắm.

⁵⁴ Lậu, chur dâm dật 漏諸姪洩. Pāli: (*brahmacariyassa*) *sabalaṃ, kammāsa*, (phạm hạnh) có tý vết, có hoan ô. Nhưng Hán dịch đọc là *āsavaṃ, kamāsaṃ*, có lậu, có khát vọng dâm dục.

“Lại nữa, bà-la-môn, hoặc người ấy đùa cợt,⁵⁵ đối đáp với người nữ. Nay bà-la-môn, người đó được nói là người này hành không trọn vẹn, bị rò rỉ, có dâm, sân, si; phạm hạnh không đầy đủ để tu thanh tịnh hạnh.

“Lại nữa, bà-la-môn, hoặc có người trừng mắt nhìn⁵⁶ người nữ không di chuyển rồi ở trong đó khởi tưởng dâm, nộ, si, sanh các loạn niệm; nay bà-la-môn, người này được nói là phạm hạnh không thanh tịnh, không tu phạm hạnh.

“Lại nữa, nay bà-la-môn, hoặc có người từ xa nghe, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười,⁵⁷ bèn ở trong đó khởi các loạn tưởng dâm, nộ, si; nay bà-la-môn, người này được nói là không thanh tịnh, tu phạm hạnh, cùng tương ưng với dâm, nộ, si, phạm hạnh không toàn đủ.

“Lại nữa, nay bà-la-môn, hoặc có người đã từng gặp người nữ,⁵⁸ sau đó sinh tưởng nhớ hoặc, hoặc con mắt người nữ, ở trong đó sinh tưởng, tại nơi khuất kín vắng vẻ, khởi dâm, nộ, si, cùng ác hạnh tương ưng; nay bà-la-môn, người này được nói là không tu Phạm hạnh.”

Bấy giờ, bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm này biết rõ phạm hạnh, cũng biết không phạm hạnh; biết rõ phạm hạnh rò rỉ, cũng biết rõ phạm hạnh không rò rỉ. Vì sao vậy? Vì nay tôi cũng có ý nghĩ này, khi thấy có người nào cùng người nữ chân tay đụng chạm nhau, khởi các loạn tưởng, khi ấy tôi nghĩ rằng người này hành bất tịnh hạnh, cùng dâm, nộ, si tương ưng. Cảm thọ bậc nhất, là người nữ. Khả dực bậc nhất, đó chính là mắt với mắt nhìn nhau, người nữ kia hoặc nói, hoặc cười, hoặc

⁵⁵ Pāli: không xúc chạm thân thể nhưng đùa cợt.

⁵⁶ Pāli: không đùa cợt, nhưng nhìn.

⁵⁷ Pāli: không nhìn, nhưng nghe tiếng nữ, bị kích thích.

⁵⁸ Pāli: không thấy, không nghe tiếng, nhưng nhớ.

nắm chéo áo người nam; hoặc cùng nói chuyện vừa nắm chéo áo người nam.⁵⁹ Khi ấy, tôi liền sanh ý nghĩ này: ‘Sáu điều này, người đều hành hạnh bất tịnh hết.’

“Hôm nay, Như Lai đã dạy rất nhiều. Giống như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu được nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết Pháp lại cũng như vậy. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở về sau không sát sinh nữa. Cúi xin nhận con làm Ưu-bà-tắc.

bà-la-môn Sanh Lộ sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁶⁰

Tôi Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại rừng bên ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả Mã Sư⁶¹ đến [715b01] giờ khát thực, đắp y mang bát vào thành khát thực. Khi ấy, Ni-kiền Tử Tát-già⁶² thấy Tôn giả Mã Sư đến, liền đến hỏi:

“Thầy ông nói những nghĩa gì? Có những giáo huấn gì? Giáo giới đệ tử bằng pháp thuyết gì?”

Tôn giả Mã Sư đáp:

“Này bà-la-môn, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học.

⁵⁹ Hán: sáu trường hợp quan hệ nam nữ liên hệ dâm dục. Pāli, *ibid.*, bày trường hợp liên hệ hành dâm (*sattannaṃ methunasamyogānaṃ*).

⁶⁰ Tham chiếu Pāli, M 35 Cūḷa-Saccakasutta (R.i. 227). Hán, Tập 5, kinh 110.

⁶¹ Mã Sư 馬師. Tập 5: A-thập-ba-thệ. Pāli: Assaji.

⁶² Tát-già Ni-kiền Tử 薩遮尼健子. Pāli: Saccaka Nigaṇṭhaputta.

Thọ*, tướng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Ông muốn biết thì, ý nghĩa mà Thầy tôi giáo giới là như vậy, vì các đệ tử dạy nghĩa như vậy.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử lấy hai tay che tai nói:

“Thôi, thôi! Mã Sư! Tôi không thích nghe những lời này. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy điều này, thì tôi thật không muốn nghe. Vì sao vậy? Theo nghĩa của tôi thì sắc là thường. Nghĩa của Sa-môn thì vô thường. Ngày nào đó tôi sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để biện luận. Tôi sẽ trừ khử tâm điên đảo Sa-môn Cù-đàm.”

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử cùng tập hợp lại một chỗ để bàn luận. Lúc này, Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, nói với các đồng tử: “Các cậu với tôi cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì tôi muốn biện luận với Sa-môn Cù-đàm kia, để cho Sa-môn kia thấy được đường chính chân thật. Sa-môn nói sắc là vô thường. Theo nghĩa ta thì sắc là thường. Giống như lực sĩ tay nắm lấy lông của con dê lông dài, rồi dẫn đi đâu tùy ý, không có gì khó ngại. Nay ta cũng vậy, hôm nay ta sẽ cùng Sa-môn Cù-đàm kia biện luận, ta buông hay bắt tùy ý, không có gì nghi ngờ.

“Giống như con voi mạnh hung bạo có sáu ngà, ở trong núi sâu nô đùa không có gì trở ngại. Nay ta cũng vậy, ta sẽ cùng Sa-môn kia biện luận, không có gì nghi nan. Giống như hai tráng sĩ bắt một người yếu, nướng trên ngọn lửa, trở qua trở lại tùy ý, cũng không có gì khó ngại. Nay ta cùng vị kia luận nghĩa cũng vậy, không có gì khó ngại. Trong luận nghĩa của ta, voi còn có thể bị hại, huống gì là người. Ta cũng có thể khiến voi đi về Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay những vật vô tình như các cột kèo trong giảng đường này, ta còn khiến cho **[715c01]** di chuyển, huống chi cùng người biện luận,

mà có thể thắng ta sao? Ta sẽ khiến ông ấy trào máu miệng ra mà chết.”

Trong số đó, hoặc có đồng tử nói như vậy:

“Ni-kiền Tử nhất định không có khả năng luận nghị⁶³ với Sa-môn. Nhưng chỉ sợ Sa-môn Cù-đàm mới cùng luận nghị với Ni-kiền Tử thôi.”

Có người lại nói:

“Sa-môn Cù-đàm không luận nghị cùng với Ni-kiền Tử Chỉ có Ni-kiền Tử mới có khả năng luận nghị với Sa-môn thôi.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử suy nghĩ như vậy:

“Giả sử những điều Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ-kheo Mã Sư, thế thì đủ cho ta đối đáp. Nếu có nghĩa gì khác, cứ nghe rồi sẽ biết.”

Bấy giờ Ni-kiền Tử dẫn năm trăm đồng tử trước sau vây quanh đi đến chỗ Thế Tôn, cùng thăm hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên.

Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Thế nào, Cù-đàm, Ngài có giáo giới gì? Dùng giáo giới gì để dạy cho các đệ tử?”

Phật bảo Ni-kiền Tử:

“Những điều ta nói là, sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Đó là điều mà người trí đã học. Thọ*, tưởng, hành, thức là vô thường. Năm thủ uẩn này là vô thường, tức là khổ. Cái gì là khổ, cái đó tức là vô ngã. Cái gì vô ngã, cái đó tức là không. Không có nghĩa là ‘Cái kia không

⁶³ Nên hiểu: không thể phá luận nghị của.

phải của tôi; tôi không phải của cái kia.’ Giáo giới của Ta, ý nghĩa là như vậy.”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tôi không ưa nghe ý nghĩa này. Vì sao vậy? Vì theo nghĩa tôi hiểu, sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông hãy chuyên tâm ý suy tư diệu lý, sau đó hãy nói!”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông nói sắc là thường. Với năm trăm đồng tử này, ý nghĩa ấy cũng vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Hôm nay ông đã tự biện thuyết rồi, sao lại dẫn theo năm trăm đồng tử kia?”

Ni-kiền Tử nói:

“Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn biện luận thế nào?”

Thế Tôn đáp:

“Nay Ta nói sắc là vô thường, cũng là vô ngã. Giả tạm họp lại mà có tên sắc này chứ không chân thật, không chắc, không bền, cũng như nắm tuyết, chúng là pháp diệt vong, là pháp biến dịch. Nay ông nói sắc là thường, vậy Ta hỏi lại ông, tùy ý mà trả lời Ta.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương lại có được tự tại ở trong quốc độ của mình không? Lại nữa, **[716a01]** Đại

vương kia, muốn thả ai thì thả, muốn trói ai thì trói, có được vậy không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Thánh vương này có quyền lực tự tại đó, muốn giết ai thì giết; muốn trói ai thì trói.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương rồi sẽ già không? Đầu có bạc, mặt có nhăn nhăn, y phục có bẩn không?”

Khi ấy, Ni-kiền Tử im lặng không đáp. Thế Tôn hỏi lại ba lần, ông cũng ba lần im lặng không đáp lại.

Lúc ấy, lực sĩ Kim cang Mật Tích cầm chày kim cương ở giữa hư không, bảo rằng:

“Nếu ông không trả lời, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh ngay trước mặt Như Lai.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

“Ông hãy quan sát giữa hư không!”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử ngược nhìn lên hư không, thấy lực sĩ kim cang Mật Tích, lại nghe trên hư không có tiếng nói rằng: ‘Nếu ông không trả lời Như Lai, ta sẽ đập đầu ông vỡ thành bảy mảnh.’ Nghe xong, hoảng sợ, y lông dựng đứng, bạch với Thế Tôn:

“Cúi xin Cù-đàm hãy cứu vớt. Xin hỏi lại. Con sẽ đáp ngay.”

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương sẽ lại già không? Cũng sẽ tóc bạc, răng rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Tuy Sa-môn Cù-đàm nói vậy, nhưng theo tôi hiểu thì sắc là thường.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy suy nghĩ cho kỹ, sau đó mới nói. Nghĩa trước và sau không tương ưng với nhau. Ta chỉ luận, Thánh vương sẽ già không? Đầu sẽ bạc, răng sẽ rụng, da chùn, mặt nhăn hay không?”

Ni-kiền Tử nói:

“Chuyển luân Thánh vương vẫn bị già.”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương có thể tự tại trong nước của mình, vì sao lại không thể trừ khử già, bệnh, chết; nói rằng: ‘Ta không cần cái già, bệnh, chết. Ta thường hằng.’? Giả sử có như vậy, nhưng nghĩa này có hứa khả được chăng?”

Ni-kiền Tử im lặng không đáp, buồn rầu không vui, im lặng không nói. Khi này, thân thể Ni-kiền Tử toát mồ hôi hột, mồ hôi ra ướt cả áo, thấm chỗ ngồi, cho đến dưới đất.

Thế Tôn bảo:

“Ni-kiền Tử lúc ở giữa đại chúng, ông đã rống tiếng sư tử bảo: ‘Các đồng tử, hãy cùng tôi đến chỗ Cù-đàm để tranh luận. Tôi sẽ hàng phục Cù-đàm như nắm lông một con dê lông dài, kéo đi phía Đông hay phía Tây tùy ý. Cũng như voi đi lại tự do ở trong rừng sâu, không có gì phải [716b01] sợ hãi. Cũng như hai người lực lưỡng bắt một người yếu ớt nướng trên lửa, xoay qua xoay lại tùy ý.’ Ông còn nói rằng, ‘Luận nghị của tôi còn có thể giết con voi lớn. Khi tôi luận nghị với những thứ vô tình như cây cỏ, cột kèo các thứ, tôi cũng có thể khiến chúng phải cúi đầu khuất phục, làm cho chúng toát mồ hôi nách.’”

Bấy giờ, Thế Tôn vén ba y cho Ni-kiền Tử xem, rồi nói:

“Ông hãy xem, nách của Như Lai không có một giọt mồ hôi. Còn ông thì ngược lại, mình đầy mồ hôi, thậm chí rơi xuống đất.”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ, ở trong chúng đó có một đồng tử tên Đầu-ma⁶⁴. Đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

“Nay con nhận thấy có điều có thể áp dụng, và con muốn nói.”

Thế Tôn đáp:

“Hãy nói tùy ý.”

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

“Giống như cách thôn làng không xa, có ao tắm tốt. Trong ao tắm kia có một con cua.⁶⁵ Nhân dân già trẻ, nam nữ, trong thôn đến ao tắm đó vớt con trùng này ra, rồi lấy gạch đá đập nát chân tay của nó. Trùng này dù muốn trở xuống nước, rốt cuộc không làm được việc này. Ni-kiền Tử này cũng như vậy, ban đầu rất mạnh bạo tranh luận với Như Lai, lòng ôm tật đố, ý ôm kiêu mạn. Như Lai đã diệt trừ sạch chúng vĩnh viễn không còn sót. Ni-kiền Tử này không bao giờ còn dám trở lại chỗ Như Lai để biện luận nữa.”

Khi ấy, Ni-kiền Tử nói với đồng tử Đầu-ma:

“Người ngu si không phân biệt chân hay ngụy. Ta không nói chuyện với người, mà ta đang biện luận với Sa-môn Cù-đàm.”

Ni-kiền Tử bạch Phật:

“Tôi chỉ hỏi nghĩa lý. Xin Ngài nói lại.”

Thế Tôn đáp:

⁶⁴ Đầu-ma 頭摩. Pāli: Dumumkha.

⁶⁵ Trùng nhiều cước 虫饒腳: con sâu có nhiều chân. Dịch giả không hiểu con gì nên mô tả như vậy. Pāli: *kakkaṭaka*.

“Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương muốn khiến cho già bệnh chết không đến, có thể được vậy không? Thánh vương kia có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không thể toại nguyện như vậy được.”

“Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có được toại nguyện không?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Không được, thưa Cù-đàm.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Ni-kiền Tử, sắc là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Sắc là vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch. Ông có thấy ‘Cái này là ta; ta là của cái kia’ không?”

Đáp:

“Không, thưa Cù-đàm.”

“Thọ*, tướng, hành, thức, là thường hay là vô thường?”

Đáp:

“Vô thường.”

“Nếu vô thường, nó là pháp biến dịch, [716c01] ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

Thế Tôn hỏi:

“Năm thủ uẩn này là thường hay vô thường?”

Ni-kiền Tử đáp:

“Là vô thường.”

Phật hỏi:

“Nếu là vô thường, nó là pháp biến dịch, ông có thấy nó có không?”

Đáp:

“Không.”

“Thế nào, Ni-kiền Tử, ông đã nói là thường, như vậy không phải là trái ngược với nghĩa lý này hay sao?”

Lúc ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

“Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên khởi ý muốn này, là cùng tranh luận với Cù-đàm rằng ‘Sắc là thường.’ Giống như mãnh thú sư tử từ xa trông thấy người đến mà có tâm sợ hãi sao? Hoàn toàn không có việc này. Hôm nay Như Lai cũng như vậy, không có mảy may nào. Nay con say mê chưa hiểu nghĩa sâu mới dám xúc phạm. Sa-môn Cù-đàm đã dạy quá nhiều. Giống kẻ mù được mắt, người điếc được nghe thâu, người mê thấy đường, người không mắt thấy sắc. Cũng như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay trở về sau trọn đời làm người Ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi xin Phật và Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con, muốn cúng bữa ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi đi. Đến chỗ các đồng tử ở thành Tỳ-xá-ly, ông nói các đồng tử:

“Các cậu có cúng ta vật gì thì hãy mang đến ngay cho tôi để tôi bày biện, chớ để trễ thời. Nay tôi đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng, ngày mai sẽ tôi cúng bữa ăn.”

Lúc ấy, các đồng tử liền mang các thứ đồ ăn thức uống đến cho ông. Đêm ấy, Ni-kiền Tử chuẩn bị soạn các loại đồ ăn thức uống ngon lành, trải tọa cụ tốt, rồi đến bạch: “Đã đến giờ, cúi xin hạ cố.”

Đến giờ, Thế Tôn đáp y, mang bát, dẫn chúng tăng vào thành Tỳ-xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử. Đến rồi, ngồi vào chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ lớp. Lúc này, Ni-kiền Tử thấy Phật và chúng tăng đã an tọa, tự tay dâng các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Phật và Tỳ-kheo tăng thọ trai xong, đã dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn tuần tự thuyết giảng cho ông các đề tài vi diệu; các đề tài về bố thí, [717a01] về trì giới, về sanh thiên; dục là ô uế, dâm là hạnh bất tịnh, giải thoát là an lạc. Khi Thế Tôn thấy tâm ý của Ni-kiền Tử đã khai mở, như những gì mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, về khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng vì Ni-kiền Tử nói hết. Lúc ấy, Ni-kiền Tử liền ngay trên chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được mắt pháp trong sạch.

Lúc này, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cúng tế, lửa hơn hết;
Thi thơ, tụng đứng đầu;
Vua, tôn quý loài người;
Biển là nguồn các sông;
Các sao, trăng sáng nhất;
Ánh sáng, mặt trời nhất.
Trên dưới và bốn phương,
Mọi vật sanh bởi đất,
Trời cùng với Nhân loại:
Phật là vô thượng tôn.*

*Ai muốn cầu đức kia,
Tam-phật* là tối thượng.*

Sau khi Thế Tôn nói bài kệ này xong, Ngài đứng dậy ra đi.

Lúc ấy, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận sự giáo hóa của Phật, mọi người bảo nhau: “Sao Đại sư của chúng ta lại tôn Cù-đàm làm Thầy?” Rồi các đệ tử ấy ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng chờ ở giữa đường. Trong lúc đó, Ni-kiền Tử đến chỗ Phật để nghe Pháp. Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp cho Ni-kiền Tử, khích lệ khiến hoan hỷ. Ni-kiền Tử sau khi nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các đệ tử của Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến, mọi người bảo nhau: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Chúng ta hãy lấy gạch đá giết chết ông ta.”

Khi nghe tin Ni-kiền Tử bị các đệ tử giết, các đồng tử liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn: “Ni-kiền Tử mà Như Lai đã giáo hóa nay đã bị các đệ tử giết. Nay đã qua đời, ông ấy sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Ông ấy là một người có đức, đầy đủ bốn Đệ, đã dứt sạch ba kết sử, thành quả Tu-đà-hoàn, chắc chắn dứt sạch gốc khổ. Hôm nay, mạng chung sanh lên cõi trời Tam thập tam. Sau này khi gặp Phật Di-lặc, vị ấy sẽ dứt sạch gốc khổ. Đó là nghĩa của nó, hãy niệm tu hành.”

Các đồng tử bạch Phật rằng:

“Kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn để tranh luận hơn thua rồi lại tự trói chặt bởi lý luận của chính mình, đến nhận sự giáo hóa của Như Lai. Phàm đã gặp Như Lai thì hoàn toàn không uống phí. Giống như có người vào biển tìm châu báu, nhất định có thu hoạch, không bao giờ trở về không. Ở đây cũng như vậy, nếu có chúng sanh nào mà đến

chỗ Thế Tôn, chắc chắn sẽ được Pháp bảo, quyết không có trở về không.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì các thiếu niên nói Pháp vi diệu, khiến họ hoan hỷ.

Sau khi nghe Phật thuyết pháp, các đồng tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, đánh lễ sát chân rồi ra về.

Các đồng tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁶⁶

⁶⁶ Bản Hán, hết quyển 30.

38 . PHẨM LỤC

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu loại sức mạnh phạm thường.² Những gì là sáu? Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói. Sa-môn, bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày. Quốc vương dùng kiêu ngạo³ làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện. Song A-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, dùng đại bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sanh.⁴

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Pāli, A.VIII. 27 Bala (R. iv. 223).

² A. ibid. tám loại sức mạnh.

³ A. ibid. quyền ăng tự tại là sức mạnh của vua chúa (*issariyabalā rājāno*).

⁴ Hai sức mạnh sau Pāli thay bằng: vũ khí là sức mạnh của đạo tặc (*āvuddhabalā corā*), chê bai là sức mạnh của kẻ ngu (*ujjhattibalā bālā*), thăm sát là sức mạnh của kẻ trí (*nijjhattibā oañḍitā*), tư trạch là sức mạnh của đa văn (*paṭisañkhānabalā bahussutā*).

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tư duy về tướng vô thường, [717c] phát triển tướng vô thường, đoạn hết ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, tu tướng vô thường, dứt sạch dục ái, sắc ái và vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, viển không còn tàn dư. Vì sao vậy? Khi Tỳ-kheo tu tướng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu ưu khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Các hiền sĩ này không tu tướng vô thường, không phát triển tướng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngã quý, súc sanh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tướng vô thường và phát triển tướng vô thường, liền không còn tướng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sanh về ba đường lành trời, người, và dẫn đến Niết-bàn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi.⁶ Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một gốc cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

⁵ Pāli, A.IV 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, *Tap* (Việt) kinh 1077.

Lúc ấy, có một bà-la-mônđi đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn rất kỳ diệu, bà-la-môn này nghĩ thầm: ‘Đây là dấu chân của người nào, là trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà,⁷ a-tu-la, người hay phi nhân hay là Phạm thiên tổ tiên của ta?’ Lúc ấy, bà-la-môn liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, ông bèn hỏi:

“Ông là vị trời chăng?”

Thế Tôn bảo:

“Ta chẳng phải là trời.”

“Là càn-thát-bà chăng?”

Thế Tôn đáp:

“Ta cũng chẳng phải là càn-thát-bà.”

“Là rồng chăng?”

Đáp:

“Ta chẳng phải là rồng.”

“Là dạ-xoa chăng?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ta chẳng phải là dạ-xoa.”

“Là Tổ phụ chăng?”

“Ta chẳng phải là Tổ **[718a]** phụ.”

Lúc ấy, bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

“Vậy Ngài là ai?”

Thế Tôn nói:

“Người có ái thì có thủ⁸, có thủ thì có tham ái, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sanh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ

⁶ Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukaṭṭhā, một thị trấn ở Kosala.

⁷ Càn-thát-bà.

⁸ Nguyên Hán: thọ.

thủ uẩn không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu xứ trong, tức biết gốc ngọn thủ uẩn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thế gian có ngũ dục;
Ý là vua⁹ thứ sáu.
Biết sáu pháp trong ngoài.
Nên niệm diệt gốc khổ.*

“Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Bà-la-môn, hãy học điều như vậy.”

Bà-la-môn nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ bà-la-môn nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vậy: ‘Thế gian này rất là cần khổ, có sanh, có già, có bệnh, có chết, mà không đạt được cùng tận nguồn gốc của năm thủ uẩn này.’ Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai hoạn này?’ Trong khi đang tư duy, Ta lại sanh khởi ý nghĩ như vậy: ‘Có sanh thì có già, bệnh, chết.’”

“Trong lúc đang tư duy, bấy giờ Ta lại tự nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì có sanh?’ Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vậy: ‘Hữu do đâu mà có?’ Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như

⁹ Đê bản: 生 生. TNM: vương. Cf. *Tứ phần 32* (tr. 791c14): đệ lục vương vi thượng 第六王爲上.

vậy: ‘Hữu này do thủ* mà có hữu.’ Lại tự nghĩ: ‘Thủ này do đâu mà có?’ Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: ‘Do ái mà có thủ.’ Lại tư duy nữa: ‘Ái này do đâu mà sinh?’ Lại quán sát nữa: ‘Do thọ mà có ái.’ Lại tư duy nữa: ‘Thọ này do đâu mà sinh?’ Trong khi đang quán sát: ‘Do xúc mà có thọ này,’ lại tự nghĩ tiếp: ‘Xúc này do đâu mà có?’ Lúc Ta khởi suy niệm này: ‘Duyên sáu xứ mà có sự xúc này,’ thì Ta lại tư duy: ‘Sáu xứ này do đâu mà có?’ Lúc quán sát: ‘Do danh sắc mà có sáu xứ,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Danh sắc do đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do thức mà có danh sắc,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Thức do [718b] đâu mà có?’ Khi quán sát: ‘Do hành sinh thức,’ thì Ta lại tự nghĩ: ‘Hành do đâu mà sinh?’ Khi quán sát, lại thấy: ‘Hành do vô minh mà sinh.’

“Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thủ uẩn như vậy.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: ‘Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?’ Khi Ta quán sát, thấy rằng: ‘Sanh diệt thì già, bệnh, chết diệt.’ Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Do đâu mà không sinh?’ Quán sát gốc của sinh thì thấy: ‘Hữu diệt thì sanh diệt.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu không có hữu?’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Không thủ thì không hữu.’ Ta lại nghĩ: ‘Do đâu mà thủ diệt?’ Khi Ta quán sát, thấy rằng: ‘Ái diệt thì thủ diệt.’ Lại tự nghĩ như vậy: ‘Do gì mà diệt ái?’ Ta lại quán sát thấy: ‘Thọ diệt thì ái diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà thọ diệt?’ Khi quán sát thấy: ‘Xúc diệt thì thọ diệt.’ Lại tư duy: ‘Do gì mà xúc diệt?’ Lúc quán sát thấy: ‘Sáu xứ diệt thì xúc diệt.’ Lại quán sát: ‘Sáu xứ này do gì mà diệt?’ Lúc đang quán sát, Ta thấy: ‘Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt.’ Lại quán sát: ‘Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt.’ Lại quán: ‘Thức này do gì mà diệt?’ Hành diệt thì thức diệt.’ Lại quán: ‘Hành này do gì mà diệt?’ Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ

diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thủ uẩn diệt.

“Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vậy: ‘Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sanh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này. Giống như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thấy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy [718c] rồi, quay trở về bản quốc, đến trước tân vua:

“Hôm qua dạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia.”

“Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sanh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thấy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt, và sinh đạo, thấy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì chúng bốn bộ mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sanh nguồn gốc này: biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết sáu xứ thì biết sanh, già, bệnh, chết; sáu xứ diệt thì sanh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ sáu xứ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết Pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

*Nghe Pháp ưa ngủ nghĩ;
Ý không có thác loạn.
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.*

*Giống như hồ nước sâu,
Lắng trong không bọt dơ.
Người nghe Pháp như vậy,
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.¹⁰*

*Cũng như tảng đá lớn,
Gió lay không thể động.
Như vậy, được khen chê,
Tâm không có dao động.¹¹*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?”

A-na-luật đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

¹⁰ Dhp. 82.

¹¹ Pháp cú Pāli, Dhp. 81.

Phật hỏi A-na-luật [719a]:

“Vì sao ông xuất gia học đạo?”

A-na-luật bạch Phật:

“Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?”

Lúc ấy, tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

“Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.”

Lúc ấy, tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhân căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Sự nỗ lực tinh tấn của người tương ưng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ưng với kết. Hành trì của người hiện nay là nên ở giữa.”

A-na-luật bạch Phật:

“Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bốn nguyện.”

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

“Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.”

Kỳ-vực đáp:

“Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.”

Thế Tôn bảo A-na-luật:

“Người nên ngủ. Vì sao vậy? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tại

lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.”

A-na-luật bạch Phật:

“Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?”

Phật bảo A-na-luật:

“Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nương vào không phóng dật đến được vô vi.”

A-na-luật bạch Phật:

“Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.”

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được thiên nhãn không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.”

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng thiên nhãn thanh tịnh, nghe âm thanh này: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.” Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật, bảo rằng:

“Ông đưa kim [719b] lại đây Ta xỏ cho.”

A-na-luật bạch Phật:

“Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.”

Thế Tôn đáp:

“Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhằm chán. Những gì là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sanh, sáu là cầu Đạo Vô thượng Chánh chơn. Nay A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhằm chán.”

A-na-luật bạch:

“Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu Pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sanh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!”

Thế Tôn bảo:

“Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: ‘Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhàm chán. Nếu chúng sanh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sanh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đoạ vào trong ba đường dữ.’”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Lực mà thế gian có,
Tồn tại trong trời người;
Lực phước là hơn hết.
Do phước được thành Phật.*

“Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, một số các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khát thực, nghe thấy bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đám đông người dân giơ tay kêu gào, tỏ vẻ oán trách: ‘Trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma¹³ hết sức hung bạo, giết hại người vô số, không từ bi đối với hết thầy chúng sanh. Nhân dân trong nước không

¹² Pāli, M 86 Aṅgulimāla (R. ii. 97). Hán, *Tạp* 38, kinh 1077.

¹³ Ương-quật-ma 鶯掘魔. Pāli: Aṅgulimāla.

ai là không kinh tởm lo sợ. Mỗi ngày, nó giết một người, lấy một ngón tay xâu thành chuỗi, cho nên gọi là nó là “Chuỗi Ngón Tay.”¹⁴ Cúi xin Đại vương hãy đi đánh bắt.’

Các Tỳ-kheo sau hi khát thực xong, trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thân cất y bát, lấy toạ cụ vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bảy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

[719c] “Chúng con một số đông vào thành Xá-vệ khát thực nghe thấy bên ngoài cung vua có nhiều người dân kêu than oán trách: ‘Nay trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma là người hung bạo, không có tâm từ, giết hại hết thảy chúng sanh. Người chết, đất nước trống không, đều do kẻ ấy. Nó lại lấy ngón tay người xâu làm tràng hoa.’”

Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo kia nói xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng ra đi.

Thế Tôn ngay sau đó đi đến chỗ tên giặc kia. Những người kiếm củi, nhặt cỏ, người đi cày, người chăn bò, dê, thấy Thế Tôn đi vào con đường ấy, đều bạch với Phật:

“Sa-môn, chớ có đi theo con đường này. Vì sao vậy? Cảnh đường này có giặc cướp tên Ương-quật-ma đang ở đó. Người dân muốn đi vào đường này thì phải tập hợp mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, mà vẫn không qua được, bị Ương-quật-ma bắt giết hết. Nhưng Sa-môn Cù-đàm đi một mình không có bạn sẽ bị Ương-quật-ma quấy nhiễu, chuyện này phải cảnh giác.”

Thế Tôn tuy nghe những lời này, nhưng vẫn đi tới, không dừng lại.

Trong lúc đó, mẹ Ương-quật-ma đem thức ăn đến chỗ Ương-quật-ma. Lúc này, Ương-quật-ma tự nghĩ: ‘Chuỗi ngón tay của

¹⁴ Hán: chỉ man 指鬘; cũng là dịch nghĩa của từ *aṅguli-māla*. Định nghĩa của Pāli: *so manusse vadhitvā vadhitvā aṅgulīnaṃ mālaṃ dhāreti*, nó giết nhiều người, rồi lấy ngón tay làm tràng hoa mà đeo.

ta đã đủ số chưa?’ Nó bèn đếm, số ngón tay vẫn chưa đủ. Lại đếm trở lại, chỉ thiếu một ngón tay người. Ương-quật-ma nhìn quanh quất hai bên, tìm một người lạ để bắt giết, nhưng nhìn khắp bốn phía đều không thấy người. Nó liền tự nghĩ: ‘Thầy ta có dạy, nếu giết hại mẹ thì tất sẽ sanh thiên. Nay mẹ ta đã tự đến đây, ta hãy bắt giết, được đủ số ngón tay là được sanh lên trời.’

Rồi Ương-quật-ma dùng tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút kiếm nói với mẹ: ‘Mẹ ơi, hãy đứng lại một lát.’

Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: ‘Ương-quật-ma này đang tạo ngũ nghịch.’ Ngài lập tức phóng ánh sáng từ giữa chạng mày chiếu khắp núi rừng ấy. Lúc ấy, Ương-quật-ma Thấy ánh sáng này, liền nói với mẹ: ‘Đây là ánh sáng gì mà chiếu khắp núi rừng này? Chẳng phải nhà vua tập hợp binh chúng đem công phạt ta ư?’

Lúc ấy, người mẹ bảo:

“Con ơi, nên biết, đây chẳng phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay lửa, cũng chẳng phải ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương.”

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

Chẳng phải ánh sáng lửa.

Trời, trăng, hay Thích, Phạm.

[720a] *Chim thú không kinh sợ,*

Vẫn ca hát như thường.

Ánh sáng rất thanh tịnh,

Khiến người vui vô lượng.

Ắt là đáng Tối thắng,

Thập lực, đến chốn này.

Trong cõi trời và người,

Thiên nhân nhìn thế giới;

Vì muốn độ cho con

Thế Tôn đến nơi này.

Bấy giờ, Ương-quật-ma nghe đến tiếng Phật, vui mừng hớn hở, không tự dưng được, liền nói:

“Thầy con cũng giáo giới, bảo con: ‘Nếu con có thể giết mẹ, hay Sa-môn Cù-đàm, thì có thể sanh lên trời Phạm thiên.’”

Lúc ấy, Ương-quật-ma bảo mẹ:

“Nay Mẹ đứng đây! Trước hết con bắt giết Sa-môn Cù-đàm giết, sau đó hãy ăn.”

Ương-quật-ma liền bỏ mẹ ra mà chạy đuổi theo Thế Tôn. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, giống như khối vàng, chiếu khắp mọi nơi. Nó cười mà nói rằng: ‘Nay Sa-môn này nhất định ở trong tay ta, tất sẽ giết không nghi ngại. Nhân dân muốn đi vào đường này, họ đều tập hợp đông người, mà đi đường này. Vậy mà Sa-môn này đơn độc không bạn bè. Nay ta sẽ bắt giết ông ta.’”

Rồi Ương-quật-ma liền rút kiếm ra, đi ngược về phía Thế Tôn. Trong lúc đó, Thế Tôn liền quay ngược đường lại, từ từ mà đi. Nhưng Ương-quật-ma chạy rượt theo cũng không thể nào kịp. Khi ấy, Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

“Sa-môn, dừng lại! dừng lại!”

Thế Tôn bảo:

“Ta đã tự dừng rồi. Tự ngươi không dừng!”

Ương-quật-ma vừa chạy, vừa từ xa nói kệ này:

*Đi, mà lại nói dừng.
Lại bảo ta không dừng.
Nói nghĩa này cho tôi:
Ông dừng, tôi không dừng?*

Lúc ấy, Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

*Thế Tôn nói đã dừng,
Vì không hại hết thầy.
Nay ngươi có tâm giết,
Không lìa xa nguồn ác.
Ta dừng nơi tâm từ;*

*Thương giúp cả mọi người.
Người gieo nhân địa ngục,
Không lìa xa nguồn ác.*

Ương-quật-ma nghe bài kệ này, liền tự nghĩ: “Ta đã làm việc ác thật sao? Còn thầy bảo ta: ‘Đó là đại tể đàn, được quả báo lớn, [720b] nếu có thể bắt giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi, thì được quả như sở nguyện mình. Người như vậy, sau khi chết vào chỗ lành, sanh lên trời. Nếu bắt giết mẹ ruột và Sa-môn Cù-đàm thì sẽ sanh lên Phạm thiên.’” Lúc ấy, Phật liền dùng oai thần, khiến thần thức của nó chợt sáng: “Các sách vở của bà-la-môn cũng có nói rằng Như Lai ra đời rất là khó gặp, thật lâu, ức kiếp mới xuất hiện một lần. Khi vị ấy ra đời, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Vị ấy nói Pháp diệt trừ sáu kiến chấp. Sao gọi là sáu? Người nói có ngã kiến, liền nói pháp diệt trừ ngã kiến; người nói không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ không có ngã kiến; người nói vừa có ngã kiến, vừa không có ngã kiến thì, cũng vì họ nói pháp diệt trừ vừa có ngã vừa không có ngã. Lại tự quán sát, nói pháp đã được quán sát, tự nói pháp vô ngã, cũng chẳng phải pháp Ta nói, cũng chẳng phải pháp Ta chẳng nói. Nếu Như Lai xuất thế sẽ nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp này. Lại nữa, khi ta chạy đi thì có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và nhân dân, nhưng Sa-môn này đi không nhanh vội, song hôm nay ta không thể theo kịp người này. Đây chắc phải là Như Lai.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ này:

*Tôn giá đã vì tôi
Mà nói kệ vì diệu.
Người ác nay biết chân,
Đều nhờ oai thần Ngài.
Lập tức bỏ kiếm bén,
Ném vào trong hang sâu.
Nay lễ chân Sa-môn
Liền cầu làm Sa-môn.*

Rồi Ương-quật-ma liền đến trước bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy đến đây, Tỳ-kheo!” Lập tức Ương-quật-ma liền thành Sa-môn, mặc ba pháp y.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nay ông đã cạo đầu;
Trừ kết sử cũng vậy.
Diệt kết, đắc quả lớn;
Không còn sầu, khổ nữa.*

Ương-quật-ma sau khi nghe những lời này, dứt sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ. Trong lúc đó, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn bộ binh, định đánh dẹp Ương-quật-ma. Khi ấy, vua liền tự nghĩ: ‘Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thưa đầy đủ lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn [720c] có dạy điều gì thì sẽ phụng hành.’

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền tập họp binh bốn bộ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, hôm nay sắp đi đâu, mà thân thể đầy bụi bặm đến như vậy?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Nay trong nước con có giặc cướp tên Ương-quật-ma hết sức hung bạo, không có lòng từ đối với hết thảy chúng sanh. Đất nước hoang vắng, nhân dân lưu tán, đều do tên tặc này. Nay nó bắt người giết đi, lấy ngón tay xâu thành chuỗi. Đó là quý dữ, chẳng phải là người. Nay con muốn bắt người này mà giết đi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu Đại vương thấy Ương-quật-ma với lòng tin kiên cố đã xuất gia học đạo, thì sẽ làm sao?”

Vua bạch Phật rằng:

“Còn biết làm gì hơn, là cung kính, cúng dường, tùy thời lễ bái! Nhưng, bạch Thế Tôn, nó lại là người ác, không có một mây may thiện, thường giết hại, thì có thể có tâm xuất gia học đạo này chăng? Hoàn toàn không thể có việc ấy!”

Lúc ấy, Ưong-quật-ma đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ và nói với vua:

“Đó là tên cướp Ưong-quật-ma.”

Vua nghe những lời này, trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng.

Thế Tôn bảo vua:

“Chớ sinh lòng sợ hãi, hãy bước đến trước, thì tự vua sẽ tỏ ý mình.”

Vua nghe lời Phật dạy, liền đến trước Ưong-quật-ma, nói với Ưong-quật-ma:

“Ông họ gì?”

Ưong-quật-ma đáp:

“Tôi họ Già-già,¹⁵ mẹ tên Mãn Túc¹⁶.”

Lúc ấy, vua đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua hỏi:

“Khéo vui trong chánh pháp này, chớ có lười biếng, tu phạm hạnh thanh tịnh để dứt gốc khổ. Tôi sẽ trọn đời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh.”

Ưong-quật-ma im lặng không đáp. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân. Quay trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

¹⁵ Già-già 伽伽. Pāli: Gagga, là tên cha. Họ là Bhagava.

¹⁶ Mãn Túc 滿足. Pāli: Mantāṇī.

Lúc ấy, vua lại bạch với Phật:

“Người chưa hàng khiến hàng, người chưa phục khiến phục. Thật là kỳ lạ, hiếm có! Cho đến có thể hàng phục người cực ác. Cầu mong Thế Tôn thọ mạng vô cùng, để nuôi dưỡng nhân dân. Nhờ ơn Thế Tôn mà thoát được nạn này. Việc nước bề bộn, con xin trở về thành.”

Thế Tôn bảo:

“Vua nên biết đúng lúc!”

Bấy giờ, quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ [721a] sát chân Phật, rồi lui đi.

Lúc bấy giờ, Ương-quật-ma hành a-lan-nhã, đắp y năm mảnh. Đến giờ, vị ấy ôm bát, đi đến từng nhà khát thực, một vòng rồi trở lại từ đầu; đắp y rách vá, thô xấu, tồi tàn, lại ngồi ở giữa trời trống, không che thân thể. Ương-quật-ma ở nơi vắng vẻ, tự tu hạnh này, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, biết như thật rằng, Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Bấy giờ, Ương-quật-ma liền thành A-la-hán, sáu thông trong suốt không còn bụi dơ.

Sau khi đã thành A-la-hán, đến giờ đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, có một thiếu phụ đang sanh khó. Thấy vậy, vị ấy liền tự nghĩ: ‘Đau khổ thay, chúng sanh chịu bức não¹⁷ vô hạn.’ Sau khi thọ thực xong, Ương-quật-ma cất y bát, lấy toạ cụ đặt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

¹⁷ Để bản chép: thọ thai 受胎. TNM: thọ não. Sửa lại cho phù hợp với Pāli: *kilissanti vata bho sattā*.

“Vừa rồi, con đập y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, gặp một người nữ thân thể mang thai nặng nề.¹⁸ Lúc ấy, con liền tự nghĩ: ‘Chúng sanh chịu khổ đến như vậy sao?’”

Thế Tôn đáp:

“Ông hãy đến chỗ người phụ nữ ấy, nói như vậy: ‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền Thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến¹⁹!’”

Ương-quật-ma đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Ngay trong ngày ấy, Ương-quật-ma liền đập y, mang bát, vào thành Xá-vệ, đến chỗ người mẹ kia, nói với cô: “‘Từ khi tôi sanh trong nhà Hiền Thánh đến nay, chưa từng sát sanh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến.’”

Lúc ấy, người mẹ mang thai liền sanh được.

Một hôm, Ương-quật-ma vào thành khát thực, các nam, nữ lớn nhỏ, mọi người đều nói với nhau:

“Đó gọi là Ương-quật-ma, đã giết hại chúng sinh không thể kể, nay lại đi trong thành khát thực.”

Rồi thì, nhân dân trong thành, mọi người lấy gạch đá đả thương, hoặc dùng dùng dao chém, khiến đầu mặt Ương-quật-ma bị thương, y phục bị rách hết, máu chảy nhớp thân thể. Sau khi ra khỏi thành Xá-vệ, Ương-quật-ma đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn thấy Ương-quật-ma bị thương tích đầy

¹⁸ Nguyên Hán: trọng nhâm 重妊. Tương thuật không phù hợp với trả lời của Phật. Có lẽ tương đương Pāli: *mūlhagabbham*, sanh khó, nhưng Hán dịch hiểu *mūlha* theo nghĩa đen là “nặng nề, chậm chạp.”

¹⁹ Pāli, định cú: *tena saccena sotthi te hotu*, “bằng sự thật này, mong cho cô được an lành.” Đây là một *paritta*, hộ chú, cầu thần chú cứu hộ, phổ biến trong Pāli.

đầu mặt, máu chảy ướt y, đang đi đến. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói:

“Ngươi hãy nhẫn nhịn! Vì sao vậy? Tội này, đáng ra phải chịu báo mãi trong một kiếp lâu dài.”

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bây giờ Ương-quật-ma ở trước Như Lai nói kệ này:

*Kiên cố nghe pháp cú;
Kiên cố hành Phật Pháp;
Kiên cố gần bạn lành;
Liền đến nơi diệt tận.*

*Con vốn là đại tặc,
Tên là Ương-quật-ma,
Bị cuốn trôi theo dòng,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.*

*Nay quán, tự trả nghiệp,
Cũng nên quán gốc pháp.
Nay đã đắc ba minh,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.*

*Con vốn tên Vô Hại,²⁰
Nhưng giết hại vô kể,²¹
Nay tên Chân Đế Thật,²¹
Không còn hại gì nữa.*

*Giả sử thân, miệng, ý,
Đều không tâm thức hại;
Đó là không sát hại;*

²⁰ Vô Hại 無害. Pāli: Ahimsaka, tên cha mẹ đặt. Anḡimāla là tên do người đời đặt.

²¹ Chân Đế Thật. Pāli: *Sacca*. Nhưng Pāli, (...) *ajjāham saccanāmomhi*, (...), [Tôi vốn tên Vô Hại, nhưng đã hại người rất nhiều người], *nay chân thật* [là Vô Hại, vì không còn hại ai nữa].

Huống gì khởi tư tưởng.

*Thợ cung hay nắn sừng (?),²²
Nhà thủy hay dẫn nước;
Người thợ chạm, đẽo gỗ;
Bậc trí tự điều thân.²³*

*Hoặc dùng roi gậy phục;
Hoặc dùng lời lẽ khuất,
Trợn không dùng đao gậy.
Nay con tự hàng phục.*

*Trước, người gây tội ác,
Sau dùng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như mây tan, trăng hiện.*

*Trước, người gây tội ác,
Sau dùng không tái phạm,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mây tan, mặt trời hiện.*

*Tỳ-kheo già, trẻ khoẻ,
Tu hành, hành Phật pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Như trăng kia, mây tan.²⁴*

*Tỳ-kheo già, trẻ khoẻ,
Tu hành theo Phật Pháp,
Chiếu sáng khắp thế gian;
Mặt trời kia, mây tan.*

Nay con chịu chút khổ.

²² Hán: giác 角. Cf. Dhp. 80: *usukārā namayanti tejanam*, thợ làm tên nắn thẳng mũi tên.

²³ Dhp. 80.

²⁴ Cf. Dhp. 382.

*Ăn uống tự biết đủ,
Thoát hết tất cả khổ.
Duyên cũ nay đã hết.*

*Không theo dấu tử thân,
Cũng không còn tái sanh;
Nay chỉ đợi thời tiết,
Hoan hỷ, không rối loạn.*

Bấy giờ, Như Lai hứa khả những gì Ưong-quật-ma nói. Ưong-quật-ma [721c] thấy Như Lai đã im lặng hứa khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Ưong-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí huệ, mặt mày xinh đẹp hiếm có trên đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà trên thân hiện này sát hại chúng sanh vô số kẻ? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,²⁵ có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lĩnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ, nhưng không có con cái. Bấy giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sanh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: “Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sanh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng.”

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

²⁵ Truyện tiền thân của Aṅgulimāla, Pāli, Jataka 537: Mahā-Sutasoma.

“Nay ta đã sanh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.”

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

“Nay Thái tử này rất kì diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thể lực lớn, nay nên đặt tên là Đại Lực.”

Sau khi thầy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: ‘Thái tử này, tự thật là kỳ lạ!’ Vua liền bảo thái tử:

“Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?”

Thái tử tâu vua:

“Nay con còn nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?”

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

“Ta muốn cưới vợ cho con.”

Thái tử tâu vua:

“Con không cần cưới vợ.”

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

“Ta trước kia không có con cái, qua [722a] thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tí vết.”

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

“Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm đục, làm sao xử lí việc nước?”

Quần thần đáp:

“Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.”

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

“Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.”

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chung, hiểu rõ sáu mươi bốn biến. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: ‘Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.’ Cô liền đến chỗ vua cha và tâu:

“Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.”

Vua cha bảo:

“Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.”

Dâm nữ tâu vua:

“Thái tử ngủ ở đâu vậy?”

Vua bảo:

“Ở toà nhà phía Đông, không có nữ nhon. Chỉ có một người nam làm thị vệ ở đó.”

Người nữ tâu:

“Cúi xin Đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.”

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

“Đây là người nào đến đây mà khóc?”

Người hầu đáp:

“Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.”

Thái tử nói:

“Khanh mau đến chỗ đó, hỏi vì sao khóc?”

Người hầu kia liền đến chỗ đó hỏi vì sao khóc. Dâm nữ đáp:

“Bị chồng bỏ, cho nên khóc!”

Người hầu trở vào tâu Thái tử:

“Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!”

Thái tử bảo:

“Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.”

Đến đó, cô lại vẫn khóc. Thái tử bảo dẫn vào chuồng ngựa, cô lại khóc.

Thái tử lại bảo quan hầu:

“Dẫn đến đây!”

Cô liền được dẫn vào nhà. Ở đây cô lại vẫn khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

“Vì sao lại khóc?”

Dâm nữ đáp:

“Thưa thái tử, người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên khóc.”

Thái tử bảo:

“Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.”

[722b] Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì, người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, nhưng rồi dần dần khởi dục tưởng. Khi dục tâm đã khởi thì thân thể đến với nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác với ngày thường, liền nói:

“Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?”

Thái tử đáp:

“Đúng như Đại vương nói.”

Lúc này, vua cha vui mừng hơn hở, không xiết kể, bèn nói:

“Con muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?”

Thái tử nói:

“Những gì cha đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!”

Thời vua bảo:

“Như những gì con đã nói, cha quyết không hối tiếc. Con muốn cầu ước nguyện gì?”

Thái tử tâu vua:

“Ngày nay, Phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, trước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.”

Lúc ấy, vua bảo:

“Ta sẽ làm theo lời con.”

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

“Ai có con gái chưa gã chồng, trước đưa đến cho thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gã chồng.”

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái trưởng giả Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy, nói với nhau:

“Đây là con gái trưởng giả, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?”

Người nữ nói với mọi người:

“Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các ngươi có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mặc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì tôi mới mặc quần áo.”

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

“Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.”

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

“Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.”

Vua hỏi:

“Hai lời nguyện gì?”

Nhân dân tâu vua:

“Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự [722c] thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.”

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người.

Vì thôn, mất một nhà.

Vì nước, mất một thôn.

Vì thân, mất thể gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

“Nay chính đã đúng lúc! Tuỳ ý các khanh.”

Bấy giờ, mọi người liền bắt trời hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

“Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!”

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyện:

“Những người dân này bắt ta giết uống. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này, và lại mong gặp A-la-hán chân nonh để sớm được giải thoát.”

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

“Này các Tỳ-kheo, các người chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy há người nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm

nữ lúc ấy nay chính là vợ của ông thầy ấy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các đệ tử ta, người có trí huệ, thông minh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁶

KINH SỐ 7²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy núi Linh thú²⁸ này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác. Các người có thấy núi Quảng phổ²⁹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

²⁶ Bản Hán, hết quyển 31.

²⁷ Pāli, M.116 Isigili (R.iii.68).

²⁸ Linh thú sơn 靈鷲山, tức Kỳ-xà-quật 耆闍崛山. Pāli: Gijjhikūṭa.

²⁹ Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla (Vipulla), núi cao nhất trong năm núi bao quanh thành Vương xá.

“Các người nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Bạch thiện³⁰ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các người có thấy núi Phụ trọng³¹ không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Các người có thấy núi Tiên nhân quật³² không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ, có thấy.”

“Quá khứ lâu xa, núi này cũng có tên như vậy. Vì sao vậy? Núi Tiên nhân là nơi thường có các vị Bồ tát thần túc, đấng đạo A-la-hán và các vị tiên nhân cư trú. Các vị Bích-chi-phật cũng du hành trong núi ấy. Nay Ta nói danh hiệu của các vị Bích-chi-phật, các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Có Bích-chi-phật tên A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, có Bích-chi-phật tên Thẩm Đế Trọng, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Quán, có Bích-chi-phật hiệu Cứu Cánh, có Bích-chi-phật hiệu Thông Minh, có Bích-chi-phật hiệu Vô Cầu, có Bích-chi-phật hiệu Đế-xa, Niệm Quán, Vô Diệt, Vô Hình, Thắng, Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi Điện, Quang Minh.³³ Nay các Tỳ-kheo! Khi Như Lai không xuất thế,

³⁰ Bạch thiện sơn 白善山. Pāli: Paṇḍava.

³¹ Phụ trọng sơn 負重山. Pāli: Vebhāra.

³² Tiên nhân quật 仙人掘山. (chữ 掘 nên sửa lại là 窟) Pāli: Isigili, một trong năm núi quanh Vương xá, được nói là đẹp nhất.

³³ Danh sách các Bích-chi-phật theo Pāli: Ariṭṭho (A-lị-trá 阿利吒); Upariṭṭho (Bà-lị-trá 婆利吒); Tagarasikhī (Hán đọc là Takkasikhī, Thẩm Đế Trọng 審諦重?); Yasassī; Sudassano (Thiện Quán 善觀); Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto (Hán đọc là Niṭṭha, Cứu Cánh 究竟?);

bảy giờ trong núi này có năm trăm vị Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn này. Khi Như Lai ở trên trời Đâu-suất muốn lai sinh, Thiên tử Tịnh cư tự đến đây thông báo và ra lệnh cho tất cả thế gian: ‘Hãy làm thanh tịnh cõi Phật để hai năm sau Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.’

“Các vị Bích-chi-phật sau khi nghe vị thiên nhơn nói rồi, đều bay lên hư không mà nói kệ này:

*Khi Phật chưa xuất thế,
Hiền Thánh trú nơi đây.
Bích-chi-phật tự ngộ,
Thường sống trong núi này.*

*Núi này tên Tiên nhơn
Nơi ở Bích-chi-phật
Tiên nhơn và La-hán
Không lúc nào vắng mặt.*

“Lúc ấy, các vị Bích-chi-phật liền ở trên không trung thiêu thân nhập Bát-niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đời không hai hiệu Phật, nên phải diệt độ vậy. Trong đoàn khách buôn không cần hai người lãnh đạo. Trong một nước không có hai vua. Một cõi Phật không hai tôn hiệu. Vì sao vậy? Vì trong quá khứ lâu xa, thành La-duyệt có vua tên Hỷ Ích thường nghĩ đến thống khổ địa ngục, cũng nghĩ đến nỗi khổ nga quý, súc sanh. Bảy giờ, vua ấy liền tự nghĩ: ‘Ta thường nhớ nghĩ đến thống khổ nơi địa ngục, nga quý, súc sanh; nay ta không nên đi vào ba đường dữ này. Nên xả bỏ hết ngôi vua, vợ con, tôi tớ, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.’

Tatho (Hán?), Sutavā (Hán?); Bhāvitatto (Niệm Quán 念觀). Các vị khác được kể thêm trong phần kệ của Pāli: Hán: Đế-xa 帝奢, Pāli: Tissa. Thông Minh 聰明 (Pāli?). Vô Cấu 無垢 (Pāli?). Vô Diệt 無滅 (Pāli?). Vô Hình 無形 (Pāli?). Thắng 勝 (Jeta). Tối Thắng 最勝 (Jayanta). Cực Đại 極大 (Pāli?). Cực Lôi Điện 極雷電. (Pāli?). Quang Minh 光明 (Pāli?).

“Bấy giờ, đạ vương Hỷ Ích chán ghét nỗi khổ này liền xả bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, ở tại nơi vắng vẻ tự khắc chế mình, quán năm thủ uẩn, quán rõ vô thường: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, thấy đều vô thường. Khi đang quán năm thủ uẩn này, thấy rằng các pháp có thể tập khởi là pháp diệt tận. Sau khi quán sát pháp này, liền thành Bích-chi-phật.

“Lúc ấy, Bích-chi-phật Hỷ Ích đã thành đạo quả, liền nói kệ này:

*Ta nghĩ khổ địa ngục,
Súc sanh, trong năm đường;
Bỏ nó mà học đạo;
Một mình không sầu ưu.*

“Lúc ấy, Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhơn kia. Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết trong núi này thường có Bồ-tát thần túc, những bậc Chân nhơn đắc đạo, người học đạo tiên đang cư trú trong đó. Cho nên gọi là núi Tiên nhơn, không có tên nào khác. Khi Như Lai không xuất hiện ở đời, chư thiên thường đến núi này đánh lễ. Vì sao vậy? Trong núi này toàn là các bậc Chân nhơn, không có lẫn lộn. Nếu khi Phật Di-lặc giáng thần xuống thế gian, tên [723b] các núi đều đổi khác, chỉ có núi Tiên nhơn vẫn không tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng không khác. Tỳ-kheo, các ngươi nên thân cận núi này, cung kính, thừa sự sẽ tăng ích các công đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chuyên niệm mà tự tu tập. Thế nào là chuyên niệm? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi biết đi, cử động, tới dừng, co, duỗi, cúi, ngược, mặc pháp y, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc nói, hoặc im lặng, thấy đều biết thời. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chánh, với Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sinh liền không sinh, đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, đã sanh liền diệt, vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, đã sanh liền diệt. Nếu chuyên niệm phân biệt sáu xứ, trọn không rơi vào đường dữ.

“Sao gọi sáu xứ là đường dữ? Mắt nhìn sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp thì thích, thấy xấu thì không thích. Tai nghe tiếng hoặc hay, hoặc dở. Nghe tiếng hay thì thích, nghe tiếng không hay thì không thích. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giống như có sáu loại thú có tánh nết khác nhau, hành động cũng khác. Nếu có người bắt chó, cáo, vượn, cá chiên,³⁵ rắn, chim, tất cả đều cột lại, nhốt chung vào một nơi rồi thả đi. Bấy giờ, trong sáu loại vật, mỗi con sẽ thể hiện mỗi tính cách.

“Bấy giờ, trong ý con chó muốn chạy vào thôn; trong ý con cáo muốn chạy đến gò mả; trong ý con cá chiên muốn vào trong nước; trong ý con vượn muốn vào rừng núi; trong ý rắn độc muốn vào trong hang; trong ý chim muốn bay lên hư không. Sáu loài, mỗi loài có tánh cách khác nhau.

“Nếu có người lại bắt sáu loại vật này nhốt vào một chỗ, không cho chúng tự do đi theo bốn hướng. Lúc này, sáu con vật ấy tuy đi lại nhưng không rời khỏi chỗ cũ trong đó. Sáu tình cũng lại

³⁴ Pāli, S. 35. 206 Chapāna (R. iv. 198)

³⁵ Hán: chiên ngư 鱧魚. Pāli: *susumāra*, cá sáu.

như vậy, mỗi loại đều có chủ đích riêng, phận sự bất đồng, lối nhìn cũng khác biệt, hoặc tốt hoặc xấu.

“Bấy giờ, Tỳ-kheo buộc sáu tình này mà đặt một chỗ. Cho nên, **[724a]** các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ chuyên tinh, ý không tán loạn. Lúc ấy, tỳ ma Ba-tuần hoàn toàn không có cơ hội, các công đức lành thay đều được thành tựu.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, nên niệm đầy đủ nhãn căn, sẽ được hai quả: ở trong hiện pháp đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường. Đã tư duy tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, liền đoạn trừ được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, đoạn sạch kiêu mạn, vô minh. Vì sao vậy? Ngày xưa, trong đời quá khứ lâu xa, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Mục,³⁶ tướng mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, nhìn xem xét kỹ thì, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn.

“Bấy giờ, Thiện Mục Bích-chi-phật, đến giờ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực, dần dần đến nhà đại trưởng giả, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, con gái của trưởng giả từ xa thấy có đạo sĩ đứng ở ngoài cửa, vô cùng đoan chánh, tướng mạo đặc thù hiếm có trên đời, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên đàn, liền khởi dục tâm, đến chỗ Tỳ-

³⁶ Thiện Mục 善目; Pāli: Sunetta, cf. DhA. ii 71 f.

kheo kia nói rằng: ‘Ông xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Nay tôi tuy là xử nữ, nhưng lại cũng xinh đẹp. Chúng ta hãy hòa hợp. Trong nhà tôi rất nhiều châu báu, vô số của cải; còn làm Sa-môn thật là không phải dễ.’

“Lúc ấy, Bích-chi-phật hỏi: ‘Này cô em, cô mê chỗ nào?’ Con gái trưởng giả đáp: ‘Tôi thật sự mê sắc của cặp mắt. Lại nữa trong miệng tỏa mùi hương hoa sen ưu-bát, thân lại tiết ra mùi hương chiên đàn.’

“Khi ấy Bích-chi-phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay mà bảo: ‘Cái mà cô gọi con mắt đáng yêu đây! Cô em, bây giờ cô còn mê chỗ nào nữa? Giống như ung nhọt, chẳng có gì đáng ham cả, mà trong mắt này cũng rỉ bất tịnh. Cô em nên biết, con mắt như bọt nước nổi, cũng không bền chắc, huyền nguy không thật, mê hoặc người đời. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều [724b] không bền chắc, giả dối không thật. Miệng là nơi khắc nhổ đờm dãi, ra những vật bất tịnh, chứa toàn xương trắng. Thân là đồ chứa sự khổ, là pháp hoại diệt, là nơi thường chứa chất hôi thối, là nơi các loại vi trùng quấy rối. Cũng như chiếc bình vỡ, bên trong đựng bất tịnh. Này Cô em, nay cô mê chỗ nào? Cho nên, này cô em, hãy chuyên tâm tư duy, pháp này huyền nguy không thật. Nếu Cô em tư duy về nhân sắc vô thường, những ý tưởng nào đắm đuối dục liền tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân, ý chẳng đều vô thường. Sau khi tư duy điều này, những gì là dục ý tự sẽ tiêu trừ. Tư duy về sáu xứ sẽ không có tướng dục.’

“Lúc ấy, con gái trưởng giả liền hoảng sợ, đến trước lạy ngay sát chân vị Bích-chi-phật, bạch Bích-chi-phật: ‘Từ nay trở đi con xin sửa lỗi tu thiện, không còn khởi tướng dục nữa. Cúi xin ngài nhận sự hối lỗi.’ Nói ba lần như vậy.

“Bích-chi-phật bảo: ‘Thôi, thôi, Cô em! Đó chẳng phải lỗi của cô, mà là tội từ đời trước của ta, nên mang hình này khiến người thấy đều khởi ý dục tình. Hãy quán sát kỹ mắt. Mắt này chẳng phải ta, ta chẳng phải của mắt, cũng chẳng phải ta tạo,

cũng chẳng phải nó làm, từ trong không có mà sanh, đã có rồi tự hư hoại; cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau; mà đều do nhân duyên hội hợp. Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy, thấy đều trống không. Cho nên, Cô em chớ đăm nhẩn sắc. Do không đăm sắc mà đến nơi an ổn, không còn dục của tình. Nay Cô em, hãy học điều này như vậy.’

“Bấy giờ, Bích-chi-phật vì người nữ kia nói bốn pháp phi thường, rồi bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hoá, sau đó trở về chỗ cũ.

“Lúc ấy, người nữ kia quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều không có sở hữu, liền ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp này. Người nữ kia lại tư duy về sáu tình không chủ, đạt được bốn vô lượng tâm, thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, nếu tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh, thấy đều trừ sạch.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.³⁸

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

³⁷ Tham chiếu, Pāli, M. 89 Dhammacetiya (R. ii. 117). Hán: *Trung 59*, kinh 213.

³⁸ Đoạn tự thuyết này không phù hợp với báo cáo được nói trong đoạn sau của Kinh. Xem cht. 41.

“Người chuẩn bị xe [724c] lông chim*. Ta muốn đi ra ngoài xem xét.”

Người kia vâng lời vua dạy, chuẩn bị xe lông chim, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xong xe vũ bảo. Vua nên biết đúng thời.”

Vua Ba-tur-nặc dẫn theo người này³⁹ ra khỏi thành Xá-vệ, đến khu vườn kia,⁴⁰ thấy cây cối không một tiếng động, cũng không bóng người, tịch nhiên trống vắng. Thấy vậy, vua liền nhớ lại Như Lai đã từng thuyết về gốc các pháp. Lúc ấy, người đánh xe đứng phía sau cầm quạt, quạt hầu vua. Vua nói:

“Cây cối, hoa quả vườn này không một tiếng động, cũng không một bóng người dân, tịch nhiên trống vắng. Nay ta muốn thỉnh Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác du hoá ở đây, nhưng không biết hiện nay Như Lai đang ở đâu. Ta muốn đến hầu thăm.”

Người hầu nói:

“Dòng họ Thích có thôn tên Lộc đường;⁴¹ Như Lai đang giáo hoá ở đó.”

vua Ba-tur-nặc bảo:

“Lộc đường ấy cách đây gần hay xa?”

Người hầu tâu:

“Chỗ ở Như Lai cách đây không xa, nếu tính dặm đường, chỉ khoảng ba do tuần.”

Lúc ấy, vua Ba-tur-nặc bảo:

³⁹ Pāli: Dīgho Kārāyano (*Trung* kinh 213: Trường Tác 長作), tổng chỉ huy quân đội của Vua. Sớ giải Pháp cú (DhA.iii. 355) cho biết, chính thời điểm này, ông này âm mưu với Thái tử Viḍḍadabha âm mưu cướp ngôi.

⁴⁰ Pāli: thị trấn Nagaraka. Sớ giải Pāli nói, đây là một thôn của người Thích-ca. *Trung* ibid.: thị trấn tên là Ấp 邑名城.

⁴¹ Lộc đường 鹿堂. Pāli: bây giờ Thế tôn đang ở giữa những người họ Thích, tại thị trấn Medalumpa. *Trung* ibid.: Di-lũ-li 彌婁離.

“Hãy chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đi gặp Như Lai.”

Vâng lệnh vua, người ấy liền chuẩn bị xe, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua liền lên xe đi đến thôn ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống. Khi ấy, vua xuống xe, đến chỗ các Tỳ-kheo; đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, vua bạch Tỳ-kheo:

“Như Lai hiện đang ở đâu? Con muốn gặp Ngài.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn đang ở trong giảng đường này. Vua có thể vào gặp Ngài, chớ có ngại.”

Vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra một tiếng động. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu. Người ấy liền tự nghĩ: “Nay hãy để vua vào gặp Thế Tôn một mình. Ta nên đứng đây.”

Bấy giờ, vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn bằng thiên nhãn thấy vua đang đứng ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mở cửa cho vua. Thấy Thế Tôn, vua liền đánh lễ sát chân, tự xưng tên họ” “Con là Vua Ba-tư-nặc.” Ba lần tự xưng danh hiệu.

Thế Tôn nói:

“Ông là Vua. Còn Ta là dòng họ Thích xuất gia học đạo.”

Vua bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn kéo dài tuổi thọ đến vô cùng, để trời người được an lạc.”

Thế Tôn bảo:

“Chúc đại vương cũng sống lâu vô cùng, theo pháp **[725a]** cai trị, chớ đừng phi pháp. Những ai cai trị đúng pháp đều sanh lên trời, xứ lành; sau khi chết danh tiếng còn mãi, người đời truyền rằng: ‘Xưa có vua đúng pháp cai trị dân, chưa từng tà vạy.’”

Nếu có người dân nào sống trong cảnh giới của vua này, khen ngợi công đức của vua, nhớ nghĩ không quên. Thân vua ở trên trời, tăng sáu việc công đức. Những gì là sáu? Một được thọ tuổi trời, hai được sắc đẹp trời, ba được thú vui trời, bốn được thần túc trời, năm được oai đức trời, sáu được ánh sáng trời. Vì vậy, Đại vương, hãy theo pháp cai trị dân, chớ đừng phi pháp. Ngày nay, tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.”

Vua bạch Phật:

“Công đức của Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái.”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao hôm nay Ông nói Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?”

Vua bạch Phật rằng:

“Như Lai có sáu công đức⁴² xứng đáng được nhận người lễ bái. Những gì là sáu? Chánh pháp Như Lai rất là hoà nhã, được người trí tu hành. Đó gọi là công đức đầu tiên của Như Lai đáng thờ, đáng kính.

“Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hoà thuận, thành tựu pháp tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát trí kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó gọi là công đức thứ hai của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai có chúng bốn bộ đều học tập, thực hành pháp cần được thực hành, không quá nhiều Như Lai thêm nữa. Đó gọi là công đức thứ ba của Như Lai.

⁴² *Trung* ibid.: pháp tĩnh 法靖, sự loại suy về pháp. Pāli: *dhhammanvaya*, tổng tướng của pháp, loại cú của pháp, mục đích thứ tự của pháp. Đây chỉ sự suy diễn dựa trên những chúng nghiệm thực tế.

“Lại nữa, Thế Tôn, con thấy dòng sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ, sa-môn, tài cao, hơn đời đều tập họp lại bàn luận: ‘Chúng ta phải đem luận đề này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia không đáp luận đề này thì ông ấy còn yếu kém. Nếu có thể đáp thì chúng ta sẽ khen hay.’ Lúc ấy, bốn dòng họ đến chỗ Thế Tôn mà hỏi luận này, hoặc lại có người im lặng. Bấy giờ, Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ không hỏi thêm gì nữa, hướng chi lại muốn tranh luận và đều thờ Như Lai làm Thầy. Đó gọi là công đức thứ tư của Như Lai.

“Lại nữa, có sáu mươi hai kiến giải ngoại đạo lừa dối người đời, không hiểu chánh pháp do đó đưa đến ngu si. Nhưng Như Lai có thể trừ các nghiệp tà kiến này, sửa cho họ Chánh kiến. Đó gọi là công đức thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, chúng sanh tạo ác bởi thân, miệng, ý. Nếu mạng chung mà nhớ nghĩ [725b] công đức Như Lai thì được lìa ba đường dữ, được sinh lên trời. Cho dù là người cực ác, cũng được sinh lên trời. Đó gọi là công đức thứ sáu của Như Lai. Vì vậy nên chúng sanh nào thấy Như Lai cũng đều sanh tâm cung kính mà cúng dường Ngài.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay Đại vương, đã có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử, diễn bày công đức của Như Lai! Cho nên, Đại vương, hãy thường khởi tâm hướng về Như Lai. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vì diêu khiến sinh hoan hỷ. Đại vương sau khi nghe Phật thuyết pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân thế tôn rồi lui đi. Sau đó không lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người nên cúng dường pháp này, khéo tụng niệm. Vì sao vậy? Vì đây là những điều vua Ba-tư-nặc đã nói. Các người cũng nên vì chúng bốn bộ giảng rộng nghĩa ấy.”

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo quần thần:

“Các khanh hãy nhanh chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đến gặp Thế Tôn.”

Quần thần vâng lệnh vua, chuẩn bị xe lông chim, rồi đến trước tâu vua:

“Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.”

Vua lên xe lông chim, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyet.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua. Khi vua thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi lui đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, quỷ thần trong thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành, làm cho người dân tử vong vô số kể, trong một ngày mà người chết có đến số trăm. Quỷ thần la-sát đầy dẫy trong ấy. Bệnh nhân mặt mũi vàng vọt, sau ba, bốn ngày thì chết. Nhân dân thành Tỳ-xá-ly hoảng sợ, tập hợp lại một chỗ cùng bàn bạc:

“Đại thành này rất thịnh vượng, đất tốt được mùa, người giàu vui vô hạn, giống như thiên cung, [725c] chỗ ở Đê Thích. Nhưng nay bị quỷ thần này làm hại, sẽ tử vong hết, hoang vắng như núi rừng. Ai có thần đức để trừ tai họa này?”

Rồi mọi người dân tụ bảo với nhau:

“Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào thì nơi đó tà ma, ác quỷ không đến gần quấy nhiễu được. Nếu Như Lai đến đây, các quỷ thần này tự tâu tán. Nhưng hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành La-duyet kia, đang được vua A-xà-thế cúng dường; e rằng Ngài sẽ không đến giáo hoá chốn này.”

Hoặc lại có người nói:

“Như Lai có từ bi lớn, thương tưởng chúng sanh, nhìn thấy tất cả khắp nơi; người chưa khiến cho được độ, như mẹ thương yêu con, không bỏ rơi bất cứ một chúng sanh nào. Nếu có người thỉnh, Như Lai đến liền. Vua A-xà-thế chắc không giữ lại được. Ai có thể chịu đi đến nước vua A-xà-thế mà bạch Thế Tôn rằng ‘Nay trong thành chúng con đang gặp nguy khốn này. Cúi xin Thế Tôn thương xót chiếu cố.’?”

Lúc ấy, có đại trưởng giả tên Tội Đại đang họp trong chúng này. Mọi người nói với trưởng giả:

“Chúng ta nghe nói, Sa-môn Cù-đàm đến nơi nào thì nơi đó tà ma ác quỷ không thể làm hại. Nếu Như Lai đến chốn này, có thể trừ được tai họa này liền. Ngài hãy đến chỗ Thế Tôn bạch đầy đủ ý này, để cho thành quách này được tồn tại lâu dài.”

Trưởng giả im lặng nhận lời mọi người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về nhà. Về đến nơi, ông sắp xếp hành trang đi đường, dẫn theo những người hầu, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Lúc ấy, trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai họa này, nhân dân tử vong rất nhiều. Trong thành ấy, mỗi ngày có hàng trăm chiếc xe nối tiếp nhau chở xác chết có đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn giữ lòng thương tình cứu vớt, khiến cho những người còn lại mau chọn chỗ an ổn để được vô sự. Chúng con lại nghe Thế Tôn đến chỗ nào, nơi đó Thiên long quỷ thần đến gần quấy nhiễu. Cúi xin Ngài chiếu cố đến trong thành kia độ, cho dân chúng kia sống an ổn vô sự.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế thành La-duyệt rồi. Chư Phật Thế Tôn không có hai lời. Nếu vua A-xà-thế chấp nhận, Như Lai sẽ đến.”

Trưởng giả Tội Đại bạch Phật:

“Việc này rất khó. Vua A-xà-thế chắc không bao giờ để cho Như Lai đi đến nước kia. [276a] Vì sao vậy? Vì vua A-xà-thế đối với đất nước chúng con không có mảy may thiện cảm, lúc nào cũng tìm cách muốn hại nhân dân nước con. Nếu vua A-xà-thế thấy con, liền bắt giết con ngay huống chi là cho trình bày việc này. Nếu nghe nói nhân dân nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô cùng.”

Thế Tôn bảo:

“Chớ có lo sợ. Ông hãy đi đến chỗ vua, mà tâu việc này rằng: ‘Như Lai đã báo trước về bản thân Vua rồi, điều đó hoàn toàn không hư dối, không hai lời. Phụ vương ngài không lỗi mà bị bắt giết. Đáng ra ngài sinh vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp. Nhưng nay ngài đã lìa tội này rồi, đã sửa đổi tội lỗi kia; đã thành tựu tín căn trong pháp Như Lai. Nhờ gốc đức này mà diệt được tội đó, vĩnh viễn không còn sót. Đồi thân này sau khi chết, sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu.⁴³ Ở đó, mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Diêm thiên; ở trên Diêm thiên mạng chung sẽ sanh trời Đâu-suất, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại, rồi trở lại kể đến trời Tứ thiên vương. Đại vương nên biết, trong hai mươi kiếp không đoạ đường dữ, thường sanh trong loài người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật Trừ Ác.’

“Vua ấy nghe những lời này xong, sẽ vui mừng hơn hờ không tự dừng được, rồi cũng sẽ bảo ông những lời này, ‘Nay ông có ước nguyện gì, ta cũng sẽ không từ chối.’”

⁴³ Phách cầu 拍毬. TNM: Phách cúc.

Trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Nay con sẽ nương vào oai thần Thế Tôn, đến chỗ vua kia.”

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, đến chỗ vua kia.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng quần thần ở trên điện cao, đang có việc bàn luận. Lúc ấy, đại trưởng giả đến trước vua. Từ xa, vua nhìn thấy ông đến, bảo các quần thần:

“Nếu người kia đến chỗ này, các khanh muốn bắt làm gì?”

Có người nói:

“Chúng ta sẽ bắt chặt năm khúc.”

Lại có người nói:

“Chúng ta sẽ bêu đầu.”

Vua A-xà-thế nói:

“Các khanh hãy bắt giết ngay đi. Không cần gặp ta.”

Trưởng giả khi nghe những lời này, rất lo sợ, lớn tiếng nói:

“Tôi là sứ giả của Phật.”

Vua nghe đến tiếng Phật, liền bước xuống ghế, gồi hữu quỳ sát đất, hướng về chỗ Như Lai, hỏi trưởng giả:

“Như Lai dạy điều gì?”

Trưởng giả đáp:

“Như Lai đã thọ ký Thánh vương rồi, điều đó không có hư [726b] dối, những gì đã nói ra hoàn toàn không hai lời. Vua bắt vua cha giết, duyên gốc tội này sẽ vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp; nhưng sau đó vua đã kịp thời sửa lỗi đối với Như Lai. Nay sẽ sanh vào địa ngục Phách cầu; ở đó mạng chung sẽ sanh lên Tứ thiên vương, rồi lần lượt sanh đến Tha hoá tự tại thiên, rồi kế đến trở lại sinh về trong Tứ thiên vương. Trong hai mươi kiếp, không đoạ vào ba đường dữ, lưu chuyển trong trời người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo tên là Bích-chi-phật Trừ Ác.”

Vua nghe xong, vui mừng hơn hờ không xiết kể, liền bảo với trưởng giả:

“Giờ ông có ước nguyện gì, ta sẽ ban cho.”

Trưởng giả tâu:

“Sở nguyện của thần, xin vua chớ từ chối.”

vua A-xà-thế nói:

“Ông cứ nói ước nguyện gì, ta sẽ không từ chối.”

Trưởng giả tâu:

“Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại, không thể kể hết. Nay, la-sát quỷ thần rất là bạo ngược. Cúi xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến đất nước ấy, khiến cho quỷ thần ấy đều tẩu tán. Vì sao vậy? Chúng tôi từng nghe, nơi nào Như Lai đến thì trời, rồng, quỷ thần, không được tùy tiện. Xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước ấy.”

Vua nghe những lời này xong, liền thở dài, bảo với trưởng giả rằng:

“Nguyện này quá lớn, chẳng phải người thường đáp ứng được. Nếu ông xin ta thành quách, xóm làng, của báu, vợ con thì ta sẽ tùy không tiếc. Ta không ngờ ông lại xin thỉnh Thế Tôn. Nhưng ta trước đã lỡ hứa sẽ chấp nhận lời nguyện đó. Nay tùy ý ông.”

Khi ấy, trưởng giả hết sức vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, từ giả lui đi. Đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

“Vua A-xà-thế đã đồng ý để Thế Tôn đến nước kia.”

Thế Tôn bảo:

“Ông hãy về trước. Như Lai tự sẽ biết thời!”

Trưởng giả đành lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh rời khỏi Ca-lan-đà Trúc viên đến thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, vua A-xà-thế ở trên lầu cao, với một người hầu cầm

lọng che. Từ xa, trông thấy Thế Tôn bấy giờ hướng về nước kia, liền tự than thở với người hầu:

“Chúng ta đã bị trưởng giả này lừa dối. Giờ ta sống mà làm gì, khi Như Lai đã đi khỏi nước này?”

Bấy giờ, vua A-xà-thế mang năm trăm cây lọng theo tiễn Thế Tôn, vì sợ bụi bám thân Thế Tôn. Lại có năm trăm cây lọng báu ở thành La-duyệt theo sau Thế Tôn. Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, lại dùng năm trăm cây lọng báu che trên không trung, vì sợ bụi bám vào thân Như Lai. Các thần sông cũng mang năm trăm cây lọng báu che trên hư không. Lúc này nhân dân thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang vào thành, cũng mang năm trăm cây lọng báu đến trước đón Thế Tôn. Bấy giờ, có hai ngàn năm trăm cây lọng báu treo trên hư không.

Khi Thế Tôn thấy những cây lọng này, liền mỉm cười. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, lúc Như Lai mỉm cười, trong miệng liền phát ra ánh sáng năm màu là xanh, vàng, trắng, đen, đỏ.⁴⁴ Thị giả A-nan thấy ánh sáng này, liền suy nghĩ: ‘Đây là nhân duyên gì? Nếu Thế Tôn cười, ắt có nhân duyên, không phải việc suông.’

A-nan bèn quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Như Lai hoàn toàn không cười vô cớ; mà cười ắt có duyên do.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người có thấy hai ngàn năm trăm cây lọng báu này cúng dường Như Lai không?”

A-nan bạch:

“Thưa vâng, có thấy.”

Thế Tôn bảo:

⁴⁴ Có thể dịch giả theo tập quán kể năm màu của Trung quốc. Các kinh chi kể bốn màu, trừ màu đen.

“Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị nhân dân trong hai ngàn năm trăm đời. Vì Như Lai xuất gia học đạo, nên không nhận những cây lọng báu này.

“A-nan, nên biết, trong quá khứ lâu xa, có vị vua tên Thiện Hoá Trị⁴⁵ ở nước Mật-hi-la cai trị đúng pháp, giáo hóa tiếp nạp có phương pháp; thống trị cả Diêm-phù-lý-địa⁴⁶ này, không ai là không quy thuận.

Bấy giờ, vua này có tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ, đều thuộc dòng sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, không có con cái nối dõi. Lúc bấy giờ, vua này tự nghĩ: ‘Hiện ta thống trị Diêm-phù-lý-địa này, mà nay không có con cái.’ Vua liền hướng về các thần núi, thần cây, thần minh, trời đất, cầu có con cái. Trải qua trong vòng chưa được vài ngày, phu nhân mang thai. Lúc ấy, phu nhân Nhật Quang tâu vua:

“Đại vương, nên biết, nay thiếp biết đã có thai, nên cần tự giữ gìn.”

“Lại trải qua tám, chín tháng, sinh được một nam nhi, tướng mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào. Phu nhân thấy vậy rất vui mừng, bồng đến vua xem. [727a] Vua thấy vui mừng hơn hờ không tự dừng được. Tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sinh thái tử, mọi người cũng đều vui mừng.

“Lúc ấy, vua triệu các quần thần, quốc sư, đạo sĩ, để xem tướng, lại đặt tên để đời truyền gọi. Người tướng đến trước, tâu vua: ‘Nay sinh Thái tử rất xinh đẹp, khác hẳn người đời, ai thấy mà không yêu mến. Nay đặt tên là Ái Niệm.’ Sau khi đặt tên thái tử xong, họ đều trở về nơi ở.

⁴⁵ Đoạn dưới, nói là Thiện Hóa.

⁴⁶ Diêm-phù-lý-địa 閻浮里地, (Skt. Jambudvīpa); các chỗ khác âm Diên-phù-địa. Phiên âm không thống nhất trong bản Hán.

“Lúc ấy, quốc vương yêu mến thái tử chưa từng rời mắt. Vua xây cho thái tử giảng đường theo ba mùa, lại cho các thể nữ ở đây trong đó để vui đùa cùng thái tử.

“Bấy giờ, thái tử tự nghĩ: ‘Các thể nữ trong đây, có ai tồn tại mà không lia thể gian, cũng không biến đổi chẳng? Nhìn xem trong bọn họ tất cả đều vô thường, không có ai là thường còn ở thể gian; tất cả đều huyền nguy, không có chân thật. Nhưng lại làm cho mọi người đắm đuối, đam mê, không biết xa lìa. Nay ta cần gì những thứ ấy. Hãy bỏ mà học đạo.’

“Ngay trong ngày đó, thái tử Ái Niệm liền cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo. Và cũng trong đêm đó, thái tử đã dứt sạch các kết sử trôi buộc, tư duy thấy các pháp tập khởi thấy đều bị tiêu diệt, thành Bích-chi-phật. Sau đó liền nói kệ này:

*Dục là pháp vô thường
Biến đổi, không định chất.
Biết chúng là họa lớn
Đi riêng, không theo chúng.*

“Sau khi nói kệ này xong, liền bay lên hư không, nhiễu quanh thành Mật-hi-la kia ba vòng. Lúc ấy, quốc vương ở trên điện cao, đang vui đùa cùng các cung nữ, thấy Bích-chi-phật bay quanh thành ba vòng, hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế được, tự nghĩ: ‘Thái tử con ta đang bay trên hư không giống như chim vậy.’ Nhà vua còn không biết thái tử đã thành Bích-chi-phật nên bảo rằng: ‘Nay con hãy hạ xuống trên điện này cùng ta vui đùa với nhau.’

Bấy giờ, này A-nan, Bích-chi-phật kia, vì muốn độ cha mẹ, nên hạ xuống trên điện. Lúc ấy, vua nói: ‘Hôm nay sao Thái tử mặc y phục thể nữ này, lại cạo râu tóc, khác hẳn người thường?’ Bích-chi-phật nói: ‘Nhưng gì con đang mặc là cao quý khác thường, chẳng phải là đồ mà người thường quen dùng.’ Vua lại hỏi: ‘; Vì sao con không vào trong cung?’ Bích-chi-phật nói: ‘Từ đây về sau con không đuổi theo dục vọng nữa, cũng không

ham muốn [727b] sống trong năm dục này.’ Vua nói: ‘Nếu không thích trong năm dục này thì, hãy ở trong vườn sau của ta.’

“Bấy giờ, vua thân hành đến trong vườn, tạo dựng phòng xá. Khi ấy, vì muốn độ cha mẹ nên Bích-chi-phật vào ở trong khu vườn đó, nhận sự cúng dường của vua. Một thời gian sau, vào Bát-niết-bàn trong Niết-bàn giới vô dư. Vua đưa xá-lợi đi hỏa thiêu, rồi xây tháp thờ. Vua cho xây tháp lớn tại một nơi kia. Một hôm rảnh rỗi, vua đến trong vườn ngắm cảnh, thấy ngôi tháp đã bị hư nát, liền suy nghĩ: ‘Đó là tháp thờ con ta. Nay nó đã bị hư nát, sụp đổ.’ Khi ấy, quốc vương vì lòng thương yêu chưa dứt, liền đem cây lọng của mình che lên trên tháp kia.’

“Này A-nan, chớ có nghĩ ai khác. Vua Thiện Hoá lúc bấy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy vì con, nên đã đem một cây lọng che lên trên tháp. Nhờ nhân duyên phước đức này, mà lưu chuyển trong cõi trời người, hàng trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết vị ấy là Bích-chi-phật. Nếu ta biết đó là Bích-chi-phật thì phước đức không thể tính hết được. Nếu Như Lai không thành Đạo Vô thượng Chánh chơn thì sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương hai ngàn năm trăm lần nữa để sửa dạy đời. Do đã thành đạo nên nay có hai ngàn năm trăm cây lọng tự nhiên ứng hiện.

“Này A-nan, vì lý do đó mà Như Lai mỉm cười. Thừa sự chư Phật có công đức không thể kể hết như vậy. Cho nên, A-nan, người hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật Thế Tôn.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến thành Tỳ-xá-ly, đứng ở trong cổng thành nói kệ này:

*Nay đã thành Như Lai
Chỉ tôn trên thế gian:
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly bình yên.*

*Đây là Pháp chân thật
Dẫn đến Niết-bàn giới;
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.*

*Đây là Tăng chân thật,
Chúng Hiền Thánh bậc nhất;
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.*

*Loài hai chân an ổn;
Loài bốn chân cũng vậy;
Khách đi đường an lành;
Khách đến cũng như vậy.*

[727c] *Ngày đêm được an ổn,
Không có ai quấy nhiễu.
Bằng lời chân thật này,
Tỳ-xá-ly yên bình.⁴⁷*

Khi Như Lai nói bài kệ ấy xong, la-sát quý thần, mỗi loài tự tâu tán, không còn ở yên chỗ đó nữa, không còn trở vào thành Tỳ-xá-ly được nữa. Những người mắc bệnh đều được khỏi bệnh.

“Bấy giờ, Thế Tôn đi trú bên bờ ao Di hầu. Nhân dân trong nước thừa sự, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc men trị bệnh. Tùy theo khả năng giàu nghèo của họ, mỗi người mang cơm nước cúng dường Phật cùng Tăng Tỳ-kheo. Họ cũng thọ bát quan trai, không mất thời tiết.

⁴⁷ Cf. Pāli, Ratanasutta (kinh Tam Bảo), được xem như hộ chú (*paritta*), đọc khi cầu an: *Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā, saggesu vā yaṃ ratanaṃ pañītaṃ; na no samaṃ atthi tathāgatena, idampi buddhe ratanaṃ pañītaṃ; etena saccena suvatthi hotu...* “Dù trong đời này hay đời khác, hay trên thiên giới, không có tài bảo vi diệu nào sánh với Đức Như lai. Ở đây, Phật là tài bảo tối thắng vi diệu. Bằng sự thực này, ước nguyện tất cả đều được an lành...”

Lúc ấy, nội thành Tỳ-xá-ly có sáu Tông sư đang du hóa ở đây. Sáu Tông sư đó là Bất-lan-ca-diếp, A-di-sù⁴⁸, Cù-da-lâu, Ba-huru-ca-chiên, Tiên-ti-lô-trì, Ni-kiền Tử. Sáu Tông sư tập hợp một chỗ, bàn luận:

“Sa-môn Cù-đàm này trú tại thành Tỳ-xá-ly, được nhơn dân cúng dường. Còn chúng ta không được nhơn dân cúng dường. Chúng ta hãy đến tranh luận cùng ông ấy, xem ai đắc thắng, ai bị bại.”

Bất-lan-ca-diếp nói:

“Các sa-môn, bà-la-môn chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến cật vấn; đó chẳng phải pháp sa-môn, bà-la-môn. Nhưng Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến nạn vấn, chúng ta làm sao có thể tranh luận với ông ta được?”

A-di-sù nói:

“Không có thí, không có (người) nhận, cũng không có người cho, cũng không có đời này, đời sau, không có loài hóa sanh, cũng không có báo thiện, ác.”

Cù-da-lâu nói:

“Ở bên bờ này Hằng thủy giết vô số người, chặt thịt thành núi, ở bên bờ kia Hằng thủy tạo các công đức. Duyên đây, đều chẳng có báo thiện ác.”⁴⁹

Ba-huru-ca-chiên nói:

“Giả sử ở bên trái Hằng thủy, dù có bố thí, giữ giới, tùy thời cung cấp không để ai thiếu, cũng lại không phước báo này.”

Tiên-ti-lô-trì nói:

“Không có lời nói, cũng không có báo lời nói. Chỉ im lặng là khoái lạc.”

⁴⁸ 𑖀𑖔𑖨, đọc là *sūy* cho phù hợp với nguyên âm Phạn (Pāli: Ajitakesakambala)

⁴⁹ Cf. Pāli, D. 2 Sāmaññaphala (R. i. 52), thuyết vô nghiệp (akiriya) của Pūraṇo Kassapo.

Ni-kiền Tử nói:

“Có ngôn ngữ, cũng có báo ngôn ngữ. Sa-môn Cù-đàm là người, ta cũng là người. Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thần túc. Ông ấy hiện bốn, ta sẽ hiện tám. Ông ấy hiện [728a] tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Luôn luôn tăng gấp bội, chứ không bao giờ chịu khuất phục; đủ sức để thi đấu. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta, tức là lỗi của ông ấy. Nhân dân nghe rồi sẽ không cúng dường ông ta nữa. Chúng ta sẽ được cúng dường.”

Vào lúc đó, có Tỳ-kheo-ni nghe đồn sáu Tông sư ngoại đạo tập họp lại một chỗ bàn với nhau: ‘Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người. Chúng ta đủ để đắc thắng.’ Khi ấy, Tỳ-kheo ni Thâu-lô-ni⁵⁰ liền bay lên hư không hướng về sáu Tông sư kia mà nói bài kệ này:

*Thầy ta không ai bằng,
Tôi tôn, không ai hơn;
Ta đệ tử vị ấy,
Tên là Thâu-lô-ni.*

*Nếu người có khả năng
Hãy tranh luận với ta.
Ta sẽ đáp từng việc;
Như sư tử bắt nai.*

*Ngoài Tôn sư tôi ra,
Không ai là Như Lai.
Nay Tỳ-kheo-ni ta
Đủ hàng phục ngoại đạo.*

⁵⁰ Thâu-lô-ni 輸盧尼, nghi dư chữ ni. Tức Tỳ kheo ni Thâu-na được nói trong kinh 2 phẩm 5 trên. Có thể đồng nhất Pāli: Soṇā.

Sau khi Tỳ-kheo-ni nói bài kệ này xong, sáu Tông sư còn không thể ngược lên nhìn nhan sắc, huống chi cùng tranh luận.

Lúc ấy, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trong thấy Tỳ-kheo-ni ở trên hư không tranh luận với sáu Tông sư, nhưng sáu Tông sư không thể đáp; mọi người đều reo vui mừng rỡ vô cùng:

“Hôm nay, sáu Tông sư đã chịu khuất phục cô ấy.”

Nhóm sáu Tông sư rất sâu ưu, rời khỏi thành Tỳ-xá-ly mà đi, không vào thành nữa.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe chuyện Tỳ-kheo-ni Thâu-lô tranh luận thắng sáu Tông sư. Các vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-lô có thần túc lớn, có oai thần lớn, trí huệ, đa văn, Ta thường lúc nào cũng nghĩ như vậy: Không có ai lại có thể tranh luận với sáu Tông sư. Chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo-ni này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy Tỳ-kheo-ni nào có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này không?”

các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa không, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo-ni đứng đầu trong các Thanh văn của Ta, có thể hàng phục ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-lô.”⁵¹

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵¹ Xem kinh 2, phẩm 5: Tỳ-kheo-ni Thâu-na. Lưu ý phiên âm tên người không thống nhất của bản Hán này.

KINH SỐ 12

[728b] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có sáu xúc xú.⁵² Những gì là sáu? Là các xúc như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu xúc. Phạm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm đắm nhiễm không thể lìa bỏ. Do thấy sắc, rồi khởi nhiễm đắm, nên lưu chuyển sanh tử không có lúc nào thoát. Sáu tình cũng lại như vậy, khởi tưởng nhiễm đắm, ý không thể lìa bỏ, do đó lưu chuyển không có lúc nào thoát.

“Nếu đệ tử Hiền Thánh của Thế Tôn, mắt thấy sắc rồi không khởi đắm trước, không có tâm ô nhiễm, tức có thể phân biệt mắt này là pháp vô thường, khô, không, pháp chẳng phải thân.⁵³ Sáu tình cũng lại như vậy, không khởi tâm ô nhiễm, phân biệt sáu tình này là vô thường, khô, không, pháp chẳng phải thân, phải tư duy điều này thời liền được hai quả: hoặc ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giống như có người rất đói, muốn xay giã lúa, sàng xảy cho sạch sẽ để nấu ăn, trừ cơn đói khát. Đệ tử của Hiền Thánh cũng lại như vậy, đối với sáu tình này tư duy về sự nhiễm ô, bất tịnh liền thành tựu đạo tịch, nhập vô dư Niết-bàn giới. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt sáu tình này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁴

⁵² Nguyên Hán: tế hoạt cánh lạc nhập 細滑更樂入. Pāli: *phassāyatana*.

⁵³ Phi thân 非身, tức vô ngã,

⁵⁴ Bản Hán, hết quyển 32.

BẢY PHÁP

39. PHẨM ĐĂNG PHÁP.

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết và đại chúng, quán sát người.² Đó gọi là bảy pháp.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn mặt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sanh kinh. Tỳ-kheo không biết Pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp. Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

¹ Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, *Trung*, kinh 1.

² Pāli: *dhammaññū* (biết pháp), *atthaññū* (biết nghĩa), *attaññū* (biết mình), *mattaññū* (biết tiết độ), *kālaññū* (biết thời), *parisaññū* (biết đại chúng), *puggalaparoparaññū* (biết sự cao thấp của người). *Trung*, k.1: tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỹ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng như 知人勝如.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu quán thì tu quán, khi nên tu chỉ thì tu chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thời thích hợp tu chỉ, tu quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

“Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí huệ như vậy,³ đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí huệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng sát-lợi, đây là chúng bà-la-môn, đây là chúng trưởng giả, đây là [729a] chúng sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

³ *Trung*, ibid.: Tỳ-kheo biết mình: “Ta có tín, giới, thí, văn, huệ như vậy...”
Pāli: *bhikkhu attānaṃ jānāti*– ‘*ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā*’ti.

“Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong Tăng viên kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, đến chỗ Tỳ-kheo nhưng không hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai đến chỗ Tỳ-kheo, nhưng không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người (nghe pháp mà hiểu nghĩa) này là tối thượng. Nay Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp (và hiểu nghĩa) liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, nghe pháp (và hiểu nghĩa) nhưng không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp (hiểu nghĩa) kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất. Nay Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối đệ nhất, không ai sánh kịp. Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn người.

Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn người.

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cây Trú độ⁵ trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng râm che đông, tây, nam, bắc năm mươi do tuần. Trời Tam thập tam vui chơi với nhau ở đó bốn tháng. Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa lá cây Trú độ ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tinh vui phát sanh: ‘Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại.’

“Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: ‘Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro.’

“Tỳ-kheo, nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, Trời Tam thập tam thấy cây này biến thành

⁴ Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, *Trung*, kinh 2.

⁵ Trú độ thọ 晝度樹. Pāli: Parichattaka.

màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: ‘Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nảy chồi.’⁶

Bấy giờ, Trời Tam thập tam thấy cây Trú độ này đã nảy chồi, không bao lâu nữa sẽ sanh nụ. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy rồi, chur thiên lại hoan hỷ: ‘Hôm nay cây này đã sanh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy.’

“Tỳ-kheo, nên biết, Trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chur thiên đều hoan hỷ: ‘Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đĩnh đầy hoa.’

“Tỳ-kheo, nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chur thiên tất cả đều hoan hỷ: ‘Hôm nay, cây này nở [729c] đầy hoa.’ Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chur thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

“Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền Thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn úa rụng lá.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

“Tỳ-kheo, nên biết, đệ tử Hiền Thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trú sơ thiên,⁷ như cây Trú độ thành màu tro.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh diệt tầm tứ, nội tĩnh, chuyên chú nhất tâm, không tầm, không tứ, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhị thiên, như cây kia nảy chồi.

“Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, ly hỷ, an trú xả, tự thân giác tri lạc, điều mà chur Hiền Thánh nói, xả, niệm, an trú lạc, chứng và an trú tam thiên, giống như cây kia sanh nụ.

⁶ Sinh la võng 生羅網. Pāli: *jālakajāta*. Hán hiệu là *jāla-jāta*: sinh lưới, thay vì *jālaka-jāta*, sinh chồi non.

⁷ Văn curna về bốn thiên, xem kinh 1 phẩm 12.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh diệt khổ lạc, ưu hỷ trước đó đã trừ, không khổ, không lạc, xả, niệm thanh tịnh, chứng và an trú tứ thiền, giống như cây kia dần dần mở đầy.

“Lại nữa, đệ tử Hiền Thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

“Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền Thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn tháng tự hưởng vui thích, tâm an trú tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói bầy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là bầy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người nổi lên khỏi nước rồi nhìn; lại có người **[730a]** nổi lên khỏi nước rồi trụ; có người bơi đi trong nước; có người

⁸ Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, *Trung*, kinh 4.

nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia. Nay các Tỷ-kheo, đó gọi là bầy sự thí dụ về nước xuất hiện ở đời.

“Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

“Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

“Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn ? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sanh vào A-tu-la. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.⁹

“Sao gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh tấn dứt ba kết sử,¹⁰ không thối chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ.¹¹

“Sao gọi là người muốn lợi khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, voi mỏng ba kết sử dâm, nộ, si, trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.¹² Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

⁹ Hán dịch mục này khác thứ tự với *Trung* và Pāli: đây là hạng người nổi lên rồi trụ được, không chìm trở lại.

¹⁰ Pāli: đắc Dự lưu.

¹¹ Hán dịch mục này trái thứ tự với *Trung* và Pāli: đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã trụ được, còn có thể quán sát.

¹² Hạng chứng Nhất lai.

“Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó.¹³ Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

“Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các người. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc toạ thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật [730b] dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thánh vương cai trị nước xa xôi,¹⁵ nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

“Những gì là bảy? Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp

¹³ Trên Tịnh cư thiên.

¹⁴ Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, Trung, kinh 3.

¹⁵ Hán: viễn quốc 遠國. *Trung*: biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: *paccantimaṃ nagaram*.

thứ hai. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm. Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

“Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ huống gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tặc ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

“Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;¹⁶ tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi niếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tặc ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thủy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba

¹⁶ Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng văn dịch không thống nhất.

này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện,¹⁷ những [730c] pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm¹⁸, cũng không rỉ thoát.¹⁹ Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ âm, nhập, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sanh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

“Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh uẩn, giới, xứ.²⁰ Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tỳ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt uẩn, giới, xứ và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh Ma, không có ở trong ấy nữa.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

¹⁷ Hán: đa phương tiện 多諸方便, nên hiểu: nhiều nỗ lực, tinh cần.

¹⁸ Tứ tu bốn thiền. Pāli: *catunnaṃ jhānaṃ ābhicetasikānaṃ*.

¹⁹ Hán: bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: dễ chứng đạt, không khó. Pāli: *nikāmalābhī hoti akicchalābhī akasiralābhī*.

²⁰ Nguyên Hán: âm, trì, nhập..

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bảy trú xứ của thức.²¹ Các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vì sao được gọi là bảy trú xứ của thức? Chúng sanh với nhiều loại thân, và nhiều loại tướng khác nhau, như người và trời.²²

Lại nữa, chúng sanh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tướng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.²³ Lại nữa, chúng sanh một thân nhưng nhiều tướng, đó là trời Quang âm. Lại nữa, chúng sanh một thân, một tướng, đó là trời Biến tịnh. Lại nữa, chúng sanh vô lượng không, là trời Không xứ. Lại nữa, chúng sanh vô lượng thức, là trời Thức xứ. Lại nữa, chúng sanh vô hữu xứ, là trời Vô sở hữu xứ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú. Nay **[731a]** Ta đã nói bảy thức xứ.

“Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các người hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.”

²¹ Nguyên Hán: thần chỉ xứ 神止處. Xem, *Trường*, kinh 9 (Chúng tập) Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. *satta viññāṇaṭṭhitiyo*.

²² Hán dịch không xác định: chỉ một phần chư thiên thuộc trời.

²³ Hán: sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: khi kiếp mới sáng thành.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Vào lúc bảy giờ, Tôn giả Quân-đầu²⁵ thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: “Hôm nay ta không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: ‘Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ.’ Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!”

Bảy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tụ họp đi đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bảy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay người mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.”

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Bệnh của người tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Người có thể nghe Ta dạy được không?”

²⁴ Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

²⁵ Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

“Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.”

Thế Tôn hỏi:

“Người chăm sóc bệnh là ai vậy?”

Quân-đầu bạch:

“Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

“Nay ngươi có thể nói cho Ta nghe bảy giác chi không?”

Quân-đầu nêu tên bảy giác chi ba lần:

“Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bảy giác chi.”

Thế Tôn bảo:

“Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Bảy giác chi. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi. Bạch Thế Tôn, nói là có bảy giác chi này, chính là như vậy.”

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.²⁶ Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

“Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy giác chi này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy giác chi này. Con nhờ tư duy về bảy giác chi mà bệnh gì cũng khỏi cả.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁶ Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói 7 giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.

“Các người thọ trì pháp bảy giác chi này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh họa của chúng sanh kia được trừ khỏi. Vì sao vậy? Vì bảy giác chi này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thấy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thấy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy giác chi này, các loài chúng sanh sẽ trôi lăn sanh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền có bảy báu xuất hiện thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, minh châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là nói khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng xuất hiện, truyền khắp ở thế gian.

“Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì có bảy báu giác chi xuất hiện thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi xuất hiện ở thế gian. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì, bảy giác chi này cũng xuất hiện ở thế gian. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác chi này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

²⁷ Pāli, S.46. 42. Cakkavatti (R. v. 99).

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt mà xây thành quách, từ đông, tây mười hai do tuần; nam, bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, được mùa, hạnh phúc không thể nói hết. **[731b]** Bấy giờ, bên ngoài thành được bao bọc bảy lớp xen kẽ bởi bảy báu. Bảy loại báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xà cừ. Đó gọi là bảy báu. Thành lại được bao quanh bởi bảy lớp hào rất sâu tạo thành bởi bảy báu, khó mà vượt qua; trong hào toàn cát vàng. Lại có bảy lớp cây mọc chen giữa; các loại cây ấy có bảy loại màu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xà cừ, mã não, hổ phách. Thành trong được bao bọc bởi bảy lớp cửa kiên cố, cũng được làm bằng bảy báu. Khung cửa bằng bạc thì cánh cửa vàng, khung cửa bằng vàng thì cánh cửa bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa lưu ly, khung cửa bằng lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa bằng mã não thì cánh cửa hổ phách, rất là khóai lạc, thật không thể nói hết. Bốn mặt trong thành ấy có bốn ao tắm, mỗi một ao tắm dọc ngang một do tuần, có nước vàng, bạc, thủy tinh tự nhiên tạo thành. Ao nước bạc đông lại trở thành báu bạc, ao nước vàng đông lại trở thành báu vàng, Chuyển luân Thánh vương lấy đó mà sử dụng.

“Bấy giờ, trong thành kia có bảy loại âm thanh. Đó là tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống eo, tiếng múa, tiếng ca. Đó gọi là bảy loại âm thanh. Bấy giờ, nhân dân thường vui chơi theo đó. Chúng sanh nơi đó không bị nóng lạnh, cũng không bị đói khát, cũng không bị bệnh tật. Chuyển luân

Thánh vương sống ở đời, thành tựu bảy báu này và bốn thần túc, không có giảm khuyết, không bao giờ mất. Nững gì là bảy báu mà Chuyển luân Thánh vương thành tựu? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, người nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lại có ngàn người con rất dũng mãnh, có thể hàng phục giặc ngoài. Cõi Diêm-phù-lý-địa này, không dùng dao gậy để giáo hóa dân trong nước.”

Khi ấy có một Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương, vào sáng sớm ngày rằm, tắm rửa, gội đầu lên trên đại điện, có ngọc nữ vây quanh. Khi bánh xe báu đủ ngàn cựa từ phương đông bay đến trước điện, ánh sáng rực rỡ huy hoàng, chẳng phải do người tạo, cách mặt đất bảy nhấc, từ từ đến trước vua, rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương liền nói: ‘Ta nghe người xưa nói, vua Chuyển luân vào ngày rằm, tắm rửa, gội đầu, [732a] lên ngôi trên điện. Lúc ấy, bánh xe báu tự nhiên từ phương Đông đến trước vua dừng lại. Nay ta phải thử bánh xe báu này.’ Rồi vua Chuyển luân dùng tay phải nắm bánh xe báu mà nói rằng, ‘Giờ người quay lăn cho đúng pháp, chớ đừng phi pháp.’ Bánh xe báu tự nhiên lăn quay và dừng trên không trung. Chuyển luân Thánh vương liền dẫn binh bốn bộ, cũng ở trên hư không. Khi ấy, bánh xe báu quay hướng về Đông, Chuyển luân Thánh vương cũng theo bánh xe báu mà đi. Khi bánh xe báu dừng, Chuyển luân Thánh vương và bốn bộ binh cũng dừng trên hư không. Bấy giờ, vua Túc tán²⁸ và nhân dân từ xa trông thấy vua đến, tất cả đều đứng dậy nghinh đón, lại dùng bát vàng đựng bạc mụm, bát bạc đựng vàng mụm, dâng lên cho Chuyển luân Thánh vương mà tâu với vua rằng, ‘Hoan nghênh Thánh

²⁸ Túc tán vương, chỉ các Tiêu vương, chư hầu của Chuyển luân.

vương! Nay nhân dân thành phương này rất đông đúc, an vui vô hạn. Cúi xin đại vương hãy ở lại đây cai trị.’ Chuyển luân Thánh vương bảo dân nước ấy, ‘Các ngươi hãy dùng pháp cai trị giáo hóa, chớ có dùng phi pháp, cũng chớ có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, cẩn thận chớ có dùng phi pháp cai trị giáo hóa.’ Sau đó, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vỗ về giáo hoá hết thảy nhân dân rồi trở về nơi vua đang trị vì, đi cách mặt đất bảy nhẫn và dừng lại. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bánh xe báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, nên biết, vào ngày rằm, Chuyển luân Thánh vương tắm rửa, gội đầu, rồi lên trên đại điện. Bấy giờ, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông trắng buốt, có bảy chỗ bằng phẳng, được trang sức bằng vàng, bạc, châu báu, có thể bay trên hư không. Thấy vậy, Chuyển luân Thánh vương liền tự nghĩ: ‘Voi báu này rất kỳ diệu, hiếm có trên đời, thể tánh nhu hoà, không hung bạo. Nay ta phải thử voi báu này.’ Rồi thì, sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc, Chuyển luân Thánh vương liền cưỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, giáo hoá nhân dân. Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu bay từ phía Tây đến, lông màu xanh đậm, lông đuôi có ánh đỏ, đi không lắc lư, **[732b]** có thể bay trên hư không, không có gì trở ngại. Thấy vậy, lòng rất vui mừng: ‘Ngựa báu này thật là kỳ lạ. Nay phải sai khiến nó. Thể tánh khôn và lạnh, không có bạo chúng. Ta phải thí nghiệm ngựa báu này.’ Rồi Chuyển luân

Thánh vương liền cởi ngựa báu này đi khắp bốn châu thiên hạ, dạy dỗ nhân dân rồi trở về nơi chỗ ấy trị vì. Nay các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như vậy.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lại thành tựu ngọc báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, lúc đó ngọc báu từ phương Đông bay đến, có tám góc, bốn mặt có ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Chuyển luân Thánh vương thấy vậy, liền tự nghĩ: ‘Ngọc báu này rất kỳ lạ, ta phải thử nó.’ Rồi vào lúc nửa đêm, Chuyển luân Thánh vương tập hợp bốn bộ binh, đem ma-ni báu này gắn vào đầu ngọn cờ cao. Lúc đó, ánh sáng chiếu mười hai do tuần trong đất nước ấy. Bấy giờ, nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, mọi người bảo nhau rằng: ‘Giờ mặt trời đã mọc, hãy lo liệu việc nhà.’ Chuyển luân Thánh vương ngồi trên điện, nhìn khắp nhân dân rồi trở vào trong cung. Sau đó, Chuyển luân Thánh vương đem ma ni này cất vào trong cung; cả trong ngoài đều sáng khắp, không đâu là không sáng. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu người nữ báu như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Tỳ-kheo, nên biết, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên hiện ngọc nữ xuất báu này, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, không cao, không thấp, không trắng, không đen, tánh tình nhu hòa, không hung bạo, hơi miệng có mùi hương hoa sen, thân phát mùi hương chiên đàn, thường theo hầu hạ Thánh vương, không quên thời khắc, thường tỏ ra hòa nhã vui cười nhìn vua. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, này Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu xuất hiện ở thế gian, không cao, không thấp, thân thể màu hồng, tài cao, trí tốt, không việc gì không suốt, lại đạt thiên nhân thông. Bấy giờ, cư sĩ đi đến chỗ vua tâu với vua rằng, ‘Cúi [732c] mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua muốn cần vàng, bạc, châu báu gì, thần sẽ cung cấp hết thảy.’ Cư sĩ dùng thiên nhân quán sát nơi có kho báu và nơi không có kho báu, đều thấy tất cả. Vua có cần báu gì, tùy thời cung cấp. Khi ấy, Chuyển luân Thánh vương muốn thử cư sĩ báu kia, liền dẫn cư sĩ này qua sông, chưa đến bờ bên kia, liền nói với cư sĩ rằng, ‘Nay ta cần vàng, bạc, châu báu. Hãy làm sao có ngay bây giờ.’ Cư sĩ đáp, ‘Đến trên bờ trước, thần sẽ cung cấp.’ Chuyển luân Thánh vương nói, ‘Nay ta cần báu ở đây, chứ không cần khi đến trên bờ.’ Khi ấy, cư sĩ liền quỳ xuống, chấp tay hướng xuống nước, tức thì bảy báu trong nước liền vọt lên. Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương bảo trưởng giả, ‘Thôi, Thôi, Cư sĩ! Không cần báu nữa.’ Này các Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như vậy.”

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

“Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có điển binh báu tự nhiên hiện đến, thông minh, cái thế, biết trước tình người, thân thể hồng hào, đi đến chỗ Chuyển luân Thánh vương, tâu Thánh vương: ‘Cúi mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng lạc thú. Nếu Thánh vương muốn cần binh chúng, tiền thoái đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay.’ Rồi điển binh báu theo ý vua, tập họp binh chúng ở cạnh

vua. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương muốn thử diễn binh báu, liền tự nghĩ: ‘Hãy tập hợp binh chúng của ta ngay bây giờ!’ Lập tức binh chúng liền ở ngoài cửa vua. Nếu ý muốn Chuyển luân Thánh vương khiến binh chúng đứng yên, liền đứng yên; muốn tiến thì, liền tiến. Nay Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thành tựu diễn binh báu như vậy.

“Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu này như vậy.”

Bây giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bốn thần túc, được nhiều thiện lợi?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ở đây, Chuyển luân Thánh vương tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, hơn hẳn người thường. Giống như thiên tử kia, không ai sánh kịp. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ nhất này.

“Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương thông minh, cái thể, không gì không điều luyện; là bậc hùng mãnh trong người. Bây giờ, không ai hơn trí huệ phong phú của Chuyển luân Thánh vương này. Đó gọi là (Chuyển luân Thánh vương) thành tựu thần túc thứ hai.

[733a] “Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương không hề có bệnh tật; thân thể khoẻ mạnh, mọi thứ đồ ăn thức uống tự nhiên tiêu hoá, không lo các chứng đại tiểu tiện. Đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ ba.

“Lại nữa Tỳ-kheo, Chuyển luân Thánh vương thọ mạng rất dài, tuổi thọ không thể tính. Tuổi thọ con người lúc ấy không ai hơn tuổi thọ Chuyển luân Thánh vương. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ tư này.

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân Thánh vương có bốn thần túc.”

Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

“Sau khi Chuyển luân Thánh vương mạng chung, sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn nói:

“Chuyển luân Thánh vương, sau khi mạng chung, sẽ sanh lên trời Tam thập tam, thọ mạng ngàn tuổi. Vì sao vậy? Vì tự thân Chuyển luân Thánh vương không sát sanh, lại dạy người khác khiến không sát sanh; tự mình không trộm cướp, lại dạy người khác khiến không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác khiến không dâm dật; tự mình không nói dối, lại dạy người khác khiến không nói dối; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khác hành pháp thập thiện.

“Các Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương nhờ công đức này, sau khi mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ:

“Chuyển luân Thánh vương thật đáng được hâm mộ. Muốn nói đó là con người, lại chẳng phải là người; nhưng kỳ thật chẳng phải là trời mà lại thi hành việc trời, hưởng thụ lạc thú vi diệu, không đoạ ba đường dữ. Nếu hôm nay ta dừng mãnh giữ giới, chắc sẽ có phước để đời tương lai được làm Chuyển luân Thánh vương, không thích hay sao?”

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm Tỳ-kheo kia, bảo tỳ-kheo kia:

“Ở trước Như Lai, đừng có ý nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Chuyển luân Thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn thần túc không ai sánh kịp, nhưng vẫn không thoát khỏi ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì sao vậy? Vì Chuyển luân Thánh vương không đắc bốn thiên, bốn thần túc, không chứng đắc bốn đế. Vì nhân duyên này, sau lại đoạ vào ba đường dữ. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, muốn thoát ra rất khó; sinh ở chính giữa nước cũng lại không dễ; muốn có bạn lương thiện cũng lại không phải dễ; muốn cùng thiện tri thức gặp nhau cũng lại không dễ; muốn theo học đạo trong giáo

pháp Như Lai cũng lại khó gặp; Như Lai xuất hiện thật không thể gặp; giáo pháp được giảng dạy cũng khó gặp như vậy; hiểu bốn đế và bốn phi thường, thật khó mà được nghe. Chuyển luân Thánh vương cũng không được cứu cánh bốn pháp này.

“Này Tỳ-kheo, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bảy báu này xuất hiện ở thế gian; đó là bảy báu giác chi của Như Lai, dẫn đến cứu cánh vô biên, chỗ trời người khen ngợi.

“Này Tỳ-kheo, nay khéo tu phạm hạnh, ngay hiện thân này sẽ chấm dứt được biên tế khổ, thì cần gì đến bảy báu của Chuyển luân Thánh vương?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Như Lai như vậy, ở tại nơi vắng vẻ tư duy đạo pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử sở dĩ cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu chánh nghiệp vô thượng, để như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, tôn giả Đòng Chân Ca-diếp³⁰ ở trong vườn Trú ám,³¹ nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

“Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà³² này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy³³. Có người Bà-la-môn nói với một người có trí:

²⁹ Tham chiếu Pāli, M. 23 Vammika (R. i. 142).

³⁰ Đòng Chân Ca-diếp 童真迦葉. Pāli: Kumārakassapa. Xem Trường, kinh 7 (Tệ-tú); D. 23. Pāyāsi.

³¹ Trú ám viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía nam Xá-vệ.

³² Pāli: *vammika*, gò mối.

‘Giờ ông hãy cầm đao đục núi³⁴. Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh³⁵ thì hãy nhổ nó lên. Rồi ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ễnh ương. Bây giờ ông hãy bỏ³⁶ con ễnh ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đồng thịt. Thấy đồng thịt, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường.³⁷ Khi thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng.³⁸ Thấy con rồng rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng,³⁹ và để yên nó đó.⁴⁰

“Này Tỳ-kheo! Hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao vậy? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, sa-môn, bà-la-môn, [733c] Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi⁴¹.”

³³ Pāli: *divā pajjalati*, ban ngày rực sáng.

³⁴ Hán: tạc sơn 鑿山. Bản Pāli: cầm gươm mà đào gò mồi lên.

³⁵ Hán: phụ vật 負物. Pāli: thấy cái then cửa (*laṅgī*).

³⁶ Pāli: *ukkhīpa*. hãy lấy lên. Hán hiểu là *nikkhīpa*, hãy để xuống.

³⁷ Hán: nhị đạok. Pāli: *dvidhāpatha*, đường đi có hai lối.

³⁸ Pāli: *nāga*. có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.

³⁹ Pāli: *namo karohi nāgassa*, hãy đánh lễ (xưng nam-mô) con rắn.

⁴⁰ Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: núi, cái gông, cành cây. Pāli: *caṅgavāra* (cái bát), *kumma* (con rùa), *asisūna* (dao mổ bò).

⁴¹ Hán: nhược tùng ngã văn 若從我聞. Hán có thể dịch sai, So sanh Pāli (định cú): *ito vā pana sutvā*, hoặc nghe từ đó; tức những ai nghe từ Phật hay đệ tử của Phật. Nhưng tiếng Phạn ít khi dùng từ nhân xưng, nên Hán dịch tự tiện thêm từ “tôi” vào. Tham chiếu, *Trung 25* (tr. 584c29): 唯有如來。如來弟子或從此聞。

Ca-diếp bảo vị thiên:

“Việc này thật hay!”

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là Bà-la-môn? Tại sao nói là người trí? Lại nói đục núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không hiểu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ềnh ương? Tại sao lại nói đồng thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rỗng?”

Thế Tôn bảo:

“Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sanh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân, miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học.⁴² Đục núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí huệ. Đồ gánh là năm kết sử.⁴³ Núi là kiêu mạn.⁴⁴ Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đồng thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục.⁴⁵ Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh.⁴⁶ Rỗng là chỉ Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh

⁴² Học nhân 學人, chỉ Thánh giả hữu học.

⁴³ Pāli: Bát đưng (*caṅgavāra*, Hán?) chỉ năm triền cái (*pañca nīvaraṇānaṃ*).

⁴⁴ Pāli: không có.

⁴⁵ Pāli: con dao mổ (*asisūna*) chỉ năm dục (*pañca kāmagaṇānaṃ*).

⁴⁶ Pāli: then cửa (*laṅgī*) chỉ vô minh (*āvijjā*).

giác.⁴⁷ Những lời vị thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay người hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.”

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau. Bây giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng chúng đại Tỳ kheo năm trăm Tỳ-kheo vị. Mãn Nguyệt Tử⁴⁹ cũng dẫn theo [734a] năm trăm Tỳ-kheo an cư ở sanh quán.⁵⁰

Bây giờ, sau khi kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyệt, Thế Tôn đi du hoá trong nhân gian dần dần đến vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo phân tán trong nhân gian cũng đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người hạ an cư ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con hạ an cư tại quê nhà.”

Thế Tôn bảo:

“Trong số các Tỳ kheo các người an cư tại sanh quán, ai là người sống với hạnh a-lan-nhã, lại hay khen ngợi a-lan-nhã, tự

⁴⁷ Pāli: chỉ Tỳ kheo lậu tận (*khīṇāsavassetam bhikkhuno*).

⁴⁸ Pāli, M. 24 Rathavinīta (R. i. 146). Hán, *Trung*, kinh 9.

⁴⁹ Mãn Nguyệt Tử. Pāli: Puṇṇa Mantāniputta.

⁵⁰ Puṇṇa Mantāniputta quê ở Donavatthu, gần Kapilavatthu.

hành khát thực, lại khuyến khích người khiến hành khát thực không mất thời nghỉ, tự đáp y vá nhiều mảnh,⁵¹ lại khuyến khích người khiến đáp y vá nhiều mảnh, tự tu tri túc, lại cũng ca ngợi hạnh tri túc, tự mình sống ít ham muốn, cũng lại ca ngợi hạnh ít ham muốn, tự thích nơi nhàn tĩnh, lại khuyến khích người khác ở nơi nhàn tĩnh; tự giữ hạnh ấy, lại khuyến khích người khác khiến giữ hạnh ấy, tự thân giới thanh tịnh đầy đủ, lại khuyến khích người khác khiến tu giới ấy, tự thân thành tựu tam-muội, lại khuyến khích người khác khiến hành tam-muội, tự thân thành tựu trí huệ, lại dạy người khác khiến hành trí huệ, tự thân thành tựu giải thoát, lại khuyến khích người khác khiến hành giải thoát, tự thân thành tựu giải thoát tri kiến⁵², lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự thân cò thể giáo hoá không biết chán đủ, nói pháp không lười mỏi?”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Mãn Nguyệt Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này kham nhận giáo hoá. Tự thân tu hạnh a-lan-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh a-lan-nhã, tự thân mặc y vá, ít ham muốn, biết đủ, tinh tấn, dũng mãnh, khát thực, thích ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, tam-muội, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự mình có thể giáo hoá, nói pháp không biết chán đủ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe pháp xong, các Tỳ-kheo ngồi lại một lát, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng và ra đi.

Trong lúc ấy, cách Thế Tôn không xa, Xá-lợi-phất ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Xá-lợi-phất [734a] suy nghĩ như vậy: “Hôm nay Mãn Nguyệt Tử được nhiều thiện lợi. Vì sao vậy? Các Tỳ-kheo phạm hạnh khen ngợi đức kia và Thế Tôn lại xác nhận lời này, cũng không

⁵¹ Bổ nạp y 補納衣, đây chỉ y phân tảo.

⁵² Để bản: giải thoát kiến tuệ.

phản đối. Ngày nào ta sẽ cùng vị ấy được gặp nhau và đàm luận với vị ấy?”

Bấy giờ, tại quê hương mình, Mãn Nguyên Tử giáo hoá đã xong, sau đó đi giáo hoá trong nhân gian, lần hồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn thứ tự nói pháp cho nghe. Mãn Nguyên Tử sau khi nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân rồi ra đi, lấy ni-sư-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn Trú ám.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Mãn Nguyên Tử lấy ni-sư-đàn vắt trên vai hữu, đi đến trong vườn kia. Thấy vậy, ông liền đến chỗ Xá-lợi-phất, bạch rằng.⁵³

“Thế Tôn thường khen ngợi Mãn Nguyên Tử. Thầy ấy vừa đến chỗ Như Lai nghe Phật nói pháp, nay đang đi vào trong rừng. Tôn giả nên biết thời thích hợp.”

Sau khi nghe Tỳ-kheo ấy nói, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai phải và đi đến trong khu rừng kia.

Bấy giờ, Mãn Nguyên Tử ngồi kiết già dưới một bóng cây. Xá-lợi-phất cũng lại ngồi kiết già tư duy ở dưới một bóng cây. Sau đó, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Mãn Nguyên Tử. Đến nơi, sau khi cùng hỏi thăm nhau, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất hỏi Mãn Nguyên Tử:

“Thế nào, Mãn Nguyên Tử, có phải do⁵⁴ Thế Tôn mà ngài làm đệ tử tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

⁵³ Đoạn này có thể do Hán dịch tự thêm thắt, vì mâu thuẫn với đoạn cuối, theo đó, Xá-lợi-phất cho tới khi kết thúc luận đọ mới nhận ra người đối thoại là Mãn Nguyên Tử. Sự kiện này phù hợp với tường thuật của Pāli, và Trung A-hàm.

⁵⁴ Biện cách 7 của Phạm ngữ đây dịch thành *sở do*, thay vì *sở y*. Nên hiểu: (chúng ta) ở nơi Thế tôn, hay *nuong nơi* Thế tôn (*sở y*), mà tu phạm hạnh. Như vậy để có mạch lạc với những hỏi và câu trả lời đoạn sau.

“Đúng vậy, đúng vậy.”

Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Lại có phải nhân bởi⁵⁵ Thế Tôn mà được tu giới thanh tịnh⁵⁶ không?”

Mãn Nguyệt Tử nói:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải do tâm thanh tịnh⁵⁷ nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Có phải vì kiến thanh tịnh nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì không do dự⁵⁸ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyệt Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

⁵⁵ Biến cách 7, Hán dịch thành sở do, nên câu hỏi trở thành vô lý. Nên hiểu: “có phải (chúng ta) nương nơi Thế tôn (sở y, biến cách số 7) mà tu phạm hạnh ...?”

⁵⁶ Pāli: *sīlavisuddhattham*, (có phải) vì mục đích giới thanh tịnh?

⁵⁷ Pāli: *cittavisuddhattham*, vì mục đích tâm thanh tịnh.

⁵⁸ Pāli: *kaṅkhāvitaraṇavisuddhattham*, độ nghi tịnh, vì mục đích sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi.

“Có phải do hành tích thanh tịnh⁵⁹ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì trí thanh tịnh ở trong đạo⁶⁰ mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Thế nào, có phải vì trí kiến thanh tịnh [734c] mà được tu phạm hạnh không?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Không phải.”

Xá-lợi-phất nói:

“Những câu hỏi vừa rồi của tôi, ‘Có phải ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh không?’ Thầy lại đáp tôi rằng: ‘Đúng vậy.’ Tôi lại hỏi: ‘Có phải do trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, được tu phạm hạnh không?’ Thầy lại nói: ‘Không phải.’ Vậy vì sao thầy ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh?”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa⁶¹ giới thanh tịnh là để khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa* tâm thanh tịnh là để khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa* kiến thanh

⁵⁹ Pāli: *paṭipadāñānadassanavisuddhattham*, đạo tích kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh của tri kiến về phương pháp hành trì. Thứ tự trong bản Pāli, mục đích này ở sau đạo phi đạo kiến tịnh.

⁶⁰ Pāli: *maggāmaggañānadassanavisuddhattham*, đạo phi đạo kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh về sự thấy rõ đầu là Thánh đạo và đầu là không phải. Xem cht. 59 trên.

⁶¹ Hán: nghĩa, nên hiểu là “mục đích.” Pāli: *attham*.

tịnh là để khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa* không do dự thanh tịnh là để khiến hành tích thanh tịnh. Nghĩa* hành tích thanh tịnh là để khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa* đạo thanh tịnh là để khiến tri kiến thanh tịnh. Nghĩa* tri kiến thanh tịnh là để khiến nhập nghĩa Niết-bàn.⁶² Đó gọi là ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh.”

Xá-lobi-phát hỏi:

“Nghĩa thầy nói hôm nay nhắm về đâu?”

Mãn Nguyên Tử nói:

“Nay tôi sẽ đưa ra thí dụ để giải thích nghĩa này. Người trí nhờ thí dụ mà hiểu nghĩa đó, người trí tự ngộ. Giống như hôm nay vua Ba-tu-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bà-kì, khoảng giữa hai nước bố trí bảy chiếc xe. Bảy giờ, vua Ba-tu-nặc ra khỏi thành, lên chiếc xe thứ nhất, đến chiếc thứ hai; lên chiếc thứ hai, bỏ chiếc thứ nhất lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ ba và bỏ chiếc thứ hai lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ tư và bỏ chiếc thứ ba lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ năm và bỏ chiếc thứ tư lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ sáu và bỏ chiếc thứ năm lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ bảy và bỏ chiếc thứ sáu lại để vào nước Bà-kì. Bảy giờ, vua Ba-tu-nặc đã đến trong cung, nếu có người hỏi: ‘Hôm nay Đại vương đi cỗ xe nào đến cung này?’ thì vua ấy sẽ đáp thế nào?”

Xá-lobi-phát đáp:

“Nếu có người hỏi thì sẽ đáp như vậy: ‘Tôi ra khỏi thành nước Xá-vệ, trước lên xe thứ nhất đến xe thứ hai; lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm; lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy đến nước Bà-kỳ. Vì sao vậy? Vì tất cả nhờ xe trước đến xe thứ hai, lần lượt làm nhân cho nhau đến được nước kia.’ Nếu có người hỏi thì nên trả lời như vậy.”

⁶² Pāli: *nāṇadassanavisuddhi yāvadeva anupādāparinibbānatthā*, tri kiến thanh tịnh là vì mục đích vô dư Niết-bàn (không còn chấp thủ).

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Nghĩa* giới thanh tịnh cũng lại như [735a] vậy. Do tâm thanh tịnh mà được kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh mà đạt được trừ do dự; do nghĩa không do dự mà đạt được hành tích thanh tịnh; do nghĩa hành tích thanh tịnh mà đạt được đạo thanh tịnh; do nghĩa đạo thanh tịnh mà đạt được tri kiến thanh tịnh; do nghĩa tri kiến thanh tịnh mà đạt được nghĩa Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Vì sao vậy? Vì nghĩa giới thanh tịnh là tướng chấp thủ⁶³, nhưng Như Lai dạy khiến trừ chấp thủ*. Nghĩa tâm thanh tịnh cũng là tướng chấp thủ, nhưng Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến nghĩa tri kiến cũng là chấp thủ. Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Nếu chỉ vì giới thanh tịnh mà nương nơi Như Lai tu phạm hạnh, thì ngay kẻ phạm phu cũng sẽ diệt độ.⁶⁴ Vì sao vậy? Vì kẻ phạm phu cũng có giới pháp này.⁶⁵ Thế Tôn đã dạy, theo thứ lớp thành đạo mà đến được Niết-bàn giới, chẳng phải chỉ có giới thanh tịnh mà đến được diệt độ. Giống như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, phải theo thứ bậc mà đi lên. Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như vậy; dần dần mới đến tâm. Do tâm mà đạt đến kiến. Do kiến mà đạt đến không do dự. Do không do dự mà đạt đến hành tích thanh tịnh. Do hành tích thanh tịnh mà đến được đạo. Do đạo thanh tịnh mà đạt đến tri kiến. Do tri kiến mà đạt đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền khen:

⁶³ Nguyên hán: thọ nhập chi mạo 受入之貌.

⁶⁴ Đoạn dịch hán này tối nghĩa. So sanh Pāli: Xá-lợi-phất hỏi, “Phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” cho đến “tri kiến thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?” Mãn Nguyên Tử đều trả lời không phải. Nhưng ngoài các pháp được hỏi đó cũng không có pháp nào để đến Niết bàn. Nếu không, phạm phu cũng đạt đến Niết-bàn, vì phạm phu không có những pháp đó.

⁶⁵ Câu này Hán dịch rõ ràng sai. Vì các pháp mà Xá-lợi-phất vừa hỏi nhất định không thể có nơi phạm phu. Xem cht. 64 trên.

“Lành thay, lành thay, nghĩa này được nói thật khéo léo. Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo phạm hạnh gọi thầy hiệu gì?”

Mãn Nguyên Tử nói:

“Tôi tên là Mãn Nguyên Tử. Họ mẹ là Di-đa-na-ni.⁶⁶”

Xá-lợi-phất nói:

“Lành thay, lành thay, Mãn Nguyên Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng thầy; trong lòng chứa đựng cam lồ, lại ban phát vô cùng. Nay tôi đã hỏi nghĩa rất sâu, thầy đều đã giải đáp tất cả. Cho dù các vị phạm hạnh đội thầy trên đầu mà đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ơn này. Những ai đến thân cận, hỏi han, người ấy sẽ được nhiều thiện lợi. Nay tôi cũng được lợi nhiều nhờ sự chỉ giáo đó.”

Mãn Nguyên Tử đáp:

“Lành thay, lành thay, như những lời thầy nói! Thầy tên là gì? Các Tỳ-kheo gọi thầy là gì?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là xá-lợi-phất.”

[735b] Mãn Nguyên Tử nói:

“Hôm nay tôi cùng đã bàn luận với bậc Đại nhân. Vậy mà trước đó tôi không biết vị Đại tướng⁶⁷ của pháp đến nơi này! Nếu tôi biết tôn giả xá-lợi-phất đến đây thì không dám cùng biện luận đối đáp như vậy. Nhưng tôn giả hỏi nghĩa rất sâu này, nên tiếp theo đó tôi đã giải đáp.

“Lành thay, xá-lợi-phất! Vị Thượng thủ trong các đệ tử của Phật, thường an trú với pháp vị cam lồ. Dù cho các vị phạm hạnh đội tôn giả xá-lợi-phất trên đầu mà đi khắp thế gian, từ

⁶⁶ Di-đa-na-ni 彌多那尼. Skt. Maitrāyaṇi, nhưng Pāli: Mantāni.

⁶⁷ Nguyên Hán: đại chủ 大主. Xá-lợi-phất được xưng tụng là vị Đại tướng quân của Chánh pháp.

năm này qua năm khác, cũng không thể báo đáp được ơn ấy chút nào. Ở đây, có chúng sanh nào đến hỏi thăm, thân cận tôn giả, người ấy sẽ có được nhiều lợi. Chúng tôi cũng được lợi nhiều.”

Bây giờ, hai hiền giả đàm luận với nhau trong khu ấy ấy như vậy.

Sau khi hai vị nghe điều đã được nói, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Đẳng pháp và Trú độ,
Dụ nước và thành quách,
Thức, Quân-đầu, hai luân,
Bà-mật và bảy xe.⁶⁸*

⁶⁸ Bản Hán, hết quyển 43.

40 . PHẨM BẢY NGÀY

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, sau giờ ăn, các Tỳ-kheo tập trung ở giảng đường Phổ hội bàn luận như vậy: “Núi Tu-di này rất là rộng lớn, các núi khác không thể sánh, hết sức kỳ lạ, cao rộng hùng vĩ. Như vậy mà không bao lâu nữa sẽ bị tan rã, không còn sót thứ gì. Các núi lớn khác tựa vào núi Tu-di, cũng sẽ tan rã.”

Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ giảng đường kia và ngồi xuống. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người ở đây đang bàn luận những gì? Đang định làm gì?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chúng con tụ tập ở đây luận về pháp sự kia. Những điều vừa được thảo luận đều đúng như pháp.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, [735c] Tỳ-kheo! Các người xuất gia cần phải phải thảo luận chánh pháp. Nhưng cũng không bỏ sự im lặng của Hiền Thánh. Vì sao vậy? Khi các Tỳ-kheo tụ tập một chỗ thì nên làm hai việc. Nhưng gì là hai? Một là luận bàn như pháp; hai là im lặng như Thánh Hiền. Các người làm hai việc này, luôn luôn được an ổn, không mất thời nghỉ. Vừa rồi, các người đã luận nghĩa như pháp những gì vậy?”

Các Tỳ-kheo đáp:

¹ Pāli, A. VII. 62 Suriya (R. iv.99), D. 27 Aggāñña.

“Hôm nay, các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường này để luận nghĩa như vậy: ‘Thật là kỳ lạ, núi Tu-di này hết sức cao rộng, nhưng núi Tu-di này như vậy không bao lâu sẽ bị tan rã. Các núi Thiết vi ở bốn phía cũng sẽ bị tan rã như vậy.’ Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận như pháp vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Các ngời có muốn nghe sự biến chuyển đưa đến bại hoại của cảnh giới thế gian này không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Nay là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hợp thời giảng nói, để cho chúng sanh được tâm giải thoát.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngời hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ luôn trong lòng.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Núi Tu-di thật rộng lớn, không núi nào có thể sánh bằng. Tỳ-kheo, nên biết, núi Tu-di nhô khỏi mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do tuần và chìm dưới nước sâu cũng tám vạn bốn ngàn do tuần. Núi Tu-di được tạo nên do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc cũng được tạo thành do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng, quách bạc; thành bạc, quách vàng; thành thủy tinh, quách lưu ly; thành lưu ly, quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm loại trời cư trú ở đó, đều do túc duyên mà sống nơi này. Những gì là năm? Trong thành bạc kia có trời Tế cước² cư trú; trong thành vàng kia có trời Thi-lợi-sa³ cư trú; trong thành thủy tinh kia có trời Hoan

² Tế cước 細脚. Có lẽ *Câu-xá 11* (tr. 59c2) gọi là Kiên thủ 堅手 (Skt. Karoṭapāṇi).

³ Thi-lợi-sa 尸利沙.

duyệt⁴ cư trú; trong thành lưu ly kia có trời Lực thịnh⁵ cư trú. Giữa thành vàng và bạc có Tì-sa-môn Thiên vương cư trú cùng với số lượng Dạ-xoa không thể đếm xuể. Giữa thành vàng và thủy tinh có Tì-lưu-bác-xoa Thiên vương cư trú cùng với các Long thần. Giữa thành thủy tinh và lưu ly có Tì-lưu-lặc-xoa Thiên vương cư trú. Giữa thành lưu ly và vàng có Đề-đâu-lại-tra Thiên vương cư trú .

“Tỳ-kheo, nên biết, [736a] dưới núi Tu-di có A-tu-la cư trú. Khi A-tu-la muốn đánh nhau với trời Tam thập tam thì trước cùng đánh nhau với trời Tế cước. Nếu thắng, tiến đến thành vàng cùng đánh nhau với trời Thi-lợi-sa. Khi đã thắng trời Thi-lợi-sa, lại đến thành thủy tinh cùng đánh nhau với trời Hoan duyệt. Thắng rồi, chúng tiến đến thành lưu ly. Thắng đây rồi, chúng đánh nhau với trời Tam thập tam.⁶

“Tỳ-kheo, nên biết, trời Tam thập tam cư trú trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm phát ra ánh sáng; tự chiếu sáng cho nên như vậy. Nương vào núi Tu-di mà mặt trời, mặt trăng trôi đi. Nhật thiên tử có thành quách dài rộng năm mươi một do tuần. Nguyệt thiên tử có thành quách dài rộng ba mươi chín do tuần. Ngôi sao lớn nhất dài rộng một do tuần, sao nhỏ nhất dài rộng hai trăm bộ. Đỉnh núi Tu-di từ đông sang tây, từ nam đến bắc, dài rộng tám vạn bốn nghìn do tuần. Gần núi Tu-di, phía nam có núi Đại thiết vi⁷ dài rộng dài tám vạn bốn nghìn dặm, cao tám

⁴ Hoan duyệt 歡悅. Có lẽ *Câu-xá 11* nói là Hằng kiều 恒橋 (Skt. Sadāmatta, nhưng đây đọc là Sadāmanas).

⁵ Lực thịnh 力盛. Có lẽ *Câu-xá 11* là Trì man (Skt. Māladhara, nhưng đây đọc là Baladhara).

⁶ Pāli, Jā. i. 204: Đế Thích đặt năm vòng đại bảo vệ cung thành Tam thập tam, từ dưới chân Tu-di đi lên: Nāga (Rồng), Garuḍa (Kim sí điểu), Kumbhaṇḍa (Cưu-bàn-trà), Yakkha (Dạ-xoa), và Tứ thiên vương.

⁷ Thiết vi 大鐵圍. SDkt. (Mahā)Xakravāḍa. Pāli: Cakkavāḍa. Các núi bao quanh Tu-di, xem *Trưởng*, kinh 29 Thế ký, phẩm Diêm-phù-đề. *Câu-xá 11*,

vạn dặm. Thêm nữa, ngoài núi này có núi Ni-di-đà⁸ bọc quanh núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khur-la,⁹ cách núi này lại còn có núi tên Ti-sa,¹⁰ cách núi này lại còn có núi tên Mã đầu,¹¹ lại có núi tên Ti-na-da, kế núi Ti-na-da¹² lại có núi tên Thiết vi, Đại thiết vi.

“Chính giữa núi Thiết vi có tám địa ngục lớn, mỗi¹³ địa ngục có mười sáu ngục phụ.¹⁴ Núi Thiết vi này giúp ích rất nhiều cho Diêm-phù-đề-lý-địa. Nếu không có núi Thiết vi này, Diêm-phù-đề-lý-địa thường là nơi hôi thối. Bên ngoài núi Thiết vi có núi Hương tích;¹⁵ cạnh đó có tám vạn bốn ngàn voi chúa trắng sinh sống nơi này. Mỗi con có sáu ngà được trang sức bằng vàng, bạc. Trong núi ấy có tám vạn bốn ngàn hang, các voi ấy cư trú ở đó. Con voi tối thượng được tạo bởi vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thích Đề-hoàn Nhân thường tự thân cỡi nó. Chuyên luân Thánh vương cỡi voi nhỏ nhất. Cạnh núi Hương tích có ao nước Ma-đa, sinh toàn hoa sen uru-bát, hoa câu-mâu-đầu; những con voi kia nhỏ rể ăn. Cạnh ao nước Ma-đa có núi tên Ưu-xà-già-la. Núi này sanh ra đủ loại cây cỏ, chim, thú, sâu bọ, hổ báo đều nương vào núi này mà ở, có nhiều người đắc thần thông cũng đều sống ở đây. Kế đó lại có núi tên Bàn-trà-bà, tiếp lại có núi tên Kỳ-xà-quật. **[736a]** Đây là chỗ y cứ của mà Diêm-phù-lý-địa.

phẩm iii Thế gian. Thứ tự được kể trong bản Hán dịch này không phù hợp với các tài liệu dẫn trên.

⁸ Ni-di-đà 尼彌陀山, Skt. Nimindhara. Pāli: Nemindhara.

⁹ Khur-la 佉羅. Skt. Khadiraka. Pāli: karavīka.

¹⁰ Ti-sa 俾沙. Skt. īśādhara. Pāli: īsadhara.

¹¹ Mã đầu 馬頭. Skt. Aśvakarṇa; Pāli: Assakaṇṇa.

¹² Tỳ-na-da 毘那耶. Skt. , Pāli: Vinataka.

¹³ Đề bản: nhị ; có lẽ *nhất nhất* bị chép nhầm.

¹⁴ Hán: cách tử 隔子.

¹⁵ Hương tích 香積. *Câu-xá 11* (tr. 58a20): Hương túy 香醉. Skt. Gandhamadāna.

“Các Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, khi thế gian này sắp băng hoại, trời không mưa, những lúa mạ đã gieo không tăng trưởng, các con sông suối nhỏ đều bị khô cạn, tất cả các hành đều qui về vô thường, không tồn tại lâu.

“Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn sông lớn như Hằng hà, Tu-đầu, Tử-đà, Bà-xoa cũng lại khô cạn không còn gì sót lại. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi chính là vậy.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian này có hai mặt trời xuất hiện, lúc ấy các loại cây cối thảo mộc đều điêu tàn. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường biến dịch, không được tồn tại lâu dài. Lúc ấy, nước các nguồn suối nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo, nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn tất cả đều khô cạn đến cả trăm do tuần, dần dần đến bảy trăm do tuần, nước tự nhiên khô.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi ba mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước bốn biển lớn trong vòng ngàn do tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần cho đến bảy ngàn do tuần, nước tự nhiên khô cạn.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bốn mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn chỉ còn sâu khoảng một ngàn do tuần. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian có năm mặt trời xuất hiện, lúc ấy nước trong bốn biển lớn chỉ còn bảy trăm do tuần nước, dần dần còn lại một trăm do tuần. Tỳ-kheo, nên biết, khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển chỉ còn một do tuần; dần dần nước khô không còn gì hết. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước chỉ còn bảy thước. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển khô hết không còn gì. Tỳ-kheo, nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi sáu mặt trời xuất hiện, mặt đất dày sáu vạn tám ngàn do tuần này đều bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần bị sụp lở. Khi sáu mặt trời xuất hiện, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều băng hoại. Giống như người thợ gốm

nung đồ gốm. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ cũng lại như vậy, lửa cháy bùng bùng, lan khắp nơi.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, nhân dân qua đời. Năm loại trời nương vào núi Tu-di cũng mạng chung. Trời Tam thập tam, trời Diêm thiên, cho đến trời Tha hoá [736c] tự tại cũng mạng chung; cung điện đều trống. Khi sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và ba ngàn đại thiên quốc độ đều trống không, không còn gì. Như vậy, Tỳ-kheo, các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, khi bảy mặt trời xuất hiện, bảy giờ đất tuy dày sáu vạn tám ngàn do tuần và ba ngàn đại thiên quốc độ đều bốc lửa. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di này dần dần tan hoại, trăm ngàn do tuần tự nhiên sụp lở hoàn toàn không còn gì, cũng không còn thấy mây may khói bụi, huống gì là thấy tro!

“Khi ấy, cung điện trời Tam thập tam cho đến trời Tha hoá tự tại đều bốc lửa. Lửa bốc cháy nơi này cho đến trên Phạm thiên. Các thiên tử mới sinh ở thiên cung kia, vì xưa nay không thấy kiếp thiêu, nên khi thấy ánh lửa bốc cháy này trong lòng kính hãi, lo bị lửa đốt. Song những vị thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liền đến an ủi những thiên tử mới sanh: ‘Các ông chớ có lo sợ. Lửa này hoàn toàn không thể lan đến nơi này.’

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, từ nơi này đến sáu trời Dục giới, cho đến ba ngàn đại thiên quốc độ, đều thành tro bụi, cũng không còn dấu vết hình chất. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không thể bảo tồn lâu, đều đưa đến hoại diệt. Bảy giờ, nhân dân qua đời, sinh về quốc độ khác, hoặc sinh lên trời. Chúng sanh nào trong địa ngục, nếu tội trước đã hết thì sinh lên trời, hoặc quốc độ khác. Nếu chúng sanh địa ngục kia chưa hết tội thì lại dời đến quốc độ khác.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết ánh sáng mặt trời, mặt trăng và tinh tú. Khi ấy mặt trời mặt

trắng đã diệt, không còn ngày và đêm. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là vì quả báo nên đưa đến tan rã này.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi thành tựu kiếp trở lại, cho đến một lúc lửa tự nó tắt mất, trong hư không nổi lên mây lớn, dần dần mưa xuống. Khi ấy, ba ngàn đại thiên quốc độ này đều ngập nước. Nước dâng lên cõi Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ nước này dần dần ngưng lại và tự tiêu hết. Lại có cơn gió khởi lên tên là Tuỳ lam, thổi nước này tụ lại một chỗ. Lúc bấy giờ, gió này lại thổi dậy một ngàn núi Tu-di, một ngàn núi Kì-di-đà,¹⁶ một ngàn núi Ni-di-đà, một ngàn núi Khu-la, một ngàn núi Y-sa, một ngàn núi Tỳ-na, một ngàn núi Thiết vi, một ngàn núi Đại thiết vi. Lại sinh tám ngàn địa ngục, [737a] lại sinh một ngàn núi Mã đầu, một ngàn núi Hương tích, một ngàn núi Bàn-trà-bà, một ngàn núi Ưu-xà-già, một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn cõi Cù-da-ni, một ngàn cõi Phát-vu-đãi, một ngàn cõi Uất-đơn-việt. Lại sinh nước một ngàn biển, lại sinh một ngàn cung Tứ thiên vương, một ngàn trời Tam thập tam, một ngàn Diêm thiên, một ngàn trời Đâu-suất, một ngàn trời Hoá tự tại, một ngàn trời Tha hoá tự tại.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, nước rút, đất bày trở lại. Khi ấy trên đất tự nhiên có lớp chất béo đất,¹⁷ rất thơm ngon hơn cả cam lồ. Nên biết chất béo đất kia có mùi vị giống như rượu ngọt bồ đào.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc, các vị trời Quang âm nói với nhau: ‘Chúng ta xuống Diêm-phù-đề để xem mặt đất kia khi phục hồi trở lại.’ Thiên tử Quang âm xuống đến thế gian, thấy trên mặt đất có béo đất này liền dùng ngón tay quét đưa vào miệng mà ăn thử. Khi ấy, thiên tử ăn nhiều béo đất nên không còn oai thần và ánh sáng nữa, thân thể trở nên nặng mà

¹⁶ Kì-di-đà 祇彌陀; có thể chép dư.

¹⁷ Địa phi 地肥. Xem *Trường 6* (kinh 5 Tiểu duyên, tr. 37b27); *Trung 39* kinh 154 (tr. 674b24). Pāli, D 27 Aḅāṅṅa (R.iii. 85).

sanh ra xương thịt, mất thần túc không còn bay được. Thiên tử nào ăn ít béo đất thì thân thể không nặng, cũng không mất thần túc, có thể bay lại trên hư không.

“Lúc ấy, những thiên tử mất thần túc đều cùng nhau than khóc, nói với nhau: ‘Nay chúng ta thật là cùng khốn, lại mất thần túc, phải ở lại thế gian, không thể trở lên trời lại được.’ Rồi họ ăn chất béo đất này, và để ý nhan sắc nhau. Khi ấy, thiên tử nào có nhiều dục ý thì trở thành thành người nữ, rồi làm tình dục cùng nhau vui thích.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là lúc thế gian mới hình thành có pháp dâm này lưu truyền thế gian, là thường pháp tối sơ, khi người nữ xuất hiện ở đời; cũng lại là pháp xưa chẳng phải mới ngày nay.

“Lúc ấy, các vị trời Quang âm khác thấy các thiên tử đoạ lạc liền đến quở trách rằng: ‘Vì sao các ông lại làm hạnh bất tịnh này.’ Lúc này, các chúng sanh lại tự nghĩ: ‘Chúng ta phải tìm cách nào để có thể nghỉ đêm với nhau mà mọi người không thấy.’ Dần dần chúng làm nhà cửa để tự che thân thể. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên này mà ngày nay có nhà cửa.

“Tỳ-kheo, nên biết, cho đến một lúc chất béo đất tự nhiên lần xuống đất, sau đó sanh ra lúa gạo rất tươi sạch, cũng không có vỏ ngoài, hết sức thơm ngon khiến người ăn được mập trắng. Sáng thu hoạch, chiều lại sinh; chiều thu hoạch, sáng lại sinh. Này Tỳ-kheo, bấy giờ mới có tên lúa gạo này xuất hiện.

[737b] “Tỳ-kheo, cho đến một lúc nhơn dân biếng nhác, không chuyên cần sinh hoạt. Có một người suy nghĩ: ‘Vì sao ngày nào ta cũng phải gặt hái lúa thóc này. Nên thu một lần cho cả hai ngày.’ Người đó liền đi thu hoạch lúa một lần cho hai ngày.

“Bấy giờ, nhân dân lần lượt mang thai, và do đó có sự sanh đẻ.

“Một lúc nọ, có một chúng sanh bảo chúng sanh kia: ‘Chúng ta cùng đi gặt lúa.’ Người kia đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực đủ cho hai ngày.’ Người này nghe xong bèn nghĩ nghĩ: ‘Ta phải chứa

lượng thực bốn ngày.’ Người ấy liền lo lượng thực đủ bốn ngày. Lại có chúng sanh nói với chúng sanh ấy rằng: ‘Chúng ta cùng ra ngoài thâu lúa.’ Người này đáp: ‘Tôi đã lấy lương thực bốn ngày.’ Người kia nghe rồi liền nghĩ như vậy: ‘Ta phải lo lương thực tám ngày.’ Nó liền lo chứa thức ăn tám ngày. Do vậy, lúa kia không sinh trở lại. Bấy giờ, mọi người suy nghĩ như vậy: ‘Thế gian có tai họa lớn. Giờ lúa thóc này không như xưa nữa. Nay phải phân chia lúa thóc này.’ Tức thì chúng phân chia lúa thóc. Lúc ấy, có chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên ăn trộm lúa thóc người khác.’ Rồi chúng sanh ấy giấu lúa thóc mình, ăn trộm lúa thóc người khác. Chủ kia bắt gặp nó ăn trộm lúa thóc, liền nói với nó: ‘Sao ông lấy lúa thóc của tôi? Giờ tha tội ông, sau này chớ tái phạm.’ Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp này. Lúc này, lại có chúng sanh nghe lời này rồi liền nghĩ như vậy: ‘Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên trộm lúa thóc người khác.’ Rồi, chúng sanh ấy liền cất vật của mình mà lấy vật người khác. Người chủ kia thấy vậy, nói với nó: ‘Sao ông lại lấy lúa thóc tôi?’ Nhưng người kia im lặng không đáp. Lúc ấy, chủ vật liền giơ nắm tay đánh: ‘Từ nay về sau chớ có xâm lấn nữa!’ Bấy giờ, mọi người dân nghe chúng sanh trộm lẫn nhau, bèn tụ tập và cùng bàn bạc: ‘Thế gian có phi pháp này, chúng trộm lẫn nhau. Nay phải lập người giữ ruộng để giữ gìn ruộng. Có chúng sanh kia thông minh tài giỏi nên lập làm chủ ruộng.’ Rồi họ bầu chọn chủ ruộng mà nói rằng: ‘Các vị nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay ông hãy giữ ruộng, chúng tôi sẽ trả công cho. Những người dân nào đến lấy trộm lúa thóc người khác, hãy trị tội họ.’ Bấy giờ chủ ruộng được lập.

“Tỳ-kheo, nên biết, người giữ ruộng kia bấy giờ [737c] được gọi là dòng sát-lợi, đều là pháp xưa chẳng phải pháp bây giờ.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Dòng sát-lợi bắt đầu,
Đứng đầu trong các họ.
Người thông minh tài giỏi,*

Được trời người kính đãi.

“Bấy giờ, có người kia xâm phạm vật người khác, nó liền bị sát-lợi bắt trị phạt. Nhưng người ấy lại không sửa đổi lỗi mà vẫn tái phạm. Chúa sát-lợi ra lệnh làm đao trượng, bắt người kia mà bêu đầu. Bấy giờ thế gian bắt đầu có sự sát sanh này. Khi ấy, mọi người dân nghe giáo lệnh này: ‘Nếu có ai trộm cướp lúa thóc người khác, Chua sát-lợi sẽ bắt giết.’ Tất cả sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng.

“Có người dựng am cỏ, ở trong ấy toạ thiền, tu phạm hạnh, nhất quyết xả bỏ gia nghiệp, vợ con thế thiếp. Độc cư nhàn tịnh quyết chí tu phạm hạnh. Nhân từ đó về sau có dòng họ bà-la-môn. Bấy giờ liền có hai dòng họ xuất hiện ở đời.

“Tỳ-kheo, nên biết, thời bấy giờ do trộm cắp nên có sát sanh; do sát nên có đao trượng.

“Bấy giờ, chúa sát-lợi bố cáo nhân dân: ‘Người nào đẹp đẽ, tài cao, sẽ được giáo thống lĩnh nhân dân này.’ Lại bố cáo: ‘Nếu người dân nào trộm cắp sẽ bị trừng trị.’ Sau đó liền có dòng họ tỳ-xá này xuất hiện ở đời.

“Bấy giờ, có nhiều chúng sanh nghĩ như vậy: ‘Nay mọi người sát hại nhau, đều là do nghề nghiệp mà ra. Nay ta phải lui tới khắp nơi để mưu tự nuôi sống.’ Khi ấy liền có dòng họ Thủ-đà-la xuất hiện ở đời.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

Đầu tiên dòng sát-lợi;

Kế đến bà-la-môn;

Thứ ba là tỳ-xá;

Tiếp nữa dòng thủ-đà.

Có bốn dòng dôi này,

Dần dần sanh lẫn nhau,

Đều từ thân trời đến,

Và cùng một sắc da.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi có tâm sát sanh, trộm cắp này, nên không còn có lúa thóc tự nhiên này nữa. Bây giờ, có năm loại hạt giống, một là hạt từ rễ, hai là hạt từ thân, ba [738a] là hạt từ cành, bốn là hạt từ hoa, năm là hạt từ quả và sinh những loại hạt giống khác. Đó gọi là năm loại giống, đều do gió thổi từ các quốc độ nơi khác đến, được dùng để trồng, lấy đó để tự nuôi sống.

“Nhu vậy, Tỳ-kheo, thế gian có điếm báo này liền có sanh, già, bệnh, chết, cho đến khiến cho ngày nay có thân năm thủ uẩn này, không dứt được biên tế khổ.

“Đó gọi là sự biến đổi lúc kiếp thành bại của thế giới mà Ta nói cho các người. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã nói hết cho các người. Hãy vui sống nơi chỗ nhàn tĩnh, nên nhớ nghĩ ngôi thiên, chớ sinh giải đãi. Nay không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, tại thành La-duyet, cùng chúng đại Tỳ kheo năm trăm vị.

Bây giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế ở giữa quần thần nói rằng:

“Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân chúng đông đúc. Ta sẽ chinh phạt để thu phục nước ấy.”

Rồi vua A-xà-thế bảo bà-la-môn Bà-lợi-ca¹⁹ rằng:

“Ông hãy đến chỗ Thế Tôn, xưng tên họ ta mà hỏi thăm Thế Tôn, đánh lễ, thừa sự rồi thưa: ‘Vua A-xà-thế bạch Thế Tôn,

¹⁸ Pāli, A.VII. 20 Vassakāra (R. iv. 16), *Trường 3* kinh 2; *Trung 35* kinh 142.

¹⁹ Bà-lợi-ca 婆利迦. Pāli: Vassakāra.

vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, không biết có được không?’ Nếu Như Lai có dạy gì, ông hãy nhớ kỹ rồi về nói lại cho ta. Vì sao vậy? Như Lai không có nói hai lời.”

Bà-la-môn vâng lệnh vua, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Vua A-xà-thế kính lạy Thế Tôn, thưa sự, hỏi thăm.”

Rồi lại bạch:

“Ý muốn vua muốn công phạt nước Bạt-kỳ, trước hết đến hỏi Phật, không biết có được không?”

Bấy giờ, Bà-la-môn kia lấy y che kín đầu, chân mang giày ngựa voi, hông đeo kiếm bén, không nên vì ông nói pháp.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tu bảy pháp, quyết không bị giặc cướp bên ngoài tiêu diệt. Những gì là bảy? Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tập hợp lại một chỗ không phân tán, sẽ không bị nước khác phá hoại. Đó gọi là pháp thứ nhất không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ trên dưới hoà [738b] thuận, nhân dân nước Bạt-kỳ sẽ không bị người ngoài cầm giữ. Đây A-nan, đó gọi là pháp thứ hai không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tà dâm, đả sát người nữ khác, đó gọi là pháp thứ ba không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc nơi này truyền đến nơi kia, cũng lại không đem việc nơi kia truyền đến nơi này, đó gọi là pháp thứ tư không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường sa-môn, Bà-la-môn, thừa sự, kính lễ đồng phạm hạnh, đó gọi là pháp thứ năm không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham đắm của báu người khác, đó gọi là pháp thứ sáu không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

“Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều cùng một lòng, hướng²⁰ đến miếu thần, mà chuyên tinh ý mình, sẽ không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại. Đó gọi là pháp thứ bảy không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

“A-nan, đó gọi là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, quyết không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.”

Khi ấy, bà-la-môn bạch Phật:

“Giả sử người nước Bạt-kỳ thành tựu chỉ một pháp thôi, còn không thể hoại, huống chi đến bảy pháp thì làm sao hoại nổi? Đày đủ thay, Bạch Thế Tôn. Nhưng việc nước đa đoan, con muốn trở về.”

Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Sau khi bà-la-môn đi được một lát, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói bảy pháp không thối chuyển, các người hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển? Tỳ-kheo, nên biết, nếu Tỳ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hoà thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

²⁰ Bản Hán: bất hướng 不向. Nghi chép dư chữ bất. Tham chiếu, *Trung 35*, ibid.

“Lại nữa, chúng Tăng hoà hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thối chuyển, không để Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn [738c] ngày sách tấn tinh ý tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

“Lại nữa, Tỳ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngũ nhiễm, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ sáu.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiền, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

“Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hoà thuận với nhau, Ma không thể tùy tiện.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

*Trừ bỏ mọi nghiệp đời,
Không tư duy loạn tưởng.
Nếu không hành như vậy,
Không thể được tam-muội.*

*Người hay ưa thích pháp;
Phân biệt nghĩa pháp ấy;
Tỳ-kheo ưa hạnh này,
Sẽ dẫn đến tam-muội.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Nay, Ta sẽ nói về bảy sử,²¹ các người hãy ghi nhớ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn nói:

“Những gì là bảy? Một là sử tham dục, hai là sử sân hận, ba là sử kiêu mạn, bốn là sử ngu si, năm là sử nghi, sáu là sử tà kiến, bảy là sử tham đắm thế gian.²² Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sanh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sanh tử. Giống như hai con trâu một đen, một trắng cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sanh này cũng như vậy, [739a] bị tham dục sử, vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ

²¹ Thất sử 七使; tức 7 tùy miên. Cf. Pāli, A. iv. 9: *sattannaṃ, anusayānaṃ*, có 7 tùy miên.

²² Pāli: *kāmarāga*, dục tham; *paṭigha*, sân; *ditṭha*, kiến; *vicikiccha*, nghi; *māna*, mạn; *bhavarāga*, hữu tham; *avijja*, vô minh.

phàm phu bị bảy sử này trôi buộctrôi lăn mãi trong sanh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

“Tỳ-kheo, nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tệ ma. Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Những là bảy? Sử tham dục, dùng niệm giác chi để trị. Sử sân hận, dùng trạch pháp giác chi để trị. Sử tà kiến, dùng tinh tấn giác chi để trị. Sử tham đắm thế gian, dùng hỷ giác chi để trị. Sử kiêu mạn dùng khinh an* giác chi để trị. Sử nghi, dùng định giác chi để trị. Sử vô minh, dùng xả* giác chi để trị. Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy giác chi để trị bảy sử ấy.

“Tỳ-kheo, nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới bóng cây, suy nghĩ như vậy: ‘Chúng sanh Dục giới bị những gì trôi buộctrôi?’ Lại nghĩ: ‘Chúng sanh này bị bảy sử cuốn trôi trong sanh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trôi, không giải thoát được.’ Rồi Ta lại nghĩ: ‘Lấy gì để trị bảy sử này?’ Ta lại suy nghĩ: ‘Bảy sử này nên dùng bảy giác chi để trị. Ta hãy tư duy về bảy giác chi.’ Khi tư duy bảy giác chi, tâm dứt sạch hữu lậu, liền được giải thoát. Sau jhi thành Đạo Vô thượng chánh chơn, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy giác chi này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy giác chi.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

“Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người? Một là hành từ, hai là hành bi, ba là hành hỷ, bốn là hành xả*, năm là hành không, sáu là hành vô tướng, bảy là hành vô nguyện. Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là [739b] phước điền vô thượng thế gian. Vì sao vậy? Vì có chúng sanh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo.”

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn :

“Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật mà lại nói bảy pháp này?”

Thế Tôn nói:

“Bảy hạng người, hành từ, v.v, hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được báo hiện tiền; nhưng cúng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo. Cho nên, A-nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại ao Di hâu, Tỳ-xá-ly, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị .

Bấy giờ, đến giờ khát thực, Thế Tôn đắp y mang bát cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khát thực. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có trưởng giả tên Tỳ-la-tiên nhiều của lắm báu không thể đếm xuê, nhưng lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc ấy, trưởng giả kia dẫn các thể nữ ở hậu cung ca múa vui đùa với nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến con đường ấy, biết mà vẫn hỏi A-nan:

“Tiếng đờn ca đang nghe phát ra từ nhà nào vậy?”

A-nan bạch Phật:

“Đó là từ nhà của trưởng giả Tỳ-la-tiên.”

Phật bảo A-nan:

“Sau bảy ngày nữa, trưởng giả này sẽ qua đời, sanh vào địa ngục Thế khốc.²³ Vì sao vậy? Đó là pháp thường. Nếu người nào đoạn hết căn lành, khi mạng chung đều sanh vào địa ngục Thế khốc. Nay trưởng giả này đã hết phước cũ lại không tạo phước mới.”

A-nan bạch Phật:

“Có nhân duyên gì khiến trưởng giả này sau bảy ngày không qua đời không?”

Phật bảo A-nan:

“Không có nhân duyên nào để không qua đời. Những hành vi đã tạo kiếp trước hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.”

A-nan bạch Phật:

“Có phương cách nào giúp trưởng giả này không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

Phật bảo A-nan:

“Có cách này có thể giúp trưởng giả không vào địa ngục.”

A-nan bạch Phật:

“Nhân duyên nào để trưởng giả không vào địa ngục?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu trưởng giả này, cạo bỏ râu tóc, mặt ba pháp y, xuất gia học đạo, thì tránh khỏi [739c] tội này được.”

A-nan bạch Phật:

“Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo!”

²³ Thế khốc 涕哭; TNM: Đê khốc. Có lẽ tên khác của địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Cf. *Trường 19*.

Rồi thì, A-nan từ giả Thế Tôn, đi đến nhà trưởng giả này, đứng ở ngoài cửa. Khi ấy, trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến, liền ra nghênh đón và mời ngồi. A-nan bảo trưởng giả:

“Hiện tôi ở gần bậc Nhất thiết trí, nghe Như Lai báo trước về thân ông, sau bảy ngày nữa thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục Thế khốc.”

Trưởng giả nghe rồi, trong lòng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, thưa với A-nan: “Có cách nào giúp trong bảy ngày không qua đời không?”

A-nan đáp:

“Không có cách nào giúp trong bảy ngày thoát khỏi mạng chung.”

Trưởng giả lại bạch:

“Có cách nào giúp con mạng chung không sanh vào địa ngục Thế khốc không?”

A-nan đáp:

“Thế Tôn có dạy như vậy: ‘Nếu trưởng giả cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì không vào trong địa ngục.’ Nay trưởng giả có thể xuất gia học đạo để đến bờ kia.”

Trưởng giả bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước, tôi sẽ đến ngay.”

Sau đó, A-nan liền ra đi. Trưởng giả tự nghĩ: “Bảy ngày hãy còn xa. Nay ta có thể tự vui thích ngũ dục, sau đó sẽ xuất gia học đạo.”

Hôm sau, A-nan lại đến nhà trưởng giả, nói với trưởng giả:

“Một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày, đúng lúc xuất gia!”

Trưởng giả bạch:

“Ngài A-nan, hãy đi trước đi, tôi sẽ theo ngay.”

Nhưng trưởng giả kia vẫn cố không đi. Qua hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày, lúc này A-nan đến nhà trưởng giả bảo trưởng giả:

“Đúng lúc hãy xuất gia, kéo sau hối hận không kịp. Nếu không xuất gia, hôm nay mạng chung sẽ sanh vào trong địa ngục Thế Khốc.”

Trưởng giả bạch A-nan: “Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.”

A-nan bảo:

“Trưởng giả, hôm nay ông dùng thân túc gì để đến nơi ấy, mà bảo tôi đi trước? Nay cả hai phải đi cùng lúc.”

Lúc ấy, A-nan dẫn trưởng giả này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

“Trưởng giả này, nay muốn xuất gia học đạo, cúi xin Như Lai cho phép cạo bỏ râu tóc, khiến được học đạo.”

Phật bảo A-nan:

“Nay người hãy đích thân độ cho trưởng giả này.”

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền [740a] cạo bỏ râu tóc cho trưởng giả, dạy cho đắp ba pháp y, cho học chánh pháp. Bấy giờ, A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

“Ông hãy nhớ nghĩ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Hãy tu hành pháp như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo. Hành mười niệm này thì lập tức được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.”

Sau khi tu tập pháp như vậy rồi, ngay trong ngày hôm đó, ông ấy mạng chung sanh lên Tứ thiên vương.

Bấy giờ, A-nan liền hoá thiêu thân kia, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời. Ông sanh về nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo này chết sanh lên Tứ thiên vương.”

A-nan bạch Phật:

“Ồ đó mạng chung sẽ sanh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Ồ đó mạng chung sẽ sanh lên trời Tam thập tam, rồi lần lượt sanh lên trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại. Từ đó mạng chung, sanh trở lại cho đến trời Tứ thiên vương. Nay A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên bảy phen chuyển vòng trong trời người, cuối cùng được làm thân người, xuất gia học đạo, sẽ dứt sạch gốc khổ. Vì sao vậy? Vì vị ấy có lòng tin ở Như Lai.

“A-nan nên biết, cõi Diêm-phù-đề này, nam bắc hai vạn một nghìn do tuần, đông tây bảy nghìn do tuần. Nếu có người cúng dường tất cả người cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?”

A-nan bạch Phật:

“Thật nhiều, thật nhiều, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo A-nan:

“Nếu chúng sanh nào chỉ trong khoảnh khắc, tín tâm không dứt đoạn, tu tập mười niệm, phước kia không thể lường, không có thể đo lường được. Như vậy, A-nan hãy tìm cầu phương tiện tu tập mười niệm.

“A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

²⁴ Pāli, M.2. Sabbāsava (R. i. 6). Hán, *Trung 2*, kinh 10.

“Ta sẽ nói pháp cực diệu, khoáng đầu, giữa, cuối đều thiện xảo, nghĩa lý sâu xa, đầy đủ tu phạm hạnh. Kinh này gọi là ‘pháp thanh tịnh các lậu,’ các người hãy nhớ nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng theo Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

[740b] “Sao gọi là pháp sạch các lậu? Hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thân cận, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi viễn ly, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi ngu lạc, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi oai nghi, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.²⁵

“Sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy? Ở đây, kẻ phàm phu không gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, không thể thủ hộ pháp Hiền Thánh, không thân cận thiện tri thức, không từng sự với thiện tri thức; pháp đã được nghe cần tư duy mà không phân biệt; pháp không nên tư duy mà tư duy, khiến cho đục lậu chưa sinh liền sinh, đục lậu đã sinh liền tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều; vô minh lậu chưa sanh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Đó là pháp không nên tư duy mà tư duy.

²⁵ Bảy loại trong *Trung* kinh 10 và Pāli. Bản Hán này chỉ có sáu: 1. Kiến đoạn 見斷; *Trung* kinh 10, kiến đoạn; Pāli: *dassanā pahātabbā*. 2. Thân cận đoạn 親近斷; *Trung* kinh 10: dụng đoạn; Pāli: *paṭisevanā pahātabbā*. Tư duy đoạn 思惟斷. 3. Viễn ly đoạn 遠離斷. Pāli: *parivajjanā pahātabbā*. 4. Ngu lạc đoạn 娛樂斷. Tư duy đoạn 思惟斷, Pāli: *bhāvanā pahātabbā*. Còn lại, không đồng nhất được: Pāli: *saṃvarā pahātabbā* (phòng hộ đoạn), *adhivāsanā pahātabbā* (kham nhẫn đoạn), *vinodanā pahātabbā* (trừ diệt đoạn).

“Sao gọi là pháp nên tư duy, nhưng không tư duy²⁶? Pháp nên tư duy là do pháp đó mà dục lậu chưa sanh khiến không sinh, dục lậu đã sinh thì liền diệt; hữu lậu chưa sanh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh thì liền diệt; vô minh lậu chưa sanh khiến không sanh, vô minh lậu đã sanh thì liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy mà không tư duy. Điều không nên tư duy mà tư duy, điều nên tư duy lại không tư duy, khiến dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều, hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều, vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Người kia khởi lên tư duy như vậy: ‘Có quá khứ lâu xa hay không? Ta có thể đã hiện hữu trong quá khứ lâu xa ấy.’ Hoặc lại tư duy: ‘Không có quá khứ lâu xa. Ta hiện hữu trong quá khứ lâu xa hay không? Ai hiện hữu trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa hay không? Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa.’ Hoặc lại nói: ‘Không tương lai lâu xa. Ta sẽ hiện hữu trong tương lai lâu xa hay không? Ai hiện hữu trong tương lai lâu xa? Vì sao có chúng sanh lâu xa này? Chúng sanh lâu xa này từ đâu mà đến? Từ đây mạng chung sẽ sinh về đâu?’ Người kia khởi lên những ý nghĩ chẳng lành này liền khởi lên sáu kiến, lần lượt sinh tướng tà: Thấy rằng có ngã, có kiến này hay không? Thấy rằng không có ngã, có phát sanh kiến này hay không? Thấy rằng vừa có ngã, vừa không ngã, ở trong đó có phát sanh kiến này hay không? Lại do quán sát tự thân khởi lại kiến này: ở nơi chính ta mà không thấy có ta. Lại khởi lên kiến này: ở nơi không có ta mà không thấy không có ta, ở trong đó khởi kiến này. Bây giờ, người kia lại sinh tà kiến này: Ngã đời này cũng là ngã đời sau, tồn tại mãi ở đời không bị tan rã, cũng không biến dịch, lại không đời đời.²⁷ Đó gọi là tụ tà kiến. Tà kiến, tai hoạ, sâu bi,

²⁶ Pāli: *dhammā manasikaraṇīyā ye dhamme na manasi karoti*, pháp cần được tác ý mà không tác ý.

²⁷ Tham chiếu Pāli, sáu kiến chấp về ngã: 1. *atthi me attā*, có tự ngã của tôi; 2. *natthi me attā*, không có tự ngã của tôi; 3. *attanāva attānaṃ sañjānāmi*,

khổ não, đều từ đây sinh, không thể chữa trị, cũng lại không thể loại bỏ, làm tăng gốc khổ. Do đó không phải là hành của sa-môn, đạo Niết-bàn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền Thánh tu hành pháp kia không mất thứ lớp, khéo biết thủ hộ, từng sự theo thiện tri thức. Vị ấy có thể phân biệt, biết rõ pháp nên tư duy cũng, và cũng biết rõ pháp nào nên tư duy. Vị ấy không tư duy pháp không nên tư duy; tư duy pháp nên tư duy.

“Pháp gì không nên tư duy mà vị ấy không tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh bèn sinh, dục lậu đã sinh bèn tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh bèn sinh, hữu lậu đã sinh bèn tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh bèn sinh, vô minh lậu đã sinh bèn tăng nhiều. Đây gọi là pháp không nên tư duy.

“Pháp gì nên tư duy mà vị ấy tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sanh, hữu lậu đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy. Vị ấy cũng không tư duy điều không nên tư duy vị, và tư duy điều nên tư duy. Vị ấy tư duy như vậy, liền diệt ba pháp. Những gì là ba? Thân tà, giới đạo, và nghi.²⁸ Nếu không thấy không biết thì tăng thanh hữu lậu, nếu thấy nghe nghĩ biết thì không tăng hạnh hữu lậu; đã

do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 4. *attanāva anattānaṃ sañjānāmi*, do chính tôi, tôi nhận biết không có tự ngã; 5. *anattanāva attānaṃ sañjānāmi*, không do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã; 6. *yo me ayaṃ attā vādo vedeyyo tatra tatra kalyāṇapāpakānaṃ kammānaṃ vipākāṃ paṭisaṃvedeti so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo sassatisamaṃ tatheva ṭhassatī*, tự ngã này của tôi nói, nơi này nơi kia nó cảm thọ báo dị thực của nghiệp thiện ác, cho nên tự ngã này thường tồn, vĩnh cửu, không biến đổi, mãi mãi tồn tại như vậy.

²⁸ Ba kết (Pāli: *tīṇi saṃyojanāni*): Thân tà 身耶, tức (hữu) thân kiến (Pāli: *sakkāyadiṭṭhi*); giới đạo 戒盜, tức giới cấm thủ (Pāli: *silabbataparāmāso*); nghi 疑 (Pāli: *vicikicchā*).

biết, đã thấy thì hữu lậu liền không sinh. Đây gọi là lậu do thấy đoạn được.²⁹

“Sao gọi là lậu được đoạn bằng kham nhẫn³⁰? Ở đây, Tỳ-kheo chịu đựng đói lạnh, cần khổ, gió mưa, ruồi muỗi, lời ác, mạ nhục, thân sinh thống khổ, rất là đau buồn, mạng sắp muốn đứt, mà có thể nhẫn chịu. Nếu không như vậy, liền sinh khổ não. Nếu có thể kham chịu, thì không sinh như vậy. Đây gọi là lậu [741a] được đoạn bởi kham nhẫn*.

“Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận?³¹ Ở đây, Tỳ-kheo nắm giữ tâm khi nhận y, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài. Lại nữa, nắm giữ tâm theo thời khát thực, không khởi tâm nhiễm đắm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời. Lại nắm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp. Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sanh tâm nhiễm đắm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận.

²⁹ Các lậu này, chính yếu là ba kết, được đoạn trừ ở kiến đạo, tức khi thấy bốn Thánh đế. Hán dịch này thiếu mất đoạn nói về thấy bốn Thánh đế, mà trong *Trung* kinh 10 và bản Pāli có nói rõ.

³⁰ Nguyên Hán: cung kính sở đoạn 恭敬所斷; đây nên hiểu là kham nhẫn, theo nội dung được nói (Pāli: *adhivāsana*). Trong liệt kê, không đề cập mục này. Xem cht. 25 trên.

³¹ Thân cận đoạn sở 親近所斷. Pāli: *paṭisevanā pahātabbā* (lậu) được đoạn trừ do thọ dụng. Xem cht. 25 trên.

“Sao gọi là lậu hoặc được đoạn bởi viễn ly?³² Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ tướng loạn³³ do bởi voi dữ, lạc đà, bò ngựa, hổ sói, chó, rắn, hàm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn cao, bùn lầy; thấy đều nên tránh xa chúng. Chớ từng sự với ác tri thức, cũng lại không gần gũi với người ác, hay tư duy thuần thực không lia khỏi đầu mỗi của tâm. Nếu không giữ gìn³⁴ thì sinh hữu lậu, nếu được giữ gìn thì không sinh hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi viễn ly.

“Sao gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngu lạc?³⁵ Ở đây, Tỳ-kheo sinh tưởng dục mà không xả ly; khởi tưởng sân nhuế cũng không xả ly; lại khởi tưởng tật đố cũng không xả ly. Nếu không xả ly thì sinh hữu lậu, nếu có thể xả ly liền có thể không khởi hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngu lạc.

“Sao gọi là lậu được đoạn nhờ oai nghi?³⁶ Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, giữ nhìn nhãn căn đầy đủ, không để khuyết lậu. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi đắm mà giữ gìn ý căn. Nếu không giữ gìn oai nghi mình thì sinh hữu lậu, nếu giữ gìn oai nghi mình thì không có tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi oai nghi.

“Sao gọi là [741b] lậu được đoạn bởi tư duy? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi,

³² Viễn ly sở đoạn 遠離所斷. Pāli: *āsavā parivajjanā pahātabbā*, hữu lậu được đoạn trừ do bởi tránh xa.

³³ Nên hiểu là tránh né những ác thú khi Tỳ-kheo sống trong rừng.

³⁴ Nên hiểu, nếu không tránh xa.

³⁵ Nội dung tương đương với Pāli: đoạn trừ do trừ diệt (*vinodanā*). Từ Hán dịch *ngu lạc* không phù hợp với nội dung. Có lẽ Hán dịch đọc nhầm với từ nào đó.

³⁶ Nội dung tương đương Pāli: đoạn từ do phòng hộ (*samvāra*), tức thủ hộ các căn. Hán hiểu là oai nghi tức các cử chỉ.

khinh an* giác chi, định giác chi, xả* giác chi, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu pháp này thì sinh tai họa hữu lậu. Nếu có thể tu pháp này thì không sinh tai họa hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi tư duy.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, ở nơi Tỳ-kheo mà những gì là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến, liền được đoạn trừ bởi kiến; được đoạn trừ bởi kham nhẫn* liền được đoạn trừ bởi kham nhẫn* , được đoạn trừ bởi thân cận liền thân cận, được đoạn trừ bởi viễn ly liền được đoạn trừ bởi viễn ly, được đoạn trừ bởi oai nghi liền được đoạn trừ bởi oai nghi, được đoạn trừ bởi tư duy liền tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn ái kết, xả ái dục, vượt qua bốn bậc lưu, dần dần thoát khổ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là pháp trừ hữu lậu.

“Nhưng gì mà Chư Phật Thế Tôn cần làm, vì từ niệm đối với tất cả chúng sanh, nay Ta cũng đã làm xong. Các người nên luôn luôn vui thích chỗ vắng, ở dưới bóng cây, chuyên cần tinh tấn, chớ có giải đãi. Hiện tại không nỗ lực, sau hối hận cũng vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁷

KINH SỐ 7³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở bên bờ sông A-du-xà,³⁹ cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Đại Quân-đầu⁴⁰ đang ở tại chỗ nhàn tịnh, tự nghĩ: “Có nghĩa này, mà thường tăng thêm công đức, hay không lý

³⁷ Bản Hán, hết quyển 34.

³⁸ Tham chiếu, Hán, *Trung 2*, kinh 7.

³⁹ A-dũ-xà giang thủy 阿踰闍江水. Có lẽ đồng nhất Pāli, Ayojjhā, tên một vương quốc bên bờ sông Hằng. Cf. *Tây vực ký 5* (tr. 896b04): A-dũ-dā 阿踰陀國 (Skt. Ayodhyā).

này?” Rồi Quân-đầu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi, khi ở chỗ nhàn tĩnh, con tự nghĩ: ‘Có lý này hay không, là những gì được làm cho [741c] chúng Tăng được tăng thêm công đức?’ Nay con hỏi Thế Tôn, cúi xin dạy cho.”

Thế Tôn bảo:

“Có thể được tăng ích công đức.”

Quân-đầu bạch Phật:

“Thế nào là được tăng thêm công đức?”

Thế Tôn đáp:

“Có bảy sự kiện tăng ích, phước kia không thể kể được, cũng không ai có thể tính đếm được. Những gì là bảy? Ở đây, con trai thiện gia, hoặc con gái thiện gia, tạo dựng Tăng già-lam nơi chưa từng tạo dựng. Phước này không thể kể.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem giường ghé cúng đường Tăng già-lam kia, cùng Tăng Tỳ-kheo, này Quân-đầu, đây là phước thứ hai không thể kể hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem thức ăn cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia; này Quân-đầu, đó là phước thứ ba không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem áo che mưa cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là công đức thứ tư, phước kia không thể lường.

“Lại nữa, Quân-đầu, con trai, con gái thiện gia đem thuốc cúng đường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là phước thứ năm không thể tính hết.

⁴⁰ Đại Quân-đầu 大均頭. Pāli: Mahā-Cunda.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam thiện nữ đào giếng tốt nơi hoang dã, này Quân-đầu, đó là công đức thứ sáu cũng không thể tính hết.

“Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ nào làm nhà dọc đường cho người qua lại có chỗ nghỉ đêm, này Quân-đầu, đó là công đức thứ bảy không thể tính xiết.

“Này Quân-đầu, đó gọi là pháp bảy công đức, phước kia không thể đo lường. Khi đi, hoặc ngồi, ngay đến khiến mạng chung, phước kia cũng theo sau như bóng theo hình, phước đức ấy không thể tính hết để có thể nói có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn, không thể dùng thăng đấu để đong được để nói có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng vậy, phước ấy không hạn lượng. Cho nên, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy công đức này.

“Quân-đầu, hãy học điều này như vậy.”

Quân-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người hãy tu hành, niệm tưởng về sự chết, tư duy về tưởng chết.”

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi ở chỗ kia, bạch Thế Tôn:

[742a] “Con thường tu hành tư duy tưởng về sự chết.”

Thế Tôn bảo:

“Người tư duy tu hành tưởng về sự chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con tư duy về tưởng chết rằng: ‘Ý sẽ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy bảy giác chi, để ở trong pháp Như Lai được nhiều

lợi ích, sau khi chết không hồi hận.’ Thế Tôn, con tư duy về tưởng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, Thôi, Tỳ-kheo! Đây chẳng phải hành về tưởng chết. Đây gọi là pháp phóng dật.”

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể tu hành về tưởng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi tu hành tư duy về tưởng chết thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con suy nghĩ: ‘Ý sẽ còn sống sáu ngày nữa, tư duy Chánh pháp Như Lai, rồi sau đó mạng chung. Như vậy mới có sự tăng ích.’ Con tư duy tưởng chết như vậy.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đó cũng là pháp phóng dật, chẳng phải tư duy về tưởng chết.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Ý sẽ tồn tại năm ngày, hoặc nói bốn ngày, hoặc nói ba ngày, hai ngày, một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp phóng dật chẳng phải tư duy về tưởng chết.”

Lúc ấy, lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Con có thể kham nhận tu hành về tưởng chết.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đến giờ khát thực, con đắp y mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực, rồi ra khỏi thành Xá-vệ, trở về nơi ở, vào trong tịnh thất, tư duy về bảy giác chi mà mạng chung. Đây là tư duy về tưởng chết.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Những điều mà Tỳ-kheo các người mới đều là hành phóng dật, chẳng phải là tu hành pháp tướng chết.”

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu ai có thể như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi⁴¹, đó gọi là tư duy về tướng chết. Tỳ-kheo ấy có thể khéo tư duy về tướng chết, nhằm tởm thân này là bất tịnh ghê tởm. Tỳ-kheo tư duy về tướng chết, phải buộc ý trước mắt, tâm không di động, niệm số đếm hơi thở ra vào, đồng thời tư duy về bảy giác chi, như vậy ở trong pháp Như Lai mới được nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Hết thảy các hành đều rỗng lặng, cái sanh và cái diệt đều như huyễn hoá, không có chơn thật. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ở trong hơi thở ra vào tư duy về tướng chết để [743b] thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quần thần:

“Hãy nhanh chóng chuẩn bị xe lông chim. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi.”

Sau đó, đại vương ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng đang vây quanh. Lúc ấy, có bảy Ni-kiền

⁴¹ Bà-ca-lợi 婆伽利, tức trên kia, kinh 10 phẩm 46, phiên âm là Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali.

Từ, lại có bảy người lỏa hình, lại có bảy bà-la-môn Đen⁴², lại có bảy bà-la-môn lỏa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa.

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc thấy những người này đi qua cách Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

“Xem những người này đi qua trông không dừng, đều là thiếu dục tri túc, không có gia nghiệp. Nay trong những vị A-la-hán ở thế gian này, những người này là tối thượng thủ. Vì sao vậy? Ở giữa mọi người, họ là những người rất là khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.”

Thế Tôn nói:

“Đại vương hoàn toàn chưa biết chân A-la-hán. Không phải vì hình thể lỏa lồ mà gọi là A-la-hán. Đại vương, nên biết, đó đều chẳng phải là hành chân thật. Nên nhớ nghĩ quan sát sự biến đổi từ xa xưa đến nay, rồi lại nên quán ai đáng thân thì biết thân, ai đáng gần thì biết gần. Vì sao vậy? Thời quá khứ lâu xa có bảy bà-la-môn, cùng học một chỗ, tuổi đã suy sụp, lấy cỏ làm y phục, ăn rau quả, sinh các tà kiến. Họ đều nghĩ như vậy: ‘Chúng ta trì pháp khổ hạnh này để sau làm vua nước lớn. Hoặc cầu làm Thích, Phạm, Tứ thiên vương.’

Bấy giờ, có vị Thiên sư A-tu-đà⁴³ vốn là tổ phụ của các bà-la-môn ấy, biết những ý nghĩ trong tâm các bà-la-môn kia, liền biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ bảy bà-la-môn. Lúc ấy, Thiên sư A-tu-đà bỏ phục sức cõi trời, hiện hình bà-la-môn, kinh hành ở đất trống. Bảy bà-la-môn từ xa trong thấy A-tu-đà kinh hành, ai nấy đều nổi sân nhuế mà nói rằng: ‘Đây là người đấm dục nào mà đi trước những đồng phạm hạnh chúng ta? Nay phải chú thuật cho nó tiêu thành tro.’ Bảy bà-la-môn này liền lấy tay bụm nước rảy lên bà-la-môn này và chú rằng: ‘Giờ ngươi hãy mau biến thành tro bụi.’ Nhưng bà-la-môn càng tức

⁴² Hắc phạm chí 黑梵志?

⁴³ Cf. Pāli, M. 93 Assalāyana (R. ii. 155): Asita Devala. Hán, *Trung 37*, kinh 151 (tr. 665c05).

giận thì nhan sắc của Thiên sư A-tư-đà càng xinh đẹp. Vì sao vậy? Vì tâm từ hay [742c] diệt sân. Lúc ấy, bảy bà-la-môn tự nghĩ: ‘Cấm giới của ta đã bị suy giảm hay sao mà chúng ta càng nổi giận thì người ấy càng xinh đẹp thêm?’ Rồi bảy bà-la-môn liền nói với vị Thiên sư rằng:

*Là trời? Càn-thát-bà?
La sát? hay quỷ thần?
Thật sự người tên gì?
Chúng tôi đều muốn biết.*

“Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ đáp rằng:

*Chẳng phải trời, Đạp-hòa,
La sát hay quỷ thần
Mà ta đây chính là
Thiên sư A-tư-đà*

“Tôi biết ý nghĩ của các ông nên từ cõi trời Phạm thiên bay xuống đây. Phạm thiên cách đây rất xa. Thiên đế Thích cũng vậy. Dùng khổ hạnh để làm Chuyển luân Thánh vương còn không được, huống gì là làm Đế Thích, Phạm thiên hay Tứ thiên vương.

“Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

*Trong tâm đầy niệm tưởng,
Mà ngoại hình tối tàn.
Nhưng siêng tu chánh kiến
Mới xa lìa ác đạo.
Giữ tâm cho thanh tịnh,
Thân, miệng cũng như vậy;
Xa lìa các niệm ác;
Chắc chắn sẽ sanh thiên.*

“Lúc ấy, bảy bà-la-môn hỏi: ‘Ngài có thật là Thiên sư không?’ Thiên sư A-tư-đà đáp: ‘Đúng vậy. Nhưng không phải do lỗi hình mà được sanh thiên. Vì tất tu khổ hạnh ấy mà được sanh lên trời Phạm thiên. Cũng chẳng phải phơi bày thân thể hay làm ngàn ấy khổ hạnh mà được sanh nơi ấy. Nhưng nếu có thể

thu nhiếp tâm ý không cho lay động thì được sanh thiên. Không thể sanh nơi ấy bằng cách mà các ông đang làm.’

“Này Đại vương, quán sát ý nghĩa này, không phải do lõa hình mà gọi là A-la-hán. Kẻ phạm phu không thể phân biệt được ai là bậc Chân nhân, nhưng bậc Chân nhân thì có thể phân biệt do hành vi được làm nào là phạm phu. Lại nữa, kẻ phạm phu không thể biết hành của của phạm phu; duy chỉ bậc Chân nhân mới biết hành của phạm phu. Đại vương, nên biết, do phương tiện mà biết rằng điều đó đã có từ trước lâu xa rồi, chứ không phải mới ngày nay. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Nhưng điều Như Lai dạy rất là hay, người đời chẳng thể hiểu nổi. Nhưng việc nước quá [743a] nhiều, con xin cáo về.”

Phật bảo vua:

“Vua hãy biết thời”

Vua đứng dậy, đánh lễ sát đất rồi ra đi.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca tỳ la vệ của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỷ-kheo gồm năm trăm vị .

Bấy giờ, sau khi ăn, Thế Tôn từ vườn Ni-câu-lâu đến trong xóm Tì-la-da-trí⁴⁵ và ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, Chấp Trọng, người họ Thích,⁴⁶ ra khỏi thành Ca tỳ la việt, đến chỗ Thế Tôn, rồi đứng im lặng.

⁴⁴ Pāli, M. 18 Madhupiṇḍika (R. i. 108). Hán, *Trung 28*, kinh 115.

⁴⁵ Tỳ-da-la-trí tụ 毘羅耶致聚. Pāli: *beluvalaṭṭhikāya mūle*, (ngôi) dưới gốc cây *beluvalṭṭhika*, một loại trúc. *Trung* kinh 115: trong một ngôi chùa của họ Thích, trong rừng trúc 竹林釋迦寺中.

⁴⁶ Chấp Trọng Thích chúng 執杖釋種. Pāli: Daṇḍapāṇipi Sakko.

Sau đó, Cháp Trọng Thích hỏi Thế Tôn rằng: “Sa môn dạy dỗ điều gì? Bàn luận những gì?”

Thế Tôn bảo: “Bà-la-môn nên biết, điều mà Ta luận thì trời rộng, quỷ thần không thể theo kịp,⁴⁷ chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian.⁴⁸ Điều mà Ta luận là như vậy.”

Khi ấy, Cháp Trọng Thích lắc đầu, thờ dài, rồi bỏ đi. Sau đó, Như Lai đứng dạy trở về tinh xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vừa rồi, khi Ta đang ngồi trong vườn, có Cháp Trọng Thích đến gặp ta và hỏi ta rằng: ‘Sa môn luận những gì?’ Ta đáp: ‘Điều mà Ta luận chẳng phải là điều mà chư thiên và thế gian có thể theo kịp, cũng chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian. Điều mà Ta luận là như vậy.’ Lúc ấy, Cháp Trọng Thích nghe xong liền bỏ đi.”

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Thế nào là không dính mắc thế gian cũng không trụ ở thế gian?”

Thế Tôn bảo:

“Điều mà Ta luận hoàn toàn không dính mắc thế gian, cũng như nay được giải thoát khỏi tham dục, dứt trừ sự nghi ngờ của

⁴⁷ Hán: phi ... sở năng cập ... 所能及. Pāli: *yathāvādī... na kenaci loke viggayha tiṭṭhati, yathā ca pana kāmehi viṣaṃyuttaṃ viharantaṃ taṃ brāhmaṇaṃ akathaṃkathim chinnakukkuccaṃ bhavābhava vūtaṇhaṃ saññā nānuseṇti*, “điều mà Ta nói, không phải để tranh luận với bất cứ ai trong thế gian này; điều mà Ta nói là như bà-la-môn sống an trú mà không bị trôi buộc bởi các dục, không hoài nghi, đoạn trừ ác tác, không còn khát ái nơi hữu và phi hữu, không có các tướng tiềm phục.” Chỗ này Hán dịch thiếu một đoạn, nhưng được thấy trong tường thuật tiếp theo. Tham chiếu, *Trung kinh* 115 (tr. 0603b18).

⁴⁸ Dịch sát Hán. Có lẽ từ Phạn văn tương đương Pāli: *na kenaci loke viggayha tiṭṭhati* : “không tồn tại để tranh chấp (*viggayha*) với bất cứ ai trong thế gian”, nhưng bản Hán đọc là *na kenaci loke viggayha tiṭṭhati*, “không tồn tại để đắm chìm (*viggayha*) trong thế gian.”

dòng họ Thích,⁴⁹ không có các tướng.⁵⁰ Điều mà Ta luận là như vậy.”

Nói xong, Thế Tôn liền đi vào tịnh thất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nói với nhau: “Vừa rồi, Thế Tôn nói tóm lược ý nghĩa của luận ấy, mà ai có thể giảng rộng nghĩa này?”

Rồi các Tỳ-kheo nói với nhau: “Thế Tôn thường ca ngợi tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Chỉ có Ca-chiên-diên có thể giảng rộng ý nghĩa này.”

Sau đó, các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên rằng:

“Vừa rồi Như Lai đã giảng tóm tắt ý nghĩa ấy. Cúi xin Tôn giả hãy giảng rộng thêm, phân biệt rõ ràng từng việc cho mọi người được hiểu.”

Ca-chiên-diên đáp:

“Ví dụ như có một người [743b] đi ra khỏi làng để tìm lõi cây. Vừa thấy cây to, người ấy liền đốn ngã lấy cành lá mang đi mà bỏ cây lại. Hôm nay các vị cũng như vậy. Các vị đã bỏ Như Lai mà đi tìm lõi cây nơi cành lá. Nhưng Như Lai nhìn thấy tất cả, không đâu không cùng khắp. Ngài soi sáng thế gian, là Đạo sư của Trời Người. Như Lai là chủ chân thật của pháp. Các vị phải tùy theo thời gian thích hợp, tự nhiên sẽ được Như Lai giải thích cho ý nghĩa này.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp:

“Tuy Như Lai là chủ chân thật của pháp, sẽ diễn rộng nghĩa ấy. Nhưng Tôn giả đã được Thế Tôn ghi nhận, có khả năng nói rõ nghĩa ấy.”

Ca-chiên-diên nói:

“Vây các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ giảng nói phân biệt nghĩa ấy.”

⁴⁹ “Của dòng họ Thích”, cụm từ này có thể được chép dư trong Bản Hán. Xem cht. 47 trên.

⁵⁰ Xem cht. 47 trên.

Các Tỳ-kheo đáp: “Thưa vâng.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Ca-chiên-diên nói: “Luận mà hôm nay Như Lai nói đến, không phải là điều mà trời rồng, quỷ thần có thể theo kịp, không dính mắc, cũng không trụ thế gian, nhưng ta được giải thoát đối với chúng, dứt sạch nghi ngờ không còn do dự. Như chúng sanh ngày nay ưa thích tranh đấu, kiện tụng, khởi các loạn tướng. Lại nữa, Như Lai nói, Ta không sanh tâm đắm nhiễm trong đó; đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi, kết sử vô minh, và do đó đưa đến đau khổ vì dao gậy, mà tranh đấu kiện tụng với người, phát sanh bao nhiêu hành vi bất thiện, phát sanh loạn tướng.

“Khi mắt thấy sắc mà sanh ra thức tưởng, nhân ba sự ấy mà có xúc⁵¹. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng.⁵² Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà sanh ra thức tưởng, nhân ba sự ấy mà có xúc. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tướng. Đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi ngờ, kết sử vô minh, gây ra tai biến đao gậy và bao nhiêu tai biến khác không thể tính hết.

“Nếu có ai nói không có mắt, không có sắc mà lại có xúc*, điều đó không đúng. Nếu có ai nói không có xúc* mà có [743c] thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tưởng

⁵¹ Nguyên Hán: cánh lạc 更樂. Đây là định nghĩa về xúc. Định cú Pāli: *cakkuñca... paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ tīṇaṃ sanati phasso*, duyên nơi mắt và sắc, thức con mắt khởi lên. Tổ hợp ba này (gồm mắt, sắc, và thức) là xúc.

⁵² Pāli: *yam vitakketi taṃ papañceti*, do tầm mà có hý luận.

thì cũng không đúng. Nếu có ai nói không có tai, không có tiếng; không có mũi, không có mùi; không có lưỡi, không có vị; không có thân, không có sự xúc chạm; không có ý, không có pháp, mà nói là có thức, thì cũng không có lý. Nếu có ai nói không có xúc* mà có thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tướng thì cũng không đúng. Nếu có ai nói, có mắt, có sắc và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý. Nếu nói có tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, sự trơn láng; ý, pháp, và ở trong đó phát sanh ra thức, điều đó hợp lý. Các vị nên biết, do nhân duyên này nên Thế Tôn nói: ‘Điều mà Ta luận, không phải là điều mà trời, người, Ma, Thiên ma có thể theo kịp; không chấp trước thế gian, không trụ ở thế gian, nhưng Ta lại giải thoát khỏi tham dục, chấm dứt nghi ngờ, không còn do dự.’ Vì lý do này Thế Tôn nói nghĩa ấy. Nếu ai chưa thông suốt thì hãy đến gặp Thế Tôn hỏi lại nghĩa ấy. Như Lai có dạy điều gì, hãy ghi nhớ mà phụng hành.”

Nghe Ca-chiên-diên giảng xong, các Tỳ-kheo không nói là đúng, cũng không nói là sai, mà tức thời đứng dậy, nói với nhau: “Chúng ta hãy đem ý nghĩa này đến hỏi Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, sẽ theo đó mà phụng hành.”

Rồi thì, số đông các Tỳ-kheo đến gặp Thế Tôn, đánh lễ sát đất, rồi ngồi qua một phía, đem việc lúc nãy bạch với Thế Tôn.

Bấy giờ, Như Lai nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh, biện tài, đã giảng rộng nghĩa ấy. Nếu các ông đến hỏi Ta điều đó, thì Ta cũng giảng cho các ông như vậy mà thôi.”

Lúc ấy, A-nan đang đứng sau Như Lai. A-nan liền bạch Phật rằng:

“Ý nghĩa của kinh này rất sâu sắc. Giống như có người đi đường gặp cam lồ⁵³ liền lấy ăn. Thật hết sức thơm ngon, ăn

⁵³ Trung kinh 115: mật hoàn 蜜丸, cục mật ong. Pāli: *madhupiṇḍikam*.

không biết chán. Ở đây cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nghe kinh này sẽ không hề biết chán.”

A-nan lại hỏi:

“Kinh này tên là gì và phụng hành ra sao?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này tên là ‘Pháp vị cam lồ.’⁵⁴ Hãy ghi nhớ và phụng hành.”

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁵⁴ Cam lộ pháp vị 甘露法味. *Trung* kinh 115: Mật hoàn dụ 蜜丸喻. Pāli: *madhupiṇḍika-pariyāyo*.

41. PHẨM CHỚ SỢ

KINH SỐ 1¹

[744a2] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ny-câu-lâu thuộc nước Ca-tỳ-la-vê của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, rồi bạch Thế Tôn rằng:

“Tự thân con nghe Như Lai có dạy như vậy, thiện nam, thiện nữ nào đoạn trừ ba kết sử thành Tu đà hoàn, gọi là bất thối chuyển, ắt thành đạo quả, không còn tìm cầu đến các ngoại đạo dị học, cũng không xét đến các thuyết mà người khác nói. Không có trường hợp nào mà không phải như vậy.

“Nhưng khi con thấy bò, ngựa, lạc đà hung dữ, thì con sợ hãi đến rợn tóc gáy và nghĩ rằng: Nếu hôm nay mà ta gặp phải tai nạn này chắc sẽ qua đời và sẽ sanh về đâu?”

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam :

“Chớ sợ, Ma-ha-nam! Giả sử hôm nay mạng chung, ông sẽ không đoạ vào ba đường dữ. Vì sao vậy? Có ba thứ dẫn đến tiêu diệt. Ba thứ ấy là: như có người do tham đắm dục mà phát sanh não loạn, lại có tâm làm hại người khác.² Nếu không có tâm tham dục này thì sẽ không có tâm sát hại, ở trong đời hiện tại không phát sanh khổ não. Những ai có pháp ác, bất thiện, thì sẽ tự hại mình. Nếu không có pháp ấy thì không bị nhiều loạn, không có sầu ưu. Cho nên, này Ma-ha-nam, ba ý nghĩa này cho thấy các pháp ác thì đoạ xuống dưới, các pháp lành thì nổi lên trên. Cũng như thả hủ bơ bị vào trong nước, rồi đập vỡ; các mảnh sành liền chìm xuống còn bơ thì nổi lên trên.

¹ Pāli, S. 55. 21. Mahānāma (R. v. 369); Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 1291.

² Cf. Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19): *lobho, doso, moho cittassa upakkilesa' ti*. tham, sân, si, là cấu uế của tâm.

Ở đây cũng vậy, các pháp ác bất thiện thì chìm xuống, các pháp lành thì nổi lên. Ma-ha-nam, nên biết, ngày xưa khi chưa thành Phật đạo,³ Ta siêng tu khổ hạnh suốt sáu năm tại Ưu-lu-ti, không ăn thức ăn ngon. Thân thể ốm gầy giống như là người trăm tuổi, đều do không ăn mà ra. Khi Ta định đứng dậy, liền bị té xuống đất. Lúc ấy, Ta lại suy nghĩ: nếu Ta bị chết lúc ấy thì sẽ sanh về đâu? Và ta nghĩ rằng: Nếu hôm nay Ta chết thì sẽ không đọa ác đạo, nhưng ý nghĩa không phải là từ vui đến vui, mà là từ khổ đến vui.

“Sau đó, Ta sống trong hang Tiên nhân,⁴ có nhiều Ni-kiền tử đang học đạo ở đấy. Lúc ấy, có Ni-kiền tử đưa tay chỉ mặt trời, phơi thân ngoài nắng để học đạo. [744b] Có người ngồi chồm hỏm để học đạo. Bấy giờ, Ta đến chỗ họ, nói với họ rằng: ‘Vi sao các ông không ngồi mà lại dơ tay, kiễng chân vậy?’ Ni-kiền tử nói: ‘Cù-đàm, nên biết, trước kia Thầy tôi đã làm việc bất thiện, sợ dĩ chúng tôi khổ hạnh là để diệt tội ấy.’⁵ Nay phơi bày thân thể tuy hơi nhục, nhưng tội ấy sẽ được diệt trừ. Cù-đàm, nên biết, hành diệt hết thì khổ cũng diệt hết; khổ diệt hết thì hành cũng diệt hết.⁶ Khổ, hành dứt hết thì đạt đến Niết bàn.’

“Khi ấy, Ta nói với các Ni-kiền tử rằng: ‘Việc ấy không đúng. Không phải do hành diệt hết mà khổ diệt hết; cũng không phải do khổ diệt hết và hành diệt hết mà đạt Niết bàn. Giả sử khổ hành diệt hết mà đạt đến Niết bàn, điều đó đúng; nhưng không

³ Tường thuật tương tự, Cf. M. 14. *ibid.*

⁴ Tiên nhân quật 仙人窟. Pāli: Isigila; tường thuật tương tự, cf. M. 14, *ibid.*

⁵ Có lẽ Hán dịch bị nhảy sót nên đoạn văn hơi vô lý. Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *nigaṇṭho nātaputto, sabbaññū...so evamāha pubbe pāpakammaṅkatam, taṃ imāya kaṭukāya dukkarakārikāya nijjiretha*, “Ni-kiền Tử, là đấng toàn trí, đã nói như vậy: bằng sự khổ hạnh khắc liệt này, các người sẽ trừ diệt ác nghiệp đã làm trước kia.”

⁶ Đối chiếu Pāli: *kammakkhayā dukkhakkhayo*, nghiệp dứt sạch, nên khổ dứt sạch.

thể từ lạc mà dẫn đến vui.’⁷ Ni-kiền tử nói: ‘Vua Tần-tì-sa-la do từ vui mà dẫn đến lạc, có gì là khổ?’ Khi ấy, Ta lại nói với Ni-kiền tử rằng: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la làm sao bằng cái lạc của Ta?’ Ni-kiền tử nói: ‘Cái vui của vua Tần-tì-sa-la hơn cái lạc của ông.’ Ta lại nói với Ni-kiền tử rằng: ‘Vua Tần-tì-sa-la có thể như Ta ngồi kiết già bảy ngày bảy đêm không lay động⁸ được không? Hoặc ngồi kiết già sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày được không?’ Ni-kiền tử đáp: ‘Không được, thưa Cù-đàm.’ Thế Tôn bảo: “ Ta có thể ngồi kiết già mà thân hình không lay động*. Thế nào, Ni-kiền tử, vậy ai lạc hơn?’ Ni-kiền tử đáp: ‘Sa môn Cù-đàm lạc hơn.’

“Này Ma-ha-nam, hãy do phương tiện này mà biết rùng, lạc không thể đến từ lạc, mà lạc phải đến từ từ khổ. Này Ma-ha-nam giống như hai bên làng có ao nước lớn, dài rộng một do tuần, chứa đầy nước. Nếu có người đến đó lấy một giọt nước; này Ma-ha-nam, giọt nước đó nhiều hay nước trong hồ nhiều hơn?”⁹

Ma-ha-nam nói: “Nước trong hồ nhiều; chẳng phải một giọt nước nhiều.”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây cũng như vậy, đệ tử Hiền Thánh đã vĩnh viễn chấm dứt các khổ, chỉ còn lại (một ít khổ) cũng như một giọt nước mà thôi. Người chứng quả thấp nhất trong chúng của Ta trải qua

⁷ Trong bản Pāli, điều này là phát biểu của nhóm Ni-kiền tử: *na... sukkena sukham adhigantam, dukkhena kho sukham adhigantabbam (...) bimbisāro sukham adhigaccheyya*, “lạc không thể đạt được bằng lạc; lạc phải đạt được bằng khổ. (Nếu không như vậy,) vua Bimbisara có thể đạt được lạc.” Đây là lý luận cho lối tu khổ hạnh của Ni-kiền tử mà Phật bác bỏ. Hán dịch sai lầm cho là quan điểm của Phật.

⁸ Pāli, thêm chi tiết: suốt bảy ngày bảy đêm an trú với cảm thọ duy nhất là lạc (*ekanta-sukham paṭisaṃvedī vāharitum*).

⁹ Xem Tập 5, kinh 109. Pāli, S. 13.2. Pokkharanī.

không quá bảy lần sanh, bảy lần chết nữa thì dứt sạch gốc khổ; nếu dững mãnh, tinh tấn thì đạt đến Gia gia¹⁰ rồi đắc đạo.”

Rồi Thế Tôn lại nói thêm pháp [744c] vi diệu cho Ma-ha-nam nghe. Sau khi nghe pháp xong, ông đứng dậy ra về.

Bấy giờ Ma-ha-nam nghênhhùng điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành Lộc dã.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn tuổi đã già nua, vốn có đôi chút quen biết đối với Tôn giả Na-già-bà-la. Lúc ấy, Bà-la-môn đó đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la, đánh lễ rồi ngồi qua một phía.

Bà-la-môn nói với Tôn giả Na-già-bà-la rằng:

“Ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Tôn giả Na-già-bà-la nói:

“Vì sao ông nói tôi là người sung sướng nhất trong những người sung sướng?”

Bà-la-môn đáp:

“Trong vòng bảy ngày, bảy đứa con trai của tôi đều chết. Chúng đều dững mãnh, tài cao, trí huệ, khó có ai sánh kịp. Trong vòng sáu ngày gần đây, mười hai người giúp việc qua đời. Họ đều là những người giúp việc siêng năng. Trong vòng năm ngày, bốn anh em tôi qua đời. Họ có nhiều nghề, làm gì cũng giỏi. Bốn ngày gần đây, cha mẹ tôi đã gần trăm tuổi bỏ tôi mà lìa đời. Ba ngày gần đây, hai người vợ xinh đẹp hiếm có trên đời của tôi đã chết. Lại nữa trong nhà có tám hàm châu báu, hôm qua tìm mãi không thấy. Những khổ não mà tôi đang gặp không thể tính hết. Còn tôn giả thì đã vĩnh viễn xa lìa tai

¹⁰ Gia gia, thứ sáu trong 18 bậc hữu học. Xem *Trung 30*, kinh 127.

hoạ đó, không còn lo buồn, sống an vui với đạo pháp. Vì lý do đó tôi mới nói ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.”

Lúc ấy, Tôn giả Na-già-bà-la bảo bà-la-môn ấy rằng:

“Sao ông không tìm phương tiện cho những người ấy không qua đời.”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi cũng làm nhiều phương tiện để không chết, không bị mất của, lại tùy thời bố thí, tạo các công đức, tế tự chư thiên, cúng dường các bà-la-môn trưởng lão, thủ hộ chư thần, tụng các chú thuật, lại có thể xem tinh tú, chế thuốc thang, bố thí đồ ăn uống ngon lành cho những người nghèo khổ. Những việc như vậy kể ra không hết nhưng lại không thể cứu mạng sống của họ.”

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Thuốc thang và chú thuật,
Y phục, đồ ăn uống;
Tuy cho nhưng vô ích,
Vấn ôm lấy khổ đau.*

[745a] *Giả sử cúng tế thần,
Hương hoa và tắm gội.
Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

*Giả sử cho các vật,
Tinh tấn giữ phạm hạnh,
Suy tính nguồn gốc này,
Không thể chữa trị được.*

Bà-la-môn hỏi:

“Phải làm cách nào để thoát khỏi tai hoạ khổ não này?”

Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Gốc ân ái, vô minh,
Phát sanh các khổ não.*

*Diệt sạch các thứ ấy,
Thì không còn khổ não.*

Nghe xong, bà-la-môn ấy liền nói kệ:

*Tuy già chẳng ngại già,
Hành sự như đệ tử;
Xin xuất gia học đạo
Để thoát tai nạn này.*

Rồi thì, Tôn giả Na-già-bà-la trao cho ông ba y, cho ông ấy xuất gia học đạo và bảo với ông ấy rằng:

“Ông nay là Tỳ-kheo. Hãy quán sát thân này từ đầu đến chân; xét sem tóc, lông, móng, răng, từ đâu mà đến, hình hài, da thịt, xương, tuỷ, ruột, bao tử, từ đâu mà đến. Nếu từ bỏ đây, thì sẽ đi về đâu? Vì vậy, Tỳ-kheo chớ có lo nghĩ nhiều về sự khổ não của thế gian, mà phải quán sát trong lỗ chân lông này, tìm phương tiện thành tựu bốn đế.

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

*Trừ tướng, chớ lo nhiều;
Không lâu được pháp nhãn.
Hành vô thường, như điện
Không gặp phước lớn này.*

*Quán từng lỗ chân lông,
Nguồn gốc của sanh diệt.
Hành vô thường, như điện.
Bồ thí hướng Niết bàn.*

Sau khi nghe giảng xong, Tỳ-kheo già ấy ngồi ở nơi vắng vẻ tư duy về mục đích mà thiện nam tử ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm những việc cần làm, không còn thọ thai trở lại. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy liền đắc quả A-la-hán.

Có vị thiên môn là bạn cũ của Tỳ-kheo ấy, thấy vị ấy thành A-la-hán, liền đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la đứng trên hư không mà [745b] nói kệ rằng:

*Đã đắc giới cụ túc,
Ở nơi vắng vẻ ấy.
Đắc đạo, tâm không chấp;
Trừ sạch nguồn gốc ác.*

Lúc ấy, vị thiên đó rải hoa trời cúng dường tôn giả rồi biến mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy và vị thiên nghe những điều Tôn giả Na-già-bà-la nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy quán bảy xứ thiện, lại xét bốn pháp,¹² ở trong ngay trong đời này được gọi là thượng nhân. Nay Tỳ-kheo, thế nào là quán bảy xứ thiện? Ở đây, Tỳ-kheo đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và phương trên dưới cũng đều như vậy, làm cho tâm từ tràn đầy khắp thế gian. Với tâm bi, hỷ, xả*, không, vô tướng, nguyện cũng lại như vậy.¹³ Các căn đầy đủ, ăn uống điều độ, thường tự giác ngộ; Tỳ-kheo quán bảy pháp như vậy.

“Tỳ-kheo, xét bốn pháp như thế nào? Ở đây, Tỳ-kheo quán thân nơi nội thân, trừ khử sầu ưu, thân niệm xứ; quán thân nơi

¹¹ Tham chiếu Pāli, S. 22.; 57. Sattaṭṭhāna (R. iii. 62). Hán, *Tap* (Việt) kinh 42.

¹² *Tap* (Việt) kinh 42: thất xứ thiện, tam chủng quán nghĩa 七處善種觀義. Pāli, S.22: *sattaṭṭhānakusalo, tividhāpaparikkhī*.

¹³ Xem kinh 3, phẩm 30.

ngoại thân, thân niệm xứ; quán thân nơi ngoại thân, thân niệm xứ. Quán thọ nơi nội thọ thọ*, thọ niệm xứ; quán thọ nơi ngoại thọ*, thọ niệm xứ; quán tâm nơi nội tâm, tâm niệm xứ; quán tâm nơi ngoại tâm, tâm niệm xứ; trừ khử sầu ưu, không còn các khổ hoạn. Quán pháp nơi nội pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi ngoại pháp, pháp niệm xứ; quán pháp nơi nội ngoại pháp, pháp niệm xứ. Tỳ-kheo, hãy quan sát bốn pháp như vậy.

“Này Tỳ-kheo, quán bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy, ở ngay trong đời này là bậc thượng nhân. Vì vậy, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ni-câu-lâu, nước Ca-tỳ-la-vệ, giữa những người họ Thích cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Chúng con muốn đến phương Bắc để du hoá.”

[745c] Thế Tôn nói:

“Nên biết thời.”

Rồi Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người đã từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chưa?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Chưa, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy đến từ già Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường xuyên giảng giới cho những đồng phạm hạnh, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu Phật ba vòng, rồi ra đi.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ở một tháp miếu của những người họ Thích. Các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, chào hỏi, rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi muốn đến phương bắc du hoá trong nhân gian. Nay xin từ già Tôn giả¹⁴.”

Xá-lợi-phất nói:

“Này các Thầy, nên biết, nhân dân, sa-môn, bà-la-môn ở phương Bắc đều thông minh, trí huệ khó ai bì. Nếu có người muốn thử, để hỏi các vị rằng, ‘Chư Hiền có chủ trương gì?’ Các Thầy sẽ trả lời như thế nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Nếu có ai đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời bằng nghĩa lý này: ‘Sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó là khổ. Cái gì khổ, cái đó là vô ngã. Vô ngã là không. Do không, vô ngã nên chúng rỗng không. Đó là điều mà người trí quán sát. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng vậy, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Những gì là không, vì nó vô ngã nên không. Đó là điều mà người trí học. Năm uẩn này đều rỗng không, vắng lặng. Những gì tụ hội bởi nhân duyên, đều sẽ tiêu diệt, không tồn tại lâu dài. Con đường tám nhánh cùng tu với bảy chi. Những điều mà Tôn Sư của chúng tôi dạy chính là như vậy.’ Nếu có người sát-lợi, bà-la-môn hay nhân dân đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời với nghĩa lý như vậy.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

¹⁴ Trong bản: Thế Tôn.

“Các Thầy hãy kiên trì tâm ý, chớ có khinh suất.”

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ kheo nghe. Các Tỳ kheo nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Khi số đông các Tỳ-kheo đi chưa bao xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu thế nào là thực hành con đường tám nhánh và pháp bảy chi?”

Số đông các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng tôi từ xa đến đây là để nghe ý nghĩa ấy. Xin hãy giảng cho chúng tôi.”

Xá-lợi-phất [746a] đáp:

“Các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Tôi sẽ nói.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Xá-lợi-phất nói:

“Ai nhất tâm niệm chánh kiến, tức là niệm giác chi không rời loạn. Chánh tư duy,¹⁵ là nhất tâm niệm hết thấy các pháp, tức là pháp giác chi. Chánh ngữ,¹⁶ là thân, ý tinh tấn, tức là tinh tấn giác chi. Chánh nghiệp,¹⁷ là hết thấy các pháp được sanh, tức là hỷ giác chi. Chánh mạng,¹⁸ là biết đủ đối với tài sản Hiền Thánh, xả xả bỏ tài sản thế tục, nhẹ nhàng thân thể, tức là khinh an* giác chi. Chánh tinh tấn,¹⁹ là chứng đắc bốn Thánh đế, trừ sạch các kết sử, tức là định giác chi. Chánh niệm,²⁰ là quán sát bốn niệm xứ,²¹ thân không bèn chắc, thấy đều rõng

¹⁵ Đẳng trị 等治.

¹⁶ Đẳng ngữ.

¹⁷ Đẳng nghiệp.

¹⁸ Đẳng mạng.

¹⁹ Đẳng phương tiện.

²⁰ Đẳng niệm.

²¹ Bốn ý chi.

không, vô ngã, tức là xả* giác chi. Chánh tam muội,²² là đạt được những gì chưa đạt, độ thoát những gì chưa độ thoát, chứng đắc những gì chưa chứng đắc.²³

“Nếu có người đến hỏi rằng, ‘Nhu thế nào là tu tám đạo và bảy pháp ấy,’ các Thầy hãy trả lời như vậy. Vì sao vậy? Bởi vì Tỳ-kheo nào tu tám đạo và bảy pháp này, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu.

“Tôi nhắc lại cho các Thầy rõ, Tỳ-kheo nào tu hành tư duy con đường tám nhánh và bảy pháp này, Tỳ-kheo ấy liền thành tựu hai quả không nghi ngờ gì. Hoặc chứng quả A-la-hán. Vả, hãy gác qua việc đó. Nếu không thể tu tập nhiều, nhưng trong một ngày mà tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, phước báo không thể tính hết. Hoặc đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.²⁴

“Vì vậy, các Thầy phải tìm cầu phương tiện tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, nhất định sẽ chứng đắc đạo không có gì nghi ngờ.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ..

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

²² Đăng tam-muộ.

²³ Hán dịch sót: định giác ý (giác chi).

²⁴ Việt dịch sát. Nhưng Hán dịch đoạn này lộn xộn. Nói theo thứ tự: tu tám Thánh đạo và bảy giác chi trong 7 năm, hoặc chỉ trong 7 ngày, cho đến một ngày, có thể chứng một trong hai quả: hoặc A-la-hán ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư, chứng A-na-hàm, tái sinh Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn trên đó.

“Nay ông đã cao tuổi, ý lực không còn trẻ khỏe, hãy nhận y áo và đồ ăn của các gia chủ.”

Ca-diếp bạch Phật rằng:

“Con không thể nhận y áo và đồ ăn của họ. Nay với con, mặc y vá mảnh này, và tùy thời khát thực, không còn an lạc nào hơn. Vì sao vậy? Trong tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham y đẹp, thức ăn ngon, nên giảm sút toạ thiền, không kham hành khổ hạnh, nhưng người ấy lại nói, ‘Quá khứ trong thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận sự cung thỉnh của người, nhận y áo, thức ăn. Vì sao chúng ta không làm theo Thánh nhân ngày xưa?’ Do tham đắm y áo, thức ăn, họ sẽ [746b] cỡi bỏ y phục làm bạch y, khiến cho các vị Thánh hiền không còn oai thần, chúng bốn bộ dần dần suy giảm. Thánh chúng đã giảm bớt thì tháp miếu Phật cũng sẽ bị huỷ hoại. Tháp miếu Phật bị huỷ hoại cho nên kinh sách bị thất lạc. Lúc ấy, chúng sanh không còn tinh quang. Do không còn tinh quang nên tuổi thọ rất ngắn. Bây giờ, chúng sanh sau khi mạng chung đều đọa vào ba đường dữ. Cũng như ngày nay, chúng sanh tạo phước nhiều nên đều được sanh thiên; chúng sanh trong tương lai vì tạo tội nhiều nên đều đọa địa ngục.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Ông đã làm nhiều lợi ích, làm ruộng phước và bạn lành của mọi người. Ca-diếp, nên biết, hơn một ngàn năm sau khi Ta nhập Niết bàn sẽ có Tỳ-kheo sút giảm thiền định, không còn thực hành pháp đầu đà, cũng không có đắp y vá mảnh và đi khát thực, chỉ thích nhận y áo, thức ăn do trưởng giả mang lại. Không còn ai sống dưới gốc cây, tại chỗ nhàn tĩnh, mà chỉ ưa trang sức phòng xá. Cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc,²⁵ mà chỉ thích các loại

²⁵ Địa tiểu tiện được 大小藥. Dịch ý của từ hủ lạn được 腐爛藥, loại thuốc quy định cho Tỳ kheo. Pāli: *pūtimatta*, cũng được hiểu là nước nước đại quý. Nhưng ngữ nguyên của từ này không rõ ràng.

được thảo rất ngon ngọt. Hoặc ở đây lại tham đắm tài sản, tiếc lẫn phòng xá, thường xuyên tranh chấp với nhau. Lúc bấy giờ, đàn-việt thí chủ, dốc lòng chí tín Phật pháp, ưa hành huệ thí, không tiếc lẫn tài vật. Đàn-việt thí chủ ấy sau khi mạng chung thấy đều sanh lên trời. Nhưng Tỳ kheo lười biếng thì vào địa ngục.

“Nhu vậy, Ca-diếp, hết thấy các hành là vô thường, không tồn tại dài lâu.

“Lại nữa, Ca-diếp, nên biết, trong đời tương lai có Tỳ kheo tuy cạo đầu những vẫn hành theo nghiệp thế tục; tay trái ẵm con trai, tay phải ẵm con gái; lại cầm đàn, sáo mà khát thực trên đường phố. Lúc ấy, thí chủ đàn việt còn thọ phước vô cùng huống gì ngày nay những người khát thực đều tu hành chân chánh.

“Này Ca-diếp, tất cả các hành đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài.

“Ca-diếp nên biết, trong tương lai, sa môn Tỳ-kheo sẽ xả bỏ con đường tám nhánh và bảy pháp này, cũng như Pháp bảo mà ngày hôm nay Ta đã tích tụ trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo khát thực để tự nuôi sống bằng sự ca hát giữa đám đông. Đàn-việt thí chủ cho cơm cho chúng Tỳ kheo đó mà còn được phước, huống là ngày nay mà không được phước sao? Nay Ta đem pháp này giao cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao vậy? Hôm nay, Ta đã gần tám mươi tuổi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Nay [746c] đem Pháp bảo giao phó cho hai người. Hãy ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền ở thế gian, đừng để đoạn tuyệt. Nếu ai ngăn cản ngôn giáo của Thánh nhân, người ấy sẽ đoạ vào biên địa. Hôm nay ta đã giao phó Kinh pháp cho ông, đừng để bị thất thoát.”

Lúc ấy, Ca-diếp và A-nan liền rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn rằng:

“Vì sao lại đem giáo Pháp giao phó cho hai con mà không giao cho vị khác? Lại nữa, trong chúng Như Lai, các vị có thần

thông bậc nhất không thể đếm hết, sao Như Lai không phó chúc cho các vị đó?”

Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng:

“Trên trời, trong loài người, ta không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo sánh với Ca-diếp và A-nan. Trong chúng Thanh văn cũng không có ai vượt hơn được hai người này. Chư Phật trong quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp như Ca-diếp và A-nan ngày nay, rất là hy hữu. Vì sao vậy? Tỳ-kheo hành đầu đà trong thời Phật quá khứ, khi Pháp còn thì vị ấy còn, khi Pháp diệt vị ấy cũng mất. Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta ngày nay lưu lại ở thế gian cho đến khi Phật Di-lặc ra đời rồi mới nhập diệt. Do đó Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Tỳ-kheo thời quá khứ. Còn Tỳ-kheo A-nan vì sao lại hơn các thị giả của chư Phật quá khứ? Thị giả của chư Phật quá khứ nghe các Ngài giảng sau đó mới hiểu; nhưng Tỳ-kheo A-nan ngày nay Như Lai chưa nói đã hiểu; Như Lai không nói cũng đều biết hết. Do bởi nhân duyên này Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả của chư Phật quá khứ.

“Vì vậy, hôm nay Ta giao phó Pháp bảo cho Ca-diếp và A-nan, đừng để bị khuyết giảm.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Hết thấy hành vô thường.

Có sanh ắt có diệt.

Không sanh thì không chết.

Diệt ấy đệ nhất lạc.

Bây giờ, Đại Ca-diếp và A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.²⁶

²⁶ Bản Hán, hết quyển 35.

42 . PHẨM TÁM NẠN

KINH SỐ 1¹

[747a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Kẻ phàm phu không nghe, không biết thời tiết mà pháp được thuyết. Tỳ-kheo, nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?”

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, dẫn đến Niết-bàn, sở hành của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

“Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài súc sanh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài ngạ quỷ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh lên trời Trường thọ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh ở biên địa, phỉ báng Hiền Thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, chúng sanh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn thứ sáu.

¹ Pāli, A. III. 29 Akkhaṇa (R. iv. 225). Hán, *Trung 29*, kinh 124.

“Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sanh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có sa-môn, bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chúng ngộ mà và an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

“Lại nữa, [747b] Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, dẫu chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến đồng phạm hạnh không thể tu hành. Tỳ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến phạm hạnh không thể tu hành.

“Ở đây, Tỳ-kheo, có một pháp thời tiết mà người phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà người này sinh ở trung tâm đất nước, thể trí biện thông, đối vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có sa-môn, bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tám nạn chẳng một loại,
Khiến người không đắc đạo.
Như nay thời hiện tại,
Thế gian rất khó gặp.

Nên hãy học chánh pháp,
Chớ mất cơ hội này.
Nhớ lại về quá khứ,*

*Đã từng sinh địa ngục;
Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Lâu dài trong thế gian,
Không khi nào dứt tuyệt;*

*Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy chánh pháp.
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.*

*Nay đã được thân người,
Phân biệt pháp chánh chơn.
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.*

*Nay nói có tám nạn,
Yếu hạnh của Phật pháp.
Một nạn vẫn nguy kịch,
Như ván nổi ngoài biển.*

*Tuy sẽ lìa một nạn,
Dẫu cho có lý này;
Nếu lìa một, bốn đế,
Vĩnh viễn lìa chánh đạo.*

*Cho nên phải chuyên tâm
Tư duy lý vi diệu;*

[747c]

*Chỉ thành nghe chánh Pháp
Đạt đến chỗ vô vi.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám địa ngục lớn. Những gì là tám? Một địa ngục Hoàn hoạt, hai địa ngục Hắc thăng, ba địa ngục Đẳng hại, bốn địa ngục Thế khốc, năm địa ngục Đại thế khốc, sáu địa ngục A-tỳ, bảy địa ngục Viêm, tám địa ngục Đại viêm.”²

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Hoàn hoạt và Hắc thăng,
Đẳng hại và Thế khốc
Ngũ nghịch ngục A-tỳ
Địa ngục Viêm, Đại viêm.*

*Đó là tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc hạnh ác
Mười sáu lớp ngăn quanh.*

*Còn trên ngục sắt kia
Bị lửa thường thiêu đốt;
Tràn ngập một do tuần,
Lửa cháy dậy hừng hực.*

*Bốn thành bốn cửa ngõ
Ở trong rất bằng phẳng
Lại dùng sắt làm thành
Ván sắt che trên đó.*

² Xem *Trường 19*, kinh 30 Thế ky, phẩm “Địa ngục.” Cf. Pāli, Jā v. 266, 271: Sañjīva, Kālasutta, Saṅgha, Jalaroruva, Dhūmaroruva, Mahāvīci, Tapana, Mahātapana.

“Đây là do duyên tội báo chúng sanh, khiến chúng sanh kia chịu khổ vô cùng, máu thịt tiêu hết, chỉ còn có xương.

“Vì những duyên có gì gọi là địa ngục Hoàn hoạt? Những chúng sanh kia thân hình thẳng đơ, không cử động, bị khổ bức bách không thể di chuyển, thân thể không còn máu thịt. Lúc đó, chúng sanh nói với nhau: ‘Chúng sanh sống lại!’ Khi ấy, chúng sanh kia tức thì sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn hoạt.

“Lại vì nhân gì mà gọi là địa ngục Hắc thẳng? Vì chúng sanh kia hình thể gân, mạch, đều hoá thành dây, để cưa vào thân. Cho nên gọi là địa ngục Hắc thẳng.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng hại? Lúc ấy, chúng sanh kia tụ tập lại một chỗ, đã chém đầu mà giây lát sống trở lại. Vì nhân duyên này [748a] gọi là địa ngục Đẳng hại.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế khốc? Chúng sanh kia đã đoạn mất căn lành, không còn sót chút lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu vô số khổ não, ở đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại thế khốc? Chúng sanh kia ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ sở, không thể tính hết. Ở trong đó kêu gào, đấm ngực, tự tát vào mặt, đồng thanh gào thét. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đại thế khốc.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Các loài chúng sanh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, gây đấu loạn chúng Tăng, hành theo tà kiến điên đảo, tương ưng với tà kiến, không thể chữa trị. Vì vậy cho nên gọi là địa ngục A-tỳ.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Các loài chúng sanh trong địa ngục kia, thân thể bốc khói, thấy đều tan rã. Cho nên gọi là địa ngục Viêm.

“Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại viêm? Các chúng sanh trong địa ngục này đều không thấy sót lại cái gì của tội nhân. Cho nên gọi là địa ngục Đại viêm.

“Tỳ-kheo, đó là vì nhân duyên này mà gọi tên tám địa ngục lớn. Mỗi một địa ngục có mười sáu ngục nhỏ.³ Tên chúng là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị-tăng-hữu, địa ngục Vĩnh vô, địa ngục Ngu hoặc, địa ngục Súc tỵ, địa ngục Dao sơn, địa ngục Thang hỏa, địa ngục Hỏa sơn, địa ngục Khôi hà, địa ngục Kinh cực, địa ngục Phất thi, địa ngục Kiếm thọ, địa ngục Nhiệt thiết hoàn.⁴

Như vậy, mười sáu ngục nhỏ này không thể ước tính hết, khiến chúng sanh kia sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh phá huỷ chánh kiến, phỉ báng Chánh pháp mà tránh xa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Hoàn hoại.

“Những chúng sanh nào ham thích sát sinh, sẽ sinh vào trong địa ngục Hắc thăng.

“Những chúng sanh giết mổ bò, dê và các loại khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đẳng hại.

“Những chúng sanh lấy của không cho, ăn trộm vật của người khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

“Những chúng sanh thích dâm dật, lại nói dối, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại thế khốc.

³ Nguyên habns: cách tử 隔子.

⁴ Tên các địa ngục, đồng nhất Pāli: Ưu-bát (Uppala), Bát-đầu (Paduma), Câu-mâu-đầu (Kumuda), Phân-đà-lợi (Puṇḍarīka), Vị-tăng-hữu (Abbuda; bản Hán đọc là Abbhuta), Vĩnh vô (Nirabbuda; Bản Hán đọc là Nibbhuta), Ngu hoặc (Ababa; bản Hán đọc là Bala?), Súc tỵ (?), Dao sơn (Khuradhāra), Thang hỏa (Kukkūḷa), Hỏa sơn (?), Khôi hà (Khārodakanadī), Kinh cực (Sattisūla), Phất thi (Gūṭha), Kiếm thọ (Asipattavana), Nhiệt thiết hoàn (?).

“Những sanh giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, gây đầu loạn Thánh [748b] chúng, phỉ báng Thánh nhân, hành theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục A-tỳ.

“Những chúng sanh nghe lời ở đây truyền đến nơi kia, nghe nơi kia truyền đến nơi này, cầu người phương tiện, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Viêm.

“Lại có chúng sanh gây loạn hai bên, tham lam của người, khởi tâm ganh tị, trong lòng nghi kỵ, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại viêm.

“Nếu có chúng sanh tạo các tạp nghiệp, sau khi mạng chung sinh vào mười sáu địa ngục nhỏ đó. Bấy giờ, ngục tốt hành hạ chúng sanh kia khổ sở khôn lường, hoặc bị chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt tai mũi, hoặc lấy gỗ ván ép lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc lấy tóc treo ngược, hoặc lột da, hoặc cắt thịt, hoặc xẻ làm hai phần, hoặc may dính trở lại, hoặc xẻ làm năm, hoặc dùng lửa nướng một bên, hoặc rưới nước sôi nóng chảy lên, hoặc phanh thây làm năm, hoặc kéo dài thân, hoặc dùng búa bèn chặt đầu mà gây lát sống trở lại, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

“Bấy giờ, ngục tốt bắt chúng sanh kia dùng chùy lớn đập nát thân thể nó, hoặc róc xương gân. Lại rượt đuôi cho lên cây kiếm, rồi lại rượt đuôi cho xuống, rồi sau đó có chim mỏ sắt đến mổ; lại bắt trói chặt năm chi, không được động đậy; lại đem bỏ vào trong vạc nước sôi lớn, dùng thêm chia sắt hại thân, khi gió thổi qua, thân kia sống lại như cũ. Lúc ấy, ngục tốt lại bắt chúng sanh lên núi đao, núi lửa, không cho dùng nghỉ. Ở trong đó chịu khổ không thể nào nói hết, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhơn gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

“Bấy giờ, người có tội không chịu nổi đau khổ, lại tìm vào trong địa ngục tro nóng chịu vô lượng khổ đau. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục gai nhọn chích ngược, ở trong ấy gió thổi đến đau đớn không thể tả. Từ trong đó ra, lại vào trong địa

ngực phần nóng. Trong địa ngục phần nóng lúc ấy, có loại trùng nhỏ xíu ăn xương thịt nó. Khi ấy, chúng sanh không kham chịu khổ đau, lại dời đến địa ngục cây kiếm, thân thể thương tổn, đau không thể chịu đựng nổi.

“Khi ấy, ngục tốt bảo với chúng sanh kia: ‘Các ngươi từ đâu đến?’ Tội nhân đáp: ‘Bọn chúng tôi cũng [747c] không biết là từ đâu lại?’ Lại hỏi: ‘Sẽ đi về đâu?’ Đáp: ‘Cũng lại không biết đến chỗ nào.’ Lại hỏi: ‘Muốn gì?’ Đáp: ‘Chúng tôi đói khát quá.’ Ngục tốt liền lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, thiêu chín thân thể, đau đớn không thể chịu nổi. Chỉ khi nào trả hết những tội trước kia đã tạo ra, sau đó mới mạng chung. Lúc ấy, tội nhân lại trải qua bao nhiêu địa ngục, ở trong đó chịu khổ hàng ngàn vạn năm, sau đó mới ra.”

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ vua Diêm-la tự nghĩ: ‘Những chúng sanh nào mà thân, miệng, ý hành ác, phải chịu hết những tội như vậy. Những chúng sanh mà thân, miệng, ý hành thiện, những người như vậy đều sẽ sinh về trời Quang âm.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người ngu thường nhờn nhờn
Như trời Quang âm kia.
Người trí thường lo sợ
Giống như ở địa ngục.*

“Bấy giờ, này Tỳ kheo, giáo lệnh của vua Diêm-la được nghe: ‘Ước mong ngày nào ta diệt hết những tội đã tạo ra xưa kia, để mạng chung ở đây, được thọ hình người, sinh ở trung tâm đất nước, theo thiện tri thức, cùng gặp cha mẹ dốc lòng tin Phật pháp, được xuất gia học đạo ở trong chúng Như Lai, ngay trong đời hiện tại mà dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Nay ta nói lại lần nữa với các ngươi, hãy cố gắng dụng tâm để lìa xa tám nạn, được sanh tại trung tâm đất nước, gặp được thiện tri thức, được tu phạm hạnh, được thành chánh quả như ước nguyện.’”

“Này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào muốn lia tám địa ngục lớn và mười sáu ngục nhỏ, phải tìm cầu phương tiện tu tám chánh đạo.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Nại thị,⁶ thành Tỳ-xá-ly, cùng năm trăm Tỳ-kheo, lần hồi đi du hoá trong nhân gian.

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn thành Tỳ-xá-ly rồi nói bài kệ này:

[749a] *Nay ngắm Tỳ-xá-ly
Sau không ngắm lại nữa
Cũng không vào lại nữa
Nơi đó, sẽ từ biệt.*

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe bài kệ này, trong lòng sầu ưu, đi theo sau Thế Tôn, ai ai cũng đều rơi lệ, nói với nhau:

“Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho chúng bốn bộ bốn sự này. Những gì là bốn?

⁵ Cf. D. 18. Mahāparinibbāsa; No 135; No 136; No 1(2).

⁶ Nại thị 奈氏, để bản chép nhầm là Nại kỳ 奈祇. Pāli: Ambapālivana, khu rừng của kỹ nữ Ambapāli (Nại nữ) cúng cho Phật. Cf. *Trường 2* (tr. 13b19 tt); Pāli, M. 18 (R.ii. 95). Từ đây trở đi, tương thuật đoạn đường cuối cùng của Phật đi đến rừng tịch diệt.

Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, Niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các người nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sanh.”

Bấy giờ, Như Lai muốn cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly quay trở về, liền hoá ra một hố lớn. Như Lai đưa các Tỳ-kheo sang bờ kia. Nhân dân nước ấy ở lại bên bờ này. Rồi Thế Tôn ném bát của mình lên hư không cho nhân dân ấy, lại nói rằng:

“Các người khéo cúng dường bát này. Cũng nên cúng dường pháp sư tài giỏi thì mãi mãi sẽ được phước vô lượng.”

Sau khi cho họ bát mình rồi, Thế Tôn liền đến nước Câu-thi-na-kiệt.⁷

Lúc ấy, hơn năm trăm người Lực sĩ⁸ ở nước Câu-thi-na-kiệt tập họp lại một chỗ, bàn luận với nhau:

“Chúng ta cùng nhau làm việc kỳ lạ để sau khi mạng chung, vang danh cùng khắp, con cháu cùng truyền: ‘Ngày xưa, các Lực sĩ Câu-thi-na-kiệt có sức mạnh không ai bì.’”

Sau đó, họ lại nghĩ: “Nên làm công đức gì?”

Bấy giờ, cách nước Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. “Chúng ta hãy dựng đứng nó lên.” Họ dùng hết sức lực để dựng nó, nhưng không thể dựng được. Không lay động nổi, huống gì là nâng lên.

Lúc đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ họ, nói rằng:

⁷ Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pāli: Kusinārā. Bản kinh này nhảy tắt. *Trường* 2, 3 và Pāli M.18, từ Tỳ-xá-ly, Phật đi qua nhiều chỗ rồi cuối cùng mới đến Câu-thi-na; tại đây Phật sẽ nhập diệt.

⁸ Lực sĩ 力士, danh từ riêng chỉ bộ tộc chứ không phải danh từ chung; phiên âm là Mạt-la 末羅. Một trong các bộ tộc lớn thời Phật, lãnh địa là thành Câu-thi-na và Ba-bà. Pāli: Mallā, với hai thủ phủ Pāvā và Kusinārā.

“Các đồng tử, các cậu muốn làm gì?”

Các đồng tử bạch Phật:

“Vừa rồi, chúng con có bàn như vậy: ‘Chúng ta sẽ đòi tảng đá này đi, để được vang danh đời đời. Thi công từ đó [749b] đến nay đã bảy ngày, nhưng không thể làm cho tảng đá này chuyển động.’”

Phật bảo các đồng tử:

“Các cậu có muốn Như Lai dựng tảng đá này đứng dậy không?”

Các đồng tử đáp:

“Nay chính là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn đặt lại tảng đá này.”

Khi ấy, Thế Tôn liền dùng bàn tay phải nâng khối đá này đặt lên bàn tay trái, rồi ném lên hư không. Tảng đá ấy lên đến Phạm thiên.

Lúc ấy, các người Lục sĩ Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá nữa, bèn bạch Thế Tôn:

“Nay tảng đá đi đâu? Giờ tất cả chúng con đều không thấy.”

Thế Tôn bảo:

“Tảng đá đã lên đến Phạm thiên.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Khi nào tảng đá này sẽ trở lại trên Diêm-phù-lợi-địa?”

Thế Tôn bảo:

“Nay ta sẽ đưa ra ví dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Nếu có người lên đến Phạm thiên, cầm tảng đá này ném xuống cõi Diêm-phù-địa, thì mười hai năm mới đến. Nhưng nay do cảm ứng oai thần Như Lai, nó sẽ trở lại ngay bây giờ.”

Sau khi Như Lai nói lời này xong, giây lát tảng đá rơi trở lại. Giữa hư không mưa xuống hàng trăm loại hoa trời. Bảy giờ, hơn năm trăm các đồng tử kia, từ xa nhìn thấy tảng đá rơi

xuống, mọi người đều chạy tán loạn, không ai đứng yên chỗ cũ.

Phật bảo các đồng tử:

“Chớ có sợ hãi. Như Lai biết lúc nào thích hợp.”

Khi ấy, Thế Tôn duỗi tay trái, từ xa đón tảng đá ấy đặt vào bàn tay phải, rồi dựng đứng nó lên. Lúc ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chân động sáu cách, các trời thần diệu giữa hư không rải các loại hoa sen ưu-bát. Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều khen là thật kỳ lạ, hiếm có, oai thần của Như Lai thật không gì có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Như Lai có thể dùng một tay để đặt để nó.

Năm trăm đồng tử bèn bạch Phật rằng:

“Như Lai dùng lực gì để dời tảng đá này? Dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ để đặt lại tảng đá này?”

Phật bảo các đồng tử:

“Ta không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta dùng sức cha mẹ cho để đặt lại tảng đá này.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Không rõ Như Lai dùng sức cha mẹ, là nghĩa thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ đưa ra một thí dụ. Người trí nhờ thí dụ sẽ tự hiểu. Các đồng tử, sức mười con lạc đà không bằng sức của một [749c] con voi thường. Lại nữa, sức mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc.⁹ Lại nữa, sức của mười con lạc đà, một con voi thường và sức voi Ca-la-lặc không bằng sức của một con voi Cưu-đà-diên.¹⁰ Giả sử ngay sức mười con lạc đà, một con voi thường cho đến sức con voi Cưu-đà-diên không bằng sức của một con voi Bà-ma-

⁹ Ca-la-lặc. Cf. *Trung 36* (tr. 656c17): gia-la-lê 加羅梨. Pāli: kālārikā, M. i. 178.

¹⁰ Cưu-đà-diên 鳩陀延. Pāli (?).

na.¹¹ Lại tính sức con voi này không bằng sức một con voi Ca-nê-lưu.¹² Lại tính hết sức những con voi trên lại không bằng sức một con voi Ưu-bát.¹³ Lại tính sức bao nhiêu voi trên lại không bằng sức một con voi Câu-mâu-đà. Lại gom bao nhiêu sức các voi trên, lại không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi. Lại gom tính hết những con voi trên đó, lại không bằng sức một con Hương tượng.¹⁴ Lại tính hết sức những con trên gộp lại không bằng sức một con Ma-ha-na-cực.¹⁵ Lại tính gom tất cả sức lực trên, lại không bằng sức một vị Na-la-diên.¹⁶ Lại tính gộp tất cả sức trên cũng không bằng sức một Chuyển luân Thánh vương. Lại tính tất cả sức trên hợp lại cũng không bằng sức một vị A-duy-việt-trí.¹⁷ Lại tính gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát bồ xứ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát ngồi dưới bóng cây Đạo thọ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của thân thể cha mẹ di truyền của Như Lai. Nay Ta đã dùng sức ấy để đăt lại tảng đá này.”

Lúc ấy, năm trăm đồng tử lại bạch Thế Tôn:

“Lực thần túc của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

¹¹ Bà-ma-na. *Trung 36*: bà-hòa-ngổ 婆惹瑠. Pāli, ibid.: vāmanikā.

¹² Ca-nê-lưu 迦泥留. *Trung 36*: gia-lê-ngổ 加梨瑠. Pāli: Pāli, ibid.: kaṇeru (?).

¹³ Ưu-bát (Pāli: *uppala*), câu-mâu-đà (Pāli: *kumuda*), phân-đà-lợi (Pāli: *punḍarīka*), đều là tên các loại sen.

¹⁴ Hương tượng 香象; cf. *Câu-xá 27* (tr. 140c9); Skt. *gandhahastin*, *gandhagaja*.

¹⁵ Ma-ha-na-cực 摩訶那極. *Câu-xá 27*: Ma-ha-nặc-kiện 摩訶諾健. Pāli, ibid. *mahānāga*.

¹⁶ Na-la-diên 那羅延. *Câu-xá 27* (tr.). Skt. Nārāyaṇa, tên một vị trời.

¹⁷ A-duy-việt-trí 阿維越致. Skt. *avaiartika*, Bồ tát Bất thối chuyển.

“Trước đây Ta có đệ tử tên Mục-kiền-liên có thần túc bậc nhất. Lúc ấy, Ta cùng vị ấy du hoá ở trong thôn Trúc viên Tỳ-la-nhã.¹⁸ Lúc ấy, trong nước này đang đói kém, nhân dân ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Người xuất gia học đạo khát thực khó được. Thánh chúng gầy ốm, sức lực hư cạn. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khát, lại cũng không nơi nương cậy. Mục-kiền-liên, bấy giờ đến chỗ Ta bạch với Ta: ‘Nay Tỳ-la-nhã này rất là đói kém, không nơi nào khát thực được. Nhân dân khốn khổ, không còn đường sống. Con tự thân nghe từ Như Lai những lời dạy này: phần dưới đất này có chất béo đất rất thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp béo đất này lên trên để nhân dân này có được thứ ăn và khiến Thánh chúng cũng được [750] khí lực sung mãn.’ Khi ấy, Ta bảo Mục-liên: ‘Các côn trùng mềm yếu trong đất sẽ được để ở đâu?’ Mục-liên bạch: ‘Một tay con sẽ hoá ra giống như đất này, và một tay sẽ lật ngược lớp mỡ đất này, khiến những côn trùng mềm yếu đều ở yên tại chỗ của chúng.’ Bấy giờ, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Ông muốn lật đất này lên bằng tâm thức gì?’ Mục-liên bạch: ‘Nay con lật đất này lên giống như người lực sĩ lật một lá cây, không có gì khó khăn.’ Lúc ấy, Ta lại bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật đất mỡ này. Vì sao vậy? Chúng sanh thấy việc này, sẽ sinh lòng sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, tháp miếu của chư Phật cũng sẽ bị hư hoại.’ Mục-liên lại bạch với Phật: ‘Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đến Uất-đan-viết khát thực.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Trong đại chúng này, những người không có thần túc sẽ làm sao đến đó khát thực?’ Mục-liên bạch Phật: ‘Những người không có thần túc, con sẽ đưa đến đất ấy.’ Phật bảo Mục-liên: ‘Thôi, thôi, Mục-liên! Thánh chúng cần gì phải đến đó khát thực? Vì sao vậy? Đòi tương lai cũng sẽ có lúc đói kém như vậy, khát

¹⁸ Tỳ-la-nhã thôn Trúc viên 毘羅若竹園村. Chuyện được kể trong *Tứ phần* 1 (tr. 569a10): Phật trú dưới gốc cây na-lân-la-tân-mạn-chu-đà-la (Pāli: Naḷerupicumanda) trong thôn Tỳ-la-nhã (Pāli: Verañja).

cầu khó được, người không nhan sắc. Lúc ấy các trưởng giả bà-la-môn sẽ nói với Tỳ-kheo: ‘Sao các ông không đến Uất-đan-việt khát thực? Ngày xưa các đệ tử họ Thích có thần túc, gặp lúc đói kém, đều cùng nhau đến Uất-đan-việt khát thực để tự nuôi sống. Ngày nay đệ tử Thích ca không có thần túc, cũng không có hành vi oai thần của Sa-môn.’ Rồi coi thường Tỳ-kheo, khiến cho các cư sĩ trưởng giả kia đều sinh tâm kiêu mạn, mắc vô lượng tội. Mục-kiền-liên, nên biết, vì nhân duyên này, các chúng Tỳ-kheo không nên đến hết đó khát thực.’

“Các đồng tử, nên biết, thần túc của Mục-liên có oai đức của nó như vậy. Tính sức thần túc của Mục-liên tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không có một khe hở, nhưng không bằng một phần hàng trăm, ngàn, ức, vạn lần sức thần túc của Thế Tôn; không thể dùng thí dụ để so sánh. Thần túc của Như Lai, oai đức không thể đo lường được.”

Các đồng tử bạch Phật:

“Sức trí huệ của Như Lai thì thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Trước đây, ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất là bậc nhất trong hàng có trí huệ. Như một biển lớn dài rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, nước đầy trong đó. Lại có núi [750a] Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần, chìm vào nước cũng như vậy. Diêm-phù-ly-địa, nam đến bắc là hai vạn một ngàn do tuần; đông sang tây là bảy ngàn do tuần. Nay lấy chúng để so sánh. Dùng nước trong bốn biển lớn làm mực; lấy núi Tu-di làm giấy; lấy cỏ cây hiện có Diêm-phù-địa làm bút; lại khiến người trong cả ba ngàn đại thiên thế giới đều viết, để tả hành nghiệp trí huệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Song, các đồng tử nên biết, nước mực trong bốn biển lớn cạn, bút hết, người dần dần mạng chung, cũng không thể khiến trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn kiệt hết. Cũng vậy, các đồng tử, trong các đệ tử của ta, trí tuệ bậc nhất không ai vượt hơn trí huệ Xá-lợi-phất. Tính trí huệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể biến khắp ba ngàn đại thiên thế

giới không có một khe hở, nhưng muốn so với trí huệ của Như Lai thì gấp trăm, nghìn, ức, vạn lần, không thể thí dụ đề so sánh. Sức trí huệ Như Lai chúng là như vậy.”

Các đồng lại bạch Phật:

“Còn có sức nào hơn các sức này không?”

Thế Tôn bảo:

“Cũng có sức này vượt trên các sức này. Đó là gì? Đó chính là sức mạnh của vô thường. Nửa đêm hôm nay, Như Lai ở giữa song thọ, bị lực vô thường dắt đến diệt độ.”

Lúc ấy, các đồng đều cùng rơi lệ than:

“Như Lai diệt độ sao chóng vậy! Thế gian sắp mất con mắt!”

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la Hệ Đầu¹⁹ là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này tự nghĩ: “Ta nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, song số ngày đã hết. Giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để hầu thăm.” Tỳ-kheo ni này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn.²⁰ Từ xa, bà trông thấy Như Lai dẫn các Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến rừng Song thọ. Khi ấy, Tỳ-kheo ni đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn ở đời bao lâu.”

Thế Tôn nói:

“Đúng vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ diệt độ.”

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

¹⁹ Quân-trà-la Hệ Đầu 君荼羅繫頭. Pāli: Kuṇḍalakesā. Bà nguyên tên là Bhaddā, trước đó theo Ni-kiền từ tu khổ hạnh, tóc bà bị quăn, nên có biệt danh là Kuṇḍalakesā (Tóc Quăn). Sau khi tranh luận với Xá-lợi-phất, bà trở thành Tỳ-kheo ni và đắc quả A-la-hán. Trên kia, kinh 5 phẩm 5, tên bà được phiên âm là Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅.

²⁰ Theo các nguồn Pāli, từ Vesāli (Tỳ-xá-ly) đến Kusinārā khoảng 19 do-tuần.

“Nay con xuất gia học đạo, lại không kết quả như sở nguyện mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi xin Thế Tôn nói pháp vi diệu cho con được như sở nguyện.”

Thế Tôn bảo:

“Nay cô hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.”

Tỳ-kheo ni lại bạch Phật:

“Thật khổ, bạch Thế Tôn! Thật khổ, bạch [750c] Như Lai!”

Thế Tôn bảo:

“ Cô quán sát ý nghĩa gì mà nói là khổ?”

Tỳ-kheo ni bạch Phật rằng:

“Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, sầu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ân ái biệt ly khổ. Tóm lại mà nói năm thủ uẩn là khổ. Bạch Thế Tôn, con đã quán nghĩa này như vậy, cho nên bảo là khổ.”

Tỳ-kheo-ni sau khi tư duy nghĩa này, liền ngay ở trên chỗ ngồi đạt được ba đạt trí.²¹ Lúc ấy, Tỳ-kheo ni bạch Phật:

“Con không thể kham thấy Thế Tôn diệt độ. Cúi xin cho phép con diệt độ trước.”

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Tỳ-kheo ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, ở trước Phật, thân bay lên hư không, làm mười tám phép biến hoá, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thân phát ra khói lửa, vọt lên hạ xuống tự do không có gì trở ngại, hoặc phun ra nước lửa đầy khắp hư không. Sau khi biến hoá đủ cách như vậy rồi, liền ở trong Niết-bàn giới vô dư mà diệt độ. Ngay lúc bà diệt độ, tám vạn thiên tử được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong các Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo ni có trí huệ nhanh nhạy đứng đầu chính là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la.”²²

²¹ Ba đạt trí 三達智, tức ba minh.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Người đến giữa song thọ trái chỗ nằm cho Như Lai.”

Đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Theo lời Phật dạy, A-nan đến giữa song thọ, trái tòa cho Như Lai, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Con đã trái tòa xong, đầu về hướng bắc. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

Thế Tôn liền đến giữa song thọ, vào chỗ đã trái tòa sẵn. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Vì có nhân duyên Như Lai bảo trái chỗ nằm xoay đầu về hướng bắc?”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở Bắc Thiên-trúc. Vì nhân duyên này nên khiến trái tòa hướng bắc.”

Lúc ấy, Thế Tôn phân biệt²³ ba y.

A-nan bạch Phật:

“Vi sao hôm nay Như Lai phân biệt ba y?”

Phật bảo A-nan:

“Ta vì đàn-việt thí chủ trong đời tương lai nên phân biệt y này. Vì muốn cho những người kia hưởng phước này nên ta phân biệt y như vậy.”

²² Cf. A. i. 25: *khippābhiññānam yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā*, đệ nhất thăng trí nhạy bén là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

²³ Phân biệt, từ dịch khác của tác tịnh 作淨. Pāli: *kappakata*; Vin. iv. 286: *samaṇacīvaraṃ nāma kappakatena vuccati*, y của sa-môn là y đã được tác tịnh (phân biệt). Y mới của Tỳ kheo trước khi dùng cần được hợp pháp hóa (xác nhận sở hữu hợp pháp) bằng cách chấm một điểm ở góc (điểm tịnh 點淨, Pāli: *kappabindu*). Cf. *Tứ phần 16* (tr. 676c14.); *Căn bản 16* (T23n1442, tr. 711a28).

Bấy giờ, trong chốc lát, từ miệng Thế Tôn phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp mọi nơi. Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

“Vi nhân duyên gì hôm nay từ miệng của Như Lai phát ra **[751a]** ánh sáng năm màu?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi, Ta nghĩ như vậy: ‘Khi chưa thành đạo, ở trong địa ngục lâu dài, nuốt hòn sắt nóng, hoặc ăn cây cỏ để nuôi thân tứ đại; hoặc làm la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngựa quỳ nuôi bốn đại; hoặc sinh làm thân người,²⁴ mang hình chịu nạn thọ thai, hoặc hưởng phước trời ăn cam lồ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, dùng căn lực ngộ đạo mà thành thân Như Lai. Vì nhân duyên này nên miệng phát ra ánh sáng năm màu.’”

Một lát sau, từ miệng Như Lai lại phát ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng trước. Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Vi nhân duyên gì Như Lai lại phát ra ánh sáng hơn ánh sáng trước?”

Thế Tôn bảo:

“Vừa rồi Ta tự nghĩ: ‘Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ khi diệt độ thì pháp để lại không tồn tại lâu dài trên đời.’ Ta suy nghĩ lại: ‘Bằng phương tiện nào để pháp của ta tồn tại lâu dài ở đời?’ Thân Như Lai là thân kim cang, ý muốn nghiền nát thân này như hạt cải cho lưu bố trên thế gian, khiến những đàn-việt có lòng tin đời tương lai, tuy không thấy hình tượng Như Lai, nhưng chọn lấy đố cứng dường, nhờ duyên phước lành này sẽ sinh vào nhà bốn giai cấp, nhà Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-thuật, trời Hoá tự tại, trời Tha hoá tự tại. Nhờ phước lành này mà sanh vào cõi dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lại đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc thành Phật đạo. Vì nhân duyên này nên phát ra ánh sáng này như vậy.”

²⁴ Cụm từ này sót trong đề bản. Đây y theo bản TNM thêm vào.

Lúc ấy, Thế Tôn tự thân gập tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng qua hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau. Lúc ấy, tôn giả A-nan thương khóc rơi nước mắt, không thể tự chế, lại tự trách mình chưa được thành đạo, còn bị kết sử trói buộc, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình diệt độ, sẽ nương tựa vào ai?

Lúc ấy, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo A-nan đang ở sau giường Như Lai, buồn khóc rơi lệ, không thể tự chế, lại tự trách đã không thành Đạo, lại chưa dứt sạch kết sử, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình Niết-bàn.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Thôi! Thôi! A-nan, chớ có sầu ưu. Phàm vật ở đời đáng phải tan rã, muốn cho không biến đổi thì việc này không thể, cần nỗ lực tinh tấn nhớ tu tập chánh pháp, như vậy không bao lâu cũng sẽ hết gốc khổ, thành hạnh vô lậu. Thời quá khứ, các Như Lai Chánh đẳng Chánh giác²⁵ cũng có thị giả như vậy. Giả sử hằng sa chư Phật trong tương lai cũng sẽ có thị giả như Tỳ-kheo A-nan.

“Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Ở đây, khi Chuyển luân Thánh vương đi ra khỏi nước, nhân dân thấy, không một ai không vui vẻ. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương có dạy điều gì thì những ai nghe không một ai không vui mừng, nghe những lời dạy này không biết chán. Bây giờ, Chuyển luân Thánh vương im lặng. Giả sử người dân thấy vua im lặng thì cũng lại hoan hỷ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là bốn Pháp hiếm có của Chuyển luân Thánh vương.

“Tỳ-kheo, nên biết, nay A-nan cũng có bốn pháp hiếm có. Sao gọi là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa đại chúng, nếu có ai thấy, không ai không vui vẻ. Giả sử Tỳ-kheo A-nan

²⁵ Đề bản: Đa-tát a-kiệt a-la a-tam-da-tam-phật.

có nói điều gì; ai nghe những lời này cũng đều vui vẻ. Giả sử A-nan im lặng thì cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo A-nan đi vào trong bốn chúng như sát-lợi, bà-la-môn, quốc vương, cư sĩ, họ đều vui vẻ, sinh lòng cung kính, nhìn mà không biết chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói những điều gì thì người nghe dạy pháp cũng nghe không biết chán. Đây các Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp hiếm có của Tỳ-kheo A-nan.”

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nên giao thiệp với người nữ như thế nào, khi mà đến giờ Tỳ-kheo đắp y, cầm bát, khát thực từng nhà nhà để tạo phước cho chúng sanh?”

Phật bảo A-nan:

“Chớ có nhìn họ. Nếu có nhìn thì chớ có nói chuyện. Nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Chớ giao du người nữ;
Cũng chớ có trò chuyện.
Ai có thể xa lìa,
Thì tránh được tám nạn.²⁶*

[751c7] “Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na như thế nào?”²⁷

Thế Tôn bảo:

“Cần phải trừng phạt bằng pháp phạm-đàn²⁸.”

A-nan bạch Phật:

“Trùng phạt bằng pháp phạm-đàn là thế nào?”

²⁶ Bản Hán, hết quyển 36.

²⁷ Tỳ kheo Xa-na 車那比丘, cũng thương âm là Xa-nặc. *Trường 4*, tr. 26a19, phạm đàn 梵壇. Pāli: Channa. Nguyên quân hầu của Thái tử, tính tình ương bướng không chịu các Tỳ kheo khuyên bảo.

²⁸ Phạm pháp 梵法, hay nói đủ là Phạm-đàn, biện pháp trừng phạt Tỳ kheo bằng mặc tẩn: không ai được phép quan hệ, nói chuyện, với Tỳ kheo bị phạt phạm-đàn. Pāli: brahmadāṇa.

Thế Tôn bảo:

“Không được nói chuyện gì cùng Tỳ-kheo Xa-na, không nói điều tốt, cũng không nói xấu. Tỳ-kheo này cũng không được nói chuyện gì với ông.”

A-nan bạch Phật:

“Nếu tỳ kheo ấy vẫn không chịu phục tùng, tội ấy há không nặng thêm sao?”

Thế Tôn bảo:

“Chỉ không nói chuyện tức là trừng phạt bằng phạm-đàn. Nhưng nếu vẫn không sửa đổi, cần phải đưa ra giữa chúng để mọi người cùng quyết định trục xuất,²⁹ không cho thuyết giới chung, cũng không được tham dự pháp hội.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Muốn trả lại oán thù,
Cho kẻ oán gia kia,
Thường nhớ chớ nói chuyện;
Ác này không đi quá.³⁰*

Lúc ấy, nhân dân Câu-thi-na-kiệt nghe Như Lai sắp diệt độ vào nửa đêm nay. Lúc này nhơn dân cả nước liền đi đến rừng Song thọ. Đến rồi, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, nhân dân bạch Thế Tôn:

“Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải làm gì để biểu lộ sự tôn kính?”

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn A-nan. A-nan liền tự nghĩ: “Hôm nay thân thể Như Lai mệt mỏi, muốn sai ta chỉ bày cách thức cho họ.”

Rồi A-nan quỳ gối phải sát đất chắp tay bạch Thế Tôn:

²⁹ Tăng tác pháp yết-ma ha trách đối với tỳ kheo ương bướng. Tỳ kheo bị phạt này sẽ không được tham dự các pháp yết-ma của Tăng. Xem *Tứ phần*, đã dẫn.

³⁰ Trường A-hàm, và Pāli tương đương, không có bài kệ này.

“Hôm nay có hai dòng họ, một tên là Bà-a-đà, một tên là Tu-bạt-đà³¹ đến quy y Như Lai Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ làm Ưu-bà-tắc, từ đây về sau không sát sanh nữa.

Lại có người tên Đế-xa, người thứ hai tên Ưu-ba-đế-xa. Lại có người tên Phậ-xá, người thứ hai tên Kê-đầu.³² Những người này đều đến quy y Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh nữa, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp rộng rãi cho họ. Sau đó bảo họ trở về. Bấy giờ, chúng năm trăm người Ma-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Những đệ tử chúng ngộ cuối cùng của Ta chính là năm trăm Ma-la ở Câu-thi-na-kiệt.

Bấy giờ, bà-la-môn Tu-bạt từ nước kia³³ đi đến Câu-thi-na-kiệt. Từ xa trông thấy năm trăm người này, liền hỏi:

“Các vị từ đâu đến?”

Năm trăm người đáp:

“ Tu-bạt, nên biết, hôm nay Như Lai sẽ diệt độ giữa cây song thọ.”

Lúc ấy, Tu-bạt liền tự nghĩ:

“Như Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Sự xuất thế của Như Lai lâu lâu mới có. Như hoa ưu-đàm-bát, ức kiếp mới xuất hiện. Nay ta có những pháp chưa được thông tỏ, còn ít nhiều hồ

³¹ Bà-a-đà 婆阿陀 và Su-bạt-đà 須拔陀, có lẽ Pāli: Bhadda và Subhadda. Nhưng cả hai không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương vào dịp này.

³² Đế-xa 帝奢, Ưu-ba-đế-xa 優波帝奢, Phậ-xá 佛舍, Kê-đầu 雞頭: tên những cư sỹ cuối cùng này không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương.

³³ Đề bản: bi quốc 彼國; đây chỉ Vương quốc của người Ma-la (Pāli: malla). Ba bản Tống-Nguyên-Minh: từ nước Ba-ba 波波. Pāli: Pāva, một trong hai thị trấn của người Ma-la, Câu-thi-na (Kusinārā) và Ba-ba (Pāva).

nghi. Chỉ có Sa-môn Cù-đàm kia có thể giải thích hồ nghi cho ta. Nay ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia mà hỏi nghĩa này.”

Rồi bà-la-môn Tu-bạt đến chỗ Song thọ, đến chỗ A-nan, thưa A-nan:

“Tôi nghe hôm nay Thế Tôn sẽ diệt độ; không biết có thật vậy không?”

A-nan đáp:

“Thật có việc này”

Tu-bạt bạch:

“Song hôm nay tôi còn có hồ nghi. Cúi xin cho phép tôi bạch Thế Tôn lời này: Mọi người không rõ những điều Lục sư nói. Tôi có thể biết những điều Sa-môn Cù-đàm nói chăng?”³⁴

A-nan nói:

“Thôi! Thôi! Tu-bạt, chớ có quấy nhiễu Như Lai!”

Ba lần như vậy. Ông lại thưa với A-nan:

“Như Lai xuất thế rất là khó gặp. Như hoa Ưu-đàm-bát, lâu lâu mới có. Như Lai cũng vậy, lâu lâu mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có khả năng giải thích những hồ nghi cho tôi. Nay, ý nghĩa mà tôi muốn hỏi, thật không đủ lời để nói. Bây giờ A-nan lại không cho tôi đến thưa hỏi Thế Tôn. Lại nghe Như Lai có thể thấy xa đến vô cùng, có thể thấy khoảng trước đến vô cực, mà hôm nay tôi vẫn không được tiếp nhận.”

Ngay khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhãn, từ xa nghe Tu-bạt bàn với A-nan như vậy. Thế Tôn bảo A-nan:

“Thôi, thôi, A-nan! Chớ ngăn bà-la-môn Tu-bạt. Vì sao vậy? Ông ấy đến hỏi nghĩa, thật có nhiều lợi ích. Nếu Ta nói pháp, ông ấy sẽ được độ thoát.”

³⁴ *Trường 4*, tr. 25a20 : Có sáu Tôn sư. Sa-môn Cù-đàm có thể biết rõ thuyết của họ chăng? Pāli, D. ii. 152: Có sáu vị Tôn sư, tự tuyên bố là đã giác ngộ. Có thật họ đã giác ngộ?

A-nan bèn bảo Tu-bạt:

“Lành thay, lành thay! Nay Như Lai đã cho phép ông vào trong hội pháp.”

Sau khi nghe những lời ấy rồi, Tu-bạt vui mừng hơn hờ không xiết kể. Tu-bạt đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Thế Tôn:

“Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.”

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt:

“Nay chính đúng lúc, nên có thể hỏi.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Các Sa-môn khác, thừa Cù-đàm, biết các toán thuật, hơn hẳn nhiều người. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-sửy, Cù-da-lâu, Chi-hưu Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền Tử.³⁵ Những hạng Tông sư như vậy có biết việc ba đời không? Hay là không rõ? Trong Lục sư kia lại có ai hơn được Như Lai không?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ nên hỏi điều đó. Phiền gì phải hỏi có ai hơn Như Lai không? Song hôm nay Ta ngay trên chỗ ngồi này, sẽ nói pháp cho Ông. Hãy ghi nhớ kỹ.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Nay, con sẽ hỏi nghĩa lý sâu xa. Bấy giờ là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hãy nói.”

Thế Tôn bảo:

“Lúc Ta mới học đạo, năm hai mươi chín tuổi, vì muốn độ mọi người. Cho đến năm hai mươi lăm tuổi,³⁶ học ở trong ngoại đạo. Từ đó đến nay, Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở

³⁵ Xem kinh 11 phẩm 38.

³⁶ Đề bản: ba mươi lăm. Tống-Nguyên-Minh: hai mươi lăm. Kể từ xuất gia, cho đến sáu năm khổ hạnh.

đó không có bốn quả Sa-môn. Nay Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Rong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Nay Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc Đạo Vô thượng Chánh chơn, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền Thánh.”

Tu-bạt bạch Phật:

“Con cũng rất muốn ưa nghe tám phẩm đạo Hiền Thánh, cúi xin Thế Tôn giảng nói.”

Thế Tôn bảo:

“Tám đạo Hiền Thánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, Chánh định³⁷. Nay Tu-bạt, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.”

Lúc ấy, Tu-bạt ngay trên chỗ ngồi đắc pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, Tu-bạt đi đến nói với A-nan:

“Nay tôi đã được thiện lợi. Ước Thế Tôn cho phép tôi làm Sa-môn.”

A-nan đáp:

“Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà thỉnh cầu làm Sa-môn.”

Tu-bạt bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.”

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba Pháp y. khi Tu-bạt ngược nhìn dung nhan Thế Tôn, liền ngay trên chỗ ngồi tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

³⁷ Đề bản: Đăng kiến, Đăng tri, Đăng ngữ, Đăng mạng, Đăng nghiệp, Đăng phương tiện, Đăng niệm, Đăng tam muội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

“Đệ tử cuối cùng của Ta chính là Tu-bạt.”

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

“Con nghe, nửa đêm nay Thế Tôn sẽ Bát Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con Niết-bàn trước. Con không kham chịu thấy Như Lai diệt độ trước.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Vì sao vậy? Vì đệ tử chứng ngộ cuối cùng của hàng sa chú Phật Thế Tôn quá khứ đều Bát Niết-bàn trước, sau đó Như Lai mới diệt độ. Đó là thường pháp của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới ngày nay. Lúc ấy, Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền đến trước Như Lai, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt, ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Lúc ấy, cõi đất này chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hết thấy hành vô thường.

Có sanh thì có chết.

Không sanh thì không chết.

Tịch tĩnh là an lạc.³⁸

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

“Từ nay về sau hãy bảo các Tỳ-kheo, khi giao tiếp, không được gọi nhau là “bạn”³⁹, mà hãy xưng bậc lớn là “Tôn giả”, bậc nhỏ xưng là “Hiền giả”. Hãy xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.”⁴⁰

³⁸ Hán: thử diệt thị tối lạc. So sanh Pāli: *tesaṃ vūpasamo sukho*, sự tịnh chí (tịch tĩnh) của chúng (sinh diệt) là an lạc.

³⁹ Hán: khanh bộc 卿僕. Pāli, khi Phật tại thế, các Tỳ kheo, không kể lớn nhỏ, đều gọi nhau là “*āvuso*” mà Hán thường dịch là “Hiền giả.”

⁴⁰ Pāli. D. ii. 254: Tỳ kheo Thượng tọa (*Thera*) gọi Tỳ kheo niên thiếu bằng tên (*nāma*) hay họ (*gotta*), hay Hiền giả (*āvuso*: này bạn). Tỳ kheo niên thiếu gọi Tỳ kheo Thượng tọa là Đại đức (*bhante*) hay Trưởng lão (*āyusamā*).

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nay, như các Tỳ-kheo phải tự xưng danh hiệu thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo nhỏ gọi Tỳ-kheo lớn là Trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng tên họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên thì phải y vào Tam bảo. Đó là lời dạy bảo của Ta.”

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Lộc uyển,⁴² nước Xá-vệ, cùng với năm trăm Tỳ-kheo .

Lúc ấy, A-tu-la Ba-ha-la⁴³ và thiên tử Mâu-đề-luân⁴⁴ phi thời⁴⁵ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Như Lai hỏi a-tu-la rằng:

“Các người rất thích biển lớn phải không?”

A-tu-la bạch Phật:

“Rất thích, chẳng phải là không thích”

Thế Tôn bảo:

“Biển cả có pháp kỳ lạ gì, [753a01] mà các người thấy rồi, lại vui thích ở trong đó?”

A-tu-la bạch Phật:

⁴¹ Pāli tương đương, A. viii. 19 Asurinda. Hán, No 26(35).

⁴² Lộc dã uyển 鹿野苑, không rõ ở đâu tại Xá-vệ. No 26(35): Phật ở tại Tỳ-lan-nhã 鞞蘭若, trong vườn Hoàng lô 黃蘆園. Pāli, ibid.: *verañjāyam, nalerupucimandamūle*.

⁴³ Ba-ha-la A-tu-luân 波呵羅阿須倫 No 26 (35): Bà-la-la A-tu-la vương Mâu-lê-giá A-tu-la tử 婆羅邏阿修羅王牟梨遮阿修羅子, tên một người, nhưng trong bản Hán dịch này đọc là hai. Pāli, ibid.: Pahārado asurindo.

⁴⁴ Mâu-đề-luân thiên tử 牟提輪天子, xem cht. 43 trên.

⁴⁵ No 26 (35): đến vào lúc đêm gần tàn.

“Biển cả có tám pháp hiếm có nên các a-tu-la thích nó. Những gì là tám? Biển cả rất sâu rộng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất.

“Lại nữa, biển cả có đức thần này: bốn sông lớn, mỗi sông có năm trăm nhánh khi đổ vào biển liền mất tên cũ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

“Lại nữa, biển cả đều cùng một vị. Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

“Lại nữa, trong biển cả thủy triều lên xuống đúng giờ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư.

“Lại nữa, biển cả là nơi ở của các loài quý thần; các loài có hình, không loài nào không ở trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

“Lại nữa, biển cả dung chứa loài có hình cực lớn; hình hàng trăm do tuần đến hình bảy ngàn do tuần cũng không trở ngại. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu.

“Lại nữa, trong biển cả sản xuất nhiều loại trân báu khác nhau, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy.

“Lại nữa, đáy biển có cát bằng vàng, lại có núi Tu-di do bốn loại châu báu tạo thành. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám. Đây gọi là tám pháp hiếm có khiến cho các A-tu-la vui thích ở trong ấy.”

Bấy giờ, A-tu-la bạch Phật:

“Trong Pháp Như Lai có gì kỳ đặc khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong ấy?”

Phật bảo A-tu-la:

“Có tám pháp hiếm có khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong đó. Sao gọi là tám? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hành phóng dật. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích ở trong đó, như biển cả kia rất sâu và rộng.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn chủng tánh. Ở trong pháp Ta làm Sa-môn, họ không còn giữ tên họ cũ, mà đặt lại tên khác.⁴⁶ Giống như biển lớn kia, bốn sông lớn đều đổ vào biển mà cùng một vị, không còn có tên khác. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, cấm giới được chế lập lần lượt tiếp nối nhau, không vượt thứ tự.⁴⁷ Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

“Lại nữa, pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị tám phẩm đạo Hiền thánh.⁴⁸ Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư, như biển cả kia đều cùng một vị.

“Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn mọi pháp khác nhau: Đó là bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chánh đạo.⁴⁹ Các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó. Như biển lớn kia các vị thần cư trú trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có các loại châu báu như: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi⁵⁰. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó, như biển cả sản sinh các loại châu báu.

“Lại nữa, trong pháp của Ta, các chúng sanh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở trong vô dư Niết-bàn giới

⁴⁶ No 26(35): xả bỏ tên họ cũ, đồng gọi là “sa-môn.”

⁴⁷ No 26(35): Trong Chánh Pháp Luật này, sự tu học tiến dần từ cạn đến sâu.

⁴⁸ Chánh pháp luật của Phật đều đồng một vị: vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh, vị đạo. Pāli, ibid.: *ayam dhammavinayo ekaraso, vimuttiraso*, chánh pháp luật này chỉ một vị: vị giải thoát.

⁴⁹ Nguyên Hán: bát chân trực hành 八真直行.

⁵⁰ Để bản: niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, xả giác ý, định giác ý, hộ giác ý.

mà diệt độ; nhưng pháp Ta không có tăng giảm. Như biển cả kia, các sông đổ vào mà vẫn không có tăng giảm. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

“Lại nữa, trong pháp của Ta có định kim cương, có định diệt tận, định nhất thiết quang minh, định vô sanh⁵¹, các loại định không thể tính hết,⁵² các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó; như dưới đáy biển cả kia có cát vàng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

“Ở trong pháp của Ta có tám pháp vị tăng hữu này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích ở trong đó.”

Lúc ấy, A-tu-la bạch Thế Tôn:

“Như trong pháp của Như Lai, giả sử có một pháp hiếm có thì cũng hơn tám pháp hiếm có trong biển kia, gấp trăm, gấp ngàn lần, không thể so sánh, đó chính là bát đạo Hiền thánh. Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này.”

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói cho họ nghe về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là họa lớn, giải thoát là pháp vi diệu. Sau khi Thế Tôn đã thấy tâm ý họ khai mở, như những gì chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, Ngài nói hết cho họ về Khô, tập, diệt, đạo.

Lúc này, A-tu-la liền tự nghĩ: ‘Đáng ra có năm đế, nay Thế Tôn chỉ nói bốn đế cho mình. Cho chư thiên thì nói năm đế!’

Trong lúc ấy, vị thiên tử liهن ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh.

A-tu-la bạch Thế Tôn:

“Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này. Nay con muốn trở về chỗ ở.”

⁵¹ Nguyên hán: bất khởi tam-muội 不起三昧.

⁵² No 26(35), thay các định (tam-muội) nà bằng các Thánh quả, A-la-hán cho đến Tu-đà-hoàn.

Thế Tôn bảo:

“Nên biết hợp thời.”

A-tu-la rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi theo đường mà đi.

Lúc ấy, thiên tử bảo A-tu-la:

“Những gì ông đã nghĩ hôm nay thật là không tốt! Nghĩ rằng: ‘Sao Như Lai vì chư thiên nói năm đế, vì ta nói bốn đế?’ Vì sao vậy? Vì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, chư Phật không bao giờ bỏ chúng sanh, nói pháp cũng không biết mệt mỏi, nói pháp cũng lại vô tận, cũng lại không lựa người mà nói pháp, mà nói pháp với tâm bình đẳng. Chỉ có bốn đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay ông chớ có nghĩ vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có năm đế.”

A-tu-la đáp:

“Nay tôi đã tạo việc không tốt, tự sẽ sám hối. Tôi phải đến chỗ Như Lai để hỏi nghĩa này.”

A-tu-la và Thiên tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn cây Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trời đất chấn động mạnh là do tám nhân duyên. Những gì là tám? Tỳ-kheo, nên biết, đất Diêm-phù-ly này nam bắc dài hai vạn, một ngàn do tuần, đông tây bảy ngàn do tuần, dày sáu vạn tám ngàn do tuần, nước dày tám vạn bốn ngàn do tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do tuần, dưới tầng lửa có tầng gió dày sáu

⁵³ A.viii. 70 Bhūmicāla. Hán, No 26(36).

vạn tám ngàn do tuần, dưới tầng gió có bánh xe kim cương, xá lợi của chư Phật trong quá khứ đều ở trong đó.

“Tỳ-kheo, nên biết, hoặc có lúc gió lớn chính động, lửa cũng động; lửa đã động thì nước liền động; nước đã động thì đất liền động. Đó gọi là nhân duyên thứ nhất khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bò-tát từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào trong thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ hai khiến đại địa động.

“Lại nữa, khi Bò-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ ba khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, Bò-tát xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh chơn, Đẳng chánh giác, lúc đó trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tư khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, khi Như Lai nhập vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ, lúc đó trời đất động mạnh. Đó là nhân duyên thứ năm khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, có Tỳ-kheo có thần túc lớn, tâm được tự tại, tùy ý hành vô số biến hoá, hoặc phân thân thành cả trăm ngàn, rồi trở lại thành một, phi hành trên hư không, xuyên qua vách đá, vọt lên lặn xuống tự [754a01] tại, quán đất không có tướng đất, rõ tất cả đều rỗng không, lúc này đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ sáu khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, chư thiên có thần túc lớn, thần đức vô lượng. Từ nơi ấy mạng chung, sinh vào cõi kia; nhờ phước hạnh đời trước nên các đức đầy đủ, bỏ hình trời cũ, được làm Đế Thích, hoặc làm Phạm thiên vương, lúc ấy đất động mạnh. Đó gọi là nguyên nhân thứ bảy khiến đất động mạnh.

“Lại nữa, nếu chúng sanh nào khi mạng chung hết phước; lúc ấy, các quốc vương không thích nước mình, nên họ công phạt lẫn nhau, hoặc chết vì đói thiếu, hoặc chết vì đao, kích, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tám khiến đất động mạnh.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, tôn giả A-na-luật du hành tại nơi mà bốn Phật đã từng cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: “Trong các đệ tử của Thích-ca Văn Phật, những vị thành tựu giới đức, trí tuệ đều nương vào giới luật, được nuôi lớn trong chánh pháp này. Trong các Thanh văn, người nào giới luật không đầy đủ, những vị ấy đều xa lìa chánh pháp, không tương ưng với giới luật. Nay như hai pháp này, giới và văn, pháp nào hơn? Nay ta đem gốc nhân duyên này đến hỏi Như Lai, việc này như thế nào?”

A-na-luật lại suy nghĩ: “Pháp này là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết chán đủ; là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người nhiều ham muốn. Pháp này là sở hành của người thích nơi vắng vẻ, chẳng phải sở hành của người ở nơi ồn ào. Pháp này là sở hành của người tri giới, chẳng phải sở hành của người phạm giới. Là sở hành của người có định, chẳng phải sở hành của người động loạn. Là sở hành của người trí huệ, chẳng phải là sở hành của người ngu. Là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải sở hành của người ít nghe.”

Rồi A-na-luật suy nghĩ: “Ta hãy đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này, về tám điều suy niệm của bậc đại nhơn này.”

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá Vệ.

Trong thời gian ấy, vua Ba-tu-nặc thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo hạ an cư chín mươi ngày.

⁵⁴ Pāli, A.viii. 30 Anurudha. Hán, No 26(74). No 46.

Rồi thì, A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến nước Xá-vệ, đến chỗ Như Lai, đánh lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy, A-na-luật bạch Thế Tôn:

“Ở nơi vắng vẻ, con đã suy nghĩ nghĩa này: Giới và văn; trong hai pháp này, pháp nào hơn?”

Thế Tôn liền nói kệ này cho A-na-luật:

*Nay ông khởi hồ nghi:
Giới hơn, hay văn hơn?
Giới luật hơn hẳn kinh,
Điều đó, có gì nghi?*

“Vì sao vậy? A-na-luật, nên biết, Tỳ-kheo nào thành tựu giới, vị ấy đắc định. Đã đắc định, liền được trí huệ. Đã có trí huệ, liền được đa văn. Đã được đa văn, liền được giải thoát. Đã đã giải thoát, sẽ ở trong vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Do đây mà biết giới là hơn hết.”

Khi ấy, A-na-luật nói với Thế Tôn về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Phật bảo A-na-luật:

“Lành thay, lành thay, A-na-luật! Những điều nay ông nghĩ chính là những điều bậc đại nhân tư duy. Ít muốn, biết đủ, ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn. Nay A-na-luật, ông hãy xác lập ý, tư duy về tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Thế nào là tám? Đây là pháp sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Vì sao vậy? Vì Ta nhờ sức tinh tấn mà siêu việt, thành Phật trước, còn Bồ-tát Di-lặc phải trải qua ba mươi kiếp mới thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác.

“A-na-luật, nên biết, Chư Phật Thế Tôn đều giống nhau, cũng đồng giới luật, giải thoát, trí huệ không có gì khác; cũng đồng không, vô tướng, vô nguyện, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, nhìn không biết chán, với đỉnh đầu không thể nhìn thấy. Tất cả những việc trên đều giống

nhau, chỉ có tinh tấn là không đồng. Trong chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai, Ta là vị tinh tấn bậc nhất. Cho nên, này A-na-luật, ở đây tám điều suy niệm của bậc đại nhân này là hơn hết, là tôn là quý, không thể so sánh. Giống như do sữa mà có lạc, do lạc mà có tô, do tô mà có đề-hồ; nhưng ở trong đó, đề-hồ lại là không có gì so sánh. Ở đây cũng vậy, trong điều tám suy niệm của bậc Đại nhân, niệm tinh tấn là hơn hết, thật không gì để so sánh.

“Cho nên, này A-na-luật, phải phụng hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân. Và cũng nên phân biệt nghĩa của nó cho chúng bốn bộ. Nếu tám điều suy niệm của bậc đại nhân được lưu truyền ở đời, đệ tử Ta đều sẽ thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao vậy? Vì pháp của Ta là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người muốn nhiều; pháp của Ta là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết đủ. Pháp của Ta là sở hành của người ở nơi vắng vẻ, chẳng phải là sở hành của người ở chốn đông người. Pháp của Ta là sở hành của người trì giới, chẳng phải là sở hành của người phạm giới. Pháp của Ta là sở hành của người có định, chẳng phải là sở hành của người động loạn. Pháp của Ta là sở hành của người trí, chẳng phải là sở hành của người ngu. Pháp của Ta là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải là sở hành của người ít nghe. Pháp của Ta là sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Cho nên, này A-na-luật, chúng bốn bộ hãy tìm cầu phương tiện hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân.

“Này A-na-luật, cần phải học điều này như vậy.”

A-na-luật sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám chúng, các người nên biết. Những gì là tám? Chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

“Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa Ta đã từng vào trong chúng Sát-lợi để cùng thăm hỏi, đàm luận, trong đó không có ai ngang bằng Ta. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; Ta ít muốn biết đủ, ý nghĩ không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Ta lại nhớ, khi đến trong chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên cùng thăm hỏi, bàn luận. Ta đi một mình, không bạn lữ, không ai cùng hàng; ở trong đó, Ta tối tôn, không ai sánh ngang; ít muốn, biết đủ, ý không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

“Khi ấy, Ta ở trong tám bộ chúng, đi một mình, không bạn lữ, làm cây lọng lớn cho các chúng sanh. Bấy giờ, tám bộ chúng không ai có thể thấy [55a01] đánh, cũng không dám nhìn dung nhan, huống là cùng luận nghĩa. Vì sao vậy? Vì Ta cũng không thấy có ai trong chúng Trời, Người, Ma, Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai còn không kể. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

⁵⁵ Pāli, A.viii. 69 Parisā. *Trưởng* kinh 2.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Cấp Cô Độc⁵⁶ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả:

“Trong nhà trưởng giả có bố thí rộng rãi không?”

Trưởng giả bạch Phật:

“Bần gia bố thí suốt ngày đêm trong bốn cổng thành, chợ lớn, trong nhà, đường đi, cùng Phật và Tăng Tỳ-kheo. Đó là tám nơi bố thí. Như vậy, Thế-tôn, tùy chỗ cần của họ, cần áo bố thí áo, cần thức ăn bố thí thức ăn, hay trân bảo trong nước, quyết không trái nghịch. Nói chung y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị liệu bệnh, tất cả đều cung cấp cho họ. Cũng có chư thiên đến chỗ con, ở giữa hư không bảo con: ‘Hãy phân biệt tôn ti, người này trì giới, người này phạm giới; cho đây thì được phước, cho kia không quả báo.’ Nhưng tâm con chân chánh không có đây, kia, không khởi tâm thêm bớt, rải lòng từ bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Các chúng sanh nương vào mạng căn mà hình tồn tại, có thức ăn thì tồn tại, không có thức ăn thì mạng không cứu được. Bố thí cho hết thầy chúng sanh thì được vô lượng phước báo, hưởng quả báo ấy không có tăng giảm.”

Phật bảo trưởng giả:

“Lành thay, lành thay, Trưởng giả! Người bố thí bình đẳng thì phước tối tôn đệ nhất. Nhưng tâm chúng sanh thì lại có hơn, có kém. Bố thí cho người trì giới thì hơn người phạm giới.”

⁵⁶ A-na-bàn-đề.

Lúc ấy, thiên thần trong hư không vô cùng hoan hỷ, liền nói bài kệ này:

*Phật nói thí có chọn,
Kẻ ngu có tặng giảm.
Cầu ruộng phước tốt kia,
Đâu qua Chúng Như Lai.*

“Nhưng những điều Thế Tôn dạy nay thật là hay thay! Bồ thí người tri giới hơn người phạm giới.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Nay Ta sẽ nói cho ông nghe về chúng Hiền thánh. Hãy nên ghi nhớ kỹ và ghi nhận trong lòng. Hoặc có trường hợp bồ thí ít mà được phước nhiều; hoặc bồ thí nhiều được phước nhiều.”

Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa kia. Sao gọi là bồ thí ít mà được phước nhiều? Sao gọi là thí nhiều được phước nhiều?”

Phật bảo trưởng giả:

“Hương A-la-hán, đấc A-la-hán; hương A-na-hàm, đấc A-na-hàm; hương Tu-đà-hàm, đấc Tu-đà-hàm; hương Tu-đà-hoàn, đấc Tu-đà-hoàn. Nay Trưởng giả, đó gọi là chúng Hiền thánh. Ở đó, thí ít được mà phước nhiều, thí nhiều được phước nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người thành tựu bốn hương,
Người thành tựu bốn quả:
Đó là chúng Hiền thánh.
Bồ thí được nhiều phước.*

“Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền thánh này như Ta hôm nay không khác. Giả sử chư Phật Thế Tôn trong vị lai xuất hiện ở đời, cũng có chúng Hiền Thánh như vậy. Cho nên, Trưởng giả hãy cúng dường chúng Hiền thánh với tâm vui vẻ.”

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, xác lập trong địa vị bất thối chuyển. Trưởng giả sau khi nghe pháp xong, vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng của cải bố thí thì thu được tám công đức. Những gì là tám? Một là bố thí đúng thời, chẳng phải phi thời. Hai là bố thí trong sạch, chẳng phải là ô uế. Ba là tự tay ban phát, chẳng sai người khác. Bốn là thệ nguyện bố thí, không tâm kiêu. Năm là bố thí giải thoát,⁵⁸ không trông chờ quả báo. Sáu là bố thí cầu tịch diệt, không cầu sanh thiên. Bảy là bố thí cầu ruộng tốt, không bố thí nơi đất hoang. Tám là đem công đức này bố thí cho chúng sanh, không tự vì mình. Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào đem của cải bố thí thì, sẽ được tám công đức như vậy.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người trí tùy thời thí,
Không có tâm keo kiệt.*

[755c] *Những công đức đã tạo
Đều đem bố thí người.*

*Thí này là hơn hết,
Được chư Phật khen ngợi.*

⁵⁷ Pāli, A.viii. 37 Sappurisa.

⁵⁸ Giải thoát huệ thí 解脱惠施; Pāli: *muttacāga*, giải thoát thí, bố thí một cách rộng rãi, hào phóng.

*Hiện đời hưởng quả kia;
Qua đời hưởng phước trời.*

“Cho nên, Tỳ-kheo ai muốn cầu quả báo kia nên hành tám việc này. Báo kia vô lượng, không thể kể hết, sẽ được châu báu cam lồ, dần dần đưa đến diệt độ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn, hãy ghi nhớ kỹ chớ để quên sót.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo Tỳ-kheo:

“Thế nào là con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn? Tà kiến là đường đến địa ngục, chánh kiến là con đường hướng Niết-bàn. Tà tư duy⁵⁹ là đường đến địa ngục, chánh tư duy⁶⁰ là con đường hướng Niết-bàn. Tà ngữ là đường đến địa ngục, chánh ngữ là con đường hướng Niết-bàn. Tà nghiệp là đường đến địa ngục, chánh nghiệp là con đường hướng Niết-bàn. Tà mạng là đường đến địa ngục, chánh mạng là con đường hướng Niết-bàn. Tà tinh tấn là đường đến địa ngục, chánh tinh tấn là con đường hướng Niết-bàn. Tà niệm là đường đến địa ngục, chánh niệm là con đường hướng Niết-bàn.

⁵⁹ Đề bản: Tà trị.

⁶⁰ Đề bản: Chánh trị

Tà định là đường đến địa ngục, chánh định là con đường hướng Niết-bàn. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là con đường đưa đến địa ngục, con đường hướng đến Niết-bàn.

“Những gì chư Phật Thế Tôn đã cần nói, nay Ta cũng đã hoàn tất. Các người hãy ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới bóng gốc cây, niệm hành thiện pháp, chớ có biếng nhác. Nay không siêng thực hành, sau hối hận không kịp.”

“Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Phi thời, địa ngục, đao,
Trời, Tu-luân, đất động,
Tám niệm đại nhân, chúng
Thiện nam tử thí, đao.⁶¹*

⁶¹ Bản hán, hết quyển 37.

43 . PHẠM THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÍNH

KINH SỐ 1¹

[756a07] Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi thiên tử Mã Huyết,² vào lúc giữa đêm,³ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi, con có ý nghĩ như vậy: ‘Trên mặt đất có thể đi bộ qua hết thế giới này được không?’ Nay con xin hỏi Thế Tôn có thể bằng đi bộ để đi đến tận cùng thế giới này không?”⁴

Thế Tôn bảo:

“Nay ông với ý nghĩa nào mà hỏi điều này?”

Thiên tử bạch Phật:

“Ngày xưa, có một lần con đến chỗ Phạm thiên Bà-già.⁵ Phạm thiên thấy con từ xa đến, liền nói với con: ‘Hoan nghinh, Thiên tử Mã Huyết! Nơi này là cõi vô vi, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không bắt đầu, không kết thúc, không sàu ưu, khổ não.’⁶ Khi ấy, con suy nghĩ nghĩ: ‘Đây có phải là

¹ A. iv. 45 Rohitassa. Hán, *Tap* (Việt) kinh 1221.

² Mã Huyết thiên tử 馬血天子. *Tap* (Việt) kinh 1221: Xích Mã thiên tử 赤馬天子. Pāli: Rohitasso devaputto.

³ Nguyên Hán: phi nhân chi thời, thời gian sinh hoạt của loài phi nhân. *Tap* ibid.: sau giữa đêm. Pāli: *abhikkantāya rattiyā*.

⁴ *Tap* ibid.: “Có thể vượt qua biên tế của thế giới này để đi đến chỗ không sinh, không già, không chết chăng?” Pāli: *yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātum vā daṭṭhum vā pāpuṇitum vā’ ti?*

⁵ Bà-già Phạm thiên 婆伽梵天 (Pl.: Baka Brahmā). *Tap* ibid. Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天.

⁶ No 99(1195), tr. 324b04.

con đường dẫn đến Niết-bàn? Vì sao vậy? Vì trong Niết-bàn không có sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não. Đó là chỗ tận cùng của thế giới. Nếu đó đúng là chỗ tận cùng của thế giới thì có thể đi bộ qua thế gian.”

Thế Tôn bảo:

“Vây thần túc của ông như thế nào?”

Thiên tử bạch Phật:

“Giống như lực sĩ giỏi thuật bắn, mũi tên bay đi mà không bị cản. Ở đây đức thần túc của con cũng không bị chướng ngại như vậy.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Nay Ta hỏi ông, tùy theo sở thích mà trả lời. Giống như có bốn người nam giỏi thuật bắn tên. Bốn người bắn về bốn hướng. Nếu có người đi đến, với ý muốn thu hết tên bốn hướng, khiến không rơi xuống đất. Thế nào, Thiên tử, người này rất là mau lẹ phải không, mới có thể khiến cho tên không rơi xuống đất? Thiên tử, nên biết, trước khi mặt trời, mặt trăng lên, có vị thiên tử đi bộ nhanh. Ông đi lại, tiến dừng, còn nhanh chóng hơn người gom tên này. Nhưng cung điện mặt trời, mặt trăng đi còn lẹ hơn cả người gom tên và vị thiên tử này. Tính gom sự mau lẹ của người kia, vị thiên tử, cùng cung điện mặt trời mặt trăng, vẫn không bằng sự mau lẹ của trời Tam thập tam. Tính sự mau lẹ của trời Tam thập tam không bằng sự mau lẹ của trời Diêm. Thần túc mà các chư Thiên có được như vậy đều không bằng nhau. Giả sử nay ông có thần túc này như các vị thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác cho đến trăm kiếp, ông cũng không thể nào đi đến chỗ tận cùng của thế giới. Vì sao vậy? Vì phương vực địa giới không thể tính toán được.

“Thiên tử, nên biết, vào đời quá khứ lâu xa, Ta từng làm vị tiên tên Mã Huyết giống tên như ông, ái dục đã sạch, bay giữa hư không không gì ngăn ngại. Khi ấy, thần túc của Ta khác với mọi người, trong khoảnh khắc búng ngón tay, đã có thể thu

những mũi tên từ bốn hướng này khiến không cho rơi xuống. Lúc ấy, do có thần túc này nên Ta suy nghĩ: ‘Nay Ta có thể bằng thần túc này đi đến tận cùng mé bờ thế giới hay không?’ Ta liền đi khắp thế giới nhưng không thể đến chỗ tận cùng bờ cõi của nó. Sau khi qua đời, ta liền tiên tu đức nghiệp mà thành Phật đạo. Dưới cây thọ vương, ngồi ngay thẳng tư duy về những việc làm đã từng trải xưa kia. Trước kia vốn là Tiên non, đã dùng thần đức này mà vẫn không thể đến chỗ tận cùng mé bờ của nó. Vậy phải dùng thần lực gì để đến chỗ cứu cánh tận cùng của nó? Bây giờ Ta lại suy nghĩ: ‘Cần phải nương vào tám phẩm đạo Hiền thánh, sau đó mới đạt đến chỗ tận cùng biên tế sanh tử.’

“Những gì là tám phẩm đạo Hiền thánh? Đó là, chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm và chánh định*. Thiên tử, lại nữa, nên biết, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh, khiến đạt đến chỗ tận cùng biên tế của thế giới. Hằng sa chư Phật trong quá khứ đã đạt đến chỗ tận cùng của thế giới, tất cả đều bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt cứu cánh thế giới. Giả sử chư Phật trong tương lai mà xuất hiện, cũng sẽ bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt đến chỗ tận cùng biên tế.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ này:

*Chân bước không cứu cánh
Đến tận cùng thế giới.
Mặt đất rộng vô cùng,
Thần túc chẳng thể vượt.*

*Kẻ phàm ý giả tưởng,
Khởi mê hoặc trong đó.
Không rõ pháp chơn chánh,
Trôi lăn trong năm đường.*

*Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Lấy đó làm thuyền bè,
Sở hành của chư Phật,*

Đạt cùng tận thế gian.

*Giả sử Phật tương lai,
Di Lạc cùng tất cả,
Cũng bằng tám phẩm đạo
Đến tận cùng thế giới.*

*Cho nên, người có trí
Tu đạo Hiền thánh này,
Ngày đêm hành tu tập,
Liên đến chỗ vô vi.*

Thiên tử Mã Huyết sau khi nghe Như Lai nói tám phẩm đạo Hiền thánh, liền ở trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, thiên tử liền đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Ngay ngày hôm ấy, thiên tử kia liền dùng đủ loại hoa trời rải lên Như Lai, rồi nói kệ này:

*Trôi lăn mãi sanh tử,
Muốn đi tận thế giới.
Tám phẩm đạo Hiền thánh,
Không biết lại không thấy.*

*Nay con đã kiến đế,
Lại nghe tám phẩm đạo,
Liên được tận bờ mé,
Nơi Chư Phật đã đến.*

Thế Tôn ẩn khả những điều thiên tử kia nói. Thiên tử kia thấy Thế Tôn đã ẩn khả, liền đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi.

Thiên tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁷

Tôi nghe như vậy:

⁷ Pāli, A. viii. 41 Saṃkhitta.

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói trai pháp tám quan của Hiền thánh.⁸ Các người hãy ghi nhớ kỹ, tùy hỷ mà phụng hành.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Sao gọi là trai pháp tám quan? Một là không sát sanh, hai là không lấy của không cho, ba là không dâm dục, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, sáu là không ăn phi thời, bảy là không nằm ngòai trên giường cao rộng, tám là tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình. Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh.”

Lúc ấy, Ưu-ba-y bạch Phật:

“Tu hành trai pháp tám quan như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Này Ưu-ba-ly, thiện nam, thiện nữ vào ngày thứ 8, 14, 15⁹ đến chỗ Sa-môn hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên họ rằng, ‘Con từ sáng đến tối,¹⁰ như A-la-hán, giữ tâm không di động, không dùng dao gậy gia hại chúng sanh, ban vui khắp tất cả. Nay con thọ trai pháp, nhất thiết không vi phạm, không khởi tâm sát. Con tu tập [757a01] giáo pháp Chân nhân kia, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn quá ngòai, không ngòai chỗ cao rộng, không tập ca múa xướng hát và thoa hương vào mình.’ Nếu người có trí tuệ, hãy nói như vậy. Nếu là người không có trí huệ, nên dạy nói như vậy.

⁸ Bát quan trai pháp 八關齋法. Pāli: *aṭṭhaṅgasamannāgato uposatho*.

⁹ Mỗi nửa tháng.

¹⁰ Nguyên Hán: từng triều chí mộ 從朝至暮; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: từ sáng cho đến hết đêm, tức đến sang hôm sau.

“Lại nữa, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy từng điều một, đừng để sai sót, cũng đừng để vượt quá. Lại nên dạy cho phát thệ nguyện.”

Ưu-ba-ly bạch Phật:

“Nên phát nguyện như thế nào?”

Thế Tôn bảo:

“Người ấy nguyện rằng: ‘Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đoạ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác; con phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sanh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia thành Đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước của thệ nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thối lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này. Giả sử trong tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, người nào gặp hội kia thì sẽ được độ ngay. Khi Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, có ba hội Thanh văn. Hội đầu có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu đã sạch. Cũng gặp vua cùng giáo thọ sư của đất nước kia.’ Dạy như vậy, không để cho thiếu sót.”

Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

“Nếu thiện nam, thiện nữ kia tuy trì trai tám quan nhưng không phát thệ nguyện, há không được công đức lớn hay sao?”

Thế Tôn bảo:

“Tuy được phước kia, nhưng phước không đáng nói. Vì sao vậy? Nay Ta sẽ nói.

“Trong đời quá khứ, có vua tên là Bảo Nhạc cai trị bằng pháp, không có tà vậy, thống lãnh cõi Diêm phù đề này. Bấy giờ, có Phật tên Bảo Tạng Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, Minh Hạnh Túc*, Thiện Thệ* Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự trượng phu*, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời. Vua kia có người con gái tên Mâu-ni, dung mạo đặc thù, mặt như màu hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy. Bấy giờ, Phật kia cũng có ba hội chúng. Hội đầu tiên gồm chúng một ức sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo. Hội thứ nhì gồm chúng một ức sáu vạn Tỳ-kheo. Hội thứ ba gồm chúng một ức ba vạn Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu hoặc đã sạch.

“Khi ấy, Phật kia thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: ‘Các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ toạ thiền, chớ có biếng nhác. Lại hãy tìm cầu phương tiện tụng tập kinh, giới.’ Thị giả của Phật kia tên là Mãn Nguyên, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan đa văn tối thắng hôm nay của Ta. Lúc ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyên kia bạch Phật Bảo Tạng: ‘Có những Tỳ-kheo các căn ám độn, cũng không siêng năng đối với pháp thiền định, lại cũng không tụng tập, Thế Tôn đặt họ vào nhóm nào?’

“Phật Bảo Tạng bảo: ‘Nếu có Tỳ-kheo nào các căn ám độn, không thể hành pháp thiền, nên tu ba nghiệp pháp thượng nhân. Thế nào là ba? Toạ thiền, tụng kinh, khuyến hóa.’ Như vậy, Phật kia thuyết pháp vi diệu cho các đệ tử như thế.

“Bấy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão không thể tu hành pháp thiền. Tỳ-kheo ấy suy nghĩ nghĩ: ‘Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp thiền kia. Vậy ta nên thỉnh nguyện hành pháp khuyến trợ.’ Lúc ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia vào trong thành Dã mã xin dầu mè đốt đuốc, hàng ngày đến cúng dường Như Lai Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt.

“Khi ấy, Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi khắp các nẻo đường để cầu xin, liền hỏi: ‘Tỳ-kheo, hôm nay thầy cầu xin vật gì vậy?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa, nên biết, tuổi tôi đã già yếu, không thể hành pháp thiền, cho nên cầu xin

dầu để cúng dường Phật, thấp sáng liên tục cho Phật.’ Công chúa khi nghe danh hiệu Phật, vui mừng hơn hờ không thể tự chế, bạch với Tỳ-kheo trưởng lão: ‘Tỳ-kheo, thầy chớ cầu xin ở nơi khác. Chính tôi sẽ cung cấp, cúng dường hết cả dầu lẫn đèn.’

“Từ đó, Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của cô ấy, hàng ngày lấy dầu cúng dường Như Lai Bảo Tạng và nguyện đem công đức này hồi hướng Đạo Vô thượng Chánh chơn, miệng tự nói rằng: ‘Con tuổi đã già yếu, các căn lại chậm lụt, không có trí huệ để tu thiền, xin nhờ công đức này mà khỏi đọa vào ác thú, trong tương lai được gặp Thế Tôn giống như Như Lai Bảo Tạng ngày nay, gặp Thánh chúng như Thánh chúng ngày nay, thuyết pháp cũng như ngày nay.’ Như Lai Bảo Tạng biết được tâm niệm của Tỳ-kheo ấy liền mỉm cười, miệng phát ra ánh sáng năm màu và nói rằng: ‘Trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp nữa ông sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí chơn đẳng chánh giác.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo trưởng lão hết sức vui mừng, thân tâm kiên cố, ý không thối chuyển, vẻ mặt rạng rỡ khác với ngày thường.

“Khi thấy Tỳ-kheo ấy có nhan sắc khác thường, công chúa Mâu-ni liền hỏi: ‘Hôm nay nhan sắc của thầy cực kỳ vi diệu, rạng rỡ khác với ngày thường. Có điều gì đặc ý chăng?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Công chúa nên biết, vừa rồi, tôi đã được Như Lai rưới nước cam lộ lên đánh đầu.’ Công chúa Mâu-ni hỏi, ‘Như Lai rưới nước cam lồ lên đánh là như thế nào?’ Tỳ-kheo đáp: ‘Tôi được Như Lai Bảo Tạng thọ ký rằng qua vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai tôi sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí chơn đẳng chánh giác, nên thân tâm tôi kiên cố, ý không thối chuyển. Công chúa, tôi đã được Như Lai ấy thọ ký như vậy.’ Công chúa hỏi: ‘Đức Phật ấy có thọ ký cho tôi không?’ Tỳ-kheo trưởng lão đáp: ‘Tôi cũng không biết Ngài có thọ ký cho cô hay không?’

“Sau khi nghe Tỳ-kheo nói, công chúa liền đi cõ xe lộng lẫy* đến chỗ Như Lai Bảo Tạng, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một phía, và bạch Phật rằng: ‘Nay con là thí chủ thường cúng dầu, nhưng Thế Tôn không thọ ký, mà thọ ký Tỳ-kheo kia.’ Như Lai Bảo Tạng đáp: ‘Phát tâm cầu nguyện còn được phước khó lường, huống gì là đem của cải bố thí.’ Công chúa Mâu-ni nói: ‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì con sẽ tự đoạn mạng căn.’ Bảo Tạng Như Lai đáp: ‘Phàm mang thân người nữ thì không thể mong làm Chuyển luân Thánh vương, không thể mong làm Đế Thích, không thể mong làm Phạm Thiên, không thể mong làm Ma vương, cũng không thể mong làm Như Lai.’ Công chúa hỏi, ‘Con nhất định không thể thành đạo Vô thượng hay sao?’ Phật Bảo Tạng đáp: ‘Có thể. [758a01] Nay Mâu-ni nữ, cô có thể thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Nhưng, công chúa nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai có Phật xuất thế, là thiện tri thức của cô. Vị Phật ấy sẽ thọ ký cho cô.’ Khi ấy, công chúa bạch Phật rằng: ‘Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ thì ưế trước hay sao?’ Phật Bảo Tạng bảo: ‘Điều Ta nói ở đây là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện kiên cố.’ Công chúa nói xong, liền đứng dậy, đánh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

“Ưu-ba-ly, nên biết, qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Phật Đấng Quang mới xuất hiện ở đời, hoá độ nước lớn Bát-đầu-ma, có chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn tám ngàn người vây quanh, được nhà vua và nhân dân đến cúng dường. Lúc ấy, trong nước có vua tên Đề-bà-duyên-na trị đời đúng pháp, thống lãnh cảnh giới Diêm phù này.

“Bấy giờ, vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo thọ thực. Vào buổi sáng, Phật Đấng Quang đắp y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo nào thành. Trong lúc ấy, có bà-la-môn tên Di-lặc,¹¹ dung mạo tuấn tú, một mình nổi bật trên tất cả đại chúng, y như Phạm thiên;

¹¹ Đoạn dưới gọi là Ma-nạp 摩訶, thiếu niên Bà-la-môn.

tụng đọc thông suốt các bộ kinh, hiểu rõ các bộ sách và các chú thuật, thông suốt thiên văn địa lý; không thứ gì không biết. Khi từ xa trông thấy Phật Đăng Quang có dung mạo đặc biệt hiếm có trên đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân, ông ấy liền sanh tâm hoan hỷ, phát sanh thiện tâm, suy nghĩ rằng: “Trong sách có nói Như Lai xuất hiện ở đời là việc rất khó gặp, lâu lắm mới có một lần. cũng như hoa Ưu đàm lâu lắm mới nở. Ta cần phải đến xem thử.”

“Bà-la-môn bèn tự tay cầm năm bông hoa đến chỗ Thế Tôn, và nghĩ rằng, ‘Ai có ba mươi hai tướng, người ấy được gọi là Phật.’ Ông đem năm nhánh hoa rải lên thân Như Lai, và tìm ba mươi hai tướng nhưng chỉ thấy ba mươi tướng, còn hai tướng nữa thì không thấy, tức thì trong lòng hồ nghi rằng, vì sao ta quan sát Thế Tôn mà không thấy tướng lưỡi dài và tướng mã âm tàng. Ông ấy liền nói kệ:

*Nghe có ba hai tướng
Của bậc Đại trượng phu.
Nay không thấy hai tướng.
Có đủ tướng hảo chăng?*

*Thiếu tướng mã âm tàng,
Trình khiết không dâm chăng?
Không thấy tướng lưỡi dài,
Liếm tai, che khắp mặt.*

*Mong hiện tướng cho thấy,
Để con sạch nghi ngờ.
Xin cho con được thấy
Tướng mã âm và lưỡi.*

“Khi ấy, Phật Đăng Quang liền nhập định, khiến cho bà-la-môn thấy hai tướng đó. Phật Đăng Quang lại hiện tướng lưỡi rộng dài liếm đến hai tai và phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy sau đó trở vào đỉnh đầu. Khi bà-la-môn thấy Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng, hết sức vui mừng, nói rằng: ‘Cúi nguyện Thế Tôn xem xét, con xin dâng lên Như Lai năm bông hoa này và

xin đem thân này cúng dường Thế Tôn.’ Sau khi vị ấy phát nguyện, năm bông hoa liền biến thành đài báu trên không trung hết sức vi diệu, có bốn trụ, bốn cổng; thấy có đài lưới ngọc; vị ấy rất vui mừng, lại phát nguyện rằng: ‘Xin cho trong tương lai con được làm Phật như Phật Đấng Quang. Đệ tử đi theo cũng y như vậy.’

“Biết những ý nghĩ trong tâm bà-la-môn, Phật Đấng Quang liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, nếu khi thọ ký Thế Tôn mỉm cười thì miệng phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi ánh sáng đã chiếu ba nghìn đại thiên thế giới thì ánh sáng mặt trời mặt trăng không còn. Sau sôđ, ánh sáng trở vào trên đỉnh. Nếu lúc Như Lai thọ ký làm Phật thì ánh sáng nhập vào trên đỉnh. Nếu lúc thọ ký Bích-chi-phật thì ánh sáng từ miệng phát ra rồi vào lại trong miệng.¹² Nếu thọ ký Thanh văn thì ánh sáng nhập vào vai. Nếu thọ ký sanh thiên thì lúc ấy ánh sáng nhập vào trong cánh tay. Nếu thọ ký sanh làm người thì lúc ấy ánh sáng nhập vào hai bên hông. Nếu thọ ký sinh ngạ quỷ thì ánh sáng vào nách. Nếu thọ ký sinh súc sanh thì ánh sáng vào đầu gối. Nếu thọ ký sinh địa ngục thì ánh sáng vào gót chân.

“Lúc ấy, Bà-la-môn thấy ánh sáng vào đỉnh, vui mừng hơn hờ không xiết kể, liền trái tóc lên đất và nói lời này: ‘Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì ngay chỗ này con tự đoạn các căn.’ Phật Đấng Quang biết những ý nghĩ trong tâm Bà-la-môn Phật Đấng Quang, liền bảo: ‘Ông hãy mau đứng dậy. Đời vị lai Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích-ca Văn Như Lai, Chí chơn đấng chánh giác.’

“Ma-nạp sau khi nghe Phật thọ ký, sinh lòng hơn hờ không xiết kể, liền ngay nơi đó mà đắc biến hiện tam-muội, vọt lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chấp tay hướng về Như Lai Đấng Quang.

¹² Co bản chép là nhĩ 耳: lỗ tai.

“Này Ưu-ba-ly, Ông chớ có nhận xét ai khác. Tỳ-kheo trưởng lão vào thời Như Lai Bảo Tạng lúc bảy giờ, không ai khác mà chính là Như Lai Đấng Quang lúc ấy. Còn công chúa Mâu-ni lúc chính là Ta lúc bảy giờ. Lúc ấy, Như Lai Bảo Tạng đã đặt tên hiệu cho Ta là Thích-ca Văn. Nay Ta vì nhân duyên ấy nên nói trai pháp tám quan này. Hãy phát thệ nguyện. Không nguyện thì không quả. Vì sao vậy? Nếu người nữ kia phát thệ nguyện, ngay kiếp ấy thành tựu sở nguyện đó. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát thệ nguyện, thì trọn không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện không thể ghi kể, dẫn đến chỗ cam lồ diệt tận.

“Này Ưu-ba-ly, Ông hãy học điều này như vậy.”

Ưu-ba-ly sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại nước Ma-kiệt, gần bên bờ sông,¹⁴ cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo, .

Bảy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng sông có một khúc gỗ lớn bị nước cuốn trôi, liền ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy khúc gỗ bị nước cuốn trôi không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch, chúng con có thấy!”

Thế Tôn bảo:

“Nếu khúc gỗ này không vướng bờ này, không vướng bờ kia, không chìm giữa dòng, không bị tấp lên bờ, không bị người vớt, không bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, không bị

¹³ Pāli, Dārukhandha, S. iv. 179.

¹⁴ Pāli: Phật ở bên bờ sông Hằng (Gaṅgā), địa phận Kosambi.

mục rã, nó sẽ trôi dần đến biển. Vì sao vậy? Vì biển là nguồn gốc của các dòng sông. Tỳ-kheo, các người cũng như vậy. Nếu không không đắm bờ này, không đắm bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người bắt giữ, không bị phi nhân bắt giữ, cũng không bị nước xoáy, cũng không bị mục rã, dần dần các người sẽ xuôi đến Niết-bàn. Vì sao vậy? Xuôi đến Niết-bàn là chánh kiến,¹⁵ chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định. Đó là nguồn gốc của Niết-bàn.”

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà¹⁶ đang đứng chống gậy. Người chăn bò từ xa nghe những lời nói như vậy, bèn đi lần đến chỗ Thế Tôn mà đứng. Bấy giờ người chăn bò bạch Thế Tôn:

“Nay con cũng không vướng bờ này, không vướng [759a01] bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người vớt, chẳng bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, cũng chẳng mục rã, dần dần xuôi về Niết-bàn. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con ở trong đạo này được làm sa môn.”

Thế Tôn bảo:

“Người hãy trả bò cho chủ rồi sau đó mới được làm sa môn.”

Người chăn bò Nan-đà thưa:

“Những con bò này nhớ ghé con, nên chúng nó tự sẽ về nhà. Cúi xin Thế Tôn cho phép con đi theo đạo này.”

Thế Tôn bảo:

“Những con bò này tuy sẽ tự trở về nhà, nhưng ông cần phải về giao lại cho chủ.”

¹⁵ Pāli: *nibbānaninnā, bhikkhave, sammādiṭṭhi nibbānapoṇā nibbānapabbhārā*”ti, “xuôi về Niết-ban, nghiêng về phía Niết bàn, dốc về về Niết-bàn, là chánh kiến.”

¹⁶ Nan-đà (mục ngư nhân) 牧牛人難陀. Pāli: Nando gopālako.

Lúc ấy, người chăn bò vâng lời Phật dạy, trở về giao bò, rồi trở lại chỗ Phật, bạch Thế Tôn:

“ Nay con đã giao bò. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa môn.”

Như Lai liền chấp thuận ông làm sa-môn, thọ giới cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

“Sao gọi là bờ này? Sao gọi là bờ kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là tấp lên bờ? Thế nào là bị người bắt giữ? Thế nào là bị phi nhân bắt giữ? Thế nào là bị dòng nước xoáy? Thế nào là bị mục rã?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bờ này là chỉ thân. Bờ kia là thân diệt tận. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp lên bờ là năm dục. Bị người bắt giữ là, như có thiện gia nam tử phát thệ nguyện này: ‘Do phước lành công đức này tôi sẽ làm vua nước lớn, hoặc làm đại thần.’ Bị phi nhân bắt giữ là, như có Tỳ-kheo phát nguyện như vậy: ‘Tôi sẽ sinh lên trời Tứ thiên vương mà hành phạm hạnh. Nay ta đem công đức nguyện sanh về các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân bắt giữ. Bị dòng nước xoáy, đó là tà nghi. Mục rã là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Đó là mục rã.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà ở tại chỗ vắng vẻ, tự khắc cần tu tập, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, tự biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Ông ở ngay trên chỗ ngồi thành A-la-hán.

Nan-đà sau khi nghe những gì nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đâu* đã mất thần túc. Thái tử A-xà-thế mỗi ngày sai đem năm trăm nôi cơm cúng dường ông. Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu đã mất thần túc, lại được A-xà-thế cúng dường, cùng nhau dẫn đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu oai lực rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường mỗi ngày năm trăm nôi cơm.”

Thế Tôn nghe những lời này rồi, bèn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người chớ dấy lên ý tưởng này, ham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu. Kẻ ngu kia vì lợi dưỡng này sẽ tự diệt vong. Vì sao vậy? Ở đây Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu sẽ không đạt kết quả như ước nguyện đối với mục đích xuất gia học đạo.

“Tỳ-kheo, nên biết, như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bén, đi đến cây lớn, ý mong muốn trước hết là mong cây lớn, nhưng khi kịp đến cây kia thì chỉ mang cành lá trở về.¹⁸ Nay Tỳ-kheo này cũng như vậy, vì tham đắm lợi dưỡng. Vì lợi dưỡng này, tự khen mình trước mọi người, chê bai người khác, nên những việc làm của Tỳ-kheo không đạt kết quả như sở nguyện. Người ấy vì lợi dưỡng này nên không tìm cầu phương tiện khởi tâm đồng mãn như người kia tìm không được lõi cây,¹⁹ bị người trí vứt bỏ.

“Giả sử có Tỳ-kheo sau khi được lợi dưỡng, không tự khen, lại không chê bai người khác; nhưng có lúc lại đến người khác tự khoe rằng: ‘Tôi là người trì giới. Kia là kẻ phạm giới.’ Những

¹⁷ Pāli, Saropama, M. i. 192.

¹⁸ Nên hiểu: tìm lõi cây. Cf. Pāli: *sāratthiko sārāgavesī*.

¹⁹ Trong bản: cầu bảo 求寶. Chép nhầm, nên sửa lại là cầu thật 求實.

sở nguyện của Tỳ-kheo cũng không được kết quả, như người bỏ gốc mang cành²⁰ về nhà. Người trí thấy vậy bèn nói: ‘Người này chỉ mang cành về nhà mà không biết được lỗi.’ Ở đây, Tỳ-kheo cũng như vậy, vì có được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, gồm tu phạm hạnh và thích tu ta-muội. Vì ấy do tâm tam-muội này mà tự khen với người khác: ‘Nay tôi đắc định. Người khác không đắc định.’ Những pháp cần làm của Tỳ-kheo này cũng không được kết quả.

“Cũng như có người muốn tìm lỗi cây, đi đến cây lớn mong được lỗi cây, bỏ cành lá cây, lấy gốc mang gốc về. Người trí thấy vậy, nói rằng: ‘Người này được riêng phần gốc.’ Nay Tỳ-kheo cũng vậy, phát sinh lợi dưỡng, nhưng vâng giữ giới luật, không tự khen, lại chẳng chê bai người khác. Tu hành tam-muội cũng như vậy, lần lượt hành trí huệ. Ở trong pháp này, trí huệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu ở trong pháp này đã không được trí huệ, tam muội, cũng không đầy đủ pháp giới luật.”

Có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Vì sao gọi Đề-bà-đạt-đâu kia không hiểu pháp giới luật? Ông đó có thần đức, thành tựu các hành, có trí huệ này, vì sao gọi là không hiểu pháp giới luật? Có trí huệ thì có tam-muội, có tam-muội thì có giới luật.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp giới luật là việc thường của thế tục, thành tựu tam-muội cũng là việc thường của thế tục. Thần túc phi hành cũng là việc thường của thế tục. Chỉ thành tựu trí huệ, đó là pháp trên hết.”

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Do thiên được thần túc,
Không rút ráo đi lên;
Không được bờ vô vi*

²⁰ Nên hiểu: bỏ qua lỗi cây, chỉ mang lấy cành.

Lại rơi vào năm dục.

*Trí tuệ là tối thượng,
Không ưu, không gì lo,
Cứu cánh được chánh kiến,
Cắt đứt cõi sanh tử.*

“Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đâu không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hành trí tuệ và tam-muội. Tỳ-kheo, các người chớ có tham đắm lợi dưỡng như Đề-bà-đạt-đâu. Phạm người lợi dưỡng đoạ vào cõi ác, không đến cõi lành. Nếu đắm lợi dưỡng liền tập tà kiến, lia chánh kiến, tập tà tư duy, lia chánh tư duy, tập tà ngữ, lia chánh ngữ, tập tà nghiệp, lia chánh nghiệp, tập tà mạng, lia chánh mạng, tập tà tinh tấn*, lia chánh tinh tấn, tập tà niệm, lia chánh niệm, tập tà định, lia chánh định. Cho nên, Tỳ-kheo chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến không khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, hãy tìm cầu phương tiện mà diệt nó.

“Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.”

Khi Phật nói pháp vi diệu này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, sống đời bạch y. Lại có sáu chục Tỳ-kheo khác tâm giải thoát khỏi hữu lậu, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay ta sẽ nói ví dụ thuyền bè. [760a01] Các người hãy suy nghĩ kỹ và ghi nhớ trong tâm.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn.” Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

“Thế nào là ví dụ thuyền bè? Khi các người đi đường bị giặc bắt giữ, cần làm chủ tâm ý, không khởi niệm ác, phải khởi tâm từ, bi, hỷ, xả* tràn đầy khắp mọi nơi, vô lượng, vô hạn không thể tính đếm. Giữ tâm phải như đất; giống như đất này vừa nhận vật sạch, vừa nhận vật dơ, phân tiêu ô uế, đều nhận hết; nhưng đất không khởi tâm tăng giảm, không nói: ‘Đây tốt, đây xấu.’ Nay sở hành các người cũng phải như vậy. Nếu bị giặc cướp bắt giữ, chớ sanh ác niệm, không khởi tâm tăng giảm, cũng như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không tâm tăng giảm; hãy sanh tâm từ bi hỷ xả* đối với hết thảy chúng sanh. Vì sao vậy? Vì pháp hành thiện còn phải bỏ huống chi pháp ác mà có thể tập hành sao?

“Nhu có người gặp chỗ có tai nạn đáng sợ, muốn vượt qua chỗ nạn đến nơi yên ổn, tùy ý rong ruổi tìm nơi an ổn. Người ấy gặp sông lớn, rất sâu rộng, cũng không có cầu thuyền để có thể qua đến bờ bên kia được, mà nơi đang đứng thật là đáng sợ. Bờ kia là vô vi. Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ: ‘Sông này rất sâu rộng. Ta hãy gom góp cây gỗ, cỏ, lá kết thành một chiếc bè để vượt qua. Nhờ bè này mà từ bờ này đến được bờ kia.’ Bấy giờ người kia, liền thu thập cây gỗ, cỏ lá kết bè vượt qua, từ bờ này đến bờ kia. Người kia đã vượt qua bờ kia, lại nghĩ: ‘Chiếc bè này đối với ta có nhiều lợi ích. Nhờ chiếc bè này cứu được nguy nan, từ nơi đáng sợ đến chỗ an lành. Ta không bỏ bè này. Hãy mang theo bên mình.’ Thế nào, Tỳ-kheo, người kia đã đến nơi rồi, có nên mang bè theo bên mình? Hay không nên?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không nên, bạch Thế Tôn. Sở nguyện người kia đã đạt kết quả, thì mang chiếc bè theo làm gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện pháp còn phải xả, huống gì là phi pháp.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn:

"Sao gọi là pháp còn phải xả huống là phi pháp? Chúng con há chẳng phải nhờ pháp mà học đạo hay sao?"

Thế Tôn bảo:

"Y kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng (quá) mạn,²¹ tự mạn, tà kiến mạn, [760b] mạn trung mạn, tăng thượng mạn.²² Bằng không mạn diệt mạn mạn, diệt tăng tăng thượng quá mạn.²³ Bằng chánh mạn, diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt hết bốn mạn. Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: 'Trong dục giới, ai là cao trọng nhất để Ta sẽ hàng phục. Trong cõi dục này, trời và người, không ai không bị hàng phục.' Rồi Ta lại tự nghĩ: 'Nghe có tỳ ma Ba-tuần. Ta sẽ chiến đấu với chúng. Do hàng phục Ba-tuần, nên tất cả chư thiên cao quý đều bị hàng phục.' Lúc ấy, Tỳ-kheo, Ta mỉm cười trên chỗ ngồi, khiến cảnh giới ma Ba tuần đều chấn động. Giữa hư không nghe tiếng nói kệ:

Bỏ pháp Chân Tịnh vương,²⁴

Xuất gia học cam lộ;

Dù có thế nguyện rộng:

Dọn trống ba đường ác.

Nay ta họp binh chúng,

²¹ Nguyên hán: tăng thượng mạn, trùng lặp với mạn thứ bảy. Đây nên đọc là tăng thượng quá mạn, tức mạn quá mạn kể trong *Câu-xá*.

²² Kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn 憍慢 慢慢 增上慢 自慢 邪見慢慢 中慢 增上慢; bảy mạn, xem *Câu-xá 19* (tr. 101a12): mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn 一慢二過慢三慢過慢四我慢五增上慢六卑慢七邪慢. Bản hán liệt kê trên, trùng lặp tăng thượng mạn nhưng thiếu mạn quá mạn.

²³ Nguyên Hán: vô mạn; có lẽ chép nhầm.

²⁴ Chân Tịnh vương 真淨王, tức vua Tịnh Phạn (Pāli. Suddhodhana). Xem kinh 5, phẩm 24.

*Xem mặt sa-môn kia.
Nếu y không theo ta;
Năm chân liệng ngoài biển.*²⁵

“Lúc bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần vô cùng thịnh nộ, bảo đại tướng Su Tử rằng, ‘Hãy nhanh chóng tập hợp bốn bộ binh chúng đi công phạt Sa-môn. Lại xem ông ấy có thể lực gì mà dám chiến đấu với ta?’ Khi ấy Ta lại suy nghĩ: ‘Giao chiến với phạm phu mà còn không im lặng, hưởng gì là với hạng cường hào của cõi Dục ư? Dù sao Ta cũng cần phải cạnh tranh với chúng.’

“Các Tỳ-kheo, khi ấy Ta bận áo giáp nhân từ, tay cầm cung tam-muội, tên trí huệ, chờ đợi đấm đại quân kia. Bấy giờ, Tệ ma, đại tướng và mười tám ức binh chúng, tướng mạo khác nhau như vượn, khỉ, sư tử, đi đến chỗ Ta. Trong đó, chúng La-sát hoặc một thân nhiều đầu, hoặc vài chục thân chung một đầu, hoặc hai vai có ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc có một tay, hoặc có [760b20c] hai tay, hoặc có bốn tay; hoặc hai tay nâng đầu, miệng ngậm xác rắn, hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun ra lửa, hoặc hai tay vạch miệng, muốn nuốt chửng phía trước, hoặc vạch bụng hướng nhau, tay cầm đao kiếm, vai vác giáo mác, hoặc cầm chày cối, hoặc gánh núi vác đá, gánh vác cây lớn, hoặc hai chân chống lên trời đầu chúc xuống đất, hoặc cỡi voi sư tử, hổ, sói, trùng độc, hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không. Ma Ba-tuần dẫn binh chúng như vậy vây quanh đại thọ.

“Ma Ba-tuần ở bên trái Ta, nói với Ta rằng, ‘Sa-môn đứng dậy ngay!’ Tỳ-kheo, khi ấy Ta im lặng không đáp. Ba lần như vậy.

“Ma nói với ta, ‘Sa-môn có sợ ta không?’ Ta bảo, ‘Ta nắm giữ tâm, không sợ hãi điều gì.’

“Ma Ba-tuần nói, ‘Sa-môn có thấy chúng bốn bộ của ta không? Ông chỉ có một mình, không có binh khí, đao trượng, trọc đầu, thân thể phơi trần, chỉ khoác ba y này, mà lại nói: Ta không sợ gì!’ Ta bèn nói Ma Ba tuần bài kệ này:

²⁵ Bản Hán, hết quyển 38.

*Giáp nhân, cung tam-muội,
Tay cầm tên trí tuệ,
Phước nghiệp là binh chúng,
Ta sẽ phá quân ông.*

“Ma Ba tuần lại nói với Ta, ‘Ta làm nhiều điều ích lợi cho Sa-môn. Sa-môn nếu không nghe lời ta, lập tức ta làm cho hình hài ông tan mất thành tro. Lại nữa, Sa-môn tướng mạo đẹp đẽ, tuổi tráng thịnh đáng yêu, xuất xứ từ Chuyển luân vương dòng sát-lợi. Hãy kíp rời nơi này mà vui hưởng ngũ dục. Ta sẽ đưa ông lên làm Chuyển luân Thánh vương.’ Ta liền bảo Ba-tuần, ‘Những điều người nói là vô thường biến dịch, không thể tồn tại lâu dài, cần liả bỏ, chẳng phải là điều ta ham muốn.’

“Tệ ma Ba tuần lại hỏi ta, ‘Sa-môn, nay ông cầu mong điều gì, chí nguyện vật gì?’ Ta đáp, ‘Điều ta mong là nơi chốn không sợ hãi, yên ổn, tịch tĩnh trong thành Niết-bàn, để dẫn những chúng sanh trôi nổi sanh tử, chìm đắm trong khổ não này về đường chính.’

“Ma nói Ta, ‘Giờ nếu Sa-môn không kíp rời khỏi chỗ ngồi, ta sẽ nắm chân ông ném vào biển.’

Ta bảo Ba tuần, ‘Ta nhận thấy trên trời dưới đất, Ma hoặc Thiên ma, người hoặc phi nhơn, cùng chúng bốn bộ của ông, không ai có thể làm lay động một sợi lông Ta.’ Ma nói với Ta, ‘Sa-môn, nay muốn giao chiến với [761a01] ta hay chẳng?’ Ta đáp, ‘Ta đang nghĩ đến giao chiến.’ Ma hỏi ta, ‘Kẻ địch của ông là những ai?’ Ta đáp, ‘Chính là kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trong mạn.’ Ma hỏi Ta, ‘Ông diệt các mạn này vì mục đích gì?’ Ta đáp, ‘Ba-tuần, nên biết, có từ tam-muội, bi tam-muội, hỷ tam-muội, xả* tam-muội, không tam-muội, vô nguyện tam-muội, vô tướng tam-muội. Do từ tam-muội mà thành tựu bi tam-muội. Do bi tam-muội mà đắc hỷ tam-muội. Do hỷ tam-muội mà đắc xả tam-muội. Do xả tam-muội mà đắc không tam-muội. Do không tam-muội mà đắc vô nguyện tam-muội. Do vô nguyện tam-muội mà đắc vô

tướng tam-muội. Do lực tam-muội này mà Ta chiến đấu với ông. Hành diệt thì khổ diệt. Khổ diệt thì kết sử diệt. Kết sử diệt thì đạt đến Niết-bàn.’

“Ma nói với Ta, ‘Sa-môn, pháp được diệt bởi pháp chăng?’ Ta đáp, ‘Pháp cần được diệt bởi pháp.’ Ma lại hỏi Ta, ‘Thế nào là diệt pháp bởi?’ Ta nói, ‘Chánh kiến được diệt bởi tà kiến; tà kiến diệt được diệt chánh kiến; chánh tư duy* diệt tà tư duy*, tà tư duy* diệt chánh tư duy*, chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ; chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp; chánh mạng diệt tà mạng, tà mạng diệt chánh mạng; chánh tinh tấn* diệt tà tinh tấn*, tà tinh tấn* diệt chánh tinh tấn*; chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm; chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định.’

“Ma nói với Ta, ‘Mặc dù Sa-môn có nói vậy, nhưng trường hợp này khó chấp nhận. Ông đứng dậy nhanh lên, đừng để ta ném xuống biển.’

“Bấy giờ, Ta lại nói với Ma Ba-tuần, ‘Người trước kia làm phước chỉ với một lần bố thí mà nay được làm Ma vương Dục giới. Xưa kia Ta đã tạo công đức không thể kể hết. Nay những lời nói của người mới thật là khó chấp nhận.’ Ma Ba-tuần đáp, ‘Những phước mà ta đã làm, ở đây ông làm chứng. Còn Ông tự xưng rằng đã tạo ra vô số phước, ai là người làm chứng?’

“Tỳ-kheo, khi ấy Ta liền duỗi cánh tay phải, dùng ngón tay chỉ xuống đất, nói với Ma Ba-tuần, ‘Những công đức Ta đã làm, đất chứng biết.’ Khi Ta vừa nói lời này, thần Đất từ dưới đất vọt lên, chấp tay bạch, ‘Bạch Thế Tôn, con xin làm chứng biết.’ Thần đất nói lời này xong, Ma Ba-tuần sầu ưu khổ não, liền biến mất.

“Tỳ-kheo, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng, pháp còn diệt huống gì là phi pháp. Ta trong thời gian dài đã nói kinh

‘Nhất giác dụ’²⁶ cho các người, không ghi văn của nó, huống gì là hiểu rõ nghĩa nó.²⁷ Vì sao vậy? Vì pháp này sâu huyền, vị Thanh văn, Bích-chi-phật nào tu pháp này thì được công đức lớn, được đến chỗ vô vi cam lồ. Vì sao nó được dụ là nương bề? Có nghĩa là nương mạn diệt mạn. Mạn đã diệt hết thì không còn các niệm tưởng nào loạn nữa. Giống như da chồn hoang được thuộc kỹ, dùng tay cuộn lại không gây tiếng động, không chỗ nào cứng. Đây cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo nào hết kiêu mạn, không còn gì tăng giảm. Cho nên, nay Ta bảo các người, giả sử ai bị giặc bắt giữ, chớ sanh ác niệm, phải đem tâm từ ban khắp mọi nơi, giống như da cục mềm kia, trong lâu dài sẽ đạt đến chỗ vô vi. Các Tỳ-kheo, cần phải suy nghĩ như vậy.”

Khi Phật nói pháp này, ba ngàn thiên tử dứt sạch bụi trần, ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh; sáu mươi Tỳ-kheo khác cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y; sáu mươi Tỳ-kheo khác diệt tận các lậu, tâm giải thoát,²⁸ được mắt pháp thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại miếu thần, bên bờ sông Hằng,³⁰ nước Ma-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

²⁶ Nhất giác dụ kinh 一覺喻經, Tống-Nguyên-Minh: ‘Duyên nhất giác dụ kinh 一覺喻經.’ Chưa rõ kinh thuộc bộ nào. Hoặc giả, Skt.: *ekabuddhi*, tên một cá được kể trong truyện ngụ ngôn *Pañcatantra*.

²⁷ Dịch sát, nhưng chưa rõ ý.

²⁸ Nguyên Hán; lậu tận ý giải 漏盡意解, chính xác, nên hiểu: diệt tận các lậu, vô lậu, tâm giải thoát. Định cú Pāli: *āsavāṇṇ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ*.

²⁹ Pāli, Gopālaka, M. i. 225. Hán, *Tap* (Việt) kinh 908.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt³¹ ngu si ít trí, muốn đưa đàn bò từ bờ này sông Hằng sang bờ kia, nhưng không chịu dò xem chỗ cạn sâu bờ bên này, bên kia, mà lừa bò xuống nước. Trước tiên, cho qua những con bò gầy, và những con bê còn nhỏ. Ở giữa dòng nước, chúng hết sức yếu đuối không thể đến bờ kia được. Tiếp lại cho qua những con bò trung bình không mập không gầy. Chúng cũng không qua được, mà ở giữa dòng chịu khổ não. Cuối cùng cho qua những con bò khỏe mạnh nhất nhất, cũng bị mắc khốn ở giữa dòng.³² Nay, Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như vậy. Tâm ý ám độn không có trí sáng, không phân biệt đường đi sanh tử, không phân biệt cầu, thuyền của Ma. Muốn vượt qua dòng sanh tử mà không tập tu pháp cấm giới, liền bị Ma Ba-tuần chi phối. Tìm cầu Niết-bàn mà theo tà đạo để mong được diệt độ, rốt cuộc không được kết quả, tự tạo tội nghiệp, lại đẩy người khác sa đọa vào tội lỗi.

“Cũng như người chăn bò Ma-kiệt thông tuệ nhiều trí, ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết thăm dò nơi sâu, cạn, rồi đưa những con bò khỏe mạnh nhất đến bờ kia trước.³³ Kế đó [761c] đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng sang được đến bờ bên kia. Kế đến đưa những con gầy nhất cũng vượt qua không xảy ra việc gì. Những con bê còn

³⁰ Thần kỳ Hằng thủy 神祇恒水. Pāli: tại làng Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, vương quốc Vajji. *Cela*, trong bản Hán là *cetiya*: linh miếu (thần kỳ).

³¹ Ma-kiệt mục ngưu nhân 摩竭牧牛人. Pāli: *māgadhako gopālako*, người chăn bò người xứ Māgadha.

³² Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu: vì không quan sát và chọn bờ để qua, khiến cho cả bò khô cũng bị nước nhận chìm. Xem nội dung được giải thích đoạn sau.

³³ Hán dịch thiếu chính xác. Nên hiểu: đưa các con bò lớn và khỏe đi trước để cản dòng xiết cho các con bò yếu nương theo mà vượt qua.

nhỏ³⁴ theo sau cùng mà được qua sang an ổn. Tỳ-kheo, ở đây cũng vậy, Như Lai khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sanh tử, con đường đi của Ma. Tự mình bằng bát chánh đạo mà vượt qua hiểm nạn sanh tử, lại bằng đường này để độ người chưa được độ.

“Cũng như con bò chính dẫn đầu, một con đi đúng thì những con khác đều đi theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy, sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự an trú, vượt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như con bò khỏe mạnh kia vượt qua sông Hằng đến được bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng như vậy, đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, ở trên kia mà bát Niết-bàn, không còn trở lại cõi này nữa, qua cảnh giới ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò trung bình không mập không ốm, qua được sông Hằng không có gì trở ngại. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, thành Tu-đà-hàm, trở lại đời này một lần nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

“Cũng như những con bò gầy kia dẫn theo những con bê qua được dòng sông Hằng kia. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba³⁵ kết, thành Tu-đà-hoàn, tất đến chỗ được độ, qua cảnh giới Ma, thoát khỏi nạn sanh tử.

“Cũng như những con bê nhỏ kia theo mẹ lội qua được. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, tùy tín hành,³⁶ tùy pháp hành,³⁷ đoạn trừ các sự trói buộc của Ma, đến chỗ vô vi.”³⁸

³⁴ Tiểu độc tùng mẫu 小犢從母, chính xác là những con bê mới sinh nhưng Hán dịch không tìm ra từ để dịch. Pāli: *vacchako taruṇako tāvadeva jātako*.

³⁵ Trong bản không có. Y Tổng-Nguyên-Minh thêm vào cho đủ nghĩa.

³⁶ Trì tín 持信; đây chỉ hạng tùy tín hành, hạng Dự lưu độn căn. Pāli: *saddhānusārino*.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bị Ma vương bắt giữ
Không vượt bờ sinh tử.
Như Lai đã suốt cùng,
Trí soi tỏ thế gian.³⁷
Điều chư Phật tỏ ngộ,
Bà-la-môn không hiểu rõ.
Còn trong bờ sanh tử,
Lại độ người chưa độ.
Nay năm hạng người này,⁴⁰
Còn lại không thể kể,
Muốn thoát nạn sanh tử,
Thấy nhờ oai lực Phật.*

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên tâm mình, sông không phóng dật, tìm cầu phương tiện thành tựu tám đạo phẩm Hiền thánh. Nương vào đạo Hiền thánh sẽ có thể vượt khỏi biển sanh tử. Vì sao vậy? Như người chăn bò ngu si kia, chính là [762a01] bà-la-môn ngoại đạo, tự chìm trong dòng sanh tử, lại đẩy người khác đắm vào trong tội. Nước sông Hằng kia tức là biển sanh tử. Người chăn bò thông tuệ kia chính là Như Lai, đã vượt hiểm nạn sanh tử do tám đạo phẩm của Hiền thánh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu Bát Thánh Đạo.

³⁷ Phụng pháp 奉法; đây chỉ hạng tùy pháp hành, hạng Dự lưu lợi căn. Pāli: *dhammānusārino*.

³⁸ Pāli: *tepi tiriyam māraṣṣa sotam chetvā sotthinā pāraṃ gamissanti*, cắt ngang dòng nước của Ma, qua bờ bên kia an toàn.

³⁹ Pāli: *ayaṃ loko paro loko, jānatā suppakāsito; yañca mārena sampattam, appattam yañca maccunā*, bậc Trí giả (Phật) đã minh giải rõ ràng đời này, đời sau, nơi nào Ma đến được, nơi nà không đến được.

⁴⁰ Năm hạng người, năm bậc Thánh kể trên: A-la-hán, A-na-hàm, Tỳ-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Tùy tìnd hành và tùy pháp hành; dụ với đàn bò gồm năm hạng của người chăn bò.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7⁴¹

Tôi nghe như vậy.

Một thời, đức Phật ở trong vườn lê của Kỳ-bà-già⁴² tại thành La-duyệt, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử, đều là A-la-hán, các lậu hoặc đã sạch, thấu suốt sáu thông, chỉ trừ một người là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vào ngày 15 tháng 7, ngày thọ tuế,⁴³ vua A-xà-thế, vào lúc nửa đêm sao sáng đã xuất hiện, nói với phu nhân Nguyệt Quang⁴⁴:

“Hôm nay là ngày rằm, trăng tròn sáng quá, nên làm gì?”

Phu nhân đáp:

“Hôm nay là ngày rằm, là ngày thuyết giới, nên đàn ca, tự mình hưởng thụ năm dục.”

Vua nghe xong những lời này mà không hài lòng. Vua lại hỏi thái tử Ưu-đà-da:⁴⁵

“Đêm nay, thật trong sáng, nên làm gì?”

Thái tử Ưu-đà-da bạch vua:

⁴¹ Pāli: Samaññaphala, D. i. 48. Hán No 1(27), 22.

⁴² Kỳ-bà-già lê viên 耆婆伽梨園. No 1(27): Kỳ-bà đồng tử Am-bà viên 耆舊童子菴婆園. Pāli: *jīvakassa komārabhaccassa ambavane*, trong vườn Xoài của Y sỹ nhi Kỳ-bà.

⁴³ Pāli: *tadahuposathe pannarase komudiyācātumāsiniyā*, ngày bố tát, ngày 15, tháng Kattika, sau mùa hạ an cư.

⁴⁴ Nguyệt Quang Phu nhân 月光夫人; không rõ Pāli.

⁴⁵ Ưu-đà-da thái tử 優陀耶太子. Pāli: Udayabhaddo kumāro, nhưng không được đề cập trong đoạn này.

“Như nửa đêm nay thật trong sáng, nên tập hợp bốn loại binh đi chinh phạt ngoại địch các nước khác nào chưa hàng phục.”

Sau khi vua A-xà-thế nghe những lời này xong, cũng lại không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Úy.⁴⁶

“Như nay, đêm thật trong sáng, nên làm những gì?”

Vương tử Vô Úy đáp:

“Nay Bất-lan Ca-diếp,⁴⁷ rành về các toán số, biết cả về thiên văn địa lý, được mọi người tôn ngưỡng, có thể đi đến hỏi ông về những nghi nạn này, vị ấy sẽ nói lý rất vi diệu cho Tôn vương, hoàn toàn không có điều gì ngưng trệ.”

Sau khi nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, vua lại hỏi đại thần Tu-ni-ma:⁴⁸

“Như đêm nay, thật trong sáng, nên làm những gì?”

Tu-ni-ma tâu vua rằng:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng. Gần đây không xa có A-di-sửy⁴⁹ hiểu biết rộng, xin Đại vương đến hỏi những điều nghi ngờ.”

Vua nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, lại hỏi Bà-la-môn Bà-sa⁵⁰:

“Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Bà-la-môn đáp:

⁴⁶ Vô Úy Vương tử 無畏王子. Pāli: Abhaya-kumāra; anh em dị bào của A-xà-thế; cũng không được đề cập trng đoạn này. Hán có thể nhầm, vì Vương tử Vô Úy là Phật tử, chắc không khuyên Vua đi phòng đạo với ngoại đạo.

⁴⁷ Bất-lan Ca-diếp 不蘭迦葉. No 1 (27): Bà-la-môn Vũ xá đề nghị Bất-lan Ca-diếp. Pāli: Pūraṇo kassapo.

⁴⁸ Tu-ni-ma 須尼摩. No 1(27): Tu-ni-đà 須尼陀. Pāli: một Đại thần không nêu tên, *aññataropi kho rājāmacco*.

⁴⁹ A-di-sửy (chuyên) 阿夷耑. No 1(27): Điền Tác đề nghị. Pāli: Ajita Kesakambala.

⁵⁰ Bà-sa 婆沙.

“Nhu nay ngày mười lăm, thật là trong sáng. Gần đây không xa có Cù-da-lâu,⁵¹ cúi xin Đại vương đến đó hỏi nghĩa này.”

Sau khi nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, vua lại hỏi Bà-la-môn Ma-đặc⁵² rằng:

“Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm việc gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Đại vương nên biết, gần đây không xa có Ba-huru Ca-diên,⁵³ cúi xin đại vương đến hỏi sự tình ông ấy.”

Vua nghe những lời này xong cũng không hợp ý, lại hỏi điển binh Sách-ma⁵⁴: “Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Sách-ma đáp:

“Gần đây không xa có Tiên-tất Lô-tri⁵⁵ rành về thuật toán số, có thể đến đó hỏi đạo nghĩa.”

Vua nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, lại bảo đại thần Tỏi Thắng⁵⁶ rằng:

“Nhu nay ngày mười lăm, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Tỏi Thắng tâu vua rằng:

“Nay có Ni-kiên Tử⁵⁷ đọc rộng các kinh, là tối thượng trong các thầy, cúi xin đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa.”

⁵¹ Cù-da-lâu 瞿耶樓; do Tu-ni-đà đề nghị. Pāli: Makkhali Gosāla.

⁵² Ma-đặc 摩特.

⁵³ Ba-huru Ca-diên 彼休迦旃. No 1(27): do viên tướng giữ cửa tên Già-la伽羅守門將 đề nghị. Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

⁵⁴ Sách-ma điển binh 索摩典兵師, vị tướng chỉ huy quân đội.

⁵⁵ Tiên-tất Lô-tri 先畢盧持. No 1(27) Ưu-đà-di Mạn-đề Tử 優陀夷漫提子 đề nghị Pāli: Sañjaya-Belaṭṭhi-putta.

⁵⁶ Tỏi Thắng 最勝.

⁵⁷ Ni-kiên Tử 尼捷子. Vương tử Vô Úy đề nghị. Pāli: Nigaṇṭha Nāta-putta.

Vua nghe những lời này xong, không hạp ý, bèn suy nghĩ: ‘Những người này đều là những kẻ ngu muội, không phân biệt chon quy, không có phương tiện thiện xảo.’

Bấy giờ, vương tử Kỳ-bà-già đang đứng bên trái vua. Vua quay lại hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Nhu nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?”

Kỳ-bà-già liền quỳ trước vua tâu rằng:

“Hiện Như Lai đang du hóa ở gần đây không xa, trong vườn của hạ thần,⁵⁸ dẫn theo một nghìn hai trăm năm mươi Tỳ kheo. Cúi xin Đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa. Vì Như Lai là ánh sáng, là mặt trời, không có điều gì bẻ tắt, thông suốt việc ba đời, không gì là không thấu suốt. Chính Ngài sẽ giảng nói sự ấy cho Vua, những hồ nghi của Vua sẽ tự nhiên sáng tỏ.”

Sau khi nghe những lời Kỳ-bà-già, vua A-xà-thế vui mừng hơn hở, phát sanh tâm thiện, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

“Lành thay, lành thay! Vương tử⁵⁹ khéo nói lời này. Vì sao vậy? Hiện thân tâm ta đang thật là bức sứt, vì vô có đã bắt giết Phụ vương. Lâu nay ta lúc nào cũng tự suy nghĩ, ai có thể tỏ ngộ tâm ý ta? Nay những lời Kỳ-bà-già vừa nói thật hợp ý ta. Kỳ diệu thay, nghe đến tiếng Như Lai, ta tự nhiên bừng tỉnh.”

Lúc ấy, Vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ này:

*Đêm nay trăng cực sáng;
Tâm ý không được tỏ.
Các khanh mỗi người nói ,
Nên đến ai hỏi đạo.
Bát-lan, A-di-sử,
Ni-kiền, đệ tử Phạm:*

⁵⁸ Nguyên Hán: Bàn tụ viên 貧聚園; xem cht. 42 trên.

⁵⁹ Vương tử 王子. Pāli: Komārabhacca, người được Vương tử (kumāra) nuôi dưỡng (Sớ giải Pāli: *kumārena bhatoti komārabhacco*). Hán dịch có thể nhầm, vì Kỳ-bà là y sỹ của Vua chứ không phải là Vương tử (con vua).

*Bọn họ, không thể cậy,
Không thể giúp được gì.*

*Đêm nay thật cực sáng,
Trăng tròn không tỳ vết;
Nay hỏi Kỳ-bà-già
Nên đến ai hỏi đạo.*

Lúc ấy, Kỳ-bà-già trả lời vua bằng bài kệ:
*Nghe âm thanh nhu nhuyễn,
Thoát khỏi cá ma-kiệt.
Mong đúng thời đến Phật,
Nơi vĩnh viễn không sợ.*

Vua lại đáp bằng bài kệ:
*Trước đây ta đã làm
Việc vô ích cho Phật:
Hại con Phật chân chánh
Tên là Tần-bà-sa.⁶⁰
Nay hết sức hổ thẹn,
Mặt mũi nào gặp Phật?
Vì sao nay ông bảo
Khiến ta đi gặp Người?*

Kỳ-bà-già lại trả lời vua bằng bài kệ:
*Chư Phật không kia, đây;
Kết sử đã trừ hẳn;
Tâm bình đẳng không hai;
Đó là nghĩa Phật pháp.

Nếu dùng hương chiên đàn,
Thoa lên tay phải Phật;
Cầm dao chặt tay trái,
Tâm không sanh tăng giảm.

Nhu thương con La-vân,*

⁶⁰ Tần-bà-sa 頻婆娑, vua cha của A-xà-thế; là Phật tử nhiệt thành.

*Con duy nhất, không hai.
Tâm đối với Đê-bà,
Oán thân không có khác.*

*Nguyện Đại vương khuất tất,
Đến thăm gặp Như Lai.
Nghỉ ngơi sẽ được dứt,
Chớ có điều e ngại.*

Rồi Vua A Xà Thế bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Vây ông hãy nhanh chóng chuẩn bị năm trăm con voi đực và năm trăm con voi cái, đốt năm trăm ngọn đèn.”

Kỳ-bà-già đáp:

“Vâng, thưa Đại vương!”

Vương tử* Kỳ-bà-già liền chuẩn bị một ngàn con voi, và đốt năm trăm ngọn đèn, rồi đến trước tâu vua rằng:

“Xe cộ đã chuẩn bị xong, Vua biết đúng thời!”

Lúc ấy, vua A-xà-thế dẫn theo những người tùy tùng đến trong vườn lê, giữa đường lại sinh lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, quay qua bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

“Nay ta không bị ông gạt đó chứ? [76301] Không đem ta nạp cho kẻ thù chứ?”

Kỳ-bà-già tâu vua:

“Thật sự không có lý này. Cúi xin Đại vương tiến lên trước tí nữa. Như Lai cách đây không xa.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế trong lòng còn lo sợ, hỏi lại Kỳ-bà-già rằng:

“Ta không bị người dụ hoặc chăng? Ta nghe nói Như Lai dẫn đầu một nghìn hai trăm năm mươi đệ tử, sao giờ không nghe một tiếng động?”

Kỳ-bà-già đáp:

“Đệ tử Như Lai thường nhập định, không có loạn tướng. Cúi xin Đại vương hãy tiến tới trước chút nữa.”

Vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ qua cổng, đến trước giảng đường, rồi đứng im lặng quán sát Thánh chúng, và quay sang hỏi Kỳ-bà-già rằng:

“Như Lai hiện đang ở đâu?”

Bấy giờ, tất cả Thánh chúng đều nhập hỏa quang tam-muội chiếu sáng khắp giảng đường kia, không đâu không sáng. Khi ấy, Kỳ-bà-già lập tức quỳ xuống, đưa tay phải chỉ hướng Như Lai và nói:

“Như Lai đang ngồi chính giữa, như mặt trời phá tan mây.”

Vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà-già rằng:

“Thật kỳ diệu thay, Thánh chúng này tâm định đến như vậy! Vì do duyên gì lại có ánh sáng này?”

Kỳ-bà-già tâu vua:

“Do sức tam-muội mà phát ra ánh sáng.”

Vua lại bảo:

“Như hôm nay ta quán sát Thánh chúng, thấy rất là yên lặng. Mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng nên vô vi yên lặng như vậy.”

Rồi vua A-xà-thế lại chấp tay tự giới thiệu:

“Cúi xin Thế Tôn soi xét đến.”

Thế Tôn bảo:

“Xin chào Đại vương!”

Vua nghe tiếng nói của Như Lai trong lòng hết sức hoan hỷ. Ông đên gặp Như Lai, tự nói Vương hiệu.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đi đến trước Phật, năm vóc gieo xuống đất, đặt hai tay lên chân Như Lai, tự xưng tên hiệu, và nói rằng:

“Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương tưởng nhận sự hối lỗi của con. Phụ vương vô tội mà con đã bắt giết. Cúi xin nhận sự sám

hỏi, từ đây con sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tu dưỡng điều tương lai.”

Thế Tôn bảo:

“Nay thật đúng thời, thích hợp để hối lỗi, đừng để sai sót. Phạm người sống ở đời, ai biết tự sửa đổi lỗi lầm của mình, người đó được gọi là thượng nhân. Pháp của Ta rất là rộng lớn, nên trong đó hợp thời sám hối.”

Vua bèn đánh lễ sát chân Như Lai, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua bạch Phật:

“Con có điều muốn hỏi. Cúi xin Như Lai cho phép, con mới dám hỏi.”

Phật bảo vua:

“Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.”

Vua bạch Phật:

“Đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?”⁶¹

Phật bảo vua:

“Xưa nay Vua đã từng hỏi ai đạo nghĩa này chưa?”

Vua bạch Phật:

“Trước đây con đã từng đem ý nghĩa này hỏi người khác. Con đã hỏi Bất-lan Ca-diếp rằng ‘Thế nào, Bất-lan Ca-diếp, đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?’ Bất-lan Ca-diếp đáp con rằng: ‘Không có phước, không có bố thí, không báo thiện ác đời này đời sau; trong đời không có người thành tựu

⁶¹ Hán dịch này không hết ý. Tham khảo, No 1(27): Người làm các doanh nghiệp, nhận được kết quả nay trong hiện tại. Người tu đạo, có nhận được báo ứng hện tại không? Pāli: *ditṭheva dhamme sandiṭṭhikam sāmāññaphalaṃ paññāpetun’ī*? Có kết quả thiết thực của sa-môn ngay trong đời này chăng?

A-la-hán.⁶² Bây giờ, con đang hỏi về sự thọ lãnh kết quả báo ứng, vị ấy trả lời là không. Như có người hỏi ý nghĩa của đũa, lại được trả lời bằng lý của mâm, nay Bất-lan Ca-diệp cũng như vậy. Lúc ấy, con tự nghĩ: ‘Bà-la-môn này đã không soi tỏ cho ta. Ý nghĩa mà nhà Vua thuộc dòng hào tộc hỏi, người này tìm cách dẫn báo việc khác.’ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con muốn chém đầu ông ấy liền. Vì không chấp nhận lời ông ấy nói nên con khiến đuổi đi.

“Rồi con đến chỗ A-di-sùý hỏi về ý nghĩa này. A-di-sùý nói với con rằng: ‘Nếu ở bên trái sông⁶³ giết hại chúng sanh, gây vô số tội thì cũng không có tội, không có quả báo xấu.’⁶⁴ Bạch Thế Tôn, lúc ấy con lại tự nghĩ: ‘Ta hỏi về ý nghĩa thọ báo đời này, người ấy bèn đem việc giết hại trả lời ta. Giống như có người hỏi ý nghĩa của lê lại được trả lời bằng mâm.’ Con liền bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Cù-da-lâu mà hỏi ý nghĩa này. Người ấy đáp con rằng: ‘Ở bên phải sông⁶⁵ tạo các công đức không thể tính hết, trong trường hợp đó cũng không có báo lành.’⁶⁶ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Ý nghĩa mà nay ta hỏi, rốt cùng không được trả lời hợp lý.’ Con lại bỏ đi.

⁶² No 1(27): thuyết của Mạt-già-le Câu-xá-lê. Đao trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của A-di-sùý. Hán dịch bất nhất. Sāmaññaphala, thuyết đoạn diệt (*uccheda*) của Ajita kesakambala.

⁶³ No 1(27): Hằng thủy nam 恒水南, bờ Nam sông Hằng. Sāmaññaphala: *dakkhiṇaṃ cepi gaṅgāya tīraṃ*.

⁶⁴ No 1(27) thuyết của Bất-lan Ca-diệp. Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của Cù-da-lâu. Sāmaññaphala: thuyết vô nghiệp (*akiriya*: phi hành động) của Pūraṇa Kassapa.

⁶⁵ No 1(27): Hằng thủy bắc ngạn 恒水北岸; trong đoạn về thuyết của Bất-lan Ca-diệp; xem cht. 61 trên.

⁶⁶ Đoạn trên, kinh 11, phẩm 38, nói đây là thuyết của Ba-huru Ca-chiên. Hán dịch bất nhất.

“Con lại đến chỗ Ba*-huu Ca-diên mà hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp: ‘Chỉ có một người ra đời, một người chết, một người qua lại lãnh thọ khổ, vui.’⁶⁷ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Nay những điều ta hỏi về quả báo đời này, bèn đem việc sống chết tương lai đáp.’ Con lại bỏ đi.

“Con đến Tiên-tỳ Lô-trì hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp con rằng: ‘Quá khứ đã diệt không sanh trở lại nữa; tương lai chưa đến cũng lại không có; hiện tại không dừng, không dừng tức là biến đổi.’⁶⁸ Con lại tự nghĩ: ‘Điều mà nay ta hỏi là báo đời này, lại được trả lời bằng ba thời; điều này không phù hợp chánh lý.’ Con lại bỏ đi.

“Con lại đến chỗ Ni-kiền Tử mà hỏi nghĩa này: ‘Thế nào, Ni-kiền Tử, đời này làm phước có được thọ báo đời này không?’ Ông đáp con rằng: ‘Chúng sanh bị trói buộc không nhân, không duyên. Chúng sanh thanh tịnh cũng không có nhân, cũng không có duyên.’⁶⁹ Lúc ấy, con lại tự nghĩ: ‘Những Bà-la-môn này thật là ngu muội, không phân biệt được chơn, nguỵ, như người mù không mắt, rốt cùng không trả lời được ý nghĩa của những câu hỏi tựa như đùa cợt với người thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương.’ Sau đó con lại bỏ đi.

“Bạch Thế Tôn, nay con hỏi ý nghĩa ấy: ‘Đời này làm phước có nhận hiện báo không?’ Cúi xin Thế Tôn giảng dạy nghĩa ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

“Đại vương! Nay Ta hỏi Đại vương, tùy theo sở thích mà trả lời. Đại vương, có hay không những người phụ trách rượu, bếp,

⁶⁷ Hán dịch bất nhất, khác với đoạn trên, xem kinh 11, phẩm 38, thuyết của Ba-huu Ca-chiên.

⁶⁸ Hán dịch tiền hậu bất nhất; xem kinh 11 phẩm 38 trên.

⁶⁹ Cf. Pāli, Sāmaññaphala, thuyết luân hồi tịnh hóa (*samsārasuddhi*) của Makkhali Gosāla.

chấp chương việc thưởng phạt, quản lý tài vật, những người phục dịch?”

Vua bạch Phật :

“ Thưa có.”

“Nếu những người phục dịch ấy làm lưng mệt nhọc qua một thời gian lâu dài, Đại vương có tưởng thưởng họ không?”

Vua bạch Phật:

“Tùy theo công sức mà chu cấp vật dụng, không để có oán trách.”

Phật bảo vua rằng:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Thế nào, Đại vương, đã ở địa vị cao, thương xót dân đúng lẽ nghĩa, rồi lại còn ban thưởng cho họ nữa không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, con cho thức ăn ngon ngọt để nuôi sống, khiến không oán hận.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, người ấy ngày xưa xuất thân thấp hèn, dần dần tích chứa công lao mà được hoan lạc đồng với vua. Vì vậy cho nên, đời này làm phước được thọ báo hiện tại.”

Phật bảo vua:

“Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm, đến tâu với vua rằng: ‘Chúng tôi đã lập công lao, vua đã biết rõ. Nay có ước nguyện muốn thỉnh cầu Vua.’ Vua sẽ cho phép không?”

Vua bạch Phật:

“Tùy theo sở nguyện họ, con sẽ không phản đối.”

Phật bảo vua:

“Người có công ấy muốn được phép từ biệt vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, Vua cho phép không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, cho phép.”

Phật bảo vua:

“Giả sử vua thấy người ấy đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, đang ở gần Ta, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ tôn kính, cúng dường và tùy thời lễ lạy.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người có công lao ấy, giữ giới hoàn toàn không có hủy phạm, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ suốt đời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật [764a1] bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người ấy lại đã làm Sa-môn, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng ‘sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa’, Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ thừa sự, cúng dường suốt đời y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.”

Phật bảo vua:

“Do nhờ phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Giả sử nếu khi người ấy tuổi thọ đã hết, và bát niết-bàn vào trong Niết-bàn giới vô dư, thì Vua sẽ làm gì?”

Vua bạch Phật:

“Con sẽ xây tháp lớn ở tại ngã tư đường và dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, thừa sự lễ kính. Vì sao vậy? Vì đó là thân trời, chẳng phải là thân người.”

Phật bảo vua:

“Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền.”

Vua bạch Phật:

“Nay, con nhờ những thí dụ này mà hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn giảng thêm ý nghĩa này, con từ nay về sau tin nhận ý nghĩa này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận con làm đệ tử, con quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Nay con lại sám hối, vì con đã ngu si nhầm lẫn, Phụ vương vô tội mà bắt giết. Nay đem thân mạng tự quy y. Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi kia, giảng nói diệu pháp để con mãi mãi được an lạc. Như con tự biết đã tạo những tội báo, không có căn lành.”

Phật bảo vua:

“Có hai hạng người không tội mà mạng chung được sinh lên trời trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sao gọi là hai? Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện; hai là người cải hối tội mà mình đã tạo. Đó gọi là hai hạng người khi mạng chung sẽ sanh lên trời không có gì nghi ngờ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người làm việc rất ác;
Hối lỗi, chuyển thành nhẹ.
Sám hối không lười nghĩ,
Gốc tội được nhỏ hẳn.*

“Cho nên, Đại vương hãy trị dân đúng pháp, chớ đừng phi pháp. Phạm người theo giáo hóa cai trị, khi chết sẽ được sinh

lên trời, cõi lành. Sau khi mạng chung, danh tiếng sẽ được vang dội khắp bốn phương. Người sau cùng truyền tụng: ‘Xưa có vị Vua lấy chánh pháp [764b] giáo hóa cai trị, không có cong vạy.’ Mọi người xưng tụng nơi sanh của người ấy. Tuổi thọ được thêm, không bị chết yểu. Cho nên, Đại vương hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng.

“Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi lui đi. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vua A-xà-thế này nếu không hại phụ vương thì hôm nay đã chứng đắc sơ quả Sa-môn, ở trong hàng bốn đôi tám bậc, cũng đắc tám phẩm đạo của Hiền thánh, trừ bỏ tám ái, vượt tám nạn. Tuy vậy, nay còn được hạnh phúc lớn, được tín tâm vô căn.⁷⁰ Cho nên, Tỳ-kheo, người đã tạo tội hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín tâm vô căn. Trong Ưu-bà-tắc của Ta, người được tín vô căn chính là vua A-xà-thế.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám pháp thế gian⁷² theo đó chúng sanh xoay chuyển. Những gì là tám? 1. lợi, 2. hại, 3. vinh, 4. nhục, 5. khen, 6. chê,

⁷⁰ Vô căn tín 無根信. Tín mà không có thiện căn, có tín (hay bốn chứng tịnh, Pāli: *avecca-pasāda*) nhưng không có gốc rễ trong kiến đạo. Xem giải thích của *Tỳ-bà-sa 103*, tr. 536b09.

⁷¹ Pāli, A. viii. 5. Lokaparivattta.

⁷² Thế bát pháp 世八法. Pāli: *aṭṭhime lokadhammā: lābho, alābho, yaso, ayaso, nindā, pasamsā, sukham, dukkham*.

7. khổ, 8. lạc. Tỳ-kheo, đó là có tám pháp mà thế gian theo đó xoay chuyển. Các Tỳ-kheo, hãy nên tìm cầu phương tiện trừ tám pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai xuất hiện thế gian, lại thành Phật đạo ở thế gian, nhưng không bị tám pháp thế gian lôi cuốn. Giống như hoa sen sinh ra từ bùn lầy, hết sức tươi sạch, không nhiễm nước bùn, được chư thiên yêu kính, ai thấy đều vui vẻ trong lòng. Như Lai cũng lại như vậy, được sanh từ bào thai, ở trong đó được nuôi lớn, được thành thân Phật. Cũng ngọc lưu-ly là loại báu làm sạch nước, không bị bụi nhơ làm nhiễm; Như Lai cũng lại như vậy, cũng sanh ở thế gian, không bị tám pháp thế gian nhiễm đấm. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy nên tinh tấn tu hành tám pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

[764c] Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

bấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Sao gọi là tám? Hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát nạn sinh tử.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

CHÍN PHÁP

44. CHÍN CHÚNG SANH CƯ.

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín nơi cư trú chúng sanh,² là nơi ở của chúng sanh. Những gì là chín? Hoặc có chúng sanh nhiều thân thân khác nhau với nhiều tướng khác. Đó là chỉ cho trời và người.³ Hoặc có chúng sanh có nhiều thân, nhưng một tướng. Đó là chỉ trời Phạm-ca-di xuất hiện đầu tiên.⁴ Hoặc có chúng sanh có một thân với nhiều tướng. Đó là trời Quang âm.⁵ Hoặc có chúng sanh một thân với một tướng. Đó là trời Biến tịnh.⁶ Hoặc có chúng sanh vô lượng không. Đó là trời Không xứ.⁷ Hoặc có chúng sanh vô lượng thức. Đó là trời Thức xứ.⁸ Hoặc có chúng

¹ Pāli, A. IX. 24. Sattāvāsa.

² Cửu chúng sanh cư xứ 九眾生居處. Cf. No 1(9): cửu chúng sanh cư 九眾生居. *Tập dị* 19, tr. 446b14: cửu hữu tình cư 九有情居.

³ *Tập dị*: người và một phần trời. Pāli: *manussā ekacce ca devāekacce ca vinipātikā*, loài người, một phần chư thiên, và chúng sanh trong cõi dū.

⁴ *Tập dị*: chư thiên trên Phạm chúng thiên trong thời kỳ kiếp sơ. Pāli: *devā brahmakāyikā paṭhamābhiniḥḥattā*.

⁵ Quang âm thiên 光音天. Pāli: *devā ābhassarā*.

⁶ Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: *devā subhakinḥhā*.

⁷ Không xứ thiên 空處天. Hán dịch này nhảy sót mất một tầng thứ năm. *Tập dị*, hữu tình cư thứ năm: Vô tướng hữu tình thiên 無想有情天, Pāli: *devā asaññasattā*; hữu tình cư thứ sáu, Không vô biên xứ thiên 空無邊處天. Pāli: *ākāsānañcāyatanūpagā*.

⁸ Thức xứ thiên 識處天. *Tập dị*: Hữu tình cư thứ bảy, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天. Pāli: *viññāṇañcāyatanūpagā*.

sanh Vô sở hữu xứ. Đó là trời Vô sở hữu xứ.⁹ Hoặc có chúng sanh có tướng, không tướng. Đó là trời Phi tướng phi phi [765a01] tướng xứ.¹⁰

“Tên gọi của những chỗ được sinh ra có chín. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chín nơi cư trú của chúng sanh. Các loài quần manh đã từng ở, đang ở, sẽ ở. Cho nên Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát ly chín nơi này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về chín đức của sắc nguyện¹¹, các người hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ diễn giải ý nghĩa này.”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật giáo giới. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là chín đức của sắc nguyện? Tỳ-kheo nên biết, thí chủ đàn-việt phải thành tựu ba pháp; vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp; người nhận vật cũng phải thành tựu ba pháp.

⁹ Bất dụng xứ thiên 不用處天. *Tập dị*, hữu tinh cư thứ tám, Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天. Pāli: *ākīñcaññāyatanūpagā*.

¹⁰ Hữu tướng vô tướng xứ thiên 有想無想處天. *Tập dị*: Phi tướng phi tướng xứ thiên 非想非非想處天. Pāli: *nevasaññānāsaññāyatanūpagā*.

¹¹ Sắc nguyện 嚧願, trên kia dịch là đạt-sắc 達覩, Pāli: *dakkhinā* (Skt. *dakṣiṇā*), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

“Thế nào là thí chủ đàn-việt kia phải thành tựu ba pháp? Thí chủ đàn-việt này thành tựu tín, thành tựu thệ nguyện, không sát sinh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

“Thế nào là vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp? Vật được thí này phải thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó gọi là vật được thí thành tựu ba pháp.

“Thế nào là người nhận vật phải thành tựu ba pháp? Người nhận vật này thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu tam-muội. Đó gọi là người nhận thí thành tựu ba pháp.

“Như vậy, nếu sự đạt-sản¹² thành tựu chín pháp này, sẽ đưa đến quả báo lớn, đến chỗ cam lồ diệt tận. Phạm ai là thí chủ muốn cầu phước này hãy tìm cầu phương tiện thành tựu chín pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Để thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Mặt gượng,¹³ chịu nhục, tâm tham, keo kiệt, tâm niệm không xả ly, hay quên, ít ngủ, che dấu dâm dật,¹⁴ và không biết đền trả là chín. Tỳ-kheo, đó gọi là thành tựu chín pháp.

¹² Đạt-sản, xem cht. 15 kinh 2 phẩm 33.

¹³ Hán: cường nhan 強顏, mặt gượng làm vui.

¹⁴ Ẩn nặc dâm dật 隱匿 婬泆; có bản chép không có chữ *dâm*. Đoạn dưới chép là dâm dật ẩn (có bản chép *tinh*) nặc 婬泆隱 / 靜匿.

“Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác làm mất gương, chịu nhục, tâm tham, keo kiết, hay quên, ít ngủ, dâm dật che dấu, không biết đền trả, [765b] niệm không xả ly. Đó là chín.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác làm mất gương? Ở đây, Tỳ-kheo ác, điều không đáng tìm cầu mà tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như vậy gọi là mất gương.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo ác chịu nhục.

“Thế nào là Tỳ-kheo sinh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo thấy tài và vật của người khác đều sinh tâm tham. Đó gọi là tham.

“Thế nào là Tỳ-kheo keo kiết? Ở đây Tỳ-kheo được y bát không cho người dùng chung, thường cất dấu cho riêng mình. Như vậy gọi là keo rết.

“Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác thường hay để rơi rớt những lời hay, thiện; cũng không tư duy phương tiện, lại luận bàn về chuyện quốc gia binh chiến. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu điều hay quên này.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác ít ngủ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, những pháp cần tư duy mà không tư duy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác ít ngủ.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác che dấu dâm dật? Ở đây, Tỳ-kheo ác che dấu những việc làm, không nói cho người khác, nghĩ rằng, ‘Mong người khác không biết những việc ta làm¹⁵ của ta.’ Như vậy gọi là Tỳ-kheo che dấu những việc làm dâm dật.

“Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền trả? Ở đây Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng, và tôn kính những vị đáng quý trọng. Tỳ-kheo ác như vậy gọi là không biết đền trả.

¹⁵ Nguyên Hán: hành dâm 行姪. Tống-Nguyên-Minh: sở hành 所行. Bản khác chép không có chữ *dâm*.

“Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này¹⁶, niệm không xả ly, trọn không thành đạo quả. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy suy niệm xả bỏ các pháp ác.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Chim không tước thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Ở đây, chim không tước hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu trong suốt, bước khoan thai, đi đứng lúc, ăn uống điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, lại cũng ít ham muốn, biết đèn trả. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là chim không tước thành tựu chín pháp.

“Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp, tiếng nói trong suốt, bước khoan thai, [765c] hành đứng lúc, ăn uống có điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít ham muốn, biết đèn trả.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp? Tỳ-kheo kia ra, vào, lui, tới, đi, đứng thích hợp, trọn không mất tư cách. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo đoan chánh.

“Sao gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt? Ở đây, Tỳ-kheo khéo phân biệt nghĩa lý, trọn không lẫn lộn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt.

¹⁶ Phần trên chỉ giải thích tám pháp, thiếu “niệm không xả ly 念不捨離.”

“Sao gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết đúng thời mà đi, không để mất thứ lớp; lại biết khi đáng tụng thì biết tụng; khi đáng tập thì biết tập; khi đáng im lặng thì biết im lặng; khi nên dậy thì biết dậy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc? Ở đây, Tỳ-kheo khi nên đi thì đi, khi nên đứng thì đứng, tùy thời nghe pháp. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư còn lại, phân chia cho người, không tiếc những cái mình có. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm tập tỉnh thức, tập ba mươi bảy phẩm đạo không để rơi rớt, hằng làm thanh tịnh ý bằng kinh hành, khi nằm, khi tỉnh thức; lại vào giữa đêm tư duy pháp sâu xa, đến lúc cuối đêm nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân xếp lên nhau, tư duy về tướng ánh sáng, rồi đứng lên kinh hành mà làm thanh tịnh ý. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả ? Ở đây, Tỳ-kheo thờ phụng Tam Tôn, vâng kính sư trưởng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả. Như vậy là Tỳ-kheo hiện thiện thành tựu chín pháp, các người hãy niệm tưởng phụng hành.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

¹⁷ Pāli, A.viii. 17 Bandha. Hán, No 26(106), kinh Tương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nữ thành tựu chín pháp để trói buộc người nam. Những gì là chín? Ca, múa, kịch,¹⁸ nhạc, cười, khóc, trau chuốt nghi dung,¹⁹ huyền thuật mê hoặc,²⁰ nhan sắc thể hình.²¹ Trong tất cả hình thức ấy, chỉ có xúc²² trói người chặt nhất, gấp trăm nghìn lần, không có gì để so sánh.

“Ở đây Ta thấy ý nghĩa này, xúc* trói người chặt nhất không cho ra thoát khỏi; [766a1] đó là sợi dây buộc chặt người nam vào người nữ. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng xả bỏ chín pháp này.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ưu-ca-la,²⁴ trong vườn trúc,²⁵ cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁸ Nguyên Hán: kỹ伎, trong định cú ca vũ kỹ歌舞伎, chỉ chung các loại ca kịch (Pāli: *naṭa*).

¹⁹ Nguyên Hán: thường cầu phương nghi 常求方宜.

²⁰ Nguyên Hán: tự dĩ huyền thuật 自以幻術.

²¹ Pāli, *ibid.*, tám hình thức người nữ trói buộc người nam: *ruṇṇena*: khóc, *hasitena*: cười, *bhaṇitena*: trò chuyện, *ākappena*: phục sức, *vanabhāṅgena*: hoa quả, *gandhena*: hương, *rasena*: vị, *phassena*: xúc,

²² Nguyên Hán: cánh lạc 更樂.

²³ Tham chiếu Pāli, *Mūlapariyāya*, M. i. 1. Hán, *Trung* kinh 106.

²⁴ Ưu-ca-la 優迦羅. Pāli: *Ukkatṭhā*, một thị trấn thuộc Kosala, gần Himalaya.

²⁵ Pāli: trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương.

“Nay Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các ông, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa lý sâu nhiệm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Kinh này gọi là ‘Gốc của tất cả các pháp.’²⁶

Các người nên suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

“Thế nào là gốc của tất cả các pháp? Ở đây, Tỳ-kheo, người phạm phu không gặp lời dạy của Hiền thánh, cũng không gìn giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi thiện tri thức, không chịu nghe lời dạy của thiện tri thức. Chúng quán sát đất này mà biết như thật rằng, ‘Đây là đất; như thật là đất.’²⁷ Cũng vậy, đây là nước, là lửa, là gió. Bốn thứ này hợp lại thành con người.²⁸ Đó là sự vui thích của người ngu.²⁹ Hoặc Trời tự biết là Trời, thích ở cõi Trời.³⁰ Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Đại Phạm thiên tự biết là Đại Phạm thiên, không ai vượt qua. Trời Quang âm trở lại tự biết do trời Quang âm đến. Trời Biến tịnh tự biết là trời Biến tịnh. Trời Quả thật³¹ tự biết là trời Quả

²⁶ Pāli: *sabbadhammāmūlapariyāyaṃ*, pháp môn căn bản của tất cả các pháp.

²⁷ Pāli: *pathaviṃ pathavito sañjānāti; pathaviṃ pathavito saññatvā pathaviṃ maññati*, ở đất mà có ấn tượng là đất, tự duy là đất.

²⁸ Pāli: *pathaviṃ maññati, pathaviyā maññati, pathavito maññati, pathaviṃ meti maññati*, nó tự duy đất, tự duy về đất, tự duy từ đất, nghĩ rằng “Đất là của ta.” No 26(106): “Nơi đất tương là đất, (nghĩ rằng), đất là Thần (ngã), đất là sở hữu của Thần (ngã)...”

²⁹ Pāli: *pathaviṃ abhinandati*, người ấy hoan hỷ đất.

³⁰ Trong bản chép dư chữ thiên. Tham chiếu Pāli: *deve devato sañjānāti*, đối với chư thiên, nó có ấn tượng (tưởng) chư thiên.” Nghĩa các đoạn sau, chuẩn theo đây.

³¹ Quả thật 果實, hoặc Quảng quả thiên. Pāli: *Vepphala*, tầng cao nhất thuộc tứ thiên của phạm phu.

thật mà không làm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà³² tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Vô sở hữu xứ tự biết là trời Vô sở hữu xứ. Trời Phi tướng phi phi tướng xứ tự biết là trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

“Thấy, tự biết là thấy; nghe, tự biết là nghe; muốn, tự biết là muốn; trí, tự biết là trí;³³ một loại tự biết là một loại; nhiều loại tự biết là nhiều loại;³⁴ thấy đầy đủ tự biết là thấy đầy đủ; Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, ở trong đó mà tự vui thích. Vì sao vậy? Vì chẳng phải là những lời nói của người trí.³⁵

“Thánh đệ tử đến gặp bậc Thánh, vâng thọ pháp người, hầu hạ thiện tri thức, thường thân cận thiện tri thức,³⁶ quán sát đất, thấy đều biết rõ ràng từ đâu đến, cũng không đắm trước vào đất, [766b] không có tâm nhiễm ô. Nước, lửa, gió, cũng như vậy. Người, Trời, Phạm vương, Quang âm, Biến tịnh, Quả thật, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ; thấy, nghe, nhớ, biết; một loại, nhiều loại, cho đến đối Niết-bàn cũng không đắm ở Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do khéo phân biệt khéo quán sát.

³² A-tỳ-da-đà 阿毘耶陀; theo thứ tự Pāli, sau Vepphala được kể là Abhibhū (Thắng thiên). Có lẽ Skt. Avyha, Vô phiên thiên, tầng thứ nhất trong 5 Tịnh cư thiên.

³³ Hán: kiến 見... văn 聞... dục 欲.. trí 智; chính xác nên nhiều là kiến, văn giác, trí; xem đoạn dưới. Pāli: *diṭṭham*, cái được thấy; *sutam*, cái được nghe; *mutam*, cái được tri giác; *viññāta*, cái được nhận thức (giác quan).

³⁴ Hán: nhất loại 一類, nhược can loại 若干類. Pāli: *ekattam*, đồng nhất, và *nānattam*, đa thù tính.

³⁵ Pāli: *aparīññātam tassā tivadāmi*, “Ta nói, người ấy không biến tri về (những) cái đó.”

³⁶ Pāli: *yopi so, bhikkhave, bhikkhu sekkho appattamānaso anuttaram yoggakkhamam patthayamāno viharati*, tỳ kheo thuộc bậc hữu học, tâm chưa chứng đắc, đang tìm cầu sự an ổn tối thượng.

“Nếu Tỳ-kheo kia là A-la-hán lậu tận, việc cần làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã dứt sạch nguồn gốc sinh tử, bình đẳng giải thoát.³⁷ Vì ấy có thể phân biệt đất, thấy không khởi tưởng đắm đất. Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tướng vô tướng xứ, cũng vậy; cho đến đối Niết-bàn, cũng không đắm Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì đều do đã diệt trừ dâm, nô, si mà được như vậy.

“Tỳ-kheo, nên biết, Như Lai, Chí chơn Đẳng chánh giác, đối với đất khéo hay phân biệt, cũng không đắm trước nơi đất, không khởi tưởng về đất. Vì sao vậy? Vì do phá được lưới ái mà được như vậy. Nhân hữu mà có sinh, nhân sinh mà có lão, tử, thảy đều trừ hết.³⁸ Cho nên Như Lai thành Vô thượng Chánh giác.”

Khi đức Phật nói những lời này, các Tỳ-kheo không lãnh thọ những lời dạy này.³⁹ Vì sao? Vì do Ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

“Kinh này gọi là: ‘Gốc rễ của tất cả các pháp.’ Nay Ta nói đầy đủ. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã làm đầy đủ. Các người hãy nghĩ tưởng ở nơi nhàn tĩnh, dưới bóng cây, chánh ý ngòai thiên, tư duy diệu nghĩa. Nay không làm, sau hối vô ích. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

³⁷ Hán: bình đẳng giải thoát 平等解脱. Pāli: *sammadaññā vimutto*, bằng chánh trí mà giải thoát.

³⁸ Pāli: *nandī dukkhassa mūlan'ti- iti viditvā 'bhavā jāti bhūtaṣṣa jarāmaṇaṇ'ti*, vì biết rằng, hỷ ái là gốc rễ của khổ; do hữu có sanh; và có già, chết đối với sinh vật.”

³⁹ Pāli: *na te bhikkhū ... abhinanduntī*, các tỳ kheo không hoan hỷ. No 26(106): các tỳ kheo hoan hỷ.

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo mang trọng bệnh, rất khốn khổ, nằm đại tiểu tiện, không thể tự đứng dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến chăm sóc. Ngày đêm ông xưng danh hiệu Phật: “Sao ta không được Thế Tôn thương tưởng đến?”

Lúc ấy Như Lai bằng thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo kia đang than oán kêu la, hướng về Như Lai. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta với các người cùng đi xem xét các phòng, thăm viếng các trú xứ.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thưa vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn [766c] cùng với các Tăng Tỳ-kheo vây quanh lần lượt đi qua các phòng. Khi ấy Tỳ-kheo bệnh từ xa trong thấy Thế Tôn đến, liền từ chỗ ngồi muốn đứng dậy, mà không thể cử động được. Thế Tôn đến chỗ Tỳ-kheo, bảo rằng:

“Thôi, được rồi, Tỳ-kheo! Chớ cử động. Ta đã có chỗ ngồi dọn sẵn để ngồi.”

Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ của Như Lai, biến mất khỏi thế giới Dạ mã, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi đứng sang một bên.

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, liền đi đến chỗ Phật.

Phạm thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Tứ thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Bệnh khổ của người nay có giảm, không tăng thêm chẳng?”

Tỳ-kheo thưa:

“Bệnh khổ của đệ tử có tăng chứ không giảm, rất ít có ai để nhờ cậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chăm sóc bệnh hiện ở đâu? Người nào đến chăm sóc bệnh?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con mắc bệnh này, nhưng không người chăm sóc.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Trước kia, khi người chưa bệnh, có đến hỏi thăm hỏi người bệnh không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con không hề đến thăm hỏi những người bệnh.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người ở không được điều ích lợi ở trong chánh pháp. Vì sao? Tất cả do không đến thăm hỏi bệnh. Nay Tỳ-kheo, người chớ lo sợ, Ta sẽ tự thân cấp dưỡng người, không để thiếu thốn. Như Ta nay, trên trời và giữa người, đi một mình không bạn lữ, nhưng vẫn có thể chăm sóc tất cả bệnh nhơn; cứu giúp những ai không có người cứu giúp; làm con mắt cho những ai mù tối; cứu chữa những ai tật bệnh.”

Rồi Thế Tôn tự mình dọn các thứ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho. Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

“Chúng con sẽ tự mình chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này. Như Lai chớ lại nhọc sức.”

Phật bảo chư Thiên:

“Các Ông, thôi đi được rồi, Như Lai sẽ tự biết thời. Như Ta nhớ lại, thừa xưa khi chưa thành Phật đạo, đang tu hạnh Bồ-tát, đã từng xả bỏ mạng căn cho một con chim bồ câu, hướng chỉ ngày nay đã thành Phật đạo mà bỏ Tỳ-kheo này sao? Quyết

không có việc này. Lại nữa, trước kia Thích Đề-hoàn Nhân không chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này; Tỳ-sa-môn Thiên vương, Chủ hộ thế, cũng không chăm [767a1] sóc.”

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Tỳ-sa-môn Thiên vương đều im lặng không đáp.

Bấy giờ, Như Lai tự tay cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi trải bày tọa cụ, lại giặt giũ ba pháp y cho ông, nâng đỡ tỳ-kheo bệnh cho ngồi vào trong nước sạch mà tắm gội. Chư Thiên ở trên dùng nước thơm rưới xuống.

Thê tôn sau khi đã tắm gội cho Tỳ-kheo rồi, diu ngời lại lên giường, tự tay trao thức ăn. Khi Thê Tôn thấy Tỳ-kheo ăn xong, bèn rửa bát và bảo Tỳ-kheo kia:

“Nay ngươi nên xả bệnh ba đời. Vì sao? Tỳ-kheo, nên biết, sinh có sự nguy khốn là ở trong bào thai. Sinh thì có già. Phàm người già, hình suy khí cạn. Nhân già có bệnh. Phàm người bệnh, ngồi nằm rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đều đến cùng lúc. Nhân bệnh có chết. Phàm người chết, thân và xác phân ly, nhắm theo đường lành dữ. Nếu ai tội nhiều sẽ vào địa ngục, núi đao rừng kiếm, xe lửa, lò than, ăn uống đồng sôi. Hoặc làm súc sanh, bị người sai sử, ăn toàn rơm cỏ, chịu khổ vô cùng. Lại ở trong vô số kiếp không thể tính đếm làm thân ngạ quỷ, thân dài mười do tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại bị nước đồng sôi rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp, mới được làm thân người, lại bị đánh đập, tra khảo, không thể kể hết. Lại được sinh lên trời ở trong vô số kiếp, cũng trải qua ân ái, hội họp, lại gặp ân ái biệt ly, tham dục không chán đủ. Khi được đạo Hiền thánh, bây giờ mới lìa khổ.”

“Có chín hạng người lìa được khổ hoạn. Những gì là chín? Hương A-la-hán, đắc A-la-hán; hương A-na-hàm, đắc A-na-

hàm; hướng Tu-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và, người chủng tánh⁴⁰ là chín.

“Này Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện thế gian được nói là rất khó gặp, thân người khó được, sinh nhằm trung bộ cũng khó được, gặ gỡ thiện tri thức cũng vậy. Nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần.

“Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai xuất hiện ở thế gian, người được nghe chánh pháp, các căn không thiếu để có thể nghe chánh pháp kia, mà nay không ân cần, sau này hối không kịp. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Bây giờ, Tỳ-kheo bệnh kia sau khi nghe Như Lai dạy, được nhìn rõ tôn nhan, liền ngay trên chỗ ngồi mà đạt được [767b] ba minh, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.⁴¹ Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người đã hiểu rõ nguồn gốc của bệnh rồi chưa?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu rõ căn nguyên bệnh. Xa lìa sinh, già, bệnh, chết này đều là nhờ thần lực của Như Lai gia bị, nhờ bốn vô lượng tâm bao trùm khắp tất cả, không lường, không giới hạn, không thể kể hết. Thân, khẩu, ý trong sạch.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết pháp đầy đủ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Bây giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Người hãy đánh kiền chùy, gọi các Tỳ-kheo có mặt tại thành La-duyệt tập trung tất cả tại giảng đường Phổ hội.”

A-nan vâng lời Phật dạy, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật bạch rằng:

“Các Tỳ-kheo đã họp. Cúi xin Thế Tôn biết thời.”

⁴⁰ Chủng tánh nhân 種性人, đoạn dưới: hướng chủng tánh nhân 向種性人, thấp dưới hướng Tu-đà-hoàn. Pāli, cf. A. iv. tr. 372: *gotrabhū*, hạng phạm phu đang hướng đến Tu-đà-hoàn đạo (Sotāpattimagga). Xem cht. 44 dưới.

⁴¹ Nguyên Hán: ý giải 意解.

Thế Tôn đi đến chỗ giảng đường, ngồi lên chỗ đã dọn sẵn. Bảy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các người xuất gia học đạo vì sợ quốc vương, giặc cướp chẳng? Hay là, Tỳ-kheo, do bởi tín tâm kiên cố mà tu phạm hạnh vô thượng, muốn được xả ly sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não, và cũng muốn dứt lìa mười hai sự lôi kéo⁴²?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Thật như vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Vì mục đích mà các người xuất gia học đạo, cùng một Thầy, hòa một như nước với sữa, nhưng lại không chăm sóc lẫn nhau. Từ nay về sau hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh nào không có đệ tử, trong chúng hãy cử người theo thứ tự chăm sóc người bệnh. Vì sao? Ngoài đây ra, Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy.”

Rồi Thế Tôn bèn nói kệ này:

*Nếu có cúng dường Ta,
Cùng chư Phật quá khứ;
Phước đức thí cho Ta,
Như nuôi bệnh không khác.*

Thế Tôn sau khi dạy những lời này xong, bảo A-nan:

“Từ nay về sau, các Tỳ-kheo hãy nên chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết mà không làm sẽ căn cứ vào pháp luật mà xử trị. Đây là những lời giáo giới của Ta.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴² Hán: thập nhị khiên liên 十二牽連.

KINH SỐ 8⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường họ thì được phước. Những gì là chín? Hướng [767c] A-la-hán, đấng A-la-hán; hướng A-na-hàm, đấng A-na-hàm; hướng Tu-đà-hàm, đấng Tu-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đấng Tu-đà-hoàn và người hướng chung tánh⁴⁴ là thứ chín.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là chín hạng người mà ai cúng dường đến sẽ được phước, trọn không mảy may giảm thiểu.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô⁴⁵ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy Vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

⁴³ Pāli, A. IX. 10. Ahuneyya.

⁴⁴ Hán: (hướng) chung tánh nhân 向種性人. Pāli: *gotrabhū* giai đoạn chuyển chung tánh, tương đương với phạm phu (*puthujjana*, A. ix. 9), từ phạm phu bước vào Thánh đạo; giai đoạn hiện quán Thánh đế, đủ năng lực để thành bậc hữu học, trong sat-na vô gián sẽ trở thành vị hướng Tu-đà-hoàn. (Sớ giải Pāli: *sotāpattimaggassa anantarapaccayena sikhāpattabalavapissanācittena samamāgato*).

⁴⁵ Nguyên Hán âm: Mãn-hô 滿呼. Hán chép nhầm, cần sửa lại. Pāli tương đương: Uposatha(-kumāra), chuyện kể trong Jātaka iv. 133. Xem kinh 4, phẩm 50.

“Con từng nghe, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc⁴⁶ cùng bà-la-môn Lô-ca-diên⁴⁷ luận biện với nhau, nhưng Tỳ-kheo này không trả lời được. Con cũng từng nghe, trong chúng đệ tử Như Lai, người có các căn ám độn, không có tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

“Trong hàng Ưu-bà-tắc Như Lai ở tại gia, người Cù-đàm họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ có các căn ám độn, tình ý bế tắc.”

Phật bảo Vương tử:

“Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp thượng hơn, không học tập theo lối đàm luận của thế gian. Hơn nữa, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo này có được diệu nghĩa.”

Vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

“Tuy Phật có nói như vậy, nhưng trong ý con vẫn có suy nghĩ này: ‘Sao có thần lực lớn mà không thể biện luận với ngoại đạo dị học?’ Nay con thỉnh Phật cùng Tăng Tỳ-kheo, chỉ trừ một người Chu-lợi-bàn-đặc.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn đã nhận lời thỉnh rồi, Vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi. Liên đêm đó, ông sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ tốt. Sau đó, đến trình đã đúng giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, rồi dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau vào thành La-duyệt, đến chỗ Vương tử kia, mọi người theo thứ lớp mà ngồi. Bấy giờ, Vương tử bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Như Lai trao bát cho con. Con sẽ tự tay dâng thức ăn cho Như Lai.”

⁴⁶ Chu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Xem kinh 12, phẩm 12. Pāli: Cūḷapanthaka.

⁴⁷ Lô-ca-diên 盧迦延. Trên kia, kinh 10 phẩm 17, dịch nghĩa là Thế Điển 世典. Pāli: Lokāyatika.

Phật bảo Vương tử:

“Bát ở chỗ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.”

Vương tử bạch Phật:

“Cúi xin Thế [768a1] tôn sai một Tỳ-kheo đến lấy bát lại.”

Phật bảo Vương tử:

“ Ông hãy tự mình đến đó lấy bát của Như Lai mang lại đây.”

Bấy giờ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cây hoa. Dưới mỗi cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử sau khi nghe Phật dạy bèn đi lấy bát. Từ xa nhìn thấy dưới năm trăm cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đang ngồi thiền, buộc niêm ở trước không bị phân tán, ở dưới bóng cây. Thấy vậy, ông suy nghĩ: ‘Người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc?’ Rồi Vương tử Vũ-hô trở lại chỗ Thế Tôn, bạch Phật:

“Con đến trong vườn kia, thấy toàn là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Phật bảo Vương tử:

“Ông hãy quay trở lại khu vườn, đứng chính giữa mà búng ngón tay, nói như vậy: Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-trà, xin rời chỗ ngồi đứng dậy.”

Vương tử Vũ-hô vâng lời dạy, trở lại khu vườn, đứng ở giữa vườn mà nói như vậy: ‘Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, xin ngài liền từ chỗ ngồi đứng lên.’ Vương tử nói lời này xong, tức thì năm trăm Tỳ-kheo biến hóa kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-trà.”

Vương tử Vũ-hô cùng Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ Vương tử Vũ-hô bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn, con nay xin sám hối, tự trách mình không tin những lời dạy của Như Lai. Tỳ-kheo này thật có thần túc, có oai lực lớn.”

Phật bảo Vương tử:

“Ta nhận lời Ông sám hỏi. Những gì Như Lai nói, không có hai lời. Lại nữa, thế gian này có chín hạng người qua lại. Thế nào là chín? Một, đoán biết ý nghĩ của người; hai, nghe rồi mới biết; ba, xem tướng sau đó mới biết; bốn, quán sát nghĩa lý sau đó mới biết; năm, biết vị nếm⁴⁸ sau đó mới biết; sáu, biết nghĩa biết vị nếm⁴⁹ sau đó mới biết; bảy, không biết nghĩa không biết vị*; tám học ở sức thần túc tư duy;⁵⁰ chín, nghĩa được nhận rất ít. Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện thế gian. Như vậy, Vương tử người xem tướng kia, trong tám hạng người, là tốt bậc nhất, không ai hơn được.

“Nay Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc chỉ tập thần túc, chứ không học pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người.

“Ở đây tỳ-kheo A-nan của Ta xem tướng [768b] mà đoán biết ý nghĩ của người, biết Như Lai cần cái này, không cần cái này; cũng biết Như Lai sẽ nói việc này, bảo xa lìa việc này. Tất cả đều biết rõ ràng. Như nay, không có ai vượt lên trên Tỳ-kheo A-nan về việc xem rộng các nghĩa kinh không đâu không khắp

“Lại nữa, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa một thân thành nhiều thân, rồi hiệp trở lại thành một. Tỳ-kheo này ngày sau sẽ diệt độ ở giữa hư không. Ta không thấy người nào khác diệt độ như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

⁴⁸ Nguyên Hán; vị 味; nên hiểu là văn cú hay âm vận. Ở đây, sau khi nghe văn cú của người kia rồi mới nhận biết. Xem cht.49 dưới.

⁴⁹ Hán: tri nghĩa, tri vị 知義知味: “theo nghĩa và văn mà biết.” Pāli: *atthato byañjanato*.

⁵⁰ Tư duy thần túc 思惟神足 (Pāli: *vīmaṃsā-iddhipāda*); 1 trong bốn thần túc (Pāli: *cattāro iddhipādā*).

“Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biến hóa thân hình cò thể lớn hay nhỏ, không có ai để sánh như Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.”

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô tự tay châm đồ ăn thức uống cúng dường chúng Tăng. Rửa bát xong, ông lấy ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con. Tùy theo chỗ cần dùng như y phục, các đồ linh tinh khác của Sa-môn, thầy đều nhận tại nhà con. Con sẽ cung cấp những thứ cần dùng suốt đời.”

Phật bảo Vương tử:

“Vương tử, Ông hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc sám hối, tự mình thừa thỉnh. Vì sao? Người không trí mà muốn phân biệt người có trí; trường hợp này khó gặp. Nói rằng người trí có thể phân biệt người trí, lý này có thể có.”

Bấy giờ Vương tử Vũ-hô tức thì hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc lễ và tự xưng danh tánh, cầu sám hối:

“Tỳ-kheo đại thần túc, con đã sinh ý khinh mạn! Từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin ngài nhận sự sám hối. Con không dám tái phạm.”

Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đáp:

“Tôi nhận Ông hối lỗi. Sau chớ tái phạm, cũng chớ hủy báng Hiền thánh nữa. Vương tử, nên biết, chúng sanh nào hủy báng Thánh nhơn tất sẽ bị đọa vào ba đường ác, sinh vào trong địa ngục. Vương tử hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Phật nói pháp vi diệu cho Vương tử Vũ-hô, khuyến khích khiến hoan hỷ, rồi ngay trên chỗ ngồi diễn nói chú nguyện này:

Tế tự: lửa trên hết;

Kinh sách: tụng trên hết;

Cõi người: vua là tôn;

Các sông: biển đứng đầu;

*Các sao: trăng sáng nhất;
Ánh sáng: mặt trời nhất;
[768c]Trên dưới cùng bốn phương,
Những vật có hình dáng,
Trời cùng người thế gian:
Phật là đáng tối tôn.
Ai muốn cầu phước kia
Cúng dường Phật chánh giác.⁵¹*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy. Bảy giờ, Vương tử Vũ-hô nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

“Nói thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh,⁵² hướng dẫn đường lành đến vô vi.”

Phật bảo A-nan:

“Chớ nói vậy, rằng thiện tri thức, đó là một nửa của người phạm hạnh. Vì sao? Thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh, cùng giúp đỡ, trông coi, hướng dẫn nhau theo con đường lành. Ta cũng do thiện tri thức mà thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Do thành đạo quả, độ thoát chúng sanh không thể kể hết, thầy đều thoát sinh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này mà biết, thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

⁵¹ Nguyên hán: tam-phật 三佛, phiên âm từ *sambuddha*. Xem kinh 4 phẩm 18.

⁵² Bán phạm hạnh chi nhân 半梵行之人. Cf. No 99(1238). Pāli: *upadāhamidaṃ, bhante, brahmacariyassa– yadidaṃ kalyāṇamittatā* (...), “Bạch Thế Tôn, một nửa đời sống phạm hạnh này là thiện hữu.”

“Lại nữa, A-nan, nếu người thiện nam kẻ tín nữ thân cận thiện tri thức thì tín căn sẽ được tăng thêm, các phẩm đức văn, thí, huệ thủy đều đầy đủ. Giống như trăng đang lúc tròn đầy, ánh sáng càng tăng dần gấp bội hơn trước. Đây cũng như vậy, nếu có người thiện nam, kẻ tín nữ nào gần gũi thiện tri thức thì tín, văn, thí, huệ thủy đều tăng thêm. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh. Nếu ngày xưa Ta không thân cận thiện tri thức, chắc chắn không gặp Phật Đấng Quang để được thọ ký. Vì thân cận thiện tri thức nên Ta được gặp Phật Đề-hòa-kiệt-la⁵³ thọ ký. Do phương tiện này mà biết thiện tri thức là toàn bộ của người phạm hạnh.

“A-nan, hiện tại nếu thế gian không có thiện tri thức sẽ không có trật tự của tôn ti; cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân, tất sẽ cùng loài với heo, chó không khác, tạo các duyên ác, gieo tội duyên địa ngục. Nhờ thiện tri thức mà phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân.”

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thiện hữu, phi ác hữu,
Thân pháp, không vi ăn⁵⁴,
[769a] Dẫn dắt lên đường lành.
Phật nói, thân đó nhất.*

“Cho nên, A-nan, chớ nói rằng thiện tri thức là một nửa phạm hạnh.”

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

⁵³ Đề-hòa-kiệt-la 提和竭羅, phiên âm của từ Dīpaṃkāra, tứ dịch nghĩa Đấng Quang 燈光 ở trên. Cũng dịch là Nhiên Đăng, Đỉnh Quang.

⁵⁴ Hán: phi vị thực 非爲食. Thức ăn, đây chỉ các hưởng thụ vật chất.

⁵⁵ Pāli: A.ix. 24 Sattāvāsa.

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

“Trời cùng con người có niệm tưởng gì? Ý cầu mong những gì?”

Phật bảo:

“Thế gian trôi nổi, tánh chất không đồng, định hướng khác biệt, niệm tưởng chẳng phải một. Thiên Đế nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp xưa kia, Ta cũng sinh ý nghĩ này: Loài trời và chúng sanh, ý thú hướng về đâu? Ước nguyện điều gì? Từ kiếp đó đến nay, Ta không thấy tâm của một ai giống nhau. Thích Đề-hoàn Nhân nên biết, chúng sanh thế gian khởi tưởng điên đảo: vô thường chấp tưởng thường, không phải lạc cho là tưởng lạc, không ngã chấp có tưởng ngã, không phải tịnh chấp có tưởng tịnh, đường chánh khởi tưởng đường tà, ác khởi tưởng phước, phước khởi tưởng ác. Do phương tiện này nên biết, căn tánh của các loài chúng sanh thật khó lường, tánh hạnh chúng khác biệt nhau. Nếu tất cả chúng sanh đều cùng một tưởng, không có nhiều tưởng, thì không thể nhận biết có chín chỗ cư trú của chúng sanh⁵⁶, cũng khó phân biệt được chín nơi cư trú của chúng sanh này; chỗ thần thức y tựa cũng lại khó rõ, cũng không biết có tám địa ngục lớn, cũng khó biết nơi hướng đến của súc sanh, không phân biệt có sự khổ của địa ngục, không biết có sự hào quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến chỗ A-tu-la, cũng lại không biết có trời Tam thập tam. Giả sử tất cả đều cùng một tâm, sẽ như trời Quang âm. Vì chúng sanh có nhiều loại thân khác nhau, nhiều tưởng niệm cũng khác nhau, cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sanh, chín nơi

⁵⁶ Cửu chúng sanh cư 九眾生居處. Xem kinh 1, phẩm 44, và cht... Pāli: *nava sattāvāsā*.

thần thức y tựa; biết có tám địa ngục lớn, ba đường ác, cho đến trời Tam thập tam. Do phương tiện này mà biết tánh của các loài chúng sanh không đồng, những điều chúng làm đều khác.”

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

“Kỳ diệu thay, những điều Như Lai đã nói! Tánh và hành của chúng sanh không đồng, tướng niệm mỗi khác. Vì hành vi của chúng sanh kia [769b] không đồng, nên đưa đến xanh, vàng, trắng, đen,⁵⁷ cao thấp không đều.

“Bạch Thế Tôn, chư thiên bận rộn nhiều việc, con muốn quay trở về trời.”

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Nên biết đúng thời.”

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Chín cư, thần, không tước
Trói buộc, căn bản pháp,
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc
Phạm hạnh, tướng đa dạng.⁵⁸*

⁵⁷ Màu sắc, đây chỉ các sắc dân.

⁵⁸ Bản Hán, hết quyển 40.

PHẨM 45: MÃ VƯƠNG

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo. Lúc bấy giờ trong thành ấy có một người Bà-la-môn tên là Ma-hê-đề-lợi, rất thông suốt các kinh thư, kỹ thuật của ngoại đạo. Thiên văn, địa lý, không thứ gì là không thành thạo. Những gì là pháp tắc ứng đối trong đời, ông thấy đều thông suốt. Bà-la-môn này có một người con gái tên là Ý Ái, cực kỳ thông minh, nhan sắc xinh đẹp hiếm có trên đời.

Bấy giờ, người Bà-la-môn này suy nghĩ như vậy: “Trong kinh điển Bà-la-môn có nói rằng, có hai con người xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Hai con người ấy là ai? Đó là, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, và Chuyển luân Thánh vương. Khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, bấy giờ bảy bảo vật tự nhiên hưởng ứng. Ta nay có nữ bảo này, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng; là bậc nhất trong các ngọc nữ. Nhưng nay không có Chuyển luân Thánh vương. Ta nghe nói con trai của Chân Tịnh Vương tên là Tất-đạt có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp, đã xuất gia học đạo. Nếu người ấy sống tại gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân Thánh vương. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Phật. Nay ta hãy đem con gái này đến cho Sa-môn ấy.”

Rồi người Bà-la-môn dẫn cô gái đến chỗ Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, [769c] ông thưa rằng:

“Mong Sa-môn hãy nhận Ngọc nữ này.”

Bấy giờ Phật bảo người Bà-la-môn:

¹ Tham chiếu, No 26 (136).

“Thôi, thôi, Phạm chí! Ta không cần đến con người dính trước dục vọng này.”

Người Bà-la-môn ba lần thưa với Phật:

“Hãy nhận Ngọc nữ này. So sánh cả thế gian, không ai bằng đứa con gái này.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta đã thọ nhận ý của ông. Nhưng Ta đã xả bỏ gia đình, không còn quen thói dục vọng nữa.”

Khi ấy có một vị Tỳ kheo Trưởng lão đứng sau Như Lai, đang cầm quạt quạt Phật. Trước lão này liền bạch Như Lai:

“Thế Tôn! Cúi mong Như Lai thọ nhận cô gái này. Nếu Như Lai không cần đến, hãy cho con để sai khiến.”

Thế Tôn bèn bảo Trưởng lão này:

“Ngươi thật là ngu hoặc, mới dám trước mặt Như Lai phun ra lời nói xấu xa ấy. Sao ngươi lại để cho tâm ý bị buộc chặt vào cô gái này? Phạm là nữ nhân, đều có chín pháp ác. Chín pháp đó là gì? Một, người nữ vốn xú uế, bất tịnh. Hai người nữ hay ác khẩu. Ba, người nữ không biết trả ơn. Bốn, người nữ hay ganh tị. Năm, người nữ hay keo kiệt. Sáu, người nữ hay ưa đi chơi. Bảy, người nữ có nhiều sân hận. Tám, người nữ nói dối nhiều. Chín, người nữ hay nói lời thiếu suy nghĩ.

“Này các Tỳ kheo người nữ có chín pháp là các hành xấu xa như vậy.”

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường vui cười, khóc lóc;
Về thân mà không thân.
Hãy tìm phương tiện khác.
Các ngươi chớ loạn niệm.*

Tỳ kheo Trưởng lão bạch Phật:

“Mặc dù người nữ có chín pháp xấu xa ấy; nhưng ở đây con quán sát cô gái này, không thấy có tỳ vết gì.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Ngươi, kẻ ngu si này, không tin điều được nói bởi chính thân khẩu của Như Lai sao? Nay Ta sẽ nói cho ngươi biết:

“Trong quá khứ lâu xa, trong thành Ba-la-nại có một người lái buôn tên là Phổ Phú. Ông dẫn năm trăm khách buôn đi vào biển tìm châu báu. Thế nhưng bên cạnh biển lớn kia có nơi vốn là trú xứ của La-sát hay ăn thịt người.

“Khi ấy trong biển nổi gió, thổi thuyền của họ đến bộ La-sát kia. Các La-sát thấy bọn khách buôn đến thì vui mừng khôn kể. Chúng ẩn hình La-sát, biến thành người nữ, xinh đẹp không không thể sánh, rồi nói với các khách buôn: ‘Chào mừng các bạn đến đây. Bên bảo vật vật này không khác gì Thiên cung kia, có nhiều trân bảo đến hàng nghìn trăm loại; có đủ các thứ đồ ăn thức uống; lại có các cô gái xinh đẹp, [770a] thảy đều không chồng. Các bạn hãy ở đây vui thú với chúng tôi.’”

“Tỳ kheo, nên biết, trong bọn khách buôn kia những kẻ ngu hoặc khi thấy các cô gái liền móng tâm say đắm. Thương chủ Phổ Phú liền suy nghĩ như vậy, ‘Trong biển lớn này là chỗ ở của loài phi nhân, làm sao có các cô gái này ở đó? Đây nhất định là La-sát, không nghi ngờ gì nữa.’ Rồi vị thương chủ bảo cô gái ấy, ‘Thôi đủ rồi, các cô em! Chúng tôi không tham nữ sắc.’”

“Thời bấy giờ vào các ngày thứ tám, thứ mười bốn và mười lăm mỗi nửa tháng, Mã vương bay vòng trong hư không nói lời răn dạy này: ‘Ai muốn vượt qua hiểm nạn của biển lớn, ta sẽ chở qua.’ Trong khi ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao trong thấy Mã vương ở đằng xa, nghe tiếng dội của âm thanh, hoan hỷ phấn khởi khôn xiết. Ông đi đến chỗ Mã vương, nói rằng, ‘Chúng tôi gồm có năm trăm khách buôn bị gió thổi đến chỗ cực kỳ hiểm nạn này. Chúng tôi muốn vượt qua biển. Xin ngài giúp vượt qua.’ Mã vương bảo các khách buôn, ‘Các ông hãy lại hết đây. Tôi sẽ mang các ông đến bờ biển.’ Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn, ‘Mã vương đang ở gần đây. Vúng

ta tất cả hãy đến chỗ đó để cùng vượt qua hiểm nạn của biển.’
Bọn khách buôn nói, ‘Thôi, thôi, ông Chủ. Chúng ta tốt hơn
nên ở lại đây mà cùng hưởng vui thú. Sợ dĩ ở tại Diêm-phù đề
phải cần lao khổ nhọc nên chúng ta đi tìm chỗ sung sướng.
Chốn này có đủ bảo vật trân kỳ, cùng ngọc nữ xinh đẹp. Nên ở
lại đây mà hưởng thụ năm thứ dục lạc. Những ngày tiếp theo,
chúng ta thâu thập tài bảo hàng hóa dân rồi sẽ cùng nhau vượt
qua hiểm nạn này.’ Vị đại thương chủ nói với mọi người, ‘Thôi
đủ rồi, các người ngu si. Ở đây không có nữ nhân đâu. Trong
biển cả làm gì có chỗ ở của loài người.’ Bọn khách buôn nói,
‘Hãy thôi đi, ông Chủ. Chúng tôi không thể bỏ chỗ này mà đi
được.’

“Bấy giờ Thương chủ Phở Phú bèn nói bài kệ rằng:

*Chúng ta gặp chốn hiểm
Chớ tưởng là nam hay nữ
Đó là bọn La-sát
Sẽ ăn dân chúng ta.*

“ – Nếu các bạn không đi theo tôi, các bạn hãy bảo bọc lấy
nhau. Nếu tôi có điều gì xúc phạm do bởi thân, miệng, ý, mong
các bạn bỏ qua cho, chớ để trong lòng.’ Các khách buôn khi ấy
cũng nói bài kệ để chia tay:

*Chúng tôi gửi lời thăm
Bà con tại Diêm-phù.
[770b] Nay vui thú chốn này
Chưa rõ ngày về quê.*

“Vị thương chủ đáp lại bằng bài kệ:

*Các bạn đang lâm nạn;
Mê hoặc, không chịu về.
Như vậy, không bao lâu,
Bị quỷ ăn thịt hết.*

“Nói kệ xong, ông bỏ đi. Đến chỗ Mã vương, ông cúi đầu lạy
dưới chân, rồi cười đi. Bọn người kia sau khi từ xa thấy thương
chủ đã cười Mã vương đi rồi, trong số đó hoặc có người kêu

réo, hoặc có người lớn tiếng hờn trách, trong khi ấy. Chúa tể đại La-la-sát nói với các La-sát bằng bài kệ này:

*Đã roi miệng sư tử,
Thoát ra thật quá khó.
Huống gì vào bãi ta,
Muốn ra, thật quá khó.*

“Bấy giờ, Chúa tể La-sát hóa làm một người con gái cực kỳ xinh đẹp, lấy hai tay chỉ vào bụng mà nói, ‘Nếu ta chẳng ăn thịt người thì ta rốt lại không làm La-sát.’”

“Trong lúc đó, Mã vương chờ thương chủ vượt qua bờ biển bên kia; năm trăm khách buôn còn lại thấy đều bị khốn hết.

“Lúc bấy giờ Vua Phạm-ma-đạt đang cai trị nhân dân trong thành Ba-la-nại. Khi ấy có La-sát đuổi theo sau vị đại thương chủ, nó rằng, ‘Chao ôi, ta mất chồng rồi.’”

“Khi thương chủ về đến nhà, La-sát hóa hình ả một bé trai, đi đến trước vua Phạm-ma-đạt tâu rằng, ‘Thế gian có điều hết sức tai quái, xin hãy trừ diệt cho sạch.’ Vua hỏi, ‘Thế gian có điều tai quái gì mà phải diệt cho sạch?’ La-sát tâu, ‘Tôi bị chồng bỏ, mà chẳng có lỗi gì với chồng cả.’ Phạm-ma-đạt thấy cô gái này cực kỳ xinh đẹp lạ thường, liền nổi tâm niệm say đắm. Ông bảo người nữ, ‘Chồng của Cô là người không có nghĩa nên mới bỏ Cô mà đi.’ Rồi Phạm-ma-đạt khiến người đi gọi người chồng đến, hỏi rằng, ‘Có thật người bỏ người vợ xinh đẹp này không?’ Thương chủ đáp, ‘Đó là La-sát chứ không phải người nữ.’ Nữ La-sát lại tâu vua, ‘Người này không có đạo nghĩa làm chồng. Nay đã bỏ tôi, lại mắng chửi tôi là La-sát.’ Vua hỏi, ‘Nếu người thật sự không cần dùng, ta sẽ thu nhận.’ Thương chủ tâu, ‘Nó là La-sát. Tùy Thánh ý của Vua.’”

“Bấy giờ Phạm-ma-đạt liền mang cô gái này để trong thâm cung, thỉnh thoảng tiếp nạp, không để cho giận hờn. Sau đó, [770c] phi nhân La-sát bắt vua mà ăn thịt, chỉ chừa lại xương, rồi bỏ đi.

“Tỳ kheo, chớ nghĩ là ai khác lạ. Thương chủ lúc đó là Tỳ kheo Xá-lợi-phất bây giờ. La-sát lúc đó nay là Tỳ kheo Trưởng lão vậy. Mã Vương lúc nay chính là Ta. Năm trăm khách buôn lúc bấy giờ nay là năm trăm Tỳ kheo. Bằng phương tiện này mà biết rằng, dục là vọng tưởng bất tịnh. Vậy mà ông còn khởi lên ý tưởng say đắm sao?”

Bấy giờ ý khéo ấy liền lể dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, cúi xin nhận sự sám hối và tha thứ lỗi lầm nghiêm trọng này của con. Từ nay trở đi, con không còn dám tái phạm.”

Tỳ kheo này sau khi nhận lời răn dạy của Như Lai bèn một mình ở tại chỗ nhàn tĩnh khắc kỷ tu tập. Sở dĩ thiện nam tử siêng năng tu hành là muốn đạt được Phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ Tỳ kheo ấy thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ kheo sau kho những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Thích-kiều,³ trong vườn trái cây Âm-bà-lê quả,⁴ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên, sau khi tọa hạ ở đó, dẫn 500 Tỳ kheo đi du hóa trong nhân gian; lần hồi đi đến trong một ngôi làng của Thích-kiều.*

Khi ấy các Tỳ kheo mới đến và các Tỳ kheo đã trú ở đó cùng bàn luận, cùng thăm hỏi nhau, cao giọng lớn tiếng. Thế Tôn nghe các ý khéo cao giọng lớn tiếng, bèn hỏi A-nan:

² Tham chiếu Pali, M. 67 Cātumā (R.i. 456). Hán, No 137.

³ Thích-kiều 釋翅, phiên âm, tương đương Pali: Sakkesu, “giữa những người họ Thích.” Nhưng, M 67, ibid.: trú tại Cātumā, trong khu rừng Xoài.

⁴ Âm-bà-lê quả viên 閻婆梨果園, khu vườn xoài. Pali, Cātumā, một ngôi làng của người họ Thích.

“Trong khu vườn này, tiếng của ai mà vang lớn thế? Giống như tiếng cây, đá gãy, vỡ.”

A-nan bạch Phật:

“Nay Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn 500 Tỳ kheo đến đây. Các Tỳ kheo mới đến và các Tỳ kheo cũ ở đây chào hỏi nhau nên có tiếng ồn ấy.”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy đuổi Tỳ kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi chỗ khác ngay. Chớ có trú ở đó.”

A-nan vâng lời Phật dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, bảo họ rằng:

“Thế Tôn có dạy, các Thầy hãy mau rời khỏi đây; chớ có trú nơi này.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thưa vâng! Kính vâng lời dạy.”

Rời Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tức thì rời khỏi khu vườn ấy, dẫn 500 Tỳ kheo bước lên đường mà đi.

Lúc bấy giờ những người họ Thích nghe Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đi đến chỗ Tỳ kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên [771a], cúi đầu lạy dưới chân, và bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Các Hiền giả, nay muốn đi đâu?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Chúng tôi bị Như Lai đuổi, đang đi tìm chỗ an nghỉ.”

Những người họ Thích bạch Xá-lợi-phất:

“Thưa các Hiền giả, các ngài hãy chờ đây một lát. Chúng tôi sẽ đến sám hối với Như Lai.”

Rời những người họ Thích đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho các Tỳ kheo ở xa đến. Cúi xin Thế Tôn tùy thời thích hợp răn dạy những vị mới học đạo trong các Tỳ kheo từ xa đến ấy. Những người mới vào trong Chánh pháp chưa được nhìn thấy Tôn nhan dễ sinh tâm biến đổi thoái thất. Giống như chồi non mà không được tưới nhuần thì không thể phát triển. Các Tỳ kheo này cũng vậy. Họ chưa được nhìn thấy Như Lai mà phải bỏ đi, e rằng tâm sẽ bị biến đổi thoái thất.”

Khi ấy Phạm thiên vương biết được những điều suy nghĩ trong tâm của Như Lai, trong khoảng khắc như lực sỹ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, hiện đến chỗ Như Lai, cúi lạy dưới chân rồi đứng sang một bên. Bấy giờ Phạm thiên vương bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm mà các Tỳ kheo xa đến đã gây ra, tùy thời thích hợp mà răn dạy. Trong số đó hoặc có vị chưa đạt đến cứu cánh, sẽ sanh tâm biến đổi thoái thất. Những ai chưa được nhìn thấy dung mạo của Như Lai, tâm ý bị biến đổi, họ sẽ quay trở về nghiệp cũ. Cũng như con nghé mới sinh mà mất mẹ, nó buồn rầu, bỏ ăn. Ở đây cũng vậy, nếu Tỳ kheo tâm học mà không được nhìn thấy Như Lai, chắc sẽ rời bỏ Chánh pháp này.”

Bấy giờ Thế Tôn nhận lời can gián của những người họ Thích, và thí dụ nghé con của Phạm thiên vương. Rồi Thế Tôn quay liếc nhìn A-nan, A-nan nghĩ rằng, “Như Lai đã chấp nhận lời can gián của mọi người và của Phạm thiên vương.” A-nan bèn vội đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà nói như vậy:

“Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và người thầy đều bày tỏ nghĩa lý này.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ kheo:

“Các thầy hãy thu thập y, bát. Chúng ta cùng đi đến chỗ Thế Tôn. Bởi vì Như Lai đã chấp nhận cho chúng ta sám hối.”

Rồi Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên dẫn 500 Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phát:

“Ta vừa rời đuôi Tăng Tỳ kheo đi. Ý ông nghĩ sao?”

Xá-lợi-phát đáp:

“Vừa rời Như Lai đuôi chúng Tăng đi, con [771b] suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai ưa sống nơi chỗ nhàn tĩnh, một mình, vô vi, không ưa chỗ ồn ào. Do đó mà đuôi chúng Tăng đi vậy.’”

Phật bảo Xá-lợi-phát:

“Sau đó ông suy nghĩ gì? Khi ấy Thánh chúng sẽ do ai dắt dẫn?”

Xá-lợi-phát bạch Phật:

“Thế Tôn, khi ấy con lại suy nghĩ, ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh, không ở giữa chốn ồn ào.’”

Phật bảo Xá-lợi-phát:

“Chớ nói như vậy. Chớ có ý nghĩ như vậy, rằng ‘Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh.’ Như nay, người dắt dẫn chúng Tăng há không phải là Tỳ kheo Xá-lợi-phát và Mục-kiền-liên chăng?”

Thế Tôn lại hỏi Đại Mục-kiền-liên:

“Khi Ta đuôi chúng Tăng đi, ông suy nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Khi Như Lai đuôi chúng Tăng, con suy nghĩ như vậy, ‘Như Lai muốn được sống một mình, vô vi, nên đuôi chúng Tăng đi vậy.’”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Sau đó ông lại có ý nghĩ gì?”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Nay Như Lai đuôi chúng Tăng đi, chúng con cần phải nhóm họp trở lại, không để cho tan rã.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Lành thay, Mục-kiền-liên! Lành thay, Mục-kiền-liên! Như điều ông nói. Đứng đầu trong chúngm, duy chỉ Ta và hai ông thôi. Từ nay về sau Mục-kiền-liên hãy dạy bảo các Tỳ kheo hậu học, để cho trong lâu dài sống nơi chốn an ổn, không để cho nửa chừng bị rơi rụng, đọa lạc sinh tử.

“Tỳ kheo nào thành tựu chín pháp sẽ không thể phát triển lớn lên ngay trong hiện pháp. Những gì là chín? Thân cận từng sự với ác tri thức; không sự việc mà hằng ưa đi rong; thường xuyên ôm bệnh lâu dài; ham thích cất chứa tài vật, tham đắm y bát; phần nhiều trống rỗng, hư dối; ý loạn không định; không có sự sáng suốt của huệ; không hiểu rõ nghĩa lý; không tùy thời thích hợp sám hối. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì trong hiện pháp không thể tăng trưởng lớn mạnh, không được thấm nhuần.

“Có chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì có thể hoàn tất những điều cần làm. Những gì là chín? Từng sự với thiện tri thức; tu hành Chánh pháp, không dính mắc nghiệp tà; hằng sống nơi chốn đơn độc, không ưa thích chỗ đông người; ít bệnh, không hoạn; không cất chứa các thứ tài bảo, cũng không tham đắm y bát; cần hành tinh tấn; tâm không loạn động; nghe nghĩa lý liền hiểu rõ không cần phải nhắc lại; tùy thời thích hợp nghe pháp mà không biết chán. Nay Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ kheo nào thành tựu thì ngay trong hiện pháp [771c] được nhiều lợi ích. Cho nên, Mục-kiền-liên, hãy nhớ chuyên cần đi đến dạy dỗ các Tỳ kheo, khiến họ trong lâu dài đạt đến chỗ vô vi.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thường niệm tự giác ngộ;
Chớ đắm nhiễm phi pháp;
Tu tập phải chánh hành;
Vượt được nạn sinh tử.*

Làm vậy, mà được vậy,

*Làm điều này, phước này.
Chúng sinh trôi nổi lâu,
Đoạn trừ già, bệnh, chết;*

*Không tập điều cần làm;
Rồi lại hành phi pháp.
Người buông lung như vậy,
Tác thành hành hữu lậu.*

*Nếu có tâm tinh cần,
Hằng ở tại đầu tâm;
Lần lượt dạy bảo nhau,
Sẽ thành bậc vô lậu.*

“Cho nên, này Mục-kiền-liên, hãy cùng răn dạy các Tỳ kheo như vậy; hãy nhớ nghĩ học như vậy.”

Rồi Thế Tôn nói pháp cực kỳ vi diệu cho các Tỳ kheo, khiến họ phát tâm hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, các Tỳ kheo sau khi nghe pháp này, trong chúng đó có hơn sáu mươi Tỳ kheo được lậu tận, tâm giải thoát.

Các Tỳ kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu có Tỳ kheo sống nương tựa thôn xóm mà pháp thiện tiêu diệt, pháp ác cứ tăng trưởng; Tỳ kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay sống nơi thôn xóm mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện giảm dần, niệm không chuyên nhất, không thể dứt sạch các lậu, không đạt đến nơi chốn vô vi an ổn. Những gì mà ta có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọ cụ, thuốc men trị bệnh, thầy đều khó nhọc mới thu hoạch được.’ Rồi Tỳ

kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay sống trong thôn xóm này, mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện thì tiêu diệt. Ta cũng không phải vì áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu ước nguyện nay vẫn chưa có kết quả.’ Tỳ kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm ấy mà đi.

“Lại nữa, hoặc có Tỳ kheo sống nương nơi thôn xóm, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có, Tỳ kheo ấy nên học như vậy: ‘Ta nay nương nơi thôn xóm này mà sống, thiện pháp tăng trưởng, pháp ác [772a] tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thấy đều khó nhọc mới có. Nhưng ta không vì áo chăn mà xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh. Điều mà ta mong cầu ước nguyện bởi học đạo ắt sẽ thành tựu. Ta hãy trọn đời thừa sự, cúng dường pháp ấy.’”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Áo chăn và ẩm thực,
Giường chõng, và chỗ nghỉ,
Chớ móng tâm tham đắm,
Chớ trở lại đời này.*

*Không phải vì cơm áo
Mà xuất gia học đạo.
Người sơ dĩ học đạo,
Tất đạt thành sở nguyện.*

*Tỳ kheo nên thích thời
Suốt đời sống thôn kia;
Ở đó bát-niết-bàn
Dứt sạch gốc rễ mạng.*

“Ở đây, Tỳ kheo kia hoặc sống giữa nhân gian, thôn xóm nhân tỉnh, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, Tỳ kheo ấy nên suốt đời sống tại thôn xóm đó, không nên rời bỏ đi xa.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai há không thường nói, bốn đại y thức ăn mà tồn tại, và y nơi pháp được niệm tưởng trong tâm, các pháp thiện y tâm mà sinh. Và, Tỳ kheo kia y thôn xóm mà sống, với tinh cần khổ nhọc mới tìm cầu được y phục, thức ăn; vì ấy vì sao pháp thiện phát sinh thì sống ở nơi thôn xóm đó, chớ nên bỏ đi xa?”

Phật bảo A-nan:

“Áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, đều có ba loại. Nếu Tỳ kheo chuyên niệm sự cúng dường bốn nhu yếu,⁵ mà sở cầu không toại; thì sự y tựa ấy là khổ. Nếu phát khởi tâm tri túc, không móng tâm tham đắm, chư thiên và loài người thấy đều hoan hỷ. Các Tỳ kheo hãy học điều này. Ta vì lý do đó mà nói ý nghĩa này. Cho nên, này A-nan, Tỳ kheo hãy chuyên niệm thiếu dục, tri túc.”

Như vậy, A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở trong vườn Bà-la.⁶

Bấy giờ, đến giờ, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thôn Bà-la khát thực. Khi ấy Ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Nay Sa-môn này muốn vào thôn khát thực. Ta hãy tìm cách khiến đàn ông, đàn bà không bố thí cho.’ Rồi Ác ma Ba-tuần bảo nhân dân khắp trong nước chớ bố thí đồ ăn cho Sa-môn Cù-đàm.

⁵ Tứ sự 四事, cũng gọi là tứ duyên, hoặc tứ y: y, thực, ngọa cụ, y dược.

⁶ Bà-la viên 婆羅園. Xem kinh1, phẩm 23 Địa chủ.

Khi Thế Tôn vào thôn khát thực, mọi người [772b] đều không nói năng gì với Như Lai, cũng không thừa sự cúng dường. Như Lai khát thực xong mà không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn. Lúc bấy giờ Ác ma Ba-tuần đến chỗ Như Lai, hỏi Phật:

“Sa-môn, khát thực xong, có được gì không?”

Thế Tôn đáp:

“Do hành vi của Ma mà Ta không nhận được thức ăn. Rồi không bao lâu nguoi cũng sẽ nhận lãnh quả báo này. Nay Ma, nay hãy nghe Ta nói.

“Trong Hiền kiếp, có Phật hiệu là Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu là Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời.⁷ Lúc bấy giờ đức Phật ấy cũng nương nơi thôn xóm này mà trú ngụ, dẫn theo đồ chúng bốn mươi vạn người. Bấy giờ Ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vậy: ‘Ta nay hãy khuyến cáo mọi người trong thôn Bà-la đừng cho Sa-môn này đồ ăn. Khi các Thánh chúng khóac y, cầm bát vào thôn khát thực, nhưng các Tỳ kheo cuối cũng không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn.

“Lúc bấy giờ, đức Phật kia nói với các Tỳ kheo pháp vi diệu này, ‘Phàm có chín điều để quán sát thức ăn. Bốn loại thức ăn của nhân gian, và năm loại thức ăn xuất thế gian. Bốn loại thức ăn của nhân gian là gì? Một là đoàn thực; hai là xúc thực; ba là niệm thực; bốn là thức thực. Đó là bốn loại thức ăn của thế gian. Năm loại thức ăn xuất thế gian là gì? Một thức ăn bởi thiên; hai, thức ăn bởi nguyện; ba, thức ăn bởi niệm; bốn, thức ăn bởi tám giải thoát; năm, thức ăn bởi hỷ. Đó là năm loại thức ăn biểu hiện cho thức ăn xuất thế gian. Các nguoi hãy chuyên niệm xả bỏ bốn loại thức ăn, tìm cầu phương tiện có được năm loại thức ăn. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.’ Các Tỳ

⁷ Cf. Pali, M. 50 Māraṭṭajjanīyasuttaṃ (R.i. 333). Hán, Trung 30, kinh 131 Hàng ma (tr. 620c07).

kheo lúc bấy giờ thọ nhận lời dạy của đức Phật kia, tự mình khắc kỹ để hoàn thành có năm loại thức ăn. Vì vậy, Ma Ba-tuần không thừa cơ hội được. Ba-tuần bèn nghĩ, ‘Ta nay đã không lung lạc được Sa-môn này. Ta hãy tìm cơ hội nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ta hãy khuyến khích mọi người trong thôn khiến cho chúng Sa-môn nhận được các thứ lợi lộc trước đó chưa hề được; các lợi lộc đã được càng tăng thêm, cho đến mức khiến lòng tham lợi dưỡng của các Tỳ kheo kia không thể xả bỏ trong chốc lát. Rồi ta sẽ thừa cơ hội từ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, [772c] được chăng?’

“Bấy giờ, các Thanh văn của đức Phật kia, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thôn khát thực. Khi ấy nhân dân trong thôn Bà-la⁸ kia cung cấp Tỳ kheo các thứ áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, không để cho thiếu thốn. Mọi người đến trước, nắm y tăng-già-lê, ép phải nhận các vật bố thí.

“Đức Phật kia lúc bấy giờ nói pháp này cho chúng Thanh văn: ‘Phàm lợi dưỡng khiến người rơi xuống nẻo xấu, không khiến cho đạt đến chỗ an ổn vô vi. Tỳ kheo các người chớ móng khởi ý tưởng tham đắm. Hãy chuyên niệm xả ly các thứ lợi dưỡng. Nếu Tỳ kheo tham đắm lợi dưỡng sẽ không thể thành tựu năm phần Pháp thân, không đầy đủ giới đức. Cho nên, này Tỳ kheo, tam lợi dưỡng chưa sinh thì khiến cho đừng sinh. Tâm lợi dưỡng đã sinh thì hãy nhanh chóng trừ diệt. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.’”

Lúc bấy giờ Ma Ba-tuần bèn ẩn hình mà đi mất.

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

⁸ Đề bản: Bà-la-môn thôn 婆羅門村. TNM, và các đoạn trên: Bà-la thôn.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hãy hành tâm từ; trải rộng tâm từ. Do hành tâm từ, những gì là tâm sân hận thù nghịch tự chúng sẽ tiêu trừ. Vì sao vậy? Tỳ kheo, nên biết, xưa có một con quỷ cực kỳ xấu xa hung bạo. Nó đến ngồi trên tòa của Thích Đề-hoàn Nhân. Lúc bấy giờ các trời Tam thập tam vô cùng tức giận, rằng ‘Con quỷ này sao dám đến ngồi trên chỗ ngồi của Chúa chúng ta?’ Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo đẹp đẽ dị thường. Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với các ngọc nữ đang vui đùa tại giảng đường Phổ tập. Bấy giờ có một thiên tử đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, tâm với Đế Thích rằng, ‘Cù-dục,⁹ nên biết, nay có một con quỷ đang ngồi trên tôn tòa. Chư thiên Tam thập tam thấy đều tức giận. Khi chư thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ ấy bỗng trở nên có dung mạo đẹp đẽ khác thường.’ Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ, ‘Con quỷ này tất phải là quỷ thần diệu.’ Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ con quỷ kia, cách nhau không xa, cùng xưng tên họ, ‘Ta là Thích Đề-hoàn Nhân, Chúa của chư thiên.’ Khi Thích Đề-hoàn Nhân tự xưng danh tính, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo xấu xí, dễ ghét. Con quỷ đó tức thì biến mất.

Tỳ kheo, do phương tiện này mà biết, [773a] ai hành từ tâm không rời, thì đức của người ấy là như vậy.

“Lại nữa, Tỳ kheo, ngày xưa Ta trong bảy năm hằng tu từ tâm, trải qua bảy kiếp thành, kiếp hoại không qua lại sinh tử. Khi kiếp sắp hoại, sinh lên trời Quang âm. Khi kiếp sắp thành, sinh lên trời Vô tướng. Hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư thiên, thánh lãnh mười nghìn thế giới. Lại có khi 37 lần làm Thích Đề-hoàn Nhân. Lại vô số lần làm Chuyển luân Thánh vương.

⁹ Cù-dục 瞿翼, các nói khác âm là Câu-dục; họ của Đế Thích. Pāli: Kosiya.

Do phương tiện này mà biết rằng, ai hành từ tâm, đức của người ấy là như vậy.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, sinh lên cõi trời, rời xa ba ác đạo, tránh khỏi tám nạn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm thì sinh vào nước trung chánh.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, có dung mạo xinh đẹp, các căn không khuyết, hình thể toàn vẹn.

“Lại nữa, ai hành từ tâm, tự thân được thấy Như Lai, thừa sự chư Phật, không thích sống tại gia, muốn được xuất gia học đạo, khoác ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu hành pháp sa-môn, tu Phạm hạnh vô thượng.

“Tỳ kheo, nên biết, cũng như kim cương mà người mang lấy ăn, trợn không bao giờ tiêu hóa mà phải xổ ra. Người hành từ tâm cũng vậy. Nếu Như Lai xuất thế, người đó sẽ hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng., cho đến, biết như thật rằng sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không cần còn tái sinh đời sau.”

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

“Thế Tôn, giả sử khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, sẽ phải quy hướng về đâu?”

Phật bảo A-nan:

“Nếu khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam tử kia không thích sống tại gia, tự mình cạo bỏ râu tóc, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự khắc kỷ tu tập, tức ngay ở nơi đó mà các lậu diệt tận, thành vô lậu hành.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, người tự mình tu phạm hạnh, hành theo ba thừa kia sẽ quy hướng về đâu?”

Phật bảo A-nan:

“Như điều ông nói, Ta hằng thuyết hành của ba thừa. Chư Phật trong ba đời, quá khứ và vị lai, cũng thuyết hành của ba thừa.

“A-nan, nên biết, có một thời, các loài chúng sinh có dung mạo và thọ mạng càng lúc càng giảm thiểu, thân hình gầy yếu, không co uy thần, nhiều sân, nộ, tật đố, nhuế, si, gian nguy, huyễn hoặc, sở hành không chân chánh. Hoặc có chúng sinh có các căn linh lợi, nhanh nhẹn, chúng tranh giành lẫn nhau, đấu tranh kiện tụng nhau; hoặc chúng nắm tay, [773b] hoặc lấy ngói, đá, dao, gậy, tàn hại nhau. Các loài chúng sinh vào lúc bấy giờ khi cầm đến cọng cỏ, cỏ liền biến thành đao kiếm, cắt đứt mạng căn kẻ khác. Trong số đó, chúng sinh nào hành từ tâm, không có sân nộ, thấy sự biến quái này, trong lòng kinh sợ, thấy cùng nhau bỏ chạy, tránh xa chốn hung ác này. Trong chốn núi non, chúng tự nhiên cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc kỷ tu tập, tâm được giải thoát khỏi các lậu mà nhập cảnh giới vô lậu. Mỗi mỗi nói với nhau rằng, ‘Chúng ta đã thắng kẻ thù.’ A-nan, nên biết, những người đó được nói là tối thắng.”

A-nan bạch Phật:

“Những vị ấy thuộc vào bộ nào, Thanh văn bộ, Bích-chi-phật bộ hay Phật bộ?”

Phật bảo A-nan:

“Những vị ấy cần được nói là thuộc Bích-chi bộ. Vì sao vậy? Những người ấy đều do tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện, tu thanh tịnh bốn đế, phân biệt các pháp. Phạm hạnh pháp thiện ở đây là hành từ tâm vậy. Vì sao vậy? Bước đi nhân ái, hành từ tâm, đức ấy rộng lớn. Ngày xưa Ta khoác khôi giáp nhân từ này mà hàng phục Ma và quan thuộc của nó, ngồi dưới gốc thọ vương, thành Đạo vô thượng. Do phương tiện này mà biết từ là tối đệ nhất; từ là pháp tối thắng. A-nan, nên biết, do đó mà nói ai tối thắng hành từ tâm, đức của người ấy là như vậy, không thể ước tính. Vậy hãy nên tầm cầu phương tiện hành từ tâm. Như vậy, A-nan, hãy học điều này.”

Bấy giờ A nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vê, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, rời tĩnh thất, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Ông hôm nay có các căn thanh tịnh, nhan sắc khác người. Ông đang an trú trong tam-muội nào?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, con hằng an trú Không tam-muội.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay, lành thay, như Xá-lợi-phất mới có thể an trú nơi Không tam-muội. Vì sao vậy? Trong các tam-muội, Không¹¹ tam-muội là tối thượng đệ nhất. Tỳ kheo an trú Không tam-muội không chấp trước ngã, nhân, thọ mạng, cũng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có bản mặt của các hành. Do không thấy có, nên không tạo gốc rễ của hành. Do không có [773c] hành nên không còn tái sinh đời sau. Do không còn tái sinh đời sau nên không chòn thọ nhận quả báo khổ lạc. Xá-lợi-phất, nên biết, ngày xưa khi Ta chưa hành Đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: Các loài chúng sinh này do không nắm bắt được pháp gì mà phải trôi lăn trong sinh tử, không được giải thoát? Khi ấy, Ta lại nghĩ, vì không có Không tam-muội nên phải trôi nổi sinh tử, không được giải thoát. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sinh chưa đạt được, khiến chúng sinh khởi tưởng niệm đấm trước. Do khởi tưởng thế gian nên thọ nhận phần sinh tử. Nếu đạt được Không tam-muội này,

¹⁰ Tham chiếu Pali, M. 151 Piṇḍapāṭapārisuddhisuttaṃ (R. iii. 293). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 238.

¹¹ Đề bản chép nhầm là hư không 虛空.

không có gì là sở nguyện, do đó đạt được Vô nguyện tam-muội. Do đạt được Vô nguyện tam-muội, không mong cầu chết nơi này sinh về nơi kia; hoàn toàn không có tưởng niệm. Bảy giờ hành giả ấy lại đạt được và an trú trong Vô tướng tam-muội.

“Các loài chúng sanh này do không đạt được ba tam-muội này nên trôi nổi sinh tử.

“Sau khi quán sát các pháp, Ta liền đắc Không tam-muội. Sau khi đắc Không tam-muội, Ta liền thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Ta lúc bảy giờ do đạt được Không tam-muội, bảy ngày bảy đêm quán sát cây Đạo thọ, mắt không hề nhắm.

“Xá-lợi-phất, do phương tiện này mà biết rằng Không tam-muội là tối đệ nhất trong các tam-muội. Vua trong các tam-muội là Không tam-muội vậy. Cho nên, xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hoàn thành Không tam-muội. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.”

Bảy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà Trúc viên, thành La-duyet, cùng với chúng đại tỳ kheo 2500 vị.

Lúc bảy giờ trong thành La-duyet có một trưởng giả tên là Thi-lợi-quật, có nhiều của cải, nhiều bảo vật, vàng, bạc, châu báu, xa cừ, mã não, không sao kể xiết. Nhưng ông lơ là Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo là Ni-kiền tử. Quốc vương, đại thần, thầy đều quen biết ông.

Lúc bảy giờ, các hàng tại gia và xuất gia ngoại đạo và các đệ tử xuất gia và tại gia của Ni-kiền Tử tự nói lời phi báng rằng, có ngã, và chấp có thân của ngã. Chúng cùng với các nhóm sáu tôn sư ngoại đạo tập họp tại một nơi, bàn luận như vậy:

“Nay Sa-môn Cù-đàm không việc gì mà không biết. Ông ấy có Nhất thiết trí. Song, chúng ta không được lợi dưỡng, mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Phải tìm phương tiện không cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta hãy đến [774a] nhà Thi-lợi-quật, khiến trưởng giả ấy bày kế sách.”

Rồi ngoại đạo xuất gia, Ni-kiền Tử, cùng với sáu Tôn sư, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, nói với trưởng giả này rằng:

“Đại gia nên biết, ông là người được sinh bởi Phạm thiên, là con của Phạm thiên, có được lợi ích. Nay ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương tưởng chúng tôi, thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ kheo về nhà để tế tự. Lại sai làm một hầm lửa lớn ở trong nhà, đốt ngọn lửa cực kỳ rự rờ. Trong các thức ăn đều bỏ thuốc độc rồi mời đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ sự việc trong ba đời, sẽ không nhận lời mời. Nếu không có Nhất thiết trí, tất sẽ nhận lời mời, dẫn đệ tử đến đây, để tất cả đều bị đốt cháy. Trừ người sẽ được yên ổn, không có tai hại.”

Thi-lợi-quật-đa im lặng nhận lời của sáu Tôn sư. Ông ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, mà trong lòng chứa chất độc hại, bạch Như Lai rằng:

“Cúi xin Thế cùng Tỳ kheo Tăng nhận lời mời của tôi.”

Thế Tôn biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm ông, im lặng nhận lời. Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai im lặng nhận lời mời liền đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, rồi thối lui mà đi. Giữa đường, ông nghĩ như vậy: ‘Nay điều mà sáu Tôn sư của ta nói rất là chính xác. Nhưng Sa-môn không biết những điều suy nghĩ trong tâm ta. Họ sẽ bị lửa lớn đốt cháy.’

Rồi Thi-lợi-quật-đa trở về nhà, sai làm một hầm lửa lớn, đốt ngọn lửa lớn hùng hực. Lại sai làm các món ăn đủ loại, tất cả đều bỏ thuốc độc. Ở bên ngoài cửa lại làm một hầm lửa lớn, với ngọn lửa lớn hùng hực. Bên trên ngọn lửa đặt các giường ngồi, cũng bôi các thứ kịch độc. Lúc giữa bữa, sai người đi báo giờ ăn đã đến.

Bấy giờ Thế Tôn biết giờ ăn đã đến, bèn khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau, đi đến nhà ấy. Ngài lại lệnh các Tỳ kheo Tăng không ai được đi trước Ngài, không được ngồi trước Ngài, cung không được ăn cái gì trước Ngài. Trong lúc đó, các nhóm nhân dân trong thành La-duyệt nghe nói Thi-lợi-quật-đa cho đào làm hầm lửa, lại làm thức ăn độc mà thỉnh Phật và chúng tăng; chúng bốn bộ thấy đều than khóc, “Nhu Lai và Tỳ kheo tăng tất bị hại chăng?”

Có người đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn chớ đến nhà trưởng giả đó. Ông ấy làm hầm lửa lớn, lại làm các thức ăn độc.”

Phật nói:

“Mọi người chớ ôm lòng sợ hãi. [774b] Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Giả sử ngọn lửa trong Diêm-phù-đề cao đến Phạm thiên cũng không thể đốt cháy Ta được; huống gì ngọn lửa nhỏ ấy mà hại được Như Lai. Không bao giờ có trường hợp ấy. Các ưu-bà-tắc, nên biết, Ta không còn có tâm gây hại.”

Bấy giờ Thế Tôn với các tỳ kheo vây quanh trước sau đi vào thành La-duyệt, đến nhà trưởng giả. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ đi vào nhà trưởng giả trước, cũng chớ có ăn trước. Đợi Như Lai rồi mới ăn.

Khi Thế Tôn vừa cất chân lên trên ngưỡng cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao tắm cực kỳ mát mẻ, trong đó đầy các loại hoa; cũng có mọc hoa sen lớn như bánh xe, cọng bằng bảy báu; và cũng mọc các loại sen khác, trong đó ong mật bay nhớn nhोर.

Trong lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm thiên vương, và Tứ thiên vương, cũng với cần-thất-bà, A-tu-la, các dạ-xoa, quý thần các loại, thấy trong hầm lửa mọc lên hoa sen này, ai nấy đều chúc mừng chuyện lạ, khác giọng, cùng lời, thấy đều nói: “Thế mới biết Như là là đệ nhất trong các bậc đã Chiến thắng.”

Lúc bấy giờ trong nhà trưởng giả có đủ các ngoại đạo dị học cùng tụ tập về đó. Khi ấy, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai, hoan hỷ phần chấn không dừng được. Các ngoại đạo dị học sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai thì trong lòng ưu sầu. Trong hư không, chư thiên tôn thần rải xuống đủ các loại danh hoa lên trên thân Như Lai. Thế Tôn lúc ấy bước trên không mà đi, cách mặt đất bốn tấc. Chỗ nào Như Lai cất chân, chỗ đó mọc lên đóa hoa sen lớn như bánh xe. Rồi Thế Tôn quay về bên phải, bảo các Tỳ kheo:

“Các người hãy đạp lên hoa sen mà đi.”

Khi ấy các Thanh văn đều bước trên hoa sen mà đến nhà trưởng giả.

Rồi Thế Tôn nói thí dụ bằng câu chuyện cổ tích:

“Ta, từ quá khứ cho đến nay, đã cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự, lễ kính, chưa hề làm sai Thánh ý; nay mang những điều này ra mà thệ nguyện, khiến cho các chỗ ngồi đều được vững vàng.”

Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Ta cho phép các Tỳ kheo trước hết lấy tay đặt lên chỗ ngồi, rồi sau đó mới ngồi. Đây là giáo sắc của Ta.”

Khi Thế Tôn và các Tỳ kheo Tăng đã ngồi lên chỗ ngồi, thì dưới chỗ ngồi ấy mọc lên hoa sen thơm lừng.

Thi-lợi-quật-đa thấy sự biến hóa của Như Lai như vậy, trong lòng suy nghĩ: “Ta bị ngoại đạo dị học dối gạt, làm ta mất đi sở hành trong loài người, vĩnh viễn mất con đường sinh thiên.” Trong lòng rất phẫn nộ, như [774c] uống phải chất độc. “Ta chắc sẽ đọa trong ba ác đạo. Quả thật, Như Lai xuất thế, rất khó gặp.” Hiểu biết điều này rồi, ông liền rơi lệ, cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch rằng:

“Cúi mong Như Lai nghe con sám hối lỗi lầm. Con sẽ sửa đổi việc làm quá khứ, tu tập tương lai. Tự biết mình có tội đã xúc

nhieu Như Lai. Cúi nguyện Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Từ nay không con tái phạm nữa.”

Phật bảo ông trưởng giả:

“Sửa đổi lỗi lầm, dẹp bỏ tâm ý trước kia, mới có thể tự biết đã xúc phạm Như Lai. Trong pháp của Hiền Thánh, thật là rộng rãi. Ta nghe cho ông sửa lỗi, tùy pháp mà xả bỏ. ta nay nhận sự hối lỗi của ông. Về sau chớ tái phạm.”

Nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ Vua A-xà-thế nghe trưởng giả Thi-lợi-quật-đa đặt bày hầm lửa và pha thức ăn độc để hại Như Lai, bèn nổi cơn thịnh nộ, bảo các quần thần:

“Cần phải tiêu diệt hết những người trên Diêm-phù-lợi-địa có cùng tên Thi-lợi-quật-đa này!”

Rồi Vua A-xà-thế lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, cõi mũ Thiên quan xuống, nói với quần thần:

“Tay nay sống mà làm gì, nếu như Như Lai bị lửa đốt cháy, và chúng Tăng cũng đều bị đốt cháy. Các người hãy đến nhà trưởng giả mà trông chừng Như Lai.”

Khi ấy Kỳ-bà-già Vương tử tâu vua A-xà-thế:

“Đại vương, chớ có lo rầu, cũng đừng khởi lên ý tưởng ác. Vì sao? Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Hôm nay Thi-lợi-quật-đa sẽ làm đệ tử của Như Lai. Ngưỡng mong Đại vương hãy đến xem sự biến hóa.”

Bấy giờ A-xà-thế theo lời khuyến dụ của Kỳ-bà-già, bèn cưỡi con voi lớn Tuyết sơn, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật-đa. Vua xuống voi, đi vào nhà Thi-lợi-quật-đa. Lúc ấy đám đông đang tụ tập ngoài cửa, có đến tám vạn bốn nghìn người. Khi A-xà-thế trông thấy hoa sen lớn như bánh xe, hoan hỷ phấn khởi không dừng được, bèn nói lên rằng:

“Cầu cho Như Lai hằng thắng các chúng Ma.”

Rồi vua bảo Kỳ-bà-già Vương tử:

“Lành thay, Kỳ-bà-già, ông mới tin có sự việc như vậy nơi Như Lai!”

Bấy giờ vua A-xà-thế đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy A-xà-thế thấy từ miệng Như Lai phóng ra ánh sáng, và cũng nhìn thấy nhan sắc lạ thường của Như Lai, trong lòng hết sức hoan hỷ không dừng được.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa bạch Thế Tôn:

“Những thức ăn mà con dọn ra đều có độc. Cúi mong Thế Tôn đoi giây lát, [775a] con sẽ cho dọn thức ăn khác. Sở dĩ như vậy, để không khiến thân thể của Như Lai có tăng tổn.”

Phật bảo trưởng giả:

“Như Lai cùng các đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Những thức mà trưởng giả đã dọn lên, hãy tùy thời thích hợp mà dâng cúng.”

Khi ấy trưởng giả tự tay san sóc, bung lên các món thức ăn.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Phật, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Pháp, giải độc.

Chí thành Phật, Pháp, Tăng,

Giải độc không còn gì.

Chư Phật không có độc.

Chí thành Tăng, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Như Lai hằng không độc.

Chỉ thành Phật, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Pháp Như Lai không độc.

Chỉ thành Pháp, giải độc.

Độc tham dục, sân nhuế;

Thế gian có ba độc.

Tăng Như Lai không độc.

Chỉ thành Tăng, giải độc.

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn ăn thức ăn có pha chất độc. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ có ăn trước. Hãy đợi Như Lai ăn đã, sau đó mới ăn.

Bấy giờ trưởng giả tự tay san sóc, bưng dọn đủ các món thức ăn cúng dường Phật và Tỳ kheo tăng. Khi trưởng giả Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai đã ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết vi diệu pháp cho trưởng giả và đám đông tám vạn bốn nghìn người. Ngài thuyết các đề tài về thí, về giới, về sinh thiên, dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, xuất yếu là lạc. Như Lai xem xét thấy tâm ý của trưởng giả cũng tám vạn bốn nghìn người đã khai tỏ, không còn bụi bấn, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Ngài thuyết cho hết thầy chúng tám vạn bốn nghìn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng. Ngay lúc ấy, một người từ trên chỗ ngồi mà sạch các bụi bấn, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tấm vải mới để nhuộm màu sắc, mọi người lúc bấy giờ cũng như vậy, mỗi người đều ngay trên chỗ ngồi mà [775b] thấy được dấu tích của Đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt qua nghi hoặc, được vô sở úy, không thờ ai khác làm Thầy, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ năm giới.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa tự bết đã thấy được dấu tích của Đạo, bèn đến trước Phật bạch rằng:

“Cúng thí chất độc cho Như Lai mà lại được quả báo lớn; cúng thí cam lộ cho các ngoại đạo dị học lại thọ nhận tội. Vì sao vậy? Hôm nay con đem chất độc cúng dường Phật và Tỳ kheo Tăng mà ở ngay trong hiện pháp được chứng nghiệm này. Đã từ lâu con bị ngoại đạo mê hoặc nên mới móng tâm như vậy đối với Như Lai. Những ai phụng sự ngoại đạo dị học đều bị rơi vào biên tế.”

Phật bảo Thi-lợi-quật-đa:

“Đúng như điều ông nói, không có gì khác, đều là bị người khác dối gạt.”

Trưởng lão Thi-lợi-quật-đa bạch Phật:

“Từ nay về sau, con không còn tin ngoại đạo dị học này nữa. Con cũng không thuận cho chúng bốn bộ tại gia cúng dường.”

Phật bảo Trưởng giả:

“Chớ nói như vậy. Ông trước kia thường cúng dường các vị ngoại đạo này. Bồ thí cho súc sinh còn được phước khó lường, huống gì bồ thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi, ‘Thi-lợi-quật-đa là đệ tử của ai?’ ông trả lời như thế nào?”

Thi-lợi-quật-đa tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay quỳ dài, bạch Thế Tôn:

“Con là đệ tử của Thích-ca Văn, là đấng Tiên nhân thứ bảy, dũng mãnh mà giải thoát, nay thọ thân người này.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, Trưởng giả, ông đã có thể nói lời tán thán vi diệu ấy.”

Rồi Thế Tôn lại nói lần nữa pháp thậm thâm cho trưởng giả, tức thười thuyết bài kệ này:

*Tế tự, lửa trên hết,
Các thứ, tụng hơn hết;*

*Vua tôn quý giữa người,
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời trước;
Bốn bên, trên và dưới,
Ở các phương, cảnh vức,
Trời cùng người thế gian,
Phật là bậc tối thượng.
Ai muốn cầu phước kia,
Nên quy y Tam-phật*.*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn rời chỗ ngồi đứng dậy.

Bảy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa và những người đến hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹²

¹² Bản Hán, hết quyển 41.

MƯỜI PHÁP

PHẨM 46: KẾT CẨM

KINH SỐ 1

[775c07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỷ kheo:

“Có mười sự công đức¹ mà Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cảm giới cho các Tỷ kheo.

¹ Thập sự công đức 十事功德; đoạn dưới: thập pháp công đức 十法功德. Cf. *Tứ phần 1* (570c03), thập cú nghĩa 十句義: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng; 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ; 3. Khiến cho Tăng an lạc; 4. Khiến cho người chưa tin thì có tin; 5. Người đã có tin khiến tăng trưởng; 6. Để điều phục người chưa được điều phục; 7. Người có tâm quý được an lạc; 8. Đoạn hữu lậu hiện tại; 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai; 10. Chánh pháp được cứu trụ. *Ngũ phần* (T22n1421, tr.3c1), thập lợi 十利: 1. Tăng hoà hiệp; 2. Tăng đoàn kết; 3. Chế ngự người xấu; 4. Để cho người biết hổ thẹn được yên vui; 5. Đoạn hữu lậu đời nay; 6. Diệt hữu lậu đời sau; 7. Khiến người chưa tin có tin tâm; 8. Khiên người có tin tâm được tăng trưởng; 9. Để Chánh pháp lâu dài; 10. Phân biệt ti-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài. *Tăng kỳ* (T22n1425, tr.228c24), thập sự lợi ích 十事利益: 1. Nhiếp Tăng; 2. Cự nhiếp Tăng; 3. Để Tăng an lạc; 4. Chiết phục người không biết hổ thẹn; 5. Để người có tâm quý sống yên vui; 6. Người chưa tin được tin; 7. Người đã tin thì tin thêm; 8. Trong đời này được lậu tận; 9. Các lậu đời vị lai không sinh; 10. Để chánh pháp lâu dài. *Căn bản* (T23n1442, tr.629b22), như Pali. Pali, Vin. iii. tr.32: *saṅghasutthutāya* (vì sự ưu mỹ của Tăng); *saṅghaphāsutāya* (vì sự an lạc của Tăng); *dummaṅkūnaṃ puṅgalānaṃ niggahāya* (để chế phục hạng người không biết hổ thẹn); *pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvihārāya* (để các Tỷ-kheo nhu hòa sống an lạc); *diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya* (để ngăn chặn hữu lậu đời này); *sampāratikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya* (để đối trị hữu lậu đời sau); *appasannānaṃ pasādāya* (vì tịnh tín của người chưa có tin); *pasannānaṃ bhiyyobhāvāya* (vì sự tăng trưởng của người có tin); *saddhammaṭṭhitiyā* (vì sự trường tồn của chánh pháp); *vinayānuggahāya* (để nhiếp hộ ti-ni).

“Những gì là mười? Thừa sự Thánh chúng; hòa hiệp thuận thảo; an ổn Thánh chúng; hàng phục người xấu; khiến các Tỷ kheo có tầm quý không bị quấy nhiễu; người không tin khiến xác lập tín căn; người đã tin khiến càng tăng ích; ngay trong hiện pháp được dứt sạch các lậu; cũng khiến các thói xấu hữu lậu đời sau được trừ diệt; lại khiến Chánh pháp tồn tại thế gian lâu dài, thường niệm tư duy bằng phương tiện nào để Chánh pháp tồn tại lâu dài.

“Tỳ kheo, đó là mười pháp công đức, nay Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cấm giới cho Tỳ kheo. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu cấm giới giới, chớ để thoái thất.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có mười sự, là chỗ cư trú của Thánh.³ Các Thánh trong ba đời thường cư trú nơi đó. Những gì là mười? Năm sự đã trừ; thành tựu sáu sự; hằng hộ một sự;⁴ hộ trì chúng bốn bộ;⁵ quán sát các sự yếu kém;⁶ bình đẳng thân cận;⁷ chánh hướng vô lậu;⁸ thân hành khinh an;⁹ tâm khéo giải thoát; tuệ giải thoát.

² Pali, A.X.19-20 Āriyavāsa (R.v. 29)

³ Pali, ibid., *dasa ariyāvāsā*, mười Thánh cư. Hán, *Trưởng* 9 kinh 8 (tr. 57a): mười Hiền Thánh cư 十賢聖居.

⁴ *Trưởng* ibid., xả một 捨一. Pali: *ekārakkho hoti*: một thù hộ

⁵ *Trưởng* ibid., y bốn 依四. Pali: *caturāpasseno hoti*, bốn y cứ

⁶ *Trưởng* ibid., diệt dị để 滅異諦. Pali: *paṇunnapaccakasacco hoti*, trừ khử sự thật cá biệt.

⁷ *Trưởng* ibid., thắng diệu cầu 勝妙求.

“Thế nào, Tỳ kheo, năm sự đã trừ? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn trừ năm kết.¹⁰ Như vậy, năm sự đã được trừ.

“Thế nào Tỳ kheo thành tựu sáu sự? Ở đây, Tỳ kheo vâng hành sáu pháp tôn trọng.¹¹ Như vậy, Tỳ kheo thành tựu sáu sự.

“Thế nào Tỳ kheo hằng hộ một sự? Ở đây, Tỳ kheo hằng thủ hộ tâm đối với hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cho đến cửa Niết-bàn.¹² Như vậy, Tỳ kheo hằng hộ [776a] một sự.

“Thế nào Tỳ kheo thủ hộ chúng bốn bộ? Ở đây, Tỳ kheo thành tựu bốn thân túc.¹³ Như vậy mà thủ hộ chúng bốn bộ.

“Thế nào Tỳ kheo quán sát sự yếu kém? Ở đây, Tỳ kheo đã tận trừ các hành sinh tử.¹⁴ Như vậy, Tỳ kheo quán sát sự yếu kém.¹⁵

“Thế nào Tỳ kheo bình đẳng thân cận? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn tận ba kết.¹⁶ Đó là Tỳ kheo bình đẳng thân cận.

⁸ Tuiừng ibid., vô trước tướng 無濁想. Pali: *anāvilasaṅkappo* hoti, không tư duy vẫn đục.

⁹ Nguyên Hán: y ý thân hành 依倚身行. Pali: *pasaddhakāyasāṅkhāro*. Trương, ibid., thân hành dĩ lập 身行已立.

¹⁰ Năm kết 五結. Pali: năm triển cái.

¹¹ Hán: thừa lục trọng chi pháp 承六重之法. Xem phẩm 37, sáu trọng pháp. Pali, *chalaṅga-samannāgato*, thành tựu sáu chỉ: thấy sắc, nghe tiếng, v.v., ý thức pháp, mà không hỷ, không ưu, an trú xả (*neva sumano hoti na dummano, upekkhako viharati*).

¹² Pali: một thủ hộ: với tâm được thủ hộ bởi chánh niệm (*ekārakkho hoti ... satārakkhena cetasā samannāgato hoti*).

¹³ Pali: thân cận (*paṭisevati*), kham nhẫn (*adhivāseti*), xả ly (*parivajjeti*), trừ khử (*vinodeti*).

¹⁴ Pali: gác qua một bên các sự thật chủ quan: thế giới thường hay vô thường...

¹⁵ Đề bản chép sót một đoạn.

¹⁶ Pali: *samavayasatṭhesano hoti*, diệt trừ ba tầm cầu: dục tầm cầu (*kāmesanā*), hữu tầm cầu (*bhavesanā*), Phạm hạnh tầm cầu (*brahmacariyesanā*).

“Thế nào Tỳ kheo chánh hướng vô lậu? Ở đây, Tỳ kheo trừ khử kiêu mạn.¹⁷ Như vậy, Tỳ kheo chánh hướng vô lậu.

“Thế nào Tỳ kheo thân hành khinh an? Ở đây, Tỳ kheo đã diệt tận vô minh.¹⁸ Như vậy, Tỳ kheo thân hành khinh an.

“Thế nào Tỳ kheo tâm hoàn toàn được giải thoát? Ở đây, Tỳ kheo đã đoạn tận ái. Như vậy, Tỳ kheo tâm hoàn toàn giải thoát.

“Thế nào Tỳ kheo tuệ giải thoát? Ở đây, Tỳ kheo quán Khổ, Tập, Tận, Đạo, như thật biết rõ. Như vậy, Tỳ kheo tuệ giải thoát.

“Đó là, Tỳ kheo, mười sự là chốn cư trú của Hiền Thánh. Các Hiền Thánh xưa đã cư trú nơi trú xứ này, đã cư trú và đang cư trú. Cho nên, Tỳ kheo, hãy niệm trừ năm sự, thành tựu sáu pháp, thủ hộ một pháp, hộ trì chúng bốn bộ, quán sát yếu kém, bình đẳng thân cận, chánh hướng vô lậu, thân hành khinh an, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các y kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Như Lai thành tựu mười lực, tự biết là bậc Vô sở trước,¹⁹ ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử, chuyển pháp luân vô

¹⁷ Ba tư duy vẫn đục: đục (*kāma*), sân (*byāpāda*), hại (*vihimsā*).

¹⁸ Pali: chúng nhập và an trú thiền thứ tư, xả niệm thanh tịnh (*upekkhāsati pārisuddhiṃ catuttham jhānam upasampajja viharati*).

¹⁹ Pali, định cú: *āsabham thānam paṭijānāti*, tự xác nhận địa vị Ngưu vương.

thượng mà cứu độ chúng sinh, rằng đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc, đây là xuất yếu của sắc; quán sát đây là thọ, tướng, hành, hức, tập khởi, diệt tận, xuất yếu của thức; nhân bởi cái này, có cái này, đây sinh thì kia sinh; do duyên vô minh mà hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não, không thể kể xiết. Nhân có thân năm uẩn này mà có pháp tập khởi này; đây diệt thì kia diệt, đây không thì kia không, do vô minh diệt tận mà hành diệt tận, hành tận nên thức tận, thức tận nên danh sắc tận, danh sắc tận nên sáu xứ tận, sáu xứ tận nên xúc tận, xúc tận nên thọ tận, thọ tận nên [776b] ái tận, ái tận nên thủ tận, thủ tận nên hữu tận, hữu tận nên chết tận, chết tận nên sầu ưu khổ não thấy đều diệt tận.

“Tỳ kheo, nên biết, pháp của Ta sâu thẳm, rộng lớn không có bờ mé, đoạn trừ các hồ nghi, là chón an ổn, chánh pháp. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân chuyên cần dụng tâm không để khuyết, dù cho thân thể khô kiệt, hủy hoại, vẫn không bao giờ xả bỏ hành tinh tấn, buộc chặt tâm không quên lãng; tu hành pháp khổ thật không phải dễ, ưa chón nhàn tĩnh, tịch tĩnh tư duy, không xả bỏ hành đầu-đà, như nay Như Lai hiện tại khéo tu phạm hạnh.

“Cho nên, Tỳ kheo, nếu khi tự quán sát, tư duy pháp vi diệu, hãy quán sát hai nghĩa, hành không buông lung, để cho thành tựu kết quả chắc thật, đạt đến chỗ diệt tận của cam lộ. Nếu khi nhận sự cúng dường của người khác, áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngoại cụ, thuốc men trị bệnh mà không uống công khó nhọc của người, và cũng khiến cho cha mẹ được quả báo ấy, thừa sự chư Phật, lễ kính, cúng dường.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Như Lai thành tựu mười lực,²¹ được bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử.

“Những gì là mười? Ở đây, Như Lai như thật biết rõ đây là xứ, biết rõ như thật là phi xứ.²²

“Lại nữa, Như Lai biết rõ xứ sở, biết rõ tùy thuộc nhân duyên nào mà các chúng sinh thọ lãnh quả báo ấy.²³

“Lại nữa, Như Lai biết rõ thế giới sai biệt, giới sai biệt²⁴ xứ sai biệt; biết rõ như thật.²⁵

“Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật giải thoát sai biệt, vô lượng giải thoát.²⁶

“Lại nữa, Như Lai biết rõ trí tuệ nhiều hay ít của chúng sinh; biết rõ như thật.²⁷

²⁰ Pali, A. X. 21 Sīha (R. v. 23).

²¹ cf. *Tap* (Việt) kinh 652; *Tỳ-bà-sa 30* (156c19).

²² Thị xứ, phi xứ 是處 非處. Pali: *thānañca thānato aṭṭhānañca aṭṭhānato*.

²³ Tỳ-bà-sa ibid.: nghiệp pháp tập trí lực 業法集智力. Pali: *atītānāgata-paccuppanānam kammamādānānam thānaso hetuso vipākam yathā-bhūtam pajānāti*, như thực biết rõ dị thực tùy theo nguyên nhân và điều kiện của sự thọ báo của các hành vi quá khứ, vị lai và hiện tại.

²⁴ Hán: trì 持. *Tri* tức *giới* đều dịch từ tiếng Phạn *dhātu*.

²⁵ Tỳ-bà-sa, lực thứ tư: chủng chủng giới trí lực 種界智力. Pali: *anekadhātuṃ nānādhātuṃ lokam* (biết rõ) thế gian với giới đa thù, giới sai biệt.

²⁶ *Tỳ-bà-sa* ibid., lực thứ năm: chủng chủng thắng giải trí lực 種種勝解智力. Pali: *sattānam nānādhimuttikatam*, chí hướng (thắng giải) sai biệt của các chúng sanh.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sinh; biết rõ như thật.²⁸ Tâm có dục, biết rõ tâm có dục; tâm không dục, biết rõ tâm không dục; tâm có sân nhuế, biết rõ tâm có sân nhuế; tâm không sân nhuế, biết rõ tâm không sân nhuế; tâm ngu si, biết rõ tâm ngu si; tâm không ngu si, biết rõ tâm không ngu si; tâm có ái, biết rõ tâm có ái; tâm không ái, biết rõ tâm không ái; tâm có thủ, biết rõ tâm có thủ; tâm không thủ, biết rõ tâm không thủ; tâm loạn, biết rõ có tâm loạn; tâm không loạn, biết rõ tâm không loạn; tâm tán, biết rõ có tâm tán; [776c] tâm không tán, biết rõ tâm không tán; tâm ít, biết rõ có tâm ít; tâm không ít, biết rõ tâm không ít; tâm rộng, biết rõ có tâm rộng; tâm không rộng, biết rõ tâm không rộng; tâm vô lượng, biết rõ tâm vô lượng; tâm hạn lượng, biết rõ tâm hạn lượng; như thật biết rõ. Tâm định, biết có tâm định; tâm không định, biết tâm không định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ tận cùng tất cả con đường mà tâm hướng đến,²⁹ hoặc một, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, năm mươi đời, trăm đời, nghìn đời, ức trăm nghìn đời, vô lượng đời, trong thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, xưa kia ta sinh ở đó với tên họ như vậy, ăn thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, thọ mạng dài, vẫn, chết đây sinh nơi

²⁷ Tỳ-bà-sa. lực thứ 6: căn thắng liệt trí lực 根勝劣智力. Pāli: *parasattānaṃ parupuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ*, biết căn cơ hơn kém của các loại chúng sanh, con người.

²⁸ Tỳ-bà-sa, thứ ba: tinh lự giải thoát đẳng chí phát khởi tạp nhiễm thanh tịnh trí lực 靜慮解脫等持等至發起雜染清淨智力. Pāli: *jhānavimokkhasamādhisamāpattīnaṃ samkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ*, sự xuất khởi thành tịnh, tạp nhiễm của các sự chứng nhập các thiền, giải thoát, tam-muội. Không có tương đương với bản Hán này.

²⁹ Tỳ-bà-sa, lực thứ bảy: biến thú hành trí lực 遍趣行智力. Pāli: *sabbatthagāminim paṭipadaṃ*, hành tích dẫn đến tất cả các định hướng.

kia, chết nơi kia sinh nơi này; tự nhớ lại như vậy sự việc vô lượng đời trước.³⁰

“Lại nữa, Như Lai biết định hướng sống chết của chúng sinh;³¹ bằng thiên nhãn mà quán sát các loài chúng sinh, hoặc có sắc đẹp, hoặc sắc xấu, thiện thú, ác thú tùy theo hành nghiệp đã gieo trồng, tất cả đều biết rõ. Hoặc có chúng sinh hành ác bởi thân, miệng, ý, phi báng Hiền Thánh, gây nghiệp tà kiến, thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh hành thiện bởi thân, miệng, ý, không phi báng Hiền Thánh, hằng hành chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh vào cõi thiện, sinh lên trời. Đó gọi là bằng thiên nhãn thanh tịnh quán sát định hướng của chúng mà các hành vi đưa đến.

“Lại nữa, Như Lai biết rõ các lậu đã diệt tận,³² thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, biết rõ như thật.

“Đó gọi là mười lực của Như Lai, tự gọi là bậc Vô trước, được bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, chuyển phạm luân.

“Thế nào là bốn vô sở úy mà Như Lai có được?³³ Như Lai thành đẳng chánh giác; (nếu có chúng sinh muốn nói là biết, trường hợp này không thể có;)³⁴ hoặc có sa-môn, bà-la-môn

³⁰ Tỳ-bà-sa, lực thứ tám: túc trụ tùy niệm trí lực 宿住隨念智力. Trong bản Hán này, lực này đượckeer chúng với biến thú hành trí lực. Pāli: *anekavihitaṃ pubbenivāsaṃ anussarati*, nhớ lại vô số đời trước.

³¹ Tỳ-bà-sa, lực thứ chín: tử sanh trí lực 死生智力. Pāli: *dibbena cakkhunā... satte passati cavamāne upapajjamāne*, bằng thiên nhãn, ..., thấy chúng sanh đang chết, đang tái sanh...

³² Tỳ-bà-sa, lực thứ mười: lậu tận trí lực 漏盡智力. Pāli: *āsavānaṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttim*, lậu tận, vô lậu tâm giải thoát.

³³ So sánh, **phẩm 27, kinh số 6**. Văn và nghĩa không nhất quán giữa hai đoạn dịch này.

³⁴ Câu văn này nghi là chép nhầm, dư, nên cho vào ngoặc.

muốn đến phi báng Phật, nói là không thành Đẳng chánh giác, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có, nên Ta được an ổn.

“Nhưng hôm nay khi Ta nói, Ta đã diệt tận các lậu. Giả sử có sa-môn, bà-la-môn, hoặc Thiên, hoặc Ma thiên, đến mà nói Ta chưa diệt tận các lậu, trường hợp ấy không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có nên ta được an ổn.

“Lại nữa, pháp mà Ta thuyết, là xuất yếu của Hiền Thánh, như đoạn tận biên tế khổ. Giả sử [777a] có sa-môn, bà-la-môn, Thiên, hoặc Ma thiên, đến nói là chưa đoạn tận biên tế khổ, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp này không thể có nên Ta được an ổn.

“Lại nữa, pháp chương ngại³⁵ mà ta nói là đọa lạc cõi dữ; giả sử có sa-môn, bà-la-môn, đến muốn nói điều đó không đúng; trường hợp này không thể có.

“Tỳ kheo, đó là bốn vô sở úy của Như Lai.

“Giả sử có ngoại đạo dị học hỏi Sa-môn Cù-đàm kia có lực gì, vô úy gì mà tự xưng là bậc Vô trước, tối tôn, các người hãy trả lời bằng mười lực này.

“Giả sử ngoại đạo dị học nói, ‘Chúng tôi cũng thành tựu mười lực,’ Tỳ kheo các người nên hỏi lại, ‘Ông có mười lực gì?’ Khi ấy ngoại đạo dị học ắt không thể trả lời, và lại tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Ta không thấy có sa-môn, bà-la-môn nào tự xưng đắc bốn vô sở úy, trừ Như Lai. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười lực, bốn vô sở úy.

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

³⁵ Nguyên Hán: nội pháp 内法; Hán dịch sai, hiểu nhầm *antarāyikadharmā* (pháp chương ngại) thành *antaradharmā*, pháp trung gian hay nội pháp.

KINH SỐ 5³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có mười niệm, được phân biệt rộng rãi, tu tập, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, kiêu mạn, vô minh. Những gì là mười? Đó là, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh,³⁷ niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết.

“Đó là Tỳ kheo, nếu có chúng sinh tu hành mười niệm này sẽ đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; hết thảy vô minh, kiêu mạn, thảy đều được đoạn tận.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Gần gũi cung vua,³⁹ có mười phi pháp. Những gì là mười? Ở đây, trong nội cung⁴⁰ có khởi tâm mưu hại muốn giết quốc

³⁶ Để bản này sát kinh số 5. Kinh này được được bổ khuyết ở cuối quyển 42, y các bản Tống, Nguyên, Minh.

³⁷ Nguyên Hán: niệm chí quán. Có lẽ chỉ tức nhưng chép nhầm thanh chí quán. Xem kinh 8 phẩm 2 (niệm hư tức); kinh 5 phẩm 39.

³⁸ Pali, A. X. 45. Pavesana

³⁹ Hán: quốc gia 國家, nhà của nước, tức nhà của vua. Pali: *rājantepura*, nội cung hay hậu cung của vua; mười điều tai hại khi đi vào hậu cung của vua.

⁴⁰ Hán: quốc gia, xem cht. 39 trên.

vương. Do bởi âm mưu này, quốc vương bị giết. Nhân dân nước đó nghĩ rằng, ‘Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây chắc chắn là việc làm của sa-môn ấy.’ Đó là phi pháp thứ nhất, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, đại thần phản nghịch, bị vua bắt và giết. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Sa-môn, đạo sỹ này thường xuyên lui tới. Đây là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ hai, nạn do vào trong cung vua.⁴¹

“Lại nữa, nội cung bị mất tài bảo, khi ấy người giữ kho nghĩ rằng, ‘Ồ đây bảo vật này luôn luôn được ta canh giữ, lại cũng không có ai khác đi vào đây. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ ba, nạn do đi vào cung vua.

“Lại nữa, con gái của vua đang tuổi tráng thịnh, chưa có chồng mà mang thai. Khi ấy người trong nước nghĩ rằng, ‘Trong đây không ai khác lui tới. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ tư, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, vua mắc bệnh nặng, [777b] trúng thuốc của người khác. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Trong đây không có ai khác. Nhất định là do sa-môn ấy làm.’ Đó là phi pháp thứ năm, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, các đại thần của vua tranh chấp nhau, gây thương tổn nhau. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Các đại thần này trước kia hòa hiệp, nay lại tranh chấp nhau. Đây không phải là việc làm của ai khác, mà nhất định là do sa-môn, đạo sỹ ấy.’ Đây là phi pháp thứ sáu, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, hai nước tranh chấp nhau, mỗi bên đều tranh thắng. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Sa-môn đạo sỹ này nhiều lần lui tới nội cung. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ bảy, nạn do gần gũi cung vua.

⁴¹ Hán: nhập quốc 入國, nên hiểu là nhập hậu cung.

“Lại nữa, quốc vương trước kia vốn ưa huệ thí, phân chia tài vật cho dân; về sau keo lẩn, hối tiếc, không huệ thí nữa. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Quốc vương của chúng ta trước kia vốn ưa huệ thí; nay lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ tám, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, quốc vương hằng đúng theo pháp mà thu tài vật của dân. Về sau, lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Quốc vương của chúng ta trước kia thu tài vật của dân một cách hợp pháp, nay lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Đây nhất định là việc làm của sa-môn ấy.’ Đây là phi pháp thứ chín, nạn do gần gũi cung vua.

“Lại nữa, nhân dân trong quốc thổ mắc phải bệnh dịch tràn lan, thảy đều do duyên đời trước. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng, ‘Chúng ta xưa kia không có tật bệnh. Nay người bị bệnh chết nằm đầy đường. Đây nhất định do chú thuật của sa-môn gây nên.’ Đây là phi pháp thứ mười, nạn do gần gũi cung vua.

“Tỳ kheo, đó là mười phi pháp, tai họa do đi vào cung vua. Cho nên, Tỳ kheo, chớ móng tâm gần gũi cung vua.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì không thể tồn tại lâu dài, bị nhiều giặc cướp. Những gì là mười?

“Ở đây, quốc vương tham lam keo kiệt, vì chút sự việc nhỏ mà nổi thịnh nộ, không quán sát nghĩa lý. Nếu quốc vương thành

tự pháp thứ nhất này, sẽ không tồn tại lâu dài, nước có nhiều giặc cướp.

“Lại nữa, vua ấy tham đắm tài vật, không khứng chịu thua sút. Quốc vương [777c] thành tự pháp thứ hai này, sẽ không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, vua kia không chịu nghe can gián, là người bạo ngược, không có từ tâm. Đây là pháp thứ ba mà quốc vương thành tự sẽ không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, vua kia bắt oan nhân dân, giam cầm ngang ngược, nhốt trong lao ngục không có ngày ra. Đó là pháp thứ tư, khiến vua không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương tuyển dụng thân tá phi pháp, không y theo chánh hành. Đó là pháp thứ năm, khiến vua không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương tham đắm sắc đẹp của người, xa lánh vợ của mình. Đó là quốc vương thành tự pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương ưa uống rượu mà không lý đoán quan sự. Đó là thành tự pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương ưa thích ca múa, hí, nhạc, mà không lý đoán quan sự. Đó là pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương hằng mang bệnh tật, không có ngày nào khỏe mạnh. Đó là pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không tin bề tôi trung hiếu, lòng cánh yếu ớt, không có người phò tá mạnh. Đó là quốc vương thành tự pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

“Ở đây, chúng Tỳ kheo cũng vậy, nếu thành tự mười pháp, công đức gốc rễ thiện không tăng trưởng, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Mười pháp ấy là gì?

“Ở đây, Tỳ kheo không trì cấm giới, cũng không có tâm cung kính. Đó là Tỳ kheo thành tự pháp thứ nhất, không cứu cánh đạt đến nơi phải đạt đến.

“Tỳ kheo không thừa sự Phật, không tin lời nói chân thật. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ hai, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không thừa sự Pháp, các giới luật bị khuyết thủng. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ ba, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không thừa sự Thánh chúng, tâm ý hằng tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ tư, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ năm, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không học hỏi nhiều, không siêng năng đọc tụng, ôn tập. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không tùng sự theo thiện tri thức, mà thường xuyên tùng sự theo ác tri thức. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo hằng ưa bận rộn công việc, không thích tọa thiền. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài,

“Lại nữa, Tỳ kheo [778a] ham thích toán số, bỏ đạo chạy theo thế tục, không học tập chánh pháp. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ kheo không ưa tu phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đó là Tỳ kheo có pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

“Đó là, Tỳ kheo thành tựu mười pháp này nhất định đọa ba ác đạo, không sinh vài chỗ lành.

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì sẽ được tồn tại lâu dài ở đời. Những gì là mười?

“Quốc vương không tham đắm tài vật, không nổi thịnh nộ, cũng không vì chuyện nhỏ mà sinh tâm thù oán. Đó là pháp thứ nhất khiến được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc hăng nghe lời can gián của quần thần, không nghịch lời của họ. Đó là thành tựu pháp thứ hai thì được tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương thường ưa huệ thí, cùng chung vui với dân. Đó pháp thứ ba khiến cho tồn tại lâu dài.⁴²

“Lại nữa, quốc vương trung thu tài vật hợp pháp chứ không phải phi pháp. Đó là pháp thứ tư khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương kia không tham đắm sắc người khác, hăng tự thủ hộ với vợ của mình. Đó là thành tựu pháp thứ năm khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không uống rượu, tâm không hoang loạn. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, khiến tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương không cười giỡn, mà hàng phục kẻ thù bên ngoài. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương vương y theo pháp mà trị hóa, không bao giờ bề cong. Đó là thành tựu pháp thứ tám, tồn tại lâu dài.

“Lại nữa, quốc vương cùng với quần thần hòa thân, không có tranh chấp. Đó là thành tựu pháp thứ chín, tồn tại lâu dài,

“Lại nữa, quốc vương không có bệnh hoạn, khí lực cường thịnh. Đó là pháp thứ mười, khiến tồn tại lâu dài.

“Nếu quốc vương thành tựu mười pháp này sẽ được tồn tại lâu dài, không có gì lo ngại.

“Chúng Tỳ kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp, chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi liền được sinh lên trời. Những gì là mười?

“Ở đây, Tỳ kheo thọ trì giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm chánh pháp. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp hứ nhất này khi thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

⁴² Để bản nhảy sót.

Lại nữa, Tỳ kheo có tâm cung kính đối với Như Lai. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ hai, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo thuận tùng giáo pháp, không một điều vi phạm. Đó là Tỳ kheo thành tựu pháp thứ ba, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo [778b] cung phụng Thánh chúng, không có tâm biếng nhác. Đó là thành tựu pháp thứ tư, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo thiếu dục, tri túc, không say đắm lợi dưỡng. Đó là Tỳ kheo có pháp thứ năm, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo không làm theo tự ý mà hằng tùy thuận giới pháp. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo không mê đắm công việc bận rộn, thường ưa tọa thiền. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, được sinh lên trời.

“Lại nữa, Tỳ kheo ưa chỗ nhàn tĩnh, không ưa sống giữa nhân gian. Đó là thành tựu pháp thứ tám, được sinh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo không tùng sự theo ác tri thức, mà thường tùng sự theo thiện tri thức. Đó là thành tựu pháp thứ chín, được sanh vào chỗ lành.

“Lại nữa, Tỳ kheo thường tu phạm hạnh, xa lìa ác pháp, nghe nhiều, học nghĩa, không để mất thứ tự. Như vậy Tỳ kheo thành tựu mười pháp, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

“Đó là, mười phi pháp hành khiến vào địa ngục, hãy nên bỏ tránh xa. Mười chánh pháp hành, hãy nên cùng vâng tu tập.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8⁴³

Tôi nghe như vậy:

⁴³ Pali, A.X. 27. Mahāpañhā 1 (R.v. 48)

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ, số đông Tỳ kheo, khi đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực. Khi ấy, số đông Tỳ kheo nghĩ như vậy: “Chúng ta vào thành khát thực, nhưng còn quá sớm. Chúng ta hãy đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng luận nghị.” Rồi chúng Tỳ kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học.

Khi các ngoại đạo thấy các sa-môn đến, bảo nhau rằng: “Các bạn hãy giữ im lặng, chớ nói lớn tiếng. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến đây. Pháp của sa-môn ca ngợi những người im lặng. Chớ để họ biết chánh pháp của chúng ta loạn hay không loạn.”

Bấy giờ, số đông các Tỳ kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học, sau khi chào hỏi nhau, ngồi xuống một bên. Khi ấy, các ngoại đạo hỏi các Tỳ kheo:

“Sa-môn Cù-đàm của các ông dạy các đệ tử bằng diệu pháp này, rằng ‘Này các Tỳ kheo, hãy thấu suốt hết thảy các pháp, và hãy tự mình an trú.’⁴⁴” Phải vậy chăng? Chúng tôi cũng dạy [778c] các đệ tử diệu pháp này để tự an trú. Những điều tôi nói có gì khác với các ông, có gì sai biệt? Thuyết pháp, giáo giới cùng như nhau, không có gì khác.”

Số đông các Tỳ kheo, sau khi nghe những điều ngoại đạo nói, không khen hay, cũng không chê dỡ, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy mà bỏ đi.

Sau đó, các Tỳ kheo bảo nhau: “Chúng ta hãy đem nghĩa lý này đến bạch Thế Tôn. Nếu Như Lai có dạy điều gì, chúng ta sẽ ghi nhớ mà phụng hành.”

Rồi số đông các Tỳ kheo, sau khi vào thành La-duyệt khát thực, trở về trong phòng, cất y bát, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy

⁴⁴ Pali: *sabbam dhammam abhijānātha, sabbam dhammam abhiññāya viharathā`ti*, các người hãy chứng tri tất cả pháp. Sau khi chứng tri tất cả pháp, các người hay an trú.

dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy số đông các Tỳ kheo đem duyên sự trước đó kể hết với Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Sau khi các ngoại đạo dị học kia hỏi nghĩa này, các người hãy trả lời bằng những lời này: luận một điều, nghĩa một điều, diễn một điều; cho đến, luận mười, nghĩa mười, diễn mười.⁴⁵ Khi nói lời này có ý nghĩa gì, các người mang lời này đến hỏi, những người kia sẽ không thể trả lời. Các ngoại đạo do thế càng tăng thêm ngu hoặc. Vì sao vậy? Vì không phải là cảnh giới của họ. Cho nên, Tỳ kheo, Ta không thấy có Trời, Người, Ma hoặc Ma thiên, Đế Thích, Phạm thiên vương, mà có thể trả lời được điều đó, trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói, điều này không luận đến.

“Luận một, nghĩa một, diễn một; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Hết thủy chúng sinh do thức ăn mà tồn tại; không thức ăn thì chết. Tỳ kheo đối với pháp ấy mà bình đẳng nhâm tẩm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ;⁴⁶ đồng một nghĩa, không hai’⁴⁷ điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Nghĩa một, luận một, diễn một, cho đến luận mười, nghĩa mười, diễn mười;⁴⁸ Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Danh và sắc. Danh là gì? Thọ*, tưởng, niệm, xúc*, tư

⁴⁵ Pali: *eko, āvuso, pañho eko uddeso ekaṃ veyyākaraṇaṃ, dve pañhā dve uddesā dve veyyākaraṇāni, ... dasa pañhā dasuddesā dasa veyyākaraṇānī’ti*, một câu hỏi, một tuyên bố, một trả lời, cho đến, mười...

⁴⁶ Pali: *sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno sammā pariyantadassāvī sammadatthaṃ abhisamecca diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti*, chân chánh yếm ly, chân chánh ly tham, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát biên tế, chân chánh hiện quán nghĩa lý, ngay trong đời này mà chấm dứt biên tế khổ.

⁴⁷ Đề bản và Tổng nháy sót. Nguyên, Minh bỏ khuyết: *nhất luận nhất nghĩa nhất diễn*, một luận, một nghĩa, một diễn (điều mà Ta đã nói...)

⁴⁸ Có thể đề bản chép nhầm. Nguyên Minh: “luận hai, nghĩa hai, diễn hai.”

duy; đó là danh. Cái kia sao gọi là sắc? Bốn đại, và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là sắc, do duyên bởi căn bản này mà nói là sắc. Luận hai, nghĩa hai, diễn hai, do bởi nhân duyên này mà Ta nói đến. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

“Luận ba, nghĩa ba, diễn ba; do đâu mà nói [779a] nghĩa này? Do ba thọ* Những gì là ba? Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Vì sao được nói là lạc thọ? Trong tâm có ý tưởng lạc, cũng không phân tán; đó gọi là lạc thọ. Vì sao được nói là khổ thọ? Trong tâm mê loạn không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau; đó gọi là khổ thọ.⁴⁹ Thế nào là cảm thọ không khổ không lạc? Ý tưởng không khổ không lạc trong tâm, lại không phải là chuyên nhất định tĩnh, cũng không phải loạn tưởng, cũng không tư duy pháp và phi pháp, hằng tự tịch mặc, tâm không có ghi nhận gì; đó gọi là cảm thọ không khổ không lạc. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Luận ba, nghĩa ba, diễn ba, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bốn đế.⁵⁰ Những gì là bốn? Thánh đế Khổ, Tập, Tận, Đạo. Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo, buồn, não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ân ái biệt ly khổ, ước muốn không được khổ.⁵¹ Vì sao được gọi là Thánh đế Tập? Căn bản ái cùng với dục tương ưng.⁵² Vì sao được gọi

⁴⁹ Định nghĩa không thấy trong Pali.

⁵⁰ Pali: bốn loại thức ăn (*catūsu āhāresu*)

⁵¹ Nguyen-Minh thêm: “Tóm tắt, năm thanh ấm khổ. Đó gọi là Thánh đế Khổ.”

⁵² Hán: 愛本與欲相應. Chính xác nên hiểu là “khái ái đương lai câu hữu với hỷ tham (Pali: *taṇhā ponobhavikā nandirāgasahagatā*, nhưng bản Hán có lẽ hiểu *ponobhavika*, đương lai hữu, là *pubbabhavika*?)

là Thánh đế Khổ tận? Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế. Vì sao được gọi là Thánh đế Khổ xuất yếu? Đó là tám phẩm đạo của Hiền Thánh: chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tam-muội; đó là đạo có tám phẩm. Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận năm, nghĩa năm, diễn năm; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là năm căn.⁵³ Những gì là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn huệ. Thế nào là căn tín? Hiền Thánh đệ tử tin đạo pháp của Như Lai, rằng Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Đó gọi là căn tín. Thế nào là căn tinh tấn? Thân, tâm, ý tinh cần không mệt mỏi; diệt [779b] pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, hằng chấp trì tâm; đó là căn tinh tấn. Thế nào là căn niệm? Tụng tập không quên, hằng giữ trong tâm, ghi nhớ không thất lạc, pháp hữu vi vô lậu không bao giờ bị mất; đó là căn niệm. Thế nào là căn định? Trong tâm không động loạn, không có các tướng sai biệt, hằng chuyên tinh nhất ý; đó là căn tam-muội. Thế nào là căn trí tuệ? Biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo; đó là căn trí tuệ. Đó là năm căn. Tỳ kheo ở trong đó mà bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận năm, nghĩa năm, diễn năm, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là sáu trọng pháp.⁵⁴ Sáu ấy là gì? Ở đây, Tỳ kheo thường xuyên hành từ tâm bởi thân, hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở trong phòng,

⁵³ Pali: năm thủ uẩn (*pañcasu upādānakkhandhesu*).

⁵⁴ Sáu pháp tôn trọng, xem kinh số 1 phẩm 37. Pali: sáu nội xứ (*chasa ajjhattikesu āyatanesu*).

tâm thường như một,⁵⁵ đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hiệp. Đây là pháp tôn trọng thứ nhất của Tỳ kheo. Lại nữa, hành từ tâm nơi miệng, không khởi ganh tị oán ghét, đáng kính, đáng quý; đó là pháp tôn trọng thứ hai. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh, tâm bình đẳng mà cho; đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, phụng trì cấm giới không có điều rơi rớt, giới mà bậc hiền trí quý trọng; đó là pháp tôn trọng thứ năm, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, chánh kiến mà Hiền Thánh được xuất yếu, đến chỗ chấm dứt khổ tế, ý không tạp loạn, cùng tu hành với các đồng phạm hạnh pháp ấy; đó là pháp tôn trọng thứ sáu, đáng kính, đáng quý. Bảy giờ Tỳ kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận sáu, nghĩa sáu, điển sáu, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận bảy, nghĩa bảy, điển bảy; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bảy y chỉ xứ của thân thức.⁵⁶ Bảy ấy là gì? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời⁵⁷ và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh.⁵⁸ Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. [779c] Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Vô sở hữu xứ. Hoặc có chúng sinh phi tướng phi phi tướng vô lượng; đó là trời Phi tướng phi phi tướng.⁵⁹ Đó là bảy y chỉ xứ của thân

⁵⁵ Đây hiểu là tâm thường hòa hiệp như một với các bạn đồng tu.

⁵⁶ Pali: *sattasu viññānatthitīsu*, bảy thức trú.

⁵⁷ Chính xác: một bộ phận của chư thiên.

⁵⁸ Chính xác: xuất hiện vào thời kiếp sơ.

⁵⁹ Hán dịch dư trú xứ thứ tám. Trú xứ của thức chỉ đến Vô sở hữu xứ thiên. Xem *Tập dị 17*, mục bảy pháp.

(thức). Ở đó, Tỳ kheo bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận tám, nghĩa tám, diễn tám; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là tám pháp thế gian,⁶⁰ tùy theo đời mà xoay chuyển. Tám ấy là gì? Đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.⁶¹ Đó là tám pháp thế gian, tùy theo đời mà xoay chuyển. Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận tám, nghĩa tám, diễn tám, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận chín, nghĩa chín, diễn chín; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là chín cư xứ của chúng sinh.⁶² Những gì là chín? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh. Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Vô sở hữu xứ. Hoặc có chúng sinh phi tướng phi phi tướng vô lượng; đó là trời Phi tướng phi phi tướng. Vô tướng chúng sinh và các loài thọ sanh khác, đó là chín y chỉ xứ của thần (thức). Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận chín, nghĩa chín, diễn chín, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Luận mười, nghĩa mười, diễn mười; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là mười niệm.⁶³ Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm chỉ

⁶⁰ Pali: *aṭṭhasu lokadhammesu*.

⁶¹ Nguyên hán: lợi suy hủy dự xung ky khổ lạc 利衰毀譽稱譏苦樂.

⁶² Pali: *navasu sattāvāsesu*, chín hữu tình cư.

⁶³ Pali: *dasasu akusalesu kammāpathesu*, mười nghiệp đạo bất thiện.

tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Tỳ kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luân mười, nghĩa mười, diển mười, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

“Như vậy, Tỳ kheo, từ một cho đến mười.

[780a] “Tỳ kheo, nên biết, nếu ngoại đạo dị học mà nghe những lời này, còn chưa dám nhìn kỹ vào sắc mặt, hướng nữa là trả lời. Tỳ kheo nào hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất.

“Lại nữa, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni nào tư duy nghĩa này, cho đến mười năm, nhất định thành tựu hai quả: hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm.

“Tỳ kheo, hãy bỏ qua mười năm; nếu trong một năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất.

“Tỳ kheo, hãy bỏ qua một năm. Trong chúng bốn bộ, trong mười tháng, cho đến một tháng, ai tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, cũng không nửa chừng thoái thất.

“Vả, hãy bỏ qua một tháng. Ai trong chúng bốn bộ bảy ngày tư duy nghĩa này ắt thành tựu hai quả, quyết không nghi ngờ.

Khi ấy A-nan ở sau Thế Tôn cầm quạt quạt Phật. Bấy giờ A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, pháp này cực kỳ sâu thẳm. Ở địa phương nào có pháp này, nên biết ở đó gặp được Như Lai. Kính bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Kinh này có tên là Nghĩa của pháp Mười. Hãy ghi nhớ phụng hành.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Những ai tu hành mười tướng, sẽ diệt tận các lậu, đạt được thần thông, tự thân tác chứng, dần dần đạt đến Niết-bàn. Những gì là mười? Tướng xương trắng, tướng bầm tím, tướng sinh chướng, tướng ăn không tiêu,⁶⁵ tướng huyết, tướng nhai cắn,⁶⁶ tướng thường vô thường, tướng tham thực, tướng sự chết, tướng tất cả thế gian không có gì lạc.⁶⁷ Đó là mười tướng mà Tỳ kheo tu tập sẽ diệt tận các lậu, đạt đến Niết-bàn giới.

“Lại nữa, Tỳ kheo, trong mười tướng này, tướng tất cả thế gian không có gì đáng ham thích thích là tối đệ nhất. Vì sao vậy? Người tu hành về sự không có gì đáng ham thích, và người thọ trì, tín phụng pháp; hai hạng người này tất vượt bậc mà thủ chứng. Cho nên, Tỳ kheo, hãy ngồi dưới gốc cây, nơi chỗ vắng vẻ, giữa trời trống, tư duy mười tướng này.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

⁶⁴ Pali, A.X. 56-57. Saññā (R.v. 105).

⁶⁵ Chỉ tử thi mà chim, thú ăn chưa hết.

⁶⁶ Chie tử thi bị chim thú ăn.

⁶⁷ Chín tướng đầu thuộc sáu đề mục trong 9 đề mục quán tử thi. Pali: *asubhasaññā* (bất tịnh uởng), *marāṇasaññā* (tử tướng), *āhāre paṭikūlasaññā* (yếm nghịch thực tướng, ghê tởm thức ăn), *sabbaloke anabhiratasaññā* (thế gian bất khả lạc tướng), *aniccasaññā* (vô thường tướng), *anicce dukkhasaññā* (vô thường tức khổ tướng), *dukkhe anattasaññā* (khổ tức vô ngã tướng), *pahānasaññā* (đoạn tướng), *virāgasaññā* (ly tham tướng), *nirodhasaññā* (diệt tận tướng). Cf. *Tỳ-bà-sa 166* (tr. 836c23): vô thường tướng, vô thường khổ tướng, khổ vô ngã tướng, tử tướng, bất tịnh tướng, yếm thức tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, đoạn tướng, ly tướng, diệt tướng.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, [780b] rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Tỳ kheo này bạch Thế Tôn:

“Nhu Lai hôm nay dạy các Tỳ kheo pháp mười tướng. Những ai tu hành có thể đoạn trừ các lậu, thành hạnh vô lậu. Thế Tôn, như con thì không có khả năng hành các tướng này. Sở dĩ vì dục tâm của con quá nhiều, thân ý hừng hực không thể yên nghỉ.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Tỳ kheo ấy:

“Người hãy xả bỏ tướng về tịnh⁶⁸ mà tư duy tướng về bất tịnh; xả tướng về thường mà tư duy tướng về vô thường; xả hữu ngã tướng mà tư duy vô ngã tướng, xả khả lạc tướng mà tư duy bất khả lạc tướng,. Vì sao vậy? Nếu Tỳ kheo tư duy tịnh tướng, dục tâm liền hừng hực; nếu tư duy bất tịnh tướng, sẽ không có dục tâm.

“Tỳ kheo, nên biết, dục là bất tịnh, như đồng phân kia; dục như con sáo bắt chước giọng nói; dục không có đáp trả, lại như rắn độc kia; dục như ảo thuật, như tuyết tan dưới nắng. Hãy niệm xả bỏ dục như vất bỏ trong bãi tha ma. Dục trở lại hại mình như rắn chứa chất độc. Dục không biết chán như khát mà uống nước mặn. Dục khó được thỏa mãn như biển nuốt sông. Dục có nhiều tai họa như xóm la-sát. Dục như kẻ thù hãy nên tránh xa. Dục như một chút mật ngọt dính trên lưỡi dao. Dục không đáng yêu như xương trắng trên đường. Dục hiện ngoại hình

⁶⁸ Tịnh tướng, xem thân, (và mọi vật), đều là sạch sẽ, đẹp đẽ, đáng ham thích.

như hoa mọc trong nhà xí. Dục không chân thật như bình vẽ kia bên trong chứa đồ hôi thối, bên ngoài trông đẹp đẽ. Dục không bền chắc như đồng bột nước. Cho nên, Tỳ kheo, hãy niệm tưởng tránh xa tưởng tham dục. Tỳ kheo, nay người hãy nhớ, xưa người đã phụng hành mười tưởng nơi Phật Ca-diếp. Hôm nay hãy lặp lại tư duy mười tưởng, tâm giải thoát khỏi hữu lậu.”

Lúc bấy giờ Tỳ kheo ấy buồn rầu rơi lệ không cầm được, tức thì cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch Thế Tôn:

“Vâng, bạch Thế Tôn. Con chất chứa mê hoặc đã lâu. Như Lai tự thân thuyết mười tưởng, con mới có thể xa lìa dục. Nay con xin sám hối, về sau không còn tái phạm. Cúi xin Như Lai chấp nhận sự sám hối lỗi lầm nghiêm trọng này; lượng thứ cho điều mà con bất cập.”

Phật bảo tỳ kheo:

“Ta nhận sự sửa lỗi của ông. Hãy chớ tái phạm. Lại nữa, Như Lai đã dạy ông mười tưởng, mà ông không khứng phụng trì.”

Tỳ kheo kia sau khi nghe Thế Tôn giáo giới, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự mình khắc kỷ tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, ấy là muốn đạt thành sở nguyện, như thật biết, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, [780c] không còn tái thọ thai nữa. Bấy giờ Tỳ kheo thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt

*Kết cầm, Hiền Thánh cư,
Hai lục, và Mười niệm,
Thân quốc, không quái ngại,
Mười luân tưởng, quán vắng.*⁶⁹

⁶⁹ Bản hán, hết quyển 42.

PHẨM 47: THIỆN ÁC

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh nào phụng hành mười pháp, sẽ sinh lên trời. Lại hành mười pháp sẽ sinh vào nẻo dữ. Lại hành mười pháp, nhập Niết-bàn giới.

“Tu hành mười pháp gì mà sinh vào nẻo dữ? Ở đây, có người sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ý ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, [781a] khơi dậy tà kiến. Đó là mười pháp. Chúng sanh nào hành mười pháp này sẽ vào trong nẻo dữ.

“Tu hành mười pháp gì được sinh lên trời? Ở đây, có người không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dật, không nói dối, không ý ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, không sân hận, không khơi dậy tà kiến. Nếu ai hành mười pháp này sẽ được sinh lên trời.

“Tu hành mười pháp gì đến được Niết-bàn? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, niệm Thiên, niệm giới, niệm thí, niệm chỉ tức, niệm an-ban, niệm thân, niệm sự chết. Đó là tu hành mười pháp thì đạt được Niết-bàn.

“Tỳ kheo, nên biết, hãy niệm xả ly mười pháp sinh lên trời và sinh vào nẻo dữ. hãy niệm tưởng mười pháp khiến đạt đến Niết-bàn.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Do gốc rễ mùi ác mà ngoại vật còn suy hao, huống nữa nội pháp. Những gì là mùi? Đó là, người sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ý ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, khơi dậy tà kiến. Do quả báo của sát sanh, thọ mạng của chúng sanh rất vắn. Do sự lấy của không được cho, chúng sanh sanh vào chỗ nghèo hèn. Do quả báo dâm dật, cửa nhà chúng sanh không được trinh trắng. Do nói dối, miệng của chúng sanh có mùi hôi thối, không được sạch thơm. Do ý ngữ, đất đai không được bằng phẳng. Do quả báo hai lưỡi, đất mọc gai chông. Do quả báo ác khẩu, có nhiều ngôn ngữ khác nhau. Do tật đố, thóc lúa không dồi dào. Do quả báo sân hận, có nhiều vật uế ác. Do quả báo tà kiến, tự nhiên sanh tám địa ngục. Nhân bởi mùi ác báo này khiến các ngoại vật cũng suy hao, huống nữa vật nội thân.

“Đó là, Tỳ kheo, hãy niệm tránh xa mùi pháp ác, tu hành mùi pháp thiện.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai có nói lời này chẳng, ‘Bố thí cho Ta thì được phước nhiều; cho người khác thì được phước ít. Hãy bố thí cho đệ tử, chớ bố thí cho người khác.’? Giả sử có ai nói điều này, người ấy không hủy báng pháp của Nhu Lai chẳng?”

Phật nói với Vua:

“Ta không nói điều này, [781b] ‘Chỉ nên bố thí cho một mình Ta, đừng bố thí cho người khác.’ ‘Đại vương, nên biết, Ta thường nói điều này, ‘Thức ăn dư trong bát của Tỳ kheo, đổ vào trong nước cho nhuyễn trùng ăn còn được phước, huống nữa bố thí cho người mà không được phước sao? Tuy nhiên, Đại vương, Ta có nói điều này, ‘Bố thí cho người trì giới được phước nhiều hơn cho người phạm giới.’”

Ba-tư-nặc ở trước Phật bạch rằng:

“Kính vâng, Thế Tôn. Bố thí cho người trì giới phước nhiều gấp bội hơn cho người phạm giới.”

Vua lại bạch Phật:

“Ni-kiền Tử đến nói với con rằng, ‘Sa-môn Cù-đàm là người biết huyền thật, có thể xoay chuyển người đời.’ Điều này đúng chẳng? Sai chẳng?”

Phật nói:

“Đúng vậy, Đại vương, như điều vừa nói. Ta có pháp huyền có thể xoay chuyển người đời.”

Vua bạch Phật:

“Cái gì gọi là pháp huyền có thể xoay chuyển?”

Phật nói:

“Người sát sanh, tội ấy khó lường. Người không sát sanh, thọ phước vô lượng. Người lấy của không cho, mắc tội vô lượng. Người không trộm cướp được phước vô lượng. Người dâm dật thọ tội vô lượng. Người không dâm dật thọ phước vô lượng. Người tà kiến thọ tội vô lượng, Người chánh kiến thọ phước vô

lượng. Pháp huyền thuật của Ta chính xác được hiểu là như vậy.”

Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Thế gian này bao gồm loài người, Ma hoặc Ma thiên, cùng các loài hữu hình nếu hiểu sâu sắc pháp huyền thật này sẽ được đại hạnh. Từ nay về sau, con không cho phép ngoại đạo dị học vào trong quốc giới của con. Cho phép chúng bốn bộ thường xuyên ở trong cung của con, và thường được cúng dường tùy theo nhu cầu.”

Phật nói:

“Đại vương, chớ nói như vậy. Vì sao? Bồ thí cho các loài súc sanh còn được phước; thậm chí bồ thí cho người phạm giới còn được phước. Bồ thí cho người trì giới, phước đức khó ước lượng. Bồ thí Tiên nhân ngoại đạo được một ức phước. Bồ thí cho Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, phước ấy khó lường. Cho nên, Đại vương, hãy khơi dậy tâm cúng dường đệ tử Thanh văn của chư Phật trong tương lai, và quá khứ. Đại vương, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Vua ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo sau bữa ăn đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng [781c] bàn luận các đề tài này: luận về y áo, phục sức, ăn uống; luận về lân quốc, giặc cướp, chiến tranh; luận về uống rượu, dâm dật, năm thứ nhạc; luận về vũ, hí kịch, kỹ nhạc. Những luận bàn không thiết yếu như vậy không kể xiết.

¹ Pali, A. X. 69 Kathāvatthu 1 (R. v. 128).

Khi ấy, Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe các Tỳ kheo đang thảo luận như vậy, liền đi đến giảng đường Phổ hội, hỏi các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây muốn bàn luận điều gì?”

Các Tỳ kheo bạch Thế Tôn:

“Chúng con cùng bàn luận những vấn đề không thiết yếu như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Thôi, thôi, Tỳ kheo! Chớ có bàn luận như vậy. Vì sao? Những bàn luận ấy phi nghĩa,² cũng không dẫn đến pháp thiện. Không do bàn luận này mà được tu hành, không đạt đến chỗ Niết-bàn diệt tận, không được đạo bình đẳng của sa-môn. Đó là những luận bàn thế tục, không phải là luận bàn chân chánh hướng đến. Các người đã bỏ tục học đạo, không nên tư duy các đề tài dẫn đến bại hoại như vậy. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận bàn mười sự công đức.

“Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu.³ Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

“Các người, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, hãy tư duy mười sự này. Luận như vậy là luận chánh pháp, bỏ xa neo dũ. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

² Phi nghĩa, được hiểu là không liên hệ mục đích cứu cánh.

³ Pali: *dasayimāni kathāvatthūni* (mười luận sự): *appiccha* (thiếu dục), *santuṭṭhi* (tri túc), *paviveka* (viễn ly), *asaṃsagga* (không quân tụ), *vīryārambha* (tinh tấn), *sīla* (giới), *samādhi* (định), *paññā* (huệ), *vimutti* (giải thoát), *vimuttiñānadassana* (giải thoát tri kiến).

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

“Nay gạo thóc trong thành Xá-vệ khan hiếm, giá cả tăng vọt, xin ăn khó được. Vả, Thế Tôn có nói, nương nhờ ăn uống mà thân người được tồn tại. Bốn đại y tựa nơi pháp được niệm tưởng bởi tâm. Pháp y tựa trên gốc rễ dẫn đến nẻo lành. Hôm nay chúng ta nên phân chia người theo thứ tự đi khát thực, khiến cho người khát thực được thấy có sắc da tươi đẹp, xúc cảm êm dịu, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, há không phải tốt đẹp [782a] sao?”

Khi ấy, bằng thiên nhĩ thanh tịnh không chút tí vết, Thế Tôn từ xa nghe các Tỳ kheo cùng nhau bàn luận như vậy, tức thì đến giảng đường Phổ hội, ngồi xuống giữa đại chúng. Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây, đang bàn luận vấn đề gì?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con bàn luận rằng, nay trong thành Xá-vệ, xin ăn khó được. Chúng con muốn phân chia từng người theo thứ tự đi khát thực, để cho tùy lúc được thấy có sắc da tươi đẹp, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Điều mà chúng con bàn luận là như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Tỳ kheo khát thực bốn sự cúng dường là y áo, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, lại còn cần dùng đến sắc, thanh, hương, vị, xúc chạm trơn láng nữa hay sao? Ta

hằng răn dạy rằng, khát thực có hai sự là đáng thân cận và không đáng thân cận. Giả sử được áo chăn, cơm nước, ngựa cù, thuốc men trị bệnh, mà pháp ác tăng trưởng, pháp thiện không tăng trưởng, điều đó không nên thân cận. Nếu xin được y áo, cơm nước, giường chõng và ngựa cù, thuốc men trị bệnh, mà pháp thiện tăng ích, pháp ác không tăng ích, điều đó nên thân cận.

“Tỳ kheo các người, ở trong pháp này muốn luận bàn điều gì? Những điều các người luận bàn không phải là luận bàn hợp chánh pháp. Hãy xả bỏ pháp ấy, chớ tư duy thêm nữa. Vì không do đó mà đạt đến chỗ tĩnh chỉ, đến Niết-bàn diệt tận. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận bàn mười pháp. Những gì là mười?⁴ Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều lại có thể nói pháp cho người, không sợ hãi không do dự, giới luật đầy đủ, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến huệ thành tựu. Nếu các người muốn bàn luận, hãy bàn luận mười đề tài này. Vì sao vậy? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới. Các đề tài này là đích nghĩa của sa-môn, các người hãy nhớ nghĩ tư duy, chớ để tâm rời xa. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

⁴ Xem kinh số 4 trên, cht. 3.

“Nay trong thành Xá-vệ khát thực khó được, không phải là nơi chôn an ổn cho Tỳ kheo. Chúng ta hãy cử một người theo thứ tự đi khát thực. Tỳ kheo khát thực này có thể [783b] kiếm được các thứ y áo, cơm nước, giường chõng và thuốc men trị bệnh, không thiếu thốn thứ gì.”

Khi ấy trong chúng có một Tỳ kheo thưa với các vị khác rằng:

“Chúng ta không có khả năng khát thực ở đây. Ai nấy hãy đi đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Và, ở đó thóc gạo dồi dào, giá rẻ, đồ ẩm thực dư dả.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Chúng ta không nên khát thực ở nước đó. Vì sao vậy? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đâu. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khát thực ở đó.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa,⁵ nhân dân đông đúc trù phú, nhiều của cải, bảo vật. ta nên đến đó khát thực.”

Lại có Tỳ kheo khác nói:

“Không nên đến khát thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sanh⁶ đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ. Nhân dân ở đó hung dữ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, không nên đến đó khát thực.”

Lại có Tỳ kheo nói:

⁵ Câu-lưu-sa 拘留沙. Không tìm thấy Pali tương đương. *Phiên Phạn ngữ* 8 (tr. 1034c18): Câu-lưu-sa, dịch là Uế Trược 穢濁 (Karuṣa?), cũng dịch là Tác Sự 作事. Đoạn sau, kinh 4 phẩm 49: Phật tại thành Câu-lưu-sa pháp hành, tương đương Pali: Kammāsadhamma (Kammāsadamma), một thị trấn của nước Kuru.

⁶ Kinh 5 phẩm 36: vua Ác Sanh cai trị Nhân dân Ngũ đô.

Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Bà-la-nại,⁷ nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khát thực, sẽ không trái với điều mong ước.”

Bây giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang bàn luận như vậy, tức thì nghiêm chỉnh y phục, đi đến chỗ các Tỳ kheo, ngồi xuống giữa đại chúng, hỏi các Tỳ kheo:

“Các người tụ tập tại đây đang bàn luận điều gì?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con tụ tập tại đây, cùng nhau bàn luận rằng, ‘Nay trong thành Xá-vệ thóc cao gạo quý, khát thực khó được. Chúng ta ai nấy hãy đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Và, ở đó thóc gạo dồi dào, khát thực sẽ dễ được.’ Trong chúng có Tỳ kheo nói, ‘Chúng ta không nên khát thực ở nước đó. Vì sao vậy? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đâu. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khát thực ở đó.’ Lại có Tỳ kheo khác nói, ‘Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa, nhân dân đông đúc trù phú, nhiều của cải, bảo vật. ta nên đến đó khát thực.’ Lại có Tỳ kheo khác nói, ‘Chúng ta không nên đến khát thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sanh đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, [782c] không nên đến đó khát thực.’ Lại có Tỳ kheo nói, ‘Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Bà-la-nại, nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khát thực, sẽ không trái với điều mong ước.’ Chúng con ở đây đang bàn luận những điều như vậy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

⁷ Câu-thâm 拘深, hay Câu-thiêm-di, Pali: Kosambī, thủ đô của vương quốc Vatsa (Vamsas), cai trị bởi vua Udena (Hán: Ưu-điền 優填). Thành Bà-la-nại 婆羅奈城, không rõ ở đâu trong vương quốc này.

“Các ông chớ có khen chê việc vua cai trị, quốc gia, bờ cõi; cũng chớ bàn luận sự hơn kém của các vua chúa.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Phàm người tạo thiện, ác,
Hành vi đều có nhân;
Sẽ thọ báo như vậy,
Không bao giờ hủy mất.*

*Phàm người tạo thiện, ác,
Hành vi đều có nhân.
Làm thiện, nhận báo thiện.
Làm ác, nhận báo ác.*

“Cho nên, Tỳ kheo, chớ móng tâm luận bàn quốc sự. Vì không do sự luận bàn này mà có thể đạt đến Niết-bàn diệt tận; cũng không phải là pháp chánh hành của sa-môn. Nếu luận những sự việc ấy, đó không phải là chánh nghiệp. Các người nên học mười đề tài luận. Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

“Các người, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xa rời thế tục, hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vậy:

“Nay vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh. Tỳ kheo ni Sám⁸ đắc A-la-hán đạo, bị vua giữ trong cung suốt 12 năm, để cùng giao thông. Vua lại không phụng sự Phật Pháp, Tăng Tỳ kheo. Chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thân của vua cũng hành phi pháp. Đại thân đã hành phi pháp, thì quan lại phò tá tả hữu cũng hành phi pháp. Quan lại hành phi pháp, thứ dân cũng hành phi pháp. Vậy chúng ta đi đến nước khác khát thực, chớ ở lại nước này. Và lại, chúng ta có thể quan sát phong tục của nước đó. Do thấy phong tục ở đó mà có thể thấy được chỗ khác nhau.”

Bấy giờ, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang bàn luận vấn đề này, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo, ngồi xuống giữa đại chúng. Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo:

“Các ông tụ tập tại đây đang bàn luận vấn đề gì?”

Các Tỳ kheo bạch Thế Tôn:

“Chúng con ở đây bàn luận rằng, vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh, giam giữ Tỳ kheo ni Sám trong cung suốt 12 năm, cốt để giao tiếp sắc. Và lại, bậc đắc đạo vượt ngoài ba cõi, mà vua lại không phụng sự Phật Pháp, Tăng Tỳ kheo; không có lòng chí tín đối với A-la-hán. Đã không tâm này thì cũng không có tâm kia đối với ngôi Tam tôn. Chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thân của vua cũng hành phi pháp; thần tá, nhân dân cũng hành ác. Và lại, chúng ta có thể quan sát phong hóa của nước khác.”

⁸ Sám tỳ kheo ni 識比丘尼, có thể đồng nhất Pali: Khemā Therī (Skt. Kṣemā), nhưng truyền thuyết trên đây không thấy kể trong văn học Pali. Câu chuyện tương tự trên được kể trong *Soạn tập bách duyên*, với tên phiên âm Sai-ma tỳ kheo ni 差摩比丘尼.

Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các người chớ luận bàn đề tài quốc giới. Hãy tự mình khắc kỷ tư duy, nội tỉnh, so sánh, phân biệt. Bàn luận những điều như vậy thì không hợp chánh lý. Nó cũng không khiến mọi người có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ Niết-bàn vô vi diệt tận. Hãy tự mình tu tập pháp hành xí nhiên,⁹ tự quy y tối tôn. Nếu Tỳ kheo có thể tự tu tập phát khởi pháp lạc cho mình, hạng người đó được sinh từ chính thân thể Ta.

“Tỳ kheo, làm thế nào để tự thấp sáng, phát khởi pháp lạc, không hư dối, tự quy y tối tôn? Ở đây, Tỳ kheo nội tự quán thân, ý an chỉ trên thân,¹⁰ tự thâm nhiếp tâm, trừ khử loạn tưởng, không có sầu ưu. Lại nữa, nội ngoại quán thân, thân niệm. Nội quán thọ, ngoại quán thọ, nội ngoại quán thọ; nội quán tâm, ngoại quán tâm, nội ngoại quán tâm; nội quán pháp, ngoại quán pháp, nội ngoại quán pháp. Tỳ kheo như vậy có thể tự mình thấp sáng, tu hành phát khởi pháp lạc, tự quy y tối tôn. Tỳ kheo nào trong hiện tại hay tương lai mà có thể tự thấp sáng, không thoái thất gốc rễ của hành, Tỳ kheo ấy được sinh từ chính Ta.

“Cho nên, Tỳ kheo, nếu muốn [783b] luận bàn, hãy luận bàn mười sự. Những gì là mười? Tỳ kheo tinh cần, thiếu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các người hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thắm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới.

⁹ Xí nhiên pháp hành 熾然法行, một cách dịch khác của ý nghĩa “Hãy là ngọn đèn cho mình (hòn đảo an toàn cho mình). Pháp là ngọn đèn (hòn đảo), là chỗ nương tựa.” Cf. *Trường 6*, kinh 6; Cf. *Tap* (Việt) kinh 36. Pali, S. iii. 42: *attadīpānaṃ, bhikkhave, viharataṃ attasaraṇānaṃ anañña-saraṇānaṃ, dhammadīpānaṃ dhammasaraṇānaṃ anaññasaraṇānaṃ yoni upaparikkhitabbā*.

¹⁰ Thân ý chỉ 身意止, tức Thân niệm xứ, cf. *Tap 24*, kinh 368.

Những luận bàn ấy là đích nghĩa của sa-môn. Các người hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một ông trưởng giả cúng cho La-hầu-la¹¹ một căn nhà để tọa thiền.¹² La-hầu-la nghỉ trong căn nhà ấy được vài ngày, rồi đi du hóa trong nhân gian. Khi ấy, ông trưởng giả chợt có ý nghĩ đến thăm La-hầu-la. Nhưng khi thấy trong căn nhà của La-hầu-la vắng vẻ, không có người ở, ông bèn nói với một Tỳ kheo khác:

“Tôn giả La-hầu-la nay đang ở đâu?”

Tỳ kheo đáp:

“La-hầu-la đi du hóa trong nhân gian.”

Trưởng giả nói:

“Cúi mong chư Hiền cất cử người đến ở trong căn nhà của tôi. Thế Tôn cũng có nói, tạo lập vườn cây ăn trái và làm cầu, đò, dựng nhà xí gần đường đi, rồi đem bố thí, sẽ được phước lâu dài, giới pháp thành tựu; sau khi chết tất được sinh lên trời. Vì lý do đó, tôi đã làm cho La-hầu-la một căn nhà. Nay La-hầu-la không thích nhà của tôi. Vậy cúi mong chư Hiền sai cử người đến ở trong căn nhà của tôi.”

Các Tỳ kheo đáp:

“Sẽ theo lời trưởng giả nói.”

¹¹ La-vân.

¹² Xem *Tứ phần 50* (tr. 943a19).

Bấy giờ các Tỳ kheo bèn cử một Tỳ kheo đến ở trong căn nhà đó.

Thời gian sau, La-hầu-la nghĩ rằng, “Ta xa Thế Tôn đã lâu, nay nên về thăm viếng.”

Rồi Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, và ngồi xuống một bên. Giây lát, bèn rời chỗ ngồi, trở về căn nhà cũ. Thấy có một Tỳ kheo khác ở trong đó, bèn hỏi:

“Ai đem nhà của tôi giao cho thầy ở vậy?”

Tỳ kheo đáp:

“Chúng Tăng sai cử tôi đến ở căn nhà này.”

La-hầu-la quay trở lại chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này [783c] thuật lại đầy đủ cho Thế Tôn, rồi hỏi:

“Thế Tôn, không rõ có phải chúng Tăng sai cử đạo nhân đến ở trong căn nhà của con hay không?”

Phật bảo La-hầu-la:

“Ngươi hãy đi đến ông trưởng giả mà nói rằng, ‘Những gì tôi đã làm do bởi thân, miệng, ý có điều gì lỗi lầm chăng? Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng? Sao Trưởng giả bố thí nhà cho tôi, rồi sau lại mang chúng cho Thánh chúng?’”

La-hầu-la vâng lời Phật dạy, đi đến ông trưởng giả, nói rằng:

“Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng?”

Trưởng giả đáp:

“Tôi không thấy La-hầu-la có lỗi lầm gì do bởi thân, miệng, ý cả.”

La-hầu-la nói với trưởng giả:

“Vậy sao ông lấy lại phòng xá của tôi mà đem cho Thánh chúng?”

Trưởng giả đáp:

“Tôi thấy nhà trống cho nên đem cho Thánh chúng. Khi ấy tôi nghĩ rằng, Tôn giả La-hầu-la chắc không thích ở trong căn nhà của tôi, vì vậy tôi mang đi huệ thí.”

La-hầu-la sau khi nghe trương giả nói như vậy, bèn trở về chỗ Thế Tôn, thuật lại đầy đủ nhân duyên sự việc lên Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan, hãy mau đánh kiền-chùy; các Tỳ kheo trong tinh xá Kỳ-hoàn vân tập hết vào giảng đường Phổ hội. A-nan vâng lệnh Thế Tôn, triệu tập các Tỳ kheo vào giảng đường Phổ hội.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nay Ta sẽ nói về huệ thí thanh tịnh. Các ông hãy khéo suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ kheo vâng lời Phật lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Thế nào gọi là huệ thí thanh tịnh? Ở đây, Tỳ kheo, có người đã đem vật huệ thí, sau đó lấy lại đem cho người khác. Huệ thí ấy được nói là không đồng đều, không phải bình đẳng thí. Hoặc có người lấy của người khác đem huệ thí Thánh chúng. Lại có người đoạt của Thánh chúng đem thí cho người khác. Đấy đều là bố thí không bình đẳng, cũng không phải là huệ thí thanh tịnh.

“Nhu Chuyền luân Thánh vương được tự tại trong cảnh giới của mình; cũng vậy, Tỳ kheo được tự tại đối với y bát của mình. Nếu ai lấy của người khác, mà không có lời hứa khả của người đó, rồi đem cho người kia; đó không phải là bình đẳng thí. Nay, Ta bảo các Tỳ kheo, thí chủ muốn cho nhưng người nhận không muốn cho, đây không phải là bố thí bình đẳng.

“Hoặc gặp trường hợp Tỳ kheo mạng chung, nên đem một phòng xá ấy đến giữa chúng, tác yết-ma, truyền cáo xướng lên rằng, ‘Tỳ kheo kia mạng chung, nay đem phòng xá này ra giữa Tăng phân xử. Muốn giao lại cho ai ở, tùy theo lời dạy của Thánh chúng. Nay chư Hiền, nay [784a] trao cho Tỳ kheo mô

giáp trú ở đó, mong các vị hãy chấp thuận. Ai không chấp thuận hãy nói.’ Cần phải nói ba lần như vậy. Nếu trong chúng Tăng có một vị không chấp thuận mà đem cho, đó không phải là bình đẳng thí. Vật đó trở thành tạp uế. Nay hãy trả phòng xá lại cho La-hầu-la, hãy thanh tịnh thọ trì.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Quân-đầu¹³ ở một chỗ tịch tĩnh, khởi lên ý nghĩ này: “Làm thế nào để biết tri kiến về khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa?”

Khi đến giờ, Đại Quân-đầu khoác y cầm bát đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Quân-đầu bạch Thế Tôn rằng:

“Nay các tri kiến liên hệ khoảng trước, khoảng sau này, làm sao để diệt tri kiến này? Lại khiến các tri kiến khác không sanh?”

Thế Tôn nói:

“Ở đây, này Quân-đầu, nơi mà tri kiến ấy xuất hiện, và nơi mà tri kiến ấy diệt mất, thấy đều vô thường, khổ, không. Quân-đầu, biết điều đó rồi, hãy phát khởi tâm ý này. Phạm pháp tri kiến có 62 loại. Hãy an trú trên đất mười thiện để trừ khử tri kiến ấy. Những gì là mười? Ở đây, này Quân-đầu, người khác ưa sát sanh, còn ta sẽ không sát sanh; người khác ưa trộm cướp, ta không trộm cướp; người khác phạm phạm hạnh, ta hành phạm hạnh; người khác nói dối, ta không hành nói dối; người khác

¹³ Đại Quân-đầu 大均頭, tức Quân-đầu Sa-di, xem kinh 5, phẩm 48. Pali: Mahā-Cunda, tức Cunda-samanuddesa, em trai của ngài Xá-lợi-phất.

nói hai lưỡi gây đầu loạn đây kia, ý ngữ, ác khẩu, tật đó, sân hận, tà kiến, tà hành chánh kiến. Quân-đầu, nên biết, như từ con đường hiểm ác mà gặp được đường chánh, như từ tà kiến mà được đến chánh kiến, quay lưng với tà mà đi theo chánh. Cũng như người tự mình đang bị đấm mà muốn vớt người, không bao giờ có lý đó. Tự mình chưa diệt độ, mà muốn khiến người khác diệt độ, điều này không thể có. Như người không bị đấm mới có thể vớt người khác, lý này khả hữu. Ở đây cũng vậy, tự mình bát-niết-bàn, lại khiến người khác chứng diệt độ, lý này khả hữu. Cho nên, này Quân-đầu, hãy niệm tưởng xa lánh mà diệt độ không sát, xa lánh trộm cướp mà diệt độ không trộm cướp, xa lánh dâm dật mà diệt độ không dâm dật, xa lánh vọng ngữ mà diệt độ không vọng ngữ, xa lánh ý ngữ mà diệt độ không ý ngữ, xa lánh ác ngôn mà diệt độ không ác ngôn, xa lánh gây đầu loạn đây kia mà diệt độ không đầu loạn đây kia, xa lánh tật đó mà diệt độ không tật đó, xa lánh sân nhuế mà diệt độ không sân nhuế, [784b] xa lánh tà kiến mà được diệt độ chánh kiến.

“Quân-đầu, nên biết, phạm phu sanh tâm niệm này: ‘Có ngã chẳng? Không có ngã chẳng? Vừa ngã vừa vô ngã chẳng? Thế gian thường chẳng? Thế gian vô thường chẳng? Thế giới hữu biên chẳng? Thế giới vô biên chẳng? Mạng tức thân chẳng? Mạng khác thân khác chẳng? Như Lai có chết chẳng? Như Lai không chết chẳng? Có chết chẳng? Không có chết chẳng? Ai tạo ra thế gian này? Rồi sanh các tà kiến, rằng Phạm thiên tạo ra thế gian này chẳng? hay là Địa chủ tạo dựng thế gian này? Hoặc nói Phạm thiên tạo ra chúng sanh này, Địa chủ tạo ra thế giới này. Chúng sanh trước kia không có, nay có. Có rồi, sẽ diệt. Phạm phu do không học, không có tri kiến, nên sanh ra các niệm tưởng này.’”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Tự nhiên có Phạm thiên;

Phạm chí nói như vậy.

Kiến này không chân chánh,

Như sở kiến của họ.

*Chúa ta sanh hoa sen;
Phạm thiên hiện trong đó.
Địa chủ sanh Phạm thiên.
Tự sanh, không hợp lý.*

*Địa chủ, dòng sát-lợi,
Cha mẹ của phạm chí.
Làm sao con sát-lợi,
Sanh trở lại phạm chí?*

*Đi tìm chỗ sở sanh,
Theo lời chư thiên nói.
Đó là lời khen ngợi,
Trở lại tự trời buộc.*

*Phạm thiên sanh loài người,
Địa chủ tạo thế gian.
Hoặc nói, cái khác tạo.
Điều này ai xét cho?*

*Mê hoặc bởi tham sân,
Ba sự cũng hợp tập;
Tâm không được tự tại,
Tự xưng ta hơn đời.*

*Chẳng Thần tạo thế gian,
Cũng chẳng Phạm thiên sanh.
Giả sử Phạm thiên tạo,
Đó không hư dối chăng?*

*Tìm dấu tích lại nhiều
Xét kỹ, biết hư ngôn.
Hành vi mỗi mỗi khác;
Hành ấy xét không thật.*

“Quân-đầu, nên biết, sở kiến của các loài chúng sanh thì không đồng, mà tâm niệm cũng mỗi khác. Các tri kiến ấy đều vô

thường. Ai ôm giữ tri kiến ấy, là pháp biến dịch, vô thường. Nếu người khác sát sanh, ta lia sát sanh. [784c] Nếu người khác trộm cắp, ta sẽ xa lia việc đó, không tập theo hành vi đó, mà chuyên tâm nhất ý không để thác loạn, tư duy trừ lượng xem tà kiến khởi lên từ đâu, cho đến mười pháp ác thấy đều lia bỏ, không tập theo các hành vi ấy. Nếu người khác sân nhuế, chúng ta học nơi nhẫn nhục. Người khác ôm lòng tật đó, ta nên xả ly. Người khác kiêu mạn, ta nghĩ đến xả ly. Người khác khen mình chê người, ta không khen mình chê người. Người khác không thiếu dục, ta nên học thiếu dục. Người khác phá giới, ta tu tập giới. Người khác giải đãi, ta hãy tinh tấn. Người khác không hành tam-muội, ta hành tam-muội. Hãy học như vậy. Người khác ngu hoặc, ta hành trí tuệ. Ai có thể quan sát phân biệt pháp này, tà kiến tiêu diệt, những cái còn lại không sanh.”

Quân-đầu sau khi lãnh thọ những điều Như Lai dạy, ở nơi chỗ vắng tư duy, suy gẫm, mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, khóac ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.. Bây giờ Quân-đầu thành A-la-hán.

Bây giờ Quân-đầu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bây giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh trong địa ngục thọ báo của tội dài nhất là một kiếp. Cũng có kẻ nửa chừng mà yếu. Súc sanh thọ tội báo dài nhất một kiếp, cũng có yếu mạng nửa chừng. Thọ báo ngựa quý dài nhất một kiếp, cũng có yếu nửa chừng.

“Tỳ kheo, nên biết, người Uất-đan-viết thọ lâu một nghìn năm; không có ai yếu mạng nửa chừng. Sở dĩ như vậy, vì con người trong quốc thổ đó không có sở hữu. Khi chúng mạng chung ở đây, liền sinh vào cõi lành, sinh lên trời, không có ai đọa lạc.

“Loài người ở thọ năm trăm năm; cũng có kẻ nửa chừng yếu. Người Cù-đà-ni thọ hai trăm năm mươi năm; cũng có kẻ nửa chừng yếu.

“Người Diêm-phù-đề thọ lâu nhất một trăm năm; phần lớn có kẻ yếu nửa chừng. Giả sử thọ mạng lâu nhất là mười lần mười; loài người lấy mười lần mười tuổi thọ làm dấu hiệu, do bởi hành vi bất đồng, tính chất được phân biệt thành khác nhau. Mười năm đầu, tuổi ấu thơ chưa biết gì. Mười năm thứ hai, hơi có chút hiểu biết nhưng chưa quán triệt. Mười năm thứ ba, ý dục hừng hực, tham đắm sắc. Mười năm thứ tư, biết nhiều kỹ thuật, nhưng sở hành chưa có đầu mối. [785a] Mười năm thứ năm, thấy hiểu nghĩa lý, những gì đã học tập đều không quên, Mười năm thứ sáu, tham đắm tài sản, tâm ý không quyết. Mười năm thứ bảy, lười biếng, ưa ngủ nghỉ, thể chất chậm chạp. Mười năm thứ tám, không còn tâm trai trẻ, cũng không ham lèo lẹt. Mười năm thứ chín, nhiều bệnh, da sần, mặt nhăn. Mười năm thứ mười, các căn suy hóa, khớp xương liền nhau, hay quên, hay nhầm lẫn.

“Tỳ kheo, giả sử con người sống được một trăm năm, phải trải qua ngàn ấy khó khăn.

“Giả sử con người thọ một trăm năm, sẽ trải qua ba trăm mùa gồm đông, hạ, và xuân-thu¹⁴, nhưng so với tuổi thọ kia chưa đủ

¹⁴ TMN, bỏ chữ xuân. Phụ chú cuối quyển: “*Kinh nói, một trăm năm phải trải qua ba trăm mùa đông, hạ, thu. Tức mỗi mùa một trăm năm. Nói ba trăm, mà không nói xuân; đây là thuận theo ba mùa của Tây vực. Nói ba mùa, là mùa lạnh, mùa nóng và mùa mưa. Nói đông, tức là mùa lạnh ở nước đó. Hạ, tức mùa nóng, thu tức mùa mưa. Ba mùa ở đó, mỗi mùa có 4 tháng. Tính một năm có 12 tháng. Nay lấy đông, hạ, thu mà phỏng theo ba*

để nói. Nếu người thọ một trăm năm, sẽ ăn ba vạn sáu nghìn bữa ăn; trung gian hoặc có khi không ăn. Hoặc khi giận mà không ăn; không được cho nên không ăn; bệnh nên không ăn. Tính số người ấy ăn cũng không ăn, và bú sữa mẹ, nói tất có ba vạn sáu nghìn lần ăn. Tỳ kheo, hạn số của người thọ một trăm năm tính theo sự ăn uống có tình trạng như vậy.

“Tỳ-kheo, nên biết, con người trong Diêm-phù-địa cũng có khi thọ mạng dài đến vô lượng. Trong thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên gọi là Liễu Chứng Bệnh, thọ mạng rất dài, nhan sắc xinh đẹp, hưởng thọ khoái lạc vô lượng. Thời bấy giờ không có các tai hoạ về tật bệnh, tuổi già và chết. Khi ấy có cặp vợ chồng sinh một người con. Đứa con liền mạng chung. Cha mẹ nó ẵm cho ngồi, lại mang đồ ăn đến cho. Nhưng đứa con ấy không ăn, không uống, không ngồi. Vì sao? Nó đã chết. Cha mẹ nó bấy giờ mới nghĩ như vậy: ‘Sao con ta hôm nay giận hờn gì mà không chịu ăn uống, cũng không nói năng gì?’ Sở dĩ như vậy, con người thời đó chưa nghe đến âm hưởng tử vong nên mới như vậy. Rồi cha mẹ ấy lại nghĩ, ‘Đã bảy ngày rồi con ta không ăn, không uống; và cũng không biết vì sao nó im lặng. Nay ta hãy đem nhân duyên này tâu cho vua Liễu Chứng Bệnh biết.’ Người cha mẹ ấy liền đi đến vua, đem nhân duyên ấy tâu lên vua đầy đủ. Khi ấy Đại vương liền nghĩ, ‘Ngày nay đã nghe đến âm hưởng tử vong rồi.’ Và bảo: ‘Các người hãy mang đứa nhỏ ấy đến ta.’ Cha mẹ liền ẵm đứa nhỏ đến chỗ quốc vương. Vua thấy nó, bèn nói với người cha mẹ ấy, ‘Đứa nhỏ này chết rồi.’ Cha mẹ nó hỏi, ‘Chết nghĩa là sao?’ Vua nói, ‘Đứa nhỏ này không còn đi, đứng, nói năng, ăn uống, nô đùa; mình mẩy cứng đơ, [785b] không còn làm gì được nữa. Ấy gọi là chết.’ Người cha mẹ ấy hỏi, ‘Sự biến đổi này trải qua bao lâu?’ Vua nói, ‘Chẳng bao lâu nữa thân thể đứa nhỏ này tan rữa, sinh chương, hôi thối không chịu được.’ Cha mẹ nó khi ấy chưa tin

mùa, nhưng số tháng ít hơn thực tế, đó là vì dịch giả không rành ngôn ngữ địa phương.”

lời vua. Họ lại ẵm con trở về nhà. Không bao lâu, thân thể nó rữa, hôi thối cực kỳ. Bấy giờ cha mẹ này mới tin lời vua nói rằng ‘Thân thể đứa nhỏ này không lâu sẽ sinh chương, tan rữa. Bấy giờ cặp vợ chồng này lại mang đứa nhỏ sinh chương ấy đến chỗ quốc vương, tâu vua rằng, ‘Tâu Đại vương, nay chúng tôi mang đứa nhỏ này cống hiến cho Đại vương.’ Khi ấy cha mẹ này cũng không than khóc. Sở dĩ như vậy, vì chưa nghe đến tiếng chết. Sau đó, Đại vương lột da nó làm trống, lại sắc lệnh dựng ngôi lầu bảy tầng, mang cái trống lớn này đặt vào đó, rồi sai bảo một người, ‘Nhà người phải biết, hãy giữ gìn cái trống này. Cứ một trăm năm, đánh một tiếng, không được sai thời.’ Người ấy vâng lệnh vua, đúng một trăm năm thì đánh một tiếng. Nhân dân nghe tiếng trống ấy, quái lạ chưa từng có. Mọi người hỏi nhau, ‘Âm hưởng gì vậy? Đó là tiếng của ai mà thấu đến đây?’ Vua bảo: ‘Đó là tiếng của da người người chết.’ Chúng sanh nghe điều này, bèn nghĩ, ‘Lạ thay, tiếng trống nghe được này!’

“Tỳ kheo, quốc vương bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Quốc vương thời bấy giờ chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực kỳ dài. Còn nay, thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực ngắn; số giảm thiểu khó giới hạn. Vì sao vậy? Do sát hại quá nhiều, khiến cho tuổi thọ cực ngắn, sắc da cũng mất đẹp. Do nhân duyên này dẫn đến biến đổi quái lạ.

“Tỳ kheo, nên biết, năm mươi năm ở Diêm-phù-địa bằng một ngày một đêm trên cõi Tứ thiên vương. Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày làm một tháng. Mười hai tháng làm một năm. Thọ mạng trời Tứ thiên vương là năm trăm năm, cũng có kể yếu nửa chừng.

“Tính theo số năm theo loài người, mười tám ức năm (của trời Tứ thiên vương) là một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn

hoạt.¹⁵ Tính theo số một ngày một đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ cực dài trong địa ngục Hoàn hoạt là một nghìn năm, cũng có kẻ yếu nửa chừng. Tính theo số năm theo loài người là ba mươi sáu vạn năm.

“Một trăm năm loài người bằng một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số năm tháng ở đó, [785c] tuổi thọ trời Tam thập tam là một nghìn năm; cũng có vị nửa chừng yếu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục A-tỳ.¹⁶ Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Theo số ngày đêm ở đây, tuổi thọ là hai vạn năm. Tính theo tuổi thọ loài người, đây thọ một câu-lợi.¹⁷

“Như vậy, Tỳ kheo, tính theo số tuổi như vậy càng lúc càng tăng, trừ trời Vô tướng. Trời Vô tướng thọ tám vạn bốn nghìn kiếp. Trừ trời Tịnh cư không sinh trở lại đời này.

“Cho nên, Tỳ kheo, chớ để tâm buông lung, ở ngay nơi hiện thân mà chứng đắc lậu tận. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁸

¹⁵ Hoàn hoạt địa ngục; thứ nhất trong 8 đại địa ngục. Cf. *Câu xá 11* (tr. 41a02): đặng hoạt địa ngục 活地獄. *Trường* kinh 20: Thế ký, phẩm địa ngục (tr. 0121b29): Tướng 想. *Câu-xá* ibid. (tr.61c13): Tuổi thọ của Tứ đại vương là 500 năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục Đẳng hoạt. Các con số tính toán trong bản Hán dịch này không chuẩn xác.

¹⁶ Câu-xá, ibid., 100 năm loài người bằng 1 ngày 1 đêm trên Tam thập tam. Thọ mạng ở đây cực lâu là 1000 năm, bằng 1 ngày 1 đêm trong địa ngục Hắc thẳng. Địa ngục Vô gián (A-tỳ) thọ một trung kiếp.

¹⁷ Câu-lợi; *Phiên phạn ngữ 10* (tr. 1054c08): Câu-lợi 拘利 ..., nên nói là câu-trí 拘致, dịch là 1 ức. Skt. *koṭi*.

¹⁸ Bản hán, hết quyển 43.

PHẨM 48: BÁT THIÊN

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chúng sanh nào tu hành sát sanh, quảng bá sát sanh, gieo trồng hành vi dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ súc sanh; nếu sanh trong loài người, thọ mạng cực vắn. Sở dĩ như vậy, do hại sanh mạng kẻ khác.

“Chúng sanh nào trộm cướp vật của người khác, gieo trồng tội của ba nẻo dữ, nếu sanh trong loài người, thường gặp phải nghèo khổ, ăn không đủ no miệng, áo không đủ che thân; thấy đều [786a] do trộm cắp, cướp đoạt vật của người, tức đoạn mạng căn của người.

“Nếu có chúng sanh tham đắm dâm dật, gieo ba nẻo dữ, khi sanh trong loài người, gia đình không trinh khiết, do lén lút dâm dật.

“Hoặc có chúng sanh nói dối, gieo tội địa ngục, khi sanh trong loài người, bị người khinh khi, lời nói không được tin, bị người coi rẻ; sở dĩ như vậy đều do đời trước nói dối.

“Hoặc có chúng sanh hai lưỡi,¹ gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người, tâm thường không định, thường mang ưu sầu. Sở dĩ như vậy, do người ấy truyền lời dối trá cả hai đầu.

“Hoặc có chúng sanh nói lời thô ác, gieo tội ba ác đạo, nếu sanh trong loài người làm người xấu xí, thường bị mắng nhiếc. Sở dĩ như vậy, do người kia có lời nói không chuyên chánh.

¹ Hán: lưỡng thiệt, nhưng đây nên hiểu là ý ngữ, để không trùng lặp với tội ly gián đoạn dưới.

“Hoặc có chúng sanh gây đầu loạn đây kia, gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người, phần nhiều bị thù ghét, người thân ly tán. Sở dĩ như vậy đều do đời trước xúi dục đầu loạn.

“Hoặc có chúng sanh tật đố, gieo tội ba ác đạo, nếu sanh trong loài người, thiếu thốn y phục. Sở dĩ như vậy, do bởi người ấy khởi tâm tham lam tật đố.

“Hoặc có chúng sanh khởi tâm ác hại gieo tội ba ác đạo, giả sử sanh trong loài người thường có nhiều điều hư dối, không hiểu chí lý, tâm loạn không định. Sở dĩ như vậy, đều do bởi đời trước sân hận thịnh nộ, không có nhân từ.

“Hoặc có chúng sanh hành tà kiến, gieo ba ác đạo; nếu sanh trong loài người, chỉ ở chỗ biên địa, không sanh vào chỗ trung ương, không gặp Tam tôn, nghĩa lý của đạo pháp; hoặc phải điếc, mù, câm ngọng, thân hình không ngay, không hiểu pháp thiện, thường theo pháp ác. Sở dĩ như vậy, thảy đều do đời trước không có tin căn; cũng không tin sa-môn, bà-la-môn, cha mẹ, anh em.

“Tỳ kheo, nên biết, do báo ứng của mười điều ác này đưa đến những tai ương như vậy. Cho nên, Tỳ kheo, hãy xa lìa mười điều ác, tu hành chánh kiến.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm, khi thuyết giới, Thế Tôn với các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến giảng đường Phổ hội.²

² Xem *Trung 9*, kinh 37. Pali, A. VIII. 20 Uposatha (R. iv. 204).

Khi ấy Thế Tôn lặng lẽ quán sát các Thánh chúng, rồi im lặng không nói. Lúc bấy giờ A-nan bạch Phật:

“Hôm nay [786b] Thánh chúng đều tụ tập hết vào giảng đường. Cúi mong Thế Tôn thuyết cấm giới³ cho các Tỳ kheo.”

Nhưng Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

“Nay chính là lúc thích hợp, nên thuyết cấm giới, vì đầu hôm sắp hết.”

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau nữa, A-nan lại bạch Phật:

“Sắp hết giữa đêm, chúng Tăng mệt mỏi. Cúi mong Thế Tôn đúng thời thuyết giới.”

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát, A-nan lại bạch Phật:

“Phần cuối đêm sắp hết, cúi mong Thế Tôn kịp thời thuyết giới.”

Phật bảo A-nan:

“Trong chúng có người không thanh tịnh, nên Ta không thuyết giới. Nay Ta cho phép Thượng tọa thuyết giới. Nếu Thượng tọa của Tăng không đủ khả năng thuyết giới, cho phép vị trì luật thuyết giới. Nếu không có người trì luật, ai có thể tụng giới thông suốt, hãy xưng lên, khiến thuyết giới. Từ nay trở đi, Như Lai không thuyết giới. Nếu trong chúng có người không thanh tịnh mà Như Lai thuyết giới, đầu người ấy bị vỡ làm bảy mảnh, như trái thù-la⁴ kia không khác.

Nghe thế A-nan buồn khóc, bèn nói như vậy:

“Thánh chúng từ nay côi cút. Chánh pháp của Như Lai sao mà chóng vánh. Kẻ bất tịnh sao xuất hiện vội thế?”

³ Cấm giới, đây chỉ Ba-la-đề-mộc-xoa, Biệt giải thoát giới kinh.

⁴ Thù-la quả 酬羅果, chưa rõ trái gì.

Khi ấy Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vậy: “Ai là người trong chúng này hủy phạm chánh pháp, để Như Lai không thuyết giới?” Rồi Đại Mục-kiền-liên liền nhập định, quán sát khắp trong Thánh chúng xem ai có tâm tà vết. Mục-liên khi ấy thấy hai Tỳ kheo Mã Sư và Mãn Túc đang ở trong chúng. Tôn giả tức thì rời chỗ ngồi, đi đến hai Tỳ kheo ấy, nói:

“Các ông hãy rời khỏi chỗ ngồi này. Như Lai đang khiển trách. Do bởi các ông mà Như Lai không thuyết giới.”

Hai Tỳ kheo này bấy giờ im lặng không nói. Mục-liên nói: “Các ông hãy rời khỏi đây. Chớ có ở đây.”

Nhưng hai Tỳ kheo này im lặng không trả lời. Tức thì Mục-liên bước tới trước nắm tay hai người lôi ra khỏi cửa, rồi đóng cửa lại, và bước lên bạch Phật:

“Tỳ kheo bất tịnh đã ra ngoài. Cúi mong Thế Tôn phải thời thuyết giới.”

Phật bảo Mục-liên:

“Thôi, thôi, Mục-liên! Như Lai không thuyết giới cho Tỳ kheo nữa. Như Lai không nói hai lời. Ông hãy trở về chỗ ngồi.”

Mục-liên bấy giờ bạch Phật:

“Nay trong chúng này đã sanh vết bần, con không có khả năng hành pháp duy-na. Cúi mong Thế Tôn sai cử vị khác.”

Thế Tôn im lặng hứa khả. Mục-liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

“Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều hay ít? Trải thời gian bao lâu mới sanh vết bần. Cho đến, đệ tử của Phật Ca-diếp nhiều hay ít? Thuyết giới như thế nào?”⁵

Phật bảo A-nan:

⁵ Cf. *Tứ phần 1* (tr. 569a22): những vấn đề này do Xá-lợi-phất nêu lên hỏi Phật.

“Chín mươi một kiếp có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Bảy giờ có ba hội Thánh chúng Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm một trăm mười sáu vạn tám nghìn Tỳ kheo. Hộ hứ hai, hánh chúng gồm mười sáu vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng mười vạn. Thầy đều A-la-hán. Phật thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Trong vòng một trăm năm, Thánh chúng thanh tịnh. Đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới.

Nhẫn nhục là bậc nhất.

Phật nói Vô vi nhất.

Không vì cạo râu tóc

Sa-môn mà hại người.⁶

“Bảy giờ, Đức Phật ấy chỉ nói một bài kệ này làm cấm giới trong vòng một trăm năm. Khi cầu uest đã phát sanh mới lập cấm giới.

“Lại nữa, trong ba mươi một kiếp, có Phật hiệu Thi-khí Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện thế gian. Bảy giờ cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng có mười sáu vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng mười bốn vạn. Hội thứ ba Thánh chúng mười vạn. Trong vòng tám mươi năm, trong chúng thanh tịnh, không có cầu uest, đức Phật ấy cũng nói một bài kệ:

Nếu mắt thấy phi tà

Bậc trí giữ không đắm.

Xả bỏ các điều ác,

Là hiệt huệ trong đời.

“Trong vòng tám mươi năm đức Phật ấy nói một bài kệ này. Về sau khi cầu bản phát sanh mới lập cấm giới.

“Phật Thí-khí thọ bảy vạn tuổi. Trong kiếp ấy có Phật xuất hiện thế gian hiệu Tỳ-xá-phù; cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng gồm mười vạn. Hội thứ hai Thánh chúng tám vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng gồm bảy vạn La-hán đã diệt

⁶ Kệ Giới kinh, xem Tứ phần giới bản.

tận các lậu. Trong vòng bảy mươi năm không có cấu bản, Tỳ-xá-phù Như Lai nói một kệ rười làm cấm giới:

[787a] *Không hại, không chê bai,
Mà phụng hành đại giới;
Ăn uống biết vừa đủ;
Giường chõng cũng như vậy.
Trì chí chuyên nhất cảnh.
Đây là lời Phật dạy.*

“Trong bảy mươi năm, lấy một kệ rười này làm cấm giới. Về sau vết bản phát sanh mới lập cấm giới. Tỳ-xá-phù Như Lai thọ bảy vạn tuổi.

“Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Bảy giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bảy vạn, thầy đều A-la-hán. Hội thứ hai, gồm sáu vạn A-la-hán. Trong sáu mươi năm không cấu bản, Đức Phật ấy lấy hai bài kệ làm cấm giới:

*Vì như ong hái hoa,
Sắc hương rất tinh khiết;
Lấy vị mà cho người.
Đạo sỹ sống trong thôn,
Không phỉ báng người khác;
Cũng không dò xét lỗi người.
Chỉ quán thân hành mình,
Xem chánh hay không chánh.*

“Trong sáu mươi năm lấy hai bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi cấu bản phát sanh mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ sáu vạn tuổi.

“Trong Hiền kiếp lại có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí chân Đẳng chánh giác. Bảy giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm sáu mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Trong bốn mươi năm, bảy giờ chưa có vết bản, đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới:

*Giữ chí, chớ khinh miệt,
Hãy học đạo tịch tĩnh;
Bậc Hiền không ưu sầu,
Chỉ thường niệm tịch diệt.*

“Trong bốn mươi năm, lấy một bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi có cầu bản mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ bốn vạn tuổi.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp. Bảy giờ Phật có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm ba mươi vạn, thầy đều A-la-hán. Trong hai mươi năm chưa có cầu bản, thường lấy một bài kệ làm cấm giới:

[787b] *Hết thầy ác chớ làm;
Hãy phụng hành điều thiện;
Tự tịnh tâm ý mình.
Đó là chư Phật dạy.*

“Trong hai mươi năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Sau khi có phạm cấm mới lập cấm giới. Bảy giờ Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

“Nay Ta, Như Lai xuất hiện ở đời. một hội Thánh chúng gồm một nghìn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm không có cầu bản, cũng lấy một bài kệ làm cấm giới:

*Giữ miệng, ý thanh tịnh;
Thân hành cũng thanh tịnh.
Thanh tịnh ba nghiệp đạo⁷.
Tu hành đạo Tiên nhân.*

“Trong mười hai năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Khi có người phạm luật, dần dần có 250 giới. Từ nay về sau, chúng Tăng tập hợp, khai bạch như Luật, rằng: ‘Các Hiền giả thầy cùng nghe, hôm nay ngày thứ mười lăm, thuyết giới. Tăng nay chấp thuận hòa hiệp thuyết cấm giới.’ Khai bạch như vậy rồi,

⁷ Nguyên Hán: hành tích.

nếu có Tỳ kheo nào có nói điều gì, không nên thuyết giới. Tất cả cùng im lặng, không ai nói gì, mới được thuyết giới. Cho đến sau khi nói xong Tựa của giới, cần phải hỏi, ‘Các Hiền giả, có ai không thanh tịnh không?’ Hỏi như vậy ba lần ‘Có ai không thanh tịnh không?’ Ai thanh tịnh thì im lặng mà ghi nhận. Tuy nhiên, nay con người thọ mạng ngắn, hết một đời không quá trăm năm. Cho nên, này A-nan, hãy khéo ghi nhớ kỹ.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Quá khứ xa xưa chư Phật Thế tôn thọ mạng cực dài, người phạm Luật ít, không có vết bẩn. Nhưng nay tuổi thọ con người ngắn, không quá mười lần mười. Sau khi chư Phật quá khứ diệt độ, Pháp lưu lại tồn tại ở đời trải qua bao lâu?”

Phật bảo A-nan:

“Chư Phật quá khứ sau khi diệt độ, có chánh pháp lưu lại ở đời không lâu.”

A-nan bạch Phật:

“Nếu sau khi Như Lai diệt độ, Chánh pháp sẽ tồn tại ở đời này bao lâu?”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi Ta diệt độ, Pháp sẽ tồn tại lâu. Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, di pháp chỉ tồn tại bảy ngày. Này A-nan, ông nay nghĩ rằng đệ tử của Như Lai rất ít. Chớ nghĩ như vậy Ở phương Đông, đệ tử Ta nhiều vô số. Ở phương Nam, đệ tử nhiều vô số. Cho nên, này A-nan, hãy khởi lên ý nghĩ này: Ta, Phật Thích-ca Vãn, thọ mạng cực kỳ lâu dài. Sở dĩ như vậy, vì nhục thân tuy vào diệt độ, nhưng Pháp thân vẫn tồn tại. Ông hãy ghi nhớ phụng hành ý nghĩa này.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe [787c] những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ A-nan bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai soi tỏ huyền vi, không sự gì mà không xét. Ngài hiểu rõ hết thủy chur Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài biết rõ tên họ, danh hiệu chur Phật quá khứ, đệ tử Bồ tát theo hầu nhiều ít. Một kiếp, một trăm kiếp, cho đến vô số kiếp, Ngài tất quán sát biết rõ. Ngài cũng phân biệt biết rõ tên họ của quốc vương, đại thần, nhân dân; cũng như biết rõ bao nhiêu quốc giới khác nhau hiện tại. Chúng con muốn biết sự kiện trong tương lai lâu xa, đức Di-lặc ra đời, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác; đệ tử theo hầu, cùng cảnh Phật, phong tục an lạc như thế nào, trải qua bao lâu.”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy trở về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói về sự xuất hiện của Di-lặc, cùng quốc độ phong tục an lạc và đệ tử nhiều ít. Hãy kheo suy nghĩ, khéo ghi nhớ trong lòng.”

A-nan vâng lời Phật dạy, trở về chỗ ngồi. Phật nói:

“Trong tương lai lâu xa, ở tại quốc giới này, có thành quách gọi là Kê-đầu,⁸ đông sang tây mười hai do-tuần; nam đến bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, nhân dân đông đúc, đường xá thành hàng. Bấy giờ trong thành có Long vương tên Thủy Quang, ban đêm làm mưa thơm thắm nhuần, ban ngày trong lành mát mẻ.

⁸ Kê-đầu thành. Pali: Ketumatī, cf. D. 26. Cakkavatti (R. iii. 75). Tham chiếu Hán, *Trường* kinh 6 (tr. 41c22).

“Bảy giờ trong thành Kê-đầu có một con quỷ La-sát tên là Diệp Hoa.⁹ Việc làm của nó đều tùy thuận pháp, không trái nghịch chánh giáo. Nó rình lúc mọi người đã ngủ, mới dọn dẹp các thứ bất tịnh dơ bẩn, rồi lại nước thơm rưới lên đất, khiến cho cực kỳ sạch thơm.

“A-nan, nên biết, lúc bảy giờ Diêm-phù-địa từ đông sang tây, từ nam lên bắc, mười vạn do tuần. Các núi, sông, vách đá đều tự tiêu diệt. Nước bốn biển dồn về một phương. Mặt đất Diêm-phù-địa trở nên bằng phẳng như mặt gương trong sáng.

“Trong toàn cõi Diêm-phù-địa, thóc gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, có nhiều thứ trân bảo. Thôn xóm liên tiếp nhau chỉ cách khoảng tiếng gà gáy nghe được. Khi ấy các thứ hoa trái xấu dở khô chết hết, những thứ dơ bẩn cũng biến mất. Chỉ còn các loại cây trái ngon ngọt, hương thơm ngào ngạt, sanh trưởng trên đất đó.

“Khí hậu thời bảy giờ ôn hòa, bốn mùa thuận hợp. Trong thân người không có trăm lẻ tám thứ bệnh hoạn. Tham dục, sân hận, ngu si không lớn, không mãnh liệt. Tâm người bình quân, thấy đều đồng một ý. Gặp nhau thấy đều hoan hỷ, nói lời đẹp lòng với nhau. Ngôn ngữ chỉ một thứ, không có khác biệt. [788a] Như người Uất-đan-việt kia không khác. Vì người Diêm-phù-địa khi ấy đều đồng một thứ tiếng, không có nhiều thứ khác nhau.

“Các hạng nam nữ bảy giờ mỗi khi có ý muốn đại, tiểu tiện, đất tự nhiên mở ra; việc xong nó tự khép lại.

“Diêm-phù-địa thời ấy có giống lúa mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, mùi vị cực kỳ thơm ngon, ăn vào trừ các thứ bệnh khổ. Các loại vàng, bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, châu châu, roi vãi trên đất, không ai nghĩ đến râu lược. Khi người dân ở đó cầm lên một thứ, họ nói với nhau: ‘Người xưa do các loại châu báu

⁹ Diệp Hoa 葉華, có lẽ dịch nghĩa từ Skt. *elāpattra* (Pali: *erakapatta*), cùng tên với một Long vương mà đến thời Phật Di-lặc được thoát thân rồng.

này mà tàn hại lẫn nhau, giam cầm đày đọa nhau, gây thêm vô số khổ não. Ngày nay các thứ này cùng một loại với sỏi đá, không ai cất giữ.’

“Trong thời đó có vị Pháp vương xuất hiện, tên là Trương-khur,¹⁰ cai trị bằng chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, điển binh và điển tàng. Vua thông lãnh toàn cõi Diêm-phù-địa, không dùng đến đao gậy mà tự nhiên đều thần phục.

“A-nan, như hiện nay có bốn kho báu.¹¹ Ở nước Càn-đà-việt¹² có kho báu Y-la-bát.¹³ Thứ hai, tại nước Di-thê-la¹⁴ có kho báu Ban-trù.¹⁵ Thứ ba, tại nước Tu-lại-tra¹⁶ có kho báu, cũng chứa nhiều trân bảo.¹⁷ Thứ tư, tại Bà-la-nại, Trương khur có kho báu lớn, chứa nhiều trân bảo không kể xiết.¹⁸ Bốn kho báu lớn này đúng lúc tự nhiên xuất hiện. Những người canh giữ kho báu¹⁹

¹⁰ Trương-khur 壤法. Trường. ibid. (tr. 42a09) Trương-già 儂伽. Pali, ibid. (tr. 75), Saṅkha.

¹¹ Bốn bảo tàng 寶藏, hàm mỏ quý. Xem đoạn sau, kinh 7, phẩm 51.

¹² Càn-đà-việt 乾陀越, một phiên âm khác cho Kiện-đà-la (Skt.: Gandhavati = Gandhāra). Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Càn-đà-vệ 乾陀衛. Tại đây, theo truyền thuyết Pali (Luật Thiện kiến), Tôn giả Mạt-diền-địa (Majjhantika) đã chinh phạt Long vương Aravāḷa, quy y dân xứ này. Về sau trở thành một trong hai trung tâm lớn của Hữu bộ.

¹³ Y-la-bát 伊羅鉢; Skt. *elāpatra*, nguyên tên của một Long vương, quản lý kho báu cùng tên. Xem kinh 7 phẩm 51 sau.

¹⁴ Di-thê-la 彌梯羅. Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Mạt-đế-la 蜜締羅國. Pali: Mithilā, kinh đô của vương quốc Videha, thời Phật.

¹⁵ Ban-trù 般稠, kinh 7 phẩm 51 chép 斑稠. Nguyên tên một Long vương. Skt. Pāṇḍuka.

¹⁶ Tu-lại-tra 須賴吒. Skt. Suraṣṭa.

¹⁷ Kinh 7 phẩm 51: kho báu Tân-già-la 賓伽羅 ở nước Tu-lại-tra, do Long vương Tân-già-la quản lý. Skt. Piṅgala.

¹⁸ Kinh 7 phẩm 51: Đại bảo tàng Trương-khur 壤法 (Kst. Saṅkha) tại nước Bà-la-nại 婆羅奈 (Vārāṇasī).

¹⁹ Kinh 7 phẩm 51: bốn Long vương hiến bốn đại bảo tàng.

đến tâu vua: ‘Tâu Đại vương, xin hãy dùng bảo vật trong các kho báu này mà ban phát cho những người nghèo khổ.’ Đại vương Tương-khư sau khi nhận được các kho báu này cũng không cất làm của riêng, không có ý tưởng chiếm hữu tài vật.

“Thời bấy giờ trong nội cảnh Diêm-phù-địa có loại cây tự nhiên sanh ra y phục, thứ vải rất mịn và mềm mại; mọi người đến lấy mà dùng. Giống như hiện nay người Uấ-đan-viết lấy y phục sanh ra tự nhiên ở trên cây không khác.

“Vua bấy giờ có vị Đại thần tên là Tu-phạm-ma,²⁰ vốn là bạn thân của vua từ thời thơ ấu, mà vua rất yêu kính. Vả, ông này có nhan sắc đẹp đẽ, không cao, không thấp, không gầy, không mập, không đen, không trắng, không già, không trẻ. Tu-phạm-ma có vợ tên là Tu-phạm-việt,²¹ đặc sắc bậc nhất trong các ngọc nữ, y như phi hậu của Thiên đế. Miệng bà thường có mùi thơm của hoa sen ưu-bát; thân thể luôn luôn có mùi thơm chiên-đàn; có toàn vẹn 84 tư thái của phụ nữ; không có bệnh hoạn, không hề loạn tướng.

“Bấy giờ Bồ tát Di-lặc từ [788b] trên trời Đâu-suất quan sát cha mẹ, ai không già cũng không trẻ, bèn giáng thần xuống đó, rồi sẽ sanh ra từ hông phải, như Ta ngày nay không khác. Bồ tát Di-lặc cũng vậy. Tu-phạm-ma tức thì đặt tên cho con là Di-lặc mà thân hình được trang nghiêm bằng 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; sắc da màu hoàng kim.

“Con người thời ấy thọ mạng rất dài, không có các thứ tật bệnh. Thầy đều thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Phụ nữ đến 500 tuổi mới lấy chồng.

“Bồ tát Di-lặc sống tại gia không bao lâu, rồi xuất gia học đạo.

²⁰ Tu-phạm-ma 修梵摩. Pali: Subrahmā.

²¹ Tu-phạm-việt 梵摩越. Pali: Subrahmī.

“Bấy giờ cách thánh Kê-đầu không xa có một gốc đại thọ tên là Long hoa,²² cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ tát Di-lặc ngồi dưới gốc cây này mà thành đạo quả vô thượng. Vào nửa đêm Di-lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo vô thượng. Khi ấy ba nghìn đại thiên sát-độ chấn động. Địa thần liên tiếp truyền nhau: ‘Nay Di-lặc đã thành Phật.’ Lần lượt truyền cho đến cung điện Tứ thiên vương cũng nghe: ‘Di-lặc đã thành Phật đạo.’ Rồi lần lượt truyền lên các cõi trời Tam thập tam, Diệm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Âm thanh truyền lần lên cho đến Phạm thiên: ‘Di-lặc đã thành Phật đạo.’

“Bấy giờ có Ma tên là Đại Tướng, cai trị đúng theo pháp. Khi nghe âm hưởng lan truyền danh giáo của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dùng được, bảy ngày bảy đêm không ngủ. Khi ấy Ma vương dẫn vô số người nhà trời của Dục giới đi đến Phật Di-lặc, cung kính lễ bái. Di-lặc Thánh tôn lần lượt giảng thuyết các đề tài vi diệu của chánh pháp cho chư thiên; các đề tài về thí, giới, sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, xuất yếu là vi diệu. Sau khi thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân rộng rãi ý nghĩa cho chư thiên và loài người. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi có tám vạn bốn nghìn con trời dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

“Bấy giờ Đại Tướng Ma vương bố cáo với nhân dân cõi ấy rằng: ‘Các người nên nhanh chóng xuất gia. Vì sao? Hôm nay Đức Di-lặc đã vượt qua bờ bên kia, và cũng sẽ đưa các người vượt qua.’

“Bấy giờ trong thành Kê-đầu có một trưởng giả tên là Thiện Tài, nghe giáo lệnh của Ma vương, lại nghe tiếng Phật, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn ngàn người đi đến Phật Di-lặc, cúi đầu lạy dưới chân, [788c] rồi ngồi xuống một bên. Đức Di-lặc

²² Long hoa 龍華. Skt. Nāgapuṣpa. Pali: Nāgapupphiya (?), nhưng không thấy đề cập trong văn học Pali.

lần lượt thuyết các đề tài vi diệu của pháp cho ông, luận về thí, giới, sanh thiên. Khi Đức Di-lặc thấy tâm ý mọi người đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân biệt rộng rãi cho mọi người. Ngay khi ấy, từ trên chỗ ngồi, Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người bước lên trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu phạm hạnh, thành đạo A-la-hán. Đây là hội thứ nhất của Phật Di-lặc, có tám vạn bốn nghìn A-la-hán.

“Bấy giờ Vua Tương-khư, khi nghe đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền đi đến chỗ Phật để nghe pháp. Được Di-lặc thuyết pháp cho ông; pháp mà khoảng đầu thiện xảo, khoảng giữa thiện xảo, khoảng cuối cũng thiện xảo; nghĩa lý sâu xa.

“Một thời gian sau, vua lập thái tử; rồi đem vật trân bảo cho thợ hớt tóc, lại đem các thứ bảo vật khác cho các bà-la-môn. Sau đó Vua dẫn tám vạn bốn nghìn người đi đến chỗ Phật, cầu xin làm sa-môn. Tất cả đều thành đạo A-la-hán.

“Khi trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn nghìn bà-la-môn đi đến chỗ Phật cầu xin làm sa-môn. Thấy đều đắc A-la-hán. Duy Tu-phạm-ma đoạn trừ ba kết, rồi nhất định sẽ chấm dứt biên tế khổ.

“Mẹ của Phật là Phạm-ma-việt cũng dẫn tám vạn bốn nghìn thể nữ đi đến Phật cầu xin làm sa-môn. Các người nữ đều đắc A-la-hán; duy chỉ một người là Phạm-ma-việt đoạn trừ ba kết thành Tu-đà-hoàn.

“Những người phụ nữ sát-lợi nghe đức Di-lặc Như Lai xuất hiện thể gian thành Đẳng chánh giác, có vài nghìn vạn người đi đến Phật. cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Mỗi người đều sanh tâm cầu xin làm sa-môn, xuất gia học đạo. Trong đó, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng ngộ; hoặc có người không chứng ngộ. Nay A-nan, những người không vượt

thứ lớp chứng ngộ thấy đều là những người tùy pháp hành²³, nhằm tởm tất cả thế gian không có gì đáng vui thích.

“Di-lặc bảy giờ thuyết giáo pháp ba thừa. Như ngày nay trong các đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp là người hành đầu đà. Trong quá khứ đã từng tu phạm hạnh nơi chư Phật. Người này sẽ thường trợ giúp Di-lặc giáo hóa nhân dân.”

Khi ấy Ca-diếp đang ngồi kiết già cách Như Lai không xa, chánh thân chánh ý, buộc niệm [789a] trước mắt. Bảy giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp:

“Nay tuổi Ta đã suy hao, gần hơn tám chục. Nhưng nay Như Lai có bốn Đại Thanh văn có thể đảm trách du hóa, mà trí tuệ vô tận, đầy đủ các phẩm đức. Bốn vị này là những ai? Đó là Tỳ kheo Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán, Tỳ kheo Tân-đầu-lô,²⁴ Tỳ kheo La-hầu-la.²⁵ Các người bốn Đại Thanh văn không nên bát-niết-bàn. Hãy đợi khi nào pháp Ta mất hẳn rồi hãy bát-niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên bát-niết-bàn. Hãy đợi cho đến Di-lặc xuất hiện thế gian. Vì sao? Các đệ tử được hóa độ bởi Di-lặc thấy đều là đệ tử của Thích-ca Văn, do sự giáo hóa của Ta được lưu lại mà dứt sạch các lậu. Trong thôn Tỳ-đề, quốc giới Ma-kiệt, Đại Ca-diếp sẽ trú trong núi ở đó.²⁶ Về sau, Di-lặc Như Lai sẽ dẫn vô số tùy tùng đi đến núi này. Do ân đức của Phật, các quỷ thần sẽ mở cửa núi, và được thấy Ca-diếp trong hang thiên. Khi ấy đức Di-lặc duỗi cánh tay phải chỉ Ca-

²³ Nguyên Hán: phụng pháp. Hạng Tu-đà-hoàn lợi căn.

²⁴ Tân-đầu-lô 賓頭盧, tức vị thứ nhất trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (T49n2030, tr. 13a9), phiên âm khác là Tân-độ-la Bạt-ra-xà 賓度羅跋囉憍闍 (Skt. Pindola-bhāradvāja).

²⁵ La-vân 羅云, tức La-hô-la 囉怛羅 (Skt., Pali: Rāhula), thứ 11 trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (tr. 13a14).

²⁶ Truyền thuyết phương Bắc, Đại Ca-diếp hiện vẫn nhập định trong núi Kê túc (Skt. Kukkuṭapāda-giri), nước Ma-kiệt-đà; cf. *Phủ pháp nhan duyên* (T50n2058, tr. 301a16); *Pháp Hiển truyện* (T51n2085, tr. 863c27); *Tây vực ký* 9 (T51n2087, tr. 919b25).

diếp mà bảo đại chúng: ‘Đây là đệ tử của Phật Thích-ca Văn trong thời quá khứ xa xưa, tên là Ca-diếp, vẫn tồn tại cho đến nay, là vị đầu đà khổ hạnh bậc nhất.’ Mọi người khi ấy tán thán là chưa từng có. Ngay lúc ấy, vô số trăm nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhân thanh tịnh.

“Đây gọi là hội thứ nhất,²⁷ có chín mươi sáu ức người thành A-la-hán. Những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao? Thấy đều do Ta giáo hóa mà được như vậy; và cũng do nhân duyên bốn sự²⁸ là huệ thí, nhân ái, lợi người và đặng lợi.

“Này A-nan, bảy giờ Di-lặc Như Lai sẽ lấy y tăng-già-lê của Ca-diếp rồi khoác lên mình, tức thì thân thể của Ca-diếp tự nhiên rã như sao. Di-lặc mới dùng đủ các loại hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn có tâm cung kính đối với Chánh pháp. Di-lặc cũng do Ta giáo hóa mà được thành đạo vô thượng chân chánh.

“A-nan, nên biết, hội thứ hai của Phật Di-lặc có 94 ức người, đều là A-la-hán, cũng đều là đệ tử di giáo của Ta, hành cúng dường bốn sự mà được như vậy.

“Lại nữa, hội thứ ba của Phật Di-lặc có 92 ức người, đều A-la-hán, cũng là đệ tử di giáo của Ta.

“Thời bảy giờ, các Tỳ kheo đều có họ là đệ tử Từ thị, như ngày nay các Thanh văn [789b] đều được gọi là đệ tử Thích-ca.

“Bảy giờ, đức Di-lặc thuyết pháp cho các đệ tử: ‘Tỳ kheo các người, hãy tư duy về tướng vô thường, tướng lạc có khổ, tướng chấp ngã và vô ngã, tướng thật có Không, tướng sắc biến, tướng bầm xanh, tướng sinh chương, tướng ăn chưa tiêu hết, tướng máu huyết, tướng hết thầy thế gian không có đang vui thích. Vì sao vậy? Tỳ kheo nên biết, mười tướng này đều là những điều đã được Thích-ca Văn Phật trong quá khứ nói cho các người, để được dứt sạch hữu lậu, tâm được giải thoát.

²⁷ Có thể có sự nhầm lẫn trong bản Hán này.

²⁸ Tứ sự 四事, đây chỉ bốn nhiếp sự, mà nội dung Hán dịch ở đây có khác.

“Trong đại chúng này, hoặc có người vốn là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích-ca Văn, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn cúng dường Tam bảo, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn hành bốn vô lượng tâm, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở Phật Thích-ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn chuyên ý nghe Pháp, nay đến chỗ Ta. Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta. Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

“Rồi đức Di-lặc nói bài kệ này:

*Tăng trưởng đức giới, văn,
Nghệ thuật và tư duy,
Khéo tu hành phạm hạnh,
Người ấy đến chỗ Ta.*

*Khuyên thí, tâm hoan hỷ,
Tu hành cội nguồn tâm,
Ý không sai biệt tưởng,
Người ấy đến chỗ Ta.*

*Hoặc phát tâm bình đẳng,
Và thừa sự chư Phật,
Thực ăn cúng Thánh chúng,
Người ấy đều đến Ta.*

Hoặc tụng giới, khế kinh,

*Khéo tập, thuyết cho người,
Nhiệt hành nơi gốc pháp,
Ngày nay đến chỗ Ta.*

[789c] *Họ Thích khéo giáo hóa,
Cúng dường các xá-lợi,
Thừa sự pháp, cúng dường,
Ngày nay đến chỗ Ta.*

*Nếu ai sao chép kinh,
Ban²⁹ bố trên lụa trắng.³⁰
Những ai cúng dường kinh,
Nay đều đến chỗ Ta.*

*Lụa là và các vật,
Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng Nam mô Phật,
Thầy đều đến chỗ Ta.*

*Ai cúng dường hiện tại,
Và chư Phật quá khứ;
Thiền định, chánh bình đẳng,
Cũng không có tăng giảm,*

*Cho nên, đối Phật pháp,
Thừa sự nơi Thánh chúng,
Chuyên tâm thờ Tam bảo,
Tất đến chỗ vô vi.*

“Này A-nan, nên biết, Di-lặc Như Lai sẽ nói bài kệ này giữa đại chúng.

²⁹ Văn bản in là tụng 頌, cước chú in là ban 頒, TNM: ban 班.

³⁰ Tố thượng 素上. Do chữ ban 頒 đọc là tụng 頌 nên có người đoán đây là chữ án 案 (án thư), thay vì tố 素. Nhưng Ấn độ không có tục đọc sạch trên án thư.

“Bấy giờ trong đại chúng, chư thiên và loài người tư duy mười tương, khi ấy có mười một triệu³¹ người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Trong một nghìn năm, trong chúng không có cấu bần, Di-lặc Như Lai bấy giờ chỉ nói một bài kệ làm cảm giới:

*Miệng, ý không hành ác,
Thân cũng không sai phạm,
Trừ sạch ba nghiệp này,
Chóng vượt vực sanh tử.*

“Sau một nghìn năm, sẽ có người phạm cấm giới, bấy giờ mới chế giới.

“Di-lặc Như Lai sẽ thọ tám vạn bốn nghìn năm. Sau khi bát-niết-bàn, di pháp của Ngài sẽ tồn tại tám vạn bốn nghìn năm. Sở dĩ như vậy, vì chúng sanh thời bấy giờ thấy đều có căn tính linh lợi. Nếu có thiện từ, thiện nữ nhân nào muốn thấy Phật Di-lặc và các Thanh văn trong ba hội, thành Kê-đầu, và bốn đại bảo tàng, muốn được ăn thứ lúa tự nhiên, mặc loại y phục tự nhiên, rồi khi thân hoại mạng chung sanh lên trời, những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hãy chuyên cần tinh tấn, không sanh lòng biếng, và hãy cúng dường thừa sự các pháp sư bằng các thứ hương hoa thơm, cùng các phẩm vật cúng dường chớ để thiếu thốn.

A-nan, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ, A-nan và các chúng hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³²

KINH SỐ 4³³

[90a07]Tôi nghe như vậy:

³¹ Hán: thập nhất cai 十一婁; mỗi cai là 10 triệu. Con số ở đây chỉ có tính tượng trưng.

³² Bản Hán, hết quyển 44.

³³ Tham chiếu Pali, D. 14 Mahāpadāna (R. ii. 1). Hán, *Trường 1*, kinh 1 “Đại bản”.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo cùng tụ tập tại giảng đường Phổ hội. Mọi người đều có ý nghĩ này: “Thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Như Lai có thể phân biệt biết rõ chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, với tên hiệu như vậy, chủng tộc như vậy, sự trì giới và đệ tử tùy tùng như vậy, cùng tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thân thọ dài ngắn, thủy đều biết rõ. Thế nào, chư Hiền, đó là do Như Lai phân biệt pháp xứ cực kỳ thanh tịnh mới biết nguồn gốc danh hiệu của chư Phật chăng? Hay do chư thiên đến báo cáo cho biết điều này chăng?”

Khi ấy, bằng thiên nhĩ thông suốt, Thế Tôn nghe các Tỳ kheo đang khơi dậy đề tài này, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo, rồi xuống ngay giữa đại chúng. Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo:

“Các ông tập họp tại đây, đang bàn luận chuyện gì?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con tập họp tại đây bàn luận các đề tài Phật pháp. Mọi người đều nêu lên vấn đề như vậy, ‘Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai có thể biết rõ chư Phật quá khứ với danh hiệu, chủng tộc như vậy; trí tuệ như vậy, cũng đều thông suốt tường tận. Thật kỳ diệu! Thế nào, này chư Hiền, đó là do sự phân biệt pháp giới của Như Lai cực kỳ thanh tịnh mới biết được nguồn gốc danh hiệu chư Phật, hay do chư Thiên đến chỗ Phật nói lại sự kiện ấy?’”

Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có muốn nghe trí lực siêu việt của chư Phật quá khứ, cùng danh hiệu, thọ mạng dài vẫn chăng?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Nay là lúc thích hợp, cúi xin Như Lai giải bày nghĩa lý này.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các ông hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ diễn rộng ý nghĩa cho các ông nghe.”

Các Tỳ kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Phật bảo các Tỳ kheo:

Tỳ kheo, nên biết, quá khứ cách nay 91 kiếp, có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.

“Lại 31 kiếp có Phật xuất thế hiệu [790b] Thi-khí Như Lai, Chí chân, đấng chánh giác.

“Lại 31 kiếp Có Phật hiệu Tỳ-xá-phù Như Lai, Chí chân, Đấng chánh giác xuất hiện ở đời.

“Trong Hiền kiếp này, có Phật xuất thế hiệu Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng cúng, Đấng chánh giác.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí chân, Đấng chánh giác.

“Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp.

“Lại trong Hiền kiếp, Ta, Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đấng chánh giác, xuất hiện ở đời.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Trong chín mươi một kiếp
Có Phật Tỳ-bà-thi.
Trong ba mươi một kiếp
Xuất hiện Phật Thi-khí.*

*Lại ở trong kiếp đó
Xuất hiện Phật Tỳ-xá.
Ngày nay trong Hiền kiếp
Bốn Phật lại ra đời:*

*Câu-tôn, Na, Ca-diếp,
Như mặt trời soi đời.
Nếu muốn rõ tên họ,
Và danh hiệu, như vậy*

“Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện trong chủng tộc sát-lợi. Thi-khí Như Lai cũng xuất hiện trong sát-lợi. Tỳ-xá-phù Như Lai cũng từ sát-lợi. Câu-lưu-tôn xuất hiện trong dòng Bà-la-môn. Câu-

na-hàm-mâu-ni xuất hiện trong dòng bà-la-môn. Ca-diếp Như Lai xuất hiện trong dòng bà-la-môn. Như Ta nay xuất hiện trong dòng sát-lợi.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Các Phật trước xuất hiện
Đều từ dòng sát-lợi.
Câu-tôn, đến Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-môn.*

*Chỉ tôn không ai bằng.
Ta nay Thầy trời người,
Với các căn tịch tĩnh,
Xuất từ dòng sát-lợi.*

“Tỳ-bà-thi Như Lai họ Cù-đàm.³⁴ Thi-khí Như Lai cũng từ họ Cù-đàm. Tỳ-xá-phù cũng họ Cù-đàm. Ca-diếp Như Lai xuất từ họ Ca-diếp. Câu-lâu-tôn, Câu-na-hàm-mâu-ni, cũng dòng họ Ca-diếp không khác. Ta, Như Lai đời hiện tại, có họ Cù-đàm.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

*Các Phật Chánh giác đầu
Xuất từ họ Cù-đàm.
Ba vị tiếp Ca-diếp,
Đều có họ Ca-diếp.*

[790c] *Như Ta đời hiện tại,
Chư thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ họ Cù-đàm.*

“Tỳ kheo, nên biết, Tỳ-bà-thi Như Lai có họ³⁵ là Câu-lân-nhã.³⁶ Thi-khí Như Lai cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Tỳ-xá-phù Như Lai

³⁴ Nguyên Hán: tánh 姓. Đoạn dưới cũng nói tánh thuộc Câu-lân-nhã. Có sự lẫn lộn về dụng ngữ trong bản Hán dịch này. Xem cht. dưới.

³⁵ Tánh, Pali: *gotta*, tức dòng họ, chỉ phương diện huyết thống.

cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Câu-lưu-tôn Như Lai xuất từ Bà-la-đọa. Câu-na-hàm-mâu-ni cũng xuất từ Bà-la-đọa. Ca-diếp Như Lai cũng xuất từ Bà-la-đọa.^{37,}

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Ba vị Chánh giác đầu
Xuất từ Câu-lân-nhã.
Sau cho đến Ca-diếp
Đều từ Bà-la-đọa.*

*Như Ta đời hiện tại,
Chư thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ Câu-lân-nhã.³⁸*

“Tỳ-bà-thi Như Lai ngồi dưới cây hoa Ba-la-lợi³⁹ mà thành Phật đạo. Thi-khí Như Lai ngồi dưới cây Phân-đà-lợi⁴⁰ mà thành Phật đạo. Tỳ-xá-phù Như Lai ngồi dưới cây Sa-la⁴¹ mà thành Phật đạo. Câu-lưu-tôn Như Lai ngồi dưới cây Thi-lợi-sa⁴² mà thành Phật đạo. Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai ngồi dưới cây Ưu-đầu-bát-la⁴³ mà thành Phật đạo. Ca-diếp Như Lai ngồi

³⁶ Câu-lân-nhã 拘隣若. Pali: Koṇḍañña. Trên kia cũng nói là tánh Cù-đàm. *Trường* 1 cũng như Pali, chỉ nói tánh Câu-lị-nhã 拘利若, không nói đến tánh Cù-đàm.

³⁷ Bà-la-đọa 婆羅墮. Ba vị sau này, *Trường* 1 và Pali đều nói thuộc dòng họ Ca-diếp, như đoạn trên; không nói đến Bà-la-đọa.

³⁸ Không thấy nơi nào khác nói Thích-tôn thuộc họ Câu-lân-nhã.

³⁹ Ba-la-lợi 波羅利. Pali: *Pātali*, cây có hoa màu hồngnhật, tên khoa học *Bignonia suaveola*.

⁴⁰ Phân-đà-lợi 分陀利. Pa;i: *Punḍarīka*, sen trắng.

⁴¹ Đề bản chép: ba-la 波羅; nên sửa lại là sa-la 沙羅. Pali: *Sāla*.

⁴² Thi-lợi-sa 尸利沙. Pali: *Sirīsa*, Skt. *śirṣa*, hoa hợp hôn (*Huyền ứng âm nghĩa*).

⁴³ Ưu-đầu-bát-la 優頭跋羅. Pali: *Udumbara*.

dưới cây Ni-câu-lưu⁴⁴ mà thành đạo quả. Như Ta Như Lai trong đời hiện tại ngồi dưới cây Cát-tường⁴⁵ mà thành Phật đạo.”

*Vị thứ nhất thành đạo
Dưới cây Ba-la-lợi.
Thi-khí, Phân-đà-lợi.
Tỳ-xá, cây Sa-la.*

*Câu-tôn, cây Thi-lợi.
Câu-na, cây Bạt-la.
Ca-diếp, cây Câu-lưu.
Ta dưới cây Cát tường.*

*Bảy Phật, Thiên trung Thiên,
Soi tỏ khắp thế gian,
Nhân duyên dưới bóng cây,
Mà chúng thành đạo quả.*

“Tỳ-bà-thi Như Lai có đệ tử là đại chúng gồm 16 vạn 8 nghìn người. Thi-khí Như Lai có đệ tử với đại chúng gồm 16 vạn người. Tỳ-xá-phù Như Lai có đệ tử là đại chúng 10 vạn người. Câu-lưu-tôn Như Lai có đệ tử là đại chúng 8 vạn người. [791a] Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có đệ tử là chúng 7 vạn người. Ca-diếp Như Lai có đệ tử là chúng 6 vạn người. Ta nay chúng đệ tử có 1250 người. Thầy đều là A-la-hán, vĩnh viễn dứt sạch các lậu, không còn các triền phược.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Trăm nghìn sáu vạn tám,
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
Trăm nghìn thêm sáu vạn,
Chúng đệ tử Thi-khí.*

⁴⁴ Ni-câu-lưu 尼拘留. Pali: *Nigrodha*, Skt. *nyagrodha*, một loại cây đa hay sung (*Ficus indica*).

⁴⁵ Cát tường 吉祥. Pali: *Assattha*; Skt. *ásvattha*, cây yường thọ (*Ficus religiosa*).

*Chúng Tỳ kheo trăm nghìn,
Đệ tử Tỳ-xá-bà.
Câu-tôn, chúng tám vạn.
Câu-na-hàm bảy vạn
Ca-diếp, chúng sáu vạn.
Thầy đều A-la-hán.*

*Ta nay Thích-ca Vãn,
Nghìn hai trăm năm chục,
Đều là bậc Chân nhân,
Hiện đang hành giáo pháp.
Đệ tử theo di giáo,
Con số không thể lường.*

“Tỳ bà-thi Như Lai có thị giả tên là Đại Đạo Sư.⁴⁶ Thi-khí Như Lai có thị giả tên là Thiện Giác.⁴⁷ Tỳ-xá-phù Như Lai có thị giả tên là Thắng Chúng.⁴⁸ Câu-lưu-tôn Như Lai có thị giả tên là Cát Tường.⁴⁹ Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có thị giả tên là Tỳ-la-tiên.⁵⁰ Ca-diếp Như Lai có thị giả tên là Đạo Sư.⁵¹ Ta nay có thị giả tên là A-nan.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Đại Đạo và Thiện Giác,
Thắng Chúng và Cát Tường,
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư,
A-nan. Bảy thị giả.*

*Những vị này hầu Phật,
Không khi nào sai thời;
Phúng tụng và thọ trì,*

⁴⁶ Đại Đạo Sư. *Trường 1*, thị giả Vô Ưu 無憂. Pali: Asoka.

⁴⁷ Thiện Giác. *Trường 1*, thị giả Nhẫn Hành 忍行. Pali: Khemaṅkaro.

⁴⁸ Thắng Chúng. *Trường 1*, thị giả Tịch Diệt 寂滅. Pali: Upasanto.

⁴⁹ Cát Tường. *Trường 1*, thị giả Thiện Giác 善覺. Pali: Buddhijo.

⁵⁰ Tỳ-la-liên. *Trường 1*, thị giả An Hòa 安和. Pali: Sotthijo.

⁵¹ Đạo Sư. *Trường 1*, thị giả Thiên Hữu 善友. Pali: Sabbamitto.

Không để mất nghĩa lý.

“Tỳ-bà-thi Như ai thọ 8 vạn 4 nghìn tuổi. Thi-khí Như Lai thọ 7 vạn tuổi. Tỳ-xá-phù Như Lai thọ 6 vạn tuổi. Câu-lưu-tôn Như Lai thọ 5 vạn tuổi. Câu-na-hàm Như Lai thọ 4 vạn tuổi. Ca-diếp Như Lai thọ 2 vạn tuổi. Ta ngày nay thọ mạng rất vẫn. Tuổi thọ dài nhất không quá một trăm.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Phật đầu, tám vạn tư.

Phật kế, 7 vạn tuổi.

Tỳ-xá-bà sáu vạn.

Câu-lưu thọ 5 vạn.

[791b] *Gấp đôi số hai vạn
Tuổi thọ Câu-na-hàm.
Ca-diếp thọ hai vạn.
Chỉ Ta thọ trăm tuổi.*

“Như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai quán sát biết rõ tên họ, danh hiệu của chư Phật; tất cả đều rõ ràng; chủng loại, xuất xứ, thấy đều quán triệt; trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, thấy đều thấu rõ.”

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

“Như Lai cũng nói, Như Lai biết rõ quá khứ hằng sa chư Phật đã diệt độ, và vị lai hằng sa chư Phật sẽ xuất hiện. Vì sao Như Lai không ghi nhận những việc làm của ngàn ấy chư Phật, mà nay chỉ nói đến sự tích của bảy vị Phật?”

Phật bảo A-nan:

“Tất cả đều có nhân duyên nên Như Lai chỉ nói sự tích của bảy vị Phật. Hằng sa chư Phật trong quá khứ cũng chỉ nói sự tích của bảy Phật. Tương lai Di-lặc xuất hiện ở đời cũng chỉ nói sự tích bảy Phật. Như khi Sư Tử Ứng Như Lai xuất hiện, cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Thừa Nhu Thuận xuất hiện ở đời, cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Quang Diệm xuất hiện ở đời cũng sẽ nói sự tích bảy Phật. Khi Phật Vô Cấu xuất

hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận sự tích Phật Ca-diếp. Khi Phật Bảo Quang xuất hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận sự tích Thích-ca Văn.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này:

*Sư Tử, Nhu Thuận, Quang,
Vô Cấu và Bảo Quang,
Tiếp theo sau Di-lặc,
Thấy đều thành Phật đạo.*

*Di-lặc kể Thi-khí.
Sư Tử thuật Tỳ-xá.
Nhu Thuận kể Câu-tôn.
Quang Diệm kể Mâu-ni.*

*Vô Cấu kể Ca-diếp.
Thấy đều nói bởi duyên.
Bảo Quang thành Chánh giác,
Sẽ kể danh hiệu Ta.*

*Phật Chánh giác quá khứ,
Cũng như Phật tương lai,
Đều kể truyện bày Phật,
Và sự tích gốc ngọn.*

“Thầy đều có nhân duyên nên Như Lai ghi nhận danh hiệu chỉ bày Phật thôi.”

A-nan bạch Phật:

“Kinh này tên gì? Phụng hành như thế nào?”

Phật nói:

“Kinh này gọi là “Ký Phật danh hiệu.” Hãy ghi nhớ phụng hành.”

Bấy giờ A-nan và các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

[791c] Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyet.

Bấy giờ trưởng giả Sur Tử đi đến Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả Sur Tử bạch Xá-lợi-phất rằng:

“Cúi mong tôn giả nhận lời thỉnh của con.”

Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Khi trưởng giả thấy Tôn giả im lặng nhận lời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân, rồi lui ra.

Ông lại đi đến Đại Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyệt Tử, Ưu-bà-ly, Tu-bồ-đề, La-hầu-la, Quân-đầu Sa-di. Các vị thượng thủ như vậy cùng với năm trăm vị.

Bấy giờ trưởng giả trở về nhà sửa soạn đủ các thức ăn hết sức ngon lành, trải các chỗ ngồi rất đẹp. Sau đó, đến thưa là đã đến giờ:

“Thưa các Chân nhân A-la-hán biết cho, nay thức ăn đã dọn xong, cúi mong các vị hạ cố đến nhà con.”

Khi ấy các Đại Thanh văn khoác ba y, cầm bát, đi vào thành, đến nhà ông trưởng giả. Trưởng giả thấy các vị Tôn giả đã yên chỗ ngồi rồi, tự tay san sốt, bưng dọn các thức ăn. Khi thấy Thánh chúng ăn xong, sau khi dùng nước rửa, ông dâng cúng mỗi vị một tấm lụa trắng, và bước lên trước để nhận chú nguyện. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất thuyết một bài pháp cực kỳ vi diệu cho ông trưởng giả nghe. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy, trở về tỉnh thất.

Bấy giờ La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

“Ngươi từ đâu đến đây?”

La-hầu-la đáp:

“Hôm nay con được trưởng giả Sư Tử đến thỉnh.”

Phật hỏi:

“Thế nào, La-hầu-la, ăn uống có ngon hay không ngon?”

La-hầu-la đáp:

“Thức ăn rất ngon và rất dồi dào. Nay con nhận được tám lụa trắng này từ đó.”

Phật hỏi:

“Chúng Tăng đến đó bao nhiêu người? Ai là thượng tọa?”

La-hầu-la bạch:

“Hòa thượng Xá-lợi-phất ở đầu hàng Thượng thủ. Các đệ tử thần đức khác có 500 vị.”

Phật bảo La-hầu-la:

“La-hầu-la, trưởng giả ấy có được phước nhiều không?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, ông trưởng giả được phước báo không hề kê xiết. Thí cho một vị A-la-hán, phước còn khó hạn lượng, huống gì các bậc được chư thiên thần diệu cung kính. Hôm nay có 500 vị thấy đều là bậc Chân nhân. Cho nên của phước của ông ấy làm sao mà lường hết được.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Nay công đức do bố thí 500 vị La-hán, so với công đức bố thí cho một sa-môn là người được sai cử thứ tự từ trong Tăng [792a] khi Tăng được thỉnh cúng dường; phước từ người được sai cử trong chúng này so với phước bố thí 500 La-hán, nhiều gấp trăm lần, nghìn lần, hàng ức vạn lần, không thể lấy thí dụ mà biết được. Vì sao? Phước từ người được Chúng sai cử khó mà hạn lượng, đưa đến chỗ cam lộ, diệt tận.

“La-hầu-la, nên biết, như có người tự mình thề rằng, ‘Tôi sẽ uống hết nước trong các sông ngòi. Người ấy có thể làm được như vậy chăng?’”

La-hầu-la bạch Phật:

“Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Diêm-phù-địa này rất rộng lớn. Có bốn con sông lớn của Diêm-phù-địa, một là Hằng-già, hai là Tân-đầu, ba là Tu-đà, bốn là Bác-xoa. Mỗi con sông còn có 500 chi lưu. Người ấy không bao giờ có thể uống cho hết được. Chỉ nhờ công mà chẳng bao giờ thành.”

“Người ấy lại nói rằng, ‘Ta tự mình có phương tiện nhân duyên có thể uống hết các con nước.’ Nhân duyên gì mà có thể uống hết các con nước? Khi ấy, người này nghĩ rằng, ‘Tôi sẽ uống nước biển. Vì sao? Tất cả con sông đều đổ vào biển.’ Thế nào, La-hầu-la, người ấy có thể uống hết các con nước chẳng?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bằng phương tiện như vậy thì có thể uống hết các con nước. Vì sao? Tất cả mọi dòng nước đều đổ vào biển. Cho nên người ấy có thể uống hết nước.”

Phật nói:

“Cũng vậy, La-hầu-la. Hết thấy sự bố thí riêng từ đều như dòng nước kia, hoặc được phước, hoặc không được phước. Chúng Tăng như biển cả kia. Vì sao? Cũng như nước của các sông khi đổ vào biển đều mất tên cũ, mà chỉ có một gọi là biển cả. La-hầu-la, ở đây cũng vậy. Nay mười hạng người đều từ trong Chúng mà ra; không có Chúng thì không thành. Những gì là mười? Đó là, hướng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, hướng Tu-đà-hàm, Từ-đà-hàm, hướng A-na-hàm, A-na-hàm, hướng A-la-hán, đấng A-la-hán, Bích-chi Phật, và Phật. Đó là mười hạng người đều do từ trong Chúng, không đơn độc, không biệt lập.

“La-hầu-la, hãy do phương tiện này mà biết rằng, với người được sai cử từ Chúng, phước ấy không thể hạn lượng. Cho nên, này La-hầu-la, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu phước không thể kể xiết ấy hãy cúng dường Thánh chúng.

“La-hầu-la, nên biết, cũng như người lấy bơ bỏ vào nước, nó đặc lại chứ không tan ra. Nếu đem dầu bỏ vào nước, nó lan

khấp trên mặt nước. [792b] Cho nên, này La-hầu-la, hãy nhớ nghĩ cúng dường Thánh chúng, Tăng Tỳ kheo. La-hầu-la, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ trưởng giả Su Tử nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, chứ không tán thán các phước khác. Vào một lúc khác, ông trưởng giả đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Con có nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, mà không tán thán phước do người được biệt thỉnh. Từ nay về sau, con sẽ thường xuyên cúng dường Thánh chúng.”

Phật nói:

“Ta không nói như vậy, rằng cúng dường Thánh chúng chứ đừng cúng dường người khác. Nay cúng bố thí cho súc sanh còn được phước, huống nữa cho người. Nhưng điều mà Ta nói, là phước nhiều hay ít. Vì sao vậy? Thánh chúng của Như Lai là bậc đáng kính, đáng quý trọng, là ruộng phước tối thượng của thế gian. Nay trong Chúng này có bốn Hương và bốn Quả,⁵² cùng Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, Phật thừa. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn chúng đắc đạo của ba thừa, hãy tìm cầu từ trong Chúng. Vì sao vậy? Đạo của ba thừa đều xuất từ trong Chúng.

“Này Trưởng giả, Ta quán sát nhân duyên ý nghĩa này cho nên mới nói như vậy. Ta cũng không khuyên dạy người chỉ nên cúng dường Thánh chúng chứ đừng cho các người khác.”

Khi ấy ông trưởng giả bạch Thế Tôn:

“Đúng vậy, như lời Thế Tôn dạy. Từ nay về sau, nếu có làm phước nghiệp, con thầy đều cúng dường Thánh chúng, không lựa chọn người mà cho.”

⁵² Nguyên Hán: đắc.

Sau đó, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, khiến ông sanh tâm hoan hỷ. Trưởng giả nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân, rồi cáo lui.

Ý của trưởng giả Su Tử lúc bấy giờ muốn lập phước nghiệp. Chư thiên khi ấy đến bảo ông rằng: “Vị này là hướng Tu-đà-hoàn. Vị này đắc Tu-đà-hoàn. Hãy thí cho vị này sẽ được phước nhiều. Thí cho vị kia sẽ được phước ít.” Rồi chư thiên này nói bài kệ:

*Phật khen thí lựa chọn.
Cho vị có đức này,
Cho vị ấy phước nhiều,
Nhu ruộng tốt trở mạ.*

Trưởng giả Su Tử khi ấy im lặng không trả lời. Chư thiên này lại nói với trưởng giả: “Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn. Vị này là hướng Tu-đà-hàm. Vị này đắc Tu-đà-hàm. Vị này hướng A-na-hàm. Vị này đắc A-na-hàm. Vị này hướng A-la-hán. Vị này đắc A-la-hán. Vị này là Thanh văn thừa. Vị này là Bích-chi-phật thừa. Vị này là Phật thừa. Thí cho vị này được ít phước. Thí cho vị này được nhiều phước.”

Bấy giờ trưởng giả Su Tử im lặng không trả lời. Vì sao vậy? Ông chỉ nhớ đến giáo giới của Như Lai, là bố thí mà không lựa chọn.

Vào một lúc khác, trưởng Su Tử lại đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông nói:

“Con ghi nhớ nên thỉnh Thánh chúng dùng cơm. Có vị Trời đến bảo con, ‘Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn.’ Cho đến, cả ba thừa, thầy đều phân biệt. Vị Trời ấy lại nói kệ:

*Phật khen thí lựa chọn.
Cho vị có đức này,
Cho vị ấy, phước nhiều,
Nhu ruộng tốt trở mạ.*

“Khi ấy con lại nghĩ như vậy: Không nên làm trái giáo giới của Như Lai. Há có thể sanh tâm lựa chọn sao? Không bao giờ nên có tâm thị phi ý cao thấp. Rồi con lại nghĩ: Ta sẽ bố thí cho hết thảy mọi loài chúng sanh. Ai trì giới, người ấy được phước vô cùng. Ai phạm giới, tự mình lãnh thọ tai ương. Ta chỉ vì thương xót chúng sanh rằng không ăn thì không thể sống.”

Phật bảo ông trưởng giả:

“Lành thay, lành hay, Trưởng giả, ông có thể nguyện rộng lớn như vậy! Bồ tát bố thí với tâm luôn luôn bình đẳng. Trưởng giả nên biết, khi Bồ tát huệ thí, chur thiên đến bảo rằng, ‘Thiện nam tử, nên biết, đây là người trì giới. Đây là người phạm giới, thí đây, được phước nhiều, thí đây được phước ít.’ Bồ tát bấy giờ không hề có tâm như vậy, rằng ‘Nên thí đây. Không nên thí đây.’ Nhưng Bồ tát giữ tâm ý không có thị phi. Không nói, đây trì giới. Cũng không nói, đây phạm giới. Cho nên, này Trưởng giả, hãy với tâm niệm bình đẳng mà huệ thí, trong lâu dài được phước vô lượng.”

Bấy giờ ông trưởng giả ghi nhớ lời dạy của Như Lai, nhìn chăm chú Thế Tôn, ý không di động, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh. Sau đó, ông trưởng giả rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi lui ra.

Ông trưởng giả đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ kheo:

“Trưởng giả Sư Tử này do ghi nhớ bình đẳng thí, lại nhìn kỹ Như Lai từ đầu đến chân, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn thanh tịnh.”

Rồi Phật bảo các Tỳ kheo:

[793a] “Trong hàng ưu-bà-tắc của Ta, đệ tử đệ nhất bình đẳng thí, đó là trưởng giả Sư Tử.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6⁵³

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng 500 đại Tỳ kheo.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y trong một hang vắng trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy có một nghìn Phạm-di-ca từ cõi Phạm thiên biến mất và xuất hiện trước Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi đứng hầu, và nói bài kệ tán thán này:

*Quy mạng đáng Thượng nhân.
Quy mạng đáng Tôn quý.
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiên nào?*

Sau khi các trời Phạm-di-ca nói xong bài kệ này, Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận. Chư thiên sau khi thấy Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận rồi, bèn cúi lạy dưới chân mà lui.

Chư thiên đi chưa xa, Xá-lợi-phất liền nhập Kim cang tam-muội. Khi ấy có hai con quỷ; một tên là Già-la, và một tên là Ưu-bà-già-la. Chúng được Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương để luận bàn việc người và trời. Khi hai con quỷ bay ngang qua hư không, chúng từ xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, tâm ý tịch nhiên định. Quỷ Già-la nói với quỷ kia:

“Bấy giờ ta có thể nắm tay đấm lên đầu sa-môn này.”

Quỷ Ưu-bà-già-la nói với con quỷ thứ hai:

“Người chớ có khởi ý nghĩ đánh lên đầu sa-môn. Vì sao? Sa-môn này có thần đức, có oai lực rất lớn. Vị Tôn giả này tên là Xá-lợi-phất. Trong hàng đệ tử của Thế, ngài là vị thông minh tài cao không ai hơn, là đệ nhất trí tuệ trong các đệ tử. Nếu không, người sẽ chịu khổ vô lượng lâu dài.”

⁵³ Cf. *Tạp* (Việt) kinh 1244; Ud. 4.4. Junha.

Nhưng con quỷ kia lặp lại ba lần, nói:

“Ta có thể đánh lên đầu sa-môn này.”

Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

“Người không nghe lời ta, thì người cứ ở lại đây. Ta sẽ bỏ người mà đi.”

Con ác quỷ kia nói:

“Người sợ sa-môn sao?”

Quỷ Ưu-ba-già-la nói:

“Ta sợ thật. Nếu người lấy tay đánh sa-môn này, đất này sẽ nứt làm hai. Ngay lúc đó mưa to gió lớn sẽ nổi lên. Đất cũng rung động, chư thiên kinh sợ. Khi đất rung động, Tứ thiên vương cũng kinh sợ. Tứ thiên vương mà kinh sợ, [793b] chúng ta không ở yên được đâu.”

Khi ấy, con ác quỷ nói:

“Ta có thể làm nhục sa-môn này.”

Con quỷ thiện nghe thế liền bỏ đi. Con quỷ ác kia bèn lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Tức thì, trời đất bị chấn động. Bốn phía mưa to gió lớn kéo đến. Đất liền nứt làm hai. Con quỷ ác này cả toàn thân rơi xuống địa ngục.

Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất từ tam-muội dậy, sửa lại y phục, và bước xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến Thế Tôn tại vườn Trúc, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Phật bảo Xá-loại-phất:

“Thân thể ông nay không có bệnh tật gì chẳng?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Thân thể con nguyên chẳng bệnh hoạn gì. Duy chỉ có nhức đầu.”

Thế Tôn nói:

“Quỷ Già-la lấy tay đánh vào đầu ông. Nếu nó lấy tay đánh vào núi Tu-di, núi ấy cũng bị vỡ làm đôi. Vì sao? Con quỷ ấy có

sức mạnh to lớn. Nay nó đã chịu tội báo, toàn thân rời vào địa ngục A-tỳ.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Kim cang tam-muội có uy lực như vậy! Do uy lực của tam-muội này, không có gì làm tổn thương được. Giả sử mang cả núi Tu-di mà động vào đầu, nó cũng không hề làm tổn thương một sợi lông. Vì sao vậy? Tỳ kheo, hãy lắng nghe!

“Trong Hiền kiếp này có Phật hiệu Câu-lưu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Đức Phật ấy có hai Đại Thanh vân; một tên là Đẳng Thọ, và một tên là Đại Trí.⁵⁴ Tỳ kheo Đẳng Thọ có thần túc đệ nhất. Tỳ kheo Đại Trí có trí tuệ đệ nhất; như Ta hiện nay có Xá-lợi-phất là trí tuệ đệ nhất và Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất. Hai vị Tỳ kheo này, Đẳng Thọ và Đại Trí, đều đắc Kim cang tam-muội. Vào một lúc, Tỳ kheo Đẳng Thọ nhập Kim cang tam-muội⁵⁵ tại một nơi vắng vẻ. Khi ấy, bọn chăn bò, chăn dê và những người đi lấy củi thấy Tỳ kheo này đang tọa thiền, họ bảo nhau rằng, ‘Sa-môn này hôm nay đã bị vô thường bắt rồi.’ Những người chăn bò và lấy củi bèn gom lá, cây các thứ chất lên mình Tỳ kheo, xong rồi châm lửa đốt, và sau đó bỏ đi. Khi Tỳ kheo Đẳng Thọ rời khỏi tam-muội, sửa lại y phục, rồi bỏ đi. Ngay ngày hôm đó, Tỳ kheo khóac y, cầm bát vào thôn khát thực. Những người lấy củi lượm cỏ thấy Tỳ kheo này vào thôn khát thực, liền bảo nhau, ‘**[793c]** Tỳ kheo này chết từ hôm qua rồi. Chúng ta đã châm lửa thiêu. Hôm nay ông ấy sống lại. Bây giờ nên đặt tên cho ông, gọi là Hoàn Hoạt.’⁵⁶

“Tỳ kheo nào đắc Kim cang tam-muội, lửa đốt không cháy, dao chém không đứt; xuống nước không bị chìm; không bị ai đá

⁵⁴ Đẳng Thọ 等壽 và Đại Trí 大智. Pali: Sañjīva, Vidhura; cf. D.ii. 7.

⁵⁵ Trung kinh 131, M. 50: nhập diệt tận định (*saññāvedayitanirodha*).

⁵⁶ Hoàn Hoạt 還活, Pali: Sañjīva (cf. M.i. 333), trên kia dịch là Đẳng Thọ.

thương. Như vậy, này Tỳ kheo, Kim cang tam-muội có uy đức như vậy. Nay Xá-lợi-phất đắc tam-muội này. Tỳ kheo Xá-lợi-phất phần nhiều an trú trong hai chỗ, là Không tam-muội và Kim cang tam-muội. Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành kim cang tam-muội.

“Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta sẽ dạy các ông, như Tỳ kheo Xá-lợi-phất, là Tỳ kheo trí tuệ, đại trí, phân biệt trí, quảng trí, vô biên trí, tiệp tậ trí, phổ du trí, lợi trí, thậm thâm trí, đoạn trí, thiếu dục trí túc, tịch tĩnh, dũng mãnh, niệm không phân tán, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến huệ thành tựu, nhu hòa, vô tránh, đoạn trừ sự ác, đặc biệt tài, huệ biện vô ngại, tán thán sự dứt trừ ác, thường niệm xả ly, thương xót quần sanh, nhiệt hành chánh pháp, thuyết pháp cho người không hề mệt mỏi.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Mười nghìn các dân trời,
Thảy đều Phạm-ca-di,
Tự quy Xá-lợi-phất,
Ở trên đỉnh Linh thú.*

*Quy mạng đáng Thượng nhân.
Quy mạng đáng Tôn quý.
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiên nào?*

*Hoa đệ tử như vậy
Làm đẹp cây Phật đạo.
Như vườn Trú độ⁵⁷ trời,
Khoái lạc không thể sánh.*

⁵⁷ Cây Trú độ (Pali: Pāricchattaka) trên trời Tam thập tam. Xem kinh số 2 phẩm 39. Cf. *Trung I*, knh 2 (tr. 422a20).

“Hoa đê tử, tức là Tỳ kheo Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Con người này có thể làm đẹp cây Phật, cây Đạo, tức là Như Lai vậy. Như Lai che mát tất cả chúng sanh. Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên niệm tinh cần, dũng mãnh tinh tấn, như Tỳ kheo Xá-lợi-phất. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁵⁸

⁵⁸ Bản hán, hết quyển 45.

CHƯƠNG 9: PHÓNG NGƯỜU

KINH SỐ 1¹

[794a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Người chăn bò nếu thành tựu mười một pháp, đàn bò sẽ không bao giờ tăng trưởng; nó cũng không thể giữ gìn bò. Những gì là mười một? Người chăn bò không phân biệt sắc, không hiểu tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải,² không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết thời nghỉ,³ khi vắt sữa mà vắt cạn không biết chừa lại, khi bò đã lớn có thể dùng mà lại không tùy thời chăm sóc.⁴

“Tỳ kheo, đó là mười một pháp mà nếu người chăn bò thành tựu, thì sẽ không thể phát triển đàn bò, không thể chăm sóc thân chúng. Ở đây, Tỳ kheo trong chúng cũng vậy, sẽ không thể thêm ích được gì. Những gì là mười? Không phân biệt sắc, không hiểu rõ tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải, không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết đúng lúc cho ăn, không biết chừa lại, không kính trọng biệt đãi các Tỳ kheo trưởng lão.

¹ Tham chiếu Pali, A. XI. 18 (R. v. 347) , M. 33 Gopāka (R. i. 410). Hán, *Tap* (Việt) 909.

² Hán: ma loát 摩刷. Pali: *na āsāṭikam hāretā*, không diệt trứng ruồi nhặng.

³ Thời nghỉ 時宜, đoạn dưới: thời nghỉ thực, cho ăn đúng lúc.

⁴ Pali: không coi trọng con bò đầu đàn.

“Thế nào là Tỳ kheo không biết sắc? Ở đây, Tỳ kheo, có bốn đại và sắc do bốn đại tạo, mà hoàn toàn không biết. Tỳ kheo, như vậy là không biết sắc.

“Thế nào là Tỳ kheo không hiểu rõ tướng? Ở đây, Tỳ kheo không biết hành vi gì là ngu, hành vi gì là trí; thấy đều không như thật biết. Tỳ kheo, như vậy là không hiểu rõ tướng.

“Thế nào, Tỳ kheo cần vượt chải mà không vượt chải? Ở đây, Tỳ kheo thấy sắc liền khởi tưởng về sắc, có các loạn niệm, lại không thủ hộ nhãn căn; do không khéo nhiếp niệm [794a] nên gây ra các tai ương chồng chất,⁵ không thủ hộ nhãn căn.⁶ Cũng vậy, Tỳ kheo khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm trơn láng, ý biết pháp, mà khởi các tương tạp loạn, cũng không phòng hộ ý căn, không sửa đổi hành vi. Tỳ kheo, như vậy là cần vượt chải mà không vượt chải.

“Thế nào, Tỳ kheo, là không che đậy vết thương? Ở đây Tỳ kheo khởi dục tưởng mà không xả ly, cũng không trừ khử niệm ấy. Hoặc khởi sân tưởng, sát hại tưởng, khởi các tưởng ác bất thiện mà không hề xả bỏ.⁷ Tỳ kheo, như vậy là không che đậy vết thương.

“Thế nào, Tỳ kheo, là không tùy thời xông khói? Ở đây, pháp mà Tỳ kheo đọc tụng không tùy thời nói cho người khác nghe. Như vậy, Tỳ kheo, là không tùy thời xông khói.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết ruộng tốt, nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ kheo không biết bốn ý chỉ; không như thật biết. Tỳ kheo, như vậy là không biết ruộng tốt, nhiều cỏ.

⁵ Nguyên Hán: tạo chúng ương điệp 造眾殃疊 (?). Pali: Do không phòng hộ nhãn căn khiến các pháp ác bất thiện, tham, ưu trôi chảy vào.

⁶ Bản Pali: không che đậy vết thương (*na vaṇaṃ paṭicchādetā*): Tỳ kheo không phòng hộ nhãn căn.

⁷ Bản Pali: không diệt trứng ruồi, tức không dứt bỏ ba bất thiện tâm: dục (*kāma vitakkam*), sân (*byāpāda vitakkam*), hại (*vihiṃsā vitakkam*).

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết chỗ qua sông? Ở đây Tỳ kheo không biết tám phẩm đạo của Hiền Thánh. Tỳ kheo, như vậy là không biết chỗ qua sông.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết điều yêu quý⁸? Ở đây, Tỳ kheo, đối với 12 bộ: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, Sanh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tăng hữu pháp. Tỳ kheo, như vậy không biết điều được yêu quý.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết thời nghỉ? Ở đây, Tỳ kheo đi đến nhà hèn hạ, nhà cờ bạc. Tỳ kheo, như vậy là không biết thời nghỉ.

“Thế nào, Tỳ kheo, không biết chừa lại? Ở đây, Tỳ kheo có bà-la-môn, ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Nhưng Tỳ kheo ấy tham ăn uống, không biết đủ mà dừng lại. Tỳ kheo, như vậy là không biết chừa lại.

“Thế nào, Tỳ kheo, không kính các Tỳ kheo trưởng lão, cao đức? Ở đây, Tỳ kheo không khởi tâm cung kính người có đức. Tỳ kheo như vậy có nhiều sai phạm. Đó gọi là Tỳ kheo không kính trưởng lão.

“Nếu Tỳ kheo nào thành tựu mười một pháp này, người ấy ở trong chánh pháp này trọn không được điều gì lợi ích.

“Lại nữa, nếu người chăn thành tựu mười một pháp, người ấy có thể chăm sóc đàn bò không hề thất thời, được nhiều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây người chăn bò biết sắc, biết phân biệt tướng, cần vượt chài thì vượt chài, che đậy vết thương lở, thù thời xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết chỗ qua sông, biết yêu mến bò, phân biệt [794c] thời nghỉ, biết tính hạnh, khi vắt sữa thì biết chừa lại, tùy thời chăm sóc con bò đang được dùng. Như vậy người chăn bò chăm sóc đàn bò.

⁸ Bất tri sở ái 不知所愛, không có trong liệt kê trên. Có thể dịch khác từ “không biết chỗ nào an ổn.”

“Cũng vậy, cũng như người chẵn bò, Tỳ kheo thành tựu mười một pháp mà không mất thời tiết, trọn không bị trở ngại. Tỳ kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ kheo biết sắc, biết tướng, biết vượt chái, biết che đậy vết thương, biết xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết điều đáng yêu, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết kính Tỳ kheo trưởng lão mà tùy thời lễ bái.

“Thế nào là Tỳ kheo biết sắc? Ở đây, Tỳ kheo biết sắc bốn đại, và cũng biết sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là Tỳ kheo biết sắc.

“Thế nào là Tỳ kheo biết tướng? Ở đây, Tỳ kheo biết tướng ngu, biết tướng trí; biết như thật. Như vậy, Tỳ kheo biết tướng.

“Thế nào là Tỳ kheo biết vượt chái? Ở đây, Tỳ kheo khi khởi tâm niệm dục tướng, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có dục tướng. Khi sân tướng, hại tướng, các tướng ác bất thiện khởi lên, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có sân tướng các thứ. Như vậy, Tỳ kheo biết vượt chái.

“Thế nào là Tỳ kheo biết che đậy vết thương? Ở đây, Tỳ kheo khi mắt thấy sắc mà không khởi sắc tướng, cũng không nhiễm trước, mà làm thanh tịnh nhãn căn; trừ khử các pháp ác bất thiện, sầu ưu, tâm không tham đắm, ở trong đó mà thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, Tỳ kheo khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết trơn láng, ý biết pháp mà không khởi thức tướng, cũng không nhiễm trước, mà thanh tịnh ý căn. Như vậy, Tỳ kheo biết che đậy vết thương.

“Thế nào, Tỳ kheo biết xông khói? Ở đây, Tỳ kheo nói lại cho người khác pháp mà mình đã từng nghe. Như vậy, Tỳ kheo biết xông khói.

Thế nào, Tỳ kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ kheo như thật biết tám phẩm đạo Hiền Thánh. Như vậy, Tỳ kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ.

“Thế nào, Tỳ kheo biết điều đáng yêu quý? Ở đây, Tỳ kheo nghe pháp bảo mà Như Lai đã nói, trong tâm liên yêu quý. Như vậy, Tỳ kheo biết điều đáng yêu quý.

“Thế nào, Tỳ kheo biết chọn đường đi? Ở đây, Tỳ kheo đối với 12 bộ kinh⁹ biết lựa chọn mà hành. Đó là, Khế kinh, Kỳ-đà, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, [795a] Sanh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tăng hữu pháp. Như vậy, Tỳ kheo biết chọn đường đi.

“Thế nào, Tỳ kheo biết chỗ qua sông? Ở đây, Tỳ kheo biết bốn niệm xứ.¹⁰ Đó là Tỳ kheo biết chỗ qua sông.

“Thế nào, Tỳ kheo biết ăn vừa đủ no?¹¹ Ở đây, Tỳ kheo có bà-la-môn, ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Tỳ kheo không tham ăn uống, có thể biết đủ mà dừng lại. Tỳ kheo, như vậy là vừa đủ.

“Thế nào, Tỳ kheo tùy thời cung kính Tỳ kheo trưởng lão? Ở đây, Tỳ kheo hằng với thiện hành bởi thân, miệng, ý đối với các Tỳ kheo trưởng lão. Như vậy Tỳ kheo tùy thời cung phụng các Tỳ kheo trưởng lão.

“Tỳ kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ở ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

*Chấn bò không buông lung,
Người chủ được nhiều phước.
Sáu bò trong sáu năm,
Lần lượt thành sáu chục.
Tỳ kheo giới thành tựu,
Tự tại trong thiền định,
Sáu căn được vắng lặng,*

⁹ Hán dịch có chỗ bất nhất. Trên kia, đây là mục Tỳ kheo biết điều sở ái.

¹⁰ Đoạn trên, bốn ý chỉ (niệm xứ) trong mục biết ruộng cỏ. Tám Thánh đạo, trong mục biết chỗ qua sông.

¹¹ Văn dịch không nhất quán. Ở đây, vắt sữa biết chừa lại.

Sáu năm thành sáu tông.

“Nhu vậy, Tỳ kheo, nếu ai có thể xa lìa pháp ác này, thành tựu mười một pháp kể sau cùng này, người ấy ở trong hiện pháp được nhiều điều lợi ích. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu Tỳ kheo thành tựu mười một pháp này chắc chắn có điều được tăng trưởng. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ kheo thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, các căn tịch tĩnh, ăn uống biết đủ, hằng tu hành cộng pháp, và cũng biết phương tiện ấy, phân biệt nghĩa ấy, không đắm lợi dưỡng. Như vậy Tỳ kheo, nếu thành tựu mười một pháp này, có khả năng để tăng trưởng. Vì sao vậy? Tất cả các thực hành, chân chánh có mười một pháp.”

Lúc bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Vì sao chân chánh có mười một pháp, mà không nhiều hơn?”

“Những gì là mười một?¹² Đó là, a-lan-nhã, khát thực, ngồi một chỗ, ăn một bữa, ăn đúng giữa trưa, ăn không chọn nhà, thủ ba y, ngồi dưới gốc cây, ngồi giữa trời trống, chỗ nằm tĩnh, mặc y vá, hoặc ở tại bãi tha ma.¹³ Đó là Tỳ kheo nếu thành tựu mười một pháp này, thì [795b] có điều sở đắc.

¹² Hán dịch sót một đoạn Phật trả lời A-nan.

¹³ Mười một hạnh đầu đà, xem kinh 5 phẩm 12; văn dịch trong 2 đoạn có một điểm khác nhau

“Nay Ta lại nói thêm cho ông biết. Nếu ai trong mười một năm học pháp này, tức hiện thân thành A-na-hàm, chuyển thân thành A-la-hán.

“Nay các Tỳ kheo, hãy bỏ qua mười một năm. Nếu ai trong chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm học pháp này, người ấy sẽ thành một trong hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

“Hãy bỏ qua mười hai tháng. Tỳ kheo nào có thể trong một tháng tu hành pháp này, Tỳ kheo ấy chắc chắn thành một trong hai quả: hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Vì sao vậy? Mười hai nhân duyên đều xuất từ mười một pháp. Đó là, sanh, già, bệnh, chết, ưu, sầu, khổ, não.

“Nay Ta dạy các Tỳ kheo, hãy như Tỳ kheo Ca-diếp. Giả sử có người hành pháp khiêm khổ, khó có hành nào sánh kịp. Vì sao? Tỳ kheo Ca-diếp đã thành tựu mười pháp này. Nên biết, các Như Lai¹⁴ trong quá khứ thành đấng chánh giác cũng do thành tựu mười một pháp khổ này. Nay Tỳ kheo Ca-diếp, vì thương tưởng hết thầy chúng sanh. Nếu cúng dường các Thanh văn quá khứ, thân sau mới được báo ứng. Giả sử cúng dường Ca-diếp, ngay thân này mà thọ nhận báo ứng. Giả sử Ta không thành Vô thượng Đẳng chánh giác, sau sẽ do Ca-diếp thành Đẳng chánh giác. Do nhân duyên này, Ca-diếp vượt hơn các Thanh văn quá khứ. Ai có thể hành như Ca-diếp, ấy là hành tối thượng. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

¹⁴ Trong bản: Đa-tát-a-kiệt 多薩阿竭.

Bấy giờ Phật đang thuyết pháp cho vô số chúng sanh vây quanh trước sau. Trong lúc ấy, Xá-lợi-phất đang dẫn một số đông các Tỳ kheo đi kinh hành. Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyên Tử, Ưu-ba-li, Tu-bồ-đề, La-hầu-la, và Tỳ kheo A-nan; mỗi vị đều dẫn một số đông Tỳ kheo an trú. Đề-bà-đạt-đâu cũng dẫn số đông Tỳ kheo kinh hành.

Khi ấy, Thế Tôn thấy các đệ tử có thần túc,¹⁵ mỗi vị đang dẫn số chúng kinh hành. Thấy như vậy, Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Những kẻ thiện thì đi với thiện. Những kẻ ác thì đi với ác. Cũng như sữa với sữa thì hòa với nhau; bơ với bơ hòa với nhau; [795c] phân tiêu, mỗi thứ mỗi tương ứng với nhau. Ở đây cũng vậy, do căn nguyên của chúng sanh mà pháp sở hành mỗi mỗi tương ứng với nhau. Thiện tương ứng với thiện. Ác tương ứng với ác. Các ông có thấy Xá-lợi-phất đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Những người như vậy đều là các bậc trí tuệ.”

Lại bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có thấy Mục-kiền-liên đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Tỳ kheo ấy đều là những vị có thần túc.”

¹⁵ Ở đây nên hiểu là các đệ tử nổi tiếng, được nhiều người biết (Pāli: *abhiññāta*).

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Ca-diếp đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bói:

“Các vị thượng sỹ đó đều là những người hành pháp đầu đà.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy A-na-luật đang dẫn các Tỳ kheo đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sỹ đều là những vị thiên nhân đệ nhất.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ly-việt không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Những người đó là những nhập định.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ca-chiên-diên không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các vị Thượng sỹ đó đều là những người phân biệt nghĩa lý.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Mãn Nguyên Tử không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sĩ ấy đều là các Tỳ kheo thuyết pháp.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Ưu-ba-ly không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Những vị đó đều là những người trì cấm luật.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Tu-bồ-đề không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Thượng nhân ấy đều là những vị giải Không đệ nhất.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo La-hầu-la không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sĩ ấy đều là những vị giới đầy đủ.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo A-nan không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Các Hiền sỹ ấy đều là những vị đa văn; điều gì đã nghe một lần sẽ không bao giờ quên.”

Lại hỏi:

“Các ông có thấy Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đâu [796a] đang dẫn nhiều người đi kinh hành không?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Vâng, chúng con thấy.”

Phật nói:

“Những người ấy đứng đầu làm ác, không có gốc rễ thiện.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Chớ bạn với người xấu.
Chớ từng sự người ngu.
Hãy bạn với người lành;
Giao thiệp với người trí.

Nếu người vốn không ác,
Do thân cận người ác,
Sau sẽ thành nhân ác.
Tiếng ác khắp thiên hạ.*

Bấy giờ hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đâu, sau khi nghe Thế Tôn nói bài tụng này, xả bỏ Đề-bà-đạt-đâu mà đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, cầu sửa đổi trọng tội. Lại bạch Thế Tôn:

“Chúng con ngu hoặc không biết chân nguy, bỏ thiện tri thức mà theo ác tri thức. Cúi xin Thế Tôn rộng lượng tha thứ. Về sau không dám tái phạm.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Ta chấp thuận các ông sám hối, sửa lỗi cũ, tu tập điều mới, chớ có tái phạm.”

Rồi các đệ tử của Đề-bà-đạt-đâu vâng theo lời giáo giới của Thế Tôn, sống tại chỗ nhàn tĩnh, tư duy diệu nghĩa, tự mình khắc kỷ hành pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu

tóc, xuất gia học đạo, để tu phạm hạnh vô thượng. Khi ấy, các Tỳ kheo này đều đắc A-la-hán.

“Tỳ kheo, nên biết, căn nguyên của chúng sanh theo loại mà về với nhau. Ác đi theo ác, thiện đi theo thiện. Căn nguyên chúng sanh trong quá khứ, tương lai, cũng đều như vậy, theo loại mà đi với nhau. Như tịnh thì tương ứng với tịnh; bất tịnh tương ứng với bất tịnh. Cho nên, Tỳ kheo, hãy cùng tương ứng với tịnh, xả ly bất tịnh. Như vậy Tỳ kheo hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Câu-lưu-sa trong thành Pháp hành,¹⁶ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Lúc bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất¹⁷ trả lại pháp phục, trở về đời sống bạch y. Vào một lúc nọ, A-nan khước y, cầm bát vào thành khát thực, lần hồi đi đến nhà Tượng Xá-lợi-phất. Trong lúc đó, Tượng Xá-lợi-phất đang đứng tựa trên vai hai người phụ nữ. A-nan từ xa trông thấy thế, trong lòng buồn rầu, không vui. Tượng Xá-lợi-phất trông thấy A-nan, cảm thấy rất xấu hổ, bèn ngồi xuống một mình.

A-nan khát thực xong, ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, [796b] cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

“Vừa rồi con vào thành khát thực, lần hồi đi đến nhà của Tượng Xá-lợi-phất, thấy ông đang đứng tựa trên vai hai người nữ. Thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu.”

Thế Tôn nói:

¹⁶ Câu-lưu-sa Pháp hành thành 拘留沙法行城. Pali: Kammāsadamma (Kammāsadhamma), thị trấn của người Kuru.

¹⁷ Tượng Xá-lợi-phất 象舍利弗, Pali: Hatthisāriputta, cũng gọi là Citta Hatthisāriputta, hay Hatthirohaputta. Ông xả giới hoàn tục sáu lần.

“Ông thấy vậy rồi, có ý nghĩ gì?”

A-nan bạch Phật:

“Con nghĩ, Tượng Xá-lợi-phất tinh tấn, đa văn, tính hạnh nhu hòa, thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh mà không hề biết mệt mỏi, sao nay lại trả pháp phục, trở về đời sống bạch y? Sau khi thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu. Thế nhưng, Tượng Xá-lợi-phất ấy có thần lực lớn, uy đức vô lượng. Con nhớ lại, xưa kia thấy ông đã từng đàm luận với Thích Đề-hoàn Nhân, sao nay lại đuổi theo dục vọng làm điều xấu?”

Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, A-nan, như điều ông nói. Nhưng ông ấy không phải là A-la-hán. Nếu là A-la-hán thì không trả lại pháp phục mà trở về đời sống bạch y. Nhưng thôi, A-nan, chớ có sầu ưu. Sau bảy ngày nữa, Tượng Xá-lợi-phất sẽ trở lại trong đây, rồi sẽ dứt sạch các lậu, thành A-la-hán. Bởi vì Tượng Xá-lợi-phất ấy bị nghiệp đời trước lôi kéo nên mới thành như vậy. Nay hành đã đầy đủ, sẽ dứt sạch các lậu.”

Bấy giờ, bảy ngày sau, Tượng Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn hứa khả cho con tu hành đời sống sa-môn ở hàng thấp nhất.”

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất liền được nhận làm sa-môn, ngay sau đó từ trên chỗ ngồi mà đăc A-la-hán.

Vào một thời Tượng Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành khát thực. Khi ấy có một bà-la-môn gặp ông, liền có ý nghĩ rằng, “Nhưng ông con nhà họ Thích này, không chỗ nào không có, khắp mọi nơi, lẩn cắt đứt chú thuật mà chúng ta thực hành. Bây giờ ta hãy vào thành nói cho mọi người biết những cái xấu của sa-môn.”

Rồi bà-la-môn này vào thành, nói với mọi người:

“Các người có thấy ông Tượng Xá-lợi-phất này không? Xưa ông tự xưng mình là A-la-hán, Nửa chừng cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y, hưởng thụ ngũ dục. Nay lại làm sa-môn, đi khát thực từng nhà làm ra vẻ trong sạch. Nhưng khi nhìn thấy phụ nữ thì ý tưởng dục tình nổi dậy, trở về già-lam mà nhớ tưởng nữ sắc mà trong lòng không dứt. Giống như con lừa hèn yếu không đủ sức mang chõ nặng mà lặng lẽ nằm yên. Bọn con nhà họ Thích này cũng vậy, giả trang đi khát thực, thấy nữ sắc thì suy nghĩ trừ tính.”

Tượng Xá-lợi-phất khi nghe bà-la-môn này rao truyền tiếng xấu như vậy, bèn suy nghĩ rằng, “Người này rất là ngu si mới khởi tâm tật đố. Thấy người được lợi dưỡng thì tâm tham lam ganh tị nổi lên. Nếu mình được lợi dưỡng thì trong lòng vui sướng. Cho nên ông đến nhà bạch y làm việc phi báng. Nay ta nên ngăn lại chớ để làm ác, để người này sẽ không chịu tội báo vô lượng.”

Rồi thì, Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, nói với bà-la-môn:

*Không mắt, không tai khéo,
Khởi ý chê phạm hạnh;
Tự gây nghiệp vô ích,
Địa ngục khô lâu dài.*

Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này xong, trở lại bình thường, và quay về chỗ ở của mình.

Bấy giờ người trong thành đã nghe lời phi báng của bà-la-môn, lại nghe bài kệ của Tượng Xá-lợi-phất, họ nghĩ như vậy: “Nếu đúng như lời bà-la-môn, thì sự thị hiện thần thông sau đó khó làm được. Nhưng chúng ta đã thấy ông này cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y.”

Rồi thì, mọi người cùng nhau đi đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, có đông người hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Có vị A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y chăng?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Không có vị A-la-hán nào cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y.”

Mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Có vị A-la-hán nào do duyên đời trước mà phạm giới không?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Đã đắc A-la-hán thì không bao giờ còn phạm giới.”

Mọi người lại hỏi:

“Những vị trong hàng học địa có ai do duyên đời trước mà phạm giới không?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Những vị ở hàng học địa có khi vì duyên đời trước mà phạm giới.”

Mọi người lại hỏi:

“Tôn giả trước kia là A-la-hán, rồi cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Nay xuất gia học đạo trở lại. Trước kia ngài có thần thông, sao lại như vậy?”

Bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này:

*An trú thiền thế tục
Rốt cuộc không giải thoát,
Không được đạo diệt tận,
Nên quay hướng ngũ dục.

Hết củi, lửa cũng tắt.
Không rẽ, cành không sanh.
Thạch nữ không mang thai.
La-hán không còn lậu.*

Khi ấy mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

“Tôn giả trước kia không phải là [797a] La-hán chăng?”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Tôi trước kia không phải là A-la-hán. Nay các Cư sỹ, nên biết, năm thông và sáu thông khác nhau. Nay tôi sẽ nói mười một thứ thần thông.

“Phàm Tiên nhân đắc năm thứ thần thông, ái dục đã hết,¹⁸ nếu sanh lên trời thì sau cũng rơi trở lại Dục giới. A-la-hán có sáu thông, đệ tử của Như Lai, đắc lậu tận thông, tức thì ở ngay trong Niết-bàn giới vô dư mà bát-niết-bàn.”

Mọi người lại hỏi:

“Chúng con quán sát lời nói của ngài Tượng Xá-lợi-phất, biết rằng thế gian không có vị A-la-hán nào mà lại cỡi bỏ pháp phục trở về đời sống bạch y.”

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

“Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như các người nói. Không có A-la-hán nào mà cỡi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Có mười pháp, mà A-la-hán không tập theo. Mười một pháp ấy là gì? A-la-hán lậu tận không bao giờ cỡi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y. A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh. A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh. A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cắp. A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối. A-la-hán lậu tận không bao giờ hứa theo phe đảng. A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ. A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi. A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi. A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm Thầy và cũng không bao giờ nhập thai trở lại.

“Này các Hiền sỹ, đó là mười một trường hợp không bao giờ xảy đối với một vị A-la-hán.”

¹⁸ Nguyên Hán: ái dục dĩ tận 欲愛已盡. Dịch ngữ không chính xác, do đó không nên nhầm với ái tận giải thoát (Pali: *tāṇhakkhayavimutti*) của A-la-hán. Đây chỉ Tiên nhân ly dục, những vị đắc sơ thiên, không bị lôi cuốn bởi ham muốn dục giới.

Bấy giờ, mọi người bạch Tượng Xá-lợi-phất rằng:

“Chúng con nghe những điều Tôn giả nói, và quán sát những người ngoại đạo dị học, giống như quán sát cái bình rỗng, chẳng có gì bên trong cả. Ở đây, quán sát nội pháp, chúng con thấy giống như bình đựng mật, ngọt không thể kể. Chánh pháp của Như Lai ở đây cũng vậy. Bà-la-môn kia sẽ chịu vô lượng tội.”

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết già, nói bài kệ này:

*Không hiểu pháp đây, kia,
Mà hành thuật ngoại đạo;
Gây đấu loạn đây kia.
Người trí không làm vậy.*

Bấy giờ, những người Câu-lưu-sa bạch với Tượng Xá-lợi-phất rằng:

“Những điều được nói là quá nhiều; thật khó sánh kịp. Như người mù mà được mắt sáng. Như người điếc mà được nghe. Nay những điều Tôn giả nói cũng giống như vậy. Ngài đã dùng nhiều phương tiện để thuyết pháp. Chúng con hôm nay tự quy y Như Lai, quy y Pháp, và Tăng Tỳ kheo. Cúi mong Tôn giả nghe cho, [797b] nhận chúng con làm ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh.”

Rồi Tượng Xá-lợi-phất nói những pháp vi diệu cho mọi người nghe, khiến họ phát sanh tâm hoan hỷ. Mọi người rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân rồi cáo lui.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe nói bà-la-môn báng bô Tượng Xá-lợi-phất mà không đạt được gì, nên nhìn kỹ Tượng Xá-lợi-phất còn không dám, huống nữa là tranh luận. Nghe vậy, Tôn giả đi đến Thế Tôn, đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ Phật bảo A-nan:

“Phàm nói về bình đẳng A-la-hán, phải nói đến Tượng Xá-lợi-phất Vì sao vậy? Nay Tượng Xá-lợi-phất đã thành A-la-hán.

Cái danh A-la-hán được truyền tụng trước đó, nay mới đạt được. Năm thứ thần thông của thế tục không phải là hành chân thật, rồi sau sẽ mất. Sáu thần thông mới là hành chân thật. Các người hãy học theo Tượng Xá-loi-phất. Hãy nhớ nghĩ mà phụng hành ý nghĩa này.”

Bấy giờ A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nay ta sẽ nói về pháp nhân duyên. Hay suy niệm kỹ, và tu tập hạnh này.”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Các Tỳ kheo vâng lời Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói:

“Ở đây, thế nào là pháp nhân duyên? Đó là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có chết, duyên chết có ưu, bi, khổ, não, không thể kể xiết, như vậy thành thân năm ấm.

“Thế nào là vô minh? Đó là, không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận, không biết Đạo. Đó gọi là vô minh.

Thế nào là hành? Hành có ba loại. Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó gọi là hành.

“Thế nào là thức? Sáu thức thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức. Đó là thức.

Thế nào là danh? Thọ, tướng, niệm, xúc, tư duy. Đó là danh. Thế nào là sắc? Đó là thân bốn đại và sắc do thân bốn đại tạo. [797c] Đó gọi là sắc. Sắc là một cái khác và danh là một cái khác, nên gọi là danh sắc.

“Thế nào là sáu xứ? Sáu nội xứ. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ. Đó là sáu xứ.

“Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là xúc.

“Thế nào gọi là thọ? Ba thọ. Những gì là ba? Lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó gọi là thọ.

“Thế nào là ái? Ba ái thân. Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Đó là ái.

“Thế nào là thủ? Bốn thủ. Những gì là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó là bốn thủ.

“Thế nào hữu? Ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đó là hữu.

“Thế nào là sanh? Đầy đủ xuất xứ, lãnh thọ các hữu, đạt được năm uẩn, lãnh thọ các xứ. Đó gọi là sanh.¹⁹

“Thế nào là già? Từng loại từng loại chúng sanh, mà ở đây nơi thân thể răng rụng, tóc bạc, khí lực khô cạn, các căn chín rục, thọ mạng ngày càng suy, thức cũ không phục hồi. Đó gọi là già.

“Thế nào là chết? Từng loại từng loại chúng sanh, mà dần dần thân thể không còn hơi ấm, vô thường biến dịch, năm thân thuộc chia lìa, thân năm uẩn bị vất bỏ, mạng căn bị cắt đứt. Đó gọi là chết.

¹⁹ Định nghĩa này rất gần với Pali, nhưng văn dịch không được rõ. Cf. D. 22 (R.ii. 305): *yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo āyatanānaṃ paṭilābho, ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti*, “từng loại từng loại chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sanh, sản sanh, nhập thai, chuyển sanh, năm uẩn xuất hiện, nhận được các xứ, đó gọi là sanh.”

“Tỳ kheo, nên biết, đó gọi là già, bệnh, chết. Đây là pháp nhân duyên mà ý nghĩa được phân biệt rộng rãi. Những gì mà Chư Phật Như Lai cần làm với tâm từ ái, Ta nay đã làm xong. Các người hãy đến dưới gốc cây, ngồi ngoài trời trống, hay giữa bãi tha ma, hay nhớ nghĩ tọa thiền. chớ ôm lòng ngại khổ. Nay không tinh tấn, sau hối hận vô ích.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

“Như Lai đã giảng thuyết cho các Tỳ kheo gốc rễ nhân duyên sâu xa. Nhưng con quán sát thấy nghĩa ấy không có gì sâu.”²⁰

Thế Tôn nói:

“Thôi, thôi, A-nan, chớ có khởi lên ý tưởng ấy! Vì sao? Mười hai nhân duyên cực kỳ thậm thâm, không phải là điều mà người thường có thể hiểu. Xưa kia, khi Ta chưa giác ngộ pháp nhân duyên này nên trôi nổi sanh tử, không có lúc thoát ly.

“Lại nữa, A-nan, không phải chỉ ngày nay ông mới nói pháp nhân duyên không có gì sâu xa, mà xưa cũng đã từng nói pháp ấy không sâu xa rồi. Vì sao vậy?

“Trong quá khứ xa xưa, có vua A-tu-la tên là Tu-diệm, chợt có ý nghĩ này, muốn [798a] bóc mặt trời, mặt trăng ra khỏi nước của biển cả. Ông hóa thân cực kỳ to lớn, mà nước biển cả chỉ ngang hông. Bấy giờ vua A-tu-la này có người con tên là Câu-na-la, tâu với vua cha rằng: ‘Nay con muốn xuống tắm nước biển.’ A-tu-la Tu-diệm nói: ‘Chớ nên ham thích tắm trong nước biển. Vì sao? Nước biển vừa rất sâu, vừa rộng; không thể ở trong nước biển mà tắm được.’ Câu-na-la nói, ‘Nay con thấy nước biển chỉ ngang hông của Đại vương thôi; vì sao lại nói là rất sâu?’ Khi ấy vua A-tu-la liền nắm người con thả xuống trong nước biển. Chân của đứa con này không chạm đến đáy nước nên trong lòng nó rất kinh sợ. Vua A-tu-la bấy giờ mới bảo con: ‘Cha đã bảo con là nước biển rất sâu, mà con lại nói,

²⁰ Cf. *Trung 24*, kinh 97, A-nan phát biểu tương tự. Cf. *Trường 10*, kinh 13; Pali, D. 15 Mahānidāna.

chẳng sao. Duy chỉ mình cha là có thể ở trong biển lớn mà tắm gội. Nhưng con thì không thể.’

“A-tu-la Tu-diệm bây giờ là ai khác chẳng? Chớ nghĩ như vậy Tu-diệm tức là thân Ta vậy. Con của A-tu-la khi ấy là ông vậy. Ông đã từng nói, ‘Không sao.’ Nay lại nói, pháp mười hai nhân duyên không có gì sâu thẳm. Chúng sanh mà không thấu hiểu pháp mười hai nhân duyên nên trôi nổi sanh tử không có ngày xuất ly; thấy đều mê hoặc không nhận thức rõ gốc rễ của hành; từ đời này đến đời sau; từ đời sau đến đời này, vĩnh viễn ở trong năm điều bức não, mong được xuất ly thật là quá khó. Ta khi mới thành Phật đạo tư duy mười hai nhân duyên, hàng phục Ma và quyến thuộc của nó, do trừ vô minh mà được ánh sáng của trí tuệ, bóng tối hoàn toàn bị diệt trừ, không còn trần cấu.

“Lại nữa, A-nan, Ta ba lần chuyển mười hai chi để thuyết minh duyên do²¹ này, khi đó tức thì thành tựu Giác đạo. Do phương tiện này mà biết rằng pháp mười hai duyên rất là sâu thẳm, không phải điều mà người thường có thể công bố. Như vậy, A-nan, hãy nhớ nghĩ sâu thẳm mà phụng trì pháp mười hai nhân duyên này. Hãy nhớ học điều này.”

Bây giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Lúc bấy giờ trong thành La-duyệt có một bà-la-môn tên là Thi-la, biết đủ các thuật, nhớ thuộc các điển tịch của ngoại đạo dị học. Thiên văn, địa lý, không thứ gì ông không thông suốt. Ông lại dạy dỗ 500 đồng tử bà-la-môn.

²¹ Nguyên hán: duyên bản, đồng nghĩa với từ *nidāna* (Pali), có khi được dịch là nhân duyên.

Trong thành ấy cũng có một bà-la-môn nữa ên là [798b] Sí-ninh, hiểu biết rất nhiều, được vua Tần-bà-sa-la yêu kính, tùy thời cúng dường, cấp dưỡng bà-la-môn các thứ nhu yếu.

Bấy giờ danh tiếng Như Lai được truyền đi ắt xa, rằng Ngài là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn, độ vô lượng người, xuất hiện ở đời. Bà-la-môn Sí-ninh liền khởi lên ý nghĩ này: “Danh hiệu Như Lai thật khó được nghe. Nay ta muốn đến đo thăm hỏi, thân cận, lễ kính.” Rồi bà-la-môn Sí-ninh đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Sa-môn Cù-đàm, thuộc chủng tánh nào?”

Phật nói:

“Ta thuộc chủng tánh sát-lợi.”

Bà-la-môn nói:

“Các bà-la-môn nói như vậy, ‘Chủng tánh của chúng ta hào quý nhất không gì hơn.’ Có người nói chủng tánh da trắng. Có người nói chủng tánh da đen. Những người bà-la-môn tự cho là được sanh bởi Phạm thiên. Nay Sa-môn Cù-đàm có luận gì về những điều này?”

Phật nói:

“Này Bà-la-môn, nên biết, ai có hôn nhân, cưới hỏi, mới cần đến chủng tánh hào quý. Nhưng trong Chánh pháp của Ta, không có cao thấp, không có danh tánh thị phi.”

Bà-la-môn hỏi:

“Thế nào, Cù-đàm, có sanh xứ²² thanh tịnh, sau đó pháp mới được thanh tịnh.”

Phật bảo bà-la-môn:

²² Sanh xứ, đây hiểu là huyết thống thọ sanh (Pāli: jāti).

“Ông cần pháp thanh tịnh, hay sanh xứ thành tịnh?”

Bà-la-môn nói:

“Các bà-la-môn đều nêu lên luận đề này, ‘Chúng tánh của ta hào quý, không ai hơn.’ Có người nói chúng tánh da trắng. Có người nói chúng tánh da đen. Những người bà-la-môn tự cho là được sanh bởi Phạm thiên.”

Phật hỏi ông bà-la-môn:

“Giả sử người nữ sát-lợi lấy chồng thuộc gia đình bà-la-môn, khi sanh con trai, nó sẽ theo chủng tánh nào?”

Bà-la-môn nói:

“Nó sẽ được nói là chúng tánh bà-la-môn. Vì sao? Do thân hình người cha mà có được đứa con này.”

Phật hỏi:

“Nếu người nữ bà-la-môn lấy chồng nhà sát-lợi, khi sanh con trai, nó thuộc chủng tánh nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Người đó sẽ thuộc chủng tánh sát-lợi. Vì sao? Do di hình của cha mà có đứa con này.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó mới trả lời Ta. Điều ông nói trước sau không phù hợp nhau. Thế nào, bà-la-môn, lừa theo ngựa, sau đó sanh con trâu.²³ Ông sẽ nói nó là ngựa hay lừa?”

Bà-la-môn đáp:

“Loại như thế sẽ được gọi là con ngựa lừa.²⁴ Vì sao? Do di hình của lừa mà được con trâu này.”

Phật bảo bà-la-môn:

²³ Nguyên Hán: câu 駒, ngựa con; cũng chỉ lừa con.

²⁴ Hán: lô mã 驢馬, con ngựa có liên hệ đến lừa. Phân biệt với mã lô 馬驢 nói sau. Lưu ý danh từ làm định ngữ.

[798c] “Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó trả lời Ta. Điều ông nói ở đây, trước sau không phù hợp. Trước đó ông nói, nếu con gái sát-lợi đi lấy chồng nhà bà-la-môn, khi sanh con, nó sẽ thuộc chủng tánh bà-la-môn. Ở đây, lừa theo ngựa sanh câu, ông lại nói nó là ngựa lừa. Như vậy không mâu thuẫn với lời nói trước đó chẳng? Giả sử, này Bà-la-môn, nếu ngựa theo lừa mà sanh câu. Gọi nó là con gì?”

Bà-la-môn đáp:

“Gọi nó là con lừa ngựa.”

Phật hỏi:

“Thế nào, bà-la-môn, con lừa ngựa, với con ngựa lừa, có khác gì nhau chẳng? Có người nói, ‘Một học báu.’ Người khác nói, ‘Báu một học.’ Cả hai nghĩa có khác gì nhau chẳng?”

Bà-la-môn đáp:

“Đây chỉ một nghĩa. Vì sao? Báu một học, hay một học báu, ý nghĩa chẳng khác gì nhau.”

Phật hỏi:

“Thế nào, bà-la-môn, con lừa ngựa, và con ngựa lừa, đây không phải là một nghĩa²⁵ sao?”

Bà-la-môn nói:

“Ở đây tuy Sa-môn Cù-đàm có nói như vậy, nhưng bà-la-môn tự cho là. ‘Chúng tánh của ta hào quý không ai hơn.’”

Phật nói:

“Ông trước đó khen cha Sau đó khen mẹ. Nếu cha thuộc tánh bà-la-môn, mẹ cũng thuộc tánh bà-la-môn, sau đó, sanh hai người con. Trong đó, về sau, một đứa biết nhiều kỹ thuật, không việc gì không rành. Đứa thứ hai chẳng biết gì. Khi ấy, cha mẹ chúng biệt đãi đứa nào? Biệt đãi đứa con trí tuệ, hay đứa không biết gì?”

²⁵ Nghĩa 義, đây nên hiểu là vật. Pali: *attha*, hay Skt. *artha*.

Bà-la-môn đáp:

“Cha mẹ chúng tất sẽ biết đãi đũa cao đức, thông minh, chứ không biết đãi đũa không có trí tuệ. Vì sao? Ở đây, đũa con này không việc gì không biết, không việc gì không rành, cho nên phải biết đãi nó, mà không biết đãi đũa con không trí tuệ.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Trong hai đũa con ấy, đũa thông minh về sau nổi lên ý tưởng làm việc sát sanh, trộm cướp, dâm dật, cả mười pháp ác. Đũa không thông minh kia thì giữ hành vi của thân, miệng, ý. Mười pháp thiện, không phạm một pháp nào. Cha mẹ ấy sẽ kính đãi đũa nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Cha mẹ tất sẽ kính đãi đũa con hành mười điều thiện. Đũa hành bất thiện kia thì kính đãi làm gì?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông trước khen đa văn, Ssau khen giới. Thế nào, bà-la-môn, giả sử có hai người con; một người từ cha chuyên chánh²⁶ nhưng từ mẹ không chuyên chánh; một người từ cha không chuyên chánh nhưng từ mẹ chuyên chánh. Người con có mẹ chánh nhưng cha không chánh không việc gì không rành, biết rộng các kinh thơ, kỹ thuật, Đũa thứ hai có cha chánh [799a] nhưng mẹ không chánh không học rộng nhưng trì mười điều thiện. Cha mẹ chúng nên kính đãi đũa nào? Kính đãi đũa có mẹ tịnh nhưng cha không tịnh, hay đũa có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh?”

Bà-la-môn đáp:

“Nén kính đãi đũa con có mẹ tịnh. Vì sao? Vì nó biết kinh thơ, rộng các kỹ thuật. Còn đũa con thứ hai, cha tịnh nhưng mẹ

²⁶ Chuyên chánh 專正, đoạn dưới nói là tịnh 淨, đều chỉ ý nghĩa huyết thông thuần tịnh tức không bị lai giống.

không tịnh, tuy trì giới nhưng không có trí tuệ, thì rốt cuộc chẳng làm được gì. Có văn thì có giới.”

Phật bảo bà-la-môn:

“Ông trước khen cha tịnh, không khen mẹ tịnh. Nay lại khen mẹ tịnh, không khen cha tịnh. Trước khen phẩm đức nghe, sau khen cấm giới. Rồi lại nói giới sau đó mới nói văn. Thế nào, bà-la-môn, trong hai đứa con kia, một đứa nghe nhiều, học rộng, kiêm trì mười điều thiện. Đứa thứ hai có trí tuệ kiêm hành mười điều ác. Cho mẹ chúng nên kính đấng nào?”

Bà-la-môn đáp:

“Nên kính đấng nào mà có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh. Vì sao? Người ấy mà bác lãm kinh thư, hiểu biết nhiều kỹ thuật, ấy là do cha tịnh mà sanh được đứa con này, kiêm hành mười điều thiện không có điều vi phạm, tất cả các phẩm đức đều đầy đủ.”

Phật nói:

“Ông trước đó chủ trương chùng tánh. Sau đó lại nói văn mà không nói chùng tánh. Sau nữa lại nói giới mà không nói văn. Rồi sau nữa lại nói văn mà không nói giới. Nay ông khen cha, mẹ, văn, giới, há không mâu thuẫn với điều nói trước đó?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Sa-môn Cù-đàm tuy có nói như vậy, nhưng những người bà-la-môn tự cho rằng, ‘Chùng tánh của ta hào quý nhất không ai hơn.’”

Thế Tôn nói:

“Những ai có cưới hỏi thì mới nói đến chùng tánh. Nhưng trong pháp ta, không có nghĩa đó. Ông có nghe nói đến người ở nước láng giềng, nước xa, và những người biên địa khác nữa không?”

“Vâng, tôi có nghe nói đến những người này.”

Thế Tôn nói:

“Nhân dân trong các nước này có hai hạng chủng tánh.²⁷ Những gì là hai? Một là con người, hai là nô lệ. Hai chủng tánh này cũng không nhất định.”

Lại hỏi:

“Thế nào là bất định?”

Phật nói:

“Có khi trước là người, sau đó là nô lệ. Có khi trước làm nô lệ, sau làm người. Tuy nhiên, các loại chúng sanh hết thay đổi một loại chứ không có nhiều loại khác nhau. Khi trời đất hủy diệt, thế gian trở thành trống không. Khi ấy núi, sông, vách đá, cỏ cây các thứ vân vân đều bị thiêu hủy hết. Con người cũng mạng chung. Khi trời đất sắp sửa chuyển thành, bảy giờ chưa có mặt trời, mặt trăng, hạn kỳ năm tháng. [799b] Lúc bấy giờ trời Quang âm đến chốn này. Khi phước của trời Quang âm sắp hết, ánh sáng tinh không còn, dần dần nhìn nhau chúng khởi dục tưởng. Ai dục ý nhiều hơn thì trở thành người nữ. Ai có dục ý ít hơn, thành người nam. Chúng giao tiếp với nhau mà thành bào thai. Do nhân duyên này mà có con người đầu tiên. Dần dần chuyển sanh bốn chủng tánh lan tràn trong thiên hạ. Do phước thiện này mà biết rằng, mọi người đều xuất xứ từ chủng tánh sát-lợi.”²⁸

Bấy giờ bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Thôi, Cù-đàm. Như người gù được đứng thẳng, người mù được mắt, trong tối thấy ánh sáng. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, bằng vô số phước thiện nói pháp cho con nghe. Nay con tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp, nhận con làm ưu-bà-tắc.”

Rồi bà-la-môn lại bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Như Lai nhận lời mời của con.”

²⁷ Nguyên hán: tánh 姓, chỉ giai cấp xã hội.

²⁸ Cf. *Trường 6*, kinh 5 Tiểu duyên; Pali, D 24 Aggañña.

Khi ấy Thế Tôn im lặng nhân lời. Bà-la-môn thấy Thế Tôn im lặng nhân lời mời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi.

Ông trở về nhà, sửa soạn các thứ thức ăn, trải các chỗ ngồi, rảy nước thơm lên đất và tự nói rằng: “Nhu Lai sẽ ngồi chỗ này.”

Trong lúc ấy bà-la-môn Thi-la dẫn 500 đệ tử đến nhà bà-la-môn Ninh-sí. Từ xa, trông thấy nhà ấy đang trải các chỗ ngồi sang trọng, bèn hỏi bà-la-môn Ninh-sí:

“Nhà ông hôm nay đang cưới gả con trai, con gái, hay muốn mời Vua Tần-và-sa-la nước Ma-kiệt chăng?”

Bà-la-môn Sí-ninh đáp:

“Tôi không thỉnh mời vua Tần-bà-sa-la, cũng không có việc cưới gả con. Hôm nay tôi muốn gây dựng phước nghiệp lớn.”

Bà-la-môn Thi-la hỏi:

“Mong được nghe rõ ý ông, muốn làm phước nghiệp gì?”

Khi ấy bà-la-môn Ninh-sí trả lời bà-la-môn Thi-la rằng:²⁹

“Thi-la, nên biết, có vị con nhà Thích xuất gia học đạo, thành vô thượng Chí chân Đẳng chánh giác. Tôi nay thỉnh Phật và Tăng Tỳ kheo, nên mới bày biện trải các chỗ ngồi như vậy.”

Bà-la-môn Thi-la hỏi:

“Bà-la-môn Sí-ninh, ông nói Phật phải không?”

Đáp:

“Tôi nói Phật.”

Lại hỏi:

²⁹ Để bản: Phạm chí thiên lộ hữu kiên trường quy xoa thủ bạch Thế tôn từ trần tánh danh Thi la 梵志偏露右肩。長跪叉手。白世尊自陳姓名施羅 (19 chữ); đoạn văn này không phụ hợp sự việc đang xảy ra. Ở đây dịch theo bản Nguyên Minh: Si-ninh phạm chí báo Thi la phạm chí viết 翅甯梵志報施羅梵志曰 (10 chữ).

“Thật là kỳ diệu, thật hy hữu, nay được nghe tiếng Phật. Nhưng Phật đang ở đâu? Tôi muốn gặp.”

Sí-ninh nói:

“Đang ở trong vườn Trúc, ngoài thành La-duyet, cùng với 500 đệ tử.³⁰ Ông muốn gặp, hãy đến đó. Nên biết đúng lúc thích hợp.”

Bấy giờ ông bà-la-môn này dẫn 500 đệ tử đi đến [799c] chỗ Phật. Đến nơi, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Khi ấy bà-la-môn Thi-la có ý nghĩ này: “Sa-môn Cù-đàm thật là đẹp. Thân màu hoàng kim. Trong kinh thơ của ta có nói, Như Lai xuất hiện ở đời, thật khó gặp. Cũng như hoa ưu-đàm-bát lâu lắm mới trở hoa. Nếu thành tựu 32 tướng và 80 vẻ đẹp, sẽ có hai con đường. Nếu sống tại gia, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Đạo vô thượng, là đáng Chí tôn³¹ trong ba cõi. Nay ta muốn nhìn thấy 32 tướng của Phật.” Nhưng lúc đó bà-la-môn chỉ quan sát được 30 tướng, không thấy hai tướng kia. Ông còn đang hồ nghi do dự, là không thấy tướng lưỡi dài, và mã âm tàng.” Bà-la-môn Thi-la bèn nói bài kệ để hỏi:

*Tôi nghe ba mươi hai
Tướng tốt bậc Đại nhân.
Nay không thấy hai tướng.
Rốt lại, chúng ở đâu?*

*Mã âm tàng trình khiết,
Tướng này khó thí dụ.
Tướng lưỡi có rộng dài,
Đến tai, che cả mặt?*

³⁰ Việt dịch bỏ 4 từ: tự tương ngu lạc 自相娛樂, vốn dịch từ *viharati*: an trú; do đó không thể dịch sát: “cùng vui thú với nhau.” Vừa ngây ngô mà dễ gây ngộ nhận.

³¹ Nguyên hán: Thế hựu 世祐, có khi dịch là Thế Tôn, dịch từ *bhagava*.

*Mong thấy lưới rộng dài,
Để tôi không hồ nghi.
Mong cho tôi được thấy,
Để cắt đứt lưới nghi.³²*

Bấy giờ Thế Tôn liền thè lưới ra, hai bên liếm đến tai. Rồi Ngài rút lưới trở lại, và nhập tam-muội, khiến cho bà-la-môn trông thấy mã âm tàng. Bà-la-môn sau khi thấy 32 tướng và 80 vẻ đẹp của Phật, hoan hỷ phần chân không thể dùng được. Bà-la-môn Thi-la liền bạch Phật:

“Ồ đây tôi là bà-la-môn. Sa-môn là dòng sát-lợi. Nhưng sa-môn, bà-la-môn đều chung một con đường, tìm cầu một giải thoát như nhau. Sa-môn có thừa nhận chúng ta cùng một con đường chăng?”

Phật bảo [800a] bà-la-môn:

“Ông có thấy vậy chăng?”

Bà-la-môn đáp:

“Tôi thấy như vậy.”

Phật bảo:

“Ông hãy khởi tâm ý hướng về một giải thoát duy nhất, đó là chánh kiến.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Chánh kiến tức là một giải thoát duy nhất, hay còn có giải thoát nào nữa?”

Thế Tôn nói:

“Còn có giải thoát khác nữa, để đắc Niết-bàn. Sự ấy có tám. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bà-la-môn, đó là đạo có tám chi dẫn đến Nết-bàn.”

Bà-la-môn hỏi:

³² Bản Hán, hết quyển 46.

“Có chúng sanh nào biết được đạo tám chi này không?”

Phật nói:

“Số ấy không chỉ một trăm nghìn. Bà-la-môn, nên biết, có vô số trăm nghìn chúng sanh biết đạo tám chi ấy.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có hạng chúng sanh nào không hiểu được đạo tám chi này chăng?”

Phật nói:

“Hạng chúng sanh không hiểu, không phải chỉ một người.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có hạng chúng sanh nào không thể đắc pháp này chăng?”

Phật nói:

“Cũng có hạng chúng sanh không đắc đạo. Hạng người ấy có mười một. Những gì là mười một? Đó là, gian nguy, ác ngữ, khó can gián, không biết đền trả, hay ganh tị, giết cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn thiện căn, việc thiện trở lại làm ác, chấp có ngã, khởi ác niệm nhắm đến Như Lai. Bà-la-môn, đó là mười một hạng người không thể đạt đến đạo tám chi này.”

Khi Phật nói đạo tám chi này, ông bà-la-môn liền dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi bà-la-môn Thi-la nói với 500 đệ tử:

“Các người ai có sở thích gì thì hãy tự mình tụng tập. Ta nay muốn theo Như Lai khéo tu phạm hạnh.”

Các đệ tử bạch rằng:

“Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.”

Bấy giờ, bà-la-môn cùng 500 đệ tử thầy đều quỳ xuống, chấp tay bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Thế Tôn nhận cho chúng con xuất gia học đạo.”

Phật nói:

“Hãy khéo đến đây, Tỳ kheo! Hãy đến với Như Lai mà tu hành phạm hạnh vô thượng, để dần dần dứt sạch nguồn khổ.”

Như Lai nói xong lời này, 500 bà-la-môn tức thì thành sa-môn. Sau đó Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói các đề tài vi diệu cho 500 người này nghe; đề tài về thí, về giới, sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, xuất yếu là an lạc. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Thế Tôn bấy giờ rộng nói chi tiết cho những người này nghe. Tức thì 500 người hoàn toàn dứt sạch các lậu, đắc pháp thượng nhân.

Bấy giờ **[800b]** bà-la-môn Sí-ninh đến báo:

“Đã đến thời, cúi mong thần đức hạ cố.”

Thế Tôn nói với Thi-la và 500 Tỳ kheo:

“Các ông thầy đều khóac y, cầm bát.”

Rồi Phật cùng với một nghìn Tỳ kheo vây quanh trước sau đi vào thành, đến nhà bà-la-môn, ngồi trên chỗ dọn sẵn.

Khi bà-la-môn Sí-ninh thấy 500 bà-la-môn đều đã trở thành sa-môn, bèn nói rằng:

“Lành thay! Các ông đã đi theo con đường chân chánh, không có gì hơn nữa.”

Bà-la-môn Thi-la nói với bà-la-môn Sí-ninh bằng bài kệ này:

*Ngoài đây, không pháp nào
Vượt hơn pháp yếu này.
So loại tợ như vậy,
Chỉ thiện không đâu hơn.*

Bấy giờ bà-la-môn Sí-ninh bạch Thế Tôn:

“Cúi mong Thế Tôn hoan hỷ đơi thêm chút nữa. Chúng con đang bày biện thêm thức ăn.”

Phật nói:

“Thức ăn đã làm, đúng thời thì dọn lên, chớ sợ không đủ.”

Bà-la-môn Sí-ninh vô cùng hoan hỷ, tự thân bưng sót thức ăn cúng dường Phật và Tăng Tỳ kheo. Sau khi Thế Tôn và Tăng

Tỳ kheo ăn xong, cất dọn chén bát xong, bà-la-môn rải đủ các loại hoa lên Phật Tăng Tỳ kheo, rồi bước lên trước bạch Phật rằng:

“Kính bạch Thế Tôn, hết thầy trai gái lớn nhỏ trong nhà con đều cầu xin Thế Tôn nhận là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.³³”

Vợ của bà-la-môn lúc đang mang thai. Bà hỏi Phật:

“Con đang mang thai, không biết là trai hay gái, cũng xin từ quy y Như Lai. Cúi xin nhận con là ưu-bà-di.”

Bấy giờ Như Lai nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Ngay trên chỗ ngồi, Ngài nói kệ rằng:

*Đẹp thay, phước báo này!
Sở nguyện đều thành tựu.
Dẫn đến chỗ an ổn,
Không còn lo tai hoạ;
Khi chết, sanh lên trời.
Giả sử các Ma thiên
Cũng không thể khiến cho
Người làm phước đọa tội.

Những ai cầu phương tiện,
Trí tuệ của Thánh Hiền,
Sẽ dirt sạch gốc khổ,
Vĩnh viễn xa tám nạn.*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ bà-la-môn Sí-ninh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7³⁴

Tôi nghe như vậy:

³³ Trong bản Hán không có ưu-bà-di.

³⁴ Tham chiếu Pali, M 65 Baddāli, 66 Laṭukikopama. Hán, *Trung*, kinh 194, kinh 192.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta hằng ăn một lần ngồi,³⁵ thân thể nhẹ nhàng, khí lực khỏe mạnh. Tỳ kheo các ông cũng nên ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, khí lực mạnh khỏe, để có thể tu phạm hạnh.”

Lúc bấy giờ Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con không thể ăn một bữa. Vì sao vậy? Khí lực con sẽ yếu ớt.”

Phật nói:

“Nếu ông đến nhà đàn-việt, ăn một phần, còn một phần mang về nhà.”³⁶

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con cũng không thể thực hành pháp này.”

Phật nói:

“Cho phép ông phá bỏ trai,³⁷ mà ăn thông qua ngày.”

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

“Con cũng không thể thi hành pháp này.”

Khi ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời.

³⁵ Nhất tọa thực 一坐食. Pali: *ekāsana*, có hai giải thích. Hoặc *eka-asana*: một bữa ăn; hoặc *eka-āsana*: một chỗ ngồi. Tất cả các bản Hán đều hiểu theo nghĩa sau. Ý nghĩa này liên hệ hai điều luật. Thứ nhất, liên hệ điều luật phi thời thực. Thứ hai, liên hệ điều luật dư thực pháp.

³⁶ Quan điểm của Đại chúng bộ về nhất tọa thực. Quan điểm này không được Thượng tọa bộ và Hữu bộ đồng tình.

³⁷ Hán: hoại trai 壞齋, có thể ăn quá Ngọ. Điểm tranh luận giữa Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, Cf. *Tứ phần 54* (tr. 969c18): nhị chỉ sao thực 二指抄食. Pali, Pali: *dvaṅgulakappa*, nhị chỉ tịnh, được giải thích: *dvaṅgulāya chāyāya vītivattāya*, (được phép ăn quá trưa) khi bóng chưa quá hai ngón tay. Liên hệ điều luật phi thời thực. Vin.ii. 230.

Bấy giờ Ca-lưu-đà-di vào lúc sắp tối, mặt trời lặn, khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy trời rất tối. Ưu-đà-di³⁸ lần hồi đi đến nhà một trưởng giả kia. Vợ của ông trưởng giả đang mang thai, nghe có tiếng sa-môn khất thực ngoài cửa, liền bung com ra để cho. Nhưng vì Ưu-đà-di có sắc da cực kỳ đen, lại gặp lúc trời đang mưa, chớp giật khắp nơi, cho nên khi vợ ông trưởng giả ra công vừa thấy một ông sa-môn sắc da cực kỳ đen, tức thì kinh hãi la lớn:

“Quý! Trời ơi, tôi gặp quý!”

Ngay lúc ấy thai nhi bị chấn thương nên mạng chung.³⁹

Sau đó, Ca-lưu-đà-di trở về tinh xá, ưu sầu không vui, ngồi mà suy nghĩ hối hận không còn kịp. Lúc bấy giờ trong thành Xá-vệ có tiếng đồn xấu như vậy: “Sa-môn họ Thích dùng chú thuật làm trụ thai con của người ta.” Trong đó, trai gái bảo nhau: “Thời giờ này các sa-môn đi đứng vô độ, ăn không biết phải thời, giống như người bạch y tại gia, có gì khác?”

Bấy giờ, số đông các Tỳ kheo nghe mọi người bàn luận lý lẽ như vậy: “Sa-môn họ Thích không biết chừng mực, lui tới bất kể.” Trong số đó, có Tỳ kheo trì giới hoàn hảo cũng tự oán trách: “Thật là không thích hợp đối với chúng ta.” Rồi họ đi đến Phật cúi đầu lay dưới chân, và đem hết nhân duyên ấy thuật lên đức Thế Tôn.. Thế Tôn bảo một Tỳ kheo:

“Ông đi gọi Ca-lưu-đà-di đến đây.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Phật, tức thì đi gọi Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nghe Phật gọi, vội vàng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lay dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

“Có thật hôm qua vào lúc tối mặt trời lặn ông vào thành khất thực, đến nhà trưởng giả, khiến cho vợ ông ấy trụ thai chẳng?”

³⁸ Trong bản: Ưu-đà-di 優陀夷, tức Ca-lưu-đà-di nói trên. Vì Ưu-đà-di (Pali: Udāyi) có nước da rất đen, nên xươc danh là *Ca-la* (Pali: *kāla*, đen).

³⁹ *Trung*, *ibid*, và Pali,*ibid*., bà chỉ hoảng sợ, nhưng không chết.

Ưu-đà-di bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Ưu-đà-[801a]di:

“Ông vì sao không phân biệt thời tiết, nhằm lúc trời sắp mưa mà vào thành khát thực? Việc làm của ông không thích hợp. Thiện gia nam tử xuất gia học đạo mà lại tham đắm chuyện ăn?”

Ưu-đà-di liền rời chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau con không dám tái phạm nữa. Cúi mong hể tôn nghe cho con sám hối.”

Bấy giờ Phật bảo A-nan:

“Ông hãy kíp đánh kiền chùy, tập họp các Tỳ kheo tại giảng đường Phổ hội.

A nan vâng lời Phật dạy, liền tập họp các Tỳ kheo vào giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật, bạch rằng:

“Các Tỳ kheo đã tập họp. Bạch Thế Tôn, giờ là lúc thích hợp.”

Khi ấy Thế Tôn liền đi đến giảng đường, ngồi xuống giữa, nói với các Tỳ kheo:

“Chư Phật trong thời quá khứ xa xưa đều chỉ ăn một lần ngồi. Các Thanh văn cũng ăn một lần ngồi. Chư Phật và các đệ tử trong tương lai cũng chỉ ăn một lần ngồi. Vì sao vậy? Đó là pháp yếu để hành đạo. Hãy ăn một lần ngồi. Nếu ai có thể ăn một lần ngồi, thân thể nhẹ nhàng, tâm được mở tỏ. Do tâm đã mở tỏ mà được các thiện căn. Do được các thiện căn mà đắc tam-muội. Do đắc tam-muội mà như thật biết. Như thật biết những gì? Như thật biết Khổ đế. Như thật biết Khổ tập đế. Như thật biết Khô tận đế. Như thật biết Khổ xuất yếu đế.

“Các người, những thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xả bỏ tám nghiệp ở đời mà không biết thời tiết, vậy có khác gì với những con người tham dục kia? Bà-la-môn có pháp riêng của bà-la-môn. Ngoại đạo có pháp riêng của ngoại đạo.”

Lúc bấy giờ Ưu-ba-li bạch Thế Tôn:

“Chư Phật trong quá khứ và chư Phật trong tương lai đều ăn một lần ngồi. Cúi mong Thế Tôn hạn định thời gian ăn cho các Tỳ kheo.”

Thế Tôn nói:

“Nhu Lai cũng đã có nhận thức đó. Nhưng vì chưa có người sai phạm. Phải đợi khi ngay trước mắt có người phạm tội, Ta mới chế luật.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta chuyên ăn một lần ngồi. Các ông cũng nên ăn một lần. Nay, các ông chỉ ăn giữa ngày mà không được quá thời.

“Các ông cũng nên học pháp khát thực. Tỳ kheo học pháp khát thực như thế nào? Ở đây, Tỳ kheo chỉ vì mục đích duy trì mạng sống. Được cũng không vui, mà không được cũng không buồn. Khi được thức ăn, hãy tư duy mà ăn. Ăn không với tâm tham đắm, mà chỉ cốt giữ cho thân này được tồn tại, trừ khử bệnh⁴⁰ cũ **[801b]**, không gây thêm bệnh mới, khiến cho khí lực sung túc. Tỳ kheo, như vậy gọi là khát thực.

“Tỳ kheo các người, hãy ăn một lần ngồi. Tỳ kheo, thế nào là ăn một lần ngồi? Đã đứng dậy rồi, ăn xong, không ăn trở lại nữa; nếu ăn, là phạm.⁴¹ Tỳ kheo, như vậy gọi là ăn một lần ngồi.

“Tỳ kheo các người, cũng nên nhận được thức ăn rồi mới ăn.⁴² Thế nào là Tỳ kheo nhận được rồi mới ăn? Ở đây, Tỳ kheo đã được thức ăn rồi, lại được thêm nữa thì có thể nhận. Nhưng đã ăn xong, không được ăn trở lại. Như vậy, Tỳ kheo nhận được thức ăn thì ăn.

⁴⁰ Đề bản: thống 痛 . TNM: bệnh.

⁴¹ Các bộ luật như nhau: Tỳ kheo ăn xong (đã đứng dậy), rồi ăn lại, hay ăn thêm, phải tác pháp dư thực.

⁴² Điều luật: Tỳ kheo ăn xong, nếu nhận được thêm nữa, có thể ăn nhưng phải tác pháp dư thực.

“Tỳ kheo các người, nên khoác ba y,⁴³ nên ngồi dưới gốc cây; nên ngồi chỗ nhàn tĩnh; nên ngồi ngoài trời trống, khô hành; nên khoác y chấp mảnh; nên sống trong bãi tha ma; nên khoác y tồi tàn. Vì sao vậy? Người sống thiếu dục thì được khen ngợi.

“Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ kheo Ca-diếp. Vì sao vậy? Tỳ kheo Ca-diếp tự mình hành mười hai pháp đầu đà, và cũng khuyến khích người khác hành theo pháp yếu này.

“Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ kheo Diện Vương,⁴⁴ Vì sao vậy? Tỳ kheo Diện Vương khoác loại y thô xấu tồi tàn, không bận các thứ tốt đẹp.

“Tỳ kheo, đó là giáo huấn của Ta. Hãy chuyên tâm tu tập. Tỳ kheo, hãy học như vậy.”

Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la trải qua ba tháng⁴⁵ không đến gặp Thế Tôn. Khi vừa hết ba tháng, A-nan đi đến Bạt-đề-bà-la, nói rằng:

“Nay chư Tăng đang khâu vá y. Như vậy, Như Lai sẽ du hành trong nhân gian. Nay thầy không đến gặp, sau này hối hận vô ích.”

Rồi A-nan dẫn Bạt-đề-bà-la đến chỗ Thế Tôn. Bạt-đề-bà-la cúi đầu lạy dưới chân Phật, và bạch rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nghe cho con sám hối. Từ nay về sau sẽ không tái phạm nữa. Như Lai chế cấm giới, mà con không vâng lãnh. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng tha thứ.”

Ông nói như vậy ba lần. Bấy giờ Phật bảo Bạt-đề-bà-la:

“Ta nhận cho ông sám hối lỗi lầm, về sau chớ có phạm nữa. Vì sao vậy? Ta tự nghĩ, sống chết vô số, có khi làm thân lừa, loa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, nuôi dương thân bốn đại này bằng

⁴³ Luật quy định: mỗi Tỳ kheo chỉ được sở hữu ba y, không được quá.

⁴⁴ Diện Vương, xem kinh 6 phẩm 4. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (*lūkhacīvaradhārānam*) là Mogharājāti.

⁴⁵ *Trung*, ibid., suốt ba tháng hạ an cư.

cỏ. Hoặc ở trong địa ngục, ăn nuốt sắt nóng. Hoặc ở trong loài ngựa quý hằng ăn máu mủ. Hoặc có khi làm người, ăn năm thứ thóc gạo này. Hoặc sanh làm thân trời, ăn cam lộ tự nhiên. Trong vô số kiếp, hình mạng cùng cạnh tranh mà chưa hề biết nhàm đủ, Ưu-ba-ly,⁴⁶ nên biết, như lửa gặp củi, mới đầu không biết đủ. [801c] Như biển nuốt các sông, không bao giờ biết đủ. Nay, kẻ phàm phu cũng vậy, tham ăn không biết nhàm đủ.”

Rồi Thế Tôn nói kệ:

*Sanh tử không đoạn tuyệt,
Thấy đều do tham dục.
Oán ghét thêm lớn ác,
Điều người ngu quen làm.*

“Cho nên, Bạt-đà-bà-la, hãy chuyên niệm thiếu dục tri túc. Như vậy, Ưu-ba-ly*, hãy học điều này.”

Rồi bấy giờ Bạt-đà-bà-la, sau khi nghe những điều Như Lai dạy, sông tại chỗ nhàn tĩnh mà tự mình khắc kỷ, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, là như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, Bạt-đà-bà-la thành A-la-hán.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trong đệ tử của Ta, đệ nhất trong các Thanh văn ăn nhiều là Tỳ kheo Cát Hộ⁴⁷ vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

⁴⁶ Nguyên trong bản.

⁴⁷ Cát Hộ 吉護, dịch nghĩa của Bạt-đà-bà-la, Skt. Bhadrāpālī (?). Pali, ibid.: Baddāli.

Một thời Phật ở trong thôn Ương-nghê, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Mọi người đều gọi các người là sa-môn. Giả sử có người hỏi, ‘Các ông có phải là sa-môn không?’ Các ông cũng trả lời, ‘Tôi là sa-môn.’”

“Nay Ta nói với các người về hành của sa-môn, và hành của bà-la-môn. Các người hãy suy niệm tu tập, về sau nhất định đạt thành kết quả, như thật, không thể sai khác. Vì sao vậy? Có hai hạng sa-môn. Có sa-môn tập hành. Có sa-môn thệ nguyện.

“Thế nào gọi là sa-môn tập hành? Ở đây, Tỳ kheo đi đứng, tới lui, nhìn ngó, dung mạo khóac y, bưng bát, thấy đều đứng như pháp. Không đắm tham dục, sân hận, ngu si. Duy chỉ trì giới, tinh tấn không phạm các điều phi pháp, học các giới. Đó gọi là sa-môn tập hành.

“Thế nào gọi là sa-môn thệ nguyện? Ở đây, hoặc có Tỳ kheo mà oai nghi, giới luật, ra vào, tới lui, bước đi, dung mạo, nhìn ngó, cử động, thấy đều như pháp, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, ở ngay trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ mà an trú, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa. Đó gọi là sa-môn thệ nguyện.

“Tỳ kheo, đó là hai hạng sa-môn.”

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Thế nào [802a] là pháp hành của sa-môn, pháp hành của bà-la-môn?”

Phật bảo A-nan:

“Tỳ kheo ăn uống biết đủ, ngày đêm kinh hành, không mất thời tiết, hành các đạo phẩm.

“Thế nào là Tỳ kheo có các căn tịch tịnh? Ở đây, Tỳ kheo, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm trước, gọi các loạn niệm, ở trong đó mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm xấu,

không niệm pháp bất thiện. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn mịn, ý biết pháp, ở nơi ý căn mà được thanh tịnh. Như vậy, Tỳ kheo được các căn thanh tịnh.

“Thế nào là Tỳ kheo ăn uống biết đủ? Ở đây, Tỳ kheo lường bụng mà ăn; không vì mục đích mập trắng, mà chỉ cốt duy trì thân này cho được tồn tại, trừ khử bệnh cũ, bệnh mới không sanh, để có thể tu phạm hạnh. Cũng như trai hay gái, trên thân sanh ghẻ, tùy thời lấy thuốc cao mà bôi lên vết thương, thường mong vết thương được lành. Nay Tỳ kheo ở đây cũng vậy, lường bụng mà ăn. Sỡ dĩ lấy mỡ bôi bánh xe, là muốn đi được xa. Tỳ kheo lường bụng mà ăn, vì để duy trì mạng tồn tại. như vậy, Tỳ kheo ăn uống biết đủ.

“Thế nào là Tỳ kheo hằng biết tỉnh giác? Ở đây, Tỳ kheo vào lúc đầu đêm, cuối đêm, hằng biết tỉnh giác, tư duy pháp 37 phẩm đạo. Lại nữa, đầu đêm, cuối đêm, đi kinh hành, trừ khử ý tưởng ác kết bất thiện. Rồi lại, nửa đêm nằm nghiêng bên hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, hướng đến tướng ánh sáng. Cuối đêm, trở dậy kinh hành, trừ khử niệm bất thiện. Như vậy, Tỳ kheo biết tỉnh giác.

“Như vậy, A-nan, đó là yếu hành của sa-môn.

“Thế nào là yếu hành của bà-la-môn? Ở đây, Tỳ kheo như thật biết Khổ đế, như thật biết Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu. Rồi sau đó, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa. Đó gọi là yếu hành của bà-la-môn.

“A-nan, nên biết, đây là nghĩa của yếu hành.”

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

*Sa-môn: tâm tĩnh lặng,⁴⁸
Các ác đã diệt tận.*

⁴⁸ Tức tâm 息心, định nghĩa từ sa-môn. Pāli: *samaṇa* (Skt. *śramaṇa*).

[802b] *Bà-la-môn, là thanh tịnh,
Trừ khử các loạn tướng.*

“Đó là, A-nan, pháp hành của sa-môn và pháp hành của bà-la-môn. Hãy suy niệm tu hành. Chúng sanh nào hành pháp này, nhiên hậu mới được gọi là sa môn.

“Lại nữa, vì sao gọi là sa-môn? Các kết sử hoàn toàn lắng dịu, cho nên gọi là sa-môn.

“Lại nữa, vì sao gọi là bà-la-môn? Tận trừ pháp ngu hoặc, cho nên gọi là bà-la-môn.⁴⁹

“Lại nữa, vì sao gọi là sát-lợi? Do đã đoạn trừ dâm, nộ, si, nên gọi là sát-lợi.

“Cũng gọi là người Đã Tắm.⁵⁰ Thế nào gọi là Đã Tắm? Người ấy đã rửa sạch 21 kết sử, vì vậy gọi là Đã Tắm.

“Cũng gọi là giác. Thế nào gọi là giác? Vì đã giác ngộ pháp và pháp trí, nên gọi là giác.

“Cũng gọi là Bờ Kia. Thế nào gọi là Bờ Kia? Người ấy đã từ bờ này sang đến bờ bên kia, cho nên gọi là Bờ Kia.

“Này A-nan, những ai hành được pháp này, mới được gọi là sa-môn, bà-la-môn. Ý nghĩa như vậy, các người hãy suy niệm phụng hành.”

Bấy giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở giữa những người họ Thích,⁵¹ ngụ trong vườn Ni-câu-lưu, Ca-tỳ-la-việt, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

⁴⁹ Trong bản, chép là “phạm chí.” Định ngài từ bà-la-môn; Pāli: *brāhmaṇa*.

⁵⁰ Mộc dục 沐浴, một từ chỉ A-la-hán, người đã tắm sạch.

⁵¹ Nguyên Hán: Thích sí 釋翅, phiên âm từ tương đương Pāli: Sakkesu, sở y cách của từ Sakka.

Bấy giờ Vương tử Đề-bà-đạt-đâu đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đâu bạch Phật rằng:

“Cúi mong Thế Tôn chấp thuận cho con được vào đạo làm sa-môn.”⁵²

Phật bảo Đề-bà-đạt-đâu:

“Ông nên sống tại gia mà huệ thí phân-đàn.⁵³ Vì làm sa-môn thật không dễ.”

Đề-bà-đạt-đâu lặp lại ba lần, bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con tại hàng thấp nhất.”

Phật lại bảo:

“Ông nên sống tại gia, không nên xuất gia tu hạnh sa-môn.”

Lúc bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu liền có ý nghĩ rằng, “Sa-môn này có lòng tật đố. Nay ta cứ tự mình cạo đầu, khéo tu phạm hạnh. Cần gì sa-môn ấy.”⁵⁴

Rồi Đề-bà-đạt-đâu lui về, tự mình cạo tóc, khoác ca-sa, tự xưng “Ta là Thích tử.”

Bấy giờ có một Tỳ kheo tên là Tu-la-đà,⁵⁵ hành đầu đà khát thực, khoác y vá mảnh, thông suốt năm thân thông. Đề-bà-đạt-đâu đến chỗ Tỳ kheo này, cúi đầu lạy dưới chân, bạch rằng:

“Cúi xin Tôn giả thuyết giáo cho tôi, để tôi được an ổn lâu dài. **[802c]** Bấy giờ Tỳ kheo Tu-la-đà liền dạy các oai nghi lễ tiết, tư duy pháp này, theo học pháp này, vân vân. Đề-bà-đạt-đâu y

⁵² Nhân duyên Đề-bà-đạt-đâu xuất gia, cùng các Vương tử họ Thích, xem *Tứ phần 4* (tr. 590b13tt). Pali, *Cullavagga* vii. Vin. ii. 180ff.

⁵³ Phân-đàn huệ thí 分檀惠施. Pali: piṇḍadāyaka, bố thí vật thực. Xem cht. 46, kinh 2 phẩm 29.

⁵⁴ Có lẽ đây là truyền thuyết riêng của các nhà truyền Tăng nhất. Tất cả các bộ đều không thừa nhận giới cụ túc được phép tự thọ.

⁵⁵ Tu-la-đà, có thể đồng nhất với Pali Surādha, Theragāthā 135-6; nhưng không có liên hệ gì đến Devadatta.

theo lời dạy của Tỳ kheo ấy, không có điều gì sai sót. Sau đó, Đề-bà-đạt-đâu bạch Tỳ kheo rằng:

“Cúi xin Tôn giả chỉ dạy tôi đạo thần túc. Tôi có thể tu hành được đạo này.”

Khi ấy, Tỳ kheo này dạy cho ông đạo thần túc:

“Ông bây giờ phải học về sự khinh trọng của tâm ý. Sau khi đã biết tâm ý khinh trọng, lại phải phân biệt sự khinh trọng của bốn đại là đất, nước, lửa, gió. Sau khi đã biết sự khinh trọng của bốn đại, phải tu hành tam-muội tự tại. Sau khi hành tam-muội tự tại, lại phải tu tam-muội dừng mãi. Sau khi hành tam-muội dừng mãi, lại phải tu hành tam-muội tâm ý. Sau khi hành tam muội tâm ý, lại phải hành tam-muội tự giới.⁵⁶ Sau khi hành tam-muội tự giới, như vậy chẳng bao lâu sẽ thành tựu đạo thần túc.”

Đề-bà-đạt-đâu sau khi nhận sự chỉ giáo của thầy, tự biết sự khinh trọng của tâm ý. Sau đó lại biết sự khinh trọng của bốn đại. Rồi tu suốt hết thầy các tam-muội, không có điều gì sai sót. Không bao lâu, ông đắc đạo thần túc, bằng vô số phương tiện như vậy, ông biến hóa thành vô lượng. Lúc bấy giờ danh tiếng Đề-bà-đạt-đâu được lưu truyền khắp bốn phương.

Bấy giờ, bằng thần túc, Đề-bà-đạt-đâu lên cho đến cõi trời Tam thập tam lấy đủ các loại hoa ưu-bát, câu-mâu-đầu, đem dâng cho thái tử A-xà-thế, lại bảo:

“Hoa này xuất xứ từ trên trời Tam thập tam. Thích Đề-hoàn Nhân sai mang đến dâng Thái tử.”

Thái tử A-xà-thế thấy Đề-bà-đạt-đâu thần túc như vậy nên tùy thời cúng dường, cung cấp những gì cần thiết. Thái tử lại suy nghĩ: “Thần túc của Đề-bà-đạt-đâu thật khó ai sánh kịp.”

⁵⁶ Một cách trình bày khác về bốn thần túc (như ý túc): dục tam-ma-địa, cần (tinh tấn) tam-ma-địa, tâm tam-ma-địa, quán tam-ma-địa. Cf. *Tập dị 5* (tr.391c26).

Đề-bà-đạt-đâu lại ẩn hình biến thành đũa bọ, ngồi lên đùi của Thái tử. Lúc ấy, các thế nữ nghĩ thầm: “Đây là người gì? Quỷ chăng? Trời chăng?” Nói năng chưa dứt, Đề-bà-đạt-đâu hiện hình lại như cũ. Vương thái tử và các cung nhân đều ca ngợi: “Đây là Đề-bà-đạt-đâu.” Tức thì cung cấp cho những thứ cần dùng. Lại cho loan truyền lời này: “Danh đức của Đề-bà-đạt-đâu thật không thể ghi hết.”

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo nghe lời đồn này, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi bạch Phật rằng:

“Đề-bà-đạt-đâu có thần túc rất lớn, nên được các thứ y phục, ẩm thực, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Các ông chớ **[803a]** có khởi ý nghĩ ấy, mong đấm trước lợi ưỡng của Đề-bà-đạt-đâu. Lại cũng chớ khen tốt sức thần thông của ông ấy. Người đó sẽ vì thần túc mà đọa vào ba đường dữ. Lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đâu thu hoạch được, cùng với thần thông ấy rồi sẽ mất hết. Vì sao vậy? Đề-bà-đạt-đâu tự mình gây các hành vi thân, miệng ý, lại khởi lên ý tưởng rằng,⁵⁷ ‘Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc cao quý, ta cũng thuộc chủng tộc cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn Cù-đàm hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn. Ông ấy hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Tùy theo Sa-môn Cù-đàm niên hóa thể nào, ta sẽ biến hóa gấp bội.’”

⁵⁷ Trong đoạn này, văn dịch Hán hình như nhảy sót, nên thiếu mạch lạc so với đoạn tiếp theo. Từ đây trở xuống, nên xem là lời tự rao truyền của Đề-bà-đạt-đâu, chứ không lời tiên đoán của Phật.

Bấy giờ, có rất đông Tỳ kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu tự tuyên bố như vậy. Do đó, có 500 Tỳ kheo đi đến với Đề-Bà-đạt-đâu, và 550 Tỳ kheo nhận sự cúng dường của Thái tử.⁵⁸

Bấy giờ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bảo nhau:

“Chúng ta hãy đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đâu, nghe xem ông ấy thuyết pháp đề tài gì?”

Rồi hai vị cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đâu. Từ xa, Đề-bà-đạt-đâu thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, liền bảo các Tỳ kheo:

“Hai người ấy là đệ tử của Tất-đạt.”

Trong lòng ông rất vui sướng. Sau khi chào hỏi xong, họ ngồi xuống một bên. Các Tỳ kheo đều khởi lên ý nghĩ rằng, “Đệ tử của Phật Thích-ca nay đều theo Đề-bà-đạt-đâu hết.”

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu nói với Xá-lợi-phất:

“Nay Thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ kheo không? Tôi muốn nghỉ một chút. Vì hơi đau lưng.”

Rồi Đề-bà-đạt-đâu nằm nghiêng hông bên phải, hai bàn chân chồng lên nhau, vì trong lòng rất vui sướng, nên ngủ liền.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thấy Đề-bà-đạt-đâu ngủ rồi, liền dùng thần túc tiếp các Tỳ kheo bay lên hư không mà đi. Khi Đề-bà-đạt-đâu thức dậy, không thấy các Tỳ kheo, vô cùng tức giận, phun ra lời này, “Ta không trả được oán này, sẽ không gọi là Đề-bà-đạt-đâu nữa.” Đây là lần thứ nhất Đề-bà-đạt-đâu phạm tội ác ngữ nghịch.⁵⁹ Khi Đề-bà-đạt-đâu vừa khởi lên ý nghĩ ấy, tức thì mất thần túc.

⁵⁸ Các Luật bộ đều nói, Đề-bà-đạt-đâu đề nghị Phật chấp thuận 5 điều luật mới khắt khe hơn. Phật bác bỏ. Đề-bà-đạt-đâu tự công bố luật mới. 500 Tỳ kheo tách khỏi Tăng đi theo. Tăng bị vỡ.

⁵⁹ Đây muốn nói Đề-bà-đạt-đâu phạm tội phá hòa hiệp tăng. Nhưng diễn tiến câu chuyện được kể trên đây, nếu theo phân tích của các bộ luật, không hội đủ yếu tố để thành phá Tăng. Nên nghi ngờ chuyện kể ở đây không phải chính thống, mà chỉ là một loại truyền thuyết nhân gian, thiếu căn bản Luật và Pháp.

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Tỳ kheo Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, có thể phá hoại Thánh chúng.⁶⁰”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Không chỉ ngày nay Đề-bà-đạt-đâu mới **[803b]** phá hoại Thánh chúng, mà trong đời quá khứ cũng đã thường xuyên phá hoại Thánh chúng. Vì sao vậy? Trong quá khứ, đã hoại Thánh chúng, ông lại khởi ác niệm rằng,⁶¹ ‘Ta sẽ bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi. Để trong ba cõi này ta là Phật độc tôn, không có ai ngang lữa.’”

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đâu nói với thái tử A-xà-thế⁶²:

“Thưa xưa, thọ mạng con người rất dài. Ngày nay rất ngắn. Giả sử Vương Thái tử một mai chết đi, thật là uổng phí sanh ra trên đời. Sao ngài không bắt Vua cha giết đi để nối ngôi Thánh vương? Còn tôi, sẽ giết Như Lai để được làm Phật. Vua mới, Phật mới, không khoái lắm sao?”⁶³

A-xà-thế liền sai người giữ cửa bắt vua cha nhốt vào ngục, tự lập làm vua cai trị nhân dân. Bấy giờ dân chúng bàn bạc với nhau: “Người con này khi chưa sanh đã là đứa con oan gia.” Nhân đó, họ gọi là vua A-xà-thế. Đề-bà-đạt-đâu đã nhốt vua cha rồi, bèn khởi ý tưởng này: “Ta phải bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi.”

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở bên sườn một hòn núi nhỏ trong núi Kỳ-xà-quật. Đề-bà-đạt-đâu leo lên núi Kỳ-xà-quật, tay bưng một tảng đá lớn, dài 30 khủy tay, rộng 15 khủy tay, ném vào Thế Tôn. Ngay lúc đó, thần núi là quỷ Kim-tỳ-la, thường trực sống trên núi này, thấy Đề-bà-đạt-đâu ôm đá ném Phật, liền đưa tay ra đón lấy rồi để xuống chỗ khác. Trong lúc

⁶⁰ Hán: hoại Thánh chúng 壞聖眾, tức phá Tăng, hay phá hòa hiệp Tăng.

⁶¹ Đoạn văn thiếu mạch lạc xét theo ngữ cảnh. Hán dịch có thể nhảy sót.

⁶² Trong đề bản: A-xà-thế vương.

⁶³ Xem kinh 11 phẩm 17.

đó, một mảng đá vụn văng trúng chân Như Lai, tức thì chảy máu. Thế Tôn trong thấy Đê-bà-đạt-đâu, liền nói:

“Người nay khởi ý muốn hại Như Lai. Đây là tội ngũ nghịch thứ hai.”

Khi ấy, Đê-bà-đạt-đâu nghĩ thầm: “Giờ ta không giết được Sa-môn Cù-đàm này, sẽ tìm phương tiện khác.” Rồi bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế, tâu vua rằng:

“Vua hãy cho con voi Đen uống rượu say, để nó giết Sa-môn.⁶⁴ Vì sao? Con voi này rất hung bạo. Nhất định nó sẽ giết sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, ngày mai sẽ không vào thành khát thực. Nếu ông không có nhất thiết trí, ngày mai chắc sẽ vào thành khát thực, và sẽ bị con voi dữ này giết.”⁶⁵

Vua A-xà-thế liền sai cho voi uống rượu thuần⁶⁶ cho thật say, và bố cáo dân chúng trong nước biết:

“Những ai muốn yên ổn, tiếc mạng sống, ngày mai, không ai được đi lại trong thành.”

Bấy giờ, đến giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành La-duyệt [803c] khát thực. Trong nước, trai gái lớn nhỏ, chúng bốn bộ, nghe vua A-xà-thế cho voi uống rượu để hại Như Lai, ai nấy đều đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn chớ vào thành La-duyệt khát thực. Vì sao? Vua A-xà-thế cho voi uống rượu say để hại Như Lai.”

Phát bảo các ru-bà-tắc:

“Phàm là Đẳng chánh giác, không ai có thể hại được.”

Thế Tôn tuy có nghe lời ấy, nhưng vẫn vào thành. Con voi dữ khi trông thấy Phật từ xa, nó bùng cơn thịnh nộ, nhắm chạy

⁶⁴ Truyện kể trên, kinh 5 phẩm 18.

⁶⁵ Xem kinh 5 phẩm 18.

⁶⁶ Hán: thuần tửu 醇酒, một loại rượu cực mạnh.

đến Như Lai, để giết. Phật thấy con voi chạy đến, liền nói bài kệ:

*Voi chớ có hại Rồng,
Khó gặp Voi rồng⁶⁷ hiện.
Do bởi không giết Rồng,
Mà được sanh cõi lành.⁶⁸*

Con voi ấy sau khi nghe Như Lai nói bài kệ này, liền quỳ xuống liếm chân Như Lai. Trong lòng con voi khi ấy hối hận không yên, nên nó mạng chung, liền được sanh lên trời Tam thập tam.

A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đâu thấy con voi đã chết, buồn bã vô cùng. Đề-bà-đạt-đâu nói với vua:

“Sa-môn Cù-đàm đã giết chết con voi rồi.”

A-xà-thế nói:

“Sa-môn Cù-đàm này có thần lực rất lớn, có nhiều kỹ thuật, lại có chú thuật mới giết được con voi rồng đó.”

Rồi A-xà-thế lại nói:

“Sa-môn này rất có oai đức đầy đủ, nên rốt cuộc không bị voi dữ giết.”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Sa-môn Cù-đàm có chú làm huyền hoặc, khiến cho các dị học ngoại đạo bị khuất phục hết, huống gì loài súc sanh.”

Khi ấy Đề-bà-đạt-đâu lại nghĩ thầm: “Ta nay quán sát thấy tâm ý vua A-xà-thế muốn cải đổi. Thế rồi Đề-bà-đạt-đâu rầu rĩ không vui, đi ra khỏi thành La-duyệt.

Lúc bấy giờ Tỳ kheo ni Pháp Thi⁶⁹ trông thấy Đề-bà-đạt-đâu từ xa đi đến, cô nói với ông:

⁶⁷ Nguyên hán: long tượng 龍象, chỉ loại voi chúa.

⁶⁸ Bài kệ, như knh 5 phẩm 18.

“Ông đã gây tội lỗi cực kỳ. Nay sám hối còn dễ; để sau nay thì rất khó.”

Đề-bà-đạt-đâu nghe lời này, lại càng tức giận, trả lời rằng:

“Con tiện tỳ trọc này, tội lỗi gì mà nay dễ, sau khó?”

Tỳ kheo ni Pháp Thí đáp:

“Ông đã đi theo kẻ ác, lại tạo gốc rễ bất thiện.”

Cơn lửa giận trong người Đề-đạt-đâu liền cháy bùng bùng; tức thì ông lấy tay đánh chết Tỳ kheo ni **[804a]**. Như vậy, Đề-đạt-đâu đã giết bậc Chân nhân.⁷⁰

Sau đó, ông trở về phòng của mình, nói với các đệ tử:

“Các người nên biết, ta đã có chủ ý nhắm đến Sa-môn Cù-đàm, nhưng theo nghĩa lý thì không phù hợp. Vì La-hán lại khởi ác ý nhắm đến A-la-hán. Ta nay nên hướng đến ông ấy mà sám hối.”

Đề-bà-đạt-đâu vì vậy mà buồn bã không vui, chẳng bao lâu lâm trọng bệnh. Ông bảo đệ tử:

“Ta không còn sức lực nào để đi gặp Sa-môn Cù-đàm. Các người hãy dìu ta đi đến chỗ Sa-môn.”

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đâu lấy thuốc độc bôi lên đầu móng tay; sau đó bảo đệ tử:

“Các người hãy cáng ta đến chỗ Sa-môn kia.”

Các đệ tử liền cáng Đề-bà-đạt-đâu đi đến chỗ Thế Tôn. A-nan trông thấy Đề-bà-đạt-đâu từ xa đang đến, liền bạch Thế Tôn:

“Đề-bà-đạt-đâu nay đến đây, chắc đã có tâm hối hận, muốn đến Như Lai cầu sám hối sửa đổi lỗi lầm.”

⁶⁹ Pháp Thí 法施. Trên kia, kinh 2 phẩm 5, phiên âm là Đàm-ma-đề-na. Đồng nhất với Pali, Dhammānā, đệ nhất thuyết pháp trong các Tỳ kheo ni. Cf. A.i. 25

⁷⁰ Tội ngũ nghịch thứ ba: giết A-la-hán. Vì Tỳ kheo ni này là một A-la-hán. Nhưng không thấy truyền thuyết nơi khác Tỳ kheo ni ấy bị Đề-bà-đạt-đâu giết.

Phật bảo A-nan:

“Đề-bà-đạt-đâu không bao giờ có thể đi đến chỗ Thế Tôn.”

A-nan ba lần lặp lại, bạch Phật

“Nay Đề-bà-đạt-đâu muốn đến Như Lai cầu xin sám hối lỗi lầm..”

Phật nói với A-nan:

“Con người ác này không bao giờ có thể đi đến chỗ Như Lai. Con người này, hôm nay mạng căn đã chín.”

Khi đến chỗ Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đâu nói với các đệ tử:

“Nay ta không nên nằm mà gặp Như Lai. Hãy để ta xuống giường rồi gặp Như Lai.”

Khi Đề-bà-đạt-đâu vừa đặt chân xuống đất, ngay lúc ấy từ trong đất một ngọn lửa theo gió nổi lên bao phủ thân Đề-bà-đạt-đâu. Đề-bà-đạt-đâu trong khi bị ngọn lửa thiêu đốt, liền phát sanh tâm hối hận đối với Như Lai, vừa muốn xưng “Nam mô Phật” nhưng rốt cuộc không phát ra được tiếng “Nam mô Phật” mà rơi ngay xuống địa ngục.

A nan sau khi thấy Đề-bà-đạt-đâu rơi xuống địa ngục, liền bạch Thế Tôn rằng:

“Đề-bà-đạt-đâu hôm nay mạng chung mà vào trong địa ngục chẳng?”

Phật nói”

“Đề-bà-đạt-đâu không phải vì diệt tận mà đạt đến Niết-bàn. Nay Đề-bà-đạt-đâu khởi ác tâm nhắm đến Như Lai; khi thân hoại mạng chung, rơi xuống địa ngục.”

Khi ấy A-nan buồn rầu rơi lệ không thể dùng được. Phật bảo A-nan:

“Vi sao mà ông khóc?”

A nan bạch Phật:

“Con nay tâm dục ái chưa hết, chưa đoạn dục, nên mới buồn khóc vậy.”

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

[804] *Như người tự gây hành
Tự xét trở lại gốc.
Điều thiện nhận báo thiện;
Điều ác nhận báo ác.
Người đời ạo hành ác,
Chết, chịu khổ địa ngục.
Nếu có đạo hành thiện,
Chuyển thọ lộc trời.
Đây không phải lỗi Phật;
Người có gì mà buồn?*

A nan bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu thân hoại mạng chung sanh vào chỗ nào?”

Phật bảo A-nan:

“Nay Đề-bà-đạt-đâu này thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục. Vì sao vậy? Do ông ấy đã tạo tội ác ngũ nghịch, nên chịu quả báo ấy.”

A nan lại bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn, như lời dạy của Thánh tôn. Thân quá khứ đã làm ác; thân hiện tại vào địa ngục. Vậy thì, vì sao nay con lại buồn khóc rơi lệ? Bởi vì Đề-bà-đạt-đâu không tiếc danh hiệu dòng họ, chủng tánh, cũng không vì cha mẹ, tôn trưởng. Ông đã làm nhục dòng học Thích, hủy hoại môn hộ của chúng ta. Nhưng Đề-bà-đạt-đâu hiện thân vào địa ngục, thật sự không thích hợp. Vì sao vậy? Môn hộ chúng tộc của chúng ta xuất từ ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Đề-bà-đạt-đâu xuất thân từ chủng tộc của vua, không nên hiện thân vào địa ngục. Đáng lẽ, Đề-bà-đạt-đâu hiện thân dứt sạch các lậu, thành vô lậu, tâm được giải thoát, ở trong hiện thân mà thọ chứng quả, biết như thật rằng sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa. Tập theo dấu tích bậc Chân nhân, đắc A-la-hán, ở nơi Niết bàn giới vô dư mà bát-niết-bàn. Không dè hiện thân này lại vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đâu khi

xưa có oai thần rất lớn, rất có thần đức, nên mới lên đến trời Tam thập tam, biến hóa tự do, há có thể tưởng người đó lại vào địa ngục! Thế Tôn, không rõ Đê-bà-đạt-đâu ở trong địa ngục trải qua bao nhiêu năm?”

Phật bảo A-nan:

“Con người này ở trong địa ngục trải qua một kiếp.”

A nan lại bạch Phật:

“Nhưng kiếp có hai loại. Có đại kiếp, có tiểu kiếp. Không rõ người này chịu theo kiếp nào?”

Phật nói:

“Người này trải qua đại kiếp. Nói đại kiếp, là khi con số kiếp của Hiền kiếp này tận cùng. Khi ấy, hành tận, mạng chung, trở lại làm người.”

A nan [804c] bạch Phật:

“Đê-bà-đạt-đâu đã vùi lấp hết gốc rễ làm người, rồi sau khỏi phục trở lại. Vì sao vậy? Con số của kiếp rất lâu dài. Phạm đại kiếp không dài quá Hiền kiếp.”

Rồi A-nan lại buồn khóc, nghẹn ngào, không vui; lại bạch Phật:

“Đê-bà-đạt-đâu ra khỏi địa ngục sẽ sanh về đâu?”

Phật nói:

“Đê-bà-đạt-đâu mạng chung ở đó, rồi sẽ sanh lên trời Tứ thiên vương.”

A nan lại hỏi:

“Sau khi mạng chung ở trời này, lại sanh về đâu?”

Phật nói với A-nan:

“Sau khi mạng chung ở đó, lần lượt sanh lên trời Tam thập tam, trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại.”

A nan lại hỏi:

“Tù đó mạng chung, lại sanh vào chỗ nào?”

Phật bảo A-nan:

“Ồ đay, Đề-bà-đạt-đâu từ địa ngục chết đi, sanh vào cõi lành, sanh lên trời, trải qua 60 kiếp không rơi vào ba đường dữ; qua lại cõi trời, cõi người, đến thân cuối cùng, sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.”

Bấy giờ A-nan bước tới trước bạch Phật:

“Nhu vậy Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đâu do ác báo của mình mà bị dẫn xuống địa ngục chịu tội. Nhưng ông đã làm công đức gì mà trải qua 60 kiếp sanh tử không phải thọ khổ não, và cuối cùng lại thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô?”

Phật bảo A-nan:

“Tâm ý thiện trong khoảnh khắc búng ngón tay mà phước ấy khó có thể thí dụ. Huống hồ Đề-bà-đạt-đâu thông kim bác cổ, tụng tập rất nhiều, ghi nhớ tổng trì các pháp, điều gì đã nghe rồi thì không quên. Đề-bà-đạt-đâu này xưa vì thù oán mà khởi tâm muốn hại Như Lai. Nhưng cũng do duyên báo tử quá khứ xa xưa, vì đã khởi tâm hoan hỷ hướng đến Như Lai. Do nhân duyên báo ứng này, trong 60 kiếp không đọa ba đường dữ. Lại do Đề-bà-đạt-đâu vào giây phút cuối cùng trước khi mạng chung đã khởi tâm vui vẻ xưng ‘Nam mô Phật’, cho nên sau này thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.”

Khi ấy A-nan bước lên trước Phật, lặp lại trình bày của mình:

“Vâng, bạch Thế Tôn, như lời Phật⁷¹ dạy.”

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiền-liên bước lên trước Phật bạch rằng:

“Con nay muốn vào trong địa ngục, thuyết yếu hành⁷² cho Đề-bà-đạt-đâu, để ủy lạo và chúc mừng ông ấy.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

⁷¹ Để bản; thần. Bản khác: Phật thần.

⁷² Hán: yếu hành; đây chỉ hành trạng tương lai mà Phật dự báo.

“Ông nên biết rõ, chớ có đường đột khinh suất, mà hãy chuyên tâm chánh ý, không để loạn tưởng. Vì sao vậy? Chúng sanh có hành vi cực ác khó mà khắc chạm⁷³ cho thành, vì vậy mới đọa vào địa ngục. Lại nữa, tội nhân ấy không hiểu tiếng nói [805a] trao đổi của nhân gian.”

Mục-kiền-liên bạch Phật:

“Con ở đây hiểu biết 64 thứ ngôn ngữ. Con sẽ bằng tiếng nói thích hợp mà trao đổi với người ấy.”

Phật bảo Mục-liên:

“Ông nên biết lúc thích hợp.”

A nan nghe những lời này, hoan hỷ phần khởi không dừng được. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên bước lên trước lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngay trước Phật, trong khoảnh khắc chừng lực sỹ co duỗi canh tay, biến mất và đi đến địa ngục A-tỳ. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên ở trên hư không trong địa ngục A-tỳ búng ngón tay gọi:

“Đề-bà-đạt-đâu.!”

Nhưng Đề-bà-đạt-đâu im lặng không trả lời. Các ngục tốt hỏi Mục-liên:

“Ông gọi Đề-bà-đạt-đâu nào?”

Rồi ngục lại bạch:

“Ở đây cũng có Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Câu-lâu-tôn; Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni; Đề-bà-đạt-đâu thời Phật Ca-diếp; cũng có Đề-bà-đạt-đâu tại gia; cũng có Đề-bà-đạt-đâu xuất gia. Ông Tỳ kheo! Nay đích thực ông muốn gọi Đề-bà-đạt-đâu nào?”

Mục-liên đáp:

“Đề-bà-đạt-đâu mà tôi muốn gọi là con của chú của Phật Thích-ca Văn. Tôi muốn gặp ông ấy.”

⁷³ Để bàn: điêu, khắc chạm. bản khác: điêu: điêu phục.

Khi ấy, ngục tốt cầm cây chia sắt, hoặc cầm ngọn lửa đỏ, châm đốt vào thân ông ấy để cho tỉnh giấc. Thân thể Đề-bà-đạt-đâu lúc bấy giờ bị ngọn lửa đốt cao 30 khuỷu tay. Ngục tốt bảo:

“Nhà ngươi, gả ngu si, sao còn ngủ?”

Đề-bà-đạt-đâu đang bị đủ các thứ khổ bức bách, trả lời:

“Hôm nay ông dạy bảo điều gì?”

Ngục tốt lại nói:

“Ngươi hãy ngược mắt nhìn lên trời xem.”

Theo lời ấy Đề-bà-đạt-đâu ngược mắt nhìn lên hư không, thấy Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già trên một đóa hoa sen báu, như mặt trời đang vén đám mây. Thấy vậy Đề-bà-đạt-đâu nói bài kệ:

*Ai đó hiện thiên quang,
Như mặt trời vén mây?
Cũng như tụ núi vàng,
Không một chút bụi dơ?*

Mục-liên trả lời bằng bài kệ:

*Ta là con Thích tôn,
Đáng dòng họ Cù-đàm.
Là Thanh văn của Ngài,
Tên gọi Đại Mục-liên.*

Đề-bà-đạt-đâu nói với Mục-liên:

“Tôn giả Mục liên, vì sao khuất hận đến đây? Chúng sanh trong đây đã gây vô lượng tội ác, khó mà khai hóa được. Vì đã không [805b] tạo thiện căn nên sau khi mạng chung sanh vào đây.”

Mục-liên đáp:

“Tôi được Phật sai đến đây. Vì thương tưởng, muốn giúp nhỏ bứt cội khổ.”

Nghe đến tiếng Phật, Đề-bà-đạt-đâu hoan hỷ phấn khởi không dùng được, liền nói lên lời này:

“Cúi mong Tôn giả kịp thời nói rõ, Như Lai Thế Tôn có dạy điều gì. Ngài lại không tiên báo cội nguồn⁷⁴ của nẻo dữ nữa chẳng?”

Mục-liên nói:

“Đề-bà-đạt-đâu, chớ có kinh sợ. Cực khổ của địa ngục không đâu hơn nơi này nữa. Đức Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, thương xót đến hết thủy loài bò bay máy cựa, như mẹ yêu con, tâm không phân biệt, đúng hợp thời cơ thì diễn giáo nghĩa, không để mất đầu mối, cũng không nghịch với từng loại mà diễn nói quá lượng. Nay, từ chính kim khẩu của Ngài ký thuyết, ông trước kia khởi ác ý muốn hại Thế Tôn, lại lôi kéo người khác chạy theo đường ác.⁷⁵ Do nhân duyên báo ứng này mà sanh vào địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp không có ngày ra. Hết số kiếp này, hành đã hết, mạng chung, sẽ sanh lên trời Tứ thiên vương, lần lượt sanh lên Tam thập tam, Diệm, thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Trong 60 kiếp, không rơi vào nẻo dữ. Châu lưu giữa cõi trời và cõi người, sau cùng thọ thân trở lại làm người, cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, sẽ thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô. Sở dĩ như vậy, do khi ông sắp chết, đã ung ‘Nam mô’ nên mới có danh hiệu này. Nay đức Như Lai quán sát thấy thiên ngôn Nam mô này, nên nói trong 60 kiếp ông sẽ thành Bích-chi-phật với danh hiệu ấy.”

Đề-bà-đạt-đâu nghe xong những lời này, hoan hỷ phấn khởi, tâm thiện phát sanh, lại bạch Mục-liên:

“Những điều Như Lai nói tất nhiên không thể nghi ngờ, vì thương xót chúng sanh mà cứu vớt vô lượng, đại từ, đại bi, giáo hóa bao trùm đến kẻ ngu hoặc. Dù nay tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp, tâm ý chuyên chánh, không hề mệt mỏi.”

⁷⁴ Đề bản chép: vô. Nghi là chữ *nguyên* chép nhầm.

⁷⁵ Đề bản: vô do. bản khác: ác nguyên.

Bấy giờ Mục-liên nói với Đề-bà-đạt-đâu:

“Thế nào, bây giờ nỗi thống khổ của ông có thêm bớt gì không?”

Đề-bà-đạt-đâu đáp:

“Thân tôi thống khổ chỉ tăng chứ không giảm. Nay nghe được Như Lai đã thọ ký cho danh hiệu, thống khổ có hơi giảm chút ít nhưng không đáng kể.”

Mục-liên hỏi:

“Căn nguyên thống khổ mà ông đang chịu giống như thứ gì?”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Bằng [805c] bánh xe sắt nóng cán cho thân tan rã; rồi lại bằng chày sắt giã nát thân hình tôi; con voi đen hung bạo dày xéo thân tôi. Lại có ngọn núi lửa đến trán vào mặt tôi. Ca-sa ngày xưa nay biến thành tấm đồng đỏ rực đến quàng lên thân tôi. Tình trạng thống khổ nguyên lai như vậy.”

Mục-liên nói:

“Ông có biết nguồn gốc tội lỗi xưa mà nay phải phải chịu khổ não này chăng? Tôi phân biệt từng thứ, ông có muốn nghe không?”

Đề-bà-đạt-đâu nói:

“Thưa vâng, xin hợp thời thì nói.”

Khi ấy Mục-liên nói bài kệ này:

*Xưa nơi đáng Tôi thắng,
Ông phá hoại chúng Tăng;
Nay bị chày sắt nóng
Giã nát thân hình ông.
Bởi vì đại chúng kia
Là Thanh văn đệ nhất;
Gây đầu loạn chúng Tăng;
Nay bị bánh sắt cán.

Xưa ông đã xúi vua*

*Cho Voi Đen uống say;
Nay bị đám voi đến,
Dày xéo thân hình ông.*

*Xưa ông ôm đá lớn,
Ném vào chân Như Lai;
Nay chịu báo núi lửa,
Đốt ông cháy không sót.*

*Xưa ông vung tay đấm,
Giết chết Tỳ kheo nỳ;
Nay bị lá đồng nóng,
Quần siết không chút lỏng.*

*Nghiệp báo không hề mất.
Không thể ẩn trong không
Mà tránh thoát được,
Xa các nguồn ác này.*

“Ông trước kia là Đề-bà-đạt-đầu, căn nguyên mà ông đã gây ra chính là như vậy. Hãy tự chuyên tâm chánh ý hướng đến Phật Như Lai, trong lâu dài sẽ được phước vô lượng.”

Đề-bà-đạt-đầu lại bạch Mục-liên:

“Nay tôi gởi nhờ Mục-liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, cầu mong Ngài đi đứng nhẹ nhàng, bước đi khỏe mạnh. Cũng xin kính lễ Tôn giả A-nan.”

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-liên-phóng đại thần túc khiến cho thống khổ trong địa ngục A-tỳ ngưng lại. Rồi nói bài kệ này:

*Thầy xưng Nam mô Phật
Thích Sư, đáng Tối thắng.
Ngài đem lại an ổn,
Dứt trừ các khổ ão.*

Chúng sanh trong địa ngục sau khi nghe Mục-liên nói bài kệ này, có hơn sáu vạn người hành nghiệp hết, tội sạch, tức thì mạng chung nơi đó mà sanh lên trời Tứ thiên vương.

Bấy giờ Mục-liên [806a] thâm thân tức lại, trở về chốn cũ, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Mục-liên khi ấy bạch Phật:

“Đề-bà-đạt-đâu dâng lời thăm hỏi vô lượng, đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Lại cũng thăm hỏi A-nan và nói lời này, ‘Được Như Lai thọ ký trong 60 kiếp nữa thành Bích-chi-phật hiệu Nam-mô, thì dù tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ không bao giờ thấy mệt mỏi.’”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, lành thay, Mục-liên! Ông đã làm được nhiều điều lợi ích, nhiều thắm nhuận, vì thương xót các loài chúng sanh, mong cầu an lạc cho trời và người, khiến cho Thanh văn của chư Như Lai dần dần đạt đến Niết-bàn diệt tận. Cho nên, này Mục-liên, hãy tinh cần để thành tựu ba pháp. Vì sao? Nếu Đề-bà-đạt-đâu mà tu hành thiện pháp, thân ba, miệng bốn, ý ba; người ấy chung thân không tham đắm lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch để đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Phạm người tham đắm lợi dưỡng cũng (không)⁷⁶ có tâm cung kính đối với Tam bảo, cũng không phụng trì cấm giới, không đầy đủ các hành thân, miệng, ý. (Vây, các người) hãy chuyên niệm các hành của thân, miệng, ý. Như vậy, Mục-liên, hãy học điều này.”

Bấy giờ Mục-liên nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

⁷⁶ Nghi trong đề bản chép thiếu.

“Nếu chúng sanh nào tu hành từ tâm giải thoát,⁷⁷ quảng bố ý nghĩa ấy, diễn nói cho người khác nghe, sẽ thu hoạch được mười một quả báo. Những gì là mười một? Nằm ngủ yên, tỉnh giấc yên, không thấy ác mộng, chư thiên hộ vệ, mọi người yêu mến, không bị độc, không bị binh đao, không bị nước, lửa, giặc cướp; thấy đều không bị xâm hại; sau khi thân hoại mạng chung sanh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỳ kheo tu hành từ tâm sẽ có được mười một phước này.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu ai hành từ tâm,
Cũng không hành phóng dật;
Các kết dần dần đoạn,
Rồi thấy được dấy đạo.*

*Do hành từ tâm này,
Sẽ sanh lên Phạm thiên;
Nhanh chóng được diệt độ,
Cuối cùng đến Vô vi.*

*Tâm không sát, không hại,
Cũng không ý hơn thua;
Hành từ đến tất cả,
Không hề tâm oán hận.*

[806b] “Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi từ tâm, quảng bố nghĩa ấy. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bây giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁷⁸

⁷⁷ Tu từ vô lượng tâm.

⁷⁸ Bản hán, hết quyển 47.

PHẨM 50: LỄ TAM BẢO

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn lễ bái chùa tháp¹ Như Lai, hãy hành mười một pháp lễ tháp Như Lai. Những gì là mười? Khởi ý dừng mãnh, vì có điều khả kham. Ý không tán loạn, vì hằng nhất tâm. Thường niệm chuyên ý, vì có chí quán. Các niệm vắng lặng, vì nhập tam-muội. Ý đến vô lượng, do bởi trí tuệ. Ý khó quán sát, do bởi hình². Ý tĩnh đạm nhiên, do bởi oai nghi. Ý không rong ruổi, do bởi danh xưng. Ý không tương tượng, do bởi sắc. Phạm âm khó sánh, vì diệu dàng.

“Này các Tỳ kheo, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn lễ bái tháp miếu Như Lai, nên đầy đủ mười một pháp lễ bái tháp miếu Như Lai này, để cho lâu dài được phước vô lượng. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

¹ Nguyên Hán: Như Lai thần tự 神寺.

² Đây chỉ hình tướng của Phật.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Pháp, hãy niệm mười một sự, rồi sau đó hành lễ bái Pháp. Những gì là mười một? Có mạn hãy trừ mạn. Phàm chánh pháp là nhắm dứt tướng khát ái đối với dục. Phàm chánh pháp là nhắm trừ dục ở nơi dục. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt dòng nước sâu sanh tử. Phàm chánh pháp là nhắm đạt được pháp bình đẳng. Nhưng chánh [806c] pháp này nhắm đoạn trừ các nẻo dữ, và rồi chánh pháp nhắm đưa đến cõi lành. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt lưới ái. Người hành chánh pháp là đi từ có đến không. Người hành chánh pháp thì sáng tỏ không đâu không rọi đến. Người hành chánh pháp là để đi đến Niết-bàn giới.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Pháp, hãy tư duy mười một pháp này. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành lễ bái Tăng, hãy chuyên cần mười một pháp, rồi sau đó mới hành lễ bái Tăng. Những gì là mười một? Chúng của Như Lai là những vị đã thành tựu pháp. Chúng của Như Lai hòa hiệp trên dưới. Tăng của Như Lai đã thành tựu pháp tùy pháp. Chúng của Như Lai thành tựu giới; thành tựu tam-muội; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến huệ. Thánh chúng của Như Lai thủ hộ Tam bảo. Thánh chúng Như lại hay hàng phục dị học ngoại đạo. Thánh chúng của Như Lai là bạn tốt, và là ruộng phước cho hết thầy thế gian.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn lễ bái Tăng, hãy tư duy mười một pháp này, sẽ được phước báo lâu dài. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo và troiừ, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, A-tu-la, ca-lưu-la, nhân-đà-la, ma-huru-lặc, trời và người, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4³

Tôi nghe như vậy:

Một thời Bà-già-bà trú tại nước Ma-kiệt-đà, phía đông thành Mật-thí-la, trong vườn Đại thiên,⁴ cùng với Tăng Tỳ kheo 1250 vị.

Bấy giờ, sau bữa ăn,⁵ cùng với A-nan đi kinh hành trong vườn cây. Lúc đó Phật mỉm cười. A-nan nghĩ thầm: “Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, không cười suông. Nay vì sao cười? tất phải có ý gì. Ta nên hỏi.” A-nan bèn sửa lại y phục, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hỏi Phật:

“Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, không cười suông. Hôm nay vì sao mỉm cười, tất có ý gì. Con mong được nghe ý ấy.”

Phật nói với A-nan:

“Ta sẽ nói cho ông nghe.

“Quá khứ, khởi đầu Hiền kiếp, trong khoảng đó có vị Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn thiên hạ, [807a] tên là Đại

³ Tham chiếu Pali, M 83 Makkhādeva (R. ii. 74). Hán, *Trung13*, kinh 67.

⁴ Mật-thí-la 蜜瀋 (土反利) 羅. Trung 13: Phật tại nước Tỳ-đà-đề 鞞陀提, rồi đi đến Di-tát-la 彌薩羅; ngụ trong vườn xoài Đại thiên 大天奈林. Pali: Phật trú tại Mithilā, trong khu vườn xoài Makkhādeva. Mihilā là thủ của vương quốc Videha. Bản Hán đồng nhất Videha với Magadha.

⁵ Nguyên hán: thực hậu khởi 食後起, dịch nghĩa đen là “ăn xong đứng dậy.” Trung 13, ibid. Thế tôn đang đi trên con đường. Pali: *aññatarasmim padese*, tại một địa điểm nọ.

Thiên,⁶ sống lâu, không bệnh, đẹp đẽ, dũng mãnh, cai trị bằng chánh pháp, không hao phí của dân, có bảy báu tự nhiên. Những gì là báu? Đó là, bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, quan chủ kho tàng, tướng điểu binh.

“Này Anan, thời gian ấu thơ của vua Đại Thiên là tám vạn bốn nghìn năm. Thời gian làm thái tử là tám vạn bốn nghìn năm. Thời gian lên ngôi Thánh vương là tám vạn bốn nghìn năm.”

A nan hỏi Phật:

“Thế nào là báu bánh xe?”

Phật nói:

“Ngày thứ 15 trong tháng, khi trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng với thể nữ lên lầu, nhìn về phía đông. Khi ấy có bánh xe bằng vàng có một nghìn cãm, cao bằng bảy đa-la. Bảy nhẫn là một đa-la. Đa-la là loại cây đứng thẳng một mình,⁷ lấy nó làm chuẩn đo. Bánh xe làm bằng thuần vàng tử ma. Thấy bánh xe, vua nghĩ thầm: ‘Bánh xe này tuyệt đẹp. Ta muốn bắt nó, có được chăng?’ Vừa nghĩ xong, bánh xe tức thì đến trên tay trái của vua, rồi dời qua tay phải. Vua nói với bánh xe, ‘Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy chêm lấy cho ta. Lấy đúng pháp chứ không phải không đúng pháp.’ Nói xong, bánh xe quay trở lại giữa hư không. Vành hướng về phía đông, trục hướng về phía bắc.

“Vua ra lệnh kẻ tả hữu cộ bị bốn loại binh chủng. Sau khi chuẩn bị xong, vua dẫn binh chủng di theo bánh xe đứng giữa hư không, theo bánh xe dân về hướng đông, tuần hành cho đến tận cùng bờ cõi phía đông. Buổi tối, vua cùng binh chủng ngủ bên dưới bánh xe. Các Tiểu vương ở bờ cõi phía đông, vào buổi sáng sớm, đều đến chào, những cống vật nếu là bằng bát

⁶ Đại Thiên 大天. Pali: Makkhādeva.

⁷ Độc đĩnh thọ 獨挺樹. Pali (Skt.): *tāla*, một loại cây cọ, lá hình quạt. Thường dùng so sánh chiều cao. Đoạn này nghi do dịch giả Hán thêm vào chứ không có trong nguyên bản Phạn.

vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu, ‘Hoan nghênh Đại vương! Tất cả đất đai, trăn bảo, nhân dân ở bờ cõi phía đông này, thấy đều sở hữu của Vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương.’ Vua Đại Thiên trả lời các Tiểu vương: ‘Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái.’

“Vua giáo sắc xong, bánh xe liền ở trên biển quay trở lại, nương theo quỹ tròn⁸ mà đi. Trong biển tự nhiên mở ra một con đường rộng một do-tuần. Vua cùng binh chủng đi theo bánh xe, nhắm phía trước tuần hành, tiến về bờ cõi phía nam.

“Buổi sáng, các Tiểu vương trong bờ cõi phía nam đến châu. Họ mang cống vật đến dâng, nếu là bát vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu, ‘Hoan nghênh Đại vương! Tất cả đất đai, trăn bảo, nhân dân ở bờ cõi phía nam này, thấy đều sở hữu của Vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương.’ Vua Đại Thiên trả lời các Tiểu vương: ‘Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, **[807b]** hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái.’

“Giáo sắc xong, bánh xe quay về về tây, tiến về bờ cõi phía tây. Các Tiểu vương trong bờ cõi phía tây đến cống hiến và khuyến thỉnh cũng như ở phía nam.

“Xong, bánh xe lại quay hướng nhắm về phía bắc, tuần hành tiến đến bờ cõi phía bắc. Các tiểu vương phía bắc đến châu, cống hiến, khuyến thỉnh đúng như pháp.

“Chu du bốn ngày, khắp cả Diêm-phù-địa tận đến bờ biển, rồi quay trở về Mật-thí-la. Bánh xe dừng lại giữa hư không phía trước cửa cung, cao bảy cây đa-la, vành hướng về đông.

“Đại Thiên có được bánh xe báu như vậy.”

⁸ Đề bản: thừa văn 乘雲. TNM: thừa hư.

A nan lại hỏi:

“Đại Thiên có được báu voi như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy trong hư không có con voi chúa màu trắng tên là Vũ-hô⁹ nương theo hư không mà bay đến; bảy chi của nó bằng phẳng, miệng có sáu ngà, trên đầu có mũ bằng vàng với chuỗi anh lạc bằng vàng, thân mình quấn bọc bởi chân châu, hai bên mang linh bằng vàng. Voi có thần lực, biến hình tự tại. Đại Thiên thấy nó, trong lòng nghĩ thầm, ‘Ta có được con voi này chăng? Ta sẽ khiến nó làm việc.’ Vừa nghĩ xong, voi liền đến đứng trước vua, giữa hư không. Vua liền sai làm năm việc. Vua lại nghĩ, ‘Hãy thử xem con voi này làm được hay không.’ Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi voi này, trong thoáng chốc chu du khắp bốn biển, rồi trở về chỗ cũ, đứng ở phía đông cửa cung, hướng về phía đông.

“A-nan, Đại Thiên có được voi báu như vậy.”

A nan lại hỏi Phật:

“Đại Thiên được báu ngựa như thế nào?”

Phật nói:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy trong hư không có con ngựa xanh tên là Bà-la-hàm¹⁰ nương hư không mà đến; khi đi, thân hình nó không dao động. Trên đầu nó có mũ bằng vàng, với chuỗi anh lạc bằng báu; thân mình phủ bằng lưới chân châu, hai bên có treo linh. Ngựa có thần lực, biến

⁹ Để bản chép: Mãn-hô 滿呼. Tên Pali của nó là Uposatha; Trung 13 âm là Vu-sa-hạ 于娑賀. Do đó sửa lại, đọc là Vũ-hô.

¹⁰ Bà-la-hàm 婆羅含. Phụ chú trong để bản: “Tiếng nước Tần nói là *phát minh* 髮鳴 (tóc kêu!), lông đuôi đỏ.” Pali: Valāhaka.

hình tự tại. Thấy nó, Vua Đại Thiên nghĩ, ‘Ta có thể bắt lấy nó mà cỡi.’ Nghĩ xong, ngựa đến trước vua. Vua liền muốn cỡi thử. Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi nó đi về phía đông. Thoáng chốc, chu du khắp bốn biển, rồi quay về bản quốc, trụ phía tây cửa cung, đứng hướng về phía tây.

“A-nan, Đại Thiên có được báu ngựa như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu minh châu như thế nào?”

Phật nói:

[807c] “A-nan, Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, nhìn thấy có thần châu. Châu dài 1 thước 6 tấc, có tám cạnh, màu lưu ly xanh biếc, nương hư không mà đến, cao bầy cây đala. Thấy nó, Đại Thiên nghĩ, ‘Ta có thể được minh châu này mà ngắm.’ Theo ý nghĩ tức thì nhận được. Vua muốn thử. Khi đến nửa đêm, tập họp bốn binh chủng, đem minh châu treo trên đầu ngọn phướn, rồi ra khỏi thành đi dạo. Minh châu chiếu sáng một phạm vi 12 do diên. Binh chủng nhìn thấy nhau như ban ngày không khác. Ánh sáng minh châu soi đến mọi người, khiến họ giật mình thức dậy, đều bảo là trời đã sáng. Vua liền quay trở về cung. Trong ngoài thường sáng như ban ngày không khác.

“A-nan, Đại Thiên có được báu minh châu như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu ngọc nữ như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía đông, trông thấy báu ngọc nữ thuộc dòng sát- lợi, tên là Mạn-na-kha-lợi,¹¹ xinh đẹp

¹¹ Mạn-na-kha-lợi 曼那呵利. Phụ chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần nói là đoạt tình 奪情.” Skt. *mānohāri*?

vô song, trong trắng kỳ diệu, không cao không thấp, không mập, không gầy, không trắng không đen, mùa đông thì ấm, mà hè thì tươi mát, từ các lỗ chân lông nơi thân tỏa ra mùi thơm chiền đần; miệng thường tỏa mùi thơm hoa sen ưu-bát, và cũng không các tư thái xấu của người nữ, tính tình nhu hòa, biết trước ý vua mà phục vụ. Nàng từ hư không mà đến chỗ vua.

“A-nan, Đại Thiên có được báu ngọc nữ như vậy.”

A nan hỏi Phật:

“Đại Thiên có được báu chủ kho tàng như thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía bắc, trông thấy vị đại thần chủ kho tên là A-la-tha-chi,¹² đẹp đẽ kỳ diệu, không cao không thấp, không mập không gầy, thân màu hoàng kim, tóc màu biếc, con mắt đen trắng phân minh. Ông có thể nhìn thấy bảy báu trong kho tàng ẩn dưới đất. Nếu có chủ, ông giữ gìn cho. Nếu vô chủ lấy [808a] sung công để vua dùng. Thông minh, trí tuệ, khéo léo có mưu chước. Ông nương hư không mà đến trình trước vua, tâu vua rằng, ‘Từ nay trở đi, vua thích cái gì, cứ tự mình vui hưởng, chớ có lo rầu. Tôi sẽ cung cấp châu báu cho vua, không hề thiếu thốn.’ Vua bèn thử đại thần quản kho này, cùng với ông đi trên một con thuyền vào biển. Vua bảo quan quản kho: ‘Ta muốn có vàng bạc, châu báu.’ Quan chủ kho tâu, ‘Xin đợi khi lên bờ tôi sẽ cung cấp tài bảo.’ Vua nói, ‘Ta muốn được bảo vật trong nước, chứ không phải trên bờ.’ Quan chủ kho liền đứng dậy, sửa lại y phục, rồi quỳ gối phải xuống, chấp tay lạy nước. Từ trong nước tức thì thời vàng hiện ra, lớn bằng bánh xe, phút chốc đầy cả thuyền. Vua nói, ‘Thôi, đủ rồi. Chớ lấy vàng lên nữa mà chìm thuyền.’

¹² A-la-tha-chi 阿羅唎岐. Phú chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần gọi là Tài Tràng 財幢.” Skt. *arthaketu/ arthadhvajā*?

“A-nan, Đại Thiên có được báu chủ kho như vậy.”

A nan lại hỏi Phật:

“Đại Thiên có được tướng quân điển binh như thế nào?”

Phật nói:

“Đại Thiên về sau vào ngày 15 khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía nam, trông thấy phía nam có vị đại tướng quân tên là Tỉ-tì-na,¹³ đẹp đẽ kỳ diệu, tóc màu như chân châu, toàn thân màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt có thể nhìn suốt biết đọc tâm niệm của người khác; quân sách, mưu lược, tiến thoái đúng thời; ông nương hư không mà đến trình vua, tâu rằng, ‘Mong vua cứ tự vui thích, chớ có lo rầu việc thiên hạ. Thần sẽ đảm trách chinh phạt bốn phương.’ Vua bèn muốn thử. Nửa đêm suy nghĩ muốn tập hợp bốn binh chủng. Vừa nghĩ xong, bốn binh chủng đều tập hợp đủ hết. Vua lại nghĩ, muốn kéo quân về phía đông, tức thì quân được kéo về phía đông. Vua ở trung ương, tướng quân ở phía trước, bốn binh chủng vây quanh. Vua nghĩ muốn tiến, quân tiến; nghĩ muốn lui về, quân lui về.

“A-nan, Đại Thiên có được báu tướng quân điển binh như vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Đại Thiên có được bảy báu như vậy.”

Phật lại nói với A-nan:

“Vua Đại Thiên cai trị thiên hạ một thời gian lâu, sau đó bảo người hầu chải tóc tên là Kiếp-bắc,¹⁴ ‘Nếu thấy có sợi tóc bạc, hãy nhổ đưa cho ta xem.’ Một thời gian lâu về sau, Kiếp-bắc nhìn thấy có một sợi tóc bạc, liền tâu vua, ‘Như trước đã có lệnh, nay tôi đã thấy sợi tóc bạc.’ Vua nói, ‘Hãy nhổ, đưa cho

¹³ Tỉ-tì-na 比毘那. Phụ chú trong đề bản: “Tiếng nước Tần gọi là Vô Úy 無畏.” Skt. *Vibhī(śa)na*?

¹⁴ Đề bản: Kiếp-bắc 劫北. TNM: Kiếp-tý. Pali: Kappaka.

ta xem.’ Kiếp-bắc liền lấy cái nhíp bằng vàng nhỏ sợi tóc bạc để trong tay vua. Vua cầm sợi tóc bạc mà nói bài kệ:

*Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy huỷ.
Sứ giá đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua nghĩ thầm trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục. Nay ta nên xuất gia. Cạo bỏ râu tóc. khoác pháp phục.’ Vua triệu thái tử Trường Sanh vào bảo: ‘Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hay giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sanh vào chỗ vô pháp.’ Vua Đại Thiên khuyên dạy xong, giao nước lại cho thái tử Trường Sanh, cấp phát điền nghiệp cho Kiếp-bắc.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Đại Thiên ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ¹⁵ từ, bi, hỷ, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.

“Sau khi Đại Thiên xuất gia được bảy ngày, nữ bảo mạng chung. Trường Sanh lên ngôi, đến ngày 15 khi trăng tròn, mang các thể nữ lên lầu, nhìn về phía đông, thấy ngọc nữ xinh đẹp như trước kia nương hư không mà đến. Trường Sanh có trở lại bầy báu, làm vua thống lãnh bốn thiên hạ.

¹⁵ Nguyên hán: bốn phạm hạnh.

“Sau đó Trường Sanh lại nói với Kiếp-bắc, ‘Từ nay trở đi, khi nào chải đầu cho ta mà thấy có tóc bạc, hãy báo cho ta biết ngay.’ Lên ngôi Thánh vương qua tám vạn bốn nghìn năm, tóc bạc lại sanh. Kiếp-bắc tâu vua: ‘Tóc bạc đã sanh rồi.’ Vua bảo, ‘Nhỏ lên để trong lòng tay ta.’ Kiếp-bắc lấy nhíp vàng nhổ sợi tóc để vào trong tay vua. Vua cầm sợi tóc bạc, nói bài kệ:

*Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy huỷ.
Sứ giả đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua suy nghĩ trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người. Nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục. Vua liền triệu Thái tử đến bảo: “Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sanh vào chỗ vô pháp.’”

“Trường Sanh khuyên dạy rồi, giao nước lại cho Thái tử Quan Kế, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Trường Sanh cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ* từ, bị, hủy, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.”

Phật bảo A-nan:

“Sau khi vua Trường Sanh xuất gia được bảy ngày, bảy báu tự nhiên biến mất. Vua Quan Kế buồn rầu không vui. Các quan

thầy vua không vui, bèn hỏi: ‘Thiên vương vì sao không vui?’ Vua trả lời các quan: ‘Vì bảy báu đã biến mất hết rồi.’ Các quan tâu vua: ‘Vua chớ có lo buồn.’ Vua hỏi: ‘Vì sao không lo?’ Các quan tâu: ‘Vua cha tu phạm hạnh, ở trong khu vườn gần đây. Nên đến đó hỏi. Tất sẽ được Vua chỉ dạy cách là sao để có bảo vật.’ Vua liền ra lệnh sửa soạn cỗ xe bảy báu, biểu dương bằng năm thứ: mũ báu, lông chim, guom, quạt và hài, cùng với tả hữu theo hầu, tiến đến khu vườn. Đến nơi, xuống xe, dẹp bỏ năm thứ nghi trượng ấy, đi bộ vào vườn. Đến trước phụ vương, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên, chấp tay thưa rằng, ‘Bảy báu mà vua có, nay đã biến mất.’ Vua cha bảo ngồi xuống, nghe những điều trình bày, rồi ngẩng đầu lên đáp rằng, ‘Này con, pháp của Thánh vương là không cậy vào những cái mà cha sở hữu. Con phải tự mình hành đúng pháp để có.’ Vua lại hỏi: ‘Chuyển luân Thánh vương trị hóa bằng pháp gì?’ Vua cha đáp: ‘Pháp kính, pháp trọng, pháp niệm, pháp nuôi dưỡng, pháp tăng trưởng, pháp làm cho rục rờ, pháp làm cho pháp trở thành lớn. Thực hành bảy điều này, là phù hợp với sự cai trị của Thánh vương. Như vậy sẽ có được báu vật.’ Vua lại hỏi: ‘Thế nào là pháp kính, cho đến pháp trở thành lớn?’ **[809a]** Vua cha đáp: ‘Hãy học ban cấp cho kẻ nghèo cùng, dạy dân hiếu thảo nuôi dưỡng cha mẹ; bốn mùa tám tiết đúng thời tế tự; dạy biết nhẫn nhục, trừ hành dâm loạn, tật đố, ngu si. Hành bảy pháp này là phù hợp với pháp của Thánh vương.’ Vua vâng lời dạy, cáo từ, lễ và nhiễu quanh ba vòng, rồi dẫn chúng quay trở về. Bây giờ, vua phụng hành bảy pháp theo lời dạy của cha, truyền lệnh xa gần đều tuân hành giáo lệnh của vua. Vua lại cho mở kho, ban cấp cho kẻ nghèo cùng, chăm sóc người già cô quả. Nhân dân bốn phương không đâu không vâng theo mà làm.

“Bây giờ, vào ngày 15 trăng tròn, tám gộ sạch sẽ, vua cùng các thể nữ lên lầu, nhìn về hướng đông, trông thấy bánh xe bằng vàng từ ma có nghìn căm, cao bảy cây đa-la, cách mặt đất cũng bảy cây đa-la, nương theo hư không mà đến, rồi trụ giữa

hư không. Vua nghĩ thâm trong lòng, ‘Cầu mong ta có được bánh xe này.’ Bánh xe tức thì hạ xuống, đến bên cánh tay trái của vua, rồi dôi qua cánh tay phải. Vua nói với bánh xe: ‘Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy thuộc về cho ta. Đúng pháp chứ không phải không đúng pháp.’ Rồi vua lấy tay ném bánh xe trở lại trên hư không, ở phía đông cửa cung, vành bánh xe hướng về đông, trục hướng về bắc, trụ giữa không trung.

“Sau bánh xe, lại có voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, chủ kho tàng, tướng quân. Bảy báu này như vua Đại Thiên, so sanh cũng như vậy.

“Rồi trải qua tám vạn bốn nghìn năm, vua ban cho Kiếp-bác, sắc lệnh cho Thái tử và giáo phó việc nước, rồi xuất gia nhập đạo như các vua trước..”

Phật bảo A-nan:

“Vua Quan Kế cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ từ, bi, hỷ, xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sanh lên trời Phạm thiên.”

Phật bảo A-nan:

“Con cháu của vua Đại Thiên nối nhau cho đến tám vạn bốn ngàn năm ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, dòng giống thiên không bị đứt đoạn. Thánh vương cuối cùng tên Nhẫm,¹⁶ cai trị bằng chánh pháp, là người thông minh, xét đoán chắc thật không sai chạy, có 32 tướng, màu da như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường sa-môn, bà-la-môn, chăm sóc người già côi cút, ban cấp kẻ nghèo cùng. Tại bốn cổng thành và ở giữa thành đặt kho lẫm, chứa các thứ vàng, bạc, tạp bảo, voi, ngựa, xe cộ, y phục, giường đệm, thuốc men trị bệnh, hương hoa, ẩm thực. Ai cô độc thì cấp vợ cho; ban phát đủ mọi thứ

¹⁶ Nhẫm. Phụ chú trong bản Hán: “Tiếng nước Tấn gọi là Bất Huyền (không nháy mắt).” Pali: Nemi.

cho những ai cần. Vua vào sáu [809b] ngày trai, sắc lệnh cho trong ngoài điều thọ trì tám quan trai. Ngày đó chư thiên trên trời Thủ-đà-hội¹⁷ tất sẽ hiện xuống trao cho tám giới. Đế Thích trên trời Tam thập tam đều khen nhân dân nước ấy, ‘Vui thay, thật ích lợi mà có được vị pháp vương như vậy! Đã ban phát đủ thứ những gì dân cần dùng, lại còn thanh khiết trai giới không khuyết.’ Thiên đế nói với các thiên tử: ‘Các vị có muốn gặp vua Nhẫm không?’ Thấy đều đáp: ‘Muốn gặp. Xin đưa ông ấy đến đây.’

“Thích Đề-hoàn Nhân liền sai thiên nữ Cùng-ti-ni¹⁸ : ‘Cô hãy đến thành Mật-thí-la báo với vua Nhẫm rằng, Khanh thật được lợi lớn! Ở đây chư thiên đều ca ngợi khang công đức vòi vọi, nhờ tôi thăm hỏi ân cần. Các thiên tử này rất muốn gặp khang. Xin tạm thời khuất ý đi đến đó.’ Cùng-ti-ni vâng lời, trong khoảnh khắc bằng người lực sỹ co duỗi cánh tay, hốt nhiên xuất hiện trước điện vua, trụ giữa hư không. Vua đang ở trên điện với một thể nữ hầu, ngồi tư duy, ‘Mong cho cho tất cả thế gian đều được an ổn, không có các thứ khổ họa.’ Cùng-ti-ni ở giữa hư không búng ngón tay để cảnh tỉnh. Vua ngẩng đầu nhìn lên thấy ánh sáng phía trên điện, lại nghe có tiếng nói, ‘Tôi là thị giả của Thích Đề-hoàn Nhân, được sai đến vua.’ Vua đáp: ‘Không rõ Thiên Đế có điều gì dạy bảo.’ Thiên nữ nói, ‘Thiên Đế có ý ân cần. Các thiên tử trên đó đều ca ngợi công đức của khang, muốn được gặp mặt. Xin vua tạm khuất ý.’ Vua im lặng nhận lời. Thiên nữ quay trở về tâu Thiên đế, ‘Tôi đã truyền lệnh. Ông ấy hứa sẽ đến.’ Thiên đế ra lệnh vị hầu xe nghiêm chỉnh xe bảy báu được kéo bằng ngựa bay, xuống đến thành Mật-thí lợi rước vua Nhẫm. Vị trời hầu xe vâng lệnh, cỡi xe ngựa hốt nhiên hiện xuống. Vua và quần thần đang ngồi hội họp. Xe đến ngay trước vua, dừng lại trong hư không. Trời

¹⁷ Thủ-đà-hội: Tịnh cự thiên.

¹⁸ Cùng-ti-ni 窮鼻尼. Phụ chú trong bản Hán: “Tiếng nước Tấn gọi là Cực đoan chánh 極端正.” Skt. *Kumbhīnī*?

đánh xe báo, ‘Thiên đế sai mang xe đến đón. Các thiên tử đang nghiêm nhiên chờ trên đó. Mời vua lên xe. Chớ có quyến luyến. Các thần thuộc lớn nhỏ nghe vua sắp đi, buồn rầu không vui, đều đứng dậy chấp tay tâu rằng, ‘Sau khi Vua đi rồi, chúng tôi vâng mệnh như thế nào?’ Vua đáp, ‘Các khanh chớ lo. Sau khi ta đi, việc ban phát, trai giới, nuôi dân, trị nước, như ta còn ở đây. Ta đi rồi về không lâu.’ Vua dặn dò xong, xe tức thì hạ xuống đất. Trời hầu xe hỏi vua, ‘Vua sẽ đi theo con đường nào?’ Vua nói: ‘Lời ấy muốn nói gì?’ Trời hầu xe đáp: **[809c]** ‘Phàm có hai đường. Một là con đường dữ, và hai là con đường lành. Người làm ác đi theo con đường dữ đến chỗ khổ. Người tu thiện đi theo con đường lành đến chỗ vui.’ Vua đáp: ‘Hôm nay tôi muốn đi cả hai đường lành và dữ.’ Trời đánh xe nghe nói, giây lát mới hiểu, nói, ‘Rất tốt, Đại vương!’ Trời đánh xe liền dẫn đi giữa hai con đường, thiện ác gì đều thấy hết, lên đến trời Tam thập tam. Thiên đế và chư thiên trong thấy vua đang từ xa đến. Thích Đề-hoàn Nhân nói, ‘Hoan nghênh Đại vương!’ Rồi ra lệnh cùng ngồi chung.”

Phát bảo A-nan:

“Vua liền theo Thiên đế cùng ngồi. Vua và Đế Thích có tướng mạo, y phục, âm thanh đều một bậc như nhau. Các thiên tử nghĩ thầm trong lòng, ‘Ai là Thiên đế? Ai là vua?’ Lại nghĩ, ‘Pháp của loài người là nháy mắt. Nhưng cả hai đều không nháy.’ Nên ai cũng kinh ngạc không làm sao phân biệt được. Thiên đế thấy chư thiên có tâm nghi ngờ, liền nghĩ, ‘Ta sẽ lưu vua ở lại đây. Sau đó sẽ hiểu rõ.’ Đế Thích hỏi các thiên tử, ‘Các khanh có muốn ta mời vua lưu lại đây không?’ Các thiên tử đáp, ‘Thật sự chúng tôi muốn mời ở lại.’ Thiên đế bảo vua Nhấm, ‘Đại vương, có thể lưu lại đây không? Tôi sẽ cung cấp cho ngũ dục. Nhân đó chư thiên sẽ biết được vua của loài người.’ Vua tâu Thiên đế, ‘Như vậy là đã cung cấp rồi. Cầu chúc chư thiên thọ mạng vô cực.’ Chủ và khách mời và từ chối như vậy ba lần. Đế Thích hỏi vua, ‘Vì sao không ở lại đây?’ Vua đáp: ‘Tôi sẽ xuất gia tu đạo. Nay ở trên trời không có

duyên để học đạo.’ Thiên Đế nói, ‘Học đạo mà làm gì?’ Vua nói, ‘Phụ vương tôi có di mệnh. Nếu khi tóc bạc sanh, phải xuất gia học đạo.’ Đế Thích nghe nói có di mệnh nhập đạo, liền im lặng không nói. Vua ở trên trời hưởng thú ngũ dục, phút chốc đã mười hai năm. Khi sắp từ già, vua cùng chư thiên bàn luận pháp. Đế Thích sai vị trời hầu xe, ‘Người đưa vua Nhắm trở về bản quốc.’ Trời đánh xe vâng lệnh, chỉnh bị xa giá, xong rồi tâu vua, ‘Mời Vua lên xe.’ Vua bèn nói lời từ biệt với Đế Thích và chư thiên, rồi lên xe, theo đường cũ mà trở về. Đến cung Mật-thí-la rồi, trời hầu xe quay trở về trời.

“Vua trở về được vài hôm, ra lệnh cho Kiếp-bắc, nếu thấy tóc bạc thì báo cho biết. Vài ngày sau, trên đầu vua có tóc bạc. Kiếp-bắc lấy nhíp bằng vàng nhổ tóc bạc để trong tay vua. Vua nhìn thấy rồi, nói bài kệ:

[810a] *Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy hỷ.
Sứ giả đã gọi,
Đến thời nhập đạo.*

“Vua suy nghĩ trong lòng, ‘Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người. Nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục. Vua liền triệu Thái tử đến bảo: “Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trường làm Thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho Thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo Thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa.”

Phật bảo A-nan:

“Vua Nhắm liền giao việc trị nước lại cho Thái tử, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc, rồi ở trong khu vườn này, tại chỗ đất này,

cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Vua tu đạo được bảy ngày, bánh xe, minh châu biến mất. Voi, ngựa, trưởng giả, ngọc nữ, tướng quân đều vô thường. Vua ở trong vườn này trải qua tám vạn bốn nghìn năm tu bốn phạm trụ từ, bi, hỷ, xả*. Khi mạng chung, ông sanh lên trời Phạm thiên.

“Sau đó vua Thiện Tận¹⁹ không kế thừa sự nghiệp của cha, chánh pháp bị bỏ bê, do đó bảy báu không còn xuất hiện trở lại; hành vi thiện không được nối tiếp, năm thứ suy giảm²⁰ dần dần xảy ra: thọ mạng con người vẫn lại, sắc da nhợt, sức lực ít, nhiều bệnh, không có trí. Năm sự suy giảm đã xuất hiện, chuyển đến nghèo khổ. Do khổ cùng mà sinh trộm cướp, bắt trói nhau nhau dẫn đến vua, tâu rằng, ‘Người này lấy của không cho. Vua ra lệnh mang ra ngoài hành hình. Người trong nước nghe nói, ai lấy của không cho vua liền bắt giết, thấy đều hận là ác, nên ai nấy sắm dao bén, dao được chế tạo bắt đầu từ đó. Sự sát sanh do từ đây mà khởi. Như vậy đã xuất hiện hai việc ác. Thứ đến, dâm phạm vợ người, rồi cãi với người chồng, ‘Tôi không có!’ Như vậy thành bốn việc ác. Nói hai lời gây đấu tranh, là ác thứ năm. Đấu tranh cho nên chửi nhau, đó là ác thứ sáu. Nói lời không chí thành, là ác thứ bảy. Ganh ghét sự hòa hiệp của người khác, là ác thứ tám. Ngậm hờn, biến sắc, là ác thứ chín. Trong lòng nghi ngờ tạp loạn là ác thứ mười. Mười ác đã đủ, năm suy giảm càng tăng.”

Phật bảo A-nan:

“Ông muốn biết vua Đại Thiên trong buổi đầu của Hiền kiếp bảy giờ là ai chăng? Chính Ta vậy.

“A-nan, ông muốn biết vua tên Nhẫm, trong tám vạn bốn nghìn năm bảy giờ trị nước không cong vạy là ai chăng? Chính là ông vậy. Ông muốn biết vua cuối cùng tên Thiện Tận bạo nghịch

¹⁹ Thiện Tận vương (?).

²⁰ Ngũ giảm, từ dịch khác cùng nghĩa ngữ trực. Pāli: *kasāya*.

vô đạo, làm đứt đoạn dòng Thánh là ai chẳng? Chính là Đê-bà-đa-vây.

“A-nan, [810b] ông thừa xưa kế thừa nếp thiện của Chuyển luân Thánh vương Đại Thiên, khiến cho ngôi vị tiếp nối không đứt, đó là công của ông vậy. Đụng pháp, chứ không phải không đúng pháp.

“A-nan, nay Ta là Pháp vương vô thượng, Ta di chúc pháp thiện vô thượng, ân cần giao lại cho ông. Ông là con nhà họ Thích, chớ làm người biên địa. Chớ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống.”

A nan hỏi Phật:

“Như thế nào là sẽ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống?”

Phật bảo A-nan:

“Vua Đại Thiên tuy hành pháp thiện, nhưng chưa dứt sạch các lậu, chưa siêu xuất thế gian, chưa được độ thoát vì chưa đoạn dục, chưa phá hai mươi mốt²¹ kết, chưa trừ 62 kiến, chưa tịnh ba cấu, chưa được thần thông, chưa được con đường chân chánh giải thoát, chưa đạt đến Niết-bàn. Pháp mà Đại Thiên, chẳng quá sanh Phạm thiên.

“A-nan, pháp của Ta cứu cánh đến Vô vi. Pháp của Ta đưa đến chân tế, vượt lên trời người. Pháp ta vô lậu, vô dục, tịch diệt, diệt tận. độ thoát, giải thoát, chân sa-môn, đưa đến Niết-bàn.

“A-nan, nay Ta đem Đạo pháp vô thượng này ân cần giao phó cho ông. Chớ tăng giảm pháp của Ta. Chớ làm người biên địa. Nếu có hiện hành Thanh văn. A-nan, ai làm đoạn tuyệt pháp này, người đó là người biên địa. Ai làm hưng thịnh pháp này, đó là trưởng tử của Phật, tức là thành tựu quyền thuộc. A-nan, ông hãy thành tựu quyền thuộc. Chớ có hành vi làm tuyệt chủng tộc. A-nan, những pháp Ta đã nói trước sau đều phó chúc hết cho ông. Ông hãy học điều này.”

²¹ Để bản chép nhầm thành 20 ức.

Phật nói xong, A-nan hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Có bốn người trong đại địa ngục.²² Bốn người ấy là ai? Tội nhân Mạt-khur-lê; đại tội nhân Tỳ kheo Đê-xá;²³ đại tội nhân Đê-bà-đạt-đâu; đại tội nhân Tỳ kheo Cù-ba-li.²⁴

“Tội nhân Mạt-khur-lê,²⁵ thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu. Tội nhân Đê-xá, thân bốc ngọn lửa dài 40 khuỷu. Tội nhân Đê-bà-đạt-đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khuỷu. Tội nhân Cù-ba-li, thân bốc ngọn lửa dài 20 khuỷu.

“Tỳ kheo, nên biết, Mạt-khur-lê dạy vô số chúng sanh, khiến hành tà kiến, điên đảo, chấp có không. Kẻ ngu Đê-xá đoạn ứng khí để dành của Thánh chúng.²⁶ Kẻ ngu Đê-bà-đạt-đạt [810c] gây đấu loạn chúng Tăng, giết Tỳ kheo ni A-la-hán, khởi ý sát hại nhắm đến Như Lai. Tội nhân Cù-ba-ly phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

“Lại nữa, Tỳ kheo, tội nhân Mạt-khur-lê dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục Diêm quang. Tội nhân Đê-xá làm đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Đẳng hoạt. Tội nhân Đê-bà-đạt-đâu khởi tâm mưu hại nhắm đến Như

²² Nguyên Hán: đại nê-lê 大泥黎.

²³ Đê-xá; có thể Pali: Tissa. Có nhiều Tỳ kheo Tissa trong Pali, nhưng không thấy ai đọa địa ngục. Chỉ có một Tissa tiếc y, chết đầu thai làm con chuột, cố cản không cho Tăng chia y của ông.

²⁴ Cù-ba-ly, xem kinh 5 phẩm 21 trên.

²⁵ Mạt-khur-lê, Pali: Makkhali, một trong sáu tôn sư ngoại đạo.

²⁶ Ứng khí di dư 應器遺餘, chưa rõ nghĩa. Ứng khí thường hiểu là dịch nghĩa từ bát-đa-la tức bình bát khất thực của Tỳ kheo.

Lai, thân hoại mạng chung đọa địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Bát-đầu-ma.

“Bấy giờ tội nhân Mạt-khu-lê bị ngục tốt kéo lưỡi ra, lôi ngược phía sau dọc trên xương sống. Sở dĩ như vậy, vì xưa kia dạy vô số chúng sanh khiến hành tà kiến. Đại tội nhân Đê-xá bị ngục tốt xẻ mình ra, rồi rót nước đồng sôi lên tim, lại lấy viên sắt nóng bắt nuốt. Sở dĩ như vậy, do đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng. Tội nhân Đê-bà-đạt-đầu bị bánh xe sắt nóng cán nát thân hình, lại bị chà sát giã nát nát thân thể, rồi bị bầy voi dày xéo thân thể, lại bị ngọn núi sắt cháy nóng trấn áp lên mặt, toàn thân bị quấn bởi lá đồng nóng cháy. Sở dĩ như vậy, do xưa kia gây đầu loạn chúng Tăng, phá hòa hiệp Tăng nên bị bánh xe sắt cán nát đầu. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đầu này xúi thái tử kia giết vua cha, do quả báo này mà bị chà sát giã nát thân. Lại kẻ ngu si Đê-bà-đạt-đầu kia cho voi uống rượu say để hại Như Lai, do quả báo này nên bị bầy voi dày xéo. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa kia ở trên núi Kỳ-xà-quật cầm đá ném Phật, do quả báo này nên bị núi sắt nóng trấn áp lên mặt. Lại kẻ ngu Đê-bà-đạt-đa kia giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, do quả báo này nên bị là đồng sắt nóng cháy quấn chấth thân.

“Tỳ kheo, nên biết, tội nhân Cù-ba-ly trong địa ngục Liên hoa kia, bị nghìn con trâu cày cày lên lưỡi. Sở dĩ như vậy, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-liên. Do nhân duyên quả báo này mà bị nhìn con trâu cày cày nát lưỡi.

“Lại nữa, **[811a]** Tỳ kheo, tội nhân Mạt-kha-lê, thân bốc ngọn lửa dài 60 khuỷu. Nếu có chúng sanh nào khởi lên ý nghĩ này, ‘Ta nên cứu vớt, làm ích lợi cho người này.’ Rồi lấy nước trong bốn biển lớn cao đến 40 khuỷu mà tưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu hết mà ngọn lửa không tăng không giảm. Cũng như tấm lá sắt nóng được lửa đốt suốt bốn ngày; rồi có người đến lấy bốn giọt nước mà rưới vào. Nước tức thì tiêu hết. Ở đây cũng vậy, nếu có người đến lấy nước bốn biển lớn mà

rưới lên thân người kia để tắt lửa, sẽ không bao giờ kết quả. Sở dĩ như vậy, do tội của người ấy quá sâu, quá nặng.

“Còn tội nhân Đê-xá kia, thân bốc ngọn lửa dài 40 khủy. Nếu có chúng sanh nào vì thương xót người này, lấy nước trong ba biển lớn rưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu mất, mà ngọn lửa không giảm. Cũng như có người lấy ba giọt nước nhiều lên ấm vì sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Ở đây cũng vậy, giả sử lấy nước của ba biển lớn mà rưới lên thân của Đê-xá, nước tức thì tiêu mất mà lửa không tăng giảm.

“Tội nhân Đề-bà-đạt-đâu, thân bốc ngọn lửa dài 30 khủy. Nếu có chúng sanh nào khởi tâm thương xót, muốn khiến cho lửa trên thân của Đề-bà-đạt-đâu vĩnh viễn tắt mất, lấy nước của hai biển lớn đến rưới lên thân. Nước tức thì tiêu mất. Cũng như nhiều hai giọt nước lên vì sắt nóng, không làm tăng giảm. Với kẻ ngu Đề-bà-đạt-đâu cũng vậy, lấy nước của hai biển lớn mà rưới lên thân, nước lập tức tiêu mất mà lửa không giảm. Sự thống khổ của Đề-bà-đạt-đâu là như vậy.

“Tội nhân Cù-ba-ly, thân bốc ngọn lửa dài 20 khủy. Giả sử có chúng sanh vì thương xót người này, lấy nước trong một biển lớn đến rưới lên thân, nước tức thì tiêu mất mà lửa không giảm. Cũng như nhiều một giọt nước lên vì sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Với Tỳ kheo Cù-ba-ly cũng vậy. Vì bị tội báo lỗi cuốn, phải nhận chịu tội ấy.

“Đó là bốn người thọ tội cực trọng. Các người hãy tự chuyên xa lánh các tai hoạn như vậy, vâng theo các Hiền Thánh mà tu tập phạm hạnh. Như vậy, các Nhân giả hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

[811b] Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Ta nay biết rõ địa ngục, và cũng biết con đường dẫn đến địa ngục, và cũng biết gốc rễ của chúng sanh trong địa ngục kia. Giả sử có chúng sanh nào tạo các hành ác bất thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục; Ta cũng biết rõ.

“Lại nữa, Tỳ kheo, Ta cũng biết rõ súc sanh; cũng biết rõ con đường dẫn đến súc sanh; và cũng biết rõ gốc của súc sanh; biết rõ những điều trước kia đã làm để sanh vào nơi này.

“Ta nay biết rõ con đường ngã quý; cũng biết rõ những ai đã gây nên gốc rễ ác mà sanh vào ngã quý.

“Ta nay biết rõ con đường dẫn đến làm người; cũng biết rõ hạng chúng sanh nào sanh được thân người.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời; cũng biết công đức trước kia mà chúng sanh đã làm để sanh lên trời.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến Niết-bàn; những chúng sanh nào mà hữu lậu đã dứt sạch, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp mà thủ chứng quả; Ta thấy đều biết rõ

“Ta biết con đường dẫn đến địa ngục. Do nhân duyên gì mà nói điều này?”

Phật bảo các Tỳ kheo:

“Ta nay quán sát tâm ý của chúng sanh, thấy rằng người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ phải vào địa ngục. Sau đó, quán sát thấy người này khi vào trong địa ngục chịu đau đơn, bị tra khảo, vô số sầu ưu khổ não không kể xiết. Cũng như một hầm lửa lớn không có bụi bặm. Giả sử có một người đang đi trên con đường dẫn đến đó. Lại có một người khác có mắt, thấy người đang đi đến đó, chắc chắn sẽ rơi xuống đó, không phải là điều nói suông. Rồi sau đó thấy người kia đã rơi xuống hầm lửa. Người mà Ta nói đến đó đã rơi xuống hầm lửa. Ta nay

quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sanh, biết chắc chắn nó sẽ vào địa ngục, không có gì nghi ngờ. Như Ta sau đó quán sát thấy người này sau khi đã vào địa ngục chịu sự đau đớn, khóc hại, không hề kể xiết.

“Người kia làm thế nào mà vào địa ngục? Ta quán quán thấy chúng sanh hướng đến địa ngục do gây các hành ác, nghiệp bất thiện, thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Ta thấy biết rõ điều đó. Điều mà ta muốn nói là như vậy.

“Ta biết con đường súc sanh, và cũng biết con đường dẫn đến súc sanh. Do nhân duyên gì mà nói vậy? Ở đây, này Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sanh, biết người ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong súc sanh. Rồi ta quán sát thấy người ấy sau khi vào trong súc sanh mà sầu ưu **[811c]** khổ não không kể xiết. Vì sao người này rơi vào trong súc sanh? Cũng như tại thôn xóm có một hầm xí trong đó đầy cả phân. Giả sử có người đang đi trên lối đi dẫn đến đó. Lại có người khác có mắt thấy người kia đang đi đến chỗ đó. Người kia không bao lâu đi đến đó và rơi xuống hầm xí. Sau đó quán sát thấy người kia sau khi rơi xuống hầm xí chịu khốn ách không kể xiết. Tại sao người kia đã rơi xuống hầm xí? Ta thấy các loài chúng sanh cũng vậy. Người này mạng chung sẽ sanh vào trong súc sanh. Lại quán sát thấy sau khi sanh vào trong súc sanh phải chịu khổ vô lương. Ta nay quán sát chúng sanh súc sanh đều biết rõ như vậy. Đó là điều Ta muốn nói.

“Ta nay biết chúng sanh ngã quý, cũng biết con đường ngã quý. Chúng sanh nào sau khi thân hoại mạng chung sanh vào đó, Ta cũng biết rõ. Chúng sanh nào đi theo con đường mà khi thân hoại mạng chung dẫn đến ngã quý, Ta cũng biết rõ. Về sau quán sát thấy chúng sanh vào ngã quý chịu đau đớn. Vì sao người ấy sanh vào ngã quý? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở chỗ phát sanh nguy hiểm, cành cây lá cây rơi rớt. Giả sử có người đang đi đến đó. Khi ấy có người có

mắt từ xa thấy người kia chắc chắn đi đến chỗ đó. Sau đó thấy người kia hoặc nằm, hoặc ngồi, chịu các báo ứng khổ lạc. Người kia vì sao đi đến gốc cây ấy mà ngồi? Ta nay quán sát các loài chúng sanh cũng như vậy, khi thân hoại mạng chung sanh vào ngạ quỷ, không nghi ngờ gì, để chịu báo ứng khổ lạc không kể xiết. Ta biết con đường dẫn đến ngạ quỷ; thấy đều biết rõ phân minh. Điều mà ta nói là như vậy.

“Ta biết con đường của con người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ người. Những ai tạo hành vi gì khi thân hoại mạng chung sanh vào trong loài người, Ta cũng biết rõ. Ở đây, Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của các loài chúng sanh, thấy người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong loài người. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã sanh trong loài người. Vì sao người ấy sanh trong loài người? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở tại chỗ bằng phẳng, có nhiều bóng mát. Có một người có mắt, thấy biết chỗ đó. Người ấy đi đến đó, nhất định không nghi ngờ gì. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã đến nơi gốc cây này, được nhiều lạc thú vô lượng. Làm **[812a]** sao người ấy đến được chỗ đó? Đây cũng vậy, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sanh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sanh vào loài người không nghi. Về sau ta quán sát thấy người ấy sanh vào loài người hưởng vô lượng an lạc. Ta biết nẻo đến loài người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ loài người. Điều mà Ta đã nói là như vậy.

“Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời. Những chúng sanh nào làm các công nghiệp gì để sanh trời, Ta cũng biết rõ. Do nhân duyên gì mà Ta nói điều này? Ta nay quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sanh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên trời. Về sau quán sát thấy người ấy thân hoại mạng chung đã sanh lên trời, ở đó hưởng thọ phước báo tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Nói rằng người ấy đã sanh lên trời ở đó hưởng thọ phước tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Cũng như gần thôn xóm có một giảng đường cao rộng, được chạm

trở vãn về, treo tràng phan, lụa là, rưới nước thơm lên đất, trái lột chỗ ngồi bằng đệm chăn thêu thùa. Có người đi thẳng một đường đến. Có người có mắt nhìn thấy con đường duy nhất thẳng đến đó. Người ấy đang hướng đến giảng đường cao rộng ấy mà đi, tất đến đó không nghĩ. Về sau quán sát thấy người ấy đã đến trên giảng đường, hoặc ngồi, hoặc nằm, ở đó hưởng thọ phước, khái lạc vô cùng. Ở đây cũng vậy, Ta quán sát thấy chúng sanh nào thân hoại mạng chung sẽ sanh và cõi thiện, sanh lên trời, ở đó hưởng thọ phước lạc không kể xiết. Vì sao người ấy đã sanh lên trời? Há không phải Ta biết rõ con đường dẫn đến thiên đạo chăng? Điều mà Ta nói là như vậy.

“Ta nay biết Niết-bàn, cũng biết con đường Niết bàn. Cũng biết hạng chúng sanh nào sẽ vào Niết-bàn. Hoặc có chúng sanh dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân chứng ngộ và an trú; ta thấy đều biết rõ. Do nhân duyên gì mà ta nói điều này? Ở đây, Tỳ kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sanh, biết người này dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nên nói người ấy đã dứt sạch lậu, thành vô lậu. Cũng như cách thôn xóm không xa có một ao nước mà nước rất sạch, trong suốt. Có người đang thẳng một đường đến đó. Lại có người có mắt sáng từ xa thấy người ấy đi đến, biết rõ người ấy nhất định đi đến ao nước **[812b]** không nghĩ. Về sau lại quán sát thấy người ấy đã đến ao nước, tắm gội, rửa các cái bẩn, sạch các ô uế, rồi ngồi bên cạnh ao, mà không tranh giành gì với ai. Ta nay quán sát các loài chúng sanh cũng vậy, biết người đã dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, biết như thật rằng²⁷ sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.²⁸ Đó là nói, người ấy đã đến chỗ này, mà Ta

²⁷ Đề bản chép: danh sắc tri như chân. Nghi chép nhầm. Nay sửa lại theo định cú thường gặp.

²⁸ Đề bản chép thiếu câu này.

biết rõ con đường Niết-bàn, cũng biết rõ chúng sanh nào vào Niết-bàn. Thầy đều biết rõ.

“Nhu Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, có trí này, lực, vô úy này, thầy đều thành tựu đầy đủ. Trí của Nhu Lai là không thể lường được. Nhu Lai có thể nhìn thấy sự việc quá khứ vô hạn, vô lượng, không kể xiết; thầy đều biết rõ.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười lực, vô sở úy. Tỳ kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trên núi Tuyết có một góc ây to lớn, cao rộng. Có năm sự kiện khiến nó phát triển to lớn. Những gì là năm? Rễ không di chuyển; vỏ rất dày và lớn; cành nhánh vươn xa; bóng râm che phủ lớn; tàn lá rậm rạp.

“Tỳ kheo, đó là nói trên Tuyết song có cây đại thọ hùng vĩ ấy. Ở đây, thiện nam tử, thiện nữ nhân, sanh vào dòng họ hào quý, có năm điều làm tăng trưởng lợi ích. Những gì là năm? Tăng ích bởi tín; tăng ích bởi giới; tăng ích bởi văn; tăng ích bởi thí; tăng ích bởi huệ. Đó là, Tỳ kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhờ sanh vào dòng tộc hào quý mà thành tựu năm sự này.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín, giới, văn, thí huệ.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Nhu cây trên Tuyết sơn,
Hội đủ năm công đức:
Rễ, vỏ, cành nhánh rộng,*

Bóng râm, lá rậm rạp.

*Thiện nam tử có tín,
Năm sự thành công đức:
Tín, giới, vãn, thí, huệ.
Nhờ đó trí tuệ tăng.*

“Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, [812c] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần³⁰ giao du với các Tỳ kheo ni, và các Tỳ kheo ni cũng thích giao du với ông. Nếu kho mọi người khen chê gì Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần, khi ấy các Tỳ kheo ni rất tức giận, buồn rầu không vui. Lại nếu có người chê bai các Tỳ kheo ni, khi ấy Tỳ kheo Mậu-la-phá-quần cũng buồn rầu không vui.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo nói với Tỳ kho Mậu-la-phá-quần rằng:

“Thầy sao lại thân cận với các Tỳ kheo ni? Các Tỳ kheo ni lại cũng giao tiếp với Thầy?”

Phá-quần đáp:

“Theo chỗ tôi hiểu giáo giới mà Như Lai nói, là sự phạm dâm không đáng tội để nói.”

Số đông các Tỳ kheo lại nói:

²⁹ Tham chiếu Pali, M. 21 Kakacūpama (R.i.222). Hán, Trung 50, kinh 193.

³⁰ Mậu-la-phá-quần 茂羅破群. *Trung* kinh 193: Mậu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那. Pali: Moḷiya-phagguno.

“Thôi, thôi, Tỳ kheo. Chớ có nói như vậy. Chớ có phỉ báng Như Lai. Ai phỉ báng ngôn giáo của Như Lai, tội lỗi không phải nhỏ. Lại nữa, Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Ai tập theo dâm mà không có tội, không có lý đó. Nay Thầy nên xả bỏ kiến giải ấy. Nếu không, sẽ chịu khổ lâu dài.”

Nhưng Tỳ kheo Phá-quần-na này vẫn cứ giao thông với các Tỳ kheo ni, không chịu sửa đổi hành vi của mình.

Bấy giờ số đông Tỳ kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân mà bạch Thế Tôn rằng:

“Trong thành Xá-vệ có một Tỳ kheo tên Phá-quần, cùng giao tiếp với các Tỳ kheo ni, và các Tỳ kheo ni cũng qua lại giao tiếp với Tỳ kheo Phá-quần. Chúng con có đến đó khuyến dụ để ông ấy sửa đổi hành vi. Nhưng hai người ấy vẫn quan hệ nhiều hơn, không xả bỏ tà kiến điên đảo, cũng không có hành vi phù hợp với chánh pháp.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ kheo:

“Ông hãy vâng lời Như Lai đi ngay đến chỗ Tỳ kheo Phá-quần, bảo rằng, ‘Ông nên biết, Như Lai cho gọi.’”

Tỳ kheo Phá-quần nghe Tỳ kheo này nói, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi Tỳ kheo này:

“Có thật ông thân cận với Tỳ kheo ni chăng?”

Tỳ kheo này đáp:

“Thật vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Ngươi là Tỳ kheo, sao lại giao tiếp với Tỳ kheo ni? Nay ngươi có phải là thiện gia nam tử, đã cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố **[813a]** xuất gia học đạo chăng?”

Tỳ kheo Phá-quần bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn. Con là thiện gia nam tử do tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Việc làm của người phi pháp. Sao người lại cũng giao tiếp với Tỳ kheo ni?”

Tỳ kheo Phá-quân bạch Phật:

“Con nghe Như Lai nói, tập theo dâm, tội ấy không đáng nói.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Người, kẻ ngu, sao lại nói Như Lai nói tập theo dâm không có tội? Ta bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Người nay sao lại nói rằng Như Lai có nói dâm không tội? Người hãy cẩn thận giữ tội lỗi nơi miệng, chớ để lâu dài hằng chịu tội khổ.”

Phật lại nói:

“Thôi, nay không nói đến ông nữa. Ta cần hỏi các Tỳ kheo.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Các ông có nghe Ta nói với các Tỳ kheo rằng dâm không tội chẳng?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Thưa không bạch Thế Tôn. Chúng con không nghe Như Lai nói dâm không tội. Vì sao? Như Lai đã bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Nói dâm mà không tội, không có trường hợp ấy.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói, Ta bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói với các Tỳ kheo:

“Các người nên biết, có người ngu tập nơi các pháp hành như Khế kinh, Kỳ dạ, Kê, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ. Tuy tụng mà không hiểu rõ nghĩa, do không quán sát kỹ ý nghĩa, cũng không thuận theo pháp ấy, pháp đang thuận theo lại không thuận theo mà hành. Sở dĩ tụng pháp này, chỉ cốt tranh luận với người, ý

muốn hơn thua, chứ không phải vì để giúp ích cho chính mình. Người ấy tụng pháp như vậy tất phạm điều cấm chế.

“Cũng như có người muốn ra khỏi thôn xóm, muốn đi tìm rắn độc. Khi nó thấy một con rắn lớn kịch độc, bèn chạy đến lấy tay trái mà vuốt đuôi. Rắn quay đầu lại mổ cho. Vì lý do đó mà người ấy mạng chung. Ở đây cũng vậy. Có người ngu học tập pháp ấy; 12 bộ kinh điển, không bộ nào không tập qua, nhưng không quán sát nghĩa lý. Vì sao vậy? Vì không rớt ráo chánh nghĩa.

“Ở đây có thiện nam tử chăm lo học tập pháp ấy, là Khế kinh, Kỳ-da, Kệ, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sanh, Phương đẳng, Vị tăng hữu, Quảng phổ. Người ấy sau khi tụng đọc pháp này rồi, hiểu **[813b]** ý nghĩa trong đó. Do người ấy hiểu sâu ý nghĩa của pháp, nên thuận theo giáo lý ấy, không có điều gì trái nghịch sai quấy. Sở dĩ người ấy tụng pháp, không vì tâm hơn thua để tranh luận với người, mà tụng tập pháp là muốn đạt thành sở nguyện. Do nhân duyên này, dần dần đạt đến Niết-bàn

“Cũng như có người ra khỏi thôn xóm để tìm rắn độc. Khi thấy rắn rồi, người ấy tay cầm cái gắp sắt, trước hết đè đầu con rắn xuống, sau đó nắm lấy cổ, không để cho vùng vẫy. Giả sử con rắn muốn ngoắt đuôi lại để hại người này cũng không bao giờ được. Vì sao vậy? Tỳ kheo, vì đã nắm lấy cổ rắn.

“Thiện nam tử này cũng vậy, tụng tập đọc tụng, đủ khắp mọi thứ, rồi quán sát ý nghĩa, thuận theo pháp đó, không hề có điều gì trái nghịch sai lạc. Dần dần do nhân duyên này mà đạt đến Niết-bàn. Vì sao vậy? Do bắt nắm chánh pháp.

“Cho nên, Tỳ kheo, ai hiểu rõ ý nghĩa của Ta, hãy suy niệm mà phụng hành. Ai không hiểu, hãy đến hỏi lại Ta. Như Lai nay còn hiện tại. Chớ để sau này phải hối tiếc vô ích.”

Rồi Phật nói với các Tỳ kheo:

“Giả sử có Tỳ kheo ở giữa đại chúng nói rằng, ‘Cấm giới mà Như Lai đã thuyết, tôi đã thấu hiểu, theo đó dâm không tội, ví không đáng để nói.’ Các Tỳ kheo nên nói với Tỳ kheo này, ‘Thôi, thôi, chớ nói điều đó. Chớ phỉ báng Như Lai rằng Như Lai có nói điều đó. Như Lai không bao giờ nói điều đó.’ Nếu Tỳ kheo ấy sửa đổi điều trái phạm thì tốt. Nếu không sửa đổi hành vi, nên ba lần can gián. Nếu sửa đổi thì tốt. Không sửa đổi thì phạm đọa.³¹ Tỳ kheo nào bao che việc ấy không để phát lộ, những người đó đều phạm đọa.³² Đó là cấm giới Ta chế cho Tỳ kheo.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu đi đến chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

“Có bao nhiêu kiếp quá khứ?”

Phật nói với bà-la-môn:

“Các kiếp trong quá khứ nhiều không thể kể.”

Bà-la-môn hỏi:

“Có thể kể con số được chăng? Sa-môn Cù-đàm thường hay nói về ba đời. Thế nào là ba? Đó là quá khứ, tương lai, hiện tại.

³¹ Nguyên hán: đọa. Tức phạm tội đọa hay ba-dật-đề. *Tứ phần* điều 68; *Ngũ phần*, điều 48; *Tăng kỳ*, 45; *Thập tụng*, *Căn bản*, điều 55. Pali, Pāc. 68. Theo *Tứ phần*, trương hợp này gọi là “không xả bỏ ác kiến.” Nguyên nhân do bởi Tỳ kheo A-lê-tra (pali: Ariṭṭha).

³² *Tứ phần*, điều khoản ba-dật-đề 69: hỗ trợ Tỳ kheo bị xả trí (do không chịu xả bỏ ác kiến), cũng phạm ba-dật-đề. *Ngũ phần*, điều 49; *Tăng kỳ*, điều 46; *Thập tụng*, *Căn bản*, điều 56. Pali, Pāc, 69.

Sa-môn Cù-đàm cũng biết các đời quá khứ, đương lai, hiện tại. Cúi mong Sa-môn diễn nói nghĩa của [913c] con số số của kiếp.”

Phật nói với bà-la-môn:

“Ta sẽ nói nhân kiếp này mà tiếp đến kiếp khác, cho đến Ta diệt độ, rồi ông mạng chung, cũng không biết hết nghĩa của con số của kiếp. Vì sao vậy? Người nay tuổi thọ quá vắn, sống lâu không quá trăm năm. Kể số kiếp trong một trăm năm, cho đến ta diệt độ, ông mạng chung, cuối cũng vẫn không biết được nghĩa của kiếp số.

“Bà-la-môn nên biết, Như Lai cũng có trí này, phân biệt đầy đủ kiếp số, thọ mạng của chúng sanh dài vắn, thọ khổ lạc như thế nào; thấy đều biết rõ hết.

“Nay Ta sẽ nói cho ông một thí dụ. Người trí nhờ thí dụ mà hiểu. Cũng như con số của cát sông Hằng, không thể hạn, không thể lượng, không thể tính đếm. Con số của kiếp trong quá khứ nhiều cũng như vậy, không thể tính đếm, không thể trừ lượng.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Con số của kiếp trong tương lai là bao nhiêu?”

Phật bảo bà-la-môn:

“Cũng như con số của cát sông Hằng, không có giới hạn, không thể đếm, không thể tính toán.”

Bà-la-môn lại hỏi:

“Có kiếp thành, kiếp hoại³³ của kiếp hiện tại chăng?”

Phật nói:

“Có kiếp thành, kiếp hoại này, không phải một kiếp, hay một trăm kiếp. Cũng đồ chén bát để tại chỗ bấp bênh thì không trụ yên được. Giả sử có trụ, rồi cũng đổ lộn. Các phương vực thế

³³ Nguyên hán: bại kiếp.

giới cũng vậy. Hoặc có kiếp đang thành, hoặc có kiếp đang hoại. Con số ấy cũng không thể kể, là có bao nhiêu kiếp thành, bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao vậy? Sanh từ lâu xa không có biên tế. chúng sanh bị bao phủ bởi vô minh kết, trôi nổi theo dòng cuốn từ cõi đời này sang đời sau; từ đời sau đến cõi đời này, lâu dài chịu khổ não. hãy nên nhàm chán mà xa lìa khổ não này. Cho nên, Bà-la-môn, hãy học điều này.”

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

“Kỳ diệu thay, hy hữu thay, sa-môn Cù-đàm! Ngài biết nghĩa của số kiếp quá khứ, đương lai, hiện tại. Con nay lần nữa xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi xin Sa-môn Cù-đàm nhận con làm ưu-bà-tắc, suốt đời không còn dám sát sanh, cho đến uống rượu”

Bấy giờ bà-la-môn Sanh Lậu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật, thành la-duyệt, cũng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ có một Tỳ kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Kiếp có biên tế chăng?”

Phật nói với Tỳ kheo:

“Ta sẽ phương tiện dùng thí dụ để dẫn. Nhưng số của kiếp không cùng tận. Quá khứ lâu xa, trong Hiền kiếp này **[814a]** có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Lúc bấy giờ núi Kỳ-xà-quật này còn có tên khác. Nhân dân thành La-duyệt leo lên núi Kỳ-xà-quật, phải bốn ngày bốn đêm mới đến tận đỉnh.

“Tỳ kheo, thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải ba ngày ba đêm mới leo đến đỉnh.

“Khi Phật Ca-diếp Như Lai xuất hiện thế gian, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải đi hai ngày hai đêm mới leo đến đỉnh.

“Như Ta hôm nay, Phật Thích-ca Văn xuất hiện ở đời, núi này tên là Kỳ-xà-quật. Chỉ trong chốc lát là leo đến đỉnh núi.

“Khi Di-lặc Như Lai xuất hiện ở đời, núi này vẫn có tên là Kỳ-xà-quật. Vì sao vậy? Do thần lực của chư Phật khiến nó vẫn tồn tại.

“Tỳ kheo, hãy dùng phương tiện mà biết, kiếp có suy tận, không thể tính kể. Nhưng kiếp có hai thứ. Đại kiếp và tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào mà không có Phật xuất thế, khi ấy lại có Bích-chi-phật xuất thế, kiếp ấy gọi là tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào có Như Lai xuất thế, bấy giờ trong kiếp ấy không có Bích-chi-phật xuất thế; kiếp này gọi là đại kiếp.

“Tỳ kheo, hãy lấy phương tiện này để biết số của kiếp dài lâu không thể tính kể. Cho nên, Tỳ kheo, hãy ghi nhớ nghĩa của số kiếp này.”

Bấy giờ Tỳ kheo kia nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.³⁴

³⁴ Bản Hán, hết quyển 48.

PHẨM 51: PHI THUỜNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Thế nào, Tỳ kheo, các người trôi nổi sanh tử, trải qua khổ não, trong đó nước mắt buồn thương khóc lóc [814b] nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sanh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói không khác. Nước mắt mà các ông đổ ra trong sanh tử nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao vậy? Trong sanh tử đó, hoặc mẹ chết, nước mắt đổ xuống không thể kể xiết. Trong đêm dài, hoặc cha, hoặc anh, chị, em, vợ con, năm thân, những người ân ái, vì thương tiếc mà buồn khóc không thể kể xiết. Cho nên, Tỳ kheo, hãy nên nhàm chán sanh tử, tránh xa pháp này. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Khi nói pháp này, hơn 60 Tỳ kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Tham chiếu Pali, S.15.3 Asu (R. ii. 179). Hán, *Tap* (Việt) 1319.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Thế nào, Tỳ kheo, các người, trong sanh tử, máu đổ ra khi thân thể các người hủy hoại nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?”

Các Tỳ kheo đáp:

“Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sanh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Lành thay, lành thay, các Tỳ kheo! Đúng như các ông nói, máu nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao vậy? Trong sanh tử, hoặc có khi làm bò, dê, heo, chó, hươu, ngựa, chim, thú, và vô số loài khác nữa, trải qua khổ não, thật đáng nhàm chán, hãy suy niệm xả ly. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Khi Thế Tôn nói pháp này, hơn 60 Tỳ kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hãy tư duy vô thường tưởng, hãy quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy quảng bá vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn, thấy đều dứt sạch. Cũng như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn gì. Tỳ kheo, nên biết, nếu tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng, sẽ đoạn trừ sạch ái dục trong ba cõi.

“Thủa xưa, có vị quốc vương tên là Thanh Tịnh Âm Hưởng, thống lãnh Diêm-phù-địa với tám vạn bốn nghìn thành quách, có tám vạn bốn nghìn đại thần, tám vạn bốn nghìn cung [814c] nhân thể nữ. Mỗi một thể nữ có bốn người hầu. Bấy giờ Thanh vương Âm Hưởng không có con. Vị Đại vương này nghĩ như vậy, ‘Nay ta thống lãnh bờ cõi này, trị hóa mà không làm trái đạo lý. Nhưng nay ta không có người nối dõi. Nếu sau khi ta chết, gia đình, dòng họ sẽ đoạn tuyệt.’ Vì để có con nên quốc vương quy y nơi các trời, rồng, thần, mặt trời, mặt trăng, các sao; tỵ quy y Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, thần núi, thần cây, cho đến thần cỏ thuốc, cây trái: ‘Nguyện cầu phước cho tôi sanh con.’ Lúc bấy giờ trên trời Tam thập tam có một thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sắp dứt, năm điềm báo tự nhiên bức bách. Những gì là năm? Hoa quan của chư thiên không hề héo úa, nhưng hoa quan của thiên tử này tự nhiên héo húa. Y phục của chư thiên không có cấu bẩn, nhưng y phục của thiên tử đã cấu bẩn. Thân thể của chư thiên Tam thập tam thơm tho, tinh khiết, có ánh sáng rọi suốt; thân thể thiên này này bấy giờ có mùi hôi không ai gần được. Chư thiên Tam thập tam luôn luôn có ngọc nữ vây quanh trước sau để ca, múa, xướng hát, vui thú với ngũ dục; thiên tử này khi sắp mạng chung các ngọc nữ ly tán. Chư thiên Tam thập tam có tòa ngồi tự nhiên, sâu xuống đất bốn thước, và khi thiên tử đứng dậy thì tòa này rời khỏi mặt đất bốn thước; nhưng thiên tử này sắp mạng chung nên không thích chỗ ngồi cũ nữa. Đó là năm điềm báo tự nhiên bức bách.

“Khi thiên tử Tu-bồ-đề có điềm báo này, Thích Đề-hoàn Nhân bảo một thiên tử: ‘Ông hãy đến Diêm-phù-địa nói với vua Âm Hưởng rằng, Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong Vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của Vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm niềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của Vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia

học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.’ Vị thiên tử vâng lời, nói ‘Kính vâng, Thiên vương! Xin vâng lời dạy của Thiên vương.’ Rồi trong khoảnh khắc bằng như lực sỹ co duỗi cánh tay, biên mất khỏi Tam thập tam, hiện đến Diêm-phù-địa. Lúc bấy giờ Đại vương Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng hầu. Khi ấy vị trời này đứng giữa hư không nói với vua rằng, ‘Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong Vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của Vua. [815a]. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm niềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của Vua Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng.’ Vua Âm Hưởng nghe được lời này, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, liền trả lời vị trời rằng, ‘Nay ngài đến báo cho biết, thật đại hạnh! Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.’ Rồi thiên tử ấy trở về, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân tâu lại, ‘Tâu Thiên vương, vua Âm Hưởng rất mừng rỡ.’ Và thuật lại lời vua Âm Hưởng, ‘Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý.’

“Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ thiên tử Tu-bồ-đề, nói với thiên tử Tu-bồ-đề rằng, ‘Ông hãy phát nguyện sanh vào trong cung của vua loài người là Âm Hưởng. Vì sao vậy? Vua Âm Hưởng không có con. Nhưng luôn luôn cai trị đúng theo chánh pháp. Ông xưa có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thần vào trong cung đó.’ Thiên tử Tu-bồ-đề tâu, ‘Thôi, thôi, tâu Thiên vương! Tôi không thích nguyện sanh vào cung vua. Ý tôi muốn xuất gia học đạo. Nhưng ở trong cung thì sự học đạo rất khó.’ Thích Đề hoàn Nhân nói, ‘Ông chỉ cần phát nguyện sanh vào cung vua kia. Ta sẽ giúp đỡ để ông xuất gia học đạo.’

“Tỳ kheo, nên biết, thiên tử Tu-bồ-đề khi ấy liền phát nguyện sanh vào cung vua. Bấy giờ vua Âm Hưởng cùng với Đệ nhất phu nhân giao hội. Bà liền cảm thấy mình mang thai, liền tâu

với vua Âm Hưởng, ‘Đại vương, nên biết, tôi nay cảm giác mình đang mang thai.’ Vua nghe vậy rồi, hoan hỷ phần khởi không thể dừng được. Vua liền đặc biệt sai trái lót chỗ ngồi rất đẹp đẽ, ăn các thứ ngon ngọt như vua không khác. Qua tám chín tháng, sinh một đứa con trai cực kỳ xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vua Âm Hưởng bèn triệu các bà-la-môn ngoại đạo cùng các quần thần xem tướng. Vua đem hết nguồn gốc nhân duyên kể hết cho các tướng sư. Các bà-la-môn đáp: ‘Tâu Đại vương, hãy xét lý này. Nay sanh Thái tử hiếm có trên đời. Xưa tên là Tu-bồ-đề, nay theo như trước mà đặt tên là Tu-bồ-đề.’ Các tướng sư sau khi đặt tên rồi, ai nấy đứng dậy ra về.

“Vương tử Tu-bồ-đề bấy giờ được vua rất quý trọng, chưa từng rời khỏi **[815b]** mắt. Rồi một lúc, vua Âm Hưởng suy nghĩ, ‘Xưa ta không có con. Vì không có con nên cầu đảo các trời để có một đứa con. Sau một thời gian nay mới sanh con. Nhưng Thiên Đế đã báo trước, nó sẽ xuất gia học đại. Ta nay hãy bày phương tiện để nó không xuất gia học đạo.’ Rồi vua Âm Hưởng cho dựng cung điện ba mùa cho Thái tử. Mùa lạnh, có cung điện ấm. Mùa nóng có cung điện mát. Khi không lạnh không nóng, có cung điện thích thời. Lại cho dựng bốn chỗ ở cho cung nữ. Cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ. Cung thứ hai có sáu vạn thể nữ. Cung thứ ba có sáu vạn thể nữ. Cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Mỗi cung có bốn người hầu dọn trải thảm ngồi để cho thái tử ngồi nằm trên đó. Nếu ý vương tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước, tức thì có các thể nữ đứng phía trước, khi ấy thăm ngồi tùy thân chuyển tới. Phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn người hầu. Nếu muốn dạo chơi phía sau, thăm ngồi liền tùy thân chuyển theo. Nếu muốn cùng vui thú với các thể nữ, kho ấy thăm ngồi cùng tùy thân chuyển theo. Khiến cho vương tử Tu-bồ-đề tâm ý đắm nơi ngũ dục mà không muốn xuất gia.

“Cho đến một lúc, vào lúc nửa đêm, lúc không có người, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến vương tử Tu-bồ-đề, ở giữa hư không mà nói với vương tử, ‘Vương tử, há không phải xưa kia đã có ý

ngĩ này, ‘Ta sống tại gia cho đến tuổi tráng thịnh sẽ xuất gia học đạo’ chẳng? Nay sao lại vui thú trong ngũ dục, ý không còn ý nguyện xuất gia nữa? Nhưng ta cũng đã có nói, sẽ khuyến khích Vương tử xuất gia học đạo. Nay đã đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối tiếc vô ích.’ Thích Đề-hàn Nhân nói xong, biến mất.

“Lúc bấy giờ Vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung suy nghĩ như vậy, ‘Vua Âm Hưởng giăng lưới ái dục cho ta. Do bởi lưới ái dục này mà ta không xuất gia học đạo được. Nay ta phải cắt đứt lưới này không để bị lôi kéo bởi những thứ ô trược. Bằng chí tín kiên cố mà xuất gia học đạo, sống chỗ nhàn tĩnh, siêng năng tu tập nghiệp học để cho càng ngày càng tiến.’ Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ thêm, ‘Phụ vương Âm Hưởng cho sáu vạn thê [815c] nữ vây quanh trước sau. Ta hãy quán sát lý này, thử xem có ai tồn tại mãi ở đời chẳng?’ Rồi vương tử Tu-bồ-đề quán sát khắp trong cung, không thấy có nữ nhân nào sống mãi ở đời. Rồi Tu-bồ-đề lại nghĩ, ‘Ta nay sao lại quán vật bên ngoài? Hãy quán sát nội thân, do nhân duyên gì mà có. Nay trong thân này, các thứ như tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, có cái nào còn mãi ở đời chẳng? Từ đầu đến chân, quán sát ba mươi sáu thứ, thấy là ô uế bất tịnh. Từ quán sát thấy không một thứ đáng tham. Cũng không có cái gì chân thật, mà chỉ là huyễn vọng giả dối, thấy đều trở về không, không còn mãi ở đời.’ Rồi Vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ, ‘Ta nay phải cắt đứt cái lưới này mà xuất gia học đạo.’

“Bấy giờ Tu-bồ-đề quán sát thân năm thủ uẩn này. Rằng ‘Đây là sắc khổ. Đây là tập khởi của sắc. Đây là sắc diệt tận. Đây là xuất yếu của sắc.’² Thọ, tưởng, hành, thức khổ. Đây là tập khởi

² Bấy xử thiện, được nói rất nhiều trong các A-hàm cũng như Nikāya. Nói đủ (Cf. *Tap 2*, kinh 42, tr. 10a05): sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Pali, S. xxii. 57 Sattaṭṭhāna (R. iii. 61) : *rūpaṃ, rūpasamudayaṃ, rūpanirodhaṃ, rūpanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ, rūpassa assādaṃ, rūpassa ādīnavaṃ, rūpassa nissaraṇaṃ.*

của thức. Đây là diệt tận của thức. Đây là xuất yếu của thức.’ Sau khi quán thân năm thủ uẩn này rồi, biết rằng những gì là pháp tập khởi đều là pháp diệt tận, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà đắc quả Bích-chi-phật. Lúc bấy giờ Bích-chi-phật Tu-bồ-đề biết mình đã thành Phật, liền nói bài kệ:

Này Dục, ta biết người.

Ý do tư tưởng sanh.

Ta không tư tưởng người;

Thì người không tồn tại.

“Sau khi nói bài kệ xong, Bích-chi-phật liền bay lên hư không mà đi, rồi một mình bát-niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới dưới một gốc cây trong một núi nọ.

“Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo kẻ tả hữu, ‘Người hãy đi đến cung của Tu-bồ-đề, xem Vương tử có ngủ giấc yên ổn không?’ Quan đại thần vâng lệnh vua, đi đến cung của Thai tử. Nhưng cửa phòng ngủ đã khóa chặt. Đại thần quay trở lại tâu vua, ‘Vương tử ngủ yên. Cửa phòng đã khóa chặt.’ Vua lặp lại ba lần hỏi, ‘Người đến xem Vương tử ngủ có ngon không.’ Quan đại thần lại đến trước cửa cung. Nhưng cánh cửa đóng chặt. Ông quay trở lại, tâu vua, ‘Vương tử ở trong cung ngủ say không biết gì. Cửa cung khóa chặt, đến giờ vẫn chưa mở.’ Khi ấy vua Âm Hưởng nghĩ thầm, ‘Con ta, Vương tử, khi thiếu thời còn không mê ngủ. Sao nay tuổi tráng niên lại mê ngủ? Ta nên tự mình đến đó xem để biết con ta cát hung, hay có bệnh hoạn gì không.’

“Rồi vua Âm Hưởng đi đến cung của Tu-bồ-đề [816a], đứng ngoài cửa, bảo một người, ‘Người bắc thang leo vào trong cung mà mở cửa cho ta.’ Người ấy vâng lệnh vua, tức thì bắc thang, leo tường vào bên trong, mở cửa cho vua. Khi vua vào bên trong, quán sát bên trong cung, thấy chẵn đệm trống không mà không có vương tử. Không trông thấy vương tử, vua hỏi các thể nữ, ‘Vương tử Tu-bồ-đề hiện ở đâu?’ Thể nữ đáp, ‘Chúng

tôi cũng không biết Vương tử hiện đang ở đâu.’ Nghe nói thế, Vua Âm Hưởng gieo mình xuống đất, giây lâu mới tỉnh.

“Khi ấy, vua Âm Hưởng nói với quần thần, ‘Con ta khi còn nhỏ đã có ý nghĩ rằng, ‘Lớn lên con sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.’ Nay chắc chắn Vương tử đã bỏ ta mà xuất gia học đạo. Các người hãy đi khắp bốn phương tìm xem Vương tử rốt cuộc đang ở tại đâu.’

Quần thần tức thì cho xe cộ dung ruổi khắp mọi nơi tìm kiếm. Khi ấy có một vị đại thần đi vào trong núi kia, nửa đường chợt nghĩ, ‘Nếu Vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo tất phải ở trong núi này.’ Rồi thì, ông đại thần từ xa trông thấy vương tử Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây. Ông liền nghĩ thầm, ‘Đây chính là Vương tử Tu-bồ-đề.’ Nhìn kỹ, rồi quay trở về Vua, tâu rằng, ‘Vương tử Tu-bồ-đề đang ở gần đây, đang ngồi kiết già dưới một gốc cây trong núi.’ Vua Âm Hưởng nghe nói thế, liền đi đến núi đó. Từ xa trông thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây, tức thì vua gieo mình xuống đất, nói rằng, ‘Con ta ngày xưa đã tự thề nguyện rằng, Con đến 20 tuổi sẽ xuất gia học đạo. Nay quả không sai. Vả lại, trời đã có báo với ta rằng, con ta sẽ học đạo.’

“Bấy giờ Vua Âm Hưởng đi thẳng đến trước, nói với Tu-bồ-đề rằng, ‘Con nay sao bỏ cha mà xuất gia học đạo?’ Khi ấy Bích-chi-phật im lặng không trả lời. Vua lại nói, ‘Mẹ con rất buồn lo. Phải gặp con mới chịu ăn. Hợp thời thì con nên về cung.’ Bích-chi-phật vẫn ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng liền bước tới nắm tay, cũng không lay động. Vua mới nói với quần thần, ‘Vương tử hôm nay đã mạng chung rồi. Thích Đề-hoàn Nhân trước đây đã có báo ta, rằng ta sẽ có con, nhưng con ta sẽ xuất gia học đạo. Nay Vương tử đã xuất gia học đạo. Giờ hãy rước xá-lợi này về trong nước.’

“ Trong lúc đang hỏa thiêu,³ các vị thần kỳ trong núi đó, [816b] hiện nửa thân hình, râu vua rằng, ‘Đây là Bích-chi-phật, chứ không phải là Vương tử. Ta là đệ tử của chư Phật quá khứ. Chư Phật cũng có dạy rằng, ở đời có bốn hạng người xứng đáng dựng tháp⁴ thờ. Những gì là bốn? Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xứng đáng dựng tháp thờ. Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ. A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai, xứng đáng dựng tháp thờ. Chuyển luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.’⁵ Hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như hế nào, thì hỏa thiêu thân của Như Lai và Bích-chi-phật cũng như vậy.’ Vua Âm Hưởng hỏi chư thiên, ‘Cúng dường hỏa thiêu thân của Chuyển luân Thánh vương như thế nào?’ Thần cây đáp: ‘Làm quách bằng sắt cho Chuyển luân Thánh vương, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Chuyển luân Thánh vương, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu màu phũ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên đất, rồi để quách bằng sắt vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa thân Vua đi hỏa thiêu để lấy xá-lợi. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường không dứt. Dựng tháp tại các ngã tư đường. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ cúng dường. Đại vương, nên biết, sự việc cúng dường xá-lợi của Chuyển luân Thánh vương là như vậy. Cúng dường chư Phật Như Lai, Bích-chi-phật, A-la-hán, cũng giống như vậy.’

“Vua Âm Hưởng hỏi vị trời ấy rằng, ‘Do nhân duyên gì mà cúng dường thân của Chuyển luân Thánh vương? Lại do nhân duyên gì mà cúng dường thân của chư Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán?’ Trời đáp: ‘Chuyển luân Thánh vương cai trị đứng

³ Nguyên Hán: xà-tuần 蛇旬, một âm khác của trà-ti. Pali: *jhāpeti*.

⁴ Nguyên Hán; thân-bà 偷婆; phiên âm của *stūpa* (Skt.) hay *thūpa* (Pali).

⁵ Đề bản chép thiêu mục số 4 này.

pháp, tự mình không sát sanh, lại dạy người khác không sát sanh; tự mình không lấy của không cho, lại dạy người khác không trộm cướp; tự mình không đâm dật, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, sân nhuế, ngu si; tự mình chuyên hành chánh kiến, lại làm cho người khác cũng tập theo chánh kiến. Đại vương, do nhân duyên này Chuyên luân Thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì A-la-hán lậu tận xứng đáng **[816c]** dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Tỳ kheo A-la-hán lậu tận, ái dục đã dứt sạch, sân hận, ngu si đã diệt trừ, tự mình đã độ thoát, đạt đến Vô vi, là ruộng phước của thế gian. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Bích-chi-phật không Thầy mà tự mình giác ngộ, xuất hiện đời thật khó gặp, được báo ngay trong hiện pháp, thoát khỏi đường dữ, khiến người được sanh lên trời. Do nhân duyên này, Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Vua lại hỏi, ‘Do nhân duyên gì Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ?’ Trời đáp: ‘Như Lai có đầy đủ mười lực. Mười lực ấy không phải là những pháp mà Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt được. Như Lai có bốn vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, vận chuyển Phạm luân. Như Lai độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến bát-niết-bàn những ai chưa bát-niết-bàn; che chở những ai cô khổ, làm con mắt cho kẻ mù, làm đại y vương cho người bệnh; hết thầy chư thiên, người đời, Ma và Ma thiên, thầy đều tuân phụng, tôn kính, quý trọng, xoay chuyển nẻo dữ quay sang nẻo lành. Đại vương, do nhân duyên này Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ. Đại vương, đó là nhân duyên gốc ngọn mà bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ.’

“Bấy giờ Vua Âm Hưởng nói với vị thiên thần này, ‘Lành thay, lành thay, Thiên thần! Nay tôi sẽ theo lời ông dạy để cúng dường xá-lợi này theo phép cúng dường Bích-chi-phật.’”

“Sau đó, Vua Âm Hưởng bảo mọi người, ‘Các người hãy rước xá-lợi của Bích-chi-phật Tu bồ-đề về trong nước’ Quân thần vâng lệnh vua, đặt lên kim sàng rồi rước về trong nước. Khi ấy Vua Âm Hưởng liền ra lệnh là cái quách bằng sắt, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Bích-chi-phật, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu nhiều màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ cho chắc chắn. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên, rồi để thân Bích-chi-phật vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa xá-lợi Bích-chi-phật đi hỏa thiêu. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường ca nhạc. Tại **[817a]** ngã tư đường dựng một ngôi tháp. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ và tấu nhạc cúng dường.”

“Tỳ kheo, nên biết, những chúng sanh nào cúng dường xá-lợi của Bích-chi-phật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên trời Tam thập tam. Có chúng sanh tư duy vô thường tưởng, quay khỏi ba đường dữ mà chuyển sanh vào cõi người, trên trời.”

“Các Tỳ kheo, các ông chớ nghĩ Vua Âm Hưởng bây giờ là ai khác. Đó là thân Ta vậy. Những ai tư duy vô thường tưởng, sẽ được nhiều lợi ích. Nay Ta xét nghĩa này nên nói với các Tỳ kheo, hãy tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn cũng vĩnh viễn diệt trừ. Cũng như ngọn lửa đốt cháy cỏ cây trước cửa sổ giảng đường cao đẹp, cháy sạch không còn gì. Tỳ kheo tư duy vô thường tưởng cũng vậy, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái. dứt sạch không còn tàn dư,”

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên nhất tâm ý chớ để sai trái.”

Khi pháp này được thuyết, 60 tỷ kheo ngay trên chỗ ngồi dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỷ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỷ kheo:

“Tỷ kheo, Tỷ kheo ni nào không đoạn năm tặc của tâm,⁷ không từ năm kết của tâm,⁸ với Tỷ kheo, Tỷ kheo ni ấy pháp thiện giảm chứ không tăng.

“Những gì là năm tặc của tâm mà không đoạn trừ? Ở đây, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không giải thoát,⁹ không nhập chánh pháp.¹⁰ Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỷ kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, không giải thoát, không nhập chánh pháp. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỷ kheo có tặc của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỷ kheo có tâm hồ nghi đối với Thánh chúng, không giải thoát, cũng không dụng ý hướng đến chúng hòa hiệp, cũng

⁶ Tham chiếu Pali, M.16 Cetokhila (R. i. 101). Hán, *Trung 56*, kinh 106 (Tâm uế 心穢).

⁷ Nguyên Hán: tâm ngũ tặc 心五弊. Cf. *Trung 56*: tâm ngũ uế 心中五穢; *Tập dị 11* (tr 416b29): ngũ tâm tài 五心裁. Pali: pañca *cetokhila*, năm trạng thái hoang dã của tâm.

⁸ Hán: tâm ngũ kết 心五結. *Trung 56*: tâm ngũ phược 心中五縛; *Tập dị 11* (tr. 0418a13): ngũ tâm phược 五心縛者.

⁹ Hiểu là không cởi mở, không quyết đoán.

¹⁰ Hiểu là không có tịnh tín.

không ở trng pháp đạo phẫm. Đó là Tỳ kheo có tề của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo phạm cấm giới cấm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm. Tỳ kheo đã phạm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm, nên không để tâm nơi pháp đạo phẫm. Đó là Tỳ kheo có tề của tâm mà không đoạn trừ.

“Lại **[817b]** nữa, Tỳ kheo có tâm ý bất định mà tu phạm hạnh, rằng ‘Với công đức tu phạm hạnh này, mong ta sanh lên trời, hoặc sanh làm các thần kỳ.’ Với tâm ấy mà tu phạm hạnh, tâm không chuyên nhất vào trong đạo phẫm. Do tâm không ở trong đạo phẫm, nên đó là tề của tâm mà không đoạn trừ.

“Nhu vậy, Tỳ kheo có năm tề của tâm mà không đoạn trừ.

“Thế nào là năm kết của tâm không được đoạn trừ? Ở đây, Tỳ kheo biếng nhác, không tìm cầu phương tiện. Tỳ kheo kia do biếng nhác, không tìm cầu phương tiện, nên nói là Tỳ kheo có kết của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ. Tỳ kheo ấy do thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ, nên nói là Tỳ kheo có kết thứ hai của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo mà ý không định, thường xuyên hay tán loạn. Tỳ kheo kia do tâm loạn bất định, nên nói Tỳ kheo có kết thứ ba của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo mà căn môn bất định. Tỳ kheo ấy do căn môn bất định, nên nói là Tỳ kheo có kết thứ tư của tâm không được đoạn trừ.

“Lại nữa, Tỳ kheo hằng ưa ở tại thị tứ, không thích ở chỗ vắng tĩnh. Đó là Tỳ kheo có kết thứ năm của tâm không được đoạn trừ.

“Tỳ kheo, Tỳ kheo ni có năm kết của tâm này mà không được đoạn trừ, với Tỳ kheo, Tỳ kheo ni ấy ngày đêm pháp thiện đoạn tuyệt chứ không tăng trưởng.

“Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng¹¹ mà không tùy kheo được bao che, được ấp ủ, được chăm sóc; dù gà mẹ có ý nghĩ rằng, ‘Mong cho các con của ta được an toàn không gì khác.’ Nhưng các gà con ấy không được an ổn. Vì sao vậy? Vì không được tùy thời chăm sóc. Về sau chúng bị hư, không nở gà con. Ở đây cũng vậy, Tùy kheo, Tùy kheo ni mà năm kết của tâm không được đoạn, năm tặc của tâm không được trừ, thì ngày đêm pháp thiện giảm chứ không tăng ích.

“Nếu Tùy kheo mà năm kết của tâm được đoạn, [817c] năm tặc của tâm được trừ, thì ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm. Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng, tùy thời chăm sóc, tùy thời nuôi nấng, tùy thời che chở, gà tuy có nghĩ rằng, ‘Mong các con của ta toàn không thành tựu. Nhưng các gà con kia vẫn thành tựu an ổn, vô vi. Vì sao vậy? Tùy thời được nuôi lớn khiến được vô vi, cho đến khi các gà con được ra khỏi ngoài. Đây cũng vậy, Tùy kheo, Tùy kheo mà năm tặc của tâm được đoạn, năm kết của tâm được trừ, với Tùy kheo, Tùy kheo ni ấy, ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm.

“Cho nên, Tùy kheo, Tùy kheo ni, hãy an lập tâm không có do dự hồ nghi đối với Phật, do dự hồ nghi đối với Pháp, do dự hồ nghi đối với Chúng, đầy đủ giới, tâm ý chuyên chánh không có thác loạn, cũng không khởi ý mong cầu pháp khác, cũng không tu phạm hạnh cầu may rằng ‘Ta do hành pháp này sẽ sanh làm thân người trời, thần diệu, tôn quý.’

“Nếu Tùy kheo, Tùy kheo ni không có hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, cũng có điều gì sai sót, Ta nói với các người, dặn dò thêm nữa các người, Tùy kheo kia có hai nơi để đến, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người.

“Cũng như người ở trong chỗ cực nóng, lại bị đói khát; mà gặp được chỗ có bóng mát, được nước suối mát lạnh mà uống;

¹¹ Hán: kê tử 雞子, gà con. Cũng có thể hiểu là trứng.

người ấy dù có nghĩ rằng, ‘Ta tuy gặp được bóng mát, nước lạnh của suối mà uống, nhưng không dứt đói khát.’ Nhưng người ấy vẫn hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng vậy. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà không hề nghi do dự đối với Như Lai, Tỳ kheo ấy có hai chỗ để đến, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào loài người.

“Cho nên, Tỳ kheo, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện đoạn năm kết của tâm, trừ năm tặc của tâm. Như vậy, các Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Hoặc có khi uy quyền của vua không phổ cập, trộm cướp tranh nhau nổi lên. Khi trộm cướp nổi lên, nhân dân trong các thôn xóm, thành thị, thầy đều bị bại vong. Hoặc có người gặp phải đói khát mà mạng chung. Giả sử chúng sanh ấy vì đói khát mà mạng chung, đều rơi vào ba nẻo dữ.

“Ở đây, với Tỳ kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu sự trì giới bị sút kém, khi ấy ác Tỳ kheo tranh nhau khởi lên làm ác. Khi Tỳ kheo tranh nhau nổi lên làm ác, Chánh pháp dần dần suy giảm, **[818a]** phi pháp tăng trưởng. Khi phi pháp tăng trưởng, chúng sanh ở đó đều rơi vào ba nẻo dữ.

“Hoặc khi uy quyền của vua lan xa, khiến cho giặc cướp lẫn trốn. Do uy quyền của vua lan xa mà nhân dân trong thành thị, thôn xóm trở nên đông đúc. Ở đây, với Tỳ kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu trì giới trọn vẹn, Tỳ kheo phạm giới dần dần suy giảm, Chánh pháp hưng thịnh. Bấy giờ, chúng sanh sau khi mạng chung thầy đều sanh lên trời, sanh trong loài người.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy tâm niệm giới luật cho đầy đủ; uy nghi, lễ tiết, không có điều gì khuyết giảm. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chớ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sanh vào nẻo dữ.

“Chẳng thà để cho dùi sắt đang rực cháy ịn vào mắt, chứ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo khởi tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức. Tỳ kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Điều Ta muốn nói là như vậy.

“Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chứ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại chứ không để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức.

“Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ chứ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kim nóng làm hư hoại mũi, chứ đừng vì ngửi mùi mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ kheo nổi lên loạn tưởng thì bị bại hoại bởi thức. Do bị bại hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Điều mà Ta muốn nói là như vậy.

“Chẳng thà lấy gươm bén cắt đứt lưỡi, chứ không để vì lời nói hung dữ, thô bạo, mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Chẳng thà thường ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà nổi lên tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy tấm lá đồng nóng đỏ quán quanh thân mình, chứ không giao thông với phụ nữ của trưởng giả, cư sỹ, bà-la-môn. Nếu cùng giao thông, qua lại chuyện trò, tất phải rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Điều Ta muốn nói chính là như vậy.

“Chẳng thà thường hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý nghĩ muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thanh chúng, đọa tội ngũ nghịch, thì dù có đến ức nghìn chư Phật cũng không thể cứu chữa. Những ai gây đầu loạn giữa Chúng, người ấy sẽ đọa tội không thể cứu chữa [818b]. Vì vậy ở đây Ta nói, chẳng thà cứ hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu chữa.

“Cho nên, Tỳ kheo, hãy gìn giữ sáu tình chứ để sai sót. Như vậy, Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc¹² có bốn người con.¹³ Chúng không thờ Phật, Pháp, Thánh chúng, không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với bốn người con:

“Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.”

Các con thưa:

¹² A-na-bân-đề 阿那分邸. Để bản chép nhầm là A-na-bân-kỳ 阿那分祁.

¹³ Theo nguồn Pali, ông có một con trai tên Kāla, và 3 người con gái: Mahā-Subhddā, Cūla-Subhaddā, Sumanā.

“Thưa cha, chúng con không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Cấp Cô Độc nói:

“Cha sẽ các con mỗi đứa một nghìn lượng vàng ròng, nếu nghe lời cha mà tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Các con thưa:

“Chúng con cũng không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.”

Người cha lại nói:

“Cha cho các con hai nghìn” Rồi cứ thêm: ba nghìn, bốn nghìn, năm nghìn lượng vàng, “Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.”

Các con sau khi nghe nói vậy, im lặng nhận lời. Rồi chúng hỏi:

“Chúng con sẽ tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng như thế nào?”

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

“Các con tất cả theo cha đi đến Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, các con hãy ghi nhớ mà vâng làm.”

Các con thưa với cha:

“Như Lai nay đang ở đâu, cách đây gần xa?”

Người cha đáp:

“Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, nay đang ở tại nước Xá-vệ, trú trong vườn của cha.”

Rồi thì, Cấp Cô độc dẫn bốn người con đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, trưởng gia Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn rằng:

“Bốn đứa con của con đây chưa tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Gần đây, con cho mỗi đứa năm nghìn lượng vàng, khuyến khích thờ Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp cho chúng, để chúng được phước vô lượng lâu dài.”

Bấy giờ Thế Tôn lần lượt thuyết pháp cho bốn người con của ông trưởng giả, khiến cho được hoan hỷ. Các người con của ông trưởng giả sau khi nghe pháp, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, quỳ mọp trước Phật, bạch Thế Tôn rằng:

“Chúng con mỗi đứa ra tự quy y Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau không sát sanh, cho đến không uống rượu.”

Nói như vậy [818c] ba lần. Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn rằng:

“Nếu có ai xuất tài vật thuê người thờ Phật, người ấy được phước như thế nào?”

Thế Tôn nói:

“Lành thay. lành thay, Trưởng giả! Vì để người trời được an lạc mà ông hỏi Như Lai nghĩa này. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe.”

Trưởng giả vâng lời Phật, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Có bốn kho báu lớn.¹⁴ Những gì là bốn? Kho của rồng Y-bát-la ở nước Càn-đà-vệ, là một kho. Trong cung này chứa đầy vô số vật trân bảo. Kho Ban-trù ở nước Mật-đế-la, chứa trân bảo nhiều vô lượng không thể kể hết. Kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, chứa trân bảo nhiều không thể kể. Kho Tương-khu tại nước Bà-la-nại chứa trân bảo nhiều không thể kể. Giả sử trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Y-bát-la vẫn không hề voi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Ban-trù, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không voi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không voi bớt. Mỗi người đến

¹⁴ Xem kinh 3 phẩm 48 trên.

lấy nơi kho Tương-khu tại nước Bà-la-nại, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt.

“Này Trưởng giả, đó là bốn kho lớn, mà trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, vẫn không hề vơi bớt.

“Trong đời tương lai có Phật hiệu Di-lặc xuất hiện ở đời. Quốc giới bấy giờ có tên là Kê-đầu, đó là chỗ vua cai trị, đông sang tây 12 do-tuần; nam đến bắc 7 do-tuần. Nhân dân đông đúc. Thóc lúa dồi dào. Chung quanh thành Kê-đầu nơi vua cai trị có bảy lớp ao nước, mỗi cái rộng một do-tuần, mà đây là cát vàng. Trong ao mọc các loại hoa sen ưu-bát, câu-vật-đầu, phân-đa-lợi. Nước tượng màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Khi nước bạc đông cứng, nó trở thành bạc. Khi nước vàng đông cứng, nó trở thành vàng. Khi nước thủy tinh đông cứng, nó trở thành thủy tinh. Khi nước lưu ly đông cứng, nó trở thành thủy tinh.

“Này ông Trưởng giả, nên biết, thành có bốn cửa. Trong ao nước bạc, bực cửa được làm bằng vàng. Trong ao nước vàng, bực cửa được làm bằng bạc. Trong ao thủy tinh, bực cửa được làm bằng lưu ly. Trong ao lưu ly, bực cửa được làm bằng thủy tinh.

“Trưởng giả, nên biết, chung quanh thành Kê-đầu bấy giờ treo các linh. Tiếng linh khi được nghe [819a] đều phát ra âm thanh năm loại nhạc. Trong thành này thường xuyên có bảy loại tiếng. Những gì là bảy? Đó là tiếng tiếng loa, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn,¹⁵ tiếng trống trận,¹⁶ tiếng ca múa.

“Trong thành Kê-đầu lúc bấy giờ sanh thứ lúa tự nhiên dài ba tấc, rất là thơm ngon, cho ra các mùi vị thượng hạng; vừa gặt xong thì sanh trở lại, không thấy chỗ đã bị cắt lấy.

¹⁵ Hán; viên cổ 員鼓.

¹⁶ Hán: bè cổ 鞞鼓.

“Vua thời bấy giờ tên là Trương-khư,¹⁷ cai trị bằng pháp, có đầy đủ bảy báu. Trưởng giả, nên biết, vị đại thần điển tàng lúc đó tên là Thiện Bảo, đức cao, trí tuệ, thiên nhân đệ nhất. Ông có thể biết chỗ nào có kho tàng bảo vật. Nếu kho có chủ, ông tự nhiên giữ gìn. Nếu là kho vô chủ, ông lấy đem dâng cho vua. trong lúc đó, Long vương Y-bát-la, Long vương Ban-trù, Long vương Tân-già-la, Long vương Trương-khư; bốn Long vương này quản lý bốn kho báu. Các vị này đến nói với quan điển tàng Thiện Bảo:

“Cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp.”

Khi ấy bốn Long vương nói:¹⁸

“Xin nguyện dâng hiến bảo vật trong bốn kho để tự ý sử dụng.”

Điển tàng Thiện Bảo liền lấy bảo vật trong bốn kho dâng lên vua Trương-khư, cùng với xe lông chim¹⁹ bằng vàng.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Y-la ở Kiên-đà;
Ban-trù tại Mật-si,²⁰
Tân-già nước Tu-lại;
Trương khư, Ba-la-nại.*

*Đây là bốn kho báu,
Tràn đầy các bảo vật,
Bấy giờ thường xuất hiện,
Do công đức mà có;*

*Dem dâng Thánh vương kia,
Vàng, bạc, xe bảo vũ.
Các thần đều hộ vệ,
Ngày đêm được hưởng phước.*

¹⁷ Xem kinh3 phẩm 48.

¹⁸ Bản hán có thể nhảy sót nên đoạn văn thiếu mạch lạc.

¹⁹ Bảo vũ xa 寶羽車, xe có gắn lông chim; xem kinh 1 phẩm 23.

²⁰ Mật-si 蜜締, trên kia chép Mật-đế.

“Bấy giờ có Phật xuất hiện ở đời giáo hóa nhân dân, hiệu là Di-lặc, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn.

“Trương giả, nên biết, quan điển tàng Thiện Bảo lúc đó há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chủ kho bấy giờ chính là Trương giả hiện nay vậy.

“Bấy giờ vua Tương-khư đem vàng bạc đi làm phước đức rộng rãi. Vua dẫn theo tám vạn bốn nghìn đại thần vây quanh trước sau đi đến chỗ Di-lặc mà xuất gia học đạo. Quan điển tàng cũng làm phước đức rộng rãi, rồi cũng xuất gia học đạo, chấm dứt biên tế khổ. Đấy đều là do Trương giả dắt [819b] dẫn bốn con khiến tự quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ kheo. Do bởi công đức này mà không rơi vào ba nẻo dữ. Lại do duyên đức này mà được bốn kho báu lớn. Cũng do bởi báo ứng này mà làm người quản lý kho tàng cho vua Tương-khư, rồi ngay trong đời ấy mà chấm dứt biên tế khổ. Vì saovậy? Công đức quy y Phật, Pháp, Tăng không thể lường hết được. Những ai tự quy y Phật, Pháp, Chúng, phước đức đều như vậy.

“Cho nên, này Trương giả, hãy thương tưởng đến các loài hữu hình, tìm cầu phương tiện hướng đến Phật pháp. Như vậy, Trương giả, hãy học điều này.”

Trương giả Cấp Cô Độc khi ấy hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ rồi lui đi. Bốn người con của ông cũng vậy.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc cùng với bốn con nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8²¹

Tôi nghe như vậy:

²¹ Tham chiếu Pali, M. 143. Anāthapiṇḍikovāda (R. iii. 257). Hán, *Trung 6*, kinh 28.

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc thân mang trọng bệnh. Xá-lobh, bằng thiên nhãn thanh tịnh không bợn dơ, thấy trưởng giả Cấp Cô Độc thân mang trọng bệnh, bèn nói với A-nan:

“Thầy cùng tôi đi đến thăm Trưởng giả Cấp Cô Độc.”

A nan đáp:

“Nên biết bây giờ là đúng lúc.”

Lúc bấy giờ, đến giờ, A-nan khoác y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; lần hồi đi đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc, ngồi lên chỗ ngồi. Khi ấy Xá-lobh đang ở trên chỗ ngồi, nói với trưởng giả Cấp Cô Độc:

“Bệnh của ông nay có thêm bớt gì không? Có thấy đau nhức bớt dần mà không tăng thêm nặng không?”

Trưởng giả đáp:

“Bệnh của con giờ rất ít hy vọng. Chỉ cảm thấy tăng chứ không cảm thấy giảm.”

Xá-lobh nói:

“Bây giờ Trưởng giả hãy nhớ tưởng Phật, rằng Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn. Ông cũng hãy nhớ tưởng Pháp, rằng Pháp của Như Lai rất sâu thẳm, đáng tôn, đáng quý, không gì sánh bằng, là điều mà Hiền Thánh tu hành. Ông cũng hãy nhớ tưởng Tăng, rằng Thánh chúng của Như Lai hòa thuận trên dưới, không tranh tụng, thành tựu pháp tùy pháp. Thánh chúng ấy thành tựu giới, thành tựu tam muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Tăng ấy gồm bốn đôi tám hạng. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng tôn, đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

“Này Trưởng giả, nếu ai tu hành niệm Phật, [819c] niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ kheo, phước đức ấy không thể tính kể, đạt đến chỗ cam lộ diệt tận.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, niệm Tam tôn Phật, Pháp, Thánh chúng, mà đọa vào ba nẻo dữ, không có trường hợp ấy. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu niệm Tam tôn chắc chắn đi đến cõi lành, sanh lên trời, trong loài người.

“Rồi sau đó, này Trưởng giả, không khởi nơi sắc,²² cũng không y sắc mà khởi nơi thức²³ không khởi nơi thanh, cũng không y thanh mà khởi nơi thức; không khởi hương, cũng không y hương mà khởi nơi thức; không khởi nơi vị, cũng không y vị mà khởi nơi thức; không khởi nơi xúc trơn mịn, cũng không y xúc trơn mịn mà khởi nơi thức; không khởi nơi ý, cũng không y ý mà khởi nơi thức. Không khởi đời này, đời sau;²⁴ cũng không y đời này, đời sau mà khởi nơi thức. Không khởi nơi ái, cũng không y ái mà khởi nơi thức. Vì sao vậy? Duyên ái mà có thủ; duyên thủ mà có hữu; duyên hữu mà có sanh, chết, sầu ưu khổ não không thể kể hết. Đó là có năm khổ thủ uẩn này.

“Không có ngã, nhân, thọ mạng, sĩ phu, manh triệu, các loài hữu hình.²⁵ Khi mất khởi thì khởi, không biết nó từ đâu đến. Khi mất diệt thì diệt, không biết nó đi về đâu. Không có, mà mất sanh; đã có, rồi mất diệt; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nói là pháp nhân duyên, đó là, duyên cái này mà

²² Hán: bắt khởi 不起於色. Pali: *na cakkhūṃ upādiyissāmi*, tôi không chấp thủ sắc; nhưng bản Hán đọc là *uppādessāmi*, tôi sẽ không khởi

²³ Pali: *na ca me cakkhunissitaṃ viññāṇaṃ bhavissati*, tôi cũng không có thức y nơi mắt.

²⁴ Hán: kim thế, hậu thế. Pali: *idhalokaṃ, paralokaṃ*, thế giới này, thế giới khác.

²⁵ Các từ khác nhau chỉ tự ngã: ngã 我 (Pali: *attā*, Skt. *ātman*), nhân 人 (Pali: *puggala*, Skt. *pudgala*), thọ mạng 壽命 (Pali, Skt.: *jīva*), sĩ phu 士夫 (Pali: *purisa*, Skt. *puruṣa*), manh triệu 萌兆 (=bằng triệu? có dấu hiệu này mầm, Pali, Skt. *bhūta*, mầm sống, sinh vật, linh vật).

có cái kia; cái này không thì cái kia không. Tức là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc*, duyên xúc có thọ*, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ*, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có chết, duyên chết có sàu ưu khổ não không thể kể xiết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Không có, mà sanh; đã có, rồi diệt; không biết nó từ đâu đến cũng không biết nó đi về đâu; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nay Trưởng giả, đó gọi là pháp hành Không đệ nhất.”

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc buồn rầu rơi lệ không thể tự dùng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Cấp Cô Độc:

“Vi nhân duyên gì mà ông bi cảm như vậy?”

Trưởng giả đáp:

“Không phải con bi cảm. Vì sao? Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ kheo trưởng lão, nhưng chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.”

Khi ấy A-nan nói với Cấp Cô Độc:

“Trưởng giả, nên biết, thế gian có hai hạng [820a] người được Như Lai nói đến. Những gì là hai? Một là biết lạc, hai là biết khổ. Người đã quen sống với lạc kia, như thiện gia nam tử Da-thâu-đề. Người quen sống với khổ kia như Tỳ kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này Trưởng giả, Tỳ kheo Da-thâu-đề giải Không đệ nhất. Người được tin giải thoát là Tỳ kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này Trưởng giả, người biết khổ và người biết lạc, cả đều tâm được giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai có thể sánh bằng. Bởi vì họ không chìm mất (chết), cũng không sanh.²⁶ Cả hai đều tinh cần vắng lời Phật dạy không biếng

²⁶ Pali, A-nan hỏi Cấp Cô Độc: *olīyasi kho tvam, gahapati, saṃsīdasi kho tvam, gahapati?* “Giả chủ, ông đang bám chặt lấy (sự sống), hay đang chìm lìm (chết)?”

nhắc, bỏ phé. Nhưng vì tâm có sự tăng giảm, nên người ta có kẻ biết, có kẻ không biết. Đùng như Trưởng giả đã nói, ‘Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ kheo trưởng lão, nhưng trước đây chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.’ Tỳ kheo Da-thâu-đề nhìn nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ kheo Bà-già-lê quán sát nhìn con dao mà tức thì tâm được giải thoát. Cho nên, này Trưởng giả, nên làm như Tỳ kheo Bà-già-lê.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp một cách rộng rãi, khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Xá-lợi-phất đi chưa bao lâu, giây lát Cấp Cô Độc mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam. Thiên tử Cấp Cô Độc này có năm công đức hơn hẳn chư thiên kia. Những gì là năm? Thọ mạng cõi trời, nhan sắc cõi trời, lạc thú cõi trời, oai thần cõi trời, và ánh sáng cõi trời. Thiên tử Cấp Cô Độc khi ấy suy nghĩ như vậy, “Ta có được thân này là do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên an trú mà hưởng thụ nơi ngũ dục. Trước hết, hãy đến Thế Tôn lễ bái, thăm hỏi.

Rồi thiên tử Cấp Cô Độc với các thiên tử khác vây quanh trước sau cầm hoa trời rải lên thân Như Lai. Như Lai lúc ấy đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Vị thiên tử này đứng giữa hư không, chấp tay hướng về Thế Tôn mà nói bài kệ:

*Đây là cõi Kỳ-hoàn,
Chúng Tiên nhân²⁷ đang ở.
Nơi Pháp vương ngự trị;
Khiến phát tâm hoan hỷ.*

²⁷ Tiên nhân chúng; Tiên nhân ở đây chỉ Phật. Chúng, dịch nghĩa của Tăng. Pāli: *isisaṅgha*.

Thiên tử Cấp Cô Độc nói xong bài kệ này, Như Lai im lặng ẩn khả. Liên khi ấy, vị thiên tử này nghĩ, “Như Lai đã im lặng ẩn khả, ta nên xả thân túc để xuống hầu một bên.

Bấy giờ Thiên tử Cấp Cô Độc bạch [820b] Thế Tôn rằng:

“Con là Tu-đạt, lại tên là Cấp Cô Độc mà mọi người đều rõ, lại cũng là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy của Thánh Tôn. Nay con đã mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam.”

Thế Tôn nói:

“Ông do ân đức gì mà nay được thân trời này?”

Thiên tử bạch Phật:

“Con mong nhờ oai lực của Phật mà được thân trời.”

Rồi thiên tử Cấp Cô Độc rải hoa trời lên trên thân Như Lai, và cũng rải lên trên thân của A-nan và Xá-lợi-phất. Sau đó, đi nhiều khắp Kỳ-hoan bảy vòng, và biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-nan:

“Đêm qua có thiên tử đến chỗ Ta, nói bài kệ sau đây.:

*Đây là cõi Kỳ-hoàn,
Chúng Tiên nhân đang ở.
Nơi Pháp vương ngự trị;
Khiến phát tâm hoan hỷ.*

“Rồi thiên tử ấy đi nhiều khắp Kỳ-hoan bảy vòng, và lui mất. A-nan, ông có biết thiên tử ấy không?”

A nan đáp:

“Tất nhiên là Trưởng giả Cấp Cô Độc.”

Phật nói:

“A-nan, đúng như lời ông nói. Lành thay, ông bằng trí vị trí²⁸ mà biết được thiên tử ấy. Vì sao vậy? Vị đó là thiên tử Cấp Cô Độc.”

A nan bạch Phật:

²⁸ Vị trí trí 未知智, trí chưa biết, chỉ trí tuệ của bậc hữu học. Pali: *anaññāta*.

“Cấp Cô Độc nay sanh lên trời, tên là gì?”

Phật đáp:

“Vẫn tên là Cấp Cô Độc. Vì sao vậy? Vị thiên tử này ngay ngày mới sanh chư thiên ở đó ai cũng nói, ‘Thiên tử này khi còn ở loài người là đệ tử của Như Lai, luôn luôn với đấng tâm mà bố thí rộng khắp, giúp đỡ hết thảy những người nghèo khổ. Do công đức này, ở trên trời Tam thập tam vẫn gọi tên cũ là Cấp Cô Độc.’”

Bấy giờ Thế Tôn ói với các Tỳ kheo:

“Tỳ kheo mà có công đức lớn, thành tựu trí tuệ, đó là A-nan. Nay đang ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai sánh bằng. Vì sao vậy? Điều mà A-la-hán cần phải biết, thì A-nan cũng biết. Điều cần học nơi chư Phật quá khứ, A-nan cũng đều biết rõ. Thời quá khứ có người nghe rồi mới hiểu rõ, còn như Tỳ kheo A-nan hiện nay mới nhìn ngắm cũng biết rõ, rằng ‘Như Lai cần như vậy, Như Lai không cần như vậy.’ Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định rồi mới biết sự việc chưa xảy ra. Còn như Tỳ kheo A-nan của Ta ngày nay nhìn đến là tỏ rõ.”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu biết rộng rãi, có tinh tấn dũng mãnh, niệm không thác loạn. đa **[820c]** văn đệ nhất, có khả năng chấp sự, đó là Tỳ kheo A-nan.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

²⁹ Tham chiếu Pali, A.VII 59 Sattabhariyā (R. iv. 91).

Bấy giờ trưởng Cấp Cô Độc có người con dâu tên là Thiện Sanh,³⁰ dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc,³¹ ý vào dòng họ, cậy thế hào tộc, không cung kính cha mẹ chồng và chồng, cũng không thờ Phật, Pháp, Tăng Tỳ kheo, không kính phụng Tam tôn.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

“Gần đây con cưới vợ cho con trai. Nàng ấy là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc, tự thị dòng tộc trọng vọng, không thừa sự Tam tôn, không biết trưởng lão, tôn ti. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp để nàng sanh hoan hỷ, tâm ý khai tỏ.”

Như Lai khi ấy im lặng hứa khả điều mà trưởng giả nói. Ông trưởng giả lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con, cùng với Tăng Tỳ kheo.”

Khi ông trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn các thứ ẩm thực, trái dọn chỗ ngồi tốt đẹp. Khi đến giờ, ông bạch Phật:

“Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Cơm đã dọn đủ.”

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến nhà ông trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Ông trưởng giả lấy lấy một cái ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai. Rồi Thế Tôn nói với cô Thiện Sanh:

“Này con gái ông Trưởng giả, nên biết, chồng đối với vợ có bốn việc.³² Những gì là bốn? Có người vợ như là mẹ. Có người

³⁰ Thiện Sanh 善生, Pali: Sujātā.

³¹ Theo tài liệu Pali, cô là em gái út của bà Visakhā, con của Trưởng giả Dhanañjayasetthi.

³² Pali: có bảy loại vợ

vợ như là bạn thân, có người vợ như là giặc, có người vợ như là nô tỳ.

“Cô nên biết, vợ như mẹ, ấy là tùy thời chăm sóc chồng không để thiếu thốn, thờ kính, phục vụ. Người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân không thể rình cơ hội. Nay con gái ông trưởng giả, đó gọi là vợ như mẹ.

“Người vợ kia như thế nào gọi là bạn thân? Ở đây, này con gái ông trưởng giả, sau khi thấy chồng rồi, tâm không tăng giảm, cùng chung vui hay khổ. Đó gọi là vợ như bạn thân.

Thế nào gọi vợ như giặc? Ở đây, này Cô, khi thấy chồng, trong lòng sân nhuế, [821a], ganh ghét chồng, không phục vụ, không thờ kính, không cung kính, thấy là muốn hại, mà tâm để nơi người khác. Chồng không thân vợ, vợ cũng không thân chồng. Người ấy không được mọi người yêu kính; không được chư thiên hộ vệ, sẽ bị ác quỷ xâm hại; thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục. Người như vậy gọi là vợ như giặc.

“Thế nào là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ hiền lương, thấy chồng thì tùy thời chăm sóc, nhẫn nhịn lời nói, không bao giờ cãi lại; nhẫn chịu khổ lạnh, hằng có tâm từ ái. Đối với Tam tôn thì sanh niệm tưởng này. ‘Kia còn thì tôi còn. Kia suy thì tôi suy.’ Do sự việc ấy, người ấy được chư thiên hộ vệ; người và loài phi nhân đều yêu mến; thân hoại mạng chung sanh vào chỗ lành, sanh lên trời.

“Đó là, này con gái ông Trưởng giả, có bốn loại vợ này. Nay Cô thuộc vào loại nào?”

Cô gái ấy sau khi nghe Thế Tôn nói, liền đến trước Phật, lạy dưới chân rồi bạch Thế Tôn rằng:

“Cúi lạy Thế Tôn, con nay xin sửa đổi việc đã qua, tu tập việc sẽ đến. Không còn dám như trước nữa.. Từ nay về sau, con sẽ thường hành lễ pháp như là nô tỳ vậy.”

Rồi nàng Thiện Sanh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lạy dưới chân:

“Nay xin nguyện chăm sóc người như là nô tỳ.”

Sau đó, nàng Thiên Sanh lại đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói về giới, về thí, về sanh thiên, dục là bất tịnh tướng, dâm là đại ô uế. Khi Thế Tôn biết tâm ý cô đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng nói hết cho cô nghe. Tức thì ngay trên chỗ ngồi, cô được pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải mới dễ nhuộm màu. Đây cũng như vậy, cô phân biệt các pháp, khéo hiểu ý nghĩa thâm diệu, tự quy y Tam tôn, thọ năm giới.

Bấy giờ cô gái Thiên Sanh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 19

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, rời chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn thường khen ngợi địa vị cao, hào tộc tôn quý mà không nói đến hạng thấp hèn. Còn con, bạch Thế Tôn, không khen ngợi hào tộc tôn quý, cũng không nói đến hạng thấp hèn. Con giữ bực trung mà nói, khiến người được xuất gia học đạo.”

Phật nói với Xá-lợi-phất:

“Ông tự nói là không khen ngợi **[821b]** hào tộc tôn quý, không nói hạng thấp hèn, giữ bực trung mà nói, để khiến người được xuất gia học đạo. Nhưng Ta nay không nói thượng, trung, hạ dẫn đến thọ sanh³³. Vì sao vậy? Phạm sanh là rất khổ, không đáng để ước nguyện. Như đồng phân kia, một ít mà còn rất hôi thối, huống chi là chứa nhiều. Nay sự thọ sanh cũng vậy. Một đời hay hai đời còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng

³³ Hán: thọ sanh phần 受生分.

mà lại có thể cam chịu. Do hữu mà có sanh. Do sanh mà có già. Do già mà có bệnh, có chết, sầu ưu khổ não, có gì vui mà tham đắm? Như thế thành thân năm thủ uân.

“Ta nay sau khi quán sát nghĩa này, nên nói một đời, hai đời, còn là khổ nạn, hưởng nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu.

“Này Xá-lợi-phất, nếu có ý muốn thọ sanh, nên phát nguyện sanh vào nhà hào quý chứ không sanh thấp hèn. Vì sao vậy? Xá-lợi-phất, chúng sanh đê mê dài bị tâm trời buộc chứ không phải bị hào quý trời buộc. Nhưng này, Xá-lợi-phất, Ta vốn ở nhà hào quý, là dòng sát-lợi, xuất từ Chuyển luân Thánh vương. Giả sử không xuất gia học đạo, Ta làm Chuyển luân Thánh vương. Nay xả ngôi vị Chuyển luân Thánh vương mà xuất gia học đạo, thành Đạo vô thượng. Phàm sanh vào nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo, ngược lại phải rơi vào nẻo dữ. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hàng phục tâm. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.”

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³⁴

³⁴ Bản hán, hết quyển 49. (30 Chạp, Giáp thân).

PHẨM 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIỆT-BÀN

KINH SỐ 1

Nghe nhe vậy:

Một thời Phật trú tại Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Phổ Tập, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Đại Ái Đạo¹ đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong chùa Cao đài² cùng với chúng đại Tỳ kheo ni 500 vị, thấy đều A-la-hán, đã dứt sạch các lậu.

Đại Ái Đạo nghe các Tỳ kheo ni [821c] nói, “Nhu Lai không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ diệt độ, giữa đôi cây sa-la, tại Câu-di-na-kiệt.” Bà liền suy nghĩ, “Ta không kham thấy Nhu Lai diệt độ. Vậy nay Ta nên diệt độ trước.” Rồi Đại Ái Đạo đi đến Thế Tôn,³ cúi đầu lạy dưới chân, và ngồi xống mọt bên. Khi ấy Bà bạch Phật:

“Tôi nghe Thế Tôn không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ nhập Niết-bàn giữa đôi cây sa-la, tại Câu-di-na-kiệt. Tôi nay không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi mong Thế Tôn cho phép tôi diệt độ.”

Lúc bấy giờ Thế Tôn im lặng Đại Ái Đạo lại bạch Phật”

“Từ nay trở đi, cúi mong Thế Tôn cho Tỳ kheo ni thuyết giới.”

¹ Đại Ái Đạo 大愛道, di mẫu của Phật. Nguyên Skt. Mahāprajāpatī (Pali: Mahāpajāpatī), phiên âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提, dịch là Đại Sanh Chủ 大生主. Một số Hán dịch là Đại Ái Đạo, có lẽ Skt đọc là Mahāpriyapaṭi (?).

² Cao đài tự 高臺寺. Pali: Kūṭagārasālā (Kūṭagāra-vihāra?), tại đây, Bà cùng 500 Thích nữ lần đầu tiên trở thành Tỳ kheo ni. Nhưng không thấy nói có chùa ni ở đâu đây.

³ Tài liệu Pali nói, khi dùng chân tại miếu Cāpāla, Phật báo hiệu sẽ nhập Niết-bàn. Miếu Cāpāla ở gần Vesālī, nhưng không rõ bao xa. Lúc này, Bà đã 120 tuổi.

Phật nói:

“Nay Ta cho phép Tỳ kheo ni thuyết cấm giới cho Tỳ kheo ni, đúng như cấm giới mà Ta đã ban hành, chớ để sai phạm.”

Đại Ái Đạo đến trước lạy dưới chân Phật, rồi đứng trước Phật. Bà bạch Phật:

“Nay tôi không còn thấy nhan sắc của Như Lai, cũng không thấy chư Phật tương lai, không còn chịu bào thai nữa, vĩnh viễn ở trong Vô vi. Hôm nay từ biệt Thánh nhan, không bao giờ còn gặp lại nữa.”

Rồi Đại Ái Đạo nhiễu quanh Phật ba vòng, và lui đi. Trở về trong Ni chúng, Bà nói với các Tỳ kheo ni:

“Nay ta muốn nhập Niết-bàn giới Vô vi. Sở dĩ như vậy vì Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Các người hãy tùy thời thích hợp làm những điều cần làm.”

Khi ấy Tỳ kheo ni Sai-ma, Tỳ kheo ni Ưu-bát Sắc, Tỳ kheo ni Cơ-lợi-thí, Tỳ kheo ni Xá-cừ-lê, Tỳ kheo ni Xa-ma, Tỳ kheo ni Bát-đà-luyện-chá, Tỳ kheo ni Bà-la-chá-la, Tỳ kheo ni Ca-chiên-diên, Tỳ kheo ni Xà-da,⁴ cùng 500 Tỳ kheo ni, đi đến chỗ Thế Tôn, đứng sang một bên. Khi ấy Tỳ kheo Ni Sai-ma, Thượng thủ của 500 Tỳ kheo ni, bạch Phật rằng:

“Chúng con nghe Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Chúng con không nỡ thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ trước. Cúi mong Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Chúng con nay vào Niết-bàn chính là đúng lúc.”

Khi ấy **[823a]** Thế Tôn im lặng hứa khả. Tỳ kheo ni Sai-ma cùng với 500 Tỳ kheo ni thấy Thế Tôn đã im lặng hứa khả, liền

⁴ Các Tỳ kheo ni danh tiếng, Sai-ma 差摩, Ưu-bát Sắc 優鉢色, Cơ-lợi-thí 基利施, Xá-cừ-lê 舍仇梨, Xa-ma 奢摩, Bát-đà-luyện-chá 鉢陀闍柁, Bà-la-chá-la 婆羅柁羅, Ca-chiên-diên 迦旃延, Xà-da 闍耶, xem phẩm 5. Nhưng phiên dịch không thống nhất.

đến trước lạy dưới chân Phật, đi nhiều ba vòng, rồi lui đi, trở về thất của mình.

Lúc bấy giờ Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, gióng kiền chùy, trải tọa cụ trên đất trống. Sau đó, Bà bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, hoặc phát ra ngọn lửa, dưới thân bốc khói, trên thân bốc lửa, hoặc dưới thân bốc lửa, trên thân bốc khói, hoặc toàn thân bốc lửa, hoặc toàn thân bốc khói; hoặc hông trái phun nước, hông phải phun lửa; hoặc hông trái phun lửa, hông phải phun nước; hoặc phía trước phun lửa, phía sau phun nước; hoặc phía trước phun nước, phía sau phun lửa; hoặc toàn thân phun lửa, hoặc toàn thân phun nước. Sau khi thực hiện các biến hóa như vậy, Đại Ái Đạo trở về chỗ ngồi, kiết già mà ngồi, thân ngay, ý chánh, buộc niệm trước mắt, nhập sơ thiên; xuất sơ thiên nhập nhị thiên; xuất nhị thiên nhập tam thiên; xuất tam thiên nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập không xứ; xuất không xứ nhập thức xứ; từ thức xứ nhập vô sở hữu xứ; từ vô sở hữu xứ nhập phi tướng phi phi tướng; xuất phi tướng phi phi tướng nhập tướng thọ diệt; xuất tướng thọ diệt trở lại nhập phi tướng phi phi tướng; xuất phi tướng phi phi tướng trở lại nhập vô sở hữu xứ; xuất vô sở hữu xứ trở lại nhập thức xứ; xuất thức xứ trở lại nhập không xứ; xuất không xứ trở lại nhập tứ thiên; xuất tứ thiên trở lại nhập tam thiên; xuất tam thiên trở lại nhập nhị thiên; xuất nhị thiên trở lại nhập sơ thiên; xuất sơ thiên nhập nhị thiên; xuất nhị thiên nhập tam thiên; xuất tam thiên nhập tứ thiên. Sau khi nhập tứ thiên, liền diệt độ. Khi ấy trời đất rung động lớn; phía đông vọt lên, phía tây chìm xuống; phía tây vọt lên, phía đông chìm xuống; bốn bên đều vọt lên, ở giữa chìm xuống; lại bốn mặt có gió mát nổi lên. Chư thiên trong hư không tấu nhạc. Chư thiên Dục giới buồn khóc, nước mắt rơi xuống như mùa xuân trời tuôn nước mưa ngọt. Các vị trời thần diệu nghiền nát hoa ưu-bát làm bột thơm; lại nghiền nát chiên đàn, rải lên phía trên. Lúc bấy giờ, Tỳ kheo ni Sai-ma, Tỳ kheo ni Ưu-bát Sắc, Tỳ kheo ni Cơ-lợi-thí Cù-đàm-di, Tỳ kheo ni Xá-cù-li, Tỳ kheo ni Xa-ma, Tỳ kheo ni

Bát-đà-lan-giá-la, Tỳ kheo ni Ca-chiên-diên, Tỳ kheo ni Xà-da,⁵ các Tỳ kheo ni này là **[822b]** Thượng thủ của 500 Tỳ kheo ni; mỗi vị trải tọa cụ trên đất trống, sau đó, bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, thực hiện 18 biến hóa, cho đến nhập tướng tri diệt, rồi diệt độ.⁶

Lúc bấy giờ trong thành Tỳ-da-ly có vị đại tướng tên là Da-thâu-đề, dẫn năm trăm đồng tử tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận một số vấn đề. Du-thâu-đề và 500 đồng tử từ xa thấy 18 biến hóa của 500 Tỳ kheo ni. Thấy như vậy, họ rất hoan hỷ phần khởi không thể dừng được, thầy đều chấp tay hướng về phía đó. Lúc đó, Thế Tôn nói với A-nan:

“Ông hãy đến chỗ tướng quân Da-thâu-đề, bảo rằng: Hãy nhanh chóng sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bơ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi.”

A-nan bước lên trước hỏi:

“Không rõ Thế Tôn muốn làm gì?”

Phật nói:

“Đại Ái Đạo đã diệt độ. Năm trăm Tỳ kheo ni cũng nhập Niết-bàn. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.”

A-nan nghe nói thế, buồn thương giao cảm không cảm được:

“Đại Ái Đạo sao diệt độ vội thế?”

Rồi A-nan lấy tay gạt lệ, đi đến chỗ đại tướng Da-thâu-đề. Da-thâu-đề thấy A-nan từ xa đi lại, liền đứng dậy đón tiếp, cùng nói lời chào đón:

“Kính chào A-nan! Có điều gì dạy bảo mà đến bất thường như vậy?” A nan đáp:

⁵ Danh sách đã nêu trên, nhưng đây lại có vài phiên âm khác, không thống nhất.

⁶ Bản Hán kết vấn tất nên có vẻ thiếu. A-la-hán không nhập Niết-bàn trong Diệt tận định.

Tôi là sứ giả của Phật, có điều yêu cầu.”

Đại tướng liền hỏi:

“Ngài có điều gì dạy bảo?”

A nan nói:

“Thế Tôn sai nói với Đại tướng: Hãy nhanh chóng sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bọ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi. Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ kheo ni đều đã diệt độ. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.”

Khi ấy đại tướng buồn khóc thương cảm, nói rằng:

“Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ kheo ni sao diệt độ sớm vậy thay! Ai sẽ răn dạy chúng tôi, khuyến khích chúng tôi bỏ thí vật thực?”⁷

Đại tướng Da-thâu-đề liền sửa soạn 500 khăn trải giường, 500 khăn trải ngồi, 500 hủ bọ, 500 hủ dầu mè, 500 cỗ xe tang, 500 bó hương, 500 xe củi và các dụng cụ để hỏa thiêu.⁸ Xong rồi, ông đến Thế Tôn, cúi lạy dưới chân và đứng sang một bên. Đại tướng Da-thâu-đề bạch Thế Tôn:

“Theo như Như Lai dạy, hôm nay chúng con đã sửa soạn đủ các dụng cụ để cúng dường.”

Phật nói:

[822c] “Các ông mỗi người mang di thể của Đại Ái Đạo và của 500 Tỳ kheo ni ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đồng trống. Ta muốn đến đó cúng dường xá-lợi.”

Đại tướng bạch Phật:

“Thưa vâng, Thế Tôn.”

Khi ấy đại tướng đi đến chỗ Đại Ái Đạo, bảo một người:

⁷ Nguyên bản: phân-đàn bố thí.

⁸ Da-duy 耶維, trên kia, kinh 3 phẩm 51 âm là xà-tuần, đều là phiên âm khác của trà-tỳ, tức hỏa thiêu.

“Người hãy bắc thang leo tường mà vào bên trong, từ từ mới công chó có gây tiếng động.”

Người ấy vâng lệnh, leo vào bên trong, mở cửa. Đại tướng lại sai 500 người đưa các di thể đặt lên giường. Bấy giờ có hai sa-di-ni ở đó. Một, tên là Nan-đà, và hai, tên là Ưu-ban-nan-đà. Hai sa-di-ni nói với đại tướng:

“Thôi, thôi, Đại tướng! Chớ quấy nhiễu các Sư.”

Đại tướng Da-thâu-đề nói:

“Không phải Thầy của các Cô ngu, mà diệt độ cả rồi.”

Hai sa-di-ni nghe nói các Sư đã diệt độ, trong lòng kinh sợ, liền nghĩ thầm: “Xem thế thì, pháp gì tập khởi, đều là pháp diệt tận.” Tức thì, ngay trên chỗ ngồi mà được ba minh, sáu thông. Hai sa-di-ni liền bay lên hư không, trước hết, đến chỗ đồng hoang thực hiện 18 biến hóa, ngôi, nằm, kinh hành, thân tuôn nước, bốc lửa, biến hóa vô lượng. Rồi ngay đó mà bát-niết-bàn trong Niết-bàn-giới vô dư.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ kheo vây quanh trước sau đi đến chỗ Đại Ái Đạo, trong chùa ni. Thế Tôn bảo A-nan, nan-đà, La-hầu-la:

“Các người hãy khiêng di thể của Đại Ái Đạo. Ta sẽ tự thân cúng dường.”

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân biết những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, tức thì, khoảnh khắc như lực sỹ co duỗi cánh tay, từ Tam thập tam thiên hiện đến Tỳ-da-li, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Trong đây, các Tỳ kheo lậu tận đều trông thấy Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên Tam thập tam. Còn các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chưa dứt sạch các lậu đều không thấy Thích Đề-hoàn Nhân.

Khi ấy Phạm thiên từ xa biết được những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, liền dẫn chư thiên từ trên cõi Phạm thiên biến

mất, hiện đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết được ý nghĩ của Thế Tôn, dẫn các quỷ thần Dạ-xoa đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ Đê-đâu-lại-tra Thiên vương dẫn các Càn-thát-bà, từ **[823a]** phương đông đến chỗ Như Lai, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-lặc-xoa Thiên vương dẫn vô số Câu-bàn-trà từ phương nam đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-ba-xoa Thiên vương dẫn các thần Rồng đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, Tỳ-sa-môn Thiên vương lên trước bạch Phật rằng:

“Cúi mong Thế Tôn không phải nhọc sức. Chúng con sẽ tự thân cúng dường xá-lợi.”

Phật nói với chư Thiên:

“Thôi, thôi, thiên vương! Như Lai tự biết thời. Đây là điều Như Lai cần phải làm; không phải là điều mà trời, rồng, quỷ, thần có thể làm được. Vì sao vậy? Cha mẹ sanh con đã cho nhiều lợi ích, ân nuôi lớn rất nặng, cho bú mớm, bông ả. Cần phải báo đáp ân, không thể không báo đáp. Nhưng, này chư thiên, nên biết, cha mẹ của chư Phật Thế Tôn quá khứ đều diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật Thế Tôn thấy đều tự thân cúng dường trà-tỳ xá-lợi. Cha mẹ của chư Phật Thế Tôn tương lai cũng diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật thấy đều tự thân cúng dường. Do phương tiện này mà biết Như Lai cần phải tự thân cúng dường, chứ không phải việc chư thiên, quỷ thần có thể làm.”

Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên vương nói với 500 quỷ thần:

“Các người đi vào trong rừng chiên-đàn lấy củi thơm về đây để cúng dường trà-tỳ.”

Năm trăm quý thân vâng lệnh Thiên vương, đi vào rừng chiên-đàn lấy củi chiên-đàn, mang đến chỗ đồng hoang. Khi ấy Thế Tôn tự thân khiêng một đầu chân giường, La-hầu-la khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, Nan-đà khiêng một chân, bay lên hư không mà đi đến bãi tha ma. Còn chúng bốn bộ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiêng di thể 500 Tỳ kheo ni đi đến bãi tha ma.

Bấy giờ Thế Tôn nói với đại tướng Da-thâu-đề:

“Ông hãy sửa soạn thêm hai bộ khăn trải đường, hai bộ khăn trải ngồi, hai xe cũi, cúng hương hoa, để cúng đường di thể hai sa-di-ni.”

Đại tướng Da-thâu-đề bạch Phật:

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Ngay sau đó ông sắm sửa các dụng cụ để cúng đường.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chuyển cho từng vị chư thiên. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

“Ông cho mỗi người đưa 500 di thể, phân biệt từng vị mà **[823b]** cúng đường, Hai vị sa-di-ni cũng vậy.”

Đại tướng vâng lời Phật dạy, phân biệt từng vị mà cúng đường, sau đó thì hỏa thiêu.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chất lên di thể Đại Ái Đạo. Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

*Hết thấy hành vô thường;
Có sanh thì có diệt.
Không sanh thì không chết.
Diệt ấy là tối lạc.*

Khi ấy, chư thiên và nhân dân đều vân tập vào bãi tha ma. Người trời đại chúng có đến mười ức cai-na-thuật.

Sau khi hỏa thiêu, đại tướng đưa xá-lợi đi dựng tháp. Phật nói với đại tướng:

“Giờ ông hãy đưa 500 xá-lợi đi dựng tháp, để trong lâu đài thọ phước vô lượng. Vì sao vậy? Thế gian có bốn người được dựng tháp thờ. Những gì là bốn? Những ai dựng tháp thờ Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác; thờ Chuyển luân Thánh vương, Thanh văn và Bích-chi-phật, được phước vô lượng.”

Bấy giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho chư thiên và nhân dân, khiến phát tâm hoan hỷ. Khi ấy trời và người, có đến một ức, dắt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ chư thiên, nhân dân, càn-thát-bà, a-tu-la, chúng bốn bộ, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, cùng với chúng đại tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có Tỳ kheo ni tên là Bà-đà,⁹ dẫn 500 Tỳ kheo ni đến chỗ kia du hóa. Trong khi ở tại chỗ nhàn tịnh, Tỳ kheo ni tự tư duy, ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, nhớ lại sự việc vô số đườn trước, liền cười một mình. Có một Tỳ kheo ni từ xa trông thấy Tỳ kheo ni Bà-đà cười, liền đi đến chỗ các Tỳ kheo ni, nói:

“Hôm nay Tỳ kheo ni Bà-đà ngồi cười một mình dưới gốc cây. Không biết có duyên cớ gì.”

Năm trăm Tỳ kheo ni liền cùng nhau đi đến chỗ Tỳ kheo ni Bà-đà, cúi đầu lạy dưới chân, rồi hỏi Tỳ kheo ni Bà-đà:

“Có nhân duyên gì mà ngồi cười một mình dưới gốc cây?”

Tỳ kheo ni Bà-đà nói với các Tỳ kheo ni:

“Vừa rồi ngồi dưới gốc cây, tôi nhớ lại sự việc vô số đườn trước. Lại thấy ngày xưa [823c] đã trải qua bao nhiêu thân hình, chết đây sanh kia; thấy đều thấy hết.”

⁹ Tức Bạt-đà Ca-tỳ-ly, xem kinh 2 phẩm 5 trên.

Năm trăm Tỳ kheo ni lại bạch:

“Cúi mong kể lại nhân duyên ngày xưa.”

Tỳ kheo ni Bà-đà nói với các Tỳ kheo:”

“Chín mươi một kiếp quá khứ xa xưa có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sỹ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn. Thế giới khi ấy tên là Bàn-đầu-ma. Nhân dân đông đúc không thể kể xiết. Bấy giờ Như Lai du hóa tại quốc giới đó, thuyết pháp đại chúng gồm cho mười sáu vạn tám nghìn Tỳ kheo vây quanh trước. Danh hiệu Phật được truyền rộng khắp nơi. Phật Tỳ-bà-thi có đầy đủ các tướng, là ruộng phước tốt cho hết thảy mọi người. Trong quốc giới ấy bấy giờ có một đồng tử tên là Phạm Thiên, dung mạo xinh đẹp ít có trên đời.

“Bấy giờ, đồng tử kia, tay cầm lọng báu, đi vào trong ngõ. Trong lúc đó, có vợ cư sỹ, cũng xinh đẹp, cũng đi trên đường đó. Mọi người đều ngắm nhìn. Đồng tử khi ấy nghĩ thầm, ‘Ta đây cũng xinh đẹp, tay cầm lọng báu, nhưng mọi người không nhìn ngắm thân ta. Những người này đều nhìn ngắm bà kia. Ta cần phải làm cách nào đó để mọi người nhìn ngắm ta.’ Rồi thì đồng tử ấy ra khỏi thành, đi đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi, tay cầm lọng báu, cúng dường bảy ngày bảy đêm, và cũng phát thệ nguyện rằng, ‘Nếu như Phật Tỳ-bà-thi có thần túc như vậy, có thần lực như vậy, là ruộng phước trên hết của người, trời, thì mong nhờ công đức này khiến cho con đời tương lai sanh làm thân nữ, mọi người thấy không ai là không hoan hỷ phần khởi.’ Đồng tử ấy sau bảy ngày bảy đêm cúng dường Phật, tùy theo thọ mạng vẫn dài, về sau sanh lên trời Tam thập tam, ở đó làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, đệ nhất trong các ngọc nữ. Cô có năm công đức vượt hơn các thiên nữ khác. Những gì là năm? Đó là, tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, lạc thú trời, oai phước trời, tự tại cõi trời. Các trời Tam thập tam thấy cô, ai cũng nói, ‘Thiên nữ này xinh đẹp kỳ lạ không ai sánh bằng.’ trong đó, có thiên

tử nói, ‘Ta phải được thiên nữ này làm thiên hậu.’ Các thiên tử bèn giành nhau. Khi ấy Đại thiên vương nói, ‘Các người chớ có tranh cãi nhau. Trong các ông, ai thuyết pháp hay nhất, ta sẽ cho lấy thiên nữ này [824a] làm vợ.’ Bấy giờ có một thiên tử nói bài kệ:

*Hoặc đứng, hoặc lại ngồi,
Thức ngủ, đều chẳng vui.
Chỉ khi nào ngủ say,
Ta mới không tưởng dục.*

“Lại có thiên tử khác nói kệ này:

*Ông nay vẫn còn vui,
Ngủ say không niệm tưởng.
Tôi đây dục niệm khởi,
Y như đánh trống trận.*

“Lại có thiên tử khác nói kệ:

*Giả sử đánh trống trận,
Còn có khi ngưng nghỉ.
Dục nơi tôi ruổi nhanh,
Như nước chảy không ngừng.*

“Lại thiên tử khác nói kệ:

*Như nước cuốn cây lớn
Còn có lúc ngưng nghỉ.
Tôi hằng tư tưởng dục,
Như giết voi không nháy.¹⁰*

“Bấy giờ có vị thiên tử tối tôn trong chư thiên nói bài kệ này cho các người trời:

*Các ông còn rồi rảnh,
Mỗi người nói kệ ấy.
Tôi nay còn chưa biết
Mình còn hay là mất.*

¹⁰ hán: như sát tượng bất huyền 殺象不暈. Bản khác chép là “giết chim.”

“Chư thiên nói với vị thiên tử này: ‘Lành thay, Thiên tử! Bài kệ ông nói cực kỳ tinh diệu. Nay chúng tôi phụng cúng thiên nữ này cho Thiên vương.’ Thiên nữ ấy tức thì được đưa vào cung của Thiên vương.

“Các Sư muội, các cô chớ có do dự. Vì sao vậy? Đồng tử cúng dường Phật bằng cây lọng thượng hạng khi xưa há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Chính là thân của tôi đó.

“Quá khứ ba mươi một kiếp, có Phật hiệu Thi-khí Như Lai xuất hiện ở đời, du hóa trong thế giới Dã mã, cùng với chúng đại Tỳ kheo mười sáu vạn. Bảy giờ thiên nữ kia sau khi mạng chung sanh vào loài người, thọ thân nữ, cực kỳ xinh đẹp hiếm có trên đời. Khi đức Thi-khí Như Lai, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành Dã mã khát thực. Thiên nữ kia sanh làm người, làm vợ ông trưởng giả. Cô dâng ẩm thức lên đức Thi-khí Như Lai, đồng thời phát thệ nguyện, ‘Mong nhờ nghiệp công đức này, con sanh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; được dung mạo xinh đẹp khác hẳn mọi người.’ Người nữ này về sau **[824b]** mạng chung sanh lên Tam thập tam. Tại đó, lại làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, có năm sự công đức vượt hẳn chư thiên kia.

“Thiên nữ bảy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Người nữ ấy chính là thân của tôi vậy.

“Rồi ngay trong kiếp có Phật Tỳ-xá-phù Như Lai xuất hiện ở đời. Khi thiên nữ tùy theo thọ mạng dài vẫn mà mạng chung, sanh vào loài người, thọ thân người nữ, dung mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Cô lại làm vợ ông trưởng giả. Bảy giờ vợ ông trưởng giả dâng y phục thượng hảo lên Như Lai, phát thệ nguyện rằng, ‘Nguyện con đời tương lai được làm thân nữ.’ Cô này sai khi mạng chung sanh lên Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các thiên nữ khác. Người nữ khi ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Người nữ lúc đó chính là thân của tôi vậy.

“Cô gái ấy, tùy theo tuổi thọ vẫn dài, về sau mạng chung đến sanh trong loài người, tại đại thành Ba-la-nại, làm nô tỳ cho trưởng giả Nguyệt Quang, dung mạo xấu xí chẳng ai muốn nhìn. Từ khi Phật Tỳ-xá-phù đi mất, đời không còn có Phật nữa. Lúc ấy có Bích-chi-phật¹¹ du hóa. Khi ấy vợ ông trưởng giả Nguyệt Quang bảo cô nữ tỳ, ‘Người hãy đi ra ngoài, tìm xem có vị sa-môn nào dung mạo xinh đẹp hợp ý ta, hãy thỉnh về nhà. Ta muốn cúng dường.’ Cô nữ tỳ bèn đi ra ngoài tìm kiếm sa-môn, gặp Bích-chi-phật đang khát thực trong thành. Nhưng dung mạo của ngài thô kệch, xấu xí. Nữ tỳ liền đến nói với Bích-chi-phật: ‘Bà chủ con muốn gặp. Xin rước Ngài đến nhà.’ Rồi cô vào thưa với bà chủ, ‘Sa-môn đã đến. Mời Bà ra gặp.’ Khi vợ ông trưởng giả trông thấy vị sa-môn, trong lòng không vui, bảo nữ tỳ: ‘Bảo ông ấy về đi. Ta không muốn bỏ thí. Vì sao? Dung mạo ông ấy xấu xí quá.’ Nữ tỳ liền thưa với bà chủ, ‘Nếu Phu nhân không huệ thí cho sa-môn, phần ăn hôm nay của con sẽ huệ thí hết cho sa-môn.’ Bà chủ phát cho phần ăn là một đấu cơm khô vụn. Nữ tỳ tiếp lấy, đưa cho sa-môn. Bích-chi-Phật nhận thức ăn rồi, bay lên hư không, hiện 18 phép biến hóa. Khi ấy nữ tỳ của ông trưởng giả phát thệ nguyện rằng, ‘Mong nhờ công đức này, tôi sanh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; đời tương lai tôi được làm thân nữ cực kỳ xinh đẹp. Bảy giờ vị Bích-chi-phật bung bát cơm bay quanh thành ba vòng. Trưởng giả Nguyệt Quang lúc đó đang họp với 500 thương nhân trong giảng đường Phổ hội. Người trong thành lúc bảy giờ trai gái lớn bé, thấy đều trông thấy vị Bích-chi-phật bung bát cơm bay trong hư không. Thấy vậy, họ bảo nhau: ‘Công đức của ai mà được như vậy? Ai gặp đức Bích-chi-phật mà huệ thí bát cơm ấy vậy?’ Khi ấy cô nữ tỳ của ông trưởng giả nói với bà chủ: ‘Bà hãy ra xem thân đức của sa-môn. Ngài đang bay trong hư không, làm 18 phép biến hóa,

¹¹ Để bản chép là các Phật 各佛. TNM: Bích-chi-phật. Nhưng theo tài liệu Pali, thời bảy giờ có Phật Kassapa xuất hiện.

thần đức không lường được.’ Vợ trưởng giả bèn nói với nữ tỳ: ‘Cơm huệ thí cho sa-môn bữa nay, có bao nhiêu công đức, người hãy cho ta. Ta sẽ trả lại cho người hai ngày ăn. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không kham đem phước mà cho lại Bà.’ Bà chủ nói, ‘Ta trả cho người bốn ngày ăn.’ Cho đến mười ngày ăn. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không kham đem phước cho lại Bà.’ Bà chủ nói: ‘Nay ta cho người một trăm đồng tiền vàng.’ Nữ tỳ đáp: ‘Tôi cũng không cần.’ Bà chủ lại nói: Ta cho người hai trăm, cho đến một nghìn đồng tiền vàng. Nữ tỳ vẫn nói: ‘Tôi cũng không cần.’ Bà chủ nói: ‘Ta miễn cho thân người khỏi làm nô tỳ. Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không cần làm người thường.’ Bà chủ nói: ‘Ta cho người làm bà chủ, con ta làm nô tỳ.’ Nữ tỳ đáp: ‘Tôi không cầu làm bà chủ.’ Bà chủ nói: ‘Giờ ta sẽ đánh đập người, xẻo mũi, tai, chặt tay chân, cắt đầu người.’ Nữ tỳ đáp: ‘Những việc đau đớn đó, tôi chịu được hết. Nhưng không bao giờ đem phước tặng lại cho Bà. Thân tôi thuộc Bà chủ. Nhưng tâm thiện khác nhau.’ Vợ ông trưởng giả tức thì đánh cô nữ tỳ. Trong lúc đó, 500 thương nhân bàn với nhau rằng: ‘Thần nhân này hôm nay đến đây khát thực, chắc nhà ta có cho gì.’ Trưởng giả Nguyệt Quang sai người trở về nhà xem. Người này thấy bà chủ đang bắt cô nữ tỳ mà đánh đập, bèn hỏi: ‘Vi nhân lý do gì mà bà đánh roi vọt cô này?’ Nữ tỳ thuật lại hết nguyên do. Trưởng giả Nguyệt Quang khi ấy mừng rỡ không cần được, liền bắt nàng chủ làm nô tỳ, và thay cô nữ tỳ vào chỗ bà chủ. Thời bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đang trị vì trong thành Ba-la-nại. Vua nghe nói trưởng giả Nguyệt Quang cúng cơm cho vị Bích-chi-phật, trong lòng rất vui mừng, vì ông này đã gặp bậc Chân nhân, hợp thời mà huệ thí. Phạm-ma-đạt liền sai sứ triệu trưởng giả Nguyệt Quang đến bảo [825a] rằng: ‘Có thật ông đã bố thí cơm cho vị Chân nhân thần tiên không?’ Trưởng giả tâu: ‘Thật tôi đã có gặp vị Chân nhân mà huệ thí cơm.’ Phạm-ma-đạt tức thì ban tặng cho, lại cất nhắc chức vị. Cô nữ tỳ của ông trưởng giả ấy, tùy theo tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung sanh lên trời

Tam thập tam, nhan sắc tuyệt đẹp ít có trên đời, và có năm sự công đức hơn hẳn các chư thiên khác.

“Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô nữ tử của ông trưởng giả khi ấy là ai khác, mà đó chính là thân của tôi vậy.

“Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Vị thiên nữ kia, tùy tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung, sanh vào loài người., làm con gái của bà-la-môn Da-nhã-đạt. Cô gái ấy lại cúng dường cơm cho Như Lai, và phát thệ nguyện cầu sanh làm thân nữ. Về sau, khi mạng chung, cô sanh lên trời Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn các chư thiên. Rồi từ đó mạng chung, sanh vào loài người. Bảy giờ Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sanh làm con gái của một ông trưởng giả. Cô lại cúng dường hoa bằng vàng cho Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, đem công đức ấy nguyện sanh vào chỗ nào cũng không rơi xuống ba nẻo dữ, trong đời sau được làm thân nữ. Cô gái ấy tùy theo thọ mạng vẫn dài, sau khi mạng chung sanh lên trời tam thập tam xinh đẹp vượt trên các thiên nữ, có năm sự công đức không vị nào sánh bằng. Người con gái của ông trưởng giả cúng dường Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ấy há là ai khác chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Người con gái của ông trưởng giả bảy giờ chính là thân của tôi vậy.

“Vị thiên nữ ấy lại tùy theo tuổi thọ vẫn dài, sau khi mạng chung sanh vào loài người, lại làm vợ ông trưởng giả, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng hiển có trên đời. Lúc bảy giờ đức Ca-diếp Như Lai xuất hiện ở đời. Bà vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: ‘Mong đời tương lai con sẽ được làm thân nữ.’ rồi vợ ông trưởng giả tùy theo tuổi thọ vẫn dài mà mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam, có năm sự công đức hơn các thiên nữ khác. Vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp bảy giờ há là ai khác chẳng? Chớ nghĩ như vậy. Đó chính là thân của tôi vậy.

“Trong Hiền kiếp này, Phật Thích-ca vẫn xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sau khi mạng chung sanh vào nhà bà-la-môn

Kiếp-tì-la,¹² trong thành La-duyệt, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các cô gái khác. Cô con gái của bà-la-môn Kiếp-tì-la đẹp như pho tượng bằng vàng tử ma,¹³ khiến cho ai đến gần cô đều thành đen như mực. **[825b]** Tâm ý cô không tham ngũ dục.

“Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô con gái của người bà-la-môn đó là ai khác. Con gái bà-la-môn lúc bấy giờ chính là thân của tôi vậy.

“Các Cô nên biết, do duyên báo ứng của công đức xưa kia mà cô làm vợ của Tỳ-la ma-nạp.¹⁴ Đó tức là Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp tự mình xuất gia trước. Tôi sau đó mới xuất gia. Tự mình nhớ lại những thân nữ mà tôi đã trải qua xưa kia, cho nên nay tôi tự cười một mình. Tôi vì bị vô trí che lấp, cúng dường sáu vị Như Lai để cầu mong làm thân nữ. Vì nhân duyên đó, tôi cười cho những việc trải qua trước kia.”

Bấy giờ số đông các Tỳ kheo ni nghe Tỳ kheo ni Bà-đà tự nhớ lại sự việc vô số đời quá khứ, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên, đem nhân duyên ấy tường thuật đầy đủ lên Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ kheo:

“Các ông có thấy trong hàng Thanh văn có Tỳ kheo ni nào tự nhớ lại sự việc trong vô số đời như cô này không?”

Các Tỳ kheo bạch Phật:

“Chúng con không thấy, bạch Thế Tôn.”

Phật nói với các Tỳ kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất tự nhớ lại sự việc vô số đời trước, là Tỳ kheo ni Kiếp-tì-la¹⁵ vậy.”

¹² Kiếp-tì-la 劫毘羅. Pali: Kapila. Ap.ii. 583 (kệ 57), tên cha của bà Baddhā Kapilānī; tên mẹ là Sucīmatī. Hoặc là con gái của người bà-la-môn dòng họ Kosiyagotta.

¹³ Pho tượng vàng của công tử Pippali, tên tại gia của Đại Ca-diếp.

¹⁴ Tỳ-la ma-nạp. Pali: Pippalī-maṇava (Pippali). Xen cht. trên.

¹⁵ Kiếp-tỳ-la 劫毘羅. Tức tên gọi đủ là Bạt-đà Kiếp-tỳ-la. Pali: Bhaddā Kapilānī.

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy, đến trước bạch Phật rằng:

“Kiếp ngắn hay dài, có giới hạn không?”

Phật bảo Tỳ kheo:

“Kiếp rất dài lâu, Ta có thể cho ông một thí dụ. Hãy chuyên ý nghe. Ta sẽ nói.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Thế Tôn, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Tỳ kheo, nên biết, cũng như một thành trì bằng sắt, dài rộng một do-tuần,¹⁷ trong đó chứa đầy hạt cải, không chứa một lỗ hồng. Giả sử có một người, một trăm năm đến lấy đi một hạt cải. Cho đến khi hạt cải trong thành bằng sắt ấy hết hẳn, mà một kiếp vẫn không thể tính kê hết. Vì sao vậy? Sanh tử lâu dài không có bờ mé. Chúng sanh bị ân ái trôi buộc mà trôi lăn trong sanh tử, chết đây sanh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhàm chán sanh tử. Như vậy Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện để dứt hết tướng ân ái này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.¹⁸

¹⁶ Pali, S 15,6 Sāsapā (R. ii. 182).

¹⁷ Thiếu chiều cao. Cũng một do tuần.

¹⁸ Bản Hán, hết quyển 50. (1 Giếng, Ất dậu)

KINH SỐ 4¹⁹

[285c7] Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ có một Tỳ kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Tỳ kheo này bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, một kiếp có dài lâu không?”

Phật bảo tỳ kheo:

“Một kiếp cực kỳ dài lâu, không thể trừ lượng được. Nay Ta nói cho ông một thí dụ. Hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói.”

Tỳ kheo ấy vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

“Ví dụ có một núi đá lớn, dài rộng một do tuần, cao một do tuần. Giả sử một người tay cầm một tấm lụa trời, cứ một trăm năm phát một cái. Cho đến khi đá mà hết mà số kiếp vẫn khó hạn định. Số kiếp lâu dài không có biên tế, như vậy không phải một kiếp hay một trăm kiếp. Vì sao vậy? Sanh tử lâu dài, không thể hạn lượng, không có biên tế. Chúng sanh bị vô minh bao phủ, trôi nổi sanh tử không có kỳ hạn thoát ra. Chết đây, sanh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhầm chán sanh tử. Như vậy, Tỳ kheo, hãy tìm cầu phương tiện dứt hết tướng ái ân này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

¹⁹ Pali, S 15. 5 Pabbata (R. ii. 181).

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Tùy thời nghe pháp, có năm công đức, không khi nào mất. Những gì là năm? Nghe được pháp chưa từng nghe; nghe rồi thì ghi nhớ; trừ dẹp hoài nghi; cũng không tà khiến; hiểu pháp sâu thẳm. Tỳ kheo, đó là nói tùy thời nghe pháp có năm công đức này. Cho nên, Tỳ kheo, hãy chuyên niệm thường nghe pháp sâu thẳm. Đây là giáo giới của Ta. Như vậy Tỳ kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²⁰

[826a] Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, trong rừng Ma-ha-bà-na,²¹ cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ Đại tướng Sư Tử²² đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Như Lai nói với Đại tướng:

“Thí chủ đàn-việt²³ có năm công đức.²⁴ Những gì là năm? Ở đây, danh tiếng của thí chủ được truyền xa rộng, ‘Tại thôn kia có người ưa bố thí, chu cấp cho những kẻ nghèo thiếu mà không hề tiếc lẫn. Nay Đại tướng, đó là công đức thứ nhất.

“Lại nữa, Đại tướng, khi thí chủ đến trong các chúng sát-lợi, bà-la-môn, sa-môn, không có điều gì sợ hãi, cũng không có điều gì nghi ngờ khó khăn. Nay Sư Tử, đó là công đức thứ hai.

²⁰ Pali, A.V 34. Sīha (R. iii. 38).

²¹ Ma-ha-bà-na-viên 摩訶婆那園. Pali Mahāvana, Đại lâm, khu rừng gần Vesālī, chạy dài đến Hy-mã-lạp sơn.

²² Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pali: Sīhasenāpati.

²³ Thí chủ đàn-việt; Pali: *dāyako dānapati*.

²⁴ Pali: *sandiṭṭhikam dānaphalam*, quả báo bố thí thấy ngay trong đời hiện tại.

“Lại nữa, thí chủ đàn-việt được nhiều người yêu mến, thầy đều tôn sùng kính ngưỡng. Như con yêu mẹ, tâm không rời xa, thí chủ được nhiều người yêu mến cũng vậy.

“Lại nữa, Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, phát tâm hoan hỷ. Do có hoan hỷ mà hân hoan,²⁵ ý tánh kiên cố; khi ấy tự thân giác tỏ biết có lạc, có khổ cũng không thay đổi hối tiếc,²⁶ tự biết một cách như thật. Tự biết những gì? Biết có Khổ đế, Khổ tập, Khổ tận, Xuất yếu đế, biết một cách như thật.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Thí, hội đủ các phước;
Lại đạt đệ nhất nghĩa.²⁷
Ai hay nhớ bố thí,
Liên phát tâm hoan hỷ.*

“Lại nữa, Trưởng giả Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, thân hoại mạng chung, sanh lên trời Tam thập tam, ở đó có năm sự kiện hơn hẳn các chư thiên khác. Những gì là năm? Thứ nhất, dung mạo hào quý, oai thần, ánh sáng. Thứ hai, tự tại với những gì ước muốn, không điều gì mà không thỏa mãn. Thứ ba, nếu đàn-việt thí chủ sanh trong loài người, thường gặp gia đình phú quý. Thứ tư, có nhiều của cải. Thứ năm, lời nói được mọi người nghe theo, làm theo. Nay Sư Tử, đàn việt có năm công đức này dẫn vào nẻo thiện.”

Đại tướng Sư Tử sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phấn khởi không thể dùng được, lên trước bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn, cùng bói Tăng Tỳ kheo, nhận lời thỉnh của con.”

²⁵ Nguyên Hán: duyệt dự 悅豫.

²⁶ Đệ bản: biến hối 變悔: bất biến hối. Đoạn văn có liên hệ đến chứng đắc các thiên và Thánh đế trí, nhưng không được rõ ràng.

²⁷ Đệ nhất nghĩa: chỉ mục đích cứu cánh, tức thấy Thánh đế.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Sư Tử biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi,

Về đến nhà, ông cho sửa soạn đủ các món thực phẩm, trải chỗ ngồi tốt đẹp, rồi đi **[826b]** báo đã đến giờ. Nay đã đúng lúc, cúi mong Đại Thánh rủ lòng thương hạ cố.”

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ khước y, cầm bát, dẫn chúng Tỳ kheo trước sau vây quanh đi đến nhà Đại tướng. Ai nấy ngồi theo thứ lớp. Khi tướng quân Sư Tử thấy Phật và Tăng Tỳ kheo đã thứ lớp ngồi, tự tay bưng dọn các món thức ăn. Khi đại tướng đang bưng dọn thức ăn, chư thiên ở trên hư không nói rằng:

“Đây là A-la-hán. Người này là hướng A-la-hán. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít. Người này là A-na-hàm. Người này là hướng A-na-hàm. Người này là Tu-đà-hàm. Người này là hướng Tu-đà-hàm đạo. Người này là Tu-đà-hoàn. Người này là hướng Tu-đà-hoàn đạo. Người này con bảy lần tái sanh qua lại. Người này còn một lần tái sanh. Người này là Tùy tín hành. Người này là Tùy pháp hành. Người này là độn căn. Người này là lợi căn. Người này thấp kém. Người này tinh tấn trì giới. Người này phạm giới. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít.”

Đại tướng Sư Tử có nghe chư thiên nói thế, nhưng không để trong lòng. Khi thấy Như Lai ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Lúc bấy giờ Đại tướng Sư tử bạch Phật rằng:

“Vừa rồi con có chư thiên đến chỗ con, nói với con rằng ... Từ A-la-hán, cho đến người phạm giới, ông thuật lại đầy đủ lên Như Lai. “Con tuy có nghe những lời ấy, nhưng không để vào lòng, cũng không sanh ý tưởng rằng, nên bỏ vị này mà thí cho vị kia; bỏ vị kia mà thí cho vị này. Song con lại có ý nghĩ, nên bố thí cho hết thấy các loại hữu hình. Vì tất cả đều do ăn mà tồn tại; không ăn thì chết. Tự thân con nghe Như Lai nói bài kệ

ấy, hằng ghi nhớ trong lòng không hề quên mất. Bài kệ ấy như vậy:

*Bồ thí, bình đẳng khắp,
Không hề có trái nghịch,
Tất sẽ gặp Hiền Thánh,
Nhờ đây mà được độ.*

“Bạch Thế Tôn, bài kệ đó như vậy, mà chính con đã nghe Như Lai nói, hằng ghi nhớ kỹ và vâng làm theo.”

Phật nói với Đại tướng:

“Lành thay! Đó gọi là huệ thí với tâm bình đẳng của Bồ tát. Bồ tát khi bồ thí không khởi lên ý niệm rằng ‘Ta nên cho người này, bỏ qua người này.’ Mà luôn luôn huệ thí bình đẳng, với suy niệm rằng, ‘Hết thảy chúng sanh do ăn mà tồn tại, không ăn thì chết.’ Bồ tát khi hành bồ thí, cũng tư duy hành nghiệp này.”

Rồi Phật nói bài kệ:

[826c] *Những ai tu hạnh này,
Hành ác và hành thiện;
Người ấy tự thọ báo,
Hành không hề suy hao.
Người kia theo hành nghiệp
Mà nhận quả báo ấy;
Làm thiện được báo thiện,
Làm ác chịu ác báo.
Làm ác hay làm thiện,
Tùy theo việc đã làm.
Cũng như năm giống thóc,
Theo giống mà kết hạt.*

“Này Đại tướng Sư Tử, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng thiện hay ác đều tùy theo những gì đã hành. Vì sao vậy? Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Đạo, tâm không tăng giảm, không lựa chọn người, không xét đến hạng bậc của người ấy. Cho nên, này Sư Tử, nếu khi muốn huệ thí, hãy luôn niệm bình

đăng, chớ khởi tâm thị phi. Như vậy, này Sur Tù, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài kệ tùy hỷ²⁸:

*Thí vui, người yêu mến,
Được mọi người khen ngợi;
Đến đâu cũng không ngại;
Cũng không có tâm ganh tị.
Cho nên người trí thí,
Đẹp bỏ các tướng ác.
Lâu dài đến cõi thiện,
Được chư thiên đón mừng.*

Thế Tôn nói bài kệ này xong rồi, rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Bấy giờ Sur Tù nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Phàm nhà bố thí, nên thí chỗ nào?”

Thế Tôn nói:

“Tùy theo, tâm hoan hỷ chỗ nào, bố thí chỗ đó.”

Vua lại bạch Phật:

“Thí chỗ nào thì được công đức lớn?”

Phật đáp:

²⁸ Nguyên Hán: sản 嗔, chú nguyện hồi hương công đức sau khi ăn. Pali: *anumodana*.

“Vua đã hỏi nên thí chỗ nào, nay lại hỏi được phước công đức.”

Rồi Phật nói với Vua:

“Ta nay hỏi lại Vua, tùy theo sở thích mà trả lời.

“Này Đại vương, hoặc có con trai sát-lợi đến; hoặc con trai bà-la-môn đến; nhưng người đó ngu si, không biết gì, tâm ý thác loạn, hằng không định tĩnh. Nó đến chỗ Vua, hỏi Vua: ‘Chúng tôi sẽ phụng sự Thánh [827a] vương, tùy thời mà ngài cần đến.’ Thế nào, Đại vương có cần người ấy ở hai bên không?”

Vua đáp:

“Không cần, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Do người ấy không có trí tuệ sáng suốt, tâm thức không định tĩnh, không kham đối phó kẻ địch bên ngoài kéo đến.”

Phật bảo Vua:

“Thế nào, Đại vương, nếu có người sát-lợi hay bà-la-môn có nhiều phương tiện, không e ngại điều gì, cũng không sợ hãi, có thể trừ dẹp kẻ địch bên ngoài; người ấy đến chỗ Vua, tâu Vua rằng, ‘Chúng tôi tùy thời hầu hạ Đại vương. Nguyên ban ân mà chấp nhận.’ Thế nào, Đại vương, Vua có thâu nhận người ấy không?”

Vua bạch Phật:

“Vâng, bạch Thế Tôn, con sẽ thâu nhận người ấy. Vì sao vậy? Do người ấy có khả năng trừ dẹp ngoại địch, không e ngại, không sợ hãi.”

Phật nói với Vua:

“Ở đây, Tỳ kheo cũng vậy, các căn đầy đủ, xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hằng phục bốn.²⁹ Bồ thí đến vị ấy được phước rất nhiều.”

Vua hỏi Phật:

²⁹ Xem kinh 2 phẩm 46 trên và các cht.

“Thế nào là Tỳ kheo xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hàng phục bốn?”

Phật nói:

“Ở đây, Tỳ kheo xả bỏ năm triền cái, là triền cái tham dục, triền cái sân hận, triền cái thùy miên, triền cái trạo cử và nghi³⁰. Như vậy gọi là Tỳ kheo xả năm.

“Thế nào Tỳ kheo thành tựu sáu? Đại vương, nên biết, ở đây Tỳ kheo khi thấy sắc không khởi sắc tưởng, duyên vào đó mà giữ gìn nhãn căn; trừ khử niệm ác bất thiện mà thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi,³¹ thân, ý, không khởi ý thức³² mà thủ hộ ý căn. Như vậy gọi là Tỳ kheo thành tựu sáu.

“Thế nào là Tỳ kheo hộ trì một? Ở đây, Tỳ kheo buộc niệm trước mắt. Như vậy, Tỳ kheo hộ trì một.

“Thế nào là Tỳ kheo hàng phục bốn? Ở đây, Tỳ kheo hàng phục thân ma, dục ma, tử ma, thiên ma. Tất cả đều được hàng phục. Như vậy, Tỳ kheo hàng phục bốn.

“Đó là, Đại vương, xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bồ thí đến người như vậy được phước không thể lường. Đại vương, tà kiến và biên kiến tương ưng, những người như vậy mà thí cho thì không có ích.”

Khi ấy Vua bạch Phật:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, bồ thí cho những vị như vậy, phước đức không thể lường. Nếu cho một Tỳ kheo thành tựu chỉ một pháp, phước còn không thể lường, hà huống cho các vị khác. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm thân. Vì sao vậy? Ni-kiền Từ

³⁰ Nguyên Hán: điệu nghi.

³¹ Đề bản chép nhầm là khẩu (miệng).

³² Nguyên Hán: bất khởi ý thức. Có lẽ chép nhầm. Nên hiểu, ý nhận thức pháp, nhưng không khởi các tướng về pháp.

chủ trương thân hành, không chủ trương khẩu hành và ý hành.³³”

Phật nói:

“Những người Ni-kiền Tử ngu hoặc, ý thường thác loạn, tâm [827b] thức bất định. Vì pháp của Thầy họ là như vậy, nên họ nói như vậy. Báo ứng do bởi hành vi của thân mà họ phải chịu thì không đáng nói. Hành vi của ý thì vô hình, không thể thấy.”

Vua bạch Phật:

“Trong ba hành này, hành nào nặng nhất, hành bởi thân, hành bởi miệng, hay hành bởi ý?”

Phật nói với vua:

“Trong ba hành này, hành bởi ý nặng nhất. Hành bởi thân và hành bởi miệng, không đáng để nói.”

Vua hỏi Phật:

“Do nhân duyên gì mà nói hành bởi ý là tối đệ nhất?”

Phật nói:

“Phàm những hành vi mà con người làm trước hết được suy niệm bởi ý, sau đó mới phát ra miệng. Đầu phát ra miệng, khiến thân hành sát, đạo, dâm. Thiết căn bất định, cũng không có đầu mối. Giả sử người mạng chung, thiết căn vẫn tồn tại. Nhưng, này Đại vương, vì sao thân, miệng của người ấy không làm được gì cả?”

Vua bạch Phật:

“Vi người kia không có ý căn, nên mới như vậy.”

Phật bảo Vua:

“Do phương tiện này mà biết rằng ý căn là tối quan trọng, còn hai cai kia thì nhẹ thôi.”

³³ Đề bản chép nhầm: kể thân hành và khẩu hành, không kể ý hành. Xem *Trung 32* kinh 133: Ni-kiền Tử chủ trương thân phật quan trọng, còn khẩu và ý không quan trọng. Cf. Pāli, M. . 56 Upāli.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tâm là gốc của pháp;
Tâm chủ, tâm sai sử.
Ai với tâm niệm ác,
Mà hành động, tạo tác,
Theo đó mà thọ khổ,
Như vết lăn bánh xe.*

*Tâm là gốc của pháp;
Tâm chủ, tâm sai sử.
Ai trong tâm niệm thiện,
Mà hành động, tạo tác,
Người ấy nhận báo thiện,
Như bóng đi theo hình.*³⁴

Khi ấy vua Na-tu-nặc bạch Thế Tôn rằng:

“Đúng như Như Lai nói, người làm ác, thân hành ác, tùy theo hành ấy mà rơi vào đường ác.”

Phật nói:

“Vua quán sát ý nghĩa gì mà đến hỏi Ta, bố thí cho hạng người nào thì được phước nhiều?”

Vua bạch Phật:

“Xưa, có lần con đến chỗ Ni-kiền Tử, hỏi Ni-kiền Tử rằng, Nên huệ thí ở chỗ nào? Ni-kiền Tử nghe con hỏi lại luận sang vấn đề khác chứ không trả lời. Khi ấy Ni-kiền Tử nói với con rằng, Sa-môn Cù-đàm nói như vậy: Thí cho Ta được phước nhiều. Cho người khác, không có phước. Hãy bố thí cho đệ tử của Ta; không nên cho những người khác. Những ai bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được phước đức không thể lường.”

Phật hỏi Vua:

“Lúc bấy giờ Vua trả lời như thế nào?”

Vua bạch Phật:

³⁴ Pháp cú Pali, Dhp. 1-2.

“Lúc đó con suy nghĩ rằng, có thể có lý do đó. Huệ thí đến Như Lai, phước ấy không thể lường. Vì vậy nay hỏi Phật: Nên bố thí chỗ nào thì phước ấy không thể lường? Song, nay Thế Tôn không tự khen ngợi mình, cũng không chê bai người khác.”

Phật bảo Vua:

“Chính từ miệng Ta không nói như vậy [827c], rằng bố thí cho Ta thì được phước nhiều; còn cho người khác thì không. Nhưng điều mà ta đã nói, thức ăn dư trong bát mang cho người, phước ấy không thể lường. Với tâm thanh tịnh mà đổ thức ăn dư vào trong nước sạch, luôn luôn khởi lên tâm niệm rằng, các loài hữu hình ở trong nước này được nhờ ơn vô lượng. Huống chi là loài người.³⁵

“Nhưng, Đại vương, ở đây Ta cũng nói, bố thí cho người tri giới, phước ấy khó lường. Cho người phạm giới, không đủ để nói.

“Đại vương, nên biết, ví dụ như con trai nhà nông khéo cày xới đất, dọn dẹp các thứ ứ đọng, rồi mang giống thóc gieo vào ruộng tốt, ở đây rồi sẽ gặt hái hạt không thể hạn lượng. Còn như con nhà nông kia không chịu dọn đất, không trừ bỏ các thứ ứ đọng, mà gieo giống thóc vào đó, thì lượng thu hoạch không đáng để nói.

“Ở đây, với Tỳ kheo cũng vậy. Nếu Tỳ kheo nào xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn; Huệ thí cho vị đó, phước ấy không thể lường. Cho người tà kiến, không đáng để nói.

“Cũng như, Đại vương, người bà-la-môn mà ý không e sợ, có khả năng hàng phục kẻ địch bên ngoài; nên ví dụ người này với A-la-hán. Còn người bà-la-môn kia, mà ý không chuyên định, hãy ví dụ cho người tà kiến.”

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

³⁵ Doan văn này để bản chép sót. Xem kinh 3 phẩm 47.

“Bố thí cho người trì giới, phước ấy không thể lường. Từ nay về sau, có ai đến cầu xin, con sẽ không bao giờ trái nghịch.³⁶ Nếu chúng bốn bộ có ai đến cầu xin thứ gì, con cũng không nghịch ý, mà tùy thời cung cấp cho áo chăn, đồ ăn uống, giường chõng tọa cụ; và cũng bố thí cho các vị phạm hạnh.”

Phật nói:

“Chớ nói như vậy, Vì sao vậy? Bố thí cho súc sanh mà phước ấy con khó lường, huống chi bố thí cho người. Điều mà hôm nay Ta nói, là bố thí cho người trì giới thì phước khó tính kể hơn cho người phạm giới.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Hôm nay một lần nữa con xin tự quy y. Bởi vì, nay Thế Tôn ân cần cho đến cả những người ngoại đạo hằng phỉ báng Thế Tôn. Lại nữa, Như Lai không tham lợi dưỡng. Quốc sự ngôn ngang, nay con muốn về nghỉ.”

Phật bảo Vua:

“Nên biết đúng lúc.”

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc sau khi giết một trăm người con của bà mẹ kế,³⁷ lòng sanh hối hận:

³⁶ Đoạn văn này có nhảy sót nên không phù hợp với câu trả lời của Phật tiếp theo. Văn đầy đủ, xem kinh 3 phẩm 47 trên.

³⁷ Theo truyền thuyết Pali, Vua nghe lời sàm tấu giết Bandhula và 32 người con trai của ông này. Nhưng do thái độ không hận thù của vợ Bandhula là bà Mallikā-bandhula, vua khám phá ra sự sai lầm của mình nên rất hối hận.

[828a] “Ta gây nên nguồn ác thật quá nhiều. Ta cần gì nữa? Do ngôi vua mà ta giết một trăm người ấy. Ai có thể trừ nỗi sầu ưu này cho ta?”

Vua Ba-tu-nặc lại nghĩ:

“Chỉ có Thế Tôn mới trừ được ưu phiền này cho ta.”

Rồi Vua lại nghĩ:

“Ta không nên ôm mối sầu ưu này. Hãy im lặng mà đến chỗ Thế Tôn. Nên đi đến Thế Tôn với uy nghi của một ông Vua.”

Khi ấy vua Ba-tu-nặc bảo quần thần:

“Các người hãy nghiêm chỉnh xe lông chim*, như Vương pháp từ trước. Ta muốn ra khỏi thành Xá-vệ để thân cận Như Lai.”

Quần thần vâng lệnh vua, tức thì nghiêm chỉnh xe bảo vũ, sau đó đến tâu vua:

“Xa giá đã nghiêm chỉnh. Tàu Đại vương biết thời.”

Vua Ba-tu-nặc liền ngự xe lông chim, gióng chiêng, đánh trống, treo lụa là phướn lọng, quân hầu đều mang khôi giáp, binh khí; quần thần vây quanh trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi đi bộ vào trong. Như Vương pháp từ trước, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng là lọng, mũ thiên quan, quạt, kiếm và hài, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, úp mặt sát đất, lại lấy tay vuốt bàn chân của Như Lai, và trần thuật hết chuyện của mình:

“Con nay hối lỗi, sửa đổi lỗi lầm cũ, tu sửa điều sắp tới. Con ngu hoặc, không phân biệt chân ngụy, đã giết một trăm người con của mẹ kế vì quyền lực làm Vua. Hôm nay con đến sám hối. Cúi xin chấp nhận.”

Phật bảo:

“Lành thay, Đại vương! Hãy trở về vị trí cũ. Nay Ta sẽ nói pháp.”

Vua Ba-tu-nặc liền đứng dậy, cúi lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi của mình. Phật nói với vua:

“Mạng người mong manh, thọ lâu lắm không quá trăm năm. Không mấy ai sống đến trăm tuổi. Một trăm năm ở đây kể là một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số ngày trên đó, 30 ngày là một tháng. 12 tháng là một năm. Trời Tam thập tam kia thọ chính thức một nghìn tuổi. Tính theo tuổi loài người, ấy là thọ được mười hai vạn năm.³⁸

“Lại kể một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn hoạt. Ở đó, 30 ngày là một tháng. 12 tháng là một năm. Tuổi thọ trong địa ngục Hoàn hoạt là 5 nghìn năm, hoặc thọ nửa kiếp, hoặc thọ một kiếp, tùy theo những điều đã làm; cũng có kẻ yếu nửa chừng. Tính theo năm loài người, ấy là thọ một trăm ức tuổi.³⁹

“Người trí hăng suy nghĩ mà tu tập đầy đủ hành này, sao lại còn làm ác để làm gì? Vui ít, khổ nhiều, tai ương không kể hết. Cho nên, Đại vương, chớ vì thân mình, cha mẹ, vợ con, quốc thổ, nhân dân, mà thi hành nghiệp tội ác. Chớ thân của Vua mà tạo gốc rễ tội ác. Cũng như một chút đường,⁴⁰ mới nếm thì ngọt, nhưng sau đó khổ. Đây cũng [828b] vậy, ở trong cái tuổi thọ ngắn ngủi ấy, sao lại làm ác?

“Đại vương, nên biết, có bốn sợ hãi lớn hằng truy bức thân người, không bao giờ có thể ức chế; cũng không thể dùng chú thuật, chiến đấu, cỏ thuốc, mà có thể ức chế được. Đó là, sanh, già, bệnh, chết. Cũng như bốn hòn núi lớn từ bốn phương ập đến với nhau, làm gãy đổ cây cối, tất cả đều bị hủy diệt. Bốn sự kiện này cũng vậy.

“Đại vương, nên biết, khi sanh ra, cha mẹ ôm lòng sầu lo, khổ não, không thể kể hết. Khi sự già đến, không còn trai trẻ nữa, thân hình bại hoại; tay chân, gân khớp lỏng lẻo. Khi bệnh đến,

³⁸ Đế bản: mười vạn. TNM: mười hai vạn. Nhưng, con số không phù hợp với kinh 10 phẩm 17, nói “tuổi thọ trời Tam thập tam là một nghìn năm; cũng có vị nửa chừng yếu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm...”

³⁹ Con số này không phù hợp với số được kể trong kinh 10 phẩm 47 trên.

⁴⁰ Đế bản chớ thể chép sót. Nên hiểu là một chút mật đầu lưỡi dao.

lúc đang trai trẻ, mà không còn khí lực, mạng sống rút ngắn dần. Khi chết đến, mạng căn bị cắt đứt, ân ái biệt ly, năm âm tan rã. Đại vương, đó là bốn sợ hãi lớn, khiến cho không được tự tại

“Lại có người quen làm việc sát sanh, gây các căn nguyên tội ác. Nếu sanh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.

“Người quen thói trộm cướp, về sau sanh nhằm nghèo khổ, áo không đủ che thân, ăn không đầy miệng. Đó là do lấy tài vật của người, nên mới chịu như vậy. Nếu sanh trong loài người, phải chịu vô lượng khổ.

“Nếu người dâm vợ người khác, sau sanh trong loài người thì gặp vợ không trinh lương.

“Người nói dối, sau sanh làm người thì lời nói không ai tin, bị mọi người khi dễ. Ấy là do trước kia lừa dối đời, nói điều hư ngụy.

“Người ác khẩu, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người thì nhan sắc xấu xí, ấy là do tiền thân ác khẩu nên chịu báo ứng này.

“Người nói ý ngữ, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, trong nhà bất hòa, thường hay đấu loạn nhau. Sở dĩ như vậy, do báo ứng của việc làm bởi tiền thân.

“Người nói hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, thọ tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, gia thất bất hòa, thường có chuyện gây gỗ. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước gây đấu loạn đây kia.

“Người hay ganh tị kẻ khác, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, thường bị người ghét. Thấy đều do hành vi đời trước mà ra như vậy

“Người khởi tâm mưu hại, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, ý không chuyên định. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước móng tâm như vậy.

“Hoặc người quen theo tà kiến, chịu tội địa ngục. Nếu sanh trong loài người, phải điếc, mù, câm ngọng, không ai muốn nhìn. Ấy là do nhân duyên bởi việc làm đời trước.

“Đó là, Đại vương, do báo ứng của mười điều ác này [828c] mà dẫn đến tai ương như vậy, chịu vô lượng khổ; huống nữa là ngoài đó ra.

“Cho nên, Đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chứ đừng phi pháp. Lấy chánh lý mà trị dân, chứ đừng phi lý. Đại vương, nếu cai trị dân bằng chánh pháp, sau khi mạng chung thầy đều sanh lên trời. Đại vương sau khi mạng chung được nhân dân tưởng nhớ không hề quên, tiếng tốt lưu truyền xa.

“Đại vương, nên biết, những ai cai trị nhân dân bằng phi pháp, sau khi chết đều sanh vào địa ngục. Bảy giờ ngục tốt trói lại năm chỗ, ở trong đó chịu khổ không thể lường hết được; hoặc bị roi, hoặc bị trói, hoặc bị nện; hoặc chặt tay chặt chân, hoặc nướng trên lửa, hoặc rót nước đồng sôi lên thân, hoặc lột da, hoặc mổ bụng, hoặc rút lưỡi, hoặc đâm vào thân, hoặc bị cưa xẻ, hoặc bị giã trong cối sắt hoặc cho bánh xe cán nát thân, hay đuổi chạy trên núi dao rừng kiếm, không cho ngừng nghỉ; hoặc bắt ôm cột sắt cháy, hoặc móc mắt, hoặc xẻ tai, xẻo mũi, chặt tay chân; cắt rồi mọc trở lại. Hoặc bị bỏ cả thân mình vào trong vạc lớn; hoặc bị chia sắt quay lăn thân thể không cho ngừng nghỉ; hoặc bị lôi từ trong vạc ra mà rút gân xương sống làm dây buộc thân vào xe.⁴¹ sau đó lại cho vào địa ngục Nhiệt chích.⁴² Lại vào địa ngục Nhiệt thi. Lại vào địa ngục Thích. Lại vào địa ngục Hôi. Lại vào địa ngục Dao thọ. Lại bắt nằm ngửa, đem hòn sắt nóng bắt nuốt, lăn từ trên xuống khiến ruột, dạ dày bị cháy rục hết. lại rót nước đồng sôi vào miệng, từ trên chảy

⁴¹ Nguyên Hán: trì dụng trị xa, “dùng làm roi đánh xe (?) Nhưng, tham chiếu, *Trường 19* (tr. 124c28), nói về hình phạt trong địa ngục Vô gián.

⁴² Tên các địa ngục: Nhiệt chích 熱炙, nướng. Nhiệt thi 熱屎, phân nóng. Thích 刺, gai nhọn. Hôi 灰, tro. Dao thọ 刀樹, rừng dao. Tên tương đương và chi tiết, *Trường 19*, kinh 30 Thế ký, phẩm 4: Địa ngục.

xuống dưới. Trong đó, chịu khổ không cùng tận. Chỉ khi nào hết tội mới được thoát ra.

“Đại vương, sự kiện chúng sanh vào địa ngục là nhà vậy. Đều do đời trước cai trị không nghiêm chỉnh đúng pháp.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Trăm năm quen buông lung;
Về sau vào địa ngục.
Vậy có gì đáng tham,
Chịu tội không kể xiết?*

“Đại vương, cai trị đúng pháp thì tự cứu giúp được tự thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc, chăm lo quốc sự. Cho nên, Đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chớ đừng [829a] phi pháp. Mạng người rất ngắn; sống trên đời chỉ trong thoáng chốc mà thôi. Sanh tử lâu dài, nhiều điều đáng sợ. Khi cái chết đến, bấy giờ mới kêu khóc; gân cốt lìa tan, thân thể đông cứng; bấy giờ không ai có thể cứu được; không phải có cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thuộc hạ, quốc thổ nhân dân, mà có thể cứu được. Gặp tai họa này, ai có thể chịu thay cho? Duy chỉ có sự bố thí, trì giới, nói năng thường từ hòa không làm thương tổn ý người, tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Kẻ trí nên huệ thí,
Được chư Phật khen ngợi.
Cho nên, tâm thanh tịnh;
Chớ có ý lười biếng.
Vì sự chết bức bách,
Chịu khổ não to lớn.
Rơi vào đường dữ kia,
Không giây lát ngừng nghĩ.
Khi sự chết sắp đến,
Chịu khổ não vô cùng.
Các căn tự nhiên hoại,*

Vì ác không ngừng nghỉ.

*Nếu khi thầy thuốc đến,
Tập hợp các thứ thuốc,
Cũng không cứu nổi thân;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi thân tộc đến,
Hỏi tài sản trước kia;
Mà tai không nghe tiếng;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi dòi xuống đất,
Người bệnh nằm lên trên;
Thân hình như rễ khô;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi đã mạng chung,
Mạng, thức đã lìa thân;
Thân hình như gạch ngói;
Vì ác không ngừng nghỉ.*

*Hoặc khi là thân chết,
Thân tộc đến tha ma;
Không cậy nhờ ai được;
Duy chỉ cậy nhờ phước.*

“Cho nên, Đại vương, hãy tìm cầu phương tiện thi hành phước nghiệp, nay không làm, sau ăn năn vô ích.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Như Lai do phước lực,
Hàng phục Ma, quyến thuộc;
Nay đã được Phật lực.
Nên phước lực tối tôn.*

“Cho nên, Đại vương, hãy nhớ nghĩ tạo phước. Đã làm điều ác, hãy ăn năn, chớ đừng tái phạm.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tuy là nguồn cực ác,
Sám hối, vơi mỏng dần.
Khi ấy ở thế gian,
Gốc rễ đều diệt hết.*

“Cho nên, Đại vương, chớ vì thân mình mà thi hành việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, sa-môn, bà-la-môn, mà thi hành việc ác, tập quen hành ác. Như vậy, Đại vương, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

*Phi cha mẹ, anh em,
Cũng không phải thân tộc,
Mà tránh khỏi nạn⁴³ này;
tất cả bỏ, theo chết.*

“Cho nên, Đại vương, từ nay trở đi hãy theo đúng pháp mà cai trị, chớ theo phi pháp. Như vậy, Đại vương, hãy học điều này.”

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà.

Bấy giờ vua Ba-tu-nặc chiêm bao thấy mười sự kiện. Vua tỉnh giấc, hết sức kinh sợ, lo mất nước, mất thân mạng, vợ con. Sáng ngày, vua triệu các công khanh, đại thần, đạo ỹ và bà-la-môn minh trí, những ai có thể giải các điềm mộng, thấy đều được triệu tập. Rồi vua kể lại mười sự kiện chiêm bao hồi đêm, hỏi “Ai có thể giải được?” Có vị Bà-la-môn nói:

“Tôi giải được. Nhưng sợ vua nghe xong rồi không vui.”

Vua bảo:

“Cứ nói đi.”

⁴³ Để bản chép là ác. TNM: hoạn.

Bà-la-môn nói:

“Vua sẽ mất nước, mất Thái tử, và vợ.”

Vua nói:

“Sao, các người có thể cầu đảo trừ yểm đi được không?”

Bà-la-môn nói:

“Việc ấy có thể trừ yểm được. Hãy giết Thái tử và vị Phu nhân mà Vua quý trọng, cũng những kẻ thị tùng hai bên, và vị đại thần mà Vua quý mến, để đem tế Thiên vương. Có những ngọc cụ, bảo vật trân quý gì, đem đốt hết để cúng tế Trời. Như vậy, Vua và quốc thổ không có gì đổi khác.”

Vua nghe bà-la-môn nói mà hết sức lo rầu, không vui. Vua trở lại trai thất suy nghĩ về việc ấy. Vua có vị Phu nhân tên Ma-lợi, đi đến chỗ Vua, hỏi:

“Vua ý gì mà sầu lo không vui? Thần thiếp có điều gì lỗi làm đối với Vua chăng?”

Vua nói:

“Khanh không có lỗi gì đối với ta. Nhưng chớ hỏi đến sự việc ấy. Khanh mà nghe thì sẽ kinh sợ.”

Phu nhân trả lời Vua:

“Không dám kinh sợ.”

Vua nói:

“Không cần phải. Nghe rồi sẽ kinh sợ.”

Phu nhân nói:

“Tôi là phân nửa thân của Đại vương, có việc gấp rút cần giết một người như thiếp để Vua được an ổn, chẳng [829c] có gì phải sợ.”

Vua liền kể cho Phu nhân nghe mười sự kiện chiêm bao hồi đêm:

“Một, thấy ba cái vạc; hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa.

“Thứ hai, mộng thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn.

“Thứ ba, mộng thấy cây lớn trở hoa.

“Thứ tư, mộng thấy cây nhỏ sanh trái.

“Thứ năm, mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây.

“Thứ sáu, mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng.

“Thứ bảy, mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con.

“Thứ tám, mộng thấy bầy trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hiệp, chưa hiệp, không biết chỗ của trâu.

“Thứ chín, mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong.

“Thứ mười, mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ.

“Thấy xong, giật mình tỉnh dậy, hết sức kinh sợ, e rằng nước mất, bản thân, vợ con, nhân dân cũng mất. Sáng nay triệu tập công khanh đại thần. đạo nhân, bà-la-môn. hỏi xem ai giải mộng được. Có một người bà-la-môn nói, hãy giết Thái tử, và Phu nhân mà Vua quý trọng, cùng với đại thần, nô tỳ, để tế tự Trời. Vì vậy mà ta sầu lo.”

Phu nhân nói:

“Đại vương chớ sầu lo chiêm bao. Như người đi mua vàng, lấy lửa đốt, rồi để trên đá mà mài; tốt hay xấu tự nó hiện. Nay Phật ở gần đây, trong tinh xá Kỳ-hoàn. Nên đến hỏi Phật. Phật giải thuyết như thế nào, tùy theo đó mà làm. Sao lại đi tin lời ông Bà-la-môn cuồng si ấy để rồi tự mình sầu khổ, cho đến nổi như vậy?”

Vua nghe mới tỉnh ngộ, liền gọi quân hầu nghiêm chỉnh xa giá. Vua ngự trên một cỗ xe có lọng che cao; thị tùng cỡi ngựa đi theo có vài vạn, ra khỏi thành Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn, rồi xuống đi bộ, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, quỳ thẳng, chắp tay bạch Thế Tôn:

“Đêm qua nằm mộng thấy mười sự. Nguyện Phật thương xót giải thuyết cho con từng sự kiện một.”

Phật nói:

“Lành thay, Đại vương! Những điều Vua chiêm bao là điềm báo việc đời sau trong tương lai. Nhân dân đời sau sẽ không còn sợ cấm pháp, phổ biến dâm dật, ham muốn vợ con người, phóng tình dâm loạn mà không biết nhàm chán; đố kỵ, ngu si, không biết tàm, không biết quý; điều trình khiết thì bỏ, gian nịnh, siểm khúc loạn cả nước.

“Vua mộng thấy ba cái vạc. Hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa; đó là, nhân dân đời sau sẽ không cấp [830a] dưỡng người thân, kẻ khốn cùng; đồng thân thích thì không thân, ngược lại thân người dung giàu sang, giao du với nhau, biếu tặng lẫn nhau. Sự kiện thứ nhất mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn. Đó là, đời sau, nhân dân, đại thần, trăm quan trưởng lại, công khanh, vừa ăn lộc nhà quan, lại vừa ăn của dân. Thu thuế không ngừng. Quan lại cấp dưới làm chuyện gian; dân không yên, không ở yên nơi quê cũ. Sự kiện thứ hai mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy gốc cây lớn trở hoa. Đời sau, nhân dân phần nhiều bị sưu dịch, lòng dạ héo hon, thường có sự lo rầu, sợ hãi; tuổi mới ba mươi mà đầu bạc trắng. Sự kiện thứ ba mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy cây nhỏ sanh trái. Đời sau, con gái tuổi chưa đầy 15 mà đã cầu mong lấy chồng, ẵm con về nhà mà không biết xấu hổ. Sự kiện thứ tư mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây. Đời sau, khi người chồng đi buôn xa, hoặc vào quân đội chinh chiến, hoặc giao du với bạn bè đầu xóm cuối ngõ; người vợ mất nết ở nhà tư thông với đàn ông, ăn ngủ trên tài sản của chồng, phóng túng tình dục mà không biết xấu hổ. Chồng cũng biết nhưng bắt chước người giả bộ ngu. Sự kiện thứ năm mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng. Đời sau, kẻ hèn sẽ giàu sang, ngồi trên giường vàng mà ăn uống mỹ vị. Dòng họ quý tộc trở thành người hầu hạ. Nhà lành làm nô tỳ. Nô tỳ trở thành nhà lành. Sự kiện thứ sáu mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con. Đời sau, mẹ làm mai cho con gái, dẫn đàn ông vào buồng, rồi đứng canh cửa, để nhận được tài vật để tự nuôi thân. Cha cũng đồng tình, giả điếc không hay biết. Sự kiện thứ bảy mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy bày trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hiệp, chưa hiệp, không biết chỗ của trâu. Đời sau, quốc vương, đại thần, trưởng lại, nhân dân, đều không sợ luật pháp đại cầm, tham dâm, đa dục, cất chứa tài sản; vợ con lớn nhỏ chẳng ai liêm khiết; dâm dật, tham lam không biết chán; ganh tị, ngu si, không biết tầm quý; trung hiếu thì không làm, mà siểm nịnh, phá nước, không sợ gì trên dưới. Mưa sẽ không đúng thời, khí tiết không thuận, gió bụi nổi lên, cát bay, cây đổ; sâu rầy **[830b]** cắn lúa không để cho chín. Vua chúa, nhân dân đều làm như vậy, nên trời khiến như vậy. Bốn bên mây nổi; Vua Chúa nhân dân vui mừng, nói: Mây nổi từ phía, chắc chắn sẽ mưa. Nhưng trong chốc lát, mây tan hết, mà

hiện ra những chuyện quái dị. Đó là muốn cho vạn dân sửa đổi hành vi, thủ điều thiện, trì giới, kính sợ trời đất, không vào đường dữ; trinh khiết tự thủ, một vợ một chồng, tâm từ không giận. Sự kiện thứ tám mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong. Đòi sau, con người trong cõi Diêm-phù-địa, bề tôi thì bất trung; làm con thì bất hiếu; không kính trọng bậc trưởng lão, không tin Phật đạo; không kính đạo sỹ thông suốt kinh. Bề tôi thì tham ân tữ; làm con thì tham của cải của cha; không biết đền ơn, không đoái nghĩa lý. Ở biên quốc thì lại trung hiếu, biết kính bậc tôn trưởng, tin ưa Phật đạo, cấp dưỡng đạo sỹ thông suốt kinh, nhớ nghĩ đền ơn báo đáp. Sự kiện thứ chín mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Vua mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ. Người đời sau, các đế vương, quốc vương, không biết đủ với đất nước của mình, cát quân đánh nhau; sẽ chế tạo binh xe, binh ngựa, công phạt lẫn nhau; giết nhau máu chảy thành sông nên đỏ như vậy. Sự kiện thứ mười mà Vua mộng thấy, chính là như vậy.

“Tất cả đều là việc đời sau. Người đời sau, nếu ai để tâm nơi Phật đạo, phụng sự bậc đạo nhân thông suốt kinh, khi chết sẽ sanh lên trời. Nếu làm chuyện ngu si, lại tàn hại lẫn nhau, chết rơi vào ba đường dữ không thể kể hết.”

Vua nghe xong, quỳ dài chấp tay nhận lãnh lời Phật dạy, trong lòng hoan hỷ, được định huệ, không còn điều gì để kính sợ. Vua bèn cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi quay trở về cung; ban ân tữ cho Phu nhân, cất lên làm Chánh hậu, cấp cho nhiều tài bảo để bà bố thí cho mọi người, đất nước được trù phú. Rồi trước đoạt bổng lộc của các công khanh, đại thần, bà-la-môn, trục xuất khỏi nước, không còn tin dùng nữa. Hết thầy nhân dân đều hướng về Đạo chánh chân vô thượng. Vua và Phu nhân lễ Phật rồi lui về.

Bấy giờ Vua Ba-tư-nặc nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.⁴⁴

⁴⁴ Bản Hán, hết quyển 51. (3 Giêng, Ất Dậu).

Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti